Đại Đường Tây Vực Ký - The Great Tang Dynasty Record of the Western Regions [ĐCTT ĐTK 2087] (Huyền Trang; HT T

Lịch sử Phật giáo

Ñaïi Ñöôøng Taây Vöïc Kyù

Tác giả: Ngài Huyền Trang đời Nhà Đường Dịch giả: Thích Như Điển E-book created: Cao Minh

Mục Lục

Lời tựa 3

Bài tựa Đại Đường Tam Tạng Thánh Giáo của Vua Đường Thái Tông 9

Bài tựa thứ nhất.Đại Đường Tây Vức Ký 11

Bài Tựa thứ hai Đại Đường Tây Vức Ký 13

Quyển thứ nhất(34 nước) 15

Quyển thứ hai(3 nước) 34

Quyển thứ ba(8 nước) 55

Quyển thứ tư(Gồm 15 nước) 74

Quyển thứ năm (6 nước) 91

Quyển thứ sáu(4 nước) 110

Quyển thứ bảy(5 nước) 132

Quyển thứ tám (1 nước) 151

Quyển thứ chín(1 nước) 181

Quyển thứ mười(17 nước) 204

Quyển thứ mười một(23 nước) 225

Quyển thứ mười hai(22 nước).....247

Lời tựa Quý vị đang cầm trên tay quyển “Đại Đường Tây Vức Ký” được chuyển dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt là do kết quả của sự miệt mài dịch thuật của chúng tôi từ ngày 24 tháng 10 năm 2003 đến ngày 10 tháng 12 năm 2003 tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi nhân mùa nhập thất lần đầu tại đây. Xin tạ ơn Tam Bảo đã chiếu soi cho chúng con để lần dò từng câu văn, từng ý chữ mà Ngài Huyền Trang, một bậc danh tăng đời Đường đã thể hiện trọn vẹn hết tâm ý khi đi chiêm bái, học hỏi và ghi lại nơi Thánh Địa ròng rã trong 17 năm trời. Để rồi về lại kinh đô Tràng An với 657 bộ kinh bằng chữ Phạn. Ngài trải qua 110 nước và về sau cùng 100 vị Cao Tăng Học giả đương thời, dưới quyền

chủ tọa của Ngài, phiên dịch suốt trong vòng 19 năm, kể từ khi Ngài về lại Tràng An Trung Quốc, vào ngày 24 tháng giêng năm 645 (năm Trinh Quán thứ 19 đời nhà Đường). Ngài lên đường ra đi khỏi Trung Quốc vào năm Trinh Quán thứ 3 đời nhà Đường tức năm 628, lúc ấy Ngài đã 33 tuổi. Như vậy Ngài sinh vào năm 595 và Ngài thị tịch vào ngày mồng 5 tháng 2 năm 664, tại Ngọc Hoa Cung, hưởng thọ 69 tuổi. Ngài về lại Kinh Đô đúng 50 tuổi và chủ trì phiên dịch trong 19 năm ròng rã như thế và ngày nay Ngài đã để lại cho hậu thế một gia tài Pháp Bảo vô giá mà đông tây kim cổ khó có người thứ hai sánh kịp. Đây là một tập sách gồm 12 quyển và hai lời tựa được đăng trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, quyển thứ 51 thuộc Sử Truyện, bộ thứ 3 từ trang 867 đến trang 948, theo thứ tự kinh văn số 2087. Chỉ có 81 trang kinh mà chúng tôi phải dịch ròng rã gần 2 tháng dài. Mỗi ngày từ 5 đến 6 tiếng đồng hồ và kết quả là hơn 460 trang sách khổ A5 và gồm 127.264 chữ, như quý vị đang đọc. Đại Tạng Kinh không chỉ có một quyển mà cả một trăm quyển như thế. Mỗi quyển dày từ 1000 đến 2000 trang. Nếu một người để cả một đời ra đọc chưa chắc gì đã hết, đừng nói đến vấn đề phiên dịch. Bây giờ Phật Giáo Việt Nam đã bắt đầu cho phiên dịch nhiều phần từ Kinh, Luật, Luận trong Đại Tạng Kinh ra tiếng Việt. Trong đó phải nói rằng về phần Kinh Văn, Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm, Cố Hòa Thượng Thích Thiện Siêu, Cố Hòa Thượng Thích Huệ Hưng đã đóng góp dịch thuật phần chính. Về Luật Tạng có Cố Hòa Thượng Thích Hành Trụ, Cố Hòa Thượng Thích Thiện Hòa, Cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Cố Hòa Thượng Thích Trí Minh, Hòa Thượng Thích Đổng Minh v.v.....Về Luận Tạng có Cố Hòa Thượng Thích Khánh Anh, Cố Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, Cố Hòa Thượng -3-

Thích Trí Thủ, Cố Hòa Thượng Thích Thiện Siêu, Cố Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm, Cố Hòa Thượng Thích Trung Quán, Cố Hòa Thượng Thích Đức Niệm, Cố Thượng Tọa Thích Viên Đức, Cố Sư Bà Thích Nữ Như Thanh, Cố Sư Bà Thích Nữ Diệu Không v.v... đã đóng góp phần mình không nhỏ cho vấn đề phiên dịch từng loại như thế. Riêng phần Kinh Tạng Pali do Hòa Thượng Thích Minh Châu đã dịch gần xong tất cả Kinh Văn. Phần Luật và Luận do Chư Tôn Đức Trưởng Lão thuộc Phật Giáo Nguyên Thủy phiên dịch. Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh người chủ trương một Đại Tạng Kinh Việt Nam đã đang và sẽ cho Tăng Ni phiên dịch những phần còn lại, rồi san định trước sau để hình thành. Hiện nay Hòa Thượng đã cho xuất bản được 10 bộ. Một bộ Đại Tạng Kinh Việt Nam được hình thành trọn vẹn, chắc phải 200 bộ như thế, mỗi bộ dày chừng 1000 đến 2000 trang. Riêng bộ "Đại Đường Tây Vức Ký" nầy sở dĩ chúng tôi dịch trước vì nghĩ rằng chính đây là tấm bản đồ đầy đủ nhất, chi ly nhất mà đương thời từ năm 628 đến năm 645 tại Ấn Độ và Trung Hoa chưa có một người nào viết được một bộ Sử Phật Giáo như thế. Đây là kết quả của 17 năm trường mà Ngài Huyền Trang đã ở tại Ấn Độ. Đi đến đâu Ngài cũng ghi lại từ khí hậu, phong thổ cho đến tập quán và nhất là những câu chuyện liên quan đến cuộc đời đức Phật cũng như chư vị Bồ Tát, A La Hán. Số nước mà Ngài đã đi qua là 110, ngày nay chúng ta có thể gọi là những tiểu bang, vì ngày xưa mỗi một vùng có một ông Vua nhỏ, hoặc tù trưởng đứng đầu. Còn ngày nay, Ấn Độ chỉ còn một nước mà thôi. Chung quanh đó có một số nước, ngoài Ấn Độ như Ba Tư, Kasmir, Tân Cương v..v....là những nước lớn ta có thể kể riêng. nhưng tựu chung chỉ đi bộ và dùng

voi ngựa mà vượt qua được những chặng đường dài gần 50 ngàn dặm ấy thì quả thật thế gian nầy chỉ có một không hai. Nhờ bản đồ hành hương của Ngài qua truyện Đại Đường Tây Vức Ký nầy mà những nhà Học giả, những nhà Khảo Cổ Học người Âu Châu mới tìm đến Ấn Độ để xác nhận, tìm kiếm những di tích ấy vào cuối thế kỷ thứ 18 và cho đến nay thì bốn Thánh Địa căn bản của đức Phật từ khi Đản Sinh cho đến khi Thành Đạo, Thuyết Pháp lần đầu tiên và thị tịch Đại Bát Niết Bàn đã rõ ràng. Bây giờ các nhà Khảo Cổ Học người Nhật Bản vẫn còn đang tiếp tục tìm kiếm các di tích cũ ngày xưa cách đây 2547 năm về trước. Tất cả đều nhờ vào công đức của Ngài Huyền Trang đã vẽ cho chúng ta một tấm bản đồ cách đây 1375 năm (2003-628, là năm mà Ngài Huyền Trang 33 tuổi bắt đầu sang Ấn Độ) đây là một tấm bản đồ cũ nhất trong tất cả những tấm bản đồ của thế giới hiện nay. Đại Đường Tây Vức Ký nầy đã được dịch sang tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Nga và tiếng Việt hình như đây là bản đầu tiên. Vì cho đến nay, -4-

chúng tôi vẫn chưa đọc được một bản nào mô tả tỉ mĩ như thế. Gần đây chúng tôi có đọc được quyển "Đường Tam Tạng Thỉnh Kinh" của nhà văn Võ Đình Cường tái bản lần thứ 3 năm 2000 thì mới biết ngày 7 tháng 5 năm 1960, ông đã cho xuất bản cuốn "Huyền Trang", nhưng lúc ấy tại quê nhà tôi chưa có cơ duyên đọc đến. Căn cứ theo lời tựa lần thứ nhất xuất bản vào năm 1960, được biết rằng nhà văn Võ Đình Cường dùng tài liệu của Học giả Lương Khải Siêu người Trung Hoa soạn và nhờ Cố Hòa Thượng Thích Thiện Siêu, Cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ dịch tài liệu ấy ra tiếng Việt; nhưng phần mình, nhà văn không cho biết ông đã căn cứ vào tài liệu nào để viết. Dĩ nhiên phải có tài liệu chính trong tay, ông mới hoàn thành tác phẩm ấy được. Vì đây là một nhân vật lịch sử chứ không phải Dã sử hoặc Huyền sử, cho nên chúng ta phải làm sáng danh điều nầy. Nhân nghiên cứu để viết lời tựa cho quyển sách quan trọng nầy, chúng tôi mới thấy bài dịch của lời tựa Vua Đường Thái Tông đã viết vào năm 648 gồm 780 chữ mà Ngài Trí Thủ và Ngài Thiện Siêu đã dịch ra tiếng Việt thật tuyệt vời. Nay chúng tôi xin trích đăng lại cho đủ ba lời tựa cho phần đầu của dịch phẩm nầy. Trong chương 5, phần XVI về việc phiên dịch Kinh Điển, nhà văn Võ Đình Cường viết như sau: "Mùa thu năm sau, phụng mệnh Vua Thái Tông, Ngài thuật cho một đệ tử là Biện Cơ chép lại cuộc Tây Du của Ngài trong 17 năm trải qua 138 nước một cách tường tận....." Ở đây có thể phân tích một vài việc như sau: Có một điều chúng tôi thắc mắc là: "Ngài Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang phụng chiếu dịch" quyển nầy. Tại sao Ngài phải dịch? Lẽ ra phải nói là Ngài soạn mới đúng. Khi viết lại chắc Ngài phải viết bằng chữ Hán, nghĩa là đi đến đâu ngài chép đến đó. Chứ sau 17 năm về lại Trung Quốc làm sao nhớ hết mà kể lại cho ngài Biện Cơ soạn lại? Và một điều khó hiểu nữa - Không lẽ Ngài viết bằng chữ Phạn? - Chắc chắn là không. Vì tiếng mẹ đẻ của Ngài là tiếng Trung Hoa, khi qua đó Ngài đã 33 tuổi, trong khi tiếng Phạn chưa giỏi thì phải lấy tiếng mẹ đẻ làm chuẩn vậy. Thứ nữa ở trong Đại Tạng Kinh, Phần tựa thứ nhất cho biết Ngài đã đi 110 nước; trong khi đó ông Võ Đình Cường bảo đi đến 138 nước và ngay cả trong lời tựa thứ 2 trong Đại Đường Tây Vức Ký của Thượng Thơ Tả Bộc Xạ Yến Quốc Công Trương Thuyết có ghi là: Lời tựa của Tam Tạng Thánh Giáo do Vua Đường Thái Tông viết chỉ có 780 chữ" mà ông Võ đã viết là 781 chữ. Điều đó cũng dễ hiểu thôi vì ông cũng có nhận định rằng: "Ông

Lương Khải Siêu bảo rằng Ngài Huyền Trang sang Ấn -5-

Độ năm Trinh Quán nguyên niên là sai" và ông đã chứng minh là năm Trinh Quán thứ ba mới đúng. Điều chứng minh nầy của ông Võ đúng với Đại Tạng Kinh. Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Taisho Shinshu Daijokyo) là Đại Tạng Kinh được hoàn thành dưới thời Vua Đại Chánh (Taisho) Vua nầy là con của Vua Minh Trị Thiên Hoàng (Meiji Tenno). Vua Minh Trị đã có công duy tân đất nước Nhật vào năm 1868 cách đây 135 năm (2003- 1868) và sau khi Minh Trị Thiên Hoàng băng hà, Vua Đại Chánh lên ngôi. Ông Vua nầy trị vì không lâu; nhưng được một việc dưới thời ông Tam Tạng Kinh Điển bằng chữ Hán đã được sưu tập chỉnh lý và đóng lại thành bộ, để ngày hôm nay tại Trung Hoa, Đại Hàn, Việt Nam, Mỹ Quốc, có cơ hội căn cứ vào đó mà dịch thuật nghiên cứu. Vào thời ấy, năm 1923 đến năm 1933 (Đại Chánh năm 13 đến năm Chiêu Hòa thứ 7), Vua cho triệu tập 100 Học giả Tăng Sĩ và Cư Sĩ toàn là những vị đỗ Tiến Sĩ có trình độ Phật học thâm sâu kết thành bộ Đại Tạng Kinh nầy. Chúng ta biết rằng bản Đại Đường Tây Vức Ký nầy y cứ vào bản Đại Đường Tây Vức Ký của Kinh Đô Đế Quốc Đại Học (Kyoto Teikoku Daigakku) soạn ở trang 867 quyển 51. Như vậy đây là một tài liệu đáng tin cậy. Vì lẽ tài liệu từ Đại Học soạn dịch và dạy cho sinh viên ở Nhật phải nói là hoàn chỉnh hơn những tài liệu khác. Dĩ nhiên không phải là hoàn toàn đúng hết; nhưng tài liệu ấy ta có thể y cứ được. Đại Đường Tây Vức Ký được soạn từ năm 646, như vậy cách nay đã 1357 năm (2003-646) mà văn thời đó là cổ văn và dĩ nhiên những triều Tống, Nguyên, Minh, Thanh đều có sửa đổi lại cho hợp với câu văn của thời đại, để người sau đọc dễ hiểu hơn. Rồi đến thời Đại Chánh của Nhật Bản, tức hơn 1200 năm về sau, Đại Tạng Kinh nầy mới được hình thành tại Nhật và dĩ nhiên là đã được những học giả Nhật Bản san định lại một lần nữa theo sự hiểu biết của người Nhật qua tác phẩm Hán Văn trên. Rồi đến bây giờ 2003 đã hơn 100 năm như thế, ngay cả người Trung Hoa trong hiện tại, nếu không có học Phật và không rành cổ ngữ mà xem vào cũng giống như lội vào rừng chẳng có lối ra. Nghĩa là có thể đọc chứ phần hiểu biết thì rất ít. Còn phần chúng tôi cố gắng dịch sát từng chữ để cho đúng ý của tác giả; nhưng chắc chắn là phạm rất nhiều sai lầm. Lý do là thời gian quá lâu đã hơn 1300 năm, tác phẩm nầy mới dịch sang Việt ngữ và đã trải qua nhiều lần san định; nên chắc rằng vấp phải nhiều điều ngòai ý muốn. Chúng tôi được một điều là biết thêm tiếng Nhật, cho nên việc tra cứu có phần dễ hơn một ít. Riêng chữ Hán nào không rõ thì phải tra tự điển cùng với Thầy Đồng Văn để làm cho rõ nghĩa trước khi dịch. Thầy Đồng Văn biết nhiều chữ Hán và đã tốt nghiệp Tiến Sĩ Phật Học ở Ấn -6- -6-

Độ năm 2001 tại Đại Học New Delhi nên những phong tục tập quán và địa danh Thầy ấy tương đối rành rẽ. Sau khi dịch xong, chúng tôi trao qua Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, bào huynh của tôi cũng đã tốt nghiệp Đại Học Phật Giáo Thiền Tào Động (Komazawa) tại Nhật để xem lại cho thật kỹ một lần nữa, trước khi cho in thành sách. Cho nên có thể tin tưởng thêm một phần lớn của dịch phẩm nầy. Thêm vào đó, Hạnh Giới là đệ tử xuất gia của tôi cũng mới vừa tốt nghiệp Tiến Sĩ Triết Học về Tôn Giáo và Ngôn Ngữ Học tại Đại Học Hannover, Đức Quốc cũng đã phụ lực trong việc đánh máy, tham cứu bài vở trong khi dịch để dịch phẩm nầy được thành hình. Dịch phẩm nầy được thành tựu cũng không thiếu phần đóng góp của Thầy Tông Nghiêm, người Mã Lai, Cao Học

Phật Học, và chú Hạnh Tuệ, thị giả đã trợ lực cho Sư Phụ trong việc dịch thuật, vốn là điều cần trì chí mà sức khỏe con người có giới hạn, phải đầy đủ thời gian cũng như hoàn cảnh xung quanh tốt thì mới hoàn thành được dịch phẩm nầy. Khi đọc sách, quý vị sẽ gặp những danh từ của nước, của địa danh, đôi khi khó đọc hoặc sai khác với nhiều bản, chẳng qua đó là do sự phát âm sang tiếng Trung Hoa, chỉ tựa tựa với tiếng gốc chứ không hẳn là hoàn toàn đúng. Ví dụ ngày xưa chúng ta phiên âm chữ Hán khi đọc tên Montesqieu là Mạnh Đức Tử Kiêu, thì người Pháp đọc chắc họ cũng chẳng hiểu là ông nào vậy; nhưng đó là một cái lệ mà người Trung Hoa và người Nhật, người Đại Hàn vì muốn đọc được hết các tên địa phương, tên người của quốc gia đó; nên đã phiên âm ra như vậy, để ai cũng có thể đọc được. Phần nầy, người Việt Nam chúng ta có thể tiến bộ hơn vì đã để nguyên nguyên âm danh từ nước hay nhân vật của nước ấy để đọc thì quả là tiện lợi vô cùng. Lúc đầu khi đọc đến chữ "Tốt Đổ Ba" chúng tôi chẳng biết là nghĩa gì; nhưng sau mới biết là Ngài phiên âm chữ Stupa có nghĩa là Tháp hay Bảo Tháp. Nếu dịch thẳng ra tiếng Hán là Phù Đồ. Hoặc chữ "Đỗ Lợi Đa" nghĩa là Tushita cung trời Đẩu Suất. Hay chữ "Tu Đa La" có nghĩa là Sutra là Kinh tạng. Nếu không hiểu danh từ Phật Học khi gặp những chỗ nầy thật khó mà giải quyết. Quý độc giả sẽ không tìm được Trư Bát Giới, Tôn Hành Giả, Sa Tăng và con Bạch Mã trong tác phẩm nầy như Ngô Thừa Ân đã giới thiệu qua tác phẩm Tây Du Ký mà ngày nay người ta đã đóng thành phim, ai xem cũng thích ba nhân vật kia hơn là Đường Tam Tạng; nhưng thật ra Đường Tam Tạng mới là vai chính trong khi đi thỉnh kinh như thế. Dĩ nhiên trên đường đi Ngài cũng đã gặp những nước chỉ toàn là đàn bà không có đàn ông, qua sa mạc, qua sông Tín Độ chảy xiết, voi bị sụp nước, kinh bị ướt mất, qua núi Thống Lĩnh lạnh buốt v.v...nhưng không -7- -7-

có những yêu quái xuất hiện quá nhiều như trong Tây Du Ký đã mê hoặc độc giả. Những điều muốn nói, chúng tôi đã bộc bạch hết rồi. Mong rằng quý độc giả khi đi sâu vào nội dung của câu chuyện sẽ học hỏi được nhiều hơn. Tiện đây chúng tôi cũng xin phép tác giả họ Võ của quyển "Huyền Trang" và quyển "Đường Tam Tạng Thỉnh Kinh" cho in lại bài dịch ra tiếng Việt về lời tựa của Đại Đường Tam Tạng Thánh Giáo của Vua Đường Thái Tông mà Cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ và Cố Hòa Thượng Thích Thiện Siêu đã dịch năm 1960 để độc giả lãm tường. Cuối cùng đại chúng tại Tu Viện Đa Bảo gồm năm người đến từ Đức đã ở đây gần ba tháng dưới sự chăm sóc của Hòa Thượng Thích Bảo Lạc và Thầy Phổ Huân cũng như quý cô và quý Phật Tử chùa Pháp Bảo ở Sydney; xin đa tạ thâm ân đó. Nếu không có sự trợ duyên nầy thì phần nhập thất, dịch Kinh và tu học khó thành tựu được.

Dịch Kinh công đức thù thắng hạnh
Vô biên thắng phước đều hồi hướng
Khắp nguyện chúng sanh trong Pháp Giới
Đều được vãng sanh về Cực Lạc
Viết xong ngày 15 tháng 12 năm 2003 tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi nhân mùa nhập thất. Thích Như Điển

-8-

Bài tựa Đại Đường Tam Tạng Thánh Giáo của Vua Đường Thái Tông Trộm nghe rằng: “Trời đất có Tượng, chở che đã tỏ rạng đức Hàm Sinh; đông hạ vô hình, mưa nắng vốn âm thầm hóa vật. Bởi thế ngắm trời trông đất, kẻ dung ngu cũng so biết mối manh; thông âm rõ dương, bậc hiền triết thật khó cùng đầu số. Song le, trời đất bao hàm âm dương mà dễ biết là nhờ có tượng; âm dương ở trong trời đất mà khó cùng là bởi không hình. Cho biết: Tượng kia bày rõ đành rành, dù ngu cũng chẳng hoặc; hình nọ kín che mờ mịt, dẫu trí vẫn còn mê. Huống nữa, Phật đạo hư truyền, u thâm lặng lẽ; cứu khắp muôn vật, trị ngự mười phương. Nói đến uy linh thì tuyệt đối; nghĩ đến thần lực lại vô cùng. Lớn thì bao la ngoài vũ trụ; nhỏ thì thâu rút trong hào ly. Không diệt không sanh, trải ngàn kiếp mà chẳng cổ; như ẩn như hiện, diễn trăm phúc mãi đến nay. Đạo cả sâu huyền, noi theo mà chẳng biết đâu là bờ mé; pháp mầu thẳm lặng, kiếm tìm cũng chẳng thấu đến căn nguyên. Cho nên những kẻ phàm phu ngu xuẩn, dung tục tầm thường, nghe đến há không nghi hoặc được ư? Song Phật giáo khởi hưng, nền tảng xây từ Tây độ; Hán đình báo mộng, từ quang chiếu đến Đông phương. Nhớ ngày xưa hình tích vừa phân, chưa nói ra, người đều cảm hóa; vả lúc trước Phật còn tại thế, ngửa trông đức ai chẳng tuân theo; kịp đến khi ẩn bóng quy chơn, dung quang cách biệt; ánh vàng mờ tối, ba ngàn cõi chẳng chiếu hào quang; ngọc tượng phô bày, bốn tám tướng luống trơ hình dạng. Từ đó kim ngôn lan khắp, cứu vạn loại thoát khỏi tam đồ; di huấn truyền xa, dẫn chúng sinh đều lên thập địa. Nhưng mà chân giáo khó tin, được mấy kẻ nhất tâm quy ngưỡng; tạp học dễ tập, nào ai hay phân biệt chánh tà. Vì thế, không luận, hữu luận, quen thói tục, tranh thị tranh phi; Đại thừa Tiểu thừa, phải tùy thời thoạt suy, thoạt thịnh. Nay Pháp Sư Huyền Trang là bậc lãnh tụ chốn thiền môn. Nhỏ đà linh mẫn, tâm tam không(1) sớm tỉnh ngộ từ xưa, lớn lại thần tình, tánh tứ nhẫn(2) trước bao hàm đủ cả. Gió tùng trăng nước, chưa đủ ví thanh hoa; tuyết sáng ngọc trong, khó so bằng tư chất. Vậy nên, trí suốt thông không bị gì hệ lụy, thần soi thấu cả những việc chưa thành: vượt sáu trần xa hẳn lao lung; tột thiên cổ không ai sánh kịp. Lưu tâm nội cảnh, thương Chánh Pháp Suy vi; chú ý huyền môn, buồn thâm văn sai uyển. Nghĩ muốn chia điều chẽ lý, mở rộng chỗ học xưa; bỏ ngụy thêm chơn, khai thông kẻ hậu tấn. Vậy nên, lòng trông đất Tịnh, thân đến cõi Tây, mạo hiểm nghìn trùng, xông pha chiếc bóng. Ban mai tuyết phủ, đất mất đường đi; chiều xế, cát bay, trời mờ lối tới. Muôn dặm non sông, vén mây mù mà tiến bước; trăm tầng

nắng rét, đạp sương tuyết để lên đường. Nặng lòng thành coi nhẹ gian lao; mạnh chí quyết sở cầu nguyện đạt. Châu du Tây vức mười lẻ bảy năm. Trải khắp đạo tràng tham cầu chánh giáo. Song lâm bát thủy(3) , suy nếm mùi thiền; Lộc Uyển Thứu Phong, thánh cảnh. Vâng chí ngôn của đấng thiên thánh, lãnh chơn giáo với bậc thượng hiền. Tìm thấu cửa mầu, tin cùng nghĩa áo. Đạo nhất thừa cùng năm luật bộ, đầy dẫy tâm điền; văn bát tạng với ba hòm kinh, dập dồn khẩu hải(4). Những nước đã kinh lịch đi qua, tóm thâu được tám tạng(5) kinh văn, gồm có sáu trăm năm mươi bảy bộ, đem về dịch truyền bá khắp Trung Quốc, để tuyên dương thắng nghĩa. Dẫn mây Lành ở nơi Tây vức, rưới mưa Pháp vào chốn Đông thùy. Thánh giáo khuyết mà lại toàn, thương sanh tội mà lại phúc. Dập tắt ngọn lửa nồng hỏa trạch, dắt khỏi đường mê; lắng trong

làn sóng dục ái hà, đồng lên bờ giác. Thế mới biết, ác do nghiệp trụy, thiện bởi duyên thăng, cái cớ thăng hay trụy đều chỉ tại lòng người. Ví như: quế mọc trên đỉnh cao, sương móc mới thấm nhuần được ngọn; sen sanh trong nước biếc, bụi nhơ khó vấy bợn đến hoa. Đó không phải là tánh sen tự sạch, chất quế vốn trinh, chỉ bởi ở tại nơi cao, nên vật hèn không thể lụy; nương vào chốn tịnh, nên loại bẩn khó làm nhơ. Kìa như cây cỏ vô tri, còn phải nhờ thiện mới nên thiện; huống hồ loài người có biết, lại chẳng bởi lành mà thành lành. Những mong kinh này lưu khắp, trải bao nhật nguyệt vô cùng, phúc ấy nhuần xa, sánh với càn khôn vĩnh viễn. (Bản dịch của Cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ và Cố Hòa Thượng Thích Thiện Siêu. Sài Gòn ngày 7 tháng 5 năm 1960)

Chú thích: 1) Tam không: không, vô tướng, vô tác: ba môn giải thoát 2) Tứ nhẫn: Trong kinh Tư Ích về phẩm Tứ nhẫn nói: Bồ tát có bốn pháp nhẫn để tiêu trừ tội phá giới: một là vô sanh nhẫn, hai vô diệt pháp nhẫn, ba nhân duyên nhẫn, bốn vô trú nhẫn. Các vị Bồ tát quan sát bốn điều nhẫn này khi chứng được thì tội phá giới thảy được tiêu trừ. 3) Bát thủy: Tên tám con sông lớn Ấn Độ. Trong kinh Niết Bàn về phẩm Trường thọ nói rằng: Phật bảo ngài Ca Diếp, như tám con sông lớn, một Hằng Hà, hai Cát Ma La, ba Bát La, bốn A Di La Bạt Đề, năm Ma Hà, sáu Tân Đầu, bảy Bát Xoa, tám Tất Đà đều chảy về biển cả. 4) Khẩu hải: ý nói khẩu Thuyết thao như sóng biển

5) Tám tạng: Đại, Tiểu mỗi thừa đều có bốn tạng là kinh, luật, luận, tụng.

- 10 -

Bài tựa thứ nhất. Đại Đường Tây Vức Ký Thiết nghĩ: Cái nghĩa sâu xa thì chuyên chở vô cùng mà sự chứa nhóm của việc hiểu biết khác nhau tùy theo tâm tánh. Bàn đến chuyện trời đất cũng khó có chỗ cùng cực. Đất đai bao la rộng rãi, há chăng đây là bước đầu tiên. Muốn biết hết cái ý chí ấy mà chưa truyền đạt được. Mong nghe lời dạy dỗ mà chưa đến kịp. Há có thể hiểu được Đạo sao? Rành mạch về Thiên Trúc cũng vì nước nhà mà đến đó. Thánh Hiền là cầu nối bắc qua, nhân nghĩa ở đó đã thành tục lệ. Những việc như thế tuyệt nhiên thay cho túi đựng của Càn Khôn. Quả đất cách ngăn người và vật. Núi kia không kể thời gian năm tháng mà Vua cũng chẳng có thể ghi lại hết thành sách. Nhìn rộng ra thì như một khoảng trống không. Ít mong nơi dấu Trúc. Đàn hậu học rõ con đường bí lối, sai lầm phóng túng mà sức mạnh như hồ nước Cơ Thần. Bèn làm cho giá ngọc trong sáng như sao đêm. Hận cho sự huyền diệu đã trôi đi ngàn đời. Mộng và Ảnh theo nhau như mặt trời, mà cái ánh sáng thần kỳ ấy xa xôi trong vạn dặm. Kịp đến lúc nhớ đi tìm Đạo như Ma Đằng đã vào Lạc Dương. Kinh tạng nằm nơi nhà đá, cũng chưa hết nơi Long Cung. Hình tượng họa vẽ tươi đẹp mỹ miều như đỉnh cao Linh Thứu. Từ trước đến nay, thời thế chính sự nhiều lo âu, yểm người giỏi lên cầm quyền. Dân bỏ Đông Kinh mà trơ trọi một mình. Mẫu hậu soán ngôi, quét sạch trong Triều và đã xé ra từng mảnh. Hiến chương như một cái hòm bị bó lại. Đốt đuốc để cảnh tỉnh nhưng vẫn bị bế tắc. Bốn phía nhân đây mà lập nên nhiều thành lũy. Đâu có xa xôi đây bao nhiêu, mà những khách đến mua danh chuộc tiếng, trong đời khó biết dường bao. Sự lệch lạc đó vẫn còn ghi chú lại. Yên ổn cho đến đất đai cũng vậy, bỏ bê việc tinh thần, chưa hết lòng như lời sắc chỉ. Dẫu có muốn thống nhất cũng thật là công việc biên cương to lớn. Trên cản trở lòng thành nơi bốn biển mà phải thở than. Hướng về

phía đông như cái thoi liên kết. Đưa cao tiêu biểu trước cửa ngọc. Lại có nhiều người tin. Lợi lạc rộng rãi như khởi đầu của non cao. Che chở không những đầy đủ đời đời mà còn có thể chỉ lối Tuyết Sơn để đến. Hướng về Hồ Rồng mà chỉ một lòng. Chỉ vì cái Đức không bị vật uy hiếp mà chẳng thích hợp. Đại Đường của ta có thiên hạ, mở mang đất nước, lập ra đế quốc quét sạch sao chổi, tẩy trừ sạch sẽ từng lối trong cõi đời. Công ấy ngang hàng với tạo hóa. Ánh sáng rọi soi, người như được tái sanh. Cốt nhục mà giống như lang sói, nhà cửa được triều đình ban thưởng dài lâu. Trở lại hồn ma nơi mồ mả. Gồm chưng các loại nơi xa lạ. Che đậy xa gần hoang sơ hưng phế. Cung điện mười châu như cái hồ nơi biển cả. Năm đời Vua - 11 -

là Vương Triều thuở trước. Pháp Sư từ nhỏ đã gần gũi Phật Môn. Bùi ngùi to lớn nơi vườn nhà chưa rõ hành vi tông tích, lòng nhớ nghĩ lâu dài đến Thánh tích. Nguỡng vọng nơi Lộc Uyển với tâm cao ngất. Áo Y nơi cảnh Tịnh, thật ra chỉ lo nghĩ cho vẹn toàn. Gặp thuần phong tập tục ở phương Tây, rồi sau đó mang Giới Luật về Đông Độ. Năm Trinh Quán thứ ba, tay cầm tích trượng dò đường, để báo ơn Hoàng Đế bao đời trong cõi Tục, mà quên đi những khó khăn nguy hiểm chất chồng. Giả thật cũng là trợ duyên, đã đặt chân đến được nơi xa lạ ấy, đã gặp bao hiểm nguy như giá lạnh sương sa nhưng vẫn ra đi. Chỉ một lòng mong đến. Dùng ngôn ngữ để tìm Thật Tướng. Thấy hay không thấy, Có hay Không đều khảo sát tinh vi rõ hiểu. Nghe hay chẳng nghe, bởi vì việc sanh diệt, mở bày sự nghi ngờ như biển cả đã giác ngộ cho bao nhiêu kẻ còn mê. Tất cả đều nằm nơi kinh điển. Lời nói không cùng; nên cúi đầu trước Thánh tích. Chẳng có việc nào mà chẳng để ý đến, rồi mang trở về đây không ít, như cờ, xí, lọng, kinh. Vào tháng giêng năm Trinh Quán thứ 19 về đến Trường An, chở theo Kinh, Luận 657 bộ, được chiếu chỉ nên liền phiên dịch. Xem qua đã đi 110 nước. Những chuyện được kể ở đây rút ra trong 28 nước. Hoặc chính mắt thấy, hoặc chính tai nghe lại được chuyện xưa. Tuy mọi việc chưa ổn định, liền bắt tay vào việc lúc mới về, thỉnh mời thêm để dịch nghĩa, như bắc thang lên núi để tìm. Rồi hỷ hoan mừng rỡ như vỗ tay reo. Chịu nhận áo, mũ, cân, đai để thành lập. Tuy rằng gió mưa, sự vật có sự sai khác, tập quán núi sông cũng thế; nhưng phải cúi đầu nơi nước xa xôi kia. Rồi họp lại các bậc kỳ túc của triều đình gần xa; Nương vào việc hiện tại mà chẳng quản nài cực khổ làm chỗ căn bản, chỉ vẽ rõ ràng cho người xung quanh. Đặt tên là “Đại Đường Tây Vức Ký” gồm một quyển 12 tập. Quên đi mọi việc mà viết nên thành lời, rồi nối chắp lại với nhau để trở thành những lời đẹp đẽ ghi chép thành câu với con đường khó khăn ấy để bổ sung thành sách.

Thư Ký: Tả Lang kính viết lời tựa.

- 12 -

Bài Tựa thứ hai Đại Đường Tây Vức Ký Nếu ngọc đẹp sẽ mãi chiếu sáng lưu truyền, nước Cam Lồ nhuần thấm nơi Đại Thiên. Kính soi màu vàng giương cao chiếu sáng. Hương thơm của gió mang lại nơi nầy. Cho nên phải biết rằng đó là sự thị hiện nơi Tam Giới, bằng xưng là bậc đáng quý trong đất trời. Ánh sáng bốn bên làm tiêu chuẩn to lớn trong thiên hạ. Đây là ánh sáng trí tuệ được rạng soi. Rồi nhờ ngựa, voi mang về Đông Độ. Vua đã rộng đường mở lối, thành lập từng bước có tính cách Điển Chương. Tại Từ

Ân Đạo Tràng có Tam Tạng Pháp Sư húy Huyền Trang, tánh họ Trần. Trước tiên chở người qua sông, rồi ngựa xe của Vua đến rước. Kinh sách chở về lại chỗ bắt đầu. Đài cao cửa rộng, đã trải qua chốn núi non cao vót tạo thành. Ba điều cung kính chiếu soi nơi Vu Cơ được chuyên chở. Sáu điều kỳ dị được chiếu sáng từ đời Nhà Hán đến nay. Sách của Nhà Tần như ánh sáng của mặt trăng. Con đường ra đi ấy giống như cái Đức tụ lập của sao Mai. Phó thác nơi hiểm hóc liên tục như vảy cá. Vua vốn nhờ gió Nhà Tề che chở. Cứu đời là cái đẹp. Chở che làm cảnh như bao dung. Pháp Sư đã được sanh ra, bao hàm cả cái Đức, đã có gốc gác thâm sâu tươi tốt ấy, rồi được dẫn dắt vào chốn linh thiêng, mở ra một thời đại mới, như ánh sáng mặt trăng. Cát góp nhiều năm như hoa Lan xông đến, như mùi thơm của Quế, liền thành lập ngay những người giỏi giang cao quý. Chín bệ chờ nghe, năm phủ giao tiếp. Phải sớm rõ giả chơn. Kính cẩn triệu mời từ bi trí tuệ. Tấm gương chơn chánh ấy như nơm rợp cá, do sự sanh nhai luôn cần đến, mà dây chỉ đỏ được cột nơi mũ áo. Đó là cương giới buộc ràng. Xe quý, thuyền vững để đón người xuất thế. Do đó mà khách trần ai lưu lạc, rồi vào chốn nước đục. Lời nói khi trở về nhẹ nhàng rộng rãi làm cho huynh trưởng Tiệp Pháp Sư cũng là rường cột của dòng họ Thích mà thân thế cũng là bậc Long Tượng. Giống như con cò trắng của nơi nầy. Trong triều ngoài nội đâu đâu cũng nghe thấy tiếng. Liền vì tình thâm bằng hữu hòa kính với Thiên Nhan. Pháp Sư đã nghe lời chiếu chỉ. Những phần bị che lấp vì Nghiệp mà làm cho sáng tỏ phía trên. Kẻ ưu tú nơi nhà Thiền lấy cái Đức mà làm chuẩn mực. Bèn chia phòng ốc mà dịch sách, dịch kinh. Gói chín bộ kinh như ôm một giấc mộng, đánh trống, khơi nguồn sâu sắc. Cúi đầu bốn hướng mà cầu, từ đây biên thành chuyến ra đi qua việc hiểu biết mà đàm luận, đến được nhiều nơi như lòng đã thổn thức và việc ấy đã thành công. Có thể hoàn tất như trời đất mới bắt đầu ngày tháng. Tiếp xúc với sự vi diệu của thần linh, ai ai cũng đều vui vẻ, để phát huy sự linh thiêng ấy. Đây là lời vàng mở đầu, nhân mùa thu lạnh sương tuyết tràn đầy, - 13 -

ngọc bính vừa thắt vào cũng giống như sương kia ẩn tính nước. Nếu gặp bánh xe chuyển động, dụ như biết được giây đàn. Rót nước vào bình nghe rõ tiếng. Thuyền hư trôi nổi đi xa mà gặp được đất liền, thì trước tiên phải lo cho cái bụng đã xa rời làng xóm. Nổi trôi ở một góc xa xôi, xa rời cố quốc, cho nên nói rằng: Ngày xưa nghe người họ Cẩu cùng tám con rồng, còn nay thì thấy được cửa nhà họ Trần. Người luôn biết nhiều nơi lạ và nay chép lại những lời thành thật nầy. Pháp Sư từ nhỏ đến lớn, có cái tâm sâu sắc lúc ra đi tìm chân lý, danh ấy vẫn còn lưu lại ngày sau. Đem Kinh sách về, tiếng hay đồn khắp đó đây mà vẫn không quên gốc gác. Bẻ hoa làm đau sự thật; nên có sự học hỏi sai khác giữa nam và bắc, đúng sai chia rõ. Lời xưa như thế, hãy dùng cái tốt là chuyện hiển nhiên. Hoặc sợ sự tuyển dịch dẫm chân lên nhau, chưa có thể đi sâu hơn, muốn xông hương lời văn và sẽ để mắt vào nơi Long cung nữa. Đó là cái Đức tuyệt luân, đã đến thời kỳ làm cho rõ cái ý; nên đã chống tích trượng mặc Pháp y, lần dò theo biên giới. Đây là do sự mong muốn của Ngài, vượt qua núi cao thẳng đến nơi Thánh Tích. Sông đất nối dài quá nhiều nguy hiểm. Nếu không có nguyện vọng rộng lớn thì không thể đi xa; nên đã nương theo Ngài Pháp Hiển mà đến. Dùng bước chân của mình đến đó để nghiên cứu hoàn thành, ngay cả tiếng địa phương cũng thông suốt. Tìm cầu học hỏi mọi lẽ huyền vi và sự vi diệu vô cùng ấy cũng đã gặp. Văn từ ấy như con hạt

vàng mang về từ Thiên Trúc. Lời Kinh còn ghi trên lá Bối, mang về chỉnh trang lại. Thái Tông Văn Hoàng Đế đã ngự đến bằng xe vàng, mang Kinh Điển đặt lên chỗ quý, chở đi cẩn thận; rồi quanh khắp điện Vua. Qua chỗ hiểu biết, sắp đặt cho chỗ ăn chỗ ở, rồi tự tay ban bố chu cấp cho người tiếp tục. Cúi đầu bày vẽ chỗ sáng suốt hiểu biết và Vua đã ban cho lời Tựa cho Tam Tạng Thánh Giáo có 780 chữ. Nay vẫn còn tồn tại lời thuật của Thánh Ý. Trong đó có 579 chữ nhằm tán dương sự huyền diệu của kinh thơ và nêu cao ý chỉ, như một vệt sáng để chim có thể bay về rừng, mà ánh sáng ấy đã phát xuất từ non Linh Thứu. Há việc ấy đã giáng lâm. Phụng chiếu phiên dịch bản chữ Phạn gồm 657 bộ qua việc thấy, nghe, biết về những tục lệ khác ấy, chẳng mất tính chất đặc thù và địa dư cách trở. Nhân đây làm lời Tựa vào ngày mồng một để bắt đầu cho sự hiểu biết Giáo lý ấy mà viết lên Đại Đường Tây Vức Ký gồm có 12 quyển, biên chép sao lục những điển tích, cũng như những gốc gác rõ ràng. Lời nói ấy không mục nát vẫn còn ở lại nơi nầy. Thượng Thơ Tả Bộc Xạ Yến Quốc Công- Trương Thuyết soạn - 14 -

Quyển thứ nhất (34 nước)

Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang phụng chiếu Vua dịch Chùa Đại Tổng Trì, Sa Môn Biện Cơ soạn

1. Nước A Kỳ Ni
2. Nước Quật Chi
3. Nước Phạt Lục Già
4. Nước Xích Kiến
5. Nước Giã Thời
6. Nước Phế Hãn
7. Nước Tốt Đỗ Lợi Sắc Na
8. Nước Phong Mạc Kiến
9. Nước Nhi Chư Hạ
10. Nước Kiếp Bố Xương Na
11. Nước Quật Tương Nhi Ca
12. Nước Yết Hãn
13. Nước Bổ Yết
14. Nước Đại Địa
15. Nước Hóa Lợi Tập Di Dà
16. Nước Yết Sương Na
17. Nước Hằng Mật
18. Nước Diệt Ngạc Hạnh Na
19. Nước Nhẫn Lộ Ma
20. Nước Dụ Mạng
21. Nước Cúc Hòa Hằng Na
22. Nước Hoạch Sa
23. Nước Khả Xuất La

24. Nước Câu Mễ Đã
25. Nước Phược Già Lãng
26. Nước Ngật Lộ Tất Ni Kiến
27. Nước Nhẫn Lẩm
- 16 -
28. Nước Phược Yết 29. Nước Duệ Mạt Da 30. Nước Hồ Thật Kiến 31. Nước Đản Sắc Kiến 32. Nước Yết Thức 33. Nước Phạm Hành Na 34. Nước Ca Tất Thí Lịch sử được diễn ra để dâng hiến cho Hoàng Đế xem xét qua sự việc biên chép, gói ghém những lễ nghi đầu tiên đưa ra làm chấn động. Cái trục quay của bánh xe ấy, đã rũ xuống như chiếc áo che chở lúc ban đầu. Cho nên Ty Mục Lê Nguyên căn cứ vào đây mà chia ra cương lãnh. Huống hồ nhà Đường nhận được mệnh Trời từ Vua Nghiêu, ánh sáng ấy đã nhuần thấm bốn bể. Nhà Ngu, nhà Vũ đã thêm vào địa đồ, cái đức ấy đã nhuần khắp nơi chín cõi. Từ ấy đến nay, những việc Có, Không đều ghi nơi sách vở. Xa nghe nơi phía trước đã sửa đổi và sự nghe biết ấy ghi lại thành sử. Đó chẳng phải là lúc gặp Đạo Vận Vô Vi sao? Đại Đường của chúng ta tối cao trong trời đất, thừa thời cơ nắm lấy vận mệnh đã từ lâu, mười sáu nơi hợp thành cung nội, bốn mươi ba đời Vua liên tiếp chiếu soi. Sự huyền hóa ấy chan hòa khắp chốn. Gió lành mở cửa, cùng càn khôn chuyên chở, mưa móc nhuần thấm cỏ cây. Làm hưng thịnh phía đông và người phía tây phải triều cống. Sáng Nghiệp ấy chưa hoàn toàn thống nhất, nhưng đã trừ sạch những loạn quân phản chánh. Việc ấy đã hơn hẳn những vị Vua đời trước. Ví như văn hiến cùng cung cách trị nước đã thành công, chẳng ghi chép vào đây cũng không phải là sự tán dương không to lớn. Không được sự soi sáng thì làm sao Nghiệp Đế lại vững bền. Cho nên Huyền Trang mới theo đó mà đi được, đến ở nước kia, để khảo cứu những tập tục lạ. Nhờ lòng tin mà đã vượt qua năm ba cõi. Cùng với nơi kia bị gió mưa làm nhọc; nhưng vẫn chưa nói lời nào để tâng công, đã tự mình vượt qua quan ải, mới đến được các nơi ở Thiên Trúc, chỗ ấy chứa đầy tục lệ khác ta, đều là những nơi chưa hề quen biết, hoặc thừa lúc gió bấc mà thấm vào lời dạy. Đó là do sự huân tập của Người. Nói lên sự thật nơi cửa miệng. Lời văn thật hay nhờ cái Đức cao dày, vì đã xem xét rõ ràng mà được sự che chở. Cho nên thường nghe: Xa xôi mưu nghĩ về sách vở, mà sự thành thật không có hai. Nếu không có sự trung thực hà tất phải viết lại ở đây. Nay căn cứ theo sự thấy nghe ấy mà thuật lại. Ở thế giới Ta Bà nầy là một trong ba ngàn đại thiên quốc độ, Phật - 17 -

đã vì đây mà nhiếp hóa, ngày nay nhật nguyệt đã chiếu soi trong bốn châu thiên hạ. Căn cứ vào trong ba ngàn đại thiên thế giới ấy, chư Phật Thế Tôn đều vì đó mà giáo hóa, hiện đang sanh, hiện đang diệt. Cả đạo Thánh lẫn đạo Phàm mà Tu Di Sơn đã do bốn báu hợp thành nằm giữa biển lớn. Trên đó có bánh xe vàng, mặt trời, mặt trăng đều chiếu rọi. Đây cũng là nơi chư Thiên qua lại, dạo chơi nơi bãi núi, bãi biển ấy. Xoay tròn như thế, cho đến núi biển sông ngòi, trở thành nước tám công đức. Bên ngoài thất kim sơn kia là biển cả. Trong biển ấy cũng có thể ở được mà đại lược gọi là bốn châu thiên hạ. Phía đông có Tỳ Đề Ha Châu. Phía nam có Chiêm Bộ Châu (Diêm Phù Đề). Phía tây có Cù Đà Ni Châu. Phía bắc có Câu Lô Châu. Tất cả đều được bao bọc bởi Kim Luân Vương trong bốn châu thiên hạ. Ngân Luân Vương giữ gìn Bắc Câu Lô Châu. Đồng Luân Vương giữ Bắc Cu Lô và Tây Cù Đà Ni. Thiết Luân Vương ở Chiêm Bộ Châu. Phàm là

Luân Vương là kẻ làm Vua tùy theo phước báu và chiêu cảm để có được đại Luân Bảo. Nổi trôi trên hư không mà đến và được phân biệt bởi các danh từ: kim, ngân, đồng, thiết sai khác nhau thay vì nêu thứ tự của các cảnh giới là: thứ tư, thứ ba, thứ hai và thứ nhất. Nhân đây mà phóng ra ánh sáng đoan nghiêm để làm hiệu lệnh. Phía Thiệm Bộ Châu ở giữa có đất, lại có hồ Nhiệt Não. Núi Hương Sơn nằm ở phía Nam. Núi Tuyết Sơn nằm ở phía bắc. Chu vi tám trăm vạn dặm. Bên bờ lại được trang sức bởi kim, ngân, lưu ly, pha lê mà thành. Chung quanh có cát vàng bao bọc. Sóng trong xanh như tấm kính. Nơi đại địa Bồ Tát do nguyện lực mà hóa thành Long Vương lấy đó làm nhà. Ra khỏi nước trong mát kia, nơi cõi Chiêm Bộ Châu, có một cái hồ ở mặt phía đông, màu nước bạc chảy ra khỏi một cái miệng, lớn như miệng bò. Sông Hằng bao quanh hồ nầy, rồi nhập vào phía đông của biển. Mặt hồ phía nam như miệng của Voi, lưu chảy đến sông Tín Độ, vây quanh hồ một đoạn, rồi nhập vào phía tây nam của biển. Mặt hồ phía tây như lưu ly, giống như miệng của con ngựa và chảy đến sông Phược Sô, vây quanh hồ một lần, rồi nước đổ vào biển phía tây bắc. Mặt hồ phía bắc giống như miệng con sư tử Phả Thi chảy vào sông Đồ Đa, vòng quanh hồ một vòng rồi nhập vào phía đông bắc của biển. Hoặc nói rằng thấm vào đất, khiến cho sanh ra núi đá, tức là sông Đồ Đa, cũng gọi là sông khởi nguyên ở giữa nước Ấn Độ. Lúc ấy Vua Luân Vương ứng vận, đất đai ở Chiêm Bộ Châu có bốn vị chủ thần. Phía nam có Tượng Chủ, tức Trứ Thấp Nghi Tượng. Tây Bảo chủ giáp với biển quý. Bắc Mã chủ với Hàng Kinh Nghi Mã. Đông Nhơn chủ, cùng với con người tạo nên quốc gia Tượng chủ. Hay nóng nảy, thường làm điều sai trái và đặc biệt rất nhàn hạ với các nghệ thuật - 18 -

khác. Ăn mặc thì quấn ngang bên phải, đầu chia tóc ra bốn bên, thuộc loại ở nhà cửa lầu các. Đó là quê hương của Bảo chủ. Vô lễ nghĩa trọng tài vật. Chế ra đồ mặc ngắn, cắt tóc và để tóc mai dài ra. Cư trú nơi Đô Thành, thâu gặt buôn bán lấy làm lợi tức. Trong tục lệ của Mã chủ, trời sai hung bạo, tánh tình hay sát hại, lông bụng mọc nổi lên như chim có thể làm tổ được. Nơi con người làm chủ thì có phong tục, trí tuệ nhân nghĩa được chiếu sáng. Đầu đội mũ, áo mang đai bên phải như quân phục. Đất đai có nhiều loại và cày cấy trồng trọt có nhiều vụ. Trong ba vị làm chủ ấy, phong tục phương Đông đứng đầu. Họ ở nơi phòng ốc và cửa nhà hướng về phía đông. Ngày ngày vào mỗi buổi sáng hướng về hướng đông để lễ bái. Đất đai của con người nằm ở phía Nam, gồm nhiều vật quý. Phong tục đặc thù. Rất đặc biệt nhưng đại khái là như vậy. Họ đối với nhau bằng cái lễ của quân thần có trên, có dưới. Lấy hiến chương làm căn bản và đất đai của con người có giới hạn. Tâm trong sạch, thích nghe lời giải thích khi cần đến và muốn xa lìa nơi sanh tử theo lời dạy. Trong khi đó, nước Tượng chủ đang có cái lý ưu thế, liền mặc áo đi qua để cật vấn những tục lệ địa phương, rộng biết mở bày xưa nay và tra cứu rõ ràng việc nghe thấy. Cho nên từ đó, giáo pháp của Phật mới truyền sang Đông độ, thông dịch tiếng nói, ngôn ngữ của địa phương. Vì chú âm sai lầm nên ý nghĩa thường không đúng. Khi chữ sai thì lý trái ngược cho nên phải làm cho đúng vậy, đừng cho sai trái. Phàm làm người có cương nhu khác nhau, tiếng nói chẳng giống; nhưng đều giàu có về phong tục và khí hậu đất đai. Có nhiều phong tục được đặt ra. Sông, núi, sản vật, phong tục, tập quán tuy không giống nhau nhưng con người vẫn làm trọng tâm. Có sử sách nước mình ghi lại rõ ràng. Tục lệ của Mã Chủ, làng xóm của Bảo Chủ đã

được chuyên chở đầy đủ trên nhiều sử sách. Ở đây xin lược bớt. Nước Tượng Chủ, thì chuyện xưa chẳng rõ. Chỉ biết đất đai nóng và ẩm ướt. Những tập tục tốt và nhân từ được lưu lại. Nhưng còn vấn đề ở đâu, không thấy nêu lên rõ ràng. Há con đường ấy đã có, nhưng vô thường đã thay đổi vậy. Đời sau muốn hiểu biết phải tìm mà đến. Uống nước nên đến nơi bờ, vượt qua hiểm nguy mà đến nơi cửa ngọc. Cống hiến những điều kỳ lạ mà bái vọng. Bởi lẽ cái khó được mà nói được. Do lý nầy mà phải tìm đường để đi xa. Sự ích lợi ấy còn ghi lại cả phong thổ tập quán. Những đỉnh núi cao đã vượt qua; nhưng tục lệ của Hồ chưa rõ hết. Tuy con người có lớn nhỏ khác nhau, nhưng đều thông suốt và tộc loại có chia ra biên giới lãnh thổ. Đại khái về phong thổ, ăn mặc, xây dựng thành ấp, mùa màng, trồng trọt, ruộng vườn, gia súc, tánh tình hay quý trọng tiền tài. Có nơi tục lệ lại coi nhẹ nhân nghĩa. - 19 -

Giá thú không lễ nghi, tôn ty chẳng có. Có nơi trọng đàn bà, còn đàn ông thì không được trọng dụng. Chết thì thiêu, hài cốt còn vô số. Có chỗ thì mặt bôi than, tai cắt, tóc ngắn, mặc xà rông, giết hại súc vật để cúng tế thần linh. Đồ thì mặc nhiều lớp, hung ác, hèn hạ. Những phong tục như thế đều giản lược bớt, chỉ tuyển ra một vài tập quán với những chính sách đặc thù được chế ra, do từng địa phương khác biệt. Sau đây sẽ ghi lại những phong tục, ngôn ngữ của Ấn Độ, để xướng danh đất nước nầy cho những người gần xa. Đầu tiên là nước A Kỳ Ni. Nước A Kỳ Ni, đông tây hơn sáu trăm dặm. Nam bắc hơn bốn trăm dặm, chu vi của Thủ đô 67 dặm. Bốn phía bao bọc bởi núi non hiểm trở. Sông ngòi ao hồ, lấy nước đó làm ruộng. Ruộng ấy cấy lúa. Trồng hoa, trồng nho, lê và các thứ cây ăn quả khác. Khí hậu điều hoà, phong tục chất trực. Chữ nghĩa lấy từ tiếng Ấn Độ. Dùng vải thô để phục sức, cắt tóc không trang điểm. Tiền thì có tiền vàng tiền bạc và tiền đồng nhỏ. Vua của nước này là người dõng mãnh mưu lược; nhưng nước không có kỷ cương, luật pháp không chỉnh đốn. Nơi đây có hơn 10 ngôi chùa. Tăng tín đồ có hơn 2000 người. Họ theo Tiểu Thừa giáo, Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Kinh điển luật nghi đều học theo Ấn Độ. Sự học tập cũng như văn chương ấy đều lấy giới luật thanh tịnh làm đầu; nhưng dùng tam tịnh nhục, đại biểu cho Tiệm giáo vậy. Từ đây đi đến phía tây Nam hai trăm dặm hơn, phải qua một núi nhỏ, hai con sông lớn. Phía Tây có Bình Nguyên, đi hơn 700 dặm thì đến nước Quật Chi. Nước Quật Chi đông tây hơn ngàn dặm. Nam Bắc hơn 600 dặm. Thủ đô của nước này 78 dặm. Có trồng lúa mạch, nho, lựu và nhiều đào lê. Những thổ sản như vàng, đồng, thiếc, khí hậu phong tục ôn hoà. Chữ nghĩa cũng lấy từ Ấn Độ để cải biến thành. Đối xử tốt đẹp với các nước láng giềng. Ăn mặc bằng vải thô, tóc cắt ngắn. Tiền bạc dùng bằng đồng vàng, đồng bạc và tiền đồng loại nhỏ. Nước này có Vua mưu lược dõng mãnh, lại có những cường thần. Ở đây có nhiều sự biến thái của dân tộc. Chùa chiền hơn trăm cái. Tăng tín đồ hơn 5.000 người học tập theo Tiểu Thừa giáo thuộc Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Kinh giáo luật nghi đều lấy từ Ấn Độ. Đọc nguyên theo những bản văn chính. Theo tiệm giáo nên dùng tam tịnh nhục. Kẻ thanh tịnh được cung kính. Phía đông của quốc gia này có một ao rất lớn. Nơi đó xuất hiện nhiều con rồng hay lấy nhau với ngựa sanh ra ngựa rồng trông rất khó coi. Ngựa rồng được huấn luyện thuần thục. Cho nên nước này có nhiều ngựa hay. Nghe người xưa thuật lại rằng: Nhà Vua gần đây hiệu là Kim Hoa Chánh Giáo Minh Sát Cảm Long Mã Thừa. Vua muốn khi chết chưa hết tiếng; nên đã truyền lại

cho đến ngày nay. Ở trong thành không có giếng mà lấy nước từ ao hồ. Rồng cũng biến thành người, giao hợp với phụ nữ, sanh con mạnh mẽ như ngựa. Như thế những người ở đây đều thuộc giống rồng, dùng - 20 -

sức mạnh để ra uy không tuân theo Vương mệnh. Vua sát hại những người trong thành này, vì không có sách lược nên ít hại được ai và thành này bây giờ cũng không còn người nữa. Hoàng thành phía Bắc hơn 40 dặm giáp với núi và sông. Có hai ngôi chùa cùng có tên Chiếu Cổ Cốc; nhưng Đông Tây thì tùy xưng. Sự trang sức Phật tượng do nhân công làm lấy. Tăng tín đồ dùng trai thanh tịnh. Tại Phật đường Chùa Chiếu Cổ này có ngọc thạch. Mặt dài hai tấc, màu vàng và trắng giống như nước biển. Tại đây cũng có dấu chân của Đức Phật, chiều dài cở tám tấc, chiều rộng cở sáu tấc. Những ngày lễ lạc đều có thắp đèn. Bên ngoài cửa phía Tây của thành ở hai bên đường đều có dựng tượng Phật. Cao hơn 90 tấc. Nơi trước tượng này cứ mỗi 5 năm có một lần đại hội, cúng lễ mùa thu đến 10 ngày. Tăng tín đồ đều đến đây tập hội. Trên từ quân vương, dưới đến thứ dân theo phong tục này phụng trì trai giới. Thọ kinh thính pháp ngày này qua ngày khác. Chư Tăng sửa soạn Phật tượng nơi già lam dùng vải để trang sức, kết hoa nơi Phật tượng. Vương Đại Thần cũng hội nghị quốc sự cùng với cao Tăng, khi đông nhất có cả ngàn người vân tập thường vào ngày 15 mỗi tháng. Từ hội trường tây bắc qua sông đến A Nhã Lý có hai ngôi Già Lam, nơi đây thờ tự Phật tượng rất đẹp đẽ. Tăng tín đồ siêng năng tu học không giải đãi. Họ là những người có đức độ và học vấn cao. Xa xôi cách mấy cũng có nhiều người đến không dừng. Quốc Vương đại thần thứ dân tả hữu luôn luôn có tứ sự cúng dường và có tâm cung kính. Nghe người xưa nói lại rằng Vua đời trước rất sùng kính Tam Bảo, muốn đi chiêm bái các Thánh Tích, nên để cho mẹ và em nhiếp chính. Người em lãnh giữ, nhưng chưa tự phòng giữ được như vua anh, nên có vấn đề. Khi ngài trở về lại chẳng như ý nên Vua đã cho người khác thay thế. Những kết quả của Vua em làm đã tạo nên những việc loạn dâm trong triều đình cung nội. Khi Vua nghe được như vậy liền giận dữ muốn nghiêm phạt. Người em nói rằng : “Em muốn cho Vương Triều phát đạt tạo nên thế lực lớn, mà sanh ra kết quả khác thường như vậy. Có ngờ đâu sinh ra việc ấy”. Lại nói khi Vua đi du hành để lại những công việc triều chính, mà người em đã làm hại thì kết quả bây giờ đã có nhật nguyệt chiếu soi. Nhà Vua vì tình cảm anh em mà cho vào ra nơi cung đình không có nghiêm cấm. Sau đó Vua em đã tự tiện giết 500 con bò, thấy thế liền nghi mọi việc băng hoại. Chẳng qua là túc nghiệp của ta giống như loài bò nầy vì lòng từ thiện mà hy sinh vậy. Những kẻ có hình người nam không được nhập cung. Nhà Vua được điều trần trước sau như vậy; nhưng nhà Vua vẫn đặc biệt cho kiến tạo già lam xây dựng chỗ ở cho Tăng. Từ đây đến phía tây sáu trăm dặm, trải qua sa mạc nhỏ đến nước Phạt Lục Già. Nước Phạt Lục Già đông tây hơn 600 dặm. Nam Bắc hơn 300 dặm, - 21 -

chu vi thành nội 56 dặm, thời tiết phong tục điều hòa. Chữ viết dùng giống như nước Quật Chi. Tiếng nói ít đổi khác. Có sự giao thiệp với nước lân bang rất tốt. Chùa viện có hơn 10 cái. Tăng tín đồ hơn 1000 người tu theo Tiểu Thừa, thuộc Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Phía tây bắc hơn 300 dặm từ núi đá đến Lăng Sơn, phía nầy có núi cao và bình nguyên. Có nhiều sông chảy về hướng đông, núi cao có tuyết. Mùa xuân mùa hạ vẫn còn đóng băng, tùy lúc băng tan rồi trở thành nước. Đường đi hiểm trở, mùa đông gió

lạnh thê lương. Nơi đây đa phần những kẻ phạm nhân bị đày, đường đi khó khăn, chẳng mang theo được đồ dùng, kêu nhau lớn tiếng. Nếu có vi phạm thì nguy đến tính mạng. Gió thổi mạnh làm cát đá bay như mưa. Nếu ai gặp phải chẳng toàn sinh mệnh. Đi núi suốt như thế hơn 400 dặm thì tới ao rất lớn, nơi nầy còn gọi là biển nóng, chu vi ngàn dặm. Phía đông tây dài phía nam bắc thì hẹp, bốn phía đều là núi, nước chảy từ trên ấy xuống. Màu nước xanh đen, vị thường đăng đắng. Sóng chao gió đảo có rồng cá đủ loại, linh quái nổi lên. Cho nên khách vãng lai phải tạo phước. Những loài thủy tộc nầy đa phần là cá lớn. Ao nước nầy từ phía tây bắc đi hơn 500 dặm, đến thành Tố Diệp Thủy. Thành nầy chu vi 67 dặm, đây là nơi các nhà buôn bán ở với nhau lẫn lộn. Thổ sản ở đây là lúa mạch, nho, cây rừng. Khí hậu gió mùa rất lạnh, phía tây thành Tố Diệp nầy còn có mười thành khác riêng lẽ, thành nào cũng dài, nhưng không dùng đến. Tất cả đều loang lỗ. Từ thành Tố Diệp Thủy đến nước Yết Sương Na có địa danh là Tốt Lợi. Người cũng như vậy. Văn tự ngôn ngữ rất tùy tiện. Chữ căn bản rất đơn giản, chỉ có hai mươi chữ. Từ đó phát sanh lưu chuyển rộng rãi. Cũng có thư ký ngồi đọc kinh văn để phụ giúp những giáo thọ sư, ăn mặc đơn giản. Áo phủ đầu, nhưng tóc để lộ ra ngoài hoặc đôi khi che kín, trông hình dung thật khác thường. Tánh tình cũng vậy, phong tục thuần hóa nhưng không thành thật, nhiều tánh tham lam. Cha con kế thừa lợi tức, tiền càng nhiều càng quý. Tiền là trên hết. Có rất nhiều người giàu, tiền bạc lương thực, kẻ ăn người ở rất nhiều. Phía tây Tố Thành đi bốn trăm dặm hơn đến 1000 cái suối, người địa phương gọi là ngàn suối, cách hơn 200 dặm về phía nam, có núi Tuyết, ba mặt khác giáp bình nguyên, đất đai tốt tươi, cây trái xanh tốt. Những tháng mùa xuân có hoa lạ, nước nơi ngàn suối nầy cung cấp mà nên. Sau đó chảy vào nhiều nơi khác nhau, làm cho mọi nơi được xanh tốt. Người qua lại chỗ nầy chốn nọ cũng không có gì kinh sợ lắm. Họ thường quây quần với nhau. Kẻ có tội thì giết, không có ân xá. Cho nên sự sống thành tập đoàn nầy rất có ý nghĩa. Từ phía tây một ngàn suối nầy đi hơn 145 dặm đến thành Đản La Tu, thành nầy chu vi 89 dặm, các nước buôn bán tạp lục ở đây. Đất đai khí hậu cây cối ôn hòa, đi về phía nam hơn 10 - 22 -

dặm có một thành riêng biệt, nơi đó có 300 căn nhà, trong ấy có người ở. Ngày xưa chỉ là những hang động. Sau nầy thành nước non để cùng giữ thành nầy. Những người sống trong đó ăn mặc giống nhau, tiếng tăm lễ nghĩa vẫn còn bảo tồn. Từ đây đi qua phía tây nam hơn hai trăm dặm đến thành Bạch Thủy, thành nầy chu vi 67 dặm, đất đai thổ sản phong tục khí hậu hơn hẳn ở Đản La Tu. Phía tây nam đi hơn 200 dặm thì đến thành Cung Ngự, thành nầy chu vi 56 dặm, nơi đây có nhiều cây cối to lớn. Từ phía nam nầy đi hơn 45 dặm, đến nước Xích Kiến. Nước Xích Kiến chu vi hơn ngàn dặm, đất đai tốt tươi, nhà xây tường. Cây cỏ hoa trái sum sê, có nhiều loại nho quý. Thành ấp có trăm thành, mỗi thành có vị đứng đầu. Đến lui đi ở thưa trình. Tất cả tụ lại thành khu và tổng xưng là nước Xích Kiến. Từ phía tây bắc đi hơn 200 dặm, đến nước Giả Thời. Nước Giả Thời chu vi hơn ngàn dặm, phía tây giáp Diệp Hà, phía đông tây hẹp, phía nam bắc dài, đất đai khí hậu cũng giống như nước Xích Kiến. Thành ấp hơn mười cái, mỗi cái đều có vị đứng đầu, nhưng không có người tổng chỉ huy. Từ phía đông nam nầy, hơn ngàn dặm, đến nước Phế Hãn. Nước Phế Hãn chu vi bốn ngàn dặm. Bốn bề núi bao bọc, đất đai hẹp, nhà cửa xây tường, có nhiều hoa quả và ngựa dê. Khí hậu gió

mưa con người đều cương trực. Ngôn ngữ khác với các nước kia. Hình hài cũng khác biệt. Từ hơn mười năm không có vị đứng đầu. Vì lẽ ai cũng tranh quyền lực không phục nhau. Có hiểm họa sẽ chia đất. Từ phía tây đi đến hai ngàn dặm thì đến nước Tốt Đỗ Lợi Sắc Na. Nước Tốt Đỗ Lợi Sắc Na chu vi một ngàn bốn trăm năm chục dặm, phía đông giáp sông Diệp, từ sông Diệp nầy về hướng bình nguyên phía bắc, từ tây bắc chảy tiếp tục với lưu lượng nước chảy xiết, đất đai phong tục cũng giống như nước Giả Thời, từ xưa đã có Vương Phủ cai trị. Từ phía tây bắc vào đến sa mạc chẳng có cỏ nước gì cả. Giữa đường khó biết được biên giới nơi đâu, chỉ nhìn núi cao để tìm dấu vết, mới có thể biết được. Từ đó đi qua hơn năm trăm dặm nữa, đến nước phong Mạc Kiến. Nước Phong Mạc Kiến chu vi một ngàn sáu trăm bảy mươi dặm, phía đông tây dài, phía nam bắc hẹp, chu vi của thủ đô hơn 20 dặm, có nhiều Cư dân sinh sống. Có nhiều hàng hóa trân quý của các nước khác đem đến nước nầy, đất đai màu mỡ, nhà làm bằng gỗ và xây tường. Cây cỏ hoa quả tốt tươi, nơi đây có nhiều ngựa quý và có nhiều đồ công nghệ tốt đẹp. Khí hậu ôn hòa, phong tục sống động. Phàm các nước lân cận đến nước nầy, phải theo quy tắc xa gần mà giữ lấy. Vua của nước nầy tôn trọng luật pháp của lân bang. Binh mã hùng dũng, đa phần giống - 23 -

như tánh cách hùng dũng của người nước Giã Thời và nước Yết Sương Na, xem nhẹ sự chết không luyến tiếc. Từ đây đến phía đông nam đi đến nước Nhi Mạc Hà. Nước Nhi Mạc Hà chu vi bốn trăm năm chục dặm, có nhiều sông; đông tây hẹp, nam bắc dài, đất đai phong tục giống như nước Phong Mạc Kiến. Từ phía bắc đến nước Kiếp Bố Đãn Na. Nước Kiếp Bố Đãn Na chu vi 1450 dặm, phía đông tây dài, phía nam bắc hẹp, đất đai phong tục giống như nước Phong Mạc Kiến. Từ nước nầy đi về phía tây hơn 300 dặm, đến nước Quật Tương Nhi Ca. Nước Quật Tương Nhi Ca chu vi một ngàn bốn trăm năm mươi dặm, đông tây hẹp, nam bắc dài, đất đai phong tục giống như nước Phong Mạc Kiến. Từ nước nầy đi qua phía tây hai trăm dặm hơn đến nước Yết Hãn. Nước Yết Hãn chu vi hơn một ngàn dặm, đất đai phong tục giống như nước phong Mạc Kiến, từ phía bắc nước nầy đi về phía tây hơn 400 dặm đến nước Bổ Yết. Nước Bổ Yết chu vi một ngàn sáu trăm bảy mươi dặm, đông tây dài nam bắc hẹp, đất đai phong tục giống như nước Phong Mạc Kiến. Từ nước nầy đi về phía tây hơn bốn trăm dặm đến nước Đại Địa. Nước Đại Địa chu vi hơn bốn trăm dặm, đất đai phong tục giống như nước Phong Mạc Kiến, từ đây đi về phía tây nam hơn năm trăm dặm, đến nước Hóa Lợi Tập Di Già. Nước Hóa Lợi Tập Di Già hai bên có sông bao bọc, đông tây hơn hai mươi ba dặm, nam bắc hơn năm trăm dặm, đất đai phong tục giống như nước Đại Địa, ngôn ngữ không khác mấy. Từ nước phong Mạc Kiến đi về phía tây nam hơn 300 dặm, đến nước Yết Tương Na. Nước Yết Tương Na chu vi một ngàn bốn trăm năm chục dặm, đất đai phong tục giống như nước Phong Mạc Kiến, từ đây đi về phía tây nam hơn hai trăm dặm đến núi, đường núi hẹp rất nguy hiểm ít người qua lại, hiếm cỏ cây và nước. Từ núi phía đông nam đi hơn ba trăm dặm, qua một cái cổng làm bằng sắt, hai bên cổng sắt núi non bao phủ, càng lúc càng hẹp, sự hiểm trở càng nhiều hơn. Đường hai bên đá dựng đứng màu sắc giống như màu thiếc, tất cả đều giống như thiếc vậy. Có nhiều chuông làm bằng sắt treo nơi cửa ra vào để kiểm tra sự nguy hiểm. Ra khỏi cổng sắt đến nước Đỗ Hóa La. Nước nầy nam bắc hơn ngàn dặm, đông tây hơn ba ngàn dặm, phía đông

nguy hiểm có núi cao, phía tây tiếp xúc với Ba Lặt Kỳ, phía nam - 24 -

có núi tuyết, phía bắc có cổng sắt, chung quanh sông ngòi bao bọc chảy về hướng tây, từ hơn một trăm năm nay, vương tộc không có người nối quyền. Do vậy những thế lực cạnh tranh với nhau để nắm quyền, thật là nguy hiểm. Nước nầy chia làm 27 nước nhỏ, chỉ có một khu tổng hành dinh. Khí hậu nơi đây khá ôn hòa nhưng dễ sinh bệnh. Cuối mùa đông đầu mùa xuân, luôn luôn có mưa phùn, do vậy cảnh trí ở phía nam ôn hòa hơn phía bắc, phong thổ của nước nầy thuộc ôn đới nên có nhiều bệnh tật. Vào ngày 16 tháng 12 Tăng tín đồ của nước nầy vào an cư đến 15 tháng 3 thì giải chế, mùa nầy cũng là mùa mưa cho nên cũng thích hợp vậy. Phong tục nầy đã lâu đời, mọi người tuân theo tin tưởng vào sự tu học. Ngôn ngữ được dùng khá khác biệt với các nước khác. Chữ gốc chỉ có 25 chữ, từ đó phát triển ra, để dùng viết thư, chữ viết ngang, đọc từ trái qua phải. Ngôn ngữ đa phần giống như chữ của nước Tốt Lợi, y phục, hàng hóa dùng tiền để mua, đối với nước nầy từ sông phía bắc xuống hạ lưu đến nước Đãn Mật Quốc. Nước Đãn Mật Quốc chu vi đông tây hơn 600 dặm, nam bắc hơn 400 dặm. Thủ đô của nước này hơn 20 dặm. Đông Tây dài, Nam Bắc hẹp. Có hơn 10 cảnh chùa. Tăng tín đồ hơn 1.000 người. Nước này nằm gần biên giới của nước Tốt Đỗ Lợi. Nơi đây, có xây nhiều ngọn tháp; nhưng nay đã không còn. Các tượng Phật cũng như các tượng thần linh dáng vẽ khác nhau. Đi đến phía Đông thì gặp nước Diệt Ngạc Hạnh Na. Nước Diệt Ngạt Hạnh Na chu vi đông tây 400 dặm hơn. Tây bắc hơn 500 dặm. Chu vi thủ đô hơn 10 dặm. Chùa chiền có năm cơ sở. Tăng tín đồ rất ít. Đi đến phía đông là nước Nhẫn Lộ Ma. Nước Nhẫn Lộ Ma chu vi đông tây hơn 100 dặm. Nam bắc hơn 300 dặm. Chu vi của thủ đô hơn 10 dặm. Nước này có Vua. Chùa có hai ngôi. Tăng tín đồ trên 100 người. Phía đông giáp nước Dụ Mạn. Nước Dụ Mạn chu vi đông tây hơn 400 dặm. Nam bắc hơn 100 dặm. Chu vi thủ đô hơn 16,7 dặm. Nước này cũng có Vua. Chùa có hai ngôi. Tăng tín đồ rất ít. Phía Tây nam giáp với sông. Kế đến là nước Cúc Hòa Hạnh Na. Nước Cúc Hòa Hạnh Na chu vi đông tây hơn 200 dặm. Nam bắc hơn 300 dặm. Chu vi của thủ đô hơn 10 dặm. Có ba ngôi chùa. Tăng tín đồ hơn 100 người. Phía đông giáp nước Hoạch Sa. Nước Hoạch Sa chu vi đông tây hơn 300 dặm. Nam bắc hơn 500 dặm. Thủ đô 16,7 dặm. Phía đông thì giáp nước Khả Xuất La. Nước Khả Xuất La chu vi đông tây hơn 1.000 dặm. Nam Bắc hơn 1.000 dặm. Thủ đô của nước này hơn 20 dặm. Phía đông giáp với núi cao. Tiếp đến nước Câu Mê Đa. - 25 -

Nước Câu Mê Đa chu vi đông tây 2.000 dặm. Nam bắc hơn 200 dặm. Giữa nước có núi cao. Thủ đô chu vi hơn 20 dặm. Phía tây nam giáp với sông hồ. Phía nam giáp với nước Hộ Khí. Qua phía nam vẫn còn sông. Tiếp với nước Đạt Ma Tất Thiết Đế, nước Bát Thích Sáng Na, nước Dâm Bạt Kiến, nước Quật Lãng Nô, nước Ma Đẳng La, nước Bát Lợi Yết, nước Cật Phiếu Sắc Ma. Nước Yết La Hồ. Nước A Lợi Ni. Nước Tào Kiến. Nước Tự Hoạt. Đi về hướng đông nam, đến nước Khoát Tất Đa và nước An Đãn La. Trong hồi ký, viết rằng từ nước Hoạt đến phía tây nam là nước Phược Gia Lãng. Nước Phược Gia Lãng chu vi đông tây 50 dặm. Nam bắc 200 dặm. Thủ đô hơn 10 dặm. Phía nam tiếp với nước Ngật Lộ Tất Ni Kiến. Nước Ngật Lộ Tất Ni Kiến chu vi hơn 1.000 dặm. Thủ đô hơn 14 dặm. Phía tây bắc giáp với nước Nhẫn Lẩm. Nước Nhẫn Lẩm chu vi hơn 800 dặm. Đô thành chu vi 56 dặm. Nơi đây có 10 ngôi chùa. Tăng tín đồ hơn 500 người. Phía tây giáp

với nước Phược Yết. Nước Phược Yết, đông tây hơn 800 dặm. Nam bắc hơn 400 dặm. Phía bắc có nhiều sông ngòi. Thủ đô chu vi hơn 20 dặm. Người ở đây thường gọi Tiểu Thành Vương Xá. Tuy nhiên trong thành sống rất ít người. Đất đai màu mỡ. Sản vật rất nhiều. Hoa quả cũng lắm loại. Già Lam có hơn 100 ngôi. Tăng tín đồ trên 3.000 người. Tất cả đều theo Tiểu Thừa. Phía ngoài thành tây nam có Già Lam lớn do tiên đế đã kiến thiết nên. Có các vị Đại Luận Sư tập họp ở núi tuyết phía Bắc. Chỉ có nơi Già Lam này là tuyệt đẹp không thể xưng tán hết. Những tượng Phật là những bảo vật trân quý vô giá. Chùa trang hoàng những bảo vật rất lộng lẫy. Vì vậy có nhiều nước lân bang công kích. Chùa này có tượng Tỳ Sa Môn Thiên Vương. Những vật quý được bảo vệ nơi đây. Gần đó lại có những hang động. Vì lẽ có khuynh hướng sống theo bộ lạc cho nên hay di động, mà Gia Lam này trở thành biểu tượng trân quý. Trong quá khứ điều này khó có được. Có người trong đêm mộng thấy vị Tỳ Sa Môn Thiên Vương nói rằng: - Nếu nhà ngươi có sức lực cũng không nên phá hoại Già Lam này. Vì đây là não bộ của con người. Nếu phá đi thì con người sẽ bệnh hoạn. Trong mộng cũng báo rằng nên thỉnh chư tăng sám hối lễ tạ. Nếu trái lại thì có nguy cơ. Trong đất Già Lam này ở phía nam Phật đường có nhiều tượng Phật màu sắc vàng của đá khác nhau. Đây cũng có răng Phật, chiều dài hơn mấy tấc, chiều rộng 8, 9 phân. Răng có màu vàng màu trắng chiếu ánh sáng, lại cũng có áo Cà Sa của Phật ngay cả Y Tăng Già Lê cũng có. Chiều dài hơn hai thước, chiều ngang bảy tấc. Gồm - 26 -

nhiều vật quý hợp thành. Ba vật quý này mỗi năm đến kỳ tế lễ chư Tăng đem trần thiết trang hoàng, để cúng dường. Vì sự chí thành cảm ứng nên răng đã phóng quang. Phía bắc của chùa này có tháp cao hơn 20 thước. Gọi là tháp Kim Cang. Trong đó trang trí nhiều đồ quý và ở giữa có thờ Xá Lợi rất quý giá. Phía tây nam của Chùa có một tinh xá thành lập đã lâu đời. Xa gần lui tới toàn những bậc cao đức. Họ chứng thánh quả không nói hết được. Tại đây cũng có Vị A La Hán đã nhập Niết Bàn và đã thị hiện thần thông mọi người biết được. Cho nên những tháp khác được mọc lên số kể hơn 100 ngôi. Tuy chứng thánh quả; nhưng không phải tất cả đều biến hoá. Quả việc này có ngàn cách khác nhau không ghi hết được. Lúc đó Tăng tín đồ hơn 100 người ngày đêm túc trực nơi đền thánh. Chu vi thành hơn 50 dặm. Tiếp đến là thành khác. Thành phía bắc hơn 40 dặm. Tiếp đó có thành Ba Lợi. Ở trong thành có một ngôi tháp cao 3 thước. Ngày xưa nơi đây Như Lai đã sơ chứng Phật quả. Sau khi rời khỏi cây Bồ Đề có hai vị trưởng giả người Miến Điện gặp Ngài với oai đức uy nghiêm. Dáng đi trầm mặc thong thả. Thế Tôn vì người mà nói phước báu của nhân thiên. Thế Tôn đã truyền ngũ giới thập thiện cho họ. Sau khi nghe Pháp họ đã cúng dường mật ngọt. Như Lai đã cho họ tóc và móng tay. Hai trưởng giả này về lại nước với lòng tôn kính vô biên. Như Lai đã làm việc ấy khi Tăng Già chưa thành lập. Kế đến là dâng Uất Đa La Tăng y và những y áo khác cũng như bình bát. Họ đã làm tháp để thờ. Hai người này khi trở lại nước đã vâng thánh chỉ của Vua mà tôn sùng kiến tạo chùa tháp để tôn thờ giáo pháp của Đức Thích Ca. Đây là ngôi tháp đầu tiên vậy. Thành phía tây hơn 70 dặm có một tháp khác cao hơn 2 thước. Tháp này được kiến tạo từ thời Phật Ca Diếp. Từ thành lớn này ở phía tây nam đi vào núi tuyết thì đến nước Duệ Mạt Đa. Nước Duệ Mạt Đa đông tây 56 dặm; nam bắc hơn 100 dặm. Đô thành hơn 10 dặm. Phía tây nam giáp đến nước Hồ Thỉ Kiến. Nước Hồ Thỉ

Kiến đông tây hơn 500 dặm; nam bắc hơn 1.000 dặm. Đô thành hơn 20 dặm. nơi đây có nhiều sông núi và có nhiều ngựa hay. Phía tây bắc giáp nước Đản Sắt Kiến. Nước Đản Sắt Kiến đông tây hơn 500 dặm. Nam bắc hơn 56 dặm. Kinh thành chu vi hơn 10 dặm. Phía tây tiếp với biên giới của nước Ba Sắc Kỳ. Tiếp theo là nước Phược Yết. Đi về phía nam hơn 100 dặm thì gặp nước Yết Chức. Nước Yết Chức đông tây hơn 500 dặm; nam bắc hơn 300 dặm. Đô - 27 -

thành chu vi 45 dặm. Đất đai phì nhiêu nhưng ít hoa quả, nhiều lúa mạch. Khí hậu lạnh, phong tục lành mạnh. Có hơn 10 cảnh chùa. Tăng tín đồ trên 300 người. Họ theo phái Tiểu Thừa thuộc Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Phía đông nam đi vào núi tuyết. Núi cao vòi vọi nguy hiểm khôn cùng. Gió tuyết ngay cả mùa Hạ cũng đông lạnh. Tuyết đóng thành băng nên rất khó đi. Ở đây họ tôn trọng sơn thần và những loài quỷ mị. Bọn cướp hợp đoàn tung hoành ngang dọc sát hại. Đi thêm sáu trăm dặm nữa thì đến nước Đô Hoá. Sau đó là nước Phạm Hạnh Na. Nước Phạm Hạnh Na đông tây hơn 2.000 dặm; nam bắc hơn 300 dặm. Nằm ngay trong núi tuyết. Người người hay sống trong hang động. Đô thành đa phần cũng là động đá. Chiều dài 67 dặm. Phía bắc rất cao, có lúa mạch, ít hoa quả. Nuôi gia súc, đa phần là dê và ngựa. Khí hậu lạnh, phong tục tốt đẹp, đa phần ăn mặc kín đáo. Chữ nghĩa phong tục do sự giáo hoá mà thành. Sử dụng tiền tệ giống như nước Đô Hoá La. Ngôn ngữ ít có sự sai khác. Lễ nghi đại khái giống nhau. Có lòng tin cũng giống như nước láng giềng. Trên cũng kính Tam Bảo, dưới cho đến thần dân không bị mất cướp, thành thật, tâm địa tôn kính. Có nhiều khách thương vãng lai. Thiên thần thường hay xuất hiện. Đó là do sự biến hoá của việc cầu phước đức mà nên. Chùa chiền hơn 10 ngôi. Tăng tín đồ hơn 1.000 người. Họ theo Tiểu Thừa Giáo thuộc Thuyết Xuất Thế Bộ. Vương thành phía đông bắc gần núi có tượng Phật đá đứng cao 145 mét. Màu sắc vàng, trang sức bằng những loại đá quý. Phía đông có Già Lam do Tiên đế đã kiến tạo nên. Tiếp đó có tượng Thích Ca bằng đá đứng cao hơn 100 thước. Phân thân đứng riêng biệt để trở thành một quần thể như thế. Thành phía đông có 23 dặm. Giữa chùa có tượng Phật nhập Niết Bàn nằm, chiều dài 100 thước. Vua nước này thường hay thiết lễ cầu siêu. Trên từ vợ con dưới đến thần dân đều lấy của trong kho của Vua, đem ra bố thí. Quần thần tả hữu cũng đều làm việc đó như là một nhiệm vụ. Chùa có tượng Phật nằm. Đi về hướng đông nam hơn 200 dặm thì gặp núi tuyết. Phía đông đến một số sông nhỏ. Có ao hồ cây trái sum sê, lại có một cảnh chùa khác giữa chùa có thờ Răng Phật, và thờ Răng Phật của Bích Chi, dài hơn 5 phân, ngang 4 phân. Lại cũng có Răng của Kim Luân Vương dài 3 phân, rộng 2 phân. Thương Na Hòa Tu Đại A La Hán cũng có bình bát bằng thiếc, tám chín cái. Tất cả ở đây đều là đồ vật của các Thánh Hiền và những phong thư vàng, lại có y Tăng Già Lê, cửu điều của ngài Thương Na Hòa Tu. Y nầy có màu hoại sắc làm bằng da và cỏ. Đệ tử của Ngài A La Hán Thương Na Hòa Tu đã làm nên những chiếc y nầy, nhân cơ hội an cư của chúng tăng mà cúng dường. Đây là y Phước Điền để hàng phục thân trung ấm trong thời gian năm trăm - 28 -

lần. Đến thân sau cùng sẽ được đầu thai trở lại. Thân thể cao thấp y nầy sẽ theo đó mà lớn rộng ra. Và theo các vị A La Hán khác để xuất gia. Y nầy sẽ trở thành Pháp phục để đầy đủ cụ túc giới. Và cũng biến thành y Tăng Già Lê, cửu điều chứng tịch diệt nhập

vào biên tế định. Phát thành trí tuệ và nguyện lực, lưu giữ nơi Ca Sa nầy, cho đến đời Thích Ca Như Lai, sau khi giáo pháp diệt rồi y nầy sẽ biến hoại. Đây là ý chỉ lòng tin vi diệu vậy. Từ phía đông nầy, đi vào núi tuyết tên là Du Việt Hắc đến nước Ca Tất Thí. Nước Ca Tất Thí chu vi bốn ngàn dặm hơn, nằm phía bắc Hy Mã Lạp Sơn, ba bên có ngọn núi cao, chu vi thủ đô hơn mười dặm. Nơi đây có nhiều lúa mạch và hoa quả. Sản xuất nhiều ngựa quý và uất kim hương (nghệ). Có nhiều làng mạc trong quốc gia nầy. Khí hậu phong thổ lạnh. Nhân tình hiền hậu. Lời nói dễ nghe, cưới hỏi phức tạp. Chữ viết giống như nước Đổ Hóa La, nhưng phong tục, ngôn ngữ và tôn giáo có nhiều khác biệt. Ăn mặc dùng toàn đồ bằng lông và da. Tiền tệ thì sử dụng tiền vàng, tiền bạc và tiền đồng. Về cách thức sử dụng cũng có nhiều khác biệt tại quốc gia nầy. Nhà vua nước nầy cũng có mưu trí mãnh liệt, hay đi uy hiếp lân bang, thống hợp hơn 10 nước, nhưng có tâm thương bá tánh và tôn sùng Tam Bảo, đã kiến tạo tám tượng Phật bằng bạc và thường chẩn tế để cứu độ sanh linh. Chu cấp cho những người nghèo khổ. Già lam có hơn 100 ngôi. Tăng tín đồ có hơn 6000 người, đa phần người ở đây theo Phật giáo Đại Thừa. Tháp, chùa được xây dựng rộng lớn để hoằng pháp giáo hóa một cách nghiêm tịnh. Chùa Viện của tôn giáo khác hơn mười ngôi, những người theo đạo khác hơn 1000 người, hoặc lõa thể, hoặc bôi mình, hoặc nhuộm từ đầu đến chân. Thành lớn phía đông hơn ba dặm tư, dưới chân núi phía bắc cũng có một đại Già Lam, Tăng tín đồ hơn 300 người. Họ theo Tiểu Thừa giáo. Nghe người xưa nói lại rằng đây là nước Kiền Đà La của vua Ca Nị Sắc Ca uy hiếp lân bang chinh phục những nước ở xa, binh lính dàn trải cho đến dãy núi phía đông. Và vượt sông sang phía tây để uy hiếp tiếp tục. Vua Ca Nị Sắc Ca được toại nguyện, xây dựng cung điện ở nhiều nơi theo mùa nóng và lạnh. Mùa đông ở các nước tại Ấn Độ, mùa hè trở về nước Ca Tất Thí. Mùa xuân và mùa thu thì đến kiến thiết nước Kiền Đà La. Nhà Vua nầy chia cách sinh hoạt làm ba nơi, kiến tạo Già Lam và những Già Lam nầy là chỗ ở mùa hạ vậy. Trên tường của những nơi nầy có những bức họa dung nhan phục sức khác nhau, giữa mùa hạ, trở lại bổn quốc để duỡng tâm. Tuy cách trở giang sơn nhưng vẫn phát tâm cúng dường cho tăng chúng trong mùa an cư kiết hạ. Tổ chức nhiều trai đàn pháp hội để cầu phước bố thí, điều đó luôn luôn được diễn ra, không bao giờ ngừng nghỉ. Chùa Viện ở cửa đông có tạo nên tượng Nam Đại Thần Vương. Chân bên phải có những vật quý, có nghĩa rằng người - 29 -

nầy giữ gìn cho Già Lam. Tướng của vị nầy rất hung bạo. Nghe chùa nầy có nhiều của quý, được tồn trữ, nên nhiều người muốn khai quật. Các tượng thần vương cũng có hình chim oanh vũ, có cất được tiếng kêu. Đất nơi đây có thể giao động. Nhà Vua và quân lính đến nơi đây thì trở lại yên ổn và lại ra về. Phía bắc Già Lam nầy có núi cao, và trong núi ấy có nhiều phòng ốc bằng đá, dùng để học tập. Trong nầy cũng có chứa nhiều của quý. Ở trong nầy cũng có bảo tồn những loài thuốc quý, nếu có ai muốn khai quật lấy đi bảo vật, thì thuốc nầy sẽ được biến hiện khác hình hoặc trở thành Sư Tử, hoặc trở thành mãng xà mãnh hổ độc trùng, hình thù biến dị cho nên chẳng có người nào có thể lấy được. Từ những động đá nầy hơn bốn trăm hai mươi ba dặm, đến núi cao và trên ấy có tượng đức Quán Tự Tại Bồ Tát, người nào có lòng thành sẽ thấy được. Bồ Tát từ nơi tượng nầy phát xuất ra những màu sắc vi diệu để an ủi những người

muốn cầu. Cách thành lớn từ phía đông nam hơn ba mươi dặm thì đến Tăng Già Lam Yết La Cổ La, nơi đó cũng có đại tháp cao hơn 100 thước. Khi đến giờ Ngọ trai thì đốt đèn, dùng đèn dầu để đốt ra khói màu đen. Vào đêm tối lại nghe âm nhạc. Chuyện xưa kể rằng đây là nơi được kiến thiết bởi vị Đại Thần Yết La Cổ La, sau khi xây thành xong nằm mộng thấy có người bảo rằng: Ngươi nên kiến lập bảo tháp, sau đó ắt có xá lợi. Ngày hôm sau quả nhiên như vậy có người hiến xá lợi. Nhà Vua đã cho thỉnh vào triều. Do chỗ cầu nguyện mà nhà vua muốn rằng nhà vua có trước. Vua bảo sau nầy sẽ làm một nơi để bái vọng tại nước Yết La Cổ La. Ta chỉ là một người mang Xá Lợi. Vị Đại Thần hỏi rằng: - Cúng Xá Lợi nào? Đáp: - Xá Lợi của Phật Vị Đại Thần nói: - Hạ Thần đang giữ đây, xin tâu bệ hạ biết Nước Yết La Cổ La, sợ Vua trân quý Xá Lợi mà không suy nghĩ. Do đó cho nên dựng xây già lam và bảo tháp. Vì lẽ chí thành cho nên được cảm ứng, bát bằng đá kia tự mở nắp để an trí Xá Lợi vào. Khi an trí xong, niêm phong rồi bảo mọi người thối lui, đóng cửa đá lại. Từ đó sinh ra mùi hương dầu màu đen. Thành phía nam hơn bốn chục dặm, đến thành Tập Tô Đa Đợi Sắc Ty. Phàm có động đất, đến độ nào, thành nầy vẫn không giao động. - 30 -

Thành Tập Tô Đa Đợi Sắc Ty từ phía Nam hơn 30 dặm đến núi A Lộ Như. Trên núi nầy có nhiều hang động. Đỉnh núi mỗi năm cao thêm hàng trăm phân, cùng với nước Tào Thần Ngật và núi Hiếp Na Tu La, hai bên gần nhau và cùng thịnh suy như nhau. Được biết từ các phong tục rằng: Ngày xưa Hiếp Na Thiên Thần từ xa đến, muốn dừng chân ở núi nầy. Sơn Thần phẩn nộ, dao động thành hang động. Thiên Thần nói: Nếu không chừa bỏ thì sẽ khuynh động đổi thành tài sản của chủ mới. Ta nay đến nước Tào Thần Ngật và núi Hiếp Na Tu La, mỗi năm ta nhận lễ vật từ Quốc Vương Đại Thần hiến dâng và luôn luôn phải như vậy, thì núi A Lộ Như sẽ được nâng cao lên, bằng không sẽ bị băng hoại. Vương thành phía tây bắc hơn 200 dặm thì đến núi Tuyết, trên đỉnh có hồ. Do sự cầu nguyện mà nước mưa luôn có. Nghe người xưa thuật lại rằng: xưa có vị A La Hán ở nước Kiền Đà La thường hay nhận sự cúng dường từ Long Vương ở ao hồ nầy. Mỗi ngày cho đến bữa ăn trưa hay dùng thần thông để ngồi trên giường bay qua lại nơi hư không. Các thị giả Sa Di đều được an ổn ở nơi ấy. Chỉ có vị A La Hán thì hay qua lại Long Cung. Khi gặp Sa Di, Long Vương mời ở lại dùng cơm. Long Vương dùng đồ ăn cam lồ của A La Hán biến thành hương vị của nhân gian cho vị Sa Di, A La Hán khi dùng cơm xong vì Long Vương mà thuyết các Pháp quan trọng. Sa Di như thường lệ vì Thầy mà rửa bát. Trong bát có dư hạt cơm có hương vị liền khởi lên niệm ác rằng hận Thầy và phẩn nộ với Long Vương. Nguyện cho các phước lực ngay bây giờ đoạn mất mệnh của Long Vương và ta tự làm vua. Khi Sa Di phát nguyện như vậy rồi thì Long Vương bị đau đầu. Khi A La Hán thuyết pháp xong, Long Vương tạ lễ, Sa Di phẩn nộ vì chưa được có lời tạ nên trở lại Già Lam và phát nguyện tiếp: nhờ phước lực mà đêm nay mệnh chung vì Đại Long Vương uy đức mà phát. Chờ vào nơi ao để sát hại Long Vương và ở luôn nơi Long Cung, để thống lĩnh tất cả mọi loài. Do lời nguyện đó mà gió mưa nổi dậy làm gãy đổ cây cối và hại cả Già Lam. Cho nên Vua Ca Nị Sắc Ca kinh ngạc và hỏi rằng vị A La Hán nầy có phải là Vua không? Vị Vua đó tức là rồng đang ở trong núi tuyết, lập Tăng Già Lam kiến tạo bảo tháp cao hơn 100 thước. Rồng vì giận mà làm cho nổi mưa nổi gió. Vua vì có tâm hoằng truyền Phật Pháp, rồng vì sân hận mà làm

dữ, nên chùa viện và bảo tháp sáu cái bị hư biến thành bảy. Vua Ca Nị Sắc Ca xấu hổ vì chẳng thành công nên muốn trấn hồ rồng nầy để làm chỗ cư ngụ. Cho nên đã đem binh lính đến dưới núi Tuyết sơn. Lúc ấy bị Long Vương nhớ lại chuyện xưa làm chấn động biến thành một người Bà La Môn già lạy Vua mà trần tình rằng: Đại Vương ngày xưa đã trồng nhiều căn lành nhiều loại khác nhau cho nên thắng vậy. Được làm vua trên đời, chẳng có ý niệm báo ân. Ngày hôm nay, vì cớ sao mà giao tranh với Long Vương. Phàm là rồng thuộc về loại súc sanh vậy, cũng thuộc loài ác. Vì sao mà uy lực không đủ để cạnh tranh, như hô phong hoán - 31 -

vũ để có nước mà người thường không làm được. Há rằng tâm vua vẫn còn phẩn nộ sao? Vua bây giờ vừa cầm nước vừa cầm binh cùng chiến đấu với một con rồng, sự thắng chắc chắn thuộc về vua, không còn xa xôi gì nữa. Do vậy mà vua cũng không có gì xấu hổ, cho nên Vua lập kế rút binh. Về sau trở thành vua Ca Nị Sắc Ca vậy.Rồng cũng trở lại hồ nghe được âm thanh chấn động, gió mưa cuồn cuộn làm cho cây cối đất đá lung lay, mưa rơi nặng hạt làm cho quân mã kinh hoàng. Nhà vua quy y Tam Bảo thỉnh cầu lực gia hộ cho nên ngay lúc đó có được nhiều phước và được làm vua trên cõi đời. Uy hiếp những cường địch thống lĩnh các bộ châu. Cho nên nay mới đến đảo tìm rồng mà té ra ta là người bạc phước vậy. Nguyện cho các phước đức hiện tiền nếu có thì ở nơi hai vai ta bốc khói lên. Rồng liền dứt gió ngưng mưa, trời trở nên trong lặng. Vua đã ra lệnh cho quân lính dùng đá để trấn Long Trì. Long Vương biến lại thành Bà La Môn yêu cầu Vua rằng: - Ta là Long Vương của ao kia, xin quy mệnh. Nhưng xin Vua vì lòng từ mà nghĩ về quá khứ, nếu Vua muốn các sinh linh được sống lâu làm sao để cho ta bị sát hại. Nếu Vua muốn sát hại ta, ta sẽ cùng vua bị đọa vào ác đạo mà vua trở thành đoản mệnh. Ta nhớ lại tâm sợ hãi lo lắng kia vì nghiệp báo và thiện ác sẽ rõ ràng. Vua lùi bước và rồng minh thị rằng nếu ai phạm thì không xứng đáng. Rồng nói rằng ta vì ác nghiệp mà thọ thân làm rồng. Tánh rồng hung ác không thể tự giữ được tâm sân hận khi khởi lên lại hay quên mà không chế ngự được. Nay Vua làm chùa, đừng hủy hoại nữa. Mỗi người chúng ta nên trở về núi, nếu có mây đen nổi lên thì nên thối lui. Ta nghe tiếng rằng do tâm ác kia mà vua nầy tu phước kiến tạo Già Lam, Bảo Tháp, hầu muốn mưa gió không dứt. Nghe tục lệ chép lại rằng: Nơi bảo tháp kia có nhục cốt xá lợi của Như Lai có thể hơn một thăng, biến hóa vô cùng khó nói hết được, có lúc ở trong tháp nầy có khói phát ra, từ cửa nhỏ phát ra khói lớn. Lúc đó có người nghi rằng tháp kia tự bốc cháy. Chiêm ngưỡng lâu thì lửa tắt khói tiêu. Lại thấy Xá Lợi trắng như lưu ly trở vào nơi bát và thăng lên không trung, thăng lên trên cao rồi hạ xuống trở lại. Vương thành phía tây bắc có sông lớn. Phía nam có Già Lam. Ở bên trong có răng nhỏ của đức Thích Ca chiều dài hơn một phân, tại Già Lam nầy phía đông nam lại có một Già Lam nữa cũng có tên của Tiên vương. Lại có xá lợi xương của Như Lai một mảnh bề rộng hơn một tấc, màu vàng, còn lông tóc màu trắng rất rõ ràng. Lại cũng có tóc của Như Lai màu xanh mượt giống như màu đá, dài hơn một thước, có thể cuốn lại phân nửa. Phàm ba việc nầy gặp được là nhà vua và đại thần tung hoa cúng dường. Từ Già Lam đến phía tây nam có một Già Lam khác trong Bảo Tháp có thờ tượng vàng cao hơn 100 thước. Được biết từ phong tục rằng ở trong tháp nầy, lại có Xá Lợi Phật hơn một đấu, mỗi tháng vào - 32 -

ngày 15, giữa đêm phát ra ánh sáng tròn. Ánh sáng kia rất rực rỡ bay lên hạ xuống rồi nhập vô tháp. Thành phía tây nam có núi Tỳ Là Bạt có tạo tượng sơn thần, cũng gọi là tượng hiền. Ngày xưa khi Như Lai còn tại thế, thần nầy phụng thỉnh đức Thế Tôn cùng với một ngàn hai trăm vị Đại A La Hán, trên đỉnh núi có bàn đá lớn, Như Lai ngồi đó thọ sự cúng dường của thần. Từ đó về sau, nhà Vua đã xây tháp nơi bàn đá nầy cao hơn 100 thước. Đời nay, người ta gọi là tháp Tượng Hiền vậy. Lại cũng gọi là tháp có hơn một đấu Xá Lợi Như Lai. Ở phía bắc của tháp Tượng Hiền, dưới chân núi có một hồ rồng, nơi đây chính là nơi đức Như Lai thọ lãnh bữa cơm của thần và nơi mà các vị A La Hán ăn xong xỉa răng. Nhờ trồng thiện căn nầy mà thành cây rừng, để người đời sau kiến tạo thành Già Lam tên là Bi Thích Khứ, (Tước Dương Chi). Từ phía đông đi qua hơn 600 dặm, núi khe tiếp giáp với đỉnh đồi. Vượt qua đỉnh núi đen, vào biên giới phía bắc Ấn Độ đến Lam Bà.

- 33 -

Quyển thứ hai (3 nước)

- Nước Lam Bà - Nước Na Yết La Yết - Nước Kiền Đà La Những nước này thuộc về Ấn Độ; nhưng lễ nghĩa phong tục khác nhau. Nên có thể nói là riêng biệt. Hoặc nói là: Hiền Đậu. Đây dịch theo âm gọi là Ấn Độ. Người người tuỳ theo đó mà xưng là người Ấn Độ. Do những phong tục khác nhau mà có tên gọi khác nhau. Tiếng gọi Ấn Độ này có nghĩa là: Tốt đẹp. Đời nhà Đường gọi Ấn Độ có nhiều tên khác nhau. Nhưng có một tên xưng gọi nghĩa là mọi loài bị luân hồi không gián đoạn. Vì vô minh tăm tối nên chưa ra khỏi nơi này. Giống như mặt trời chiếu sáng làm tỏ rạng chỗ tối tăm. Tuy có ánh sáng ngôi sao chiếu đó. Há làm sao sáng bằng được ánh sáng mặt trăng? Vì nhân duyên ấy nên ở đây dụ cho mặt trăng là điều tốt đẹp, mà với đất nước này Thánh hiền tương tục xuất hiện như ánh sáng mặt trăng rọi soi. Do ý nghĩa nầy mà có tên là Ấn Độ. Ấn Độ được chia ra nhiều dân tộc và chủng loại khác nhau. Nhưng Bà La Môn vẫn là một giai cấp cao quý, mà từ tục lệ đã biến thành như vậy. Trải qua nhiều thời gian sai khác, gọi chung là nước Bà La Môn. Nếu nói về lãnh vực biên giới, có thể nói rằng chung quanh Ấn Độ có năm nước và chu vi rộng hơn 90.000 dặm. Ba bên đều có biển. Phía bắc giáp Hy Mã Lạp Sơn. Phía bắc rộng phía nam hẹp. Hình dạng như mặt trăng khuyết. Trong đó còn chia ra hơn 70 nước nữa. Đa phần thuộc về nhiệt đới. Đất đai có nhiều suối nước nóng. Phía bắc có nhiều núi đồi. Phía đông có sông ngòi và ao hồ. Phía nam cây cỏ tốt tươi. Phía tây đất đai phì nhiêu. Đại khái xin lượt qua như vậy. Đại đa số được gọi là Du Thiện Na. Du Thiện Na có nghĩa là từ xưa các vị Thánh Vương mỗi ngày đều đi du hành. Theo truyện cổ một Du Thiện Na hơn 40 dặm. Theo phong tục của nước Ấn Độ chỉ có 30 dặm. Theo giáo lý viết chỉ có 16 dặm. Cuối cùng phân tích một Du Thiện Na là tám Câu Lô Xá (Krosa - theo Tỳ Đàm Luận: bốn gang tay là một cung, 500 cung là một Câu Lô Xá, là hai dặm, tám Câu Lô Xá là một Do Tuần tức 16 dặm). Câu Lô Xá có nghĩa là tiếng rống của con bò có thể nghe được (năm dặm) nên xưng là Câu Lô Xá. cũng có định nghĩa khác: một Câu Lô Xá là 500 cung. Một cung là bốn Mạch. Một Mạch chia làm 24 Chỉ. Một Chỉ tức là bảy hạt lúa. Cho đến gọi là Lông bò, lông dê, sừng thỏ, nước đồng,

cũng còn gọi 7 phần này là một Vi trần. Vi trần chia ra làm 7 phần nhỏ nữa gọi là Cực vi trần. Cực vi trần thì không thể chia thêm nhỏ nữa. Nếu chia thêm sẽ trở về không. Cho nên gọi là cực vi vậy. Cũng có lịch âm dương đối chiếu theo ngày tháng, xưng gọi là đặc thù - 35 -

không khác. Tuỳ theo ngôi sao mà định hướng của tên tháng. Thời gian ngắn nhất gọi là sát na. 120 sát na làm một Đản Sát Na. 60 Đản Sát Na thành một Thử thần. 30 Thử thần là một Mâu Hồ Phiêu Đa. Năm Mâu Hồ Phiêu Đa là một giờ. Sáu giờ thành một ngày một đêm. Nhưng cũng có nơi chia ra mỗi ngày đêm có tám giờ. Đầu tháng cho đến giữa tháng là tháng trắng. Giữa tháng có trăng cho đến tháng cuối gọi là tháng đen. Phần đen là trước ngày 14 và 15. Trăng thì có trăng già và trăng non. Có trăng và không trăng (trắng và đen) hợp thành một tháng. Sáu tháng như vậy là một hành. Mặt trời đi bên trong gọi là bắc hành, mặt trời đi bên ngoài gọi là nam hành. Tổng cộng có 2 hành hợp lại thành 1 năm. Mỗi năm chia ra làm 6 mùa. Từ 16 tháng giêng đến 15 tháng 3 là mùa ít nóng. Từ 16 tháng 3 cho đến 15 tháng 5 là mùa nóng nhất. Từ 16 tháng 5 cho đến 15 tháng 7 là mùa mưa. Từ 16 tháng 7 cho đến 15 tháng 9 là mùa tạnh. Từ 16 tháng 9 đến 15 tháng 11 là mùa ít lạnh. Từ 16 tháng 11 đến 15 tháng giêng là mùa thật lạnh. Giáo lý của Đức Như Lai chia ra làm 3 mùa. Từ 16 tháng giêng đến 15 tháng 5 là mùa nóng. Từ 16 tháng 5 cho đến 15 tháng 9 là mùa mưa. Từ 16 tháng 9 đến 15 tháng giêng là mùa đông. Hoặc cũng có nơi gọi 4 mùa, gọi là xuân, hạ, thu, đông. Mùa xuân có 3 tháng. Gọi là tháng Đản La, tháng Phục Khá Xứ, Kỳ Sắt Ngỏa. Những tháng này từ 16 tháng giêng đến 15 tháng tư. Mùa Hạ có 3 tháng, đó là tháng Loại Sa Trà, tháng Thất La Phiệt Nô, tháng Bà La Bát Đa. Những tháng này từ 16 tháng 4 đến 15 tháng 7. Mùa thu có 3 tháng. Đó là tháng An Ổn Thần Phố Xà, tháng Ca Sắt Vệ Ca, tháng Vị Già Thỉ La. Những tháng này từ 16 tháng 7 đến 15 tháng 10. Trong ba tháng mùa đông gồm có: tháng Vị Báo Xa, tháng Ma Khứ và tháng Loại Lặc Thê Nô. Những tháng này từ 16 tháng 10 đến 15 tháng giêng. Cho nên Tăng tín đồ của Ấn Độ theo lời Phật dạy, họ có hai mùa an cư. Hoặc trước 3 tháng hoặc sau 3 tháng. Trước 3 tháng có nghĩa là từ 16 tháng 5 đến 15 tháng 8. Sau 3 tháng có nghĩa là từ 16 tháng 6 cho đến 15 tháng 9. Chữ Tiền được dịch nghĩa theo Kinh luật hoặc gọi là một Tọa Hạ hay một Tọa Lạp (một tuổi đạo). Đây là những tục lệ cổ. Chẳng giống với Trung Quốc về âm vận hoặc phương ngôn khi chuyển dịch ra như vậy. Cho nên sự nhập thai của Đức Như Lai cũng như Đản Sanh, Xuất Gia, Thành Phật, Nhập Niết Bàn, ngày giờ đều có sự sai khác. Nguyên nhân như sau. Phàm chỗ ở, làng mạc, thành ấp cho đến phố xá, thị thành, do trải qua địa bàn mà tạo nên đường xá rộng hẹp. Có người ở chỗ cao ráo đẹp đẽ. Có người ở chỗ ô uế tạp cư. Những kẻ sống bên ngoài đi đứng qua lại thành phải trái. Từ chỗ ở đó chế tạo ra những công việc thành thục. Do địa thế và khí hậu khác nhau mà thành. Cho nên làm tường hoặc bằng tre gỗ hoặc bằng những loại gạch nhiều hồ than. Tất cả những khác biệt đó ở trong mùa hạ. Những loại bằng cỏ bằng mây tạo nên những tấm - 36 -

thảm để trang sức trên những bức tường bằng đá bằng than. Dưới đất có trải phân bò cho là sạch, có lúc rải hoa lên đó; nên có điều khác lạ. Mà ở các chùa thường không làm như vậy. Các chùa thường làm 4 lầu 3 từng. Trên nóc có đòn dông chạm khắc nhiều hình tướng. Trên tường có những bức hoạ đồ nhiều màu sắc khác nhau mà thứ dân thì

không như thế. Phòng ở giữa cao lớn rộng hơn. Tầng thứ nhì có khắc các hình tướng không giống nhau. Cửa thường hướng về đông. Buổi sáng ngồi xoay mặt về hướng đông cho đến ngủ nghỉ thì dùng thằng sàng (giường dây) để ngủ. Vua chúa, trưởng giả, thứ dân có sự khác nhau. Những sự trang sức có quy củ và không sai biệt mấy. Nơi chỗ ngồi của quân Vương thường cao rộng. Đặc biệt thường ngồi trên tòa sư tử, được làm bằng những loại trân bảo. Hàng trăm loại quý giá được điêu khắc khác nhau nơi y phục cũng như đồ mặc. Rõ ràng có sự sai khác rất nhiều. Phía người nam mặc đồ bao bọc chung quanh qua phía vai hữu. Người nữ mặc kín đáo hơn. Ở trên đầu có để tóc ngắn. Hoặc có dấu hiệu khác tục. Cổ thì choàng hoa tươi, thân hình thì đeo anh lạc. Đây là những y phục kiểu diễm làm bằng vải và những đồ trân quý cũng như bằng lụa hoặc bằng vỏ cây. Cũng có khi bằng loại gai hoặc bằng vải cũng như lông dê. Những y phục đặc biệt được làm bằng lông thú. Lông chim đẹp cũng là một loại y phục trân quý vậy. Ở phía bắc Ấn Độ phong thổ lạnh lẽo nên y áo được chế biến khác hơn. Bên ngoài được mặc thêm nhiều áo khác nhau giống như lông con chim khổng tước hoặc trang sức những anh lạc. Hoặc chẳng để lộ hình. Hoặc lấy cỏ mây che thân thể. Hoặc cạo tóc hoặc bới đầu. Những loại thể như thế không có định hướng cũng như màu sắc khác nhau. Pháp phục của Sa Môn chỉ có ba y và Tăng Khước Kỳ cũng như Nê Thần Thử La. Ba y cũng được cấu tạo không giống nhau. Hoặc ngắn dài rộng hẹp, hoặc lớn nhỏ khác nhau. Tăng Khước Kỳ vai trái rộng, hai bên trái mở ra, bên phải đóng lại để bao bọc lên người. Nê Thần Thử La (Niết Bàn Tăng) không có dây cột giống như áo. Tất cả đều tính thành một bộ y mà mỗi bộ đều khác nhau, màu sắc vàng đỏ cũng không giống nhau. Sát Đế Lợi Bà La Môn sự ăn ở cũng khác nhau. Quốc vương đại thần ăn mặc đẹp lạ. Hoa cài tóc, cổ trang sức gồm nhiều đồ anh lạc để hoá trang. Trong ấy cũng có nhiều thương gia giàu có làm như vậy. Người người có nhiều khác biệt như tục nhuộm răng hoặc đỏ hoặc đen. Tóc, răng, tai, mũi mắt cũng đều làm đẹp như thế. Tất cả cũng chỉ mục đích làm cho đẹp và trong sạch. Phàm ăn uống, trước tiên có tẩy rửa, phải dùng rượu và dùng những chén bát khác nhau. Cũng có dùng chén bát bằng vàng, bằng bạc, bằng đồng. Ở trong những trường hợp ăn uống như thế tăm xỉa răng cũng cốt làm sạch. Nước súc miệng cũng không là điều chấp trước. Mỗi khi tắm rửa thường - 37 -

dùng hương thơm của lá cây hay bằng bột trầm, bột nghệ. Khi quân vương tắm thì âm nhạc trổi lên, ca hát tế lễ rất là huyên náo. Chữ nghĩa rõ ràng. Do Phạm Thiên chế ra gồm 47 chữ. Nhờ vào những vật hợp thành mà trở nên chuyên dụng. Rồi phát triển rộng ra. Đây là nguyên nhân vậy. Rồi từ đó người địa phương cải biến lại. Ngôn ngữ nầy sau nầy cũng có sự thay đổi từ bổn gốc mà lấy Trung Tâm Ấn Độ làm tiêu chuẩn, để điều hòa tiếng Phạn rõ ràng hơn. Vần đọc thanh cao lấy người làm quy tắc. Những nước khác lân cận cũng được giáo dục thành thục như thế. Có sự cạnh tranh muốn bảo toàn thuần phong mỹ tục. Cho nên trong những thơ văn lời nói vẫn còn tồn tại. Sử chép rằng gọi chung những điều như thế là Ni La Tế Trà. Tốt, xấu đều do nơi đây mà ảnh hưởng vậy, mà mở ra 12 chương tốt đẹp để chỉ đạo. Sau bảy tuổi thì lãnh thọ Ngũ Minh Đại Luận - Một là Thanh Minh, giải nghĩa những chữ huấn dụ. Chú giải những mục sớ văn. - Hai là Công Xảo Minh là những cơ quan kỹ thuật và lịch âm dương đối chiếu - Ba là Y Phương Minh. Cấm chỉ những tà thuật về thuốc men có ngải bằng đá kim - Bốn là

Nhơn Minh, khảo sát việc chánh tà nghiên cứu tìm chơn ngụy - Năm là Nội Minh, nghiên cứu về diệu lý nhân quả, ngũ thừa. Đây là bốn luận Vệ Đà của Bà La Môn: - Thứ nhất là Thọ, nghĩa là duỡng nuôi tánh thiện, - Thứ hai là Từ nghĩa là tế tự cầu nguyện - Thứ ba là Bình, nghĩa là lễ nghi binh pháp quân trận - Thứ tư là Thuật, nghĩa là dùng y học để đối lại với những ma chú. Vị Thầy bắt buộc phải nghiên cứu rộng rãi tinh vi ý nghĩa nầy. Để minh thị ý nghĩa dẫn đạo to lớn trong lời nói tế nhị. Đề cao những việc thiện khắc ghi vào danh bạ. Nếu mà ý thức được nhiều thì sẽ làm nguyên tắc sống rõ. Thành sự học nghiệp phải trải qua ba mươi năm. Lúc đó chí nguyện mới đạt thành. Mới có thể hưởng lộc đầu tiên về đạo đức của một vị Thầy. Cho nên đây là sự chiếm cứ tốt đẹp nhất của việc biết rộng vậy. Đây là sự biểu hiện của những vật bên ngoài chìm nổi thay đổi, đây là sự chịu đựng không sợ tai tiếng từ xa. Nếu nhà vua có tà vạy, chưa - 38 -

thể khuất phục được, nhưng vì việc nước là trọng thì phải thông qua tập tục cao sáng đó. Đồng thời cũng tán thành mệnh lệnh của long thể là trọng yếu. Cho nên có thể có ý chí mãnh liệt để học hỏi, quên đi những nghề nghiệp đi xa mệt mỏi. Sự tìm đạo phải nương theo lý lẽ nhân nghĩa không quá xa hơn ngàn dặm. Nhà tuy giàu mà có ý chí ra đi, đầu óc rõ ràng. Quý trọng để biết đạo chứ không xấu hổ để tham tài. Vui chơi đoạ nghiệp vào sự ăn mặc. Chẳng phải vì đức hạnh lại chẳng thực tập, vì sự sỉ nhục đến tạo nên tai tiếng cao xa, như giáo lý của đức Phật tuỳ loại mà được thành tựu. Đến Thánh quả của chánh pháp kia còn xa vời trách nhiệm nghe thấy giải thích đều do tâm nầy vậy. Nghe biết thực hành để được ngộ đạo. Chấp trước tranh luận để làm sáng tỏ. Những môn học chuyên môn khác làm cho thấy rõ sự sai biệt. Mười cõi, tám loài mỗi mỗi đều rõ ràng. Đại Thừa, Tiểu Thừa hai giáo đều có sự riêng biệt; nơi đây đều có sự yên tĩnh tư duy qua sự đi đứng nằm ngồi. Định tuệ lắng yên sự tranh tụng. Tùy theo điều nầy mà đại chúng được chế ra để phòng ngừa không thể cho rằng Luật Luận Kinh là kinh Phật Bộ thứ nhất, tuyên dương, không cần tri sự tăng Bộ thứ hai, tăng thêm tư liệu phòng ốc Bộ thứ ba, sai bảo thị giả cung kính phụng thờ Bộ thứ tư, cho người tịnh hạnh nhơn việc làm Bộ thứ năm, đi theo xe voi Bộ thứ sáu, dẫn đường theo sau. Lấy đạo đức đầu nêu cao tánh mệnh, cho nên tập họp để khảo sát những giảng luận nầy về ưu khuyết điểm phân biệt thiện ác mà có đen trắng sáng tối. Trong nầy cũng có sự bàn bạc tế nhị để đề cao Diệu Lý. Những ngôn từ tốt đẹp cũng được triển khai. Đây là bảo tượng cao quý để chỉ đạo như vào trong rừng vậy. Cho đến ý nghĩa hư vọng cũng được chỉnh đốn. Lý giải rõ ràng, nghĩa lý phù hợp với lời nói, tức tùy theo sự hợp nhất giống như đất ở trên tường. Hoặc giả, phải ở nơi tịch tịnh để biểu hiện tánh hiền thuận. Người ta biết rằng vui theo niềm đạo là điều được khuyến thỉnh để học hỏi. Người xuất gia trở lại đời cũng được gọi là tốt. Tuy nhiên khi còn ở trong Tăng bị phạm luật thì phải bị phạt. Không thể khinh xuất mệnh lệnh của chúng tăng được. Lại ở trong chúng không được nói, cũng không được cùng chúng ở chung, không được cùng chúng ăn cơm, đi ra khỏi trụ xứ phải sống biệt trụ, để phản tĩnh lại việc làm sai trái đầu tiên của mình. Nếu mà nói về chủng tộc có bốn loại như sau:

- 39 -

* Thứ nhất, Bà La Môn, là những kẻ tịnh hạnh, giữ đạo trinh khiết, tiết tháo. * Thứ hai, Sát Đế Lợi, là những kẻ nắm vương quyền, là những bậc nhân chủ trong đời, lấy nhân đức làm chí nguyện * Thứ ba, Phệ Xá, là những kẻ buôn bán làm giàu do sự buôn bán gần xa. * Thứ tư, Thủ Đà La, là những kẻ nông dân, đem sức lực của mình siêng năng làm việc nhà cửa. Phàm tất cả đều do bốn chủng tộc nầy mà lưu hành. Về việc hôn phối thì không được vượt qua những giai cấp đó. Nội ngoại gia tộc được cấu thành không phức tạp, người lấy chồng không được tái giá. Nếu không sẽ bị khai trừ ra khỏi tộc đó. Mỗi chủng tộc đều có mỗi tục lệ khác nhau, khó có thể tường lãm hết. Quân Vương trị thế ở đời chỉ có dòng Sát Đế Lợi. Họ được xưng là cao quý trên các tộc khác; nhưng lính tráng của nước nhà được tuyển chọn khác nhau. Cha con chuyên nghiệp cùng theo binh thuật, ở nơi cung điện để phòng vệ. Ra đi chinh phục được cử đi trước. Phàm trong bốn loại binh, thì có bộ binh, mã binh, xa binh và tượng binh. Voi được điều khiển bởi những người nài, một tướng ngồi lên đó, hai bên tả hữu có quân lính đi theo ngự giá gồm xe tứ mã. Binh tướng theo hầu, cận vệ hai bên để phù trợ xe vua. Quân cỡi ngựa chia ra hộ tống. Phía bắc quân đi bộ là những kẻ dũng sĩ được tuyển chọn cầm theo giáo mác dài và giữ những dao kiếm đi kề. Phàm những khí cụ như thế đều được vót nhọn. cũng gồm có cung tên, dao kiếm, búa lớn, búa nhỏ, giáo mác dài cùng theo xe . Tất cả đều để biểu dương uy thế. Phàm làm như vậy là tục lệ, biểu hiện tính chất mạnh mẽ cấp thời chiếm lĩnh, không được cẩu thả, để có nghĩa là bảo hộ. Nếu không thì phải bị tội khinh thường sự sống là nghiệp vậy. Ngụy trang những việc làm ấy để trở thành ngụy tín. Chính sách giáo dục phong tục phải điều hòa tốt xấu. Những kẻ hung dữ bị luật pháp quốc gia trừng trị. Có ý mưu hại làm nguy đến Quân Vương, làm chướng ngại v.v..những việc như thế đều bị hình phạt. Vì sự sanh tử chẳng kể nhân luân. Phạm vào lễ nghĩa nghịch lại trung hiếu bị xẻo mũi, cắt tai, chặt tay, và chặt chân. Hoặc đuổi ra khỏi nước. Hoặc phóng thích nhưng bị phạm vào tội ăn cắp tài sản, đa phần bị ở tù cũng như những hình phạt khác, tùy theo vấn đề mà đối sách sự việc để giải quyết. Nếu kẻ phạm tội quá sức mà muốn làm rõ sự thật thì phải theo án lệnh. Trong đó có bốn điều: dùng nước lửa để trị tội, tội nhân bị bỏ vào nước cùng với đá, khi chìm rồi, nhận sâu xuống mới biết đúng sai. Khi chìm rồi, lấy đá đè lên phạm nhân. Nếu người nổi đá chìm không ổn. Dùng lửa bằng cách đốt cột đồng để tội nhân leo lên đó. Hoặc đốt nơi chân để hỏi cung. Hoặc - 40 -

đưa vào lưỡi. Nếu không có tội không sao, nếu có thì bị tổn thương. Có bị thương tích hay không do sự thật hư mà có. Kẻ nhu nhược không chịu nổi lửa cháy mạnh. Cây chưa phát hoả, thì sẽ bị cháy sém. Kẻ thật hư sẽ bị hoa lửa kia đốt cháy. Đây gọi là người bị đá đe nặng nhẹ. Kẻ hư ngụy sẽ bị đá đè lên người. Độc thủ hơn là cho một con dê mang đá đến chỗ tra khảo và người bị kiện cho uống thuốc độc, kẻ xử phạt bắt người đó phải chết. Kẻ hư ngụy sẽ bị chất độc làm hại. Đây là đơn cử bốn điều đã nói để phòng hờ trăm việc trái. Cho đến nghi thức cung kính cũng có chín nghi lễ. Thứ nhất là nói lời an ủi. Thứ hai là cúi đầu cung kính. Thứ ba là giơ tay cao chào. Thứ tư là chắp tay ngang ngực. Thứ năm là quỳ gối. Thứ sáu là chân để duỗi ra. Thứ bảy là tay duỗi thẳng ra đất. Thứ tám là năm luân đều cong. Thứ chín là năm vóc đều gieo xuống đất. Phàm chín việc này đều phải cung kính. Đây là cái đức cao cả, tận lực cung kính tán thán. Về phía

xa hơn nữa thì phải cúi đầu chấp tay. Về phía gần thì chân phải quỳ gối. Phàm nói năng phải nương vào lệnh trên. Tôn trọng bậc hiền thánh, thọ nhận sự lễ bái tất có sự an ủi. Hoặc cọ sát nơi đầu. Hoặc vỗ về nơi lưng. Lời nói diệu hiền mẫn cảm hướng dẫn minh thị chỗ thân thiết nồng hậu. Xuất gia làm Sa Môn được thọ nhận sự kính lễ. Chỉ có thêm nguyện tốt không dừng lại sự lễ bái. Tùy theo công việc của Tông môn có nhiều khác biệt. Hoặc chỉ một lần. Hoặc hai ba lần. Tâm niệm ấy do sự cầu thỉnh riêng mà được. Phàm khi gặp bệnh nhịn ăn bảy ngày trong thời kỳ đó sẽ có thuyên giảm. Nếu chưa hết mới dùng đến thuốc than. Tên của những loại thuốc thì không giống nhau. Đây là công vệc của y khoa chiếm lĩnh có sự khác nhau. Cuối cùng khi chết đi thì đều nhỏ lệ. Người thân cạo tóc để ngực, áo quần được chế tạo để mặc cư tang thì không hạn định. Khi tống tán nghi lễ có ba loại. Thứ nhất là hoả táng, dùng củi để thiêu. Thứ hai là thủy tán, cho dìm xuống nước để trôi đi. Thứ ba là dã táng, nghĩa là cho xác vào rừng cho chim ăn. Khi Quốc Vương băng hà đầu tiên lập một ban tổ chức cho tang lễ, rồi phân chia trên dưới. Khi sống lấy đức làm đầu. Khi chết không còn kiêng cử nữa. Những người nhà có tang thì không ăn uống. Sau khi tang lễ xong trở lại bình thường không kiêng kỵ. Những người đi đưa đám chết không sợ dơ hoặc tắm rửa bên ngoài rồi cho vào. Cho đến tuổi tác sống lâu hay chết sớm cũng thế. Khi sống không sợ mệt nhọc đắm chìm. Con thú khi lìa đời còn muốn trở lại nhân gian. Sự sanh tử nặng nhẹ hy vọng vào con đường phía trước. Cho nên người thân thuộc phải biết tạo nên niềm vui bằng tiệc rượu. Hoặc đánh trống thổi kèn để thêm sức. Kẻ trung lưu cũng được sanh thiên. Trong mười cõi ấy một cõi này cũng chưa thấy được. Kẻ xuất gia làm tăng không bị quy vào đây. Khi cha mẹ mất tụng niệm để nhớ ơn. Xa hơn là cầu việc phước đức. - 41 -

Giữa chính trị và tôn giáo có những điều cũng giản đơn. Nhà nào chẳng có gia phả thì người đó chẳng có thay đổi quá trình. Trong đất đai của Vua chúa cũng chia ra làm bốn loại. Thứ nhất đất ấy nhà nước dùng để làm tế lễ. Thứ hai đất ấy ban cho các tể tướng triều thần. Thứ ba đất ấy thưởng cho những kẻ học cao tài rộng. Thứ tư đất ấy giống như ruộng phước điền cấp cho những đạo khác. Cho nên cũng có chế độ thuế má nặng nhẹ được kiểm soát bởi tỉnh. Mọi người trong đời có nghề nghiệp đều có đầy đủ cổ phần đất đai. Nếu là ruộng quý thì phải đóng một phần sáu thuế. Sự thương mại có lời qua lại cũng như sự buôn bán trước sau đều có thuế. Sự buôn bán giúp cho quốc gia giàu mạnh bắt buộc phải lao dịch. Đây là giá trị của sự thành công vậy. Trấn nhậm chinh phạt là do lính tráng. Số nhiều do mọi tộc và các huyện tuỳ theo người mà thưởng. Những người đầu ấp được cử ra để thâu thuế. Các nơi đều có phân chia đất đai cho việc ăn uống. Phong tục khác biệt, chỗ ở cũng như vậy. Hoa quả cây trái đủ loại khác nhau. như Am Mộc La, trái Am Nhi La, trái Mạc Đỗ Già, trái Phạt Đạt La, trái Kiếp Tỳ Hoá, trái A Mạc La, trái Chấn Đỗ Già. Phàm những loại như thế thật khó biết hết. Vì thấy lạ trên đời nên lược ghi như vậy thôi. Cho đến những loại cây khác của Ấn Độ cũng ít nghe tới như quả lê, quả đào, nho v.v... . Nước Già Hiển Nhi La cũng đã đến đây mang về trồng. Thạch Lựu Cao Kiều các nước đều có trồng. Tuỳ theo nhà nông mùa màng canh tác, để trồng tuỳ theo thời tiết mà có sự thay đổi. Đất đai nơi đây cũng trồng được nhiều lúa mạch. Rau cải cũng được trồng nơi có nước. Rau cỏ tuy ít nhưng không

thiếu để dùng. Nhà có nhiều miệng ăn phải chia khu ra để canh tác. Cho đến sữa tươi, đường cát, mật ong, dầu và các thứ bánh cũng đều dư dả. Dê, nai và những loại quý cũng như voi, ngựa, chó, khỉ, sư tử, gà nhà v.v... . Phàm những loại động vật có lông thì vô số kể. Những người có tâm xấu hổ thường hay không làm những việc ác. Những kẻ ấy bị người đời coi thường ví như những kẻ uống rượu say sưa đều ít trân quý. Rượu nho cam thảo là những thứ dùng cho giòng Sát Đế Lợi uống. Rượu cúc và những loại rượu khác cũng như vậy. Sa Môn, Bà La Môn uống nước nho và nước cam thảo, không có nghĩa là uống rượu say. Có nhiều bộ tộc khác nhau cho nên không thể nói riêng biệt được. Họ dùng những đồ ăn uống đặc thù. Tùy theo đồ vật và thời gian mà có sự liên quan khi dùng đến mà không thể biết hết được; đa phần ly bằng đất ít dùng mà dùng loại đồng đỏ. Khi ăn, dùng một cái bát để hết thức ăn vào đó. Dùng tay bốc ăn. Cho đến khi già bệnh, họ vẫn dùng đồ bằng đồng. Về những loại vàng bạc đá ngọc quý ở đất nước này có chứa chất rất nhiều. Có nhiều loại trân bảo khác nhau bằng đá quý. Lấy từ biển lên để bán. Vật để mua bán hàng hoá là vàng bạc cho đến những đồ quý giá. Trải dài cho đến biên cương của Ấn Độ cũng đều như thế. Phong tục có - 42 -

sai biệt nhưng đại lược là như thế. Tất cả đều cùng một khái niệm là nước ấy có nhiều chánh sách và phong tục khác nhau. Nước Lam Bà chu vi hơn ngàn dặm. Phía bắc giáp với Tuyết sơn. Ba bên có núi cao. Thủ đô hơn mười dặm có từ hơn 100 năm nay. Vương tộc không còn cho nên có sự cạnh tranh không có người đứng đầu. Trước đó lệ thuộc nước Ca Tất Thí. Ở đây có nhiều mía, cây rừng và những hoa quả khác. Khí hậu ôn hoà. Chỉ có sương nhưng không có tuyết, phong tục của nước này người ta hay vui với ca hát ngâm thơ. Ý chí tánh tình thì yếu đuối thường hay quỷ quái. Chẳng xuất hiện điều gì đặc biệt. Lễ nghi cử chỉ thô tháo. Mặc nhiều áo phải dùng màu trắng để trang sức. Già Lam hơn mười ngôi. Tăng tín đồ còn rất ít. Đa phần học tập theo Đại Thừa giáo. Ngoài ra hầu hết theo những đạo khác. Từ đây đi về phía đông nam hơn trăm dặm thì gặp núi cao, sông sâu; đến biên giới bắc Ấn Độ gặp nước Na Yết La Yết. Nước Na Yết La Yết đông tây hơn 600 dặm. Nam Bắc hơn 256 dặm. Núi non bao bọc chung quanh rất nguy hiểm. Đô thành chu vi hơn 20 dặm. Không có người cai quản cho nên trực thuộc Ca Tất Thí. Có nhiều lúa gạo và hoa quả. Khí hậu ôn hoà. Phong tục thuần chất, mạnh mẽ kiên cường, xem nhẹ tiền tài, ham học, sùng kính Phật Pháp. Ít có người theo Ngoại Đạo. Chùa tuy nhiều nhưng tăng tín đồ thì ít. Các bảo tháp bị hoang phế hư hoại. Những đền thờ của Đạo Giáo khác có 5 sở và hơn 100 người theo. Thành phía Đông rộng 2 dặm, có bảo tháp cao hơn 300 thước do Vua Asoka kiến thiết, trên đá đặc biệt điêu khắc công phu. Lịch sử Phật Thích Ca, lúc còn là Bồ Tát gặp Phật Nhiên Đăng, đã trải tóc và áo phủ trên bùn để Phật đi, và được Phật thọ ký. Cho đến kiếp hoại, sự tích nầy vẫn không mất. Hoặc cũng có chạm những ngày lễ, trời mưa hoa cúng dường, người người quây quần tu phước cúng dường. Ở phía tây Già Lam nầy, tăng tín đồ cũng ít. Phía nam có bảo tháp nhỏ. Ngày trước vùng nầy thuộc xứ Án Ni, Vua A Dục tránh con đường lớn nên làm con đường nầy. Giữa thành có Bảo Tháp, nghe rằng đây có thờ Răng của Phật cao rộng trang nghiêm tráng lệ. Bây giờ không còn Răng nữa, chỉ còn Tháp thôi. Tháp cao hơn 30 thước. Tục lệ không cho biết Tháp nầy có tự bao giờ, nên không rõ. Tháp đứng trơ trọi chẳng còn ai ở đó nhưng rất linh thiêng. Phía Tây Nam

cách thành hơn 10 dặm có Bảo Tháp nữa. Nơi đây, đức Như Lai từ miền trung Ấn Độ đi du hoá đến nơi nầy. Không xa phía đông mấy, lại có một Bảo Tháp cũng theo truyền thuyết là nơi Bồ Tát - 43 -

ngày xưa gặp Phật Nhiên Đăng, mưa hoa cúng dường Phía tây nam cách thành hơn 20 dặm, có một ngọn núi thấp. Ở đó có chùa, viện và tháp miếu đều làm bằng đá. Nhưng hiện tại vườn không nhà trống không có bóng dáng một người tu. Giữa đó có một bảo tháp cao hơn 200 mét. Tháp nầy cũng được Vua A Dục kiến tạo. Phía tây nam của Già Lam thật tiêu sơ vắng vẻ, gió thổi trốc vách tường. Phía đông tường đá ấy có một động lớn, nơi đây cũng là nơi ở của con rồng Cù Ba La. Qua cửa hẹp thì có một động khác tối hơn. Động đá nầy có nước ngọt nhiễu từng giọt. Tự nó biến thành Chơn Dung của Phật, tướng hảo đầy đủ trang nghiêm tự tại. Từ đó đến nay, ít có người thấy được, nhưng kẻ nào thấy được mà chí thành cầu thỉnh thì được cảm ứng; nhưng ánh sáng thấy được đó không lâu. Ngày xưa, khi Phật còn tại thế, con rồng nầy là kẻ chăn trâu muốn dâng sữa cho Vua, nhưng dâng không được, tâm sân khởi lên. Sau đó mang một đồng tiền vàng mua hoa cúng Phật, nên được thọ ký tại tháp nầy. Tái sanh làm con rồng ác ấy đã phá hại nước của Vua, rồi bị đập đầu vào đá mà chết. Chết rồi, đọa thành Đại Long Vương ở trong Động Đá nầy. Tâm tánh thay đổi muốn ra khỏi động và không dám làm ác. Tâm thiện khởi lên chiêu cảm đến Như Lai. Thương con rồng, ngài vận thần thông từ miền trung Ấn Độ đến nước nầy. Vừa thấy đức Như Lai, con rồng buông xả tất cả tâm độc, liền thọ giới không sát sanh, nguyện hộ trì Chánh Pháp và cung thỉnh đức Như Lai lưu lại Động nầy, các vị Thánh Đệ Tử cũng lưu lại nơi đây mà thọ nhận sự cúng dường của rồng. Nhân đó, đức Như Lai bảo rằng: Như Lai sẽ vì người mà lưu lại hình ảnh, sau khi tịch diệt ở nơi nầy. Và lúc nào cũng có năm vị A La Hán ở tại đây để thọ nhận sự cúng dường của ngươi cho đến khi Chánh Pháp hoại diệt. Như có khi nào, ngươi khởi tâm sân hận, hãy xem ảnh của ta, với dáng từ bi, thì sân tâm của ngươi sẽ ngưng lại ngay. Khoảng giữa hiền kiếp nầy, vị Phật tương lai cũng có lòng bi mẫn thương ngươi mà lưu ảnh lại. Ngoài cửa động có hai trụ đá. Một trụ đá bên trên có khắc dấu chân của đức Như Lai. Một trụ có hình luân xa và nơi đây phát ra ánh quang minh. Hai bên cửa động cũng có hình nầy, và có những phòng nhỏ làm bằng đá. Tất cả như những tịnh thất mà chư vị Thánh đệ tử Như Lai dùng làm nơi nhập định. Phía tây bắc của động có một ngọn tháp, đây là nơi mà Như Lai đi kinh hành. Ở phía Nam tháp nầy có tháp thờ tóc và móng tay của đức Như Lai. Gần đó không xa, cũng có một tháp nữa, nơi mà Như Lai hiển dương Chân tông, nói về Uẩn, Xứ, Giới. Phía tây động có ảnh, có một tảng đá lớn. Nơi đây Ca Sa của Như Lai được giặt, hình ảnh ấy vẫn còn hiển hiện. - 44 -

Cách thành về phía Đông Nam hơn 30 dặm, đến nước Uẩn La Thành chu vi 45 dặm, kiên cố hiểm trở. Có rất nhiều hoa, trái, cây rừng, ao hồ. Người sống ở giữa thành, đều thuần lương, chánh tín. Có nhiều bức hoạ rất đẹp trên lầu, nhà. Có tháp nhỏ ở tầng hai làm bằng 7 báu, an trí xương đầu của đức Như Lai, xương nầy dài 1.2 tấc cũng có thờ mấy sợi tóc, phát ra ánh sáng. Ánh sáng nầy màu vàng và trắng, rất linh thiêng. Ở giữa tháp nầy, chiếu sáng như gương, nhìn vào đó thấy được sự tốt xấu của mỗi người. Mùi hương xông lên thấu tận xương tủy, tùy theo phước đức mà sự cảm ứng giao cảm với nhau. Trong tháp ấy, cũng có một bộ xương đầu của Như Lai, phóng quang màu sắc vi

diệu, an trí chỗ thật là trang nghiêm. Cũng có một tháp nhỏ khác bằng bảy báu, an trí xá lợi mắt của Như Lai. Tròng lớn như quả Nại, phát ra ánh sáng vi diệu, được an trí nơi cao quý. Y hoại sắc của Như Lai cũng được an trí một cách trang trọng ở nơi đây vẫn còn nguyên vẹn chưa bị hư hoại. Có cây tích trượng của Như Lai bằng gỗ Bạch Đàn, màu thiếc bạc nữa. Gần đây có một vị vua được nghe những bảo vật nầy, muốn lấy dùng, đem quân sang uy hiếp để mang về. Nhưng khi mang về đến nước, an trí những bảo vật ấy trong cung điện chưa bao lâu thì đã mất rồi. Khi biết ra, thì bảo vật đã quay trở về chỗ cũ. Năm thánh vật ấy có những mầu nhiệm khác nhau, cho nên Vua Ca Tất Thí cho năm người tịnh hạnh mang hương hoa đến cúng dường và gìn giữ như là Như Lai vẫn còn tại thế, chưa an nghỉ. Tuy nhiên, năm người tịnh hạnh nầy không chỉ muốn như thế mà còn đem tiền mướn người trông nom, và đặt ra một số điều lệ phức tạp khác đại để như là: Ai muốn chiêm ngưỡng Xá Lợi của Như Lai, phải nộp một đồng tiền vàng. như muốn chiêm ngưỡng hình ảnh Như Lai, nộp năm đồng. Những điều lệ nầy tự đưa ra và mọi người phải chấp thuận. Tòa lầu phía bắc cũng có Bảo Tháp cao lớn và linh thiêng vô cùng. Ai chỉ cần dùng tay chỉ có thể chấn động ngay, làm cho linh reo. Từ đây đi về phía đông nam hơn 500 dặm đến nước Càn Đà La. Nước Càn Đà La, đông tây hơn ngàn dặm, nam bắc hơn 800 dặm. Phía đông giáp sông Tín Độ. Đô thành là Bố Lộ Sa Bố La, chu vi hơn 40 dặm. Vương tộc bị tuyệt tự cho nên lệ thuộc nước Ca Tất Thí. Làng mạc tiêu sơ, dân cư thưa thớt. Trong cung thành chỉ hơn 1000 gia đình. Gạo thóc nhiều, rau quả, cây trái cũng thế, có nhiều mía. Nơi đây người ta sản xuất đường phèn. Khí hậu ôn hoà chẳng có sương tuyết. Tánh người tiêu cực, rất thích nghệ thuật, tôn kính ngoại Đạo, ít có tín tâm với Chánh Pháp. Dù là một nơi nằm gần biên giới Ấn Độ, nhưng từ trước tới nay, các vị luận sư Ấn Độ như Bồ Tát Vô Trước, Bồ Tát Thế Thân, Pháp Cứu, - 45 -

Như Ý, Hiếp Tôn Giả v.v.. đều sanh ra ở nơi nầy. Có khoảng 1000 Tăng Già Lam, nhưng nhiều ngôi bị hoang phế điêu tàn. Các bảo tháp cũng bị đổ nát. Có hơn 100 nơi thờ tự của các đạo khác, việc ăn ở rất tạp nhạp. Vương thành phía đông bắc, một đài kỷ niệm được xây dựng để thờ bình bát của đức Phật. Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, bình bát của ngài trở về nước nầy. Hơn 500 năm nay, các nước luân phiên nhau mượn để thực hiện nghi thức cúng dường của đức Phật. Ngoài thành Ba Lợi Tu về phía đông nam cách 89 dặm. có cây Tất Bát La cao hơn 100 thước cành lá sum sê, tàng cây rậm rạp. Có bốn vị Phật trong quá khứ đã ngồi dưới cây nầy, hiện tại cũng có bốn vị Phật ở đây, và trong Hiền kiếp nầy sẽ còn có 996 vị Phật ngồi nơi đây, cho nên nơi đây được gìn giữ cẩn mật và rất thiêng liêng. Nơi đây đức Như Lai ngồi quay về hướng Nam nói với ngài A Nan rằng: Sau khi ta diệt độ 400 năm, có một vị Vua ra đời tên là Ca Nị Sắc Ca, xây dựng một ngôi bảo tháp cách đây không xa về phía Nam để thờ rất nhiều Xá Lợi của ta. Phía Nam gốc cây Bồ Đề, có một Bảo Tháp. Tháp nầy do Vua Ca Nị Sắc Ca xây dựng vào khoảng 400 năm sau Phật diệt độ. Nhà Vua đã là người thống nhất sơn hà nhưng không tin tội phước, khinh thường Phật Pháp. Một hôm đi săn rượt theo một con thỏ trắng, Vua gặp một cậu bé chăn trâu ngồi dưới gốc cây đang chơi, xây một tháp nhỏ. Vua hỏi: - Con làm gì thế? Cậu bé đáp: - Ngày xưa, đức Thích Ca Mâu Ni là bậc Thánh trí có huyền ký rằng sẽ có một vị vua ở xứ nầy xây tháp phụng thờ Xá Lợi của ngài. Biết đâu

chính ngài cũng có tên trong số những người đức lớn ấy. Vì có nhờ phước đức lớn người mới được làm Vua. Cho nên hôm nay con đã nhắc lại để Ngài biết. Nói xong liền biến mất. Vua nghe rất vui mừng nghĩ rằng tên của mình là Đại Thánh đã được huyền ký. Nhân việc nầy, phát chánh tín, tôn trọng Phật Pháp. Bên cạnh tháp nhỏ đó, ngài dựng nhiều tháp đá và khắc ghi tất cả những công đức trên tháp. Tuỳ theo số lượng mà khắc từ tháp cao 3 tấc cho đến cao 400 tấc. Dấu vết nầy còn trơ lại chu vi hơn một dặm rưỡi. Có tháp đến 5 tầng, cao hơn 150 tấc. Trong đó cũng có nhiều tháp nhỏ. - 46 -

Nhà Vua nhân đó mà làm tháp chúc thọ. Trên đó, có khắc nhiều bánh xe bằng vàng và bằng đồng ở tầng thứ 25. Nơi đây cũng có an trí Xá Lợi của Như Lai, và là nơi thực hành nghi thức cúng dường tu phước. Khi Vua xây xong tháp nầy, thấy phía đông nam có nhiều tháp nhỏ không vừa ý mọc lên, ra lệnh đập cho thấp xuống chỉ còn phân nửa, hai tầng mà thôi. Bỗng nhiên xuất hiện một tháp nhỏ nữa, nhà Vua than rằng: Ô! Có phải do vô minh mà khó khăn như vầy. Hay là Thánh Linh không đồng ý. Vua tạ lễ ra về. Cái bảo tháp thứ hai nầy cho đến bây giờ vẫn còn. Ai có bệnh tật đau yếu, mang hương hoa đến cầu nguyện, thì hết bệnh. Về hướng đông của Đại Tháp, có hai bảo tháp bằng đá nữa. Một cái cao ba thước, một cái cao năm thước. Hình dáng hoàn toàn giống như tháp kia. Cũng có hai tượng Phật, một tượng cao bốn tấc, một tượng cao sáu tấc. Dưới cây Bồ Đề có tượng Phật kiết già. Khi ánh sáng mặt trời chiếu, sắc vàng hiện lên trên đá rồi chuyển sang màu xanh cam. Những bậc kỳ cựu cho biết: Hơn 100 năm trước, đá nầy có màu vàng óng ánh, có những đường vân đá lớn cỡ như lóng tay, những đường vân đá nhỏ cỡ hạt lúa mạch. Tất cả đều hiện lên trên mặt đá, có lúc hiện màu kim sa. Bức tượng bây giờ vẫn là tượng ấy. Phía Nam Đại Tháp kia có một bức tượng Phật họa cao 1m6 gồm có hai phần rõ rệt, từ ngực lên trên và từ ngực xuống chân. Ngày xưa có một người nghèo sống bằng nghề làm thuê, có được một đồng tiền vàng, nguyện hoạ tượng Phật, đến Tháp nầy nói với người họa sĩ rằng: Tôi muốn có một bức hình đức Như Lai đầy đủ diệu tướng, nhưng tôi chỉ có một đồng thôi. Tâm tôi muốn vậy có được không? Người họa sĩ biết tâm người ấy chí thành nên chẳng nói giá cả chỉ hứa họa cho mà thôi. Trước đó cũng có một người khác đưa ông cũng chỉ có một đồng tiền vàng, nhưng yêu cầu họa một bức tượng Phật. Người họa sĩ nhận cả hai đồng tiền mà chỉ họa có một tượng Phật thôi. Khi bức tượng họa xong, cả hai người nghèo cùng đến lễ bái. Người họa sĩ chỉ vào bức tượng nói với hai người cùng một câu nói: - Đây là bức tượng Phật mà tôi họa cho ông. Hai người rất ngạc nhiên nhưng không nói ra. Người họa sĩ hiểu được tâm của hai người nói rằng: - 47 -

- Sao mà tư lự vậy? Phàm tôi nhận của ai một việc gì, tôi không bao giờ thiếu một hào một ly. Nếu lời nói của tôi không dối trá, thì bức tượng sẽ biến hoá. Nói chưa dứt, bức tượng đã hiện ra nhiều điều linh dị, phân thân qua lại, ánh sáng rực rỡ. Hai người cảm phục sinh tâm hoan hỷ. Phía Tây Nam Đại Tháp, hơn 100 dặm đi bộ, có một tượng Phật bằng đá trắng cao một thước tám, mặt hướng về phía Bắc, linh thiêng vô cùng, thường phóng hào quang. Có khi người ta thấy tượng đi kinh hành nhiễu tháp vào ban đêm. Gần đây, bọn cướp muốn vào ăn trộm bức tượng, nhưng bức tượng đứng lên nghinh tiếp chúng, làm cho chúng hoảng sợ rút lui. Tượng bèn ngồi vào vị trí cũ. Nhờ vậy, bọn đạo tặc cải tà qui chánh đi khắp xóm làng kể cho mọi người đều biết chuyện nầy. Hai

bên Đại Tháp, mỗi bên có một Bảo Tháp nhỏ, phát ra ánh sáng màu, trăm loại óng ánh rất đẹp. Có tượng Phật trang nghiêm, điêu khắc vô cùng công phu. Có hương thơm, có âm thanh khác nhau thường nghe rất rõ. Có những vị tiên, những bậc Thánh Hiền, cũng thấy họ đi nhiễu Tháp. Tháp nầy Như Lai đã huyền ký sẽ có bảy lần hư hoại, bảy lần tái tạo tu bổ thì Chánh Pháp mới diệt tận. nhưng người ta cho biết tháp đã bị hoại đến ba lần rồi. Lần đầu bị cháy, bây giờ tu sửa lại đẹp đẽ, sau nầy sẽ hoàn thành. Phía Tây của Đại Tháp, có Già Lam do vua Ca Nị Sắc Ca kiến lập. Chùa có nhiều tầng làm nơi để cung thỉnh chư tăng về cúng dường tạo phước. Nhưng Tăng tín đồ càng ngày càng giảm thiểu. Phần nhiều tu theo Tiểu Thừa, tự xây dựng Chùa Viện; nhưng đức độ của chư vị luận sư, hoặc bậc chứng Thánh quả như những luồng gió mát thổi đến với họ không bao giờ tận. Trên tầng ba có thờ ngài Hiếp Tôn Giả. Phòng ấy lâu nay bị nghiêng nhưng vẫn còn đứng. Ngài Hiếp Tôn Giả thuộc dòng dõi Phạm Chí. Năm 80 tuổi mới xả tục xuất gia. Lúc bấy giờ trong thành, trẻ mục đồng hát nghêu ngao rằng: - Ông già ngu ơi, có biết không? Phàm người xuất gia có hai việc làm, một là thực tập thiền định, hai là tụng kinh, nhưng mà ông đã già rồi, làm được việc gì hay là chỉ biết ăn thôi? Nghe nhạo báng như vậy, Hiếp Tôn Giả rất lấy làm cảm tạ mà phát nguyện rằng: Cho đến khi nào còn chưa thông Tam Tạng, chưa ra khỏi ba cõi, chưa - 48 -

chứng lục thông, chưa đủ tám giải thoát, thì chưa ngồi. Từ đó về sau, suốt ngày đêm không ngủ, chỉ chuyên lo việc nghiên cứu kinh sách, dù đi, đứng, ngài luôn luôn tư duy giáo điển. Ban đêm tu thiền chỉ quán. Trải qua ba năm, Ngài thông cả Tam Tạng, chứng được trí tam minh, ra khỏi ba cõi, người người kính ngưỡng. Do vậy ngài hiệu là Hiếp Tôn Giả. Từ chỗ Ngài Hiếp Tôn Giả đến phía đông, có một phòng thất, nơi đây ngài Thế Thân đã lưu trú và sáng tác luận Câu Xá, được người đời cung kính và ngưỡng mộ. Phòng của ngài Thế Thân, ở phía Nam cách 50 dặm, ở tầng hai. Cùng với luận sư Như Ý sáng lập ra Tỳ Bà Sa Luận ở nơi nầy. Ngài sanh ra sau Phật nhập Niết Bàn 1000 năm, lúc nhỏ ham học, có tài biện luận. Vì nghe Pháp Phật hay, nên bỏ tục quy Tăng. Khi đó đến nước La Phiệt Tất Đệ, gặp Vua Tỳ Ngật La Ma A Dật Đa, uy phong của Ngài ảnh hưởng rất nhiều ở xứ Ấn Độ, mỗi ngày Vua cấp 5 ức tiền vàng để thí cho những người nghèo khổ cô độc. Vì thiếu hụt, nên vị đại thần giữ kho của nước đó rằng: “Uy thế của đại vương thật là cao cả, ảnh hưởng cho đến côn trùng, nhưng tăng lên năm ức đồng tiền vàng thì thiếu hết bốn. Trong kho không còn gì, chỉ còn đánh thuế vào đất đai, vì sự nguy kịch đó cho nên hạ thần phải tâu lên và xin bệ hạ dụng ân để chu cấp. Hạ thần thật là bất kính” . Nhà vua nói: - Những gì còn trong kho để cho đủ không. Chẳng bằng nước “Cẩu Vi Thân Đa Ma” tiêu dùng. Bèn thêm năm ức cho người nghèo. Sau đó đi thăm ruộng, tìm đuổi dấu tích con heo bị mất, và ai tìm được thì thưởng một ức đồng tiền vàng. Luận Sư Như Ý bảo người ta xuống tóc và một ức tiền vàng kia, Sứ thần của nước kia y đó mà niêm tải. Nhà Vua xấu hổ để thấy việc kia tâm thường theo khoái lạc. Muốn họ nhẫn nhục như luận sư Như Ý cho nên mới triệu tập hơn 100 người toàn là những bậc Cao Đức Thạc Học rồi ra lệnh: “Muốn bắt được, họ phải đi ra khắp nơi để tìm tung tích. Ngoại đạo thì phức tạp làm cho họ quy về. Nên khảo tra những ưu khuyết để mà tôn thờ, cho nên tập trung lại để luận nghị. Điểm trọng yếu như sau. Những luận sư ngoại đạo và những anh tú. Sa Môn Pháp Chúng đều tôn việc lành và

tuân chỉ đó. Kẻ nào thắng tức được tôn sùng trong Phật - 49 -

Pháp. Kẻ nào bại bị làm nhục nơi tăng đồ. Với ý nghĩa nầy đã yết cáo lên với ngoại đạo. Có 99 người đã thối lui. Còn một người không sợ khinh miệt như vậy, do vậy việc đàm luận trở nên kịch liệt sôi nổi. Nhà Vua và ngoại đạo đã ra tuyên ngôn: "Lời nói của luận sư không mất, như có lửa thì ắt có khói, đó là lý sự bình thường thôi. Như Ý tuy là muốn như thế nhưng mà khó có thể không nghe thấy được. Xấu hổ để thấy rằng họ nhẫn nhục để bị cắt lưỡi cho đến sau đó viết thư khuyến cáo ngài Thế Thân rằng đối với người ngoại đạo đừng nên tranh luận ý nghĩa Đại Thừa, đối với kẻ mê, không nên biện luận việc chánh tà. Nói xong mà chết. Ở đó chưa lâu thì Vua bị mất nước. Cùng với nhà vua vận động tìm kẻ hiền tài. Bồ Tát Thế Thân muốn làm lạnh cái tâm xấu hổ cho nên mới đến thưa với vua rằng: "Đại Vương là bậc Thánh Đức, quang giáng nơi đây làm bậc nhân chủ của sự hiểu biết trong thiên hạ. Vị sư Như Ý trước đây học hết nghĩa lý kinh điển, vị Vua trước đã giận vì người ta đưa danh của sư lên cao. Tôi tiếp theo việc làm nầy nghĩa là muốn nhắc lại oán xưa. Vị vua nầy vốn biết luận sư Như Ý là một triết gia. Nay Ngài Thế Thân muốn nói, hãy triệu những vị ngoại đạo như luận sư Như Ý, để cho Ngài Thế Thân nhắc lại ý chỉ trước đây. Rồi ngoại đạo cảm tạ lui ra. Vua Ca Nị Sắc Ca ở phía đông bắc cách năm mươi dặm hơn có tạo dựng một ngôi Già Lam. Qua khỏi sông lớn thì đến thành Bố Sắc Yết La Phiệt Đệ. Chu vi của thành nầy 14,5 dặm. Những người ở đây đa phần ở trong động nối tiếp nhau. Cửa thành phía tây có một đền thờ Phạm Thiên, tượng Phạm Thiên uy nghiêm linh dị tương tục. Phía đông của thành có một Bảo Tháp, do Vua A Dục kiến tạo, nhằm nơi Thuyết pháp của đức Phật quá khứ thứ tư. Thánh Hiền ngày xưa đều xuất thân từ miền trung Ấn Độ giáng sanh xuống nơi nầy không phải là ít. Tức "Phạt Tô Mật Đản Đa" Luận Sư (Thế Hữu, cũng còn gọi là Hoà Tu Mật Đa). Tại nơi đây, ngài đã vì chúng mà tạo nên bộ A Tỳ Đạt Ma Luận. Cách thành phía bắc bốn dặm rưỡi thì có một Già Lam cũ vườn tược hoang phế tăng đoàn ít ỏi. Họ là những người tu theo Tiểu Thừa giáo. Tức Đạt Ma Đản La Đã Luân Sư (Pháp Cứu, cũng còn gọi là Đạt Ma Đa La). Ở nơi nầy, Ngài đã sáng tác ra Tạp A Tỳ Đàm Luận. Ở phía chùa kia, có Bảo Tháp cao hơn 100 mét. Tháp nầy do Vua A Dục xây dựng. Chạm chữ trên gỗ và đá với những nhân công khác nhau. Đó là sự tích làm Vua ngày trước của đức Phật Thích Ca, tu khổ hạnh, từ sự mong muốn của chúng sanh mà bố thí không ngừng nghỉ, dù bị mất thân cũng không thay đổi. Nơi quốc thổ nầy, Vua đã sanh lại một ngàn - 50 -

lần, tức là Thắng Địa. Cũng có một ngàn lần xả mắt. Từ nơi đây qua phía đông không xa, có hai bảo tháp bằng đá. Mỗi cái cao hơn một trăm thước. Bên phải có tượng Phạm Vương, bên tả có tượng Đế Thích. Đây là những trân bảo được trang sức. Sau khi Như Lai tịch diệt đá quý nầy cũng thay đổi. Nơi nầy càng ngày càng được tôn sùng. Phía tây bắc của tháp Phạm Thích, hơn 50 dặm có thêm một bảo tháp nữa. Đây là nơi đức Thích Ca Như Lai vì hoá độ quỷ Tử Mẫu đừng làm hại người. Đây cũng là nơi phong tục của nước cúng tế cầu tự. Từ phía bắc của Tháp quỷ Tử Mẫu nầy hơn 50 dặm lại có một tháp khác đó là Thương Một Ca Bồ Tát (Anh Ma Bồ Tát) cũng phụng dưỡng nuôi cha mẹ mù. Tại nơi đây trong khi hái rau bị Vua đi tuần bắn lầm tên độc. Nhưng nhờ sự chí thành cảm linh cho nên chư Thiên cho thuốc. Nhờ nhiều phước đức mà không có việc gì xảy

ra. Từ chỗ Đông Nam, nơi Bồ Tát bị hại đến thành Bạt Lô Xa. Ở phía bắc thành cũng có một bảo tháp tên là Tu Đạt Noa Thái Tử. Vì lấy voi quý của phụ thân cho Bà La Môn cho nên bị đày qua nước Tẩn Cố Tạ. Khi ra đến cửa thành thì cáo biệt. Ở nơi nầy, Chùa Viện hơn 50 cái, chư Tăng theo phái Tiểu Thừa. Ngày xưa có luận sư Y Thất Phạt La (Tự Tại) ở nơi nầy mà tạo ra Luận A Tỳ Đạt Ma Minh Chứng. Bên ngoài cửa phía đông của thành Bạt Lô Xa có một ngôi Già Lam, Tăng tín đồ hơn 50 người. Họ tu học theo Đại Thừa Giáo. Cũng có bảo tháp do Vua A Dục dựng. Nơi đây có tích Thái Tử Tu Đạt Noa bị đày vào núi Đãn Đa Lạt Già. Nơi đây đã được những người Bà La Môn cúng cháo. Phía Đông Bắc của thành Bạt Lô Xa hơn 20 dặm là đến núi Đãn Đã Lạt Già. Ở trên đỉnh núi cũng có bảo tháp. Tháp nầy do Vua A Dục kiến tạo. Thái Tử Tu Đạt Noa đã trốn nơi nầy. Từ phía nầy chẳng xa cũng có một bảo tháp khác ghi lại nơi Thái Tử đã cho con trai, con gái của mình cho Bà La Môn. Người Bà La Môn đó đã đánh đập con trai con gái của Thái Tử ra máu, cho nên bây giờ cây cỏ ở đây cũng mang màu sắc ấy. Phía trên một hòn đá là nơi thực tập thiền định của Thái Tử và Vương Phi. Bên trong hang có cây cối rất là rậm rạp. Nơi nầy cũng là nơi Thái Tử đã ngừng bước vân du. Từ đây không xa mấy có một tảng đá. Tức là nơi cư trú của Tiên Nhân ngày xưa. Phía tây bắc của Tiên Lô, đi hơn 100 dặm vượt qua một núi nhỏ thì đến núi lớn. Phía nam của núi nầy có một ngôi Già Lam, Tăng Tín đồ tương đối ít. Họ tu học theo Đại Thừa. Phía bên nầy cũng có một ngôi - 51 -

tháp do Vua A Dục dựng nên. Chuyện xưa kể rằng nơi đây khi xưa có một vị Độc Giác cư trú. Tiên nhân vì dâm nữ khuấy động cho nên mất thần thông, bị dâm nữ cỡi cổ mà trở lại đời cũ. Phía đông bắc của thành Bạt Lô Xa, đi hơn 50 dặm thì đến núi cao. Núi nầy có một tượng đá xanh hình đức Quán Tự Tại với dáng người nữ. Cũng có Tỳ Ma Thiên Nữ. Nghe phong tục địa phương kể lại rằng, tượng Tự Tại Thiên nầy tự nhiên mà có, rất linh nghiệm do sự kỳ nguyện mà thành. Các nước tại Ấn Độ đến đây cầu phước và thỉnh nguyện. Giàu nghèo, xa gần tất cả đều đến đây để cầu nguyện và thấy được hình của Thiên Thần, khi chí thành không có hai niệm. Nhịn ăn bảy ngày thì sẽ được thấy. Sự cầu nguyện sẽ được thành công, dưới chân núi có một đền thờ đức Quán Tự Tại Thiên. Người Ngoại Đạo cũng có đền thờ ở đây để cúng tế. Đền thờ Tỳ Ma Thiên từ phía đông nam đi đến 150 dặm đến thành Ô Trạch Ca Hán Trà. Chu vi của thành là 20 dặm. Phía Nam giáp với sông Tín Độ, người tại đây giàu có sung mãn, thường hay tích chứa tài sản, đồ quí vật lạ các nơi đều tập trung nơi nầy. Từ phía tây bắc của thành Ô Trạch Ca Hán Trà đi hơn 20 dặm, đến làng Bà La Đổ La. Đây là nơi sinh trưởng của Tiên Bà Nhi Ni, người đã chế ra Thanh Minh Luận. Là một văn học cổ đại có ảnh hưởng rất lớn. Trải qua kiếp hoại thế giới sẽ trở về Không. Các vị chư thiên có tuổi thọ sẽ giáng sanh vào Đạo Sĩ và Tục Nhơn. Do tích nầy mà có chuyện trên vậy. Từ đó về sau chuyện nầy được lưu truyền mãi. Phạm Vương Thiên Đế được thành hình là theo tục nầy. Các Đạo khác có các chư tiên chế ra chữ nghĩa. Con người do việc trước đã sắp đặt truyền lại, mà thành tập tục. Các người nghiên cứu khó mà dùng biểu tượng để biết rõ ràng. Khi con người có tuổi thọ 100, có vị Tiên tên là Bà Nhi Ni khi sanh ra đã biết mọi việc, rất mẫn cảm. Muốn biết sự hư ngụy nổi trôi như thế nào liền ra đi đến hỏi Đạo, thì gặp Tự Tại Thiên. Sau đó thưa thỉnh thuật lại chí nguyện. Tự Tại Thiên bảo rằng: Tốt lắm ta

đang chờ ngươi đây. Tiên nhân thọ giáo rồi lui. Sau đó nghiên cứu tinh chuyên tạo thành lời dạy, làm ra chữ nghĩa có trên ngàn lời tụng. Tụng đến 32 lần. Từ xưa đến nay tổng quát các văn tự vậy. Tánh cách cao cả cho nên vua chúa cũng trân quý. Vì vậy cho nên vua ra lệnh cho cả nước hãy phổ biến sử dụng lời thơ nầy. Có tụng đọc có lợi ích, phải thưởng một ngàn tiền vàng. Cho nên các Thầy giáo lúc bấy giờ rất thịnh hành. Cùng trong ấp nầy là những người Bà La Môn, là những bậc Thạc Học tài cao, biết rộng hiểu sâu, đã làm việc ấy. Ở giữa ấp Bà La Đổ La có một bảo tháp. Nơi Hoá thân của La Hán và sau nầy là của Tiên Nhơn Bà Nhi Ni. Sau khi Như Lai diệt độ năm trăm năm, có một vị Đại A La Hán, từ nước Ca Thấp Di - 52 -

La (Karmira) du hoá đến nơi nầy. Sau đó gặp một người Phạm Chí hỏi Đạo. Lúc ấy ngài A La Hán vì Phạm Chí mà hỏi: - Khổ như thế nào? Phạm Chí đáp: - Ta học Thanh Văn luận nghiệp chẳng tiến bộ. A La Hán nghe qua cười. Lão Phạm Chí bảo: -Phàm là Sa môn, có tâm từ bi thương giúp tất cả muôn loài. Nay hãy lấy lòng từ để nguyện, nghe được việc nầy ngài nói cho. A La Hán nói: - Việc đàm luận không phải dễ dàng, sợ có nghi ngờ sâu. Ngươi hãy nghe đây! Tiên Nhơn Bà Nhi Ni chế ra Thanh Minh Luận để dạy cho đời phải không? Bà La Môn nói: - Là con của làng nầy đấy. Sau nầy vì lòng tin mà thiết lập nên tôn tượng nơi đây. A La Hán nói: - Nay người ở làng nầy tức là vị Tiên kia, phải dụ cho trí thức cao cả làm mô phạm cho đời. Tuy nhiên khi đàm luận với những luận khác thì không nghiên cứu chân lý. Cho nên thần trí bị hao tổn, lưu chuyển vậy. Phải biết việc thiện mà làm, nên ngươi phải yêu thương nó vậy. Từ đó, văn chương chữ nghĩa trong cuộc đời do công việc nầy mà tích chứa lại. Chẳng bằng với Thánh Giáo của đức Như Lai phước trí vô lượng. Như ngày xưa ở bờ biển Nam Hải, có một cây khô, có con rùa biển sống trong đó hơn 500 năm. Có các thương nhân dừng lại dưới cây nầy thời gặp gió rét, người người đói lạnh, mọi người họp lại đốt lửa cho ấm. Khói lửa nung lên dưới cây khô nầy. Trong những thương nhân đó, có một người ban đêm tụng A Tỳ Đạt Ma tạng, con rùa vì bị ngộp lửa rất đau đớn khi nghe được lời tụng đó rất thích nhưng không chịu ra khỏi, khi bị mệnh chung theo nghiệp thọ sanh, liền được thân người bỏ nhà đi tu. Nghe được pháp nầy thông minh lợi trí. Chứng được Thánh Quả, vì đời mà tạo phước điền. Gần đây là vua Ca Nị Sắc Ca và Hiếp Tôn Giả đã triệu tập năm trăm Hiền Thánh tại nước Ca Thấp Di La để tạo nên Tỳ Bà Sa Luận. Trong số đó cũng có vị tái sanh từ con rùa đã sống 500 năm trong bộng cây khô đó. Đây là một điều hy hữu, mà tốt xấu khó nói hết được. Nay vì nhà - 53 -

ngươi nhân vì thương con mà hứa cho đi tu. Công đức của việc xuất gia không thể tường thuật hết. Lúc ấy A La Hán nói lời nầy xong liền hiện các loại thần thông. Vị Bà La Môn phát sanh cung kính thâm hậu hoan hỷ lâu dài cho nên mới bảo những người chung quanh bỏ cả con cái xuất gia tu học. Từ đó sùng tín ba ngôi Tam Bảo. Người làng từ việc biến hoá đó cho đến nay vẫn còn truyền lại. Từ thành Ô Trạch Ca Hán Trà đi đến phía bắc, có núi và sông. Đi hơn 600 dặm, đến nước Ô Trượng Na.

- 54 -

Quyển thứ ba (8 nước)

1. Nước Ô Trượng Na 2. Nước Bát Lộ La 3. Nước Đản Hựu Thỉ La 4. Nước Tân Ha Bổ La 5. Nước Ô Sách Thi 6. Nước Ca Thấp Di La. 7. Nước Bán Nô Sai 8. Nước Yết Na Phược Bổ La Nước Ô Trượng Na chu vi năm ngàn dặm, núi non tiếp xúc với sông ngòi liên tục với nhau, tạo thành bình nguyên, cấy lúa trồng trọt nhưng đất đai không phì nhiêu. Nho rất nhiều nhưng mía ít. Thổ sản là nghệ. Có nhiều khoáng sản như: vàng bạc. Cây trái hoa quả rất nhiều. Gió mưa nóng lạnh điều hoà cho nên tánh tình phong tục của con người ở đó cũng thuần hậu, thích học hỏi nhưng chẳng tha thiết. Lấy chú thuật làm nghề nghiệp. Y phục đa phần làm bằng lông cừu trắng, nhưng không nhiều. Ngôn ngữ tuy khác nhưng đại để giống tiếng Ấn Độ. Chữ viết lễ nghĩa, phép tắc đều lấy Phật Pháp tôn sùng, tu theo Giáo Lý Đại Thừa. Có sông Lai Tô Bà Phạt Tốt Đổ. Ngày xưa có một ngàn bốn trăm ngôi Già Lam, hầu hết bị hoang phế. Trước đây, Tăng tín đồ khoảng 18 ngàn người, bây giờ giảm thiểu rất nhiều. Họ tu theo Đại Thừa, lấy Thiền định làm sự nghiệp. Thích tụng kinh văn, nhưng ít thấu hiểu nghĩa sâu. Giới hạnh tinh khiết, đặc biệt ưa chú thuật. Luật nghi truyền dạy gồm có năm bộ 1. Pháp Mật Bộ 2. Hoá Địa Bộ 3. Ẩm Quang Bộ 4. Nhất Thiết Hữu Bộ 5. Đại Chúng Bộ. Đền thờ có hơn mười ngôi. Ngoại đạo ở hổn tạp. Cách thành nầy bốn dặm rưỡi, nhà Vua còn trị vì một thành khác tên là Tào Yết Phấn. Chu vi của thành mười sáu dặm bảy. Có người cư ngụ nơi đây. Từ phía thành Tào Yết Phấn cách phía đông bốn dặm rưỡi, có một Bảo Tháp rất thiêng liêng, ghi lại nơi Phật ngày xưa là tiên nhân tu nhẫn nhục. Nơi đây là nơi mà thân thể Vua Ca Lợi bị tổn hại. - 56 -

Phía Đông Bắc thành Tào Yết Phấn đi hai trăm năm mươi sáu dặm thì vào núi lớn đến dòng suối Rồng A Ba La La. Dòng suối nầy là thượng nguồn của sông Tô Bà Phạt Tốt Đổ, chảy qua phía Tây Nam. Tuy mùa xuân mùa hạ nhưng vẫn còn tuyết về ban đêm. Tuyết rơi lóng lánh chiếu sáng. Thời Phật Ca Diếp, con rồng nầy sanh làm người, tên là Cạnh Thị, chuyên dùng chú thuật để ngăn Ác Long không cho làm mưa làm gió. Đời sống người dân trong nước được phồn thịnh, ai ai cũng cảm ân nhiều. Thuế nhà cửa chỉ là mười đấu thóc, nhưng càng ngày càng nhiều khó khăn, cho nên Cạnh Thị mới giận dữ mà nguyện trừ khử Độc Long, vì nó đã làm thương tổn đến mùa màng gia súc. Khi chết đi, nó biến thành con rồng ở Hồ nầy. Nước suối chảy màu trắng, làm tổn hại đến đất đai. Khi đức Thích Ca Như Lai còn tại thế vì lòng bi mẫn thương người ở nước nầy, nên giáng sanh nơi đây. Để hoá độ rồng nầy, thần Chấp Kim Cang quơ tích trượng Long Vương chấn động nên vội quy y, nghe Phật thuyết pháp, khởi tâm thanh tịnh, y giáo pháp tin hiểu. Như Lai bắt nó không được làm tổn hại đến dân chúng. Rồng thưa: Phàm đã có đồ ăn, lại lấy ruộng và người. Nay vâng theo Thánh giáo nhưng sợ khó có đủ đồ chu cấp cho nên cứ 12 năm xin thâu đồ ăn một lần. Như Lai cũng còn thương cho nên hứa khả cho. Vì vậy cho nên xưa nay, cứ 12 năm là gặp một tai nạn tại dòng nước trắng nầy. Từ phía Tây Nam suối rồng A Ba La La cách ba mươi dặm, trên bờ suối nước chảy phía bắc có một tảng đá lớn. Nơi đây có ghi lại dấu chân đức Phật. Do phước đức của mỗi người mà thấy bàn chân kia dài hay ngắn khác nhau. Đây là nơi Như Lai đã hàng phục con rồng kia rồi mà lưu lại dấu tích ấy. Người đời sau, thường hay góp nhặt đá ấy để làm nhà, xa gần đều mang hương hoa đến để cúng dường. Cách đây hơn 30

dặm có miếng đá để giặt y Như Lai. Bóng Ca Sa của Như Lai vẫn còn khắc ghi lại nơi đây. Phía Nam thành Tào Yết Phân hơn 400 dặm, đến núi Ê La. Nước phía tây chảy ngược lại phía đông. Có nhiều hoa trái khác nhau bị cuốn trôi vào đấy, nên rất nguy hiểm. Hoặc nghe được những âm thanh tiếng nói, hoặc nghe được tiếng dội của âm nhạc từ nơi những hòn đá cao như thác mà thành. Hai bên bờ có nhiều hang động. Đây là nơi Như Lai ngày xưa đã nghe được nửa bài kệ tụng mà xả thân mệnh. Từ phía Nam thành Tào Yết Phân đi hơn hai trăm dặm, có một ngôi chùa Ma Ha Phạt Na ở phía núi lớn. Nơi nầy ngày xưa Như Lai tu khổ hạnh, có tên là Vua Tát Phược Đạt của nước Tỵ Thích Khí đi đến đây, gặp người Bà La Môn nghèo từ phương xa đến xin ăn. Vua đã mất ngôi nên không có gì để cho, Vua bèn ra lịnh giết Vua đi để lãnh tiền thưởng. Ở phía Tây Bắc dưới chân núi Ma Ha Phạt Na, có một Già Lam và cách hơn 34 dặm, lại có một Già Lam nữa cùng một Bảo Tháp cao hơn - 57 -

100 thước. Từ phía nầy, có một hòn đá lớn trên đó có ghi lại dấu tích bàn chân của Như Lai, mà ngày xưa Phật đã ở tại hòn đá nầy, Ngài đã phóng hào quang chiếu đến ngôi chùa Ma Ha Phạt Na, mà vì mọi người chư thiên thuyết kinh Bổn Sanh. Dưới chân Bảo Tháp có một hòn đá, sắc màu vàng trắng, có chỗ trơn láng, đây là nơi Như Lai ngày trước tu khổ hạnh. Vì nghe Chánh Pháp mà nơi đây đã lấy xương cốt mình để chép kinh. Phía tây ngôi chùa Ma Thâu, hơn 67 dặm, có một Bảo Tháp. Bảo Tháp nầy do Vua A Dục xây dựng. Nơi đây chính là nơi đức Phật tu khổ hạnh hiệu là Tỳ Ca Vương. Vì cầu quả vị Phật, mà đã tự sát bố thí thân cho chim. Từ phía Tây Bắc của Đại Tháp, đi hơn hai trăm dặm vào nước Sắc Ni La Phiệt, sau đó đến nước Tát Ai Sát Địa. Lại có một Tăng Già Lam cũng có Bảo Tháp cao 80 thước. Nơi đây ngày xưa đức Như Lai đã làm một vị Đế Thích, gặp lúc đói khát tật bịnh hoành hành. Y dược không phương cứu chữa, nhiều người chết chóc. Đế Thích sầu lo muốn cứu giúp, mới biến hình thành một con trăn lớn, nằm nơi hang đá và sông rạch. Người ta nghe đến giết con trăn để lấy thịt mà sống trừ bệnh tật đỡ đói khát. Cách từ phía nầy không xa có một bảo tháp Tô Ma, nơi đây Như Lai ngày xưa đã làm Đế Thích lúc bệnh tật thương cảm các loài hàm thức mà biến thân thành một con rắn. Phàm ai ăn được thịt rắn thì đỡ đói khát. Phía Bắc của sông Sắc Ni La Phiệt, có một hòn đá bên cạnh Bảo Tháp, mà những ai bệnh hoạn đến cầu xin đều được thuyên giảm. Như Lai ngày xưa đã làm con chim Khổng Tước Vương (con công). Từ đây đến một nơi gọi là Tìm Cầu Nước Uống. Khổng Tước Vương đã đến bên bờ để tìm nước nơi suối chảy. Bây giờ nơi đây đã trở thành một cái ao, ai uống nước nầy vào tật bịnh tiêu trừ. Trên hòn đá vẫn còn dấu chân của Khổng Tước lưu lại. Từ phía Tây Nam thành Tào Yết Phân đi hơn 67 dặm, có một con sông lớn và phía Đông có một Bảo Tháp cao hơn 60 thước, do vua trước đã kiến lập. Ngày xưa tương truyền rằng sau khi Như Lai diệt độ, ngài bảo đại chúng rằng: Sau khi ta nhập Niết Bàn, Xá Lợi của ta do Vua nước Ô Trượng Na phân chia. Nếu các vương tướng muốn có được, phải theo sự phân chia của vị vua nầy vậy. Lúc bấy giờ trời người và đại chúng đều tôn trọng tuyên dương và nguyện làm giống như lời của Như Lai. Sau khi phân chia rồi mang về nước họ. Tuỳ theo sự tôn sùng mà kiến lập nên Bảo Tháp. Phía bờ sông nầy có một hòn đá lớn giống như con voi. Ngày xưa nhà vua đã cỡi tượng trắng nầy mà rước Xá Lợi về đến nơi đất nầy, con - 58 -

voi cúi đầu xuống. Do nguyên nhân nầy mà biến thành một hòn đá và ngay chỗ nầy đã xây dựng lên một Bảo Tháp. Phía Tây của thành Tào Yết Phân 50 dặm qua con sông lớn, đến Lô Ê Đản Ca, cũng có một bảo tháp, cao hơn 50 thước do vua A Dục kiến lập nên. Chính nơi đây đức Như Lai đã tu khổ hạnh vì đại quốc vương mà nói rằng: - Ta dùng lòng từ, hãy lấy huyết thân ta để cứu cho năm con Dược Xoa. Phía Đông Bắc thành Tào Yết Phân, cách 30 dặm hơn, đến Yết Bộ Đa Thạch, nơi đây có một Bảo Tháp cao 40 thước. Tại nơi đây xưa kia đức Như Lai đã vì trời người, thuyết Pháp khai đạo. Khi Như Lai đi qua, từ dưới đất nầy Bảo Tháp tự nhiên mọc lên. Do đó mọi người tôn kính mà đem hương hoa để cúng dường. Phía Tây Bảo Tháp bằng đá kia, qua sông lớn cách 34 dặm, đến một tinh xá. Ở giữa tinh xá có thờ tượng A Phiệt Lô Kỳ Đệ Thất Phạt La Bồ Tát (Avalokitesvarsa Bồ tát Quan Thế Âm), rất linh thiêng và chiêu cảm. Tăng tục đều cúng dường không ngơi nghỉ. Phía Tây Bắc tượng Quán Thế Âm Bồ Tát cách 150 dặm đến núi Lãm Sắc Lô. Trên đỉnh núi cao kia có hồ rồng chu vi hơn 30 dặm. Sóng lớn giao thoa lưu xuất. Ngày xưa, Vua Tỳ Lô Thích Ca chinh phạt dòng họ Thích, có bốn người trong thân tộc phân thân để bay đi. Có một người trốn thoát đi đến giữa đường bị người khác bay đến chận lại. Lúc bấy giờ có một người bay qua bay lại đùa giỡn phía trước, rồi bay lên, bay xuống trên bờ hồ. Vì đi quá xa và đến nước khác rồi nên Người dòng họ Thích không biết đường và thấy vậy chẳng biết làm sao nên vội vã núp dưới tàng cây. Lúc đó, có một thiếu nữ con Vua Rồng du ngoạn gần bờ hồ, thấy người dòng họ Thích sợ hãi lo lắng, liền biến thành người nữ, để người dòng họ Thích không sợ hãi nữa và nói rằng tôi đang tìm người thân, và nghi rằng đang ở nơi nầy nên đến đây. Cha mẹ tôi dặn phải đề phòng cẩn thận không được sai trái, nhưng tôi không muốn nghe lời. Người dòng họ Thích nói: - Núi rừng mênh mông mà hôm nay đến hồ nầy lại gặp Long Nữ. Tôi vì Thánh Tộc Lưu Ly mà đi tị nạn, mới trôi nổi đến đây. Nay gặp rồng nữa. Long Nữ nói: - Người và Vật không thể trao đổi với nhau bằng lời được. Người họ Thích nói: - 59 -

- Nghe chỉ một lời là thấy rõ nơi tâm rồi. Long Nữ nói: - Vừa nghe đã hiểu Người dòng họ Thích phát thệ rằng: - Tôi xin đem năng lực phước đức có được sang qua cho Long Nữ để biến thành thân người. Nhờ phước lực nầy mà bỗng nhiên Rồng bèn biến thành người. Được thân người, Rồng rất vui mừng mà tạ ơn rồi nói: Lâu nay, tôi bị trầm luân trong cõi ác, hôm nay thật là diễm phúc được phước lực gia tăng, thân đã đổi thay, ân nầy xin đáp đền, nghĩa nầy về sau sẽ hậu tạ. Tâm nguyện đáp đền bằng sự giao ước. Ta thưa với cha mẹ của ta về sau dùng lễ vật để trả ơn. Sau đó Long Nữ trở về ao thưa với cha mẹ rằng: Con đi chơi gặp một người thuộc dòng họ Thích có nhiều Phước Lực đã cảm con thành Người. Hai chúng con đã thương nhau, con xin thưa thật. Long Vương lòng rất vui, vì giữa mình và Thánh tộc có sự liên kết. Long Nữ thưa tiếp: - Xin cha cho con được ra khỏi ao để tạ lễ người dòng họ Thích Gặp người họ Thích nói rằng: - Xin ngài hãy vì chúng sanh khác loại, chớ đừng vì tôn ty sang hèn, hãy đến nhà tôi mà nhận sự cảm tạ của cha mẹ tôi. Người dòng họ Thích chấp thuận lời mời xuống Long cung, và Long Vương vui mừng đích thân đến thi lễ. Người dòng họ Thích thấy hình dáng rồng không thích lắm cho nên muốn kiếu từ. Long Vương giữ lại nói: - Gặp gỡ chưa bao lâu, mà sao vội về vậy. Tôi báo cho thần dân biết điều nầy. Người dòng họ Thích cảm tạ thưa: - Thôi chẳng cần. Long Vương lấy bảo kiếm để trên hộp bao bọc bên

ngoài bằng lông trắng và nói với Người họ Thích rằng:

- 60 -

- Hãy đem bảo kiếm nầy về cống hiến cho Vua kia,, Bảo Kiếm sẽ tự hại Vua đó Bởi vì nước kia không tốt lắm, người dòng họ Thích nhận lời chỉ bảo của Long Vương, cho nên mang bảo kiếm dâng cho Vua nước Ô Trượng Na. Người dòng họ Thích giấu kiếm trong tay áo đi thích khách. Sau đó những vệ binh cận thần hô lên có loạn có loạn. Người dòng họ Thích quơ kiếm nói rằng: - Tôi có kiếm thần, do Long Vương trao, Sau khi tru di rồi, sẽ tạm không có Vua, hoặc phải suy tôn người họ Cù lên vương vị. Đây là duyên cớ để cải đổi nền hành chánh. Rồi thì mọi người bị động trong vấn đề nầy, liền báo mệnh cho Long cung, đón Long Nữ về Vương cung. Túc nghiệp của Long Nữ chưa hết, vẫn còn dư báo làm Rồng, cho nên thỉnh thoảng Long Nữ vẫn hiện hình là một con rồng chín đầu. Người dòng họ Thích sợ hãi, nên âm thầm lấy dao cắt đi. Long Nữ hoảng sợ nói rằng: -Điều nầy không lợi về sau. Khi mà mạng sống của tôi bị tổn thương, thì con cái của dòng họ sẽ bị khổ về bệnh đau đầu, vì thế con cháu họ Thích thường hay bị bệnh ấy, nhưng bệnh ấy không kéo dài. Dòng họ Thích chưa có người kế vị cho nên lập Ôn Đán La Tê Na làm Vua. Sau khi nhà Vua tức vị, Thân mẫu qua đời, an táng xong. Đức Phật cho Rồng A Bà La La hoàn hình lại như cũ. Từ trên không hạ xuống cung đình. Lúc ấy nhà Vua đang đi săn. Như Lai vì mẹ mà lược thuyết pháp yếu. Gặp Thánh nghe Pháp được hiểu rõ ràng. Như Lai lại bảo rằng: - Con của ngươi thuộc về dòng tộc Thích. Nay ở tại đâu? Người mẹ đáp: - Nó đi ra ngoài từ sáng sớm. Như Lai cùng đại chúng muốn tìm hiểu nguyên nhân nầy. Vương Mẫu đáp: - Con tuy được Phước Đức sanh vào trong Thánh Tộc nầy. Như Lai vì lòng thương tưởng mà giáng lâm. Mẹ con trở lại nguyện nầy luôn chờ đợi và luôn giữ. Thế Tôn đáp: - Ngươi cũng thuộc dòng tộc của ta, hãy nghe mà tin nhận. Không phải chỉ người thân mới phát tâm vì ta mà làm vậy. Lại nói thêm rằng:

- 61 -

Như Lai từ đây mà đi đến thành Câu Thi Na và nhập Niết Bàn trong rừng Ta La Song Thọ. Hãy thâu lấy Xá Lợi để mà cúng dường. Như Lai cùng chư Đại Chúng nương hư không mà đi. Nhà Vua đang săn bắn xa xa thấy ánh sáng phát ra tại cung điện của mình, nghi là bị cháy nên bỏ đi săn mà về. Khi ấy gặp được thân mẫu mừng mà hỏi rằng. Khi con đi khỏi có chuyện gì linh cảm xảy ra, mà có thể làm cho từ mẫu trở lại hình dáng như ngày xưa? Người mẹ đáp: - Sau khi con đi rồi, Như Lai đến đây, mẹ nghe Phật thuyết pháp xong bèn trở lại như cũ. Như Lai từ đây sẽ đến thành Câu Thi La, ở dưới cây Ta La, thâu thần nhập Niết Bàn. Ngài nhắn con rằng hãy đến đó để phân chia Xá Lợi. Khi Vua nghe xong rồi cảm động đau đớn, mà tỉnh ngộ ra. Sau đó cho xa giá đến rừng Ta La Song Thọ thì Phật đã vào Niết Bàn. Lúc bấy giờ Vua các nước lân bang rất trân quý Xá Lợi cho nên không muốn chia. Ngay lúc ấy trời người cùng đại chúng tuyên lại ý Phật. Các vị nghe rồi mới lãnh thọ. Phía đông bắc thành Tào Yết Phân là núi Thâu, qua khỏi sơn cốc ấy đi ngược lên là sông Tín Độ. Đường đi rất nguy hiểm vì núi non chập chùng, hoặc giây leo chằng chịt, hoặc đá dựng. Đường cầu treo lắc lẽo gian nan khó mà an toàn. Đi hơn ngàn dặm đến sông Đạt Lệ La, tức thuộc kinh đô cũ

của nước Ô Trượng Na. Nơi đây có sản xuất nhiều vàng và nghệ. Có một Già Lam lớn tại Đạt Lệ, có khắc một bức tượng gỗ của Bồ Tát Từ Thị (Bồ Tát Di Lặc). Ánh sắc vàng chói linh hiển vô cùng cao hơn 100 thước. Tượng nầy do vị A La Hán tên là Mạc Điền Đệ Ca tạo nên. Vị A La Hán nầy đã dùng thần lực để biến thành người thợ tạo tượng. Từ cõi trời Đâu Suất xuống nên có thân tướng rất trang nghiêm. Cho nên hình dáng toàn thân bức tượng rất ư đẹp đẽ. Giáo Pháp lưu chuyển từ đây về hướng đông. Đến hướng đông thì gặp đỉnh núi Thâu, qua khỏi các hang động, ngược lên bên trên là sông Tín Độ. Đường đi nơi đây rất hiểm trở, qua năm trăm dặm hơn thì đến nước Bát Lộ La. Nước Bát Lộ La chu vi hơn bốn ngàn dặm nằm ở giữa núi Tuyết. Đông Tây dài, Nam Bắc hẹp. Có nhiều lúa mạch, đậu và vàng bạc. Quốc gia nầy là nước tương đối giàu có, tuy nhiên ở vùng lạnh cho nên tâm tánh con người hơi hung bạo bạc nhược. Nhơn nghĩa không có và những lễ lộc cũng thế. Hình dáng nhỏ nhắn, y phục đa phần dùng bằng lông. Chữ nghĩa đại khái giống như Ấn Độ. Ngôn ngữ khác với những nước khác. Có hơn 100 ngôi Già Lam và hơn 1000 Tăng tín đồ, học hành không chuyên cần, giới hạnh nhiều phóng túng. Tự đây trở lại thành Ô Dịch Ca Hán Trà, thì phía nam phải qua sông Tín Độ (Sông Sindhư). Sông nầy rộng 31 dặm, chảy về hướng nam. Nước trong vắt, lóng lánh màu bạc - 62 -

và chảy xiết. Rồng độc thú dữ nằm khuất trong hang động. Nếu mang vật quý cùng hoa quả cũng như Xá Lợi đi ngang sông thì thuyền thường hay bị gió thổi lật chìm. Qua sông đến nước Đản Hựu Thủy La, nằm ở phía Bắc xứ Ấn Độ. Nước Đản Hữu Thủy La, chu vi hơn hai ngàn dặm. Kinh đô hơn mười dặm. Dân tộc nầy tuy hào hiệp nhưng dòng dõi nhà Vua đã tuyệt tự cho nên trực thuộc nước Ca Tất Thí, gần gũi và phụ thuộc nước Ca Thấp Di La. Đất đai màu mỡ, nhà cửa tốt đẹp. Có suối có ao nên hoa trái xinh tươi. Khí hậu ôn hoà, phong tục đơn giản, sùng kính Tam Bảo. Già Lam tuy nhiều nhưng đa phần bị hoang phế. Tăng Tín Đồ cũng ít nhưng theo Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa. Phía Tây Bắc kinh đô hơn 70 dặm, có ao Y La Bát Đản La Long Vương. (Erapattha) chu vi hơn 100 dặm, nước của hồ nầy trong vắt. Hoa sen có nhiều màu, đẹp đẽ dị thường. Con rồng ở đây, ngày xưa có chuyện kể rằng thời đức Phật Ca Diếp Ba. Có vị Tỳ kheo làm hại cây Y La Bát La cho nên bây giờ bị thổ thần yêu cầu kéo mây đến làm mưa. Khi đó vị Sa Môn cùng đến hồ nầy, khảy móng tay hỏi, theo nguyện mà có kết quả. Hồ rồng nầy, phía đông nam đi 30 dặm, vào hai bên núi lại có Bảo Tháp. Bảo Tháp do Vua Asoka tạo nên, cao hơn 200 thước, đức Thích Ca Như Lai huyền ký rằng khi đức Di Lặc ra đời ở trong tương lai, tự nhiên có bốn Đại Bảo Tạng xuất hiện nơi Thánh Địa nầy. Tại đây cũng có nghe người xưa nhắc lại rằng có lúc động đất, núi non chấn động mạnh nhưng các bảo vật trong vòng một trăm bước, không bị chao đảo. Có kẻ ngu vì tham đào lên, cho nên đất chấn động. Người ta đi bộ để phòng ngừa đất Già Lam bị tổn hại. Một bên của đất Già Lam bị hư nặng và lâu rồi không có bóng dáng Tăng Sĩ. Thành phía Bắc 12,3 dặm có một Bảo Tháp do Vua A Dục kiến tạo nên. Tháp nầy đến giờ ngọ, phát ra ánh sáng. Hoa trời và nhạc trời chúc tụng mọi người nghe thấy. Nghe rồi người xưa viết lại rằng: Gần đó có một người đàn bà đẹp, nhưng bị bịnh nan y. Bà đến Bảo Tháp nầy lễ bái sám hối. Thấy trong vườn tháp dơ nhớp, bà quét dọn sạch sẽ rồi rải hoa sen xanh lên trên mặt đất, bịnh của bà liền hết, dung mạo tươi thắm xinh đẹp, thân bà toả

ra mùi hương hoa sen xanh. Ở nơi thắng địa nầy, ngày xưa đức Như Lai cũng tu khổ hạnh nơi nầy, làm Đại Quốc Vương hiệu là Chiến Đạt La Bát Lặt Bà (Nguyệt Quang) dốc tâm cầu Giác Ngộ, cắt đầu để bố thí. Sự bố thí nầy trải qua nghìn kiếp sống. Bên cạnh Bảo Tháp, Bố Thí Đầu, lại có một Tăng Già Lam, vườn tược hoang phế, Tăng Tín Đồ giảm thiểu. Trong kinh tạng chép, nơi đây có Luận sư Câu Ma La La Đa (Đồng Thọ) trước thuật các bộ luận. Ngoài thành hướng Đông Nam của núi, lại có một Bảo Tháp cao hơn 100 thước, nơi Thái Tử Câu Lan Noa, con của Vua A Dục vì kế mẫu mà móc mắt. Vua A Dục cho dựng tháp nầy. Do sự kỳ nguyện chân thành mà mắt - 63 -

sáng lại như xưa. Thái Tử do chánh hậu sanh ra, bà ta là người đẹp đẽ nhân từ. Khi Chánh Hậu mất đi, kế mẫu hoang dâm muốn tư tình với Thái Tử. Thái Tử khóc lóc muốn tự sát để tạ tội, cho nên kế mẫu thấy việc sai lầm nầy càng phẫn nộ thêm. Kẻ hầu nghe câu chuyện nầy bàn rằng phàm bậc kế thừa trị vì thiên hạ mà không phải là bà con hoàng tộc thì không được. Nay Thái Tử vì chữ Hiếu mà đã làm việc như thế. Cho nên Vua mới cảm kích nghe mưu gian nầy ra lệnh cho Thái Tử dạy rằng: - Ta vì thừa mệnh trời mà kế tục sự nghiệp, phải dời đô, mất lời hứa với tiên vương cho nên phải giữ nước Đản Hữu Thủy La nầy. Ta nay ra lệnh ngươi qua trấn nhậm nước kia. Hiện tại quốc sự đang khó khăn, tình người đang phức tạp. Đi nhưng đừng có quên sự nối dõi. Chờ khi ta triệu với ấn tín của ta và qua khẩu lệnh của ta để biết mà thi hành. Thái Tử vâng lệnh vua cha, sang nước đó trấn nhậm. Ngày tháng trôi qua, kế mẫu càng giận, trá tạo văn thơ đóng dấu phong kín, ra lệnh người hầu mang đi với ấn tín ấy. Kỵ sĩ mang thơ đi với sắc chỉ trong mình, đến gặp Thái Tử quỳ xuống dâng sắc. Thái Tử hỏi rằng: - Tại sao buồn vậy? - Đại vương có lịnh yêu cầu Thái Tử móc hai con mắt bỏ ở sơn cốc. Nếu vì nghĩa vợ chồng con cái sống chết cùng nhau, dù nhận lệnh như vậy nhưng chưa tuân theo thì phải tự trói để mà chờ tội. Thái Tử đáp rằng. - Lệnh của vua cha như thế có chết cũng chấp nhận. Ấn đã đóng trên thơ đã niêm phong không dối trá được. Thái Tử ra lệnh cho Chiên Đà La móc mắt mình. Sau khi móc mắt, Thái Tử bị mù tự đi xin ăn. Số phận đưa đẩy trở lại cung thành của phụ vương, người vợ mới bảo rằng vương thành đây rồi. Than ôi! đói khát sao mà khổ quá. Mới ngày nào làm con vua bây giờ là kẻ ăn xin. Mong cho ai đó nghe biết điều nầy để thưa thỉnh lên trên liễu giám. Nên mới bày mưu tìm kế vào trong cung nội, đêm sau khóc lóc, nhờ tiếng gió đưa vào, hoà với tiếng sáo bi ai than thở. Nhà Vua ở trên lầu cao nghe được, giọng ai bi thảm cho nên nói rằng: - Tiếng ca kia nghe như tiếng con của ta. Bây giờ tại sao ra nông nổi ấy. Liền hỏi nội thị, kẻ đang ca đó là ai vậy. Sai người đi mời kẻ mù kia vào cung. Nhà Vua thấy Thái Tử buồn rầu mới hỏi: - Ai làm cho thân con ra nông nổi nầy? Con yêu quý của ta? Sao ra nông nổi nầy mà ta không biết. Bá tánh ơi ai cứu được con tôi ! Trời ơi sao mà ra nông nổi nầy. Đạo đức đã suy rồi. Thái Tử buồn khóc tạ lễ mà - 64 -

thưa rằng : - Thật ra, con là kẻ bất hiếu với trời. Ngày tháng năm đó con đã nhận được sắc chỉ của cha. Không có lý do gì mà thối thác. Vua biết tâm địa của kế mẫu đã làm việc ấy, cho nên đã gia hình phạt. Lúc ấy dưới cây Bồ Đề nơi vườn chùa, có một vị A La Hán tên là Cù Sa (Diệu Âm) đã chứng được đầy đủ tam minh và tứ vô ngại biện tài. Khi nghe Vua cáo bạch về đôi mắt của Thái Tử nên lấy lòng từ bi chữa mắt Thái Tử sáng lại. Lúc ấy vị A La Hán nhận lời thỉnh cầu của Vua, và cho mọi người biết rằng : - Ngày mai

ta sẽ Thuyết Diệu Pháp. Mỗi người đi nghe nên mang theo đồ đựng nước mắt. Hôm sau, tất cả nam nữ xa gần tề tựu đến nghe. Lúc bấy giờ ngài A La Hán nói thập nhị nhơn duyên. Phàm ai nghe Pháp rồi mà chưa có lòng từ bi, thì hãy mang đồ đựng nước ấy đến đựng nước mắt. Sau khi thuyết Pháp xong ngài thu hết tất cả nước mắt đổ vào một cái bình bằng vàng, rồi thề rằng: - Như lời nói Pháp của tôi hợp với chân lý. Nếu có gì sự lầm lẫn thì cũng đã giảng rồi. Như điều mà không sai, xin những nước mắt nầy đem tẩy rửa mắt mù, thì mắt liền được sáng và thấy lại như cũ. Phát lời thệ xong, liền đem nước mắt để rửa mắt mù. Mắt mù liền sáng lại như cũ. Vua trách cứ và cật vấn các vị cận thần hoặc là dời chỗ, hoặc là tự tử. Các vị hào thế trong đời đều di cư vào núi Tuyết, ở trong động đá phía đông bắc của núi. Từ đây đi về hướng đông nam qua các sơn động hơn 700 dặm, đến nước Tăng Ha Bổ La. Nước Tăng Ha Bổ La chu vi ba ngàn năm trăm sáu chục dặm. Phía tây giáp với sông Tín Độ. Đô thành chu vi mười bốn dặm rưỡi. Núi non cao vút bao bọc chung quanh. Nông vụ ít ỏi, nhưng đất đai phì nhiêu. Khí hậu lạnh, tánh người mạnh mẽ, phong tục nhiễu nhương lại nhiều dối trá. Nước không có người trị vì nên lệ thuộc nước Ca Thấp Di La. Cách thành phía Nam không xa, có một Bảo Tháp do Vua A Dục kiến tạo. Mỹ thuật đẹp đẽ, linh dị lạ thường. Bên cạnh đó có một Già Lam, không có người tu nào cả. Phía đông nam của thành cách 45 dặm, có một Bảo Tháp bằng đá cũng do Vua A Dục xây, cao hơn hai trăm thước, chung quanh có hồ soi bóng phải trái của mười tầng Bảo Tháp. Trên Bảo Tháp bằng đá đó có khắc nhiều sự tích khác nhau. Hồ nước kia trong vắt. Cá rồng và những loài thủy tộc khác bơi lội nghênh ngang. Hoa sen bốn màu nở lớn rất đẹp. Cây trăm trái có nhiều màu sắc khác nhau, tạo nên cánh rừng soi bóng xuống mặt hồ. Du ngoạn - 65 -

rất thích. Bên cạnh đó có một ngôi Già Lam lâu rồi chẳng có bóng dáng Tăng Sĩ. Cách Bảo Tháp không xa có Bạch Y Ngoại Đạo, đây là nơi mà đức Bổn Sư sau khi ngộ đạo đã thuyết pháp lần đầu tiên. Ngày nay có sách chép rằng bên cạnh đó có một đền thờ tu khổ hạnh, ngày đêm tinh cần, chẳng ngừng nghỉ. Đức Bổn Sư đã thuyết pháp nhiều kinh nghĩa khác nhau, tuỳ theo từng loại mà nói. Những quy tắc lễ nghi, người lớn thì gọi là Tỳ Kheo, người nhỏ gọi là Sa Di. Tất cả những oai nghi tế hạnh của người tăng lữ, chỉ lưu lại ít tóc và để mình trần. Hoặc có y phục thì dùng màu hoại sắc. Để phân biệt việc nầy, thì xem tôn tượng của Như Lai và những vị ngoại đạo. Y phục có sai biệt nhưng không khác mấy. Từ đây trở lại nước Đản Hữu Thủy La, về biên giới phía Bắc, phải qua sông Tín Độ đi qua hướng Đông Nam hơn 200 dặm, qua một cửa đá rất lớn. Chuyện xưa kể lại rằng có vương tử Ma Ha Tát Đoả đã xả thân để cho chim ăn. Từ phía Nam cách bốn mươi lăm dặm, có một Bảo Tháp bằng đá, ghi lại nơi mà Ma Ha Tát Đoả thương loài thú đói khát không còn lực nữa, đã đến nơi nầy lấy cây tre khô tự cắt thân mình lấy huyết hiến cho thú. Nơi đất nầy có nhiều cây cỏ và những cỏ cây đó đượm màu huyết. Cho nên người đời mới bảo rằng nơi lưu huyết không còn nghi ngờ gì nữa. Vì lòng từ bi, mà đã xả thân. Phía Bắc có một Bảo Tháp bằng đá cao hai trăm thước do Vua A Dục tạo thành. Điêu khắc thật đẹp, phát ra ánh sáng. Cả những tháp nhỏ và các bia đá ở nơi đây hơn trăm cái nằm trong khu vực phía Bắc của thành. Ai có bệnh tật đi nhiễu nhiều vòng thì hết. Bảo Tháp bằng đá, từ phía đông đi đến, lại có một Già Lam, Tăng tín đồ hơn 100 người. Họ học theo Giáo Pháp Đại Thừa. Từ đây hướng về phía

đông đi hơn 50 dặm, thì đến núi Cô Sơn, giữa núi lại có một Già Lam, Tăng tín đồ hơn 200 người, họ tu học theo Giáo Pháp Đại Thừa. Hoa quả tươi tốt. Nước ao cung cấp đầy đủ, bên cạnh đó có một Bảo Tháp khác, cao hơn 300 thước. Đây là nơi Như Lai ngày xưa đã độ cho con quỷ Dạ Xoa, làm cho nó không còn ăn thịt nữa. Từ đây qua hướng đông nam, đi hơn 500 dặm, đến nước Ngô Sắc Thi. Nước Ngô Sắc Thi chu vi hơn 2000 dặm, núi non trùng trùng điệp điệp, ruộng đất mênh mông. Đô thành chu vi 78 dặm. Nơi đây không có người trị vì, nên thuộc nước Ca Thấp Di La. Trồng trọt cày cấy, nhưng hoa quả rất ít. Khí hậu ôn hoà. Thỉnh thoảng có mưa sương và tuyết. Phong tục lễ nghi còn sơ khai, Tánh tình con người hung bạo. Đa phần dối trá không tin tưởng Phật Pháp. Đô thành phía tây nam 45 dặm có một Bảo Tháp cao hơn 200 thước, do Vua Asoka dựng nên. Bên cạnh đó lại có một Già Lam, Tăng tín đồ rất ít. Tất cả họ đều học theo Giáo Lý Đại Thừa. Từ phía đông nam, lên núi cao qua cầu sắt, đi hơn 1000 dặm nữa - 66 -

đến nước Ca Thấp Di La. Nước Ca Thấp Di La chu vi hơn 7000 dặm, bốn bên đều là núi cao ngất trời. Chỉ có cửa trời thông qua rất hẹp. Từ xưa đến nay không nước nào chinh phạt được . Đô Thành được bao bọc bởi bốn con sông lớn. Nam Bắc mười hai dặm ba, Đông Tây bốn dặm rưỡi. Sống nghề canh nông, có nhiều hoa quả. Nơi đây xuất sanh những con Long Mã và nghệ cũng như dược thảo quý. Khí hậu lạnh có tuyết nhiều và ít gió. Y phục làm bằng lông thú màu trắng. Phong tục nhẹ nhàng như tiên, tánh người khiếp nhược. Nước được bao bọc bởi khưng cảnh, như rồng chầu. Dung mạo con người được nhưng tánh tình thì ngụy biện. Họ học nhiều nhưng cả tà lẫn chánh đều tin. Già Lam có hơn 100 ngôi, Tăng Tín Đồ hơn 5000 người. Có bốn Bảo Tháp, tất cả đều do Vua A Dục dựng xây. Các nơi ấy đều có thờ Xá Lợi của Như Lai. Lịch sử chép rằng đất đai của nước nầy từ một cái hồ Rồng. Ngày xưa đức Thế Tôn từ nước Ô Trượng Na qua đây chinh phục con ác thần rồi trở về lại nước cũ, bay lên hư không nói với A Nan rằng: Sau khi ta nhập Niết Bàn, ở đây sẽ có vị A La Hán tên là Mạc Điền Đệ Ca (Madhyàntibha) ra đời kiến quốc an dân và hoằng dương Phật Pháp. Như Lai tịch diệt sau 50 năm, đệ tử Mạc Điền Đệ Ca chứng được A La Hán có sáu pháp thần thông, đầy đủ tám giải thoát. Nghe Phật huyền ký như thế cho nên tâm rất hoan hỷ tự tại, nên đến trên đỉnh núi cao ngồi giữa rừng sâu hiện đại thần thông biến hoá. Con Rồng thấy vậy cũng tin sâu và thoả ước nguyện. Vị A La Hán nói: Mong hồ nầy chứa được tất cả. Long Vương hút nước đến cúng cho ngài. A La Hán vận thần thông cho Long Vương nhờ lực nầy mà lấy nước. Nước trong ao không còn nữa. Con rồng lật lên trên mặt đất, và vị A La Hán đã làm nên một cái hồ ở phía tây bắc chu vi hồ nầy rộng hơn 100 dặm. Đây là hồ nhỏ riêng thuộc hồ lớn kia. Long Vương thưa : Tất cả đất hồ nguyện xin cúng dường, mong ngài nhận cho. Mạc Điền Đệ Ca đáp rằng: - Chẳng còn bao lâu nữa ta nhập Niết Bàn, không biết nhận lời thỉnh cầu của ngươi có được chăng? Long Vương lại thỉnh rằng : - Năm trăm vị A La Hán thường nhận đồ cúng dường của con. Nhưng đến khi Pháp tận diệt rồi, trở lại nước nầy và trú nơi hồ nầy.

- 67 -

Mạc Điền Đệ Ca theo lời thỉnh mới biết chư vị A La Hán xuất sinh từ nơi đây, cho nên mới vận thần thông lập nên 500 cảnh chùa. Sang các nước khác thuê những người làm công sung vào công việc sai sử, để cung phụng Tăng Chúng. Sau khi ngài Mạc Điền Đệ Ca nhập diệt rồi, những người làm công tự lập lên người cai trị và các nước lân bang thấy họ thuộc dòng dõi hạ tiện nên chưa có giao hảo. Nghĩa là những người nầy như một dòng suối chảy càng ngày càng thịnh. Nước Ma Kiệt Đà, Vua A Dục sau khi Như Lai diệt độ 100 năm lên ngôi cai trị uy danh lẫy lừng trong thiên hạ. Ngài thâm tín Tam Bảo, thương tưởng đến bốn loài. Lúc đó có 500 vị A La Hán Tăng và 500 vị phàm phu Tăng. Nhà Vua đều cung kính cúng dường không có sai biệt. Trong số phàm phu Tăng ấy, có vị Ma Ha Đề Bà (Đại Thiên - Mahadeva) trí tuệ siêu việt. Ngài tạo lập những bộ Luận lý giải Thánh Giáo. Mọi người nghe sinh ra dị nghị trong chúng. Vua A Dục chẳng cần biết Phàm Thánh đồng nghĩ rằng tốt. Nên đã thân cận triệu tập tăng đồ ra đến bờ sông Hằng, muốn các vị lặn sâu để biết chơn giả. Các vị A La Hán biết khó thoát cho nên vận dụng thần thông bay lên không để ra khỏi nước nầy và ẩn vào trong các hang động. Lúc đó Vua A Dục nghe thấy sanh hối hận nên mới đến tạ lỗi và thỉnh trở về lại nước, bị các vị A La Hán không theo. Vua A Dục vì các vị A La Hán kiến lập 500 ngôi Già Lam, tất cả đều đem cúng dường cho Tăng Chúng nước nầy là nước Kiền Đà La. Vua Ca Nị Sắc Ca sau khi Như Lai nhập Niết Bàn 400 năm, muốn an ủi vỗ về nên Vua đã ra lệnh xa gần. Đây là cơ hội để thực tập Phật Pháp, mỗi ngày Vua thỉnh một vị Tăng vào cung để thuyết Pháp, và nghe những dị nghị chấp trước không đồng của các bộ phái khác nhau. Nhà Vua đem sự nghi ngờ để đi đến chỗ cảm hoá. Lúc đó, Ngài Hiếp Tôn Giả bảo rằng: - Như Lai ra đi năm tháng xa rồi. Đệ tử chấp vào bộ phái của Thầy mình nên có Luận khác biệt, chấp vào chỗ thấy nghe để làm cái riêng của mình. Cho nên khi Vua nghe được rất lấy làm cảm thương buồn rầu mới than với Tôn Giả rằng: - E rằng dư phước của Phật sẽ hết, tuy ngài đã xa rồi, nhưng chúng ta còn diễm phúc thừa hưởng. Cảm ân đó không muốn quên để gọi là hẹp hòi nên phải thiệu long giáo pháp, do sự chấp trước về Bộ Phái nầy mà kiết tập tam tạng. Hiếp Tôn Giả nói: - Đại Vương là bậc Hiền có nhiều phước báo, đã muốn lưu giữ lại Phật Pháp nên mới có nguyện nầy, do đó nhà vua ra lệnh triệu tập những bậc Thánh Triết xa gần. Bốn phương xa gần vạn dặm đều biết. Anh tài hiền - 68 -

triết Thánh Nhân đã vân tập trong bảy ngày như thế đều có tứ sự cúng dường, chỉ muốn thật nghĩa của Phật Pháp sợ có những tạp nghĩa chen vào đây cho nên nhà Vua mới bạch lên chư Tăng rằng: - Những bậc đã chứng Thánh Quả thì ở lại, những ai còn nội kết hãy lui ra. Như thế đó mà nói lên giữa đại chúng. Lại bảo những bậc Vô Học ở lại. Còn những bậc Hữu Học lui ra, Số nầy rất nhiều. Lại ra lệnh: - Người nào đủ Tam Minh và Lục Thông thì ở lại. Ai chưa được thì lui ra. Số nầy cũng nhiều. Lại ra lệnh tiếp: - Vị nào thâm hiểu được Tam Tạng và đạt được Ngũ Minh thì ở lại. Ngoài ra thì xin lui. Số nầy cũng nhiều. Cuối cùng còn được 499 vị. Vì nước của Vua khó khăn, nóng và ẩm, cho nên ngài muốn đến thành Vương Xá nơi động đá của ngài Ca Diếp để mà kiết tập. Ngài Hiếp Tôn Giả liền thưa rằng: - Không được Vì tổ chức nơi đó sẽ bị Ngoại Đạo và các vị luận sư khác chi phối làm sao chúng ta có thể kiết tập, cho nên quyết định tổ chức ở nước nầy, vì ở đây có núi non bốn bên và Dược Xoa bảo vệ. Đất đai ở đây cũng

cung ứng đầy đủ sản vật. Hiền Thánh đều qua lại. nơi đây cũng rất linh nghiệm và có nhiều kẻ dừng chân nên kiết tập ở đây rất thuận tiện. Lại nói thêm, nhà Vua nên vì các vị A La Hán mà kiến lập Già Lam để kiết tập Tam Tạng, đầu tiên là Tỳ Bà Sa Luận. Lúc ấy Tôn Giả Thế Hữu (Vasumittra) từ ngoài vào cúng y. Các vị A La Hán nói với ngài Thế Hữu rằng: -Kiết tập chưa xong mà đã có nhiều tranh luận phải trái. Thôi thì ngài hãy đi xa đi đừng ở đây nữa. Thế Hữu đáp rằng: - Các Hiền Hữu! Các Pháp không có gì để nghi. Thay Phật để nói phải tập hợp những nghĩa lớn mới có thể tạo lập những bộ luận chơn chánh được. Tôi tuy chưa được gì nhưng không trái với ý nghĩa của tam tạng. Để đạt đến cái lý của Ngũ Minh, phải nghiên tầm mới đạt được nghĩa lý ấy. Các vị A La Hán nói: - Không thể nói như thế được. Ngài nên đi đi. Khi nào chứng được Vô Học rồi thì hãy lại đây. Ở đây không có miễn cưỡng.

- 69 -

Ngài Thế Hữu đáp rằng: - Tôi nhìn địa vị Vô Học mà rơi nước mắt, chỉ cầu quả vị Phật thôi, chớ không cầu địa vị thấp. Chỉ cần ném cuộn tơ lên, rơi chưa chấm đất, chứng được Thánh Quả Vô Học rồi. Lúc bấy giờ chư vị A La Hán nói rằng: - Ông là người tăng thượng mạn! Chư Phật đều tán thán quả vị Vô Học khó chứng. Ông mau chứng đi mới quyết trạch được các nghi ngờ. Ngài Thế Hữu ném cuộn tơ trên không trung mà chư Thiên đã tiếp cuộn tơ ấy có lời thỉnh cầu rằng nên chứng Phật quả để hổ trợ cho ngài Di Lặc làm bậc đặc thù trong ba cõi và là chỗ nương nhờ của bốn loài. Làm sao chứng quả thấp được. Lúc bấy giờ các vị A La Hán thấy sự việc như vậy rồi mới cảm tạ và tôn ngài lên bực Thượng Toạ. Phàm có các việc nghi ngờ trong luận nghị hoặc cố chấp thì đủ người giải quyết trong năm trăm vị Hiền Thánh. Đầu tiên tạo một trăm ngàn bài tụng Ưu Ba Đề Xá Luận (Upadesa), cùng thích nghĩa kinh điển. Sau đó tạo một trăm bài tụng Tỳ Nại Da Tỳ Bà Sa Luận. Giải nghĩa tạng Luật. Sau đó tạo một trăm bài tụng A Tỳ Đạt Ma Tỳ Bà Sa Luận và giải nghĩa tạng Luận gồm có ba trăm chín chục ngàn bài tụng và chín trăm sáu mươi ngàn lời để giải nghĩa tam tạng xưa nay mà trong ý nghĩa thâm cùng để nghiên cứu kinh điển. Ý nghĩa quan trọng được trùng tuyên rõ ràng qua lời nói được tái xác định. Những lời trùng tuyên như thế được lưu bố rộng rãi về sau nầy cho nên Vua Ca Nị Sắc Ca bèn cho làm những lá đồng đỏ để khắc chữ của Luận Văn lên đó và khắc lên đá, rồi kiến tạo Bảo Tháp để tàng trử bên trong. Ra lệnh cho các thần Dạ Xoa bảo vệ chung quanh nước, không cho mang Luận Văn nầy ra ngoài cho kẻ khác đạo, mà chỉ muốn cầu học tập để tạo nên thiện nghiệp lực. Công việc nầy đã hoàn tất. Binh lính trở về kinh đô. Khi đi ra cửa thành phía tây của nước nầy, hướng mặt về phía đông mà quỳ xuống. Lại cúng tất cả nước nầy cho chư Tăng. Sau khi Vua Ca Nị Sắc Ca chết đi, thì nhiều chủng tộc tại đây xưng Vương. Trong chúng tăng có kẻ hủy hoại Phật Pháp. Vua Tu Ma Đản La, thuộc nước Đỗ Hoá La, mà Vua nầy trước đây thuộc dòng họ Thích. Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn khoảng sáu trăm năm, đã có lãnh thổ và tiếp nối Vương Nghiệp. Có tâm lưu giữ Phật Pháp nên khi nghe qua Ngật Lợi đã hủy diệt Phật Pháp, liền chiêu tập ba ngàn dũng sĩ trá làm thương buôn mang theo nhiều Bảo vật để bán. Trong đó có chứa những vũ khí xâm nhập vào nước nầy, tạo những lễ vật quý giá và trong những vị thương buôn đó tuyển mộ được 500 người mưu kế mãnh liệt. Họ giấu cây và dao trong đồ vật quý giá để dâng hiến lên Hoàng Thượng. Vua xứ Tuyết kia

đến tận nơi ngồi xuống. Nhà Vua Ngật Lợi đã không để ý nên bị chém đầu. Sau đó họ tuyên bố rằng: - 70 -

- Chúng tôi là thuộc hạ của Vua nước Đỗ Hoá La, ở dưới chân núi Tuyết, rất giận loài tặc tâm mà tham chính nên nay mới giết để hạch tội. Để cho trăm họ được nhờ. Qua việc nầy các vị cận thần Tể Tướng đều đi nơi khác. Để an tâm người nước nầy liền cho triệu tập Tăng lữ, kiến thiết các Già Lam, xây dựng Bảo Tháp. Lại nữa, ra khỏi phía cửa Tây của nước nầy, bèn quỳ xuống xây mặt về hướng đông cúng dường chúng Tăng. Tăng đồ thường che dấu sự tế tự của tôn giáo mất đi, cho nên người đời mới phẫn nộ, chối bỏ Phật Pháp. Thời gian qua đi, nay lại xưng Vương mà nước nầy xưa nay chẳng sùng tín, chỉ lo cho ngoại đạo và nơi thờ tự của họ mà thôi. Thành mới phía đông nam hơn mười dặm, đến thành phía bắc của núi lớn có một ngôi chùa. Tăng Tín Đồ hơn 300 người cùng với Bảo Tháp trong đó lại có Răng Phật, dài hơn một phân rưỡi, màu sắc vàng và trắng. Cứ đến giờ Ngọ thì phóng ra ánh sáng. Ngày xưa khi dòng họ Ngật Lợi đã hủy diệt Phật Pháp, thì Tăng Đồ phải giải tán để ở riêng biệt các nơi khác. Có một vị Sa Môn đi qua xứ Ấn Độ, đảnh lễ Thánh Tích, sau đó trở về lại nước. Vì nghe nước đã bình yên nhưng gặp những con voi phá phách cây cối mùa màng. Vị Sa Môn ấy thấy vậy liền leo lên cây. Bầy voi đến hồ nước hút nước phun lên cây rồi cùng làm cho cây trốc gốc bắt được Sa Môn kéo vô trong rừng gặp con voi bệnh đang nằm, dẫn vị Tăng nầy đến nơi nó chịu khổ, Sa Môn cắt lá trúc khô làm thuốc bó vào chân nó, thấy nơi chân voi có một hộp bằng vàng. Vị Sa Môn chữa cho con voi hết bịnh. Mở hộp ra, Sa Môn thấy trong đó có Răng của Phật. Tất cả những con voi quây quần bên vị Tăng không cho đi đâu hết. Trưa hôm sau, những con voi nầy mang trái cây đến đãi một bữa ăn thịnh soạn. Ăn xong, chở vị Tăng ấy ra khỏi rừng đến hơn trăm dặm thả xuống, và quỳ lạy mà lui về. Sa Môn đến nước biên giới phía Tây qua một con sông, đò đến giữa dòng gần úp. Người đi cùng thuyền nghĩ rằng thuyền nầy có chở Sa Môn, chắc chắn có Xá Lợi của Như Lai, cho nên Rồng Cá mới sợ. Chủ thuyền kiểm nghiệm quả thật có răng của Phật. Lúc ấy vị Sa Môn đưa răng Phật lên mà nói với Rồng ở dưới sông rằng: -Tôi nay gửi cho người, chẳng lâu nữa sẽ trở lại lấy, không cần qua sông, bỏ thuyền mà đi. Ngoái nhìn dòng sông mà than rằng: - Tôi không thần thông cho nên chưa độ được loài rồng. Phải qua lại Ấn Độ một lần nữa để học phép chế ngự rồng. Sau khi học Tam Tạng xong trở về lại nước nầy đến bên bờ sông kia thiết lập đàn tràng cúng tế. Rồng trả lại hộp Răng Phật cho vị Sa Môn, vị Sa Môn ấy mang về cất Già Lam để thờ và tu phước.

- 71 -

Già Lam phía Nam cách mười bốn dặm rưỡi có một Già Lam nhỏ, ở giữa có thờ tượng đức Bồ Tát Quán Tự Tại. Có một người nhịn ăn cho đến chết, nguyện thấy được Bồ Tát, tức thời từ tượng nầy phát ra sắc thân vi diệu. Chùa nhỏ phía đông nam, hơn 30 dặm có núi lớn, có một Già Lam cũ hình thức rất tráng lệ to lớn. Bây giờ chỉ còn lại một toà lâu đài. Tăng Tín Đồ hơn 30 người, họ học theo Giáo Pháp Đại Thừa. Ngày xưa vị Tăng là Già Bạt Đà La (Chúng Hiền) luận sư đã soạn bộ luận Thuận Chánh Lý Luận (Thuận Đạo Lý Luận) ở đây. Hai bên chùa chiền đều có Bảo Tháp. Đại A La Hán và Xá Lợi đều có mặt, cho nên chim muông dã thú trong núi rừng mang Hoa Quả ra cúng dường. Ngày

tháng trôi qua tuy không có bóng dáng của Như Lai, nhưng trong núi nầy có rất nhiều điều linh dị; hoặc trên tường đá ngang dọc đều có lưu dấu tích của chim. Phàm những loại nầy đến đây đều quỳ xuống cùng với các vị A La Hán Sa Di nô đùa. Có những bức hoạ ghi lại những con chim nầy chở người qua lại và những sự tích khác khó có thể tường thuật hết. Cách mười dặm về phía đông của chùa có thờ Răng Phật, đến phía bắc của núi thì có một chùa nhỏ. Ở đây ngày xưa là chỗ của Sách Kiền Địa La Đại luận sư, nơi đây, cũng đã tạo một phần của Tỳ Bà Sa Luận. Giữa ngôi Già Lam nhỏ ấy có một ngôi Bảo Tháp cao hơn 50 thước, nơi đó cũng là nơi để lại toàn thân Xá Lợi của một vị A La Hán. Đầu tiên, thân hình vị A La Hán đó rất vĩ đại. Ngài ăn uống như Voi. Bị ngài khác hỏi đồ ăn đi đâu mà không sợ thị phi vậy. Khi A La Hán sắp nhập diệt có bảo cho mọi người biết rằng ta bây giờ vì các ngươi mà nói nhân duyên nầy. Thân nầy là thọ báo thân voi của kiếp trước. Tại phía đông Ấn Độ có một vị Vua đang ở, có một vị Sa Môn cũng ở đó lúc ấy, từ xa đến Ấn Độ để tham học Thánh Giáo và Kinh Luật Luận. Nhà Vua mới mang tôi (con voi) đến cho vị Sa Môn kia, để chở kinh Phật, mà đến xứ nầy. Sau đó chẳng bao lâu thì mất. Do công đức chở kinh nầy mà tái sinh được làm người. Cuối cùng nhận được Y Phấn Tảo, tinh tấn bỏ tục xuất gia, chứng đắc thần thông, ra khỏi ba cõi. Cho nên ở đây, việc ăn uống trở thành tập khí. Mỗi lần ăn như thế phải ăn gấp ba lần để nuôi thân. Tuy nghe như vậy nhưng có người chưa tin. Ngài liền bay lên hư không, nhập vào Hỏa Quang định tức thì thân bốc khói, rồi nhập diệt. Và thân ấy hạ xuống nơi Bảo Tháp nầy. Vương thành phía tây bắc, đi hơn hai trăm dặm, đến chùa Thương Lâm. Có Bố Sắc Noa luận sư (Viên Mãn) chính nơi đây đã giải thích Luận Tỳ Bà Sa. Phía tây thành đi hơn 145 dặm, đến sông lớn ở phía bắc, tiếp với núi phía Nam, thì đến chùa của Đại Chúng Bộ. Tăng nhân có hơn 100 người. Ngày xưa, Phật Địa La luận sư đã ở nơi nầy, mà làm tập - 72 -

Chơn Luận của Đại Chúng Bộ. Từ nơi nầy đi về phía Tây Nam núi non rất nguy hiểm. Đi hơn 700 dặm, đến nước Bán Nô Sai. Nước Bán Nô Sai chu vi hơn 2000 dặm, núi sông cách trở, người dân sống nghề canh nông, hoa quả rất nhiều, có nhiều mía, rượu nho, và trái ambala (xoài) cùng những rau quả khác. Tại nhà, có cây được trồng rất nhiều đều là cây trân quý. Khí hậu ôn hoà, Phong tục thuần hậu. Y phục là những loại vải thô và làm bằng lông. Nhân tình chất phát. Tánh tình ngay thẳng. Tin tưởng Tam Bảo. Có năm ngôi Già Lam, nhưng đa phần bị hoang phế. Vì không có Vua, nên trực thuộc nước Ca Thấp Di La. Phía bắc thành có Chùa nhưng ít có Tăng. Chùa phía Bắc lại có Bảo Tháp bằng đá rất linh nghiệm. Từ phía nầy đi sang phía Đông Nam hơn 400 dặm, đến nước Yết La Phạt Bổ La. Nước Yết La Phạt Bổ La, chu vi hơn 4000 dặm. Đô thành chu vi hơn 10 dặm, rất hiểm trở vì có núi non bao bọc. Có sông hẹp, nên đất đai không phì nhiêu, phong thổ khí hậu giống như nước Bán Nô Sai, phong tục giữ gìn tốt đẹp. Con người dũng cãm, nhưng nước không có Vua nên phải lệ thuộc nước Ca Thấp Di La. Có hơn mười ngôi chùa, ít Tăng. Có một đền thờ, mà ngoại đạo thì rất đông. Người từ nước Lãm Ba đến xứ nầy, hình thù kỳ dị, tánh tình thô bạo. Ngôn ngữ phong tục lễ nghĩa đơn giản. Nước nầy không nằm trong biên giới của Ấn Độ. Và hay có tục lệ buôn bán chung. Từ đây, đi xuống hướng đông nam qua núi và sông hơn 700 dặm, đến nước Trách Ca.

- 73 -

Quyển thứ tư (Gồm 15 nước)

1. Nước Trách Ca 2. Nước Chí Na Bộc Đệ 3. Nước Quật Lang Đạt La 4. Nước Quật Lộ Đa 5. Nước Thiết La Đồ Lô 6. Nước Ba Lý Dạ Đản La 7. Nước Chư Khắc La 8. Nước Tát Tha Ni Tất Phạt La 9. Nước Tốt Lục Khuyến Na 10. Nước Chư Đệ Bổ La 11. Nước Bàng La Hấp Ma Phổ La 12. Nước Cù Tỳ Sương Na 13. Nước Ác Ê Chế Đản La 14. Nước Tỳ La Sắc Na 15. Nước Kiếp Thử Tha. Nước Trách Ca chu vi hơn vạn dặm, phía Đông giáp với sông Tỳ Phấn Xa. Phía Tây giáp với sông Tín Độ. Đô thành rộng hơn 20 dặm, chuyên nghề trồng lúa, có nhiều lúa mạch. nơi đây cũng có nhiều vàng, bạc, chì, đá, đồng, thiếc v.v... . Khí hậu rất nóng và có nhiều gió. Phong tục bạo tàn; lời nói thô bỉ. Y phục thường dùng màu trắng, kiêu xa, lộng lẫy. Không tin Phật Pháp, tin vào nhiều vị thần khác nhau. Có 10 ngôi Già Lam, trong khi đó đền thờ hơn 100 ngôi. Nơi nước nầy có nhiều chỗ bố thí cho người nghèo, họ cho thuốc men, hoặc cho đồ ăn. Cho nên những kẻ lữ hành qua đây cảm thấy ít mệt mõi vì có ăn và có mặc. Thành lớn phía tây nam, cách 14.5 dặm đến thành Xa Yết La Cố. Tuy thành quách đã hư hoại nhưng nền móng vẫn còn chắc chắn, chu vi hơn 20 dặm. Trong đó, xây thêm một thành nhỏ chu vi 6.7 dặm. Những người ở trong thành nầy rất giàu có và họ là những người ở nước phía bắc đến, mà cách đây 100 năm, nước nầy có vị Vua tên là Ma Ê La Cự La. Thành nầy do một vị Vua người Ấn, có tài trí và tánh tình rất cương trực trị vì, nhưng những nước láng giềng chưa thần phục. Đời sống dư dả chuyên học tập Phật Pháp. Vua sắc lệnh chư Tăng phải suy tôn một vị phạm hạnh, nhưng chư tăng chưa chấp thuận, vì họ sống theo hạnh xả - 75 -

ly nên không cần tuân lệnh. Những bậc cao minh học rộng thuộc dòng họ Thích oai nghiêm khi nghe đàm luận về vấn đề đó liền ưng thuận. Nhà vua bảo : Ta cũng kính Phật Pháp cho nên muốn tìm danh tăng, trong các ngươi ai có thể làm điều nầy để cùng đàm luận với ta chăng. Biết đâu trong tăng đoàn ấy có kẻ hiền minh cùng sánh vai với ta. Người đó sẽ được tôn kính. Lệnh nầy đã được ban ra trong năm xứ Ấn Độ. Tiếp theo Phật Pháp bị hoại diệt tăng lữ chẳng có người nào kế vị. Nước Ma Yết Đa có Vua Bà La A Dật đã sùng kính Phật Pháp và yêu thương dân chúng. nhưng đại tộc của Vua lâm vào cảnh dâm loạn tự giữ phần mình không theo lệnh các viên chức. Lúc bấy giờ các tướng lãnh ở dưới trướng trị vì của Vua, biết rằng lúc nhỏ vua nghe lời các vị quan, còn bây giờ không cần biết đến chỉ lo chiến tranh. Làm như thế không nghĩ rằng có tội, mà ngay cả bản thân cũng như cây cỏ cũng bị ảnh hưởng lây. Nói xong đi ra khỏi cung, đi sâu vào trong rừng mà trong nước ấy có hơn vạn người đi theo tận nơi hải đảo. Đại tộc của nhà Vua cùng với binh lính ra biển thảo phạt. Nhà vua thấy sự nguy hiểm nầy, không sợ nguy hiểm liền ra nghinh chiến. Trống vàng một tiếng nổi lên. Binh lính bốn bề sáp nhau, bắt sống Đại Tộc, không cho người tiếp cứu. Đại Tộc của Vua tự xấu hổ mất luôn đường về. Ai nấy đều long đong. Nhà Vua ngồi trên toà Sư Tử bốn bên có quần thần hộ vệ, lại ra lệnh cho đại thần nói với Đại Tộc rằng: - Nhà ngươi đã lộ diện muốn ta xa rời vương vị phải không? Đại Tộc thưa: - Lên Ngôi thì dễ nhưng gặp oán thù cũng không khó. Nếu mà không có sự liên hệ thì làm sao đối mặt với nhau để nói

chuyện. Nói đi nói lại ba lần như thế nhưng vẫn không nghe theo. Những lời ra lệnh như thế rất nhiều và tội nầy đã được biết. Tam Bảo là phước điền, là chỗ nương tựa của bốn loài. Chớ đem tâm lang sói mà hủy hoại nghiệp lớn. Phước chẳng phải do thần giúp mà nhà ngươi có thể lấy được sanh mạng của ta. Tội chẳng có thể xá, bỏ điều nghi mà tạo nên hình phạt được. Khi ấy mẹ của Vua Ấu Nhựt nghe được và ý thức việc thiện, nên khi nghe việc sát hại Đại Tộc liền bảo cho Vua Ấu Nhựt rằng: - Ta thường nghe Đại Tộc đem lợi ích cho người có trí tuệ. Do vậy Vua Ấu Nhựt nên ra lệnh Đại Tộc đến cung của Mẫu Hậu. Mẫu Hậu nói:

- 76 -

- Than ôi! Đại Tộc! Ông không xấu hổ sao! Thế gian vô thường sự vinh nhục là điều thường thấy. Ta là mẹ của ông, nếu ông nhớ tình mẹ con, phải nên theo lời mà thường thăm nom. Đại Tộc thưa rằng: - Ngày xưa giết Vua cướp nước. Bây giờ làm kẻ tù nhân. Vương nghiệp phế bỏ. Tông miếu không còn. Trên xấu hổ tiên linh. Dưới thẹn với bá tánh. Mặt mũi nào để nhìn lên và cúi xuống nữa. Chẳng thể tự sát sao? Vương Mẫu nói: - Hưng phế tuỳ thời. Tồn vong hữu vận (việc thịnh suy theo thời gian, Sự mất còn theo vận mệnh). Lấy tâm để cứu người tức là được việc đừng quên vấn đề ấy, đừng lấy vật để cứu tâm. Lấy tâm mà cứu vật mà được mất đều quên, còn lấy vật mà cứu tâm thì buồn vui lại hiện. Hãy nên tin theo Nghiệp Báo và theo thời gian thay đổi đừng nên nương vào lời nói và sự tồn tại của thân nầy. Đại Tộc cảm tạ rồi thưa : Há vì bất tài đã cùng Vua dựng nền hành chánh của nước, nhưng nay nước đã mất, đế nghiệp suy tàn. Tuy ở trong cuộc đời tục luỵ mà tham đắm cuộc sống ngắn ngủi. Nay thì biết rồi việc đã tạo xin cảm tạ thâm ân. Bây giờ sẽ nương vào đó để mà hành xử. Mẫu hậu nói : - Con ta vì tự ái nên sống chết đến cùng, rồi bảo với Ấu Nhựt rằng: Điển tích trước đã đủ sự huấn dụ cho quá khứ mà nên sống một nếp sống tốt đẹp. Nay Đại Tộc của Vua chỉ làm toàn việc ác và chỉ có phước đức mới không cùng tận. Nếu giết hại những người nầy, sau 12 năm sẽ nhận báo ứng, phải có lòng trung với đất nước mới là Vua của một nước. Phải biết đất nước phương bắc kia mà nghe lệnh ta đừng vì sự oán thù mà làm cho mất Vua mất nước.Ta là người đàn bà đang chờ cái lễ nghĩa ấy. Tất cả các binh lính cùng những người hộ vệ hãy nên rút ra khỏi biển và Vua em của Đại Tộc hãy trở lại nước của mình. Đại Tộc mất ngôi chỉ còn lại rừng núi nên đi đánh nước phía bắc là Ca Thấp Di La. Vua nước Ca Thấp Di La là người trọng lễ nghĩa, thương người mất nước phong cho thái ấp. Thời gian trôi qua, lại đốc suất dân trong thái ấp khởi lên giết Vua Ca Thấp Di La mà tự xưng Vương. Thừa việc chiến thắng nầy, mà ra oai với nước phía Tây là Kiền Đa La. Đem binh lính chinh phạt sát hại Vua nước nầy. Đại thần, dân chúng đều chết oan uổng. Đốt phá chùa tháp cho đến 1600 cơ sở. Binh lính giết dân chúng ở ngoài thành nhiều vô kể. Tất cả đều bị tàn sát chẳng kể loài nào. Lúc bấy giờ có người tiến đến và can gián nhà Vua rằng : - 77 -

Sự uy hiếp của Đại Vương rất mạnh mẽ. Binh lính chẳng ai giao tiếp nổi. Giết hết những kẻ ác và người dân thế nào cũng nguyện lấy thân nầy chết thay cho họ. Vua nói: - Nhà ngươi tin Phật Pháp, làm việc phước đức, mong được thành Phật, thường nói về sự sống. Ngươi muốn dạy đời, nói việc ác của ta cho đời sau sao. Nay ta bảo cho ngươi

biết không được từ chối. Hãy đem ba ức người kia (?) nhận chìm xuống sông Tín Độ. Ba ức người đó bị chìm xuống rồi, phân thân trở thành ba ức binh sĩ và trở về lại nước của mình bị mất. Sau đó tìm lại nơi mình bị chết để làm mưa làm gió. Trời đất kinh hoàng nổi cơn sóng gió. Lúc đó, quả nhân mới thương mà than rằng giết oan mọi người không tiếc, làm cho Phật Pháp bị diệt vong nên phải đoạ vào địa ngục Vô gián lưu chuyển không cùng. Cổ Thành của nước Xá Yết La, bên giữa có một ngôi Già Lam, Tăng tín đồ hơn 100 người. Họ học theo giáo pháp Tiểu Thừa. Bồ Tát Thế Thân ngày xưa đã ở đây soạn Thắng Nghĩa Đế Luận. Tại đây có một Bảo Tháp cao hơn 200 thước. Trong quá khứ có bốn vị Phật thuyết pháp ở đây và cũng có di tích của bốn vị Phật kinh hành nơi đây. Cách phía tây bắc của Già Lam khoảng năm dặm sáu, lại có một Bảo Tháp cao hơn 200 thước, do Vua Asoka dựng nên để ghi lại nơi đây là nơi mà bốn đức Phật trong quá khứ đã thuyết pháp. Phía đông bắc của hoàng thành đi hơn 10 dặm đến một Bảo Tháp bằng đá cao hơn 200 mét cũng do Vua Asoka xây dựng. Đây là nơi ghi lại dấu tích của đức Như Lai qua phương bắc để hoằng hóa trên đường dừng lại nơi đây. Theo truyền ký Ấn Độ chép rằng trong Bảo Tháp ấy có lưu Xá Lợi, phát ra ánh sáng vào giờ Ngọ. Từ phía đông đi khoảng năm trăm dặm đến nước Na Bộc Đệ. Nước Na Bộc Đệ chu vi hơn hai ngàn dặm. Kinh Đô chu vi mười bốn dặm năm. Họ trồng lúa hoa quả cùng những cây ăn trái khác. Nghề nghiệp của nước nầy rất phong phú, khí hậu ôn hòa, phong tục yếu kém. Học Đời Học Đạo đều có, nhưng tin Tà chánh lẫn lộn. Có hơn 10 ngôi Già Lam và 8 ngôi Đền Thờ. Ngày xưa Vua Ca Nị Sắc Ca đã tuần du đến nơi đây vì nghe nước bên cạnh lớn mạnh và có những phong tục đặc thù. Làm sao mà phía tây lại có uy thế như vậy. Cho nên Vua Ca Nị Sắc Ca thường gặp những điều may. Ngày đêm bên nhà đều có binh lính canh gác. Nhà Vua đã ở lại nước nầy suốt mùa đông. Rồi đến nơi Na Bộc Đệ Chất Tử ở. Từ đây trở thành tên nước. Đất nước nầy cũng theo kịp Ấn Độ. Đất không có lê, có đào, do đó Chất Tử nói rằng: Muốn ăn đào lê thì phải đến nước Na La Phiệt Phất Đản La mới có. - 78 -

Vì nước nầy người ta tin kính các nước phía đông nên được như thế. Đó là quê hương đất nước của Vua ta đời trước. Phía đông nam đại thành, hơn 500 dặm, đến Chùa Đáp Vị Tô Phạt Na. Tăng Tín Đồ hơn 300 người, học theo phái Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Chúng Tăng ở đây đức hạnh thanh cao, tuy học Tiểu Thừa nhưng nghiên cứu rất rộng rãi. Trong hiền kiếp có 1000 vị Phật ở đây, tập họp Trời Người lại giảng sâu về Diệu Pháp. Đức Như Lai sau khi nhập Niết Bàn 300 năm, có ngài Ca Chiên Diên luận sư sáng tác Phát Trí Luận tại nơi nầy. Ở trong chùa Phiệt Lâm, có một Bảo Tháp cao hơn 200 thước do Vua A Dục dựng lên. Nơi đây cũng là nơi mà trong quá khứ có bốn vị Phật đã ngồi, cũng như đi kinh hành còn lưu lại dấu tích. Nơi tháp nhỏ, có nhiều động đá lớn thứ tự đối nhau không biết bao nhiêu mà kể. Ở nơi đây, trong kiếp sơ cũng có nhiều vị đến tu và chứng quả Thánh, còn nhiều hài cốt lưu lại. Cách Già Lam Nhiễu Sơn 20 dặm, có hơn 100 ngàn ngôi tháp thờ Xá Lợi Phật, liên tục với nhau. Từ đây qua phía đông bắc đi hơn 145 dặm, đến nước Phiệt Lan Đạt La. Nước Phiệt Lan Đạt La, từ phía đông sang phía tây tám trăm dặm, từ nam ra bắc hơn 1000 dặm. Chu vi của Đô thành khoảng 12.3 dặm. Dân chúng sống bằng trồng trọt và cấy lúa. Cây trái hoa quả sum sê. Khí hậu ôn hoà. Phong tục cứng cõi. Dung mạo không được đẹp. Nhà cửa giàu có. Có hơn 50 ngôi

Già Lam và 2000 vị Tăng, theo cả hai trường phái Đại Thừa và Tiểu Thừa. Có 3 Đền Thờ của Ngoại Đạo và hơn 500 người theo. Họ dùng tro bôi khắp người. Tiên Vương của nước nầy sùng kính ngoại đạo, sau gặp một vị A La Hán và được nghe Pháp, sanh tín tâm. Cho nên trong nước Ấn Độ cũng thuần tín theo vua mà phụng sự Tam Bảo, gần năm nước của Ấn Độ. Nhìn chung rất hỗn tạp, tốt xấu khó phân. Vua sắc lệnh chúng Tăng phải trang nghiêm tinh tấn, đoạn trừ tà niệm, để cho mọi người khởi tâm cung kính ngưỡng mộ. Vị nào phạm giới bị phạt rất nặng. Ngài trùng tu tất cả Thánh tích. Hoặc Bảo Tháp, hoặc Chùa Viện khắp trong nước Ấn Độ đều như vậy. Từ đây đến phía đông bắc qua động Du Tuấn Lãnh, đường bộ rất nguy hiểm, hơn 700 dặm đến nước Quật Lộ Đa. Nước Quật Lộ Đa chu vi hơn 3000 dặm, có núi non bao bọc chung quanh. Đô thành rộng hơn 14 dặm rưỡi. Đất đai dùng để cày cấy trồng trọt. Hoa quả tốt tươi. Vì ở gần núi Hy Mã Lạp Sơn cho nên có nhiều dược thảo quý. Nơi đây sản xuất nhiều vàng, bạc, đồng đỏ, lân tinh, đá hoa cương. Khí hậu lạnh lẽo, thường có mưa tuyết. Dáng người thô kệch. Tánh tình cương nghị mạnh mẽ. Có hơn 20 ngôi Già Lam, và hơn 1000 Tăng Tín Đồ, đa phần theo Đại Thừa. Một số ít tu học theo các bộ - 79 -

phái khác. Có hơn 15 ngôi Đền Thờ ngoại đạo, lẫn lộn với nhau. Hầu hết những tường Đền Thờ nầy nằm sát núi, có nhiều phòng đá. Những vị A La Hán thường trú nơi đây. Các vị tiên nhân cũng dừng chân đến. Có một ngôi Bảo Tháp tại Trung Tâm do Vua A Dục xây dựng. Ngày xưa, Như Lai cũng đã từng đến nước nầy thuyết pháp độ sanh. Vẫn còn để lại di tích. Từ đây đi về hướng bắc bằng đường bộ hơn 1890 dặm, vượt qua đèo núi hiểm trở đến được nước Lạt Hộ La. Đi về phía bắc hơn 2000 dặm nữa, dọc đường gió lạnh tuyết bay không thể tránh được đến nước Vị La Sa. Từ nước Quật Lộ đã đi về phía nam hơn 700 dặm, vượt qua núi lớn cùng sông to, đến nước Thiết Đa Đồ Lô. Nước Thiết Đa Đồ Lô có chu vi hơn 2000 dặm. Phía tây giáp với sông lớn. Chu vi của Đô Thành 17.8 dặm. Dân chúng sống bằng nghề trồng lúa. Hoa quả tốt tươi. Có nhiều vàng bạc, ngọc trai. Dân chúng ăn mặc phức tạp. Khí hậu nóng, phong tục thuần hoà. Tánh tình của người trên làm việc thiện, người dưới giúp đỡ mọi người. Thuần tín Phật Pháp, tín ngưỡng cung kính. Có mười ngôi Già Lam ở chung quanh kinh thành, nhưng vườn tược hoang phế chẳng có bóng dáng một vị Tăng nào cả. Cách thành phía đông nam ba dặm tư, có một ngôi Bảo Tháp cao hơn 200 thước, do Vua A Dục kiến tạo nên. Bên cạnh đó còn có di tích bốn vị Phật quá khứ ngồi và đi kinh hành. Lại từ đây đi sang phía tây nam hơn 800 dặm, đến nước Ba Lý Dạ Đản La. Nước Ba Lý Dạ Đản La chu vi hơn 3000 dặm. Vương thành 14.5 dặm. Dân chúng sống bằng nghề canh nông, giàu có lúa mạch. Có những loại lúa chỉ trong 60 ngày là thu hoạch được. Nhiều bò và dê, ít hoa quả. Khí hậu nóng nực, phong tục đặc biệt. Họ chẳng thích học nghề, lại cung kính ngoại đạo, thuộc dòng Phệ Xá. Tánh tình hung bạo. Có 8 ngôi Già Lam, hư nát quá nhiều. Tăng đồ cũng ít, lại học theo phái Tiểu Thừa. Có 10 ngôi đền thờ, và hơn ngàn người ngoại đạo. Từ đây đi về hướng đông hơn 500 dặm, đến nước Vị Thố La. Nước Vị Thố La chu vi hơn 5000 dặm. Chu vi của Đô Thành hơn 20 dặm. Đất đai dùng để trồng trọt là chính. Nhiều nhà trồng xoài thành rừng. Tuy cùng là xoài nhưng có hai loại. Loại nhỏ màu xanh, chín biến thành màu vàng. Loại lớn trước sau vẫn là màu xanh. Nơi đây sản xuất lông thú và vàng bạc. Khí hậu nóng, gió nhiều. Phong tục lành mạnh. Dân chúng siêng tu

phước, sùng kính bậc phạm hạnh và ham học. Có hơn 20 ngôi Già Lam và hơn 2000 tăng sĩ, tu theo cả hai trường phái Tiểu thừa và Đại thừa. Có 5 ngôi Đền thờ của Ngoại Đạo sống rất tạp nhạp. Có ba Bảo Tháp đều do Vua Asoka kiến lập. Nơi đây còn rất nhiều di - 80 -

tích của bốn vị Phật trong quá khứ. Xá lợi của chư vị Thánh đệ tử của Phật còn lưu giữ tại tháp nầy. Có tháp thờ quý Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Mãn Từ Tử (Punna-Phú Lâu Na), Đa La Ni Tử, Ưu Ba Li, A Nan Đà, La Hầu La, Mạn Thù Thất Lợi, (Văn Thù Sư Lợi) và Tháp thờ chư vị Bồ Tát v.v... . Mỗi năm chư tăng có ba tháng an cư, và hằng tháng có sáu ngày trai. Họ sách tấn nhau tu học rất tốt. Tín Đồ mang đồ cúng đầy đủ, hầu hết từ những nhà buôn. Tuỳ theo chùa chiền trang nghiêm mà tạo nên những tôn tượng đẹp. Ai tu theo A Tỳ Đạt Ma thì cúng dường ngài Xá Lợi Phất, ai tu theo thiền định thì cúng dường ngài Mục Kiền Liên. Ai trì tụng kinh điển thì cúng dường ngài Mãn Từ Tử. Ai tu theo Luật thì thờ ngài Ưu Ba Ly. Còn những vị Tỳ Kheo Ni cúng dường ngài A Nan. Những ai chưa thọ cụ túc thì thờ ngài La Hầu La. Những ai học Đại Thừa thì thờ cúng chư vị Bồ Tát hằng ngày. Các Bảo Tháp cũng được cúng dường tràng phan, bảo cái, linh, lọng, hương hoa, đều rải như mưa. Ngày đêm chấn động không cùng. Quốc Vương đại thần lấy việc tu thiện làm chính. Từ thành phía đông đi hơn 6 dặm rưỡi đến một chùa trong núi, lấy vách đá làm phòng, lấy hang làm cửa. Tôn giả Ưu Ba Cúc Đa (Upagupta-Cận Hộ) đã xây dựng chùa nầy, trong đó có Bảo Tháp thờ móng tay của đức Như Lai. Có một ngôi Già Lam ở phía bắc nằm trong núi có nhiều phòng bằng đá cao hơn 20 thước, chiều dài hơn 30 thước. Cứ bốn tấc có một tấm thẻ làm dấu nơi ngài Ưu Ba Cúc Đa đã thuyết pháp và hoá độ một đôi vợ chồng. Họ đã chứng quả A La Hán. Cứ cách một thẻ, thì có những phòng khác biệt có cắm cờ mà không ghi gì cả. Từ phòng bằng đá ở phía đông nam cách hơn 24 dặm rưỡi, có một hồ lớn. Bên cạnh hồ có một Bảo Tháp, ngày xưa tại đây đức Như Lai đi kinh hành. Lúc bấy giờ có một con khỉ mang mật ong đến cúng Phật. Phật nhận mật ong, đem hoà vào nước cho chung Đại Chúng. Con khỉ ấy rất vui mừng nhảy lên chết tức khắc. Nhờ phước nầy mà tái sanh làm người. Phía bắc của ao nầy không xa, có một rừng rậm. Bốn vị Phật ở quá khứ cũng lưu lại dấu tích trong khi đi kinh hành ở đây. Nơi đây cũng là nơi nhập định của Ngài Xá Lợi Phất, Ngài Mục Kiền Liên cùng với 1250 vị Đại A Lán. Có một Bảo Tháp ghi lại tất cả những di tích ấy. Đức Như Lai khi còn tại thế đã đến đây để thuyết Pháp và lưu lại trong rừng cây nầy. Từ đây đi về hướng đông bắc hơn 500 dặm, đến nước Tát Tha Nễ Thấp Phạt La. Nước Tát Tha Nễ Thấp Phạt La chu vi hơn 7000 dặm. Đô Thành chu vi hơn 20 dặm. Đất đai nơi đây dùng để cấy lúa. Khí hậu ôn hoà, phong tục còn nguyên sơ. Nhà cửa phòng ốc cao sang, trang trí thật là xa hoa. - 81 -

Con người thích sống an nhàn dùng ảo thuật để biến hoá. Làm việc ít nhưng thu lợi nhiều, bởi vì hàng hoá đa phần từ các quốc gia khác mang tới. Có ba ngôi Già Lam và hơn 700 Tăng Tín Đồ, hầu hết theo Tiểu Thừa Phật Giáo. Có hơn 100 ngôi đền thờ Ngoại Đạo. Dân chúng đa phần theo ngoại đạo. Chu vi Thành lớn hơn 200 dặm. Đây là đất lành. Nghe những bậc cổ đức cho biết rằng ngày xưa ở Ấn Độ có năm nước chia cho hai vua cai trị. Hai bên chiến tranh nhưng không phân thắng bại. Cả hai bên đều có âm mưu muốn chiếm đoạt bằng vũ lực. Muốn chinh phục thiên hạ mà quên đi phong tục

cho nên người dân oán hờn không tuân theo mệnh lệnh của Vua. Còn Vua vì dân chúng mà khó toan tính như ban đầu. Thần có thể ở nơi động vật và quyền bính có thể ở nơi lập công. Lúc bấy giờ, có một Phạm Chí trí dũng tài cao, mật sai cho bó lúa rồi bảo đem vào sân sau, làm những thư pháp để tàng chứa trong động núi. Năm tháng trôi qua cây đã cong héo. Nhà vua một hôm vào buổi sáng khi ngồi bảo cho các quần thần biết rằng: - Ta bây giờ không còn đức độ để ở địa vị nầy nên trời đã báo mộng và sắc chiếu thư đang giấu trong núi. Nay hạ lệnh vào trong núi tìm kiếm thư ấy. Các quan phải báo cho dân chúng biết. Ngoài ra cũng nên cho mọi người xa gần biết được đại ý rằng: - Phàm biển sanh tử không có bờ bến, còn sự trôi nổi thì lại không cùng. Bất luận loài nào, người nào cũng không phải tự nhiên mà sanh. Nay ta muốn gửi mệnh lệnh nầy để được lìa xa các khổ ải. - Vương thành nầy phải xây dựng cách đây 200 dặm, chính tiên đế cũng đã tiên đoán nơi đó là đất tạo ra phước đức. Dù có ghi lại nhưng thời gian đã hủy diệt. Sanh linh không biết nên chìm đắm trong biển khổ. Thế mà chẳng cầu cứu thì làm sao được ư. - Các ngươi biết rằng những loài hàm thức gặp nạn binh đao mà chết sanh lại làm người. Giết nhiều không tội mà còn nhận được phước báo của trời. Thuận cho con cháu giữ gìn kinh điển quí báu ngày xưa để đem đến đất này tạo nên phước đức vô cùng. Công ít mà phước thì nhiều, có gì gọi là thất lợi. - Một khi mất thân nầy, đọa vào ba đường khổ, làm sao các loài hàm linh có thể tu hành được, mà những người nầy đều là những chiến binh, đã thấy việc chết rồi quay trở về. Vua ra lệnh chiêu mộ các bậc dũng sĩ cả hai nước đều giao chiến. Hai bên chiến đấu người chết như rạ. Cho đến bây giờ, mới thật sợ hãi mà xương cốt đã chất cao, nên nước có tục lệ tương truyền rằng đó là phước địa. - 82 -

Thành phía Tây bắc cách bốn dặm rưỡi, có một Bảo Tháp cao hơn 400 thước do Vua A Dục xây. Tháp có màu vàng màu đỏ, chiếu ra ánh sáng thanh tịnh, trong đó có Xá Lợi của Như Lai khoảng một đấu, thỉnh thoảng phát ra ánh sáng rực rỡ. Thành phía Nam đi hơn 100 dặm, đến Chùa Cụ Hôn Trà đứng trơ trọi. Chùa Viện nằm san sát nhau nhưng trơ trọi. Tăng chúng rất thanh tịnh, uy nghiêm và nhàn nhã. Từ phía đông bắc nầy đi hơn 400 dặm đến nước Tốt Lục Cần Na. Nước Tốt Lục Cần Na chu vi sáu ngàn dặm. Phía đông giáp sông Hằng. Phía bắc giáp núi cao và giữa có sông Các Mâu Na. Đô Thành chu vi hơn 20 dặm, Phía đông sông Các Mâu Na, phần nhiều còn hoang vu ít ai đặt chân đến. Đất đai phong thổ tốt tươi như nước Tát Tha Nễ Thấp Phạt La. Tánh tình dân chúng thuần hậu chất phác. Họ tin theo Ngoại Đạo, tu Phước và Huệ. Có năm ngôi Già Lam và hơn 1000 Tăng Sĩ. Đa phần tu theo Tiểu Thừa thuộc Tiểu Tập Du Bộ. Thường nghiên cứu huyền nghĩa của Luận và tìm cầu so sánh với những luận khác. Có hơn 100 ngôi đền nhưng ngoại đạo rất đông. Thành lớn ở phía đông của sông Cát Mâu Na, có một ngôi Bảo Tháp do vua A Dục dựng. Ngày xưa Như Lai đã từng trú ở đây để thuyết pháp độ sanh. Có một ngôi Bảo Tháp nữa, trong đó có thờ tóc và móng tay của Như Lai. Cũng có những tháp nhỏ, thờ tóc và móng tay của ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên và ngài La Hầu La, chung quanh có hơn mười ngôi như thế. Sau khi đức Như Lai diệt độ rồi, nước nầy vì ngoại đạo lầm lẫn nên bị quở phạt. Họ tin theo tà pháp tổn hại chánh kiến. Hiện tại có năm ngôi Già Lam, nơi mà các luận sư nước ngoài tranh luận cùng ngoại đạo Bà La Môn. Từ phía đông của sông Cát Mâu Na đi hơn 800 dặm

nữa, đến sông Hằng. Bình nguyên của sông rộng ba dặm tư. Phía đông nam chảy vào biển rộng hơn 10 dặm. Nước màu lóng lánh chảy xiết, nhiều quái vật nhưng không hại. Nơi đây đất cát rất đẹp. Tục lệ ở đây ghi lại rằng đó là nước của Phước Đức. Cho nên ai có tội xuống tắm thì sẽ hết tội. Khi dầm mình xuống đó, tái sanh về cõi Phạm Thiên. Hài cốt người chết nhúng xuống nước sông nầy, hương hồn không bị đoạ vào Ác Thú. Sóng nước đưa thần thức đầu thai. Lúc ấy ở nước Chấp Sư Tử (Tích Lan hiện nay), có Bồ Tát Đề Bà thâm chứng về thật tướng của các pháp tánh, buồn thương cho những kẻ ngu muội đã đến đây bị ngoại đạo dụ dỗ, bảo đàn bà và thiếu nữ tập họp lại thành đoàn từ nơi bờ sông làm cho nổi sóng nước. Bồ Tát Đề Bà dùng ánh sáng kéo đầu họ lại cho nên ngoại đạo bảo rằng: - Ta khác họ cái gì?

- 83 -

Bồ Tát đáp: - Cha mẹ tôi và thân tộc đang ở tại nước Chấp Sư Tử sợ khổ não đói khát cho nên mới đi xa. Ngoại Đạo nói: - Ta có gì sai đâu? chưa hề quên đi việc làm đấy. Đất nước của Ta có sông rộng có núi cao tạo nên nước nầy chung quy để cứu mọi người khỏi đói khổ. Đến nơi nầy để tìm cầu như trước. Chẳng nghe như thế sao? Bồ Tát Đề Bà đáp: - Làm sao nước sông và núi kia cứu được tội lỗi chất chồng? Thời bấy giờ ngoại đạo nghe xong cảm tạ cúi đầu thuận quy Chánh Pháp. Sau khi hối cải, nguyện phụng trì Chánh Pháp. Sau khi qua sông ở bờ phía đông đến nước Châu Đệ Bổ La. Nước Châu Đệ Bổ La chu vi 6000 dặm. Đô Thành chu vi hơn 20 dặm. Dân chúng chuyên về trồng lúa mạch, có nhiều hoa quả. Khí hậu ôn hoà. Gió mưa đều đặn. Họ tôn sùng học thuật, tin sâu tà chú. Cả chánh lẫn tà họ tin như nhau. Nhà Vua thuộc dòng Tuất Đạt La chẳng hề tin kính Phật Pháp mà tin Phạm Thiên. Có mười ngôi Già Lam, và hơn 800 Tăng Sĩ. Đa phần tu theo Đại Thừa Giáo của Bộ Phái Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Có hơn 50 ngôi đền thờ, ngoại đạo sống tạp nhạp với nhau. Thành lớn phía nam đi hơn bốn dặm rưỡi, đến một Già Lam nhỏ. Có hơn 50 Tăng Sĩ. Ngày xưa luận sư Cù Noa Bác Tà Bà (Đức Quang) cũng ở tại nầy soạn ra Bàng Chơn Đẳng Luận. Trong hơn một trăm bộ phái, luận sư thuộc phái Tiểu Thừa nhưng là người thông minh, tài giỏi, mẫn tiệp, học nhiều, hiểu rộng và còn uyên bác cả Giáo Lý Đại Thừa nữa. Vì đọc Tỳ Bà Sa, nên Ngài tu theo Tiểu Thừa và sáng tác hơn mười bộ luận, trở thành người chấp trước Tiểu thừa, phản đối giáo nghĩa Đại Thừa. Ngài còn soạn hơn mười bộ Tục Thơ. Nhưng luận chứng của Ngài không bài xích những bậc tiền bối mà tư tưởng Giáo nghĩa Phật lý rất uyên áo, đến hơn mười thể loại, không thể diễn nói hết. Ngài còn nghiên tầm những tinh tuý và những nghi vấn đã từ lâu chưa giải quyết được. Lúc ấy vì có Đề Bà Tê Na (Thiên Quân A La Hán) thường lên xuống cõi trời Đâu Suất, gặp đức Di Lặc để thỉnh hỏi điều nghi, cho nên Ngài cũng dùng thần lực lên đó, cầu gặp đức Di Lặc. Thấy đức Di Lặc từ xa nhưng ngài không vái chào. Rồi lại nghĩ rằng đức Bồ Tát Di Lặc sẽ thành Phật, sao mình còn tự cao chưa đến kính lễ. Mình muốn thọ giáo mà lại không chịu kính phục. Ngài Đức Quang lại nghĩ rằng Tôn giả thường có những lời nói thành thật làm kim chỉ nam, nhưng mình là những đệ tử - 84 -

xuất gia đã thọ giới Cụ túc làm Tỳ Kheo. Còn ngài Bồ Tát Từ Thị hưởng phước lạc của chư thiên nhưng chưa xuất gia làm tăng lữ. Mình thi lễ e rằng không đúng oai nghi. Bồ

Tát biết rõ tâm ngã mạn của ta, và cũng biết chẳng phải là pháp khí. Lên xuống ba lần như thế nhưng chẳng giải quyết được gì. Bèn thỉnh ngài Thiên Quân để lễ. Ngài Thiên Quân biết rằng kẻ kia ngã mạn, nên không đối đáp. Nhưng tâm của ngài Đức Quang chẳng hề thối lui. Giận khởi lên, ngài vào rừng sâu tu tập một thời gian chứng được định tuệ, mới biết rằng ngã mạn chưa trừ chẳng chứng được đạo quả. Phía bắc của chùa Đức Quang cách ba dặm tư có một Đại Già Lam, có hơn 200 Tăng Sĩ. Họ đều học tập theo phái Tiểu Thừa, ở nơi mà Ngài Chúng Hiền (Sangha Bhadra) luận sư viên tịch. Luận sư là người Ca Thấp Di La, thông minh lanh lợi từ lúc còn thơ, cho nên đặc biệt nghiên cứu sâu Bộ Luận Tỳ Bà Sa của Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Khi ấy có Bồ Tát Thế Thân phát tâm xiển dương giáo điển cho thật minh bạch nên soạn A tỳ đạt ma Câu Xá Luận để phá Luận Tỳ Ba Sa với ý nghĩa thiện xảo, lý lẽ thanh cao. Bộ Luận nầy làm cho ngài Chúng Hiền xem qua lưu ý và phát tâm bỏ ra 12 năm nghiên cứu và soạn Câu Xá Bạt Luận, có 25 ngàn bài tụng và hơn 800 ngàn lời. Ngôn ngữ thâm sâu cao xa vời vợi. Rồi bảo với môn nhân rằng: - Ta đem sức tàn mà soạn ra Chánh Luận nầy, để phản bác tư tưởng của ngài Thế Thân, không cho lão già đó một mình nêu danh trên diễn đàn. Vì vậy ông cho 43 người học trò mang luận văn nầy đi tìm gặp ngài Thế Thân. Lúc đó đang ở trong thành Xá Yết La thuộc nước Lân Ca nghe tin đồn ngài Chúng Hiền sẽ đến tra vấn, ngài Thế Thân chuẩn bị hành trang. Học trò hoài nghi thưa với Ngài: - Đại sư là bậc đức cao, hiền triết nổi danh đương thời, học trò xa gần đều kính nể phục tài. Mà bây giờ mới nghe tên Ngài Chúng Hiền đã lo lắng như vậy? Chúng con mạnh lắm. Ngài Thế Thân nói: Ta không biết tránh tên nầy ở đâu. Nhìn cả nước, không có ai lịch lãm như kẻ hậu học Chúng Hiền nầy. Nghe nói biện luận rất lưu loát còn ta đã già rồi không thể luận nữa. Nếu nói một lời sanh ra chấp trước. Nên đưa họ đến miền trung Ấn Độ đối chất với những vị tăng khác, mới biết đúng sai, được mất như thế nào.

- 85 -

Một ngày sau, luận sư Chúng Hiền đến chùa nầy bỗng nhiên thần khí thay đổi. Mang sách ra để trước mặt và vọng nói tạ lỗi ngài Thế Thân rằng sau khi Như Lai diệt độ, vì các đệ tử chấp trước bộ phái và truyền lại các môn học trong phạm vi chuyên môn cho nên có sự khác nhau. Tuy cùng gốc nhưng khác ngọn. Con là người ngu chưa rõ cho nên tiếp tục soạn ra A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận để phá Đại nghĩa của luận sư của Tỳ Bà Sa. Chẳng lượng sức mình nên đã nhiều năm nghiên cứu và soạn ra luận nầy để phù trợ cho việc học chánh đáng. Sự hiểu biết thì ít, còn tham vọng thì nhiều, trong khi cái chết gần kề. Trong khi đó, những gì Bồ Tát tuyên dương thật chí lý, chẳng chấp vào có được của di văn, là điều hân hạnh lắm có chết cũng chẳng hối hận. Các môn nhân cũng xin từ biệt mà thưa rằng: - Chúng con là kẻ hậu học mà khinh chê bậc tiền bối, thì số phận ra sao? Nay các người vì ta mang luận nầy và thư nầy đến thay ta sám hối với Bồ Tát. Họ nhận lãnh xong rồi ra đi với thư ấy. Khi đến nơi ngài Thế Thân ở thưa rằng: - Thầy của chúng con là Chúng Hiền đã xả thọ mạng và có dạy rằng mang thư nầy đến để tạ lỗi, chẳng bỏ sót tên tuổi mà cũng chẳng quên. Bồ Tát Thế Thân xem xong luận rồi trầm ngâm một hồi lâu mà nói với môn nhân rằng: Luận sư Chúng Hiền là người hậu học nhưng rất thông minh, lý luận tuy chưa đủ nhưng chữ nghĩa thì có dư. Nay ta muốn bài bác Luận nầy của Chúng Hiền chỉ rõ cho minh bạch cho đến chết cũng chưa

xong. Quả thật là lời rất khó, huống gì nhân duyên nghĩa lớn còn tồn đọng lại sao. Và huống gì luận nầy còn làm rõ tông phái của mình cho nên ta chỉ đổi thành Thuận Chánh Lý Luận là đủ. Môn nhân mới thưa rằng: -Thầy chúng con là Chúng Hiền mất chưa bao lâu mà đã được Ngài sửa đổi luận nầy, chúng con rất vui mừng nhận lãnh. Bồ Tát Thế Thân vì muốn trừ nghi của chúng, nên nói bài kệ rằng : Như Vua Sư Tử Heo thấy liền tránh Hai lực hơn thua Người Trí nên biết - 86 -

Sau khi thiêu xong, hài cốt của Ngài Chúng Hiền thờ trong Bảo Tháp cách chùa phía tây bắc hơn 200 dặm trong rừng Ám Một La đến bây giờ vẫn còn tồn tại. Từ phía rừng Ám Một La lại có một Bảo Tháp, thờ nhục thân của luận sư Tỳ Mạt La Mạt Đa La (Vô cấu Hữu Vimalamitra). Luận sư là người của nước Ca Thấp Di La. Ngài xuất gia với Bộ phái Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ, hiểu rộng các kinh điển và nghiên cứu các luận khác. Ưa qua năm nước của Ấn Độ để học Tam Tạng giáo điển. Sau khi tu học thành tựu, Ngài trở về lại quê hương của mình. Trên đường về, ghé Bảo Tháp của Ngài Chúng Hiền than rằng: Nguỡng bạch luận sư, Ngài là bậc thạc đức cao uyên, vì hoằng dương Luận nghĩa, đã tranh biện với bộ phái khác để giữ tôn chỉ của Bộ Phái mình. Sao ngài không sống lâu nữa. Con không sợ mất mác nhưng buồn vì chưa học được gì về những ý nghĩa sai khác để thay thế cho những sự nhớ mong về đức độ. Ngài Thế Thân tuy mất nhưng Tông của ngài vẫn còn truyền, con đã biết nên đã chế ra các Luận làm cho những người học trong cõi Thiệm Bộ Châu này dù theo Đại Thừa không còn nêu tên tuổi của Ngài Thế Thân nữa. Phát tâm nguyện, đã dụng hết khả năng mà nói lên lời ấy, liền phát cuồng loạn, máu từ năm căn tuôn ra, liền biết mạng sống đã hết. Cho nên trong thư có lời sám hối rằng: Phàm là những ai theo Đại Thừa mà nói về Thuyết cứu cánh của Phật Pháp, khi tên gọi không còn nữa lý mới đến chỗ thanh cao. Vì ngu muội mà khinh chê bài xích sự tiến bộ của bậc tiền bối. Khi phước nghiệp đã hết thì thân nầy không còn nữa. Cho nên mọi người học trong hiện tại, phải biết rằng đừng nên sân hận mà phát chí cao sang, và chớ nên hoài nghi. Lúc ấy đại địa chấn động, thân mệnh liền mất, rơi vào hầm lửa, những người đi chung thiêu xác và tạo tháp miếu để thờ. Lúc bấy giờ có vị A La Hán thấy Tháp Miếu mà than rằng: Thật là khổ thay thương thay, vị luận sư nầy đã vì sự chấp kiến, có lời nói ác để hủy báng Đại Thừa mà bị đọa vào Vô gián địa ngục. Phía tây bắc của nước nầy có sông Hằng. Bên cạnh phía đông có thành Ma Cốt La, chu vi hơn 20 dặm. Những người ở đó thường hay giao lưu với nhau chặt chẽ. Nơi đây cũng sản xuất những đá thủy tinh và đồ kim khí tốt. Rời khỏi thành chẳng bao xa, gặp sông Hằng, bên cạnh đó có một đền thờ rất linh hiển, mà ở trong có một cái hồ có bờ đá bao - 87 -

quanh, lấy nước từ sông Hằng vào và là cửa ngõ của năm nước Ấn Độ. Sông nầy tức là sông sanh Phước diệt tội. những người ở xa thường hay đến đây hơn trăm ngàn người để tắm rửa. Các vị vua có tâm từ thường hay tạo những ngôi nhà từ thiện để chứa thuốc men, bố thí chu cấp cho những người cô độc. Từ phía bắc, đi hơn ba trăm dặm, đến nước Bàng La Hấp Ma Phổ Ma. Nước Bàng La Hấp Ma Phổ La chu vi hơn 4000 dặm, núi non bao bọc bốn bề. Đô thành hơn 20 dặm. Người ở đây cũng như nhà cửa rất giàu có. Đất đai dùng để cày cấy và trồng trọt. Nơi nầy sản xuất đá thủy tinh. Khí hậu ít lạnh, gió mưa điều hòa. Phong tục thuần hậu. Tuy nghề nghiệp nhẹ nhưng nhiều lợi tức.

Tánh tình cộc cằn, cả tà lẫn chánh đều tin. Có năm ngôi Già Lam, nhưng ít Tăng Sĩ. Có hơn mười ngôi đền thờ. Ngoại đạo sống chen chúc với nhau. Biên giới phía bắc giáp núi Hy Mã Lạp Sơn. Ở trong đó có nước Tô Phạt Sắc Nô Cô Đản La, nơi đây sản xuất vàng rất nổi tiếng. Đông Tây dài. Nam Bắc hẹp, tức là nước Đông Nữ, chỉ có những người đàn bà trị quốc cũng như làm Vua. Họ chẳng biết chánh sự là gì. Còn đàn ông chỉ lo làm ruộng. Đất đai trồng nhiều lúa mạch, có nhiều gia súc như bò, ngựa. Khí hậu lạnh lẽo. Nhân tình thô bạo. Phía đông giáp với nước Thố Phan, Phía bắc giáp với nước Vu Điền. Phía tây giáp với nước Tam Ba Ha. Từ Vị Đệ Phổ La đi xuống phía Đông Nam hơn 400 dặm gặp nước Cù Tỳ Sương Na. Nước Cù Tỳ Sương Na chu vi hơn 2000 dặm. Đô thành hơn 14.5 dặm. Dân cư ở nơi đó thuần hậu. Chung quanh bao bọc bởi núi cao. Rừng, núi và hồ ao liên tục với nhau. Khí hậu và đất đai cũng giống như nước Vị Đệ Bổ La. Phong tục thuần chất, thích học hỏi, ưa làm phước. Đa phần tu theo Ngoại Đạo, cầu cho hiện tại được an vui. Có hai ngôi Già Lam và hơn 100 Tăng Sĩ, phần lớn tu theo phái Tiểu Thừa. Có hơn 30 ngôi đền thờ. Những ngoại đạo sống chen chúc với nhau. Có một ngôi Già Lam ở ngoài thành lớn, trong đó có Bảo Tháp, do Vua A Dục xây dựng nên, cao hơn hai trăm thước. Như Lai ngày xưa tại đây, mỗi tháng giảng Pháp một lần. Bên cạnh đó có di tích của bốn vị Phật quá khứ tọa thiền và kinh hành. Nơi đây cũng có hai cái Tháp thờ tóc và móng tay của Như Lai, mỗi tháp cao một trượng. Từ đây đi qua phía đông nam hơn 400 dặm, đến nước Ác Ê Chế Đản La. Nước Ác Ê Chế Đản La chu vi hơn 3000 dặm. Đô thành 17.8 dặm. Nơi nầy hiểm trở. Họ trồng lúa mạch, có nhiều rừng và suối. Khí hậu ôn hòa. Phong tục thuần chất, ngoan đạo, ham học, nhiều tài biết rộng. Có mười ngôi Già Lam và hơn 1000 Tăng Sĩ tu theo phái Chánh Lượng Bộ, thuộc Tiểu Thừa. Có 9 ngôi đền thờ và hơn 300 ngoại đạo. Họ tu theo Tự Tại Thiên và bôi tro vào mình. - 88 -

Phía bên ngoài thành, có ao rồng và có một Bảo Tháp, do Vua A Dục xây. Nơi đây ngày xưa Như Lai đã vì Long Vương mà thuyết Pháp 7 ngày. Cạnh bên đó cũng có bốn Bảo Tháp nhỏ, chính là nơi bốn vị Phật trong quá khứ tọa thiền và kinh hành. Từ đây qua phía đông đi hơn 267 dặm, qua sông Hằng, đến nước Tỳ La Sắc Noa. Nước Tỳ La Sắc Noa chu vi hơn 2000 dặm. Đô thành hơn 10 dặm. Khí hậu và phong thổ giống nước Ác Ê Chế Đản La. Phong tục mạnh mẽ, con người hiểu biết về nghệ thuật, sùng tín ngoại đạo ít kính tin Phật Pháp. Có hai ngôi Già Lam, và 300 Tăng Sĩ tu theo phái Đại Thừa. Có năm ngôi đền thờ Ngoại Đạo sống hỗn tạp với nhau. Trong thành lớn có chùa và có Bảo Tháp, cao hơn 100 thước, do Vua A Dục dựng lên. Như Lai ngày trước ở tại nơi đây thuyết kinh Uẩn Giới Xứ. Phía nầy lại có di tích của bốn vị Phật trong quá khứ đi kinh hành. Từ đây qua hướng đông nam, hơn 200 dặm, đến nước Kiết Tỷ Tha. Nước Kiết Tỷ Tha chu vi hơn 2000 dặm. Đô thành hơn 20 dặm. Khí hậu đất đai cũng như nước Tỳ La Sắc Noa. Phong tục thuần hòa, người người ưa học, có nhiều nghệ thuật. Có bốn ngôi Già Lam và hơn 1000 người tu theo phái Chánh Lượng Bộ thuộc Tiểu Thừa. Có 10 đền thờ. Ngoại đạo thờ Đại Tự Tại Thiên sống hỗn tạp với nhau. Có một ngôi chùa lớn cách thành phía tây hơn 20 dặm, có những bản kinh khắc rất công phu và tôn tượng các vị Thánh cực kỳ trang nghiêm. Có hơn 100 Tăng sĩ tu theo Chánh Lượng Bộ và hơn 10 ngàn tịnh nhơn cư trú nơi đây. Chùa rất lớn, thờ Tam Bảo bên trong và ba bên đông

nam bắc đều để trống. Đây là nơi đức Như Lai từ cõi Tam Thập Tam Thiên trở về. Ngày xưa đức Như Lai từ rừng Tự Thắng để vào Thiên cung. Ngài ngự nơi Thiện Pháp Đường thuyết Pháp cho mẹ. Sau ba tháng muốn trở lại trần gian. Nên Thiên Đế Thích mới dùng thần lực kiến tạo một cái thang báu toàn bằng vàng ròng, bên trái bằng thủy tinh, bên phải bằng bạc trắng. Đức Như Lai đã từ Thiện Pháp Đường được chư thiên cung tiễn đến thang lầu. Đại Phạm Vương tay cầm cây phất trần màu trắng đứng chờ ở đầu thang bên phải của thang lầu. Thiên Đế Thích cầm bảo cái bằng thủy tinh đứng chờ ở phía bên phải. Thiên chúng từ hư không rải hoa báu cúng dường và tán thán công đức của Phật. Trăm năm về trước cũng chưa có ai được, và mãi đến bây giờ cũng không cùng tận. Vua các nước nhớ Ngài cho nên ra lệnh làm một trụ đá quý bằng trân bảo, ghi lại thang báu ngày trước. Trụ nầy cao 70 thước. Bên trên cùng khắc tinh xá, ở giữa khắc tượng Phật. Hai bên phải trái khắc hình Phạm Thiên Đế Thích để ghi nhớ nơi hạ thế của đức Phật. Bên cạnh đó cũng có một trụ đá do Vua A Dục xây cao hơn 70 thước màu sắc trong sáng. Phẩm chất chắc chắn. Bên trên có hình đầu Sư Tử hướng đến cầu thang - 89 -

và khắc những hình tượng khác chung quanh trụ đá nầy. Tùy theo tội phước của mỗi người mà ảnh của mình hiện lên trên trụ đá đó. Bên cạnh trụ đá không xa, có một Bảo Tháp. Nơi đây ghi lại dấu tích của bốn vị Phật trong quá khứ tọa thiền và kinh hành. nơi Tháp nầy, ngày xưa là nơi của Như Lai tắm rửa. Tháp cũng là nơi Như Lai thiền định. Bên cạnh Tháp có một tảng đá rất lớn dài 50 bước, cao 7 thước. Đây là nơi kinh hành của đức Như Lai, dấu chân của Phật in xuống đó thành hình hoa sen. Hai bên tả hữu đều có những tháp nhỏ do Đế Thích và Phạm Vương kiến tạo nên. Phía trước tháp của Phạm Thiên Đế Thích là nơi mà Tỳ Kheo Ni Liên Hoa Sắc muốn thấy Phật trước, nên hóa làm Vua chuyển Luân Vương. Khi Như Lai từ Tự Tại Thiên Cung trở lại Nam Thiệm Bộ Châu. Lúc đó ông Tô Bộ Thị (Thiện Hiện Tu Bồ Đề) đang ở trong động đá suy nghĩ rằng: Nay Phật từ Thiên Cung trở về, nếu đến đó nghe Phật thuyết Pháp thì sẽ biết được các Pháp Không và Tánh của các Pháp nên dùng Huệ Nhãn để quán Pháp Thân của Phật. Tỳ Kheo Ni Liên Hoa Sắc muốn thấy Phật trước nên hóa làm Chuyển Luân Vương, có binh lính theo hầu bốn bên, trải đường đi bằng bảy báu, gặp đức Thế Tôn và thưa rằng: - Con là Tỳ Kheo Ni. Lúc ấy đức Như Lai bảo rằng: Ngươi không phải là người đón ta đầu tiên mà kẻ có duyên ấy là người quán về Pháp Không nên thấy được Pháp Thân ta trước. Thánh tích nầy rất linh thiêng và được lưu truyền như thế. Phía đông nam của Bảo Tháp có một ao rồng được làm nên để bảo vệ thánh tích, nhằm ngăn chận những ai khinh phạm. Thời gian năm tháng tự tàn hoại. Không ai có thể phá được. Từ đây đi về phía đông nam ít hơn 200 dặm đến nước Yết Nhã Cúc Xà (Kanjakubja).

- 90 -

Quyển thứ năm (6 nước)

1. Nước Yết Nhã Cúc Xà (Kanjakubja) 2. Nước A Du Đà 3. Nước A Da Mục Khứ 4. Nước Bát La Da Già 5. Nước Kiều Thường Di 6. Nước Bi Tát Ca Chu vi của Nước Yết Nhã Cúc Xà (Kanjakubja) hơn 4000 dặm. Thủ đô bốn bên giáp với sông Hằng. Chiều dài 20 dặm. Chiều ngang 4.5 dặm. Thành được bao bọc rất kiên cố. Hoa trái cây cối soi bóng xuống mặt hồ phản chiếu như trong gương. Những nước phương xa đem hàng hóa đến đây tụ tập buôn bán rất nhiều. Người ở tại đây rất sung túc. Nhà cửa giàu có. Hoa quả đầy đủ. Lúa gạo dồi dào. Khí hậu ôn hòa gió mát. Phong tục thuần chất. Người dung mạo xinh đẹp, trang sức lộng lẫy, học rộng, thích nghiên cứu nghệ thuật, đàm luận cao siêu và sùng tín Tà Chánh như nhau. Có hơn 100 ngôi Già Lam và 10 ngàn Tăng Sĩ tu theo cả hai hệ phái Đại Thừa và Tiểu Thừa. Có hơn 200 ngôi Đền thờ và hơn 1000 ngoại đạo. Nước Yết Nhã Cúc Xà (Kanjakubja), người dân sống lâu. Ngày xưa Vương Thành có tên là Câu Tô Ma Bổ La (Kusumapura)và Vua tên là Phạm Thọ. Phước Trí đầy đủ văn võ song toàn, uy hiếp xâm chiếm khắp nơi làm cho các nước lân bang khiếp sợ. Vua có 1000 người con trai, mưu trí dũng lược, và 100 người con gái tuyệt thế giai nhân. Lúc bấy giờ có một vị tiên nhân ngồi nhập định ở phía sông Hằng qua hàng vạn năm thân hình như củi khô. Chim chóc tập trung để ở, nơi quả A Na Luật trên vai ông tiên. Mùa nóng qua, mùa lạnh đến đều không xao động. Trải qua nhiều năm như thế mà không muốn xả thiền, đi khỏi nơi nầy vì sợ ổ chim bị động, cho nên người đời cảm đức đặt tên là Đại Thọ Tiên Nhơn. Một hôm ngồi trên bờ sông thấy Vua và các công chúa đang đùa giỡn trong rừng, nên khởi ái dục, sanh tâm nhiễm trước. Ngài muốn đến Hoa Cung thi lễ. Vua nghe tin Tiên nhơn đến vui vẻ nghinh tiếp và nói: Đại tiên là bậc đứng ngoài tình cảm nhưng tại sao bị khích động như thế? Tiên nhơn đáp: - Ta ở trong rừng sâu lâu năm rồi. Khi xuất định ra đi, thì thấy vua và các công chúa xinh đẹp đùa giỡn như thế, nên tâm đã sinh nhiễm ái mà từ xa đến đây vậy. - 92 -

Vua nghe như vậy rồi không biết làm sao nên bảo Tiên nhơn rằng: - Ngài hãy vui vẻ về rừng đi đừng yêu cầu gì nữa. Tiên nhơn trở về. Vua hỏi từng người con nhưng không ai ưng thuận. Thấy Vua bị Tiên nhơn uy hiếp mà lo sầu. Cho nên công chúa nhỏ nhất của Vua liền thưa: -Thưa Phụ Vương, Ngài đã có cả ngàn thiên tử và đầy đủ chư hầu sao lại ưu sầu lo lắng như thế? Vua đáp: - Đại Thọ Tiên Nhơn muốn cầu hôn nhưng các chị của con không có ai đồng ý. Tiên nhơn có uy lực rất lớn có thể gây nên binh lửa. Nếu không thuận theo, ông ta giận dữ. Nước ta bị diệt làm sao ăn nói với tiên vương. Vì thế cha mới khổ tâm. Cô công chúa nhỏ thưa rằng: - Con xin phạm thượng làm để cha bớt sầu lo. Con nguyện đem thân nhỏ bé của con giúp nước trường cửu. Vua nghe như thế rất hoan hỷ ra lệnh cho xe giá mang đi. Khi đến chỗ ở của tiên nhân, nói lời cảm tạ rằng: - Tiên nhơn vì tình nghĩa nầy xin ở bên ngoài mà lo lắng cho thế gian. Nay xin gửi ấu nử để hầu hạ. Tiên nhơn thấy vậy chẳng vui bèn nói với Vua rằng: - Khinh lão già nầy đến thế sao mà gửi người chẳng đẹp gì hết. Vua nói: - Tôi đã hỏi qua các người con, nhưng không có ai đồng ý, chỉ có ấu nữ nầy nguyện hiến thân mà thôi. Tiên nhơn giận dữ đọc tà chú và nói rằng: - Chín mươi chín công chúa kia chỉ trong giây lát nữa ngực và lưng sẽ bị thương tổn và suốt đời không kết hôn được. Vua sai người chạy về xem xét, thì đúng là lưng họ đã gù rồi. Cho nên từ đó về sau người ta gọi đây là Thành những cô công chúa gù. Nhà Vua thuộc dòng Phệ Xá gọi là Yết Lợi Sa Phạt Đẳng Na. Tại đây, Ba

vua mà chỉ hai đời thôi. Tên của Phụ Vương là Ba La Yết La Phạt Đà La. Tên của Người Anh là Yết La Bạt Đà La, Vua lấy Đức để trị vì nên được lâu dài. - 93 -

Lúc bấy giờ phía đông Ấn Độ nước Yết La Nô Tô Phạt Sắc La thiết lễ để thưởng cho Vua. Cho nên có vị quan nói rằng: - Nước lân bang có vị Vua Hiền nhưng lại là hiểm họa, nên dụ thỉnh đến để hại. Khi Vua mất, thì nước ắt loạn. Lúc bấy giờ Đại Thần Bà Ni chức vị cao liền thưa rằng: - Chỉ trong ngày hôm nay định kế cho quốc gia. Con của Vua trước đã mất. Em của Vua rất là nhơn từ. Thiên tánh hiếu kính nhân tâm, xa gần đều thuận, mà muốn soán được địa vị nầy thì phải làm thế nào, để cho mọi người quy nguỡng cái đức mà không có sự dị nghị âm mưu. Lại có vị Đại Thần khác khuyên rằng: - Vương tử cũng biết rằng tiên vương tích công bồi đức làm cho nước nầy hòa bình cho nên khó mà giết Vua đó lắm. Ai trong chúng ta có thể hy sinh mà ra tay. Vì nước mà không xấu hổ tội lỗi với đời. Hay điều đình mà tựu trung vẫn sáng cái Đức. Nếu chúng ta đến họ bàn việc thân thù không xấu hổ với sự nghiệp của cha mình ngày trước. Công rất lớn mà Hạnh cũng không sao kể hết. Vương tử nói rằng: -Việc nước vẫn là việc lớn xưa nay đều khó. Địa vị của vua ở nơi trừng phạt. Ta hôm nay thừa đức của cha và anh để lại mà nắm giữ ngôi trời há có thể dễ lắm ru. Điều đình có thể sinh ra sự nghi ngờ thiện chí không biết hư thật ra sao cho nên ta sẽ đến bờ sông Hằng để bạch lên tượng Bồ Tát. Vì tượng nầy có nhiều linh nghiệm qua sự thỉnh cầu. Sau đó liền đến nơi trước tượng Bồ Tát nhịn ăn trong bảy ngày để cầu thỉnh. Bồ Tát cảm ứng sự thành tâm mà hiện ra nói rằng: - Ngươi cầu gì mà thành tâm như thế? Vương Tử đáp: - Con thật là khó xử. Khi cha con mất có dặn phải cáo phạt lân bang, trong khi đó anh con lại thấy hại đến đạo đức. Nhân dân tuy tôn trọng Vương quyền mà ánh sáng của phụ thân về cơ nghiệp, làm sao khỏi bị trách là ngu muội, khi mà trái Thánh Chỉ ấy. Bồ Tát bảo rằng: - Kiếp trước ngươi là vị Tỳ Kheo tu ở núi rừng nầy rất là tinh tấn chưa từng giải đãi. Nhờ phước đó nay trở thành Vương Tử. Vua nước Kim Nhi đã hủy hoại Phật Pháp, nay nếu muốn cho ngai vàng được hưng long mà làm hoại lòng từ bi và phá nát đi tình thương ấy, chẳng bao lâu - 94 -

nữa, biên giới của năm vua Ấn Độ muốn cho đất nước được hòa bình, phải nghe lời ta mà sám hối. Nếu chẳng nghe, khó mà địch nổi phước của lân bang. Chớ vội lên ngồi tòa Sư Tử, chớ vội xưng Vương Hiệu. Vương Tử nghe như thế xin lãnh thọ rồi lui. Sau khi lên ngôi, Vương Tử hiệu là Thi La A Dật Đa. Lúc đó có vị đại thần nói: - Thù của anh chưa trả, nước kia chưa phải là khách. Cho đến trọn đời không đưa cơm bằng tay phải. Mọi người đều đồng tâm hiệp lực và toàn quốc chuẩn bị binh lính chiến mã ngựa voi ứng chiến gồm có: 5000 thớt voi trận, 20 ngàn ngựa chiến, 50 ngàn bộ binh. Từ phía tây bất thần thả quân chinh phạt xuống phía đông, nhưng voi không buộc yên và người không áo giáp. ròng rã sáu năm trong năm nước Ấn Độ. Vì đất đai rộng cho nên phải tăng quân số lên đến 60 ngàn con voi trận, 10 ngàn con ngựa chiến, đóng giữ biên thùy 30 năm mà chưa khởi chiến. Chính giáo hòa bình vì việc tu duỡng mà tiết kiệm vun bồi cây phước đức để tưới tẩm món ăn thiện cho mọi người, cho nên ra lệnh năm nước Ấn Độ không được ăn thịt. Nếu ai giết hại sinh mệnh, sẽ bị tru di không người kế tự. Từ đó ở sông Hằng kiến lập hàng ngàn Bảo Tháp. Mỗi tháp cao hơn 100 thước. Và khắp nơi thành ấp của năm xứ Ấn Độ đều cho xây dựng chỗ ngồi Thiền. Tích trữ đồ ăn thức

uống cũng như thuốc men để bố thí cho kẻ bần cùng và người cô quả. Nơi Thánh tích cho lập chùa viện, và cứ 5 năm tổ chức một lần Vô giá đại hội (thí thực). Xuất lương thực trong kho để bố thí cho mọi người, duy chỉ giữ lại binh khí không nên cho đi. Cứ mỗi năm một lần cung thỉnh Sa Môn khắp nơi lại để cúng dường tứ sự trong hai mươi mốt ngày. Để trang nghiêm Pháp Tòa và rộng mở trai diên nên yêu cầu đàm luận với nhau để biết cao thấp. Những người không có khả năng thì yên lặng, còn kẻ có giới hạnh đạo đức nhuần thấm thì được cung thỉnh thăng tòa thuyết pháp cho Vương tôn, công tử thọ Pháp. Chỉ có giới đức thanh tịnh mới có thể đối lại cái học xưa nay, mà từ đó mọi người mới kính lễ tôn sùng. Nếu Luật Nghi không có kỷ cương thì đạo đức bị chướng ngại. Phải ra khỏi biên giới của quốc gia và nguyện không bao giờ thấy lại. Đối với nước lân bang, Tiểu Vương cùng với một vị đại thần, vì phước đức của quốc gia mà không nại khó khăn sang cầu hòa làm bạn, nhưng không nói một lời khi đối mặt. Mọi viêc chỉ là nghe lời Sắc Nghị giao hảo rồi về. Vua đi thăm các tỉnh, không dừng lại ở đâu lâu. Đi đến đâu cũng dừng lại để tham thiền. Chỉ có mùa mưa ba tháng là không đi, còn mỗi ngày đều đi như thế để khất thực cùng với 1000 tăng chúng và 500 Bà La Môn. Mỗi ngày chia ra ba thời, một thời lý luận về chính trị còn hai thời khác làm phước tu thiện, không có ngày nào, không làm đủ như thế. - 95 -

Vua Câu Ma La Vương vừa phong vương thỉnh ý rằng: - Từ nước Ma Yết Đà đi qua nước Ca Ma Lầu Ba, gặp Vua Giới Nhật đang tuần du ở tại nước Yết Chư Ôn Đệ La, ra lệnh cho Vua nước Câu Ma La nên báo cho vị khách Sa Môn ở xa tại Na Lan Đà đến đây phó hội. Tức thì Vua Câu Ma La đến hội kiến. Vua Giới Nhựt bảo rằng: - Đến từ nước nào và mong muốn điều gì? Trả lời rằng: - Từ nước Đại Đường đến để cầu Phật Pháp. - Nước Đại Đường là nước ở đâu vậy? Đi bao lâu mới đến đây? Đáp rằng: - Từ phía đông bắc hơn 10 ngàn dặm của xứ Ấn Độ nầy thì đến được nước kia. Vua nói: - Ta thường nghe từ Ma Ha đến nước kia thì có Tần Vương thiên tử từ nhỏ vốn đã hiên ngang uy vũ. Từ xưa đã chinh phạt các nước khác, dấy binh chinh chiến khắp nơi. Mà Tần Vương Thiên Tử sớm mong cơ đồ đã dùng từ bi tế độ tất cả chúng sanh, chinh phục năm châu bốn bể. Làn gió ấy mang đức đến cai trị các phương khác. Sau đó xưng Vương. Mọi người được nhờ ân và có lời ca rằng: - Tần Vương vui phá trận. Nghe được lời xưng tụng, Đức độ được thấm y. Người người cũng vui lây: - Người của nước Đại Đường há có biết điều nầy là tà chăng? Đáp rằng: - Khi đến đó đối trước mặt Vua, thì biết được tên nước. - Đó là nước Đại Đường. Nước ấy có Vua mà từ xưa nay ngôi vị đươc gọi là Vua Tần, và bây giờ truyền thừa cho đến ngày nay gọi là Thiên Tử. Thiên Tử là người thay thế cho vận mệnh phía trước đã xong vì quần sanh không có người làm chủ nên đã đem binh nổi loạn, cung tên làm hại sinh linh. Vua Tần là Thiên Tử, dụng tâm từ mẫn, uy phong lẫm liệt chưa bao giờ hết, tám phương yên ổn, vạn nước triều cống; trải lòng thương đến muôn loài và sùng kính Tam Bảo. Những kẻ có tội được giảm. Dùng tục lệ của mình để không bị chôn vùi. Phong tục tập quán khó mà chuyển hóa thì được bổ sung. Vua Giới Nhựt bèn nói rằng: - 96 -

Tốt lành thay, nhân dân của nước kia, thật là có phước nên cảm đến vua của họ. Sau đó Vua Giới Nhựt trở về lại thành Khúc Nữ để thuyết Pháp Hội cúng dường. Cùng đi với vua có hơn 10 vạn người đến phía Nam bờ sông Hằng. Còn Vua Câu Ma La cũng đến

với một vạn người ở bờ sông phía bắc. Phân chia dòng sông ở giữa rồi hai bên cùng tiến. Hai vua cùng có bốn loại binh lính rất nghi vệ. Hoặc dùng thuyền, hoặc cỡi voi, đánh trống, thổi sáo. Trải qua 90 ngày mới đến thành Khúc Nữ. Tại phía Tây của sông Hằng, nơi giữa rừng Hoa, lúc bấy giờ các Vua của hơn 20 nước cùng ra lệnh cho các Sa Môn của nước họ cùng các Bà La Môn, quan quân tướng sĩ đến tham dự Đại Hội. Trước tiên nhà Vua cho xây dựng chùa ở phía Tây của sông và phía đông cho dựng bảo đài quý báu, cao hơn 100 thước, ở giữa có tượng Phật bằng vàng lớn bằng thân Vua. Đài phía Nam, dựng đàn tràng để tắm tượng Phật. Ở phía Đông Bắc 14.5 dặm cho kiến tạo hành dinh. Lúc ấy vào giữa mùa Xuân. Từ ngày 1 đến ngày 21 dùng những món ngon vật lạ để cho các vị Sa Môn và Bà La Môn đến hành dinh và Già Lam để cúng dường. Trên đường đi nhà cửa được trang sức, người người vui vẻ và ở đâu cũng nghe tiếng sáo thổi. Nhà Vua từ hành dinh ra đi với một con voi vàng, con voi ấy cao đến ba thước mang một cây cờ. Vua Giới Nhựt mặc đồ Đế Thích. Tay trái cầm Bảo Cái đứng chờ Vua Câu Ma La đã làm Nghi Lễ cầu thỉnh Phạm Vương. Tay cầm phất trần trắng đứng chờ bên phải. Mỗi bên đều có năm trăm voi chiến và trước sau đều có tượng Phật. Trên trăm voi đó các nhạc công cỡi voi đánh trống và tấu nhạc. Vua Giới Nhựt đã dùng hoa bằng vàng bạc và các thứ trân châu quý giá rải khắp nơi để cúng dường Tam Bảo. Đầu tiên đến Bảo Đài để dâng hương và dùng nước để tắm tượng. Nhà Vua cùng những người cận thần đã gửi đến bốn đãy các đồ trân quý kiêu sa, với số lượng đủ trăm ngàn mà làm lễ cúng dường. Lúc đó chỉ có hơn 20 vị Sa Môn đến dự. Các Vua chúa hầu hạ cơm nước xong, tập trung lại để học hỏi đắn đo nói lời nhỏ nhẹ: - Ngưỡng mong hiểu được Chân lý Khi mặt trời lặn trở về lại hành dinh. Cứ như thế mỗi ngày cho voi Vàng ra đi như ngày đầu cho đến ngày cuối cùng. Đài lớn tự nhiên phát hỏa, Chùa Viện cũng lên khói. Vua nói: Đã vì tiên vương mà bỏ hết của báu của quốc gia để kiến lập nên Già Lam nầy, nhằm để ra khỏi nghiệp lực, chưa có đủ đức và chưa có thần giúp, cho nên lửa cháy mới khổ như thế này làm sao cứu được sự sống nầy nên đốt hương để bái thỉnh và tự thệ rằng: Vì túc nghiệp làm thiện của các vị Vua Ấn Độ đời trước nguyện cho phước lực của tôi đầy đủ để diệt được đám lửa cháy kia. Nếu không có sự chiêu cảm ở nơi nầy thì con sẽ bỏ mạng đọa xuống địa ngục, như - 97 -

nghiệp con sạch lửa sẽ tắt ngay. Các vị Vua khác vây quanh nơi Đề Cù, thấy nhan sắc không thay đổi không nói gì cả, đoạn hỏi các Vua rằng: Nếu hỏa tai nầy cháy hết, trong tâm của mọi người còn mong gì nữa không? Các Vua phủ phục khóc lóc và nói rằng: Sự thành công để lại kỳ tích truyền lại đời sau, còn nếu chẳng may bị lửa cháy thì còn gì mà để lại. Huống nữa ngoại đạo còn khoái lên mặt. Vua bảo: Hãy quán sát điều nầy như Như Lai đã nói rõ chỉ có ngoại đạo mới chấp Thường kiến, còn bậc Đạo Sư của chúng ta chỉ rõ về Vô Thường, cho nên ta đã xả bỏ các đàn nầy như chỗ tâm nguyện đã cố ý, tùy theo đó mà biến diệt. Phải hiểu rằng đó là chân lý như thật mà Như Lai đã thuyết. Hãy biết rằng đó là điều tốt chẳng có gì sầu bi cả. Nơi đó các Vua ở phía đông leo lên các Bảo Tháp để xem ở phía dưới đất liền thấy có người mang dao đi về phía Vua. Vua liền tiến tới giữ người ấy lại và gọi các quan. Lúc bấy giờ các quan hoảng hốt không biết cứu làm sao. Cho nên các Vua đòi giết người ấy, nhưng Vua Giới Nhựt mặt không đổi sắc ra lệnh đừng giết. Vua mới hỏi rằng: - Ta phạm điều gì mà người làm

điều bạo ác như thế. Kẻ ấy nói rằng: - Đức của Đại Vương nhuận khắp trong ngoài đâu có gì mà phạm. Tôi chỉ là kẻ cuồng ngu chẳng có mưu kế sách lược. Vì chỉ nghe lời ngoại đạo làm kẻ nghịch hại thích khách. Vua nói: - Cớ sao ngoại đạo có ác tâm nầy? Kẻ ấy thưa: - Vì Đại Vương đã tập họp các nước, lấy của cải trong kho để cúng dường cho Sa Môn, tạo tượng trang nghiêm, nên ngoại đạo biết việc đó mà triệu tập lại không ngại một kế nhỏ, trong lòng đầy xấu xa ra lịnh kẻ cuồng ngu nầy làm việc dối trá hung dữ. Họ nghiên cứu và hỏi các ngoại đạo khác gồm 500 Bà La Môn và các Bậc Cao Đức đều đã được triệu tập để phá các vị Sa Môn mà nhà Vua thường kính lễ, ra lệnh bắn những tên lửa vào các lễ đài nầy. Vì nguyên nhân cứu lửa mà mọi người nổi loạn. Nhân cơ hội nầy họ cho sát hại Đại Vương. Nay tôi đã khỏi chết mà còn - 98 -

được nhà Vua chiếu cố đến người đi hành thích. Lúc bấy giờ các Vua khác và đại thần yêu cầu chém Ngoại Đạo nầy, hoặc là trừng trị kẻ làm ác để trừ khử và đuổi 500 ngoại đạo và Bà La Môn ra khỏi Ấn Độ hoặc cho về lại quê hương của chúng. Phía Tây bắc của thành có một Bảo Tháp, do Vua A Dục dựng nên để ghi dấu ngày xưa Như Lai đã thuyết Diệu Pháp 7 ngày và cũng là nơi ghi lại dấu tích của bốn vị Phật trong quá khứ đã đi kinh hành tọa thiền. Lại có một Bảo Tháp thờ tóc và móng tay của Như Lai. Phía Nam của tháp nơi đức Phật thuyết Pháp giáp với sông Hằng lại có ba ngôi chùa cùng một nơi nhưng khác cửa. Tượng Phật trang nghiêm. Tăng chúng trang nghiêm hòa hợp. Có hơn 1000 người Phật tử. Trong tịnh xá có lưu giữ răng của Phật dài một tấc rưỡi xưa, thường phát ra ánh sáng và màu sắc, thay đổi vào hai buổi sáng và tối. Hằng ngày có hơn trăm ngàn người liên tục đến lễ bái tu học chiêm nguỡng. Kẻ giữ gìn nơi đó đã ra một loại thuế lạ lùng cho mọi người xa gần biết rằng muốn thấy được răng Phật thì phải bị thâu tiền. Vì vậy, người chiêm bái phẫn nộ với các vị Tăng Sĩ. Tiền bạc thuế má đã tạo cho họ một sự cạnh tranh. Cho nên cứ mỗi buổi trưa xá lợi được an trí nơi cao nhất để trăm ngàn người có thể rải hoa cúng dường. Hoa rơi chồng chất trên hộp đựng răng không kể xiết. Hai bên phải trái phía trước chùa đều có Tinh Xá, cao hơn 100 thước. Lấy đá làm phòng, ở trong đó các tượng Phật được trang nghiêm bằng đồ trân bảo hoặc bằng vàng bạc, hoặc bằng đá quý. Trước hai tinh xá nầy, nơi nào cũng có một chùa nhỏ. Không xa mấy phía đông nam của Già Lam nầy lại có một đại tinh xá. Nền móng đều bằng đá cao hơn 200 thước. Ở giữa có tạo tượng đức Như Lai cao 30 thước, làm bằng đá hoa cương, màu sắc rất đẹp mắt. Chung quanh tinh xá, tường được làm bằng đá từ dưới lên trên điêu khắc chạm trỗ. Lúc Như Lai còn hành hạnh Bồ Tát. Những sự tích như vậy, cũng được khắc họa đầy vách. Phía nam của tinh xá bằng đá đó không xa, lại có một đền thờ mặt trời và phía Nam của đền thờ này lại có một đền thờ Đại Tự Tại Thiên, được xây dựng bằng đá ngọc thạch xanh và chạm trỗ rất tinh vi quy mô to lớn cũng giống như tinh xá thờ Phật bên kia. Bên nầy cũng có một ngàn người lo việc quét dọn. Trổi nhạc ca hát suốt đêm. Phía đông nam của đại thành 6.7 dặm về phía Nam của sông Hằng có một Bảo Tháp nữa cao hơn 200 thước do vua A Dục xây dựng. Chính tại nơi đây ngày xưa đức Như Lai đã thuyết pháp trong vòng 6 tháng về sự vô thường, khổ, không, bất tịnh của thân thể. Phía nầy cũng là nơi ghi lại di tích kinh hành tọa thiền của bốn vị Phật trong quá khứ. Lại cũng - 99 -

có Bảo Tháp thờ tóc và móng tay của Như Lai. Người nào có bịnh nặng trầm kha, thành tâm đến đây đi lễ tháp bệnh kia nhờ phước đức nầy sẽ được thuyên giảm. Phía Đông Nam của đại thành đi hơn 200 dặm, đến thành Nạp Phược Đề Bà Cự La, nằm bên phía đông của bờ sông Hằng, chu vi hơn 20 dặm có rừng cây soi bóng trên hồ nước phản ảnh chiếu sáng lung linh trông rất đẹp mắt. Phía tây bắc của thành Nạp Phược Đề Bà Cự La là sông Hằng. Phía đông của sông nầy có một đền thờ. Đền thờ kiến trúc rất tinh vi đẹp đẽ. Phía đông của thành 5 dặm có ba ngôi Già Lam cùng một nơi, nhưng cửa đi lại khác. Có hơn 500 Tăng Sĩ, tu theo phái Tiểu Thừa, thuộc Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Mặt trước của chùa đi hơn 200 bước lại có một Bảo Tháp, do Vua A Dục xây, nền móng vững chắc cao hơn 100 thước. Nơi đây ghi lại ngày xưa, đức Như Lai đã thuyết pháp bảy ngày. Trong tháp ấy có Xá Lợi, thường phóng ra hào quang và chính nơi đây cũng là nơi ghi lại dấu tích và là nơi kinh hành tọa thiền của bốn vị Phật trong quá khứ. Phía bắc của chùa nầy cách 3.4 dặm, đến bờ sông Hằng. Ở đó có một Bảo Tháp cao hơn 200 thước, do Vua A Dục kiến tạo nên, để ghi lại nơi đây ngày xưa đức Như Lai đã thuyết Pháp bảy ngày. Lúc bấy giờ có 500 Ngạ Quỷ đến nơi Phật thuyết Pháp, sau đó giác ngộ bỏ thân quỷ mà được sanh Thiên, bên cạnh Bảo Tháp Thuyết Pháp cũng là nơi ghi lại dấu tích của bốn vị Phật trong quá khứ kinh hành và tọa thiền. Nơi đây cũng có Bảo Tháp thờ tóc và móng tay của Như Lai. Từ đây đi về hướng đông nam hơn 600 dặm qua sông Hằng, phía Nam đến nước A Du Đà. Nước A Du Đà chu vi 5000 dặm. Đô thành chu vi hơn 20 dặm. Nông nghiệp rất thịnh hành. Hoa quả tốt tươi. Khí hậu ôn hòa. Gió mưa phong tục đều tốt đẹp. Người thích tu phước, siêng năng học tập. Có hơn 100 ngôi Già Lam, hơn 3000 Tăng Sĩ, theo cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Có 10 đền thờ và ít ngoại đạo. Bên trong thành lớn có một ngôi chùa cũ có thờ đức Phạt Tô Bán Độ (Vasubandhu) Bồ Tát (Thế Thân-Thiên Thân). Ngài ở đây hơn 10 năm, để soạn ra các tác phẩm Luận Nghị giữa Tiểu Thừa và Đại Thừa. Tại nơi nầy ngày xưa cũng là nơi mà Ngài Thế Thân Bồ Tát cũng vì các vị Quốc Vương ở bốn phương và các vị Sa Môn, Bà La Môn mẫn tuệ, giảng nghĩa và thuyết pháp nghị luận tại nơi đây. Phía bắc của thành hơn 4 dặm rưỡi, giáp bờ sông Hằng, nơi đây có một đại Già Lam, trong đó có một Bảo Tháp cao hơn 200 thước do vua A Dục dựng lên. Nơi đây là nơi mà Như Lai đã vì trời người, các loài thuyết Diệu Pháp trong vòng ba tháng. Nơi đây cũng có Bảo Tháp ghi lại dấu tích của vị Phật trong quá khứ đi kinh hành và tọa thiền. Già Lam phía Tây hơn 4.5 dặm, có Bảo Tháp thờ tóc và móng tay của Như Lai. Phía bắc của Bảo Tháp thờ tóc và móng tay, có một Già Lam, ghi lại dấu tích của luận sư về kinh bộ Thất Lợi Đa La (Thắng Thọ). Chính nơi nầy Ngài đã chế - 100 -

ra kinh bộ Tỳ Bà Sa. Phía tây nam của thành hơn 4.6 dặm có một rừng xoài trong đó có một ngôi Già Lam cũ. Nơi đây là nơi mà Bồ Tát A Tăng Già (Vô Trước-Asangha) đã vì phàm phu mà làm lợi ích. Một đêm Bồ Tát lên thiên cung gặp Bồ Tát Từ Thị để thọ lãnh Du Già Sư Địa Luận và Trang Nghiêm Đại Thừa Kinh Luận cũng như Trung Biên Phân Biệt Luận v.v....vì đại chúng mà giảng thật cặn kẽ tất cả những diệu lý nầy. Phía Tây Bắc của vườn xoài hơn 100 dặm, có Bảo Tháp thờ tóc và móng tay của Như Lai. Chính nơi nầy là nơi mà ngài Thế Thân Bồ Tát đã từ trên cõi trời Đâu Suất hạ xuống thấy được ngài Vô Trước Bồ Tát. Ngài Vô Trước là người của nước Kiền Đà La. Ngài sinh ra sau khi

Phật diệt độ 1000 năm, rất thông minh lanh lợi, thấy biết và gặp gỡ giáo Pháp Đại Thừa nên liễu ngộ theo Di Sa Tắc Bộ (Mahisasaka) xuất gia tu học. Sau đó, chuyển sang Đại Thừa vì người em là Thế Thân Bồ Tát đã xuất gia theo Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ mà hướng dẫn. Ngài là bậc nghe rộng hiểu nhiều nhớ lâu học kỹ nghiên tầm chín chắn. Người em của ngài Vô Trước là Phật Đà Tăng Hà (Buddhasimha Sư Tử Giác) ngài tu về Mật Hạnh. Những người học rộng tài cao đều nghe tiếng. Có hai ba hiền triết mỗi lần gặp Ngài đều nói: Phàm những người tu Mật Hạnh nguyện cận kề bên đức Di Lặc liền được tùy tâm và có thể biết được nơi mà mình sắp đến. Sau đó ba năm, Ngài Sư Tử Giác sẽ bỏ thọ mạng nhưng không báo tin. Ngài Thế Thân Bồ Tát mới tìm đến nơi xả bỏ báo thân trải qua 6 tháng liền, nhưng cũng chẳng thấy đầu thai. Ở các nơi đạo khác cũng đều không có tin tức. Vì thế ngài Thế Thân Bồ Tát nghi rằng Sư Tử Giác đã lưu chuyển ác thú đọa vào chỗ Vô Linh Gián (Địa Ngục). Kế đó ngài Vô Trước Bồ Tát trong canh đầu của một đêm, đang dạy Thiền cho Tăng chúng, bỗng nhiên ánh sáng từ cây đèn phụt lên trên hư không, nơi đó có một vị tiên từ trên hư không đi xuống, đến trước thềm kính lễ ngài Vô Trước. Ngài Vô Trước hỏi: Ngài từ đâu đến và tên là gì? Người kia đáp: Sau khi xả bỏ thọ mệnh, tôi được sanh lên cõi trời Đẩu Suất, sanh vào trong hoa sen nơi đức Từ Thị. Khi hoa sen nở đức Di Lặc tán thán rằng: Lành thay người có trí. Lành thay người có trí. Ông đã đi đến đây là xả bỏ thọ mệnh. Vô Trước Bồ Tát hỏi: Ông có gặp Sư Tử Giác ở đâu không? - 101 -

Khi tôi đi nhiễu thì thấy Sư Tử Giác ở ngoại viện đang mê đắm hoan lạc, không đoái hoài gì đến báo thân thọ mệnh. Bồ Tát Vô Trước hỏi: Thật như vậy sao? Ông có gặp đức Di Lặc không? Ngài đang thuyết Pháp gì vậy? Có gặp, Ngài bảo chưa nên nói và đang diễn thuyết Diệu Pháp giống hệt như ở đây. Tiếng của Bồ Tát Diệu Âm thanh tao hòa nhã, nghe không mệt, nhận không chán. Phía bên tây bắc của giảng đường Vô Trước hơn 40 dặm đến một ngôi chùa cổ, phía bắc giáp với sông Hằng, ở giữa có một Bảo Tháp rộng lớn cao hơn 100 mét. Đây là nơi mà ngài Thế Thân Bồ Tát sơ phát Đại Thừa tâm. Ngài Thế Thân Bồ Tát từ bắc Ấn Độ đến nơi đây. Lúc ấy ngài Vô Trước Bồ Tát bảo môn nhân ra nghinh tiếp. Khi đến Già Lam nầy, gặp gỡ và hội kiến với nhau. Đệ tử Vô Trước dừng ở phía ngoài cửa phòng vào ban đêm tụng kinh Thập Địa, ngài Thế Thân nghe rồi, cảm động giác ngộ và hối hận. Giáo Pháp thậm thâm vi diệu từ xưa đến nay chưa từng nghe qua. Sự phỉ báng trước đây phát xuất từ lưỡi nầy, mà lưỡi nầy là tội căn bản cho nên ta muốn cắt đi. Liền cầm dao lên và muốn tự cắt lưỡi. Lúc đó thấy ngài Vô Trước đến và bảo rằng: Phàm muốn cho giáo lý Đại Thừa được tuyên dương mà chư Phật tán thán, chư Thánh đệ tử ca ngợi. Ta muốn sự hối quá của ông nên tự hiểu biết, mà sự hiểu biết đó không có gì hơn là dùng lưỡi nầy để phù trợ Thánh Giáo Đại Thừa chớ không nên cắt lưỡi. Trước đây lưỡi nầy hủy báng Đại Thừa thì bây giờ chính cái lưỡi đó nên tán thán Đại Thừa. Điều ấy có phải là một sự thay đổi tốt đẹp hơn không. Ngậm miệng im lời thì lợi ích hơn. Khi nói lời ấy xong rồi thì chẳng thấy đâu nữa. Ngài Thế Thân theo lời dạy ấy chẳng cắt lưỡi mà tiếp thọ Giáo Lý Đại Thừa. Từ đó nghiên cứu tinh chuyên tư tưởng để chế ra Đại Thừa Luận có cả trăm bộ như thế để tuyên dương Pháp nầy. Từ phía đông hơn 300 dặm đi qua sông Hằng đến phía bắc, gặp nước A Già Mục Khứ. Nước A Già Mục Khứ chu vi 2450 dặm. Đô thành tiếp giáp với sông

Hằng chu vi hơn 20 dặm. Khí hậu và phong thổ nước nầy giống như nước A Du Đà. Nhân tình thuần hậu. Phong tục chất phác. Siêng năng học tập và làm phước bố thí. Già Lam có năm cảnh và Tăng tín đồ hơn 1000 người. Họ học theo phái Tiểu Thừa Chánh Lượng Bộ. Đền thờ có 10 ngôi. Ngoại Đạo sống hỗn tạp. Phía đông nam của thành không xa, thì gặp sông Hằng. Bên bờ sông có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên cao hơn 200 thước. Nơi đây là - 102 -

nơi ghi lại đức Như Lai ngày xưa thuyết pháp ba tháng. Ở tại phía đây cũng có di tích ghi lại nơi tọa thiền và kinh hành của bốn vị Phật trong quá khứ. Nơi đây cũng có Bảo Tháp bằng đá để tôn thờ tóc và móng tay của Như Lai. Tăng Già Lam nầy có hơn 200 người. Họ trang sức tượng Phật rất uy nghiêm tự tại. Có nhiều nhà cửa rộng rãi bên cạnh. Đây là nơi ngày xưa Phật Đà Đà Bàn (Giác Sử) luận sư đã chế ra Đại Tỳ Ba Sa Luận thuộc Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ, từ đây qua phía đông nam đi hơn 700 dặm qua sông Hằng và tiếp đến là sông Diêm Mâu Na, đến phía bắc, gặp nước Bát La Dà Dà. Nước Bát La Dà Dà chu vi hơn 5000 dặm. Đô thành nằm hai bên sông giao nhau. Chu vi hơn 20 dặm. Họ sống bằng nghề trồng trọt lúa và hoa quả. Khí hậu ôn hòa. Phong tục tập quán hiền lành, ham học nghề nghiệp, tin theo Ngoại Đạo. Có hai ngôi Già Lam, ít Tăng Sĩ. Họ tu theo phái Tiểu Thừa, Có hơn 100 ngôi đền. Ngoại Đạo sống hỗn tạp. Phía tây nam thành lớn, ở giữa rừng cây Bát Ca Hoa, có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng lên. Tháp nầy cao hơn 100 thước, nơi đây ghi lại ngày xưa đức Như Lai đã hàng phục ngọai Đạo. Bên cạnh đó có tháp thờ tóc và móng tay của Như Lai, cùng nơi kinh hành và nhiễu Phật. Bên cạnh Tháp thờ tóc và móng tay, có một ngôi chùa cũ. Nơi đây ngài Đề Bà (Thiên Thọ) Bồ Tát đã tạo ra Quảng Bách Luận. Nhằm khuất phục Tiểu Thừa và hàng phục Ngoại Đạo. Đầu tiên Đề Bà Bồ Tát đến ở chùa nầy. Ở trong thành có nhiều Ngoại Đạo Bà La Môn. Họ là những bậc luận sư biện tài vô ngại. Khi nghe đến tên, không thể không biết đến được tuy họ biết ngài Đề Bà là người nghiên cứu sâu về áo nghĩa của kinh điển. Họ vẫn muốn luận đạo với ngài, lại hỏi về tên tuổi. - Ông tên gì? Đề Bà đáp: - Tên là Trời Ngoại Đạo hỏi: - Trời là ai? Đề Bà đáp: - Là Ta Ngoại Đạo hỏi: - Ta là ai? - 103 -

Đề Bà đáp:
- Là con Chó
Ngoại Đạo hỏi:
- Chó là con nào?
Đề Bà đáp:
- Nhà Ngươi
Ngoại Đạo hỏi:
- Nhà Ngươi là ai?
Đề Bà đáp:
- Là Trời
Ngoại Đạo hỏi:
- Trời là ai?
Đề Bà đáp:

- Là Ta
Ngoại Đạo hỏi:
- Ta là ai?
Đề Bà đáp:
- Là Chó
Ngoại Đạo hỏi:
- Ai là Chó?
Đề Bà đáp:
- Là Ngươi
Ngoại Đạo hỏi:
- Ngươi là ai?
Đề Bà đáp:
- Là Trời.
Cứ như thế mà hỏi qua đáp lại. Ngoại Đạo bèn ngộ, tự mình cung
- 104 -
kính thâm sâu về phong cách đó. Trong thành có đền thờ, trang trí cực kỳ linh động đẹp đẽ. Theo những điển tích biết được nơi nầy chính là nơi chúng sanh gieo trồng phước đức rất nhiều. Vì đã cúng dường cho đền thờ một quan tiền và với công đức đó đã trở thành một ngàn đồng tiền thí. Lại cũng có người không tiếc thân mệnh dứt bỏ sanh mạng của mình trong đền thờ, sẽ thọ được phước báo cõi trời vô cùng tận. Phía trước đền thờ có một cội cây rất lớn. Cành lá sum sê bóng mát che phủ kín cho nên đó cũng là chỗ ăn ở nương nhờ của người và quỷ. Hai bên tả hữu có rất nhiều di cốt của những người đã bỏ mạng tại đây. Bởi vì nghe theo tà thuyết và những lời dụ dỗ của thần linh. Chuyện dụ dỗ cho đến nay vẫn còn chưa thay đổi. Gần đây, có con cháu của những người Bà La Môn, tên là Hoát Đạt Đa, trí tuệ mẫn tiệp, đến ở trong đền thờ nầy mà bảo mọi người rằng: - Phàm những tục xấu xa xưa kia rất là khó bỏ, nhưng bây giờ trở đi ta muốn nhiếp hóa, để người trên kẻ dưới được lợi lạc. Ông nói tiếp: - Ta đã chết rồi. Vì ngày xưa hay nói dối nhưng bây giờ thì nói thật. Chư thiên vui mừng tiếp dẫn ta về hư không. Từ cảnh giới ấy thấy những hình ảnh bên dưới bị tổn hoại sai trái, nên muốn về trở lại để tự thú và đảnh lễ. Người quen của ta đã cản ngăn, nhưng ý chí không thay đổi. Bèn dùng y phục bao gốc cây lại rồi thì tự mình đảnh lễ sát đất. Hồi lâu tỉnh lại nói rằng: - Tuy thấy trên không trung có chư thiên triệu thần nhưng đó là một tà thần dẫn nhập nên không nhận được phước lạc của chư thiên. Đại Thành ở phía đông nằm hai bên con sông giao nhau rộng độ mười dặm đất đai hẹp, cát bồi nhiều .Từ xưa đến nay là nơi xuất thân của Vua chúa. Cho nên từ nơi đây bố thí chưa ngừng nghỉ chu cấp bất kể số lượng và nơi chốn. Hiện tại vua Giới Nhựt đã tu hạnh bố thí rất là quảng đại, đem tài sản tích lũy trong 5 năm chỉ cho một ngày là hết. Ở nơi phát chẩn có nhiều vật giá trị. Phần đầu trong ngày ấy có để một tượng Phật lớn và các báu vật khác rất trang nghiêm và bắt đầu cho những của cải quý giá trước, sau đó đến thường trụ tăng và sau nữa là hiện tiền chúng. Tiếp nữa là những bậc cao đức thạc học hiểu rộng biết nhiều, thứ nữa là ngoại đạo và những luận sư của ngọai đạo, tiếp theo là những

người cô độc nghèo khổ, tiếp nữa là những kẻ giá áo túi cơm v.v... tất cả đều nhận được những đồ trân quý cho đến thực phẩm, cứ như thế mà phát chưa bao giờ cùng, nhưng kho của nhà vua thì đã hết. Nhà vua liền lấy - 105 -

hạt minh châu trong búi tóc ra, toàn bằng anh lạc. Sau đó tiếp tục cho mà trong tâm không có gì hối hận cả và tự nói rằng: Lành thay những gì mà ta có hãy cho vào trong tàng kim cang bền chắc. Từ nay về sau, nếu có các Vua của nước khác đem hiến tặng những đồ trân quý thì đừng lấy mà đem cất vào trong kho đó. Nơi phía đông của chỗ bố thí là cửa ngõ của hai con sông giao nhau. Mỗi ngày có hàng trăm người tự dầm mình chết theo tục lệ ở đó vì cầu sanh vào thiên giới. Ở nơi nầy họ không ăn gì hết mà tự trầm mình tắm rửa trong dòng sông đó để tội dơ được tiêu diệt, mà theo tục lệ của nước kia từ xưa đến nay chưa dừng nghỉ. Họ không ăn trong bảy ngày như thế và sau đó tự giết mình. Cho đến những con thú núi rừng cũng vân tập bên bờ sông hoặc lặn hụp trong đó hoặc nhịn ăn mà chết. Đây là nơi mà vua Giới Nhựt chẩn thí rất nhiều. Có một con khỉ ở bên bờ sông, ngồi dưới gốc cây tuyệt thực qua nhiều ngày như thế đói mà chết. Ở đây những người ngoại đạo tu khổ hạnh thường hay đứng bên bờ sông để chờ mặt trời lên rồi một tay một chân đưa sát nhau và tay khác chân khác giữ nguyên vị trí cũ. Đứng một chân như vậy chẳng nhúc nhích mắt không rời, quán mặt trời qua bên trái cho đến tối mới buông xả, những người như thế nầy nhiều vô cùng. Họ nghĩ rằng siêng năng hành trì khổ hạnh như thế mới xuất ly sanh tử. Hoặc có người thực hành như thế hơn 10 năm không giải đãi. Từ đây qua phía tây nam vào trong khu rừng lớn, có ác thú và voi dữ qua lại rất nhiều. Nếu người đi không đông thì khó mà qua được. Đi hơn 500 dặm, đến nước Kiều Thường Di. Nước Kiều Thường Di chu vi hơn 6000 dặm. Đô thành hơn 30 dặm. Đất đai màu mỡ, lợi tức rất nhiều. Họ cấy lúa và có trồng nhiều mía. Khí hậu nóng. Phong tục tập quán thuần hòa, ưa học nghề nghiệp và thích làm phước thiện. Có hơn 10 ngôi Già Lam, đa phần bị hoang phế. Có hơn 300 Tăng Sĩ tu theo Tiểu Thừa. Đền thờ hơn 50 ngôi. Ngoại Đạo sống tạp nhạp. Trong thành nội thuộc cố cung có một tịnh xá lớn cao hơn 60 thước có khắc tượng Phật bằng trầm, bên trên có một Bảo Cái toàn bằng đá. Vua Ổ Đà Diễn Na đã tạo nên tượng ấy hình dáng rất đẹp đẽ trang nghiêm. Ánh sáng quang minh rực rỡ mà các Vua nước khác đã ỷ lại vào sức lực nên muốn chiếm đoạt. Tuy rằng có nhiều người nhưng chưa ai có thể di chuyển được. Khi thành tâm cúng dường lời nói chân thật sẽ được giữ nguyên tức là tượng nầy vậy. Sau khi Như Lai thành Chánh Giác rồi, Ngài thăng thiên cung để thuyết pháp cho mẹ ba tháng không trở lại, vị Vua nầy nguyện đúc tượng Phật cho nên mới thỉnh Tôn Giả Một Đặc Già La Tử (Mục Kiền Liên) dùng thần thông lực để đón tiếp công nhân từ thượng giới về, quán thân của đức Như Lai để làm tượng bằng gỗ Bạch Đàn. Khi đức Như Lai từ cõi Tự Tại Thiên cung trở về, tượng khắc bằng Bạch Đàn tự nhiên đứng lên nghinh tiếp Thế Tôn và vấn an - 106 -

Thế Tôn rằng: “Ngài giáo hóa có mệt không? Ngài khai đạo cho đời sau có khác gì không? Ở phía đông tịnh xá cách hơn 100 bước, có một nơi ghi lại dấu tích của bốn vị Phật trong quá khứ đã ngồi thiền và kinh hành. Từ đây không xa, có một cái giếng và phòng tắm của Như Lai. Giếng đã hư rồi, còn phòng tắm đã hoại rồi. Trong thành phía đông nam còn dấu tích của một nền nhà là nơi của trưởng giả Cù Sử La (Ghosira) cư

ngụ. Trong đó cũng có một tịnh xá và một bảo tháp thờ tóc cũng như móng tay của đức Phật. Lại cũng có nơi ghi lại chỗ tắm của đức Phật. Phía đông nam của thành không xa, có một ngôi Già Lam cũ. Đây là vườn nhà cũ của ông Cù Sử La, giữa đó có một Bảo Tháp do Vua A Dục xây dựng cao 200 thước. Như Lai đã thuyết pháp nhiều năm ở đây. Tại đây cũng có dấu tích ghi lại nơi kinh hành và ngồi thiền của bốn vị Phật trong quá khứ. Lại cũng có Bảo Tháp thờ tóc và răng của đức Như Lai. Già Lam phía đông nam, có một viện Bảo Tàng. Nơi đó là nơi mà ngài Thế Thân Bồ Tát đã ở, soạn ra Luận Duy Thức để bài bác Tiểu Thừa cũng như để vấn nạn Ngoại Đạo. Phía đông của Già Lam có một vườn xoài. Nơi đây cũng là nơi ghi lại di tích của Ngài Vô Trước soạn ra Hiển Dương Thánh Giáo Luận. Phía tây nam của thành đi tám dặm chín, đến động đá Độc Long, nơi đây đức Phật đã hàng phục con Rồng dữ, bên trong còn lưu ảnh lại, nhưng đó chỉ là truyền thuyết, bây giờ không thấy nữa. Phía bên nầy cũng có một Bảo Tháp do Vua A Dục xây dựng cao hơn 200 thước, bên cạnh là di tích Như Lai đi kinh hành và có Bảo Tháp thờ tóc và móng tay của Như Lai. Những người nào có bệnh đến đây cầu nguyện đa phần được linh ứng. Khi giáo pháp của đức Như Lai diệt tận nước nầy là nơi sau cùng. Trên từ quân vương, dưới đến thứ dân khi vào biên giới nước nầy tự nhiên cảm thương, chẳng muốn ăn uống khóc lóc ta thán rồi trở về. Phía đông bắc của hang rồng kia là rừng rậm, cách hơn 700 dặm là sông Hằng. Phía bắc đến thành Ca Xà Bố La, chu vi hơn 10 dặm. Mọi người giàu có, bên cạnh thành có một ngôi Già Lam, nhưng không còn vết tích gì cả. Nơi đây cũng là nơi mà ngày xưa Bồ Tát Hộ Pháp hàng phục Ngoại Đạo. Tiên Vương của nước nầy đã trợ giúp cho tà thuyết muốn hủy báng Phật Pháp sùng kính Ngoại Đạo. Ngoại Đạo đã triệu thỉnh một vị luận sư thông mẫn cao minh đạt lẽ u huyền soạn Ngụy Tà Thư hơn ngàn bài tụng và ba vạn hai ngàn lời, để hủy báng Phật Pháp, xiển dương đạo giáo của họ. Vua cũng có lệnh triệu tập tăng chúng nơi đây để biện luận. Nếu Ngoại Đạo thắng, thì hủy bỏ Pháp của Phật. Nếu chúng tăng không thua, họ tự cắt lưỡi để tạ lỗi. Lúc bấy giờ tăng đồ sợ - 107 -

thua nên mới bàn rằng: Có lẽ mặt trời trí tuệ đã chìm rồi cho nên Pháp Phật bị hủy diệt thế nầy. Nhà Vua sùng kính Ngoại Đạo làm sao chúng ta thắng được. Sự việc đã như vậy thì có kế gì được an ổn chăng? Trong chúng ai cũng làm thinh. Ngài Hộ Pháp Bồ Tát từ thuở nhỏ đã là bậc biện tài vô ngại, đa văn xa gần ai cũng biết, cho nên đại chúng đề nghị và bảo rằng: - Sao chúng ta không cầu thỉnh Ngài để đối lại sự tuyên bố của Vua. Nếu họ thắng được, họ sẽ cao ngạo, còn mình bị thua thì sẽ bị nhổ răng. Trong chúng tiến thối lưỡng nan không ai đáp được cả, cho nên mới cung thỉnh Ngài, tùy theo cách mà đáp ứng lệnh Vua. Lúc đó, Ngài liền thăng tòa để luận bàn. Ngoại Đạo dương dương tự đắc ngữa mặt lên trời tụng đọc những sở chấp của dị luận. Khi ngài Hộ Pháp Bồ Tát nghe những lời nầy liền cười mà nói rằng: - Ta được thắng chưa? Ta sẽ đọc ngược lại cho các ngươi nghe và ta tụng ngược tất cả. Ngoại Đạo tái mặt và nói rằng: - Chúng con không dám tự cao và xin tận lãnh ý của Ngài và Ngài là người thắng cuộc rồi đấy! Đúng như ý nghĩa đã giao kết, Ngài Hộ Pháp nghe và thuật lại ý nghĩa của câu văn, chương cú lý luận, chẳng sai và sót một chữ nào. Khi Ngoại Đạo nghe xong liền muốn tự mình cắt lưỡi. Ngài Hộ Pháp nói rằng: Cắt lưỡi chẳng phải là điều để tạ lỗi, mà sửa đổi những điều chấp trước đó mới là điều hối cải, liền sau đó, Ngài thuyết pháp, tâm ý của Ngoại

Đạo được tỏ ngộ chân lý. Vua bỏ Tà Đạo, tôn sùng Chánh Đạo. Bên cạnh nơi hàng phục Ngoại Đạo của Ngài Hộ Pháp, có một Bảo Tháp do Vua A Dục xây. Bây giờ đã nghiêng đổ, cao hơn 200 mét. Đây là nơi Như Lai ngày xưa đã từng thuyết pháp sáu tháng. Bên cạnh đó là di tích nơi kinh hành, cũng như Bảo Tháp thờ tóc và móng tay của Như Lai. Từ đây đi qua phía bắc hơn 178 dặm đến nước Bi Tác Ca. Nước Bi Tác Ca chu vi hơn 4000 dặm. Đô Thành hơn 16 dặm. Họ cấy lúa và trồng hoa quả rất nhiều. Khí hậu ôn hòa, phong tục thuần chất. Dân chúng thích học hỏi, nhưng chẳng tìm cầu phước đức và không tin luân hồi. Có hơn 20 ngôi Già Lam, và 3000 Tăng Sĩ, tu theo phái Chánh Lượng Bộ thuộc Tiểu Thừa. Có hơn 50 đền thờ và rất nhiều ngoại đạo. Từ thành phía Nam đi qua bên trái, có một ngôi chùa lớn. Ngày xưa nơi đây, Ngài Đề Bà Thiết Ma A La Hán đã tạo Thích Thân Luận tại nơi nầy, nói về Vô Ngã, Nhân và Ngài Cù Ba A La Hán soạn ra Thánh Giáo - 108 -

Yếu Thật Luận nói về Hữu Ngã, Nhân. Do đây mà có sự chấp vướng về Pháp và đã tranh luận dữ dội. Nơi đây cũng là nơi Bồ Tát Hộ Pháp suốt trong bảy ngày đã hàng phục Tiểu Thừa và hàng trăm luận sư. Phía bên Già Lam có một Bảo Tháp cao hơn 200 mét, do Vua A Dục dựng lên, ngày xưa đức Như Lai đã thuyết pháp hóa độ suốt 60 năm. Bên cạnh tháp Thuyết Pháp, có một cây rất kỳ lạ, cao đến 67 thước. Hai mùa Xuân Thu không tăng giảm. Ngày xưa Như Lai lấy cành cây để đánh răng. Vì vậy người ta vẫn bảo vệ cây nầy cho đến ngày hôm nay. Những người Tà Kiến và Ngoại Đạo thường đến đây để chặt cây, nhưng tự nhiên nó sanh lại như cũ. Từ phía nầy không xa là nơi ghi lại dấu tích của bốn vị Phật trong quá khứ đã tọa thiền và kinh hành. Lại cũng có Bảo Tháp thờ tóc và móng tay của Như Lai. Cây cối và Bảo Tháp soi dấu xuống mặt hồ giao nhau rất đẹp. Từ đây đi về phía đông bắc hơn 500 dặm đến nước Thất La Phiệt Thất Để (Xá Vệ-Savarthi).

- 109 -

Quyển thứ sáu (4 nước)

1. Nước Thất La Phiệt Tất Để 2. Nước Kiết Tỷ La Phiệt Tốt Đổ 3. Nước Lam Ma 4. Nước Câu Thi Na Yết La Nước Thất La Phiệt Tất Để chu vi 6000 dặm. Đô Thành bị hoang phế không còn kỷ cương gì nữa. Cung thành nầy chu vi hơn 20 dặm, cũng rất tiêu điều, chỉ còn lại ít người ở. Nơi đây trồng lúa, khí hậu điều hòa. Phong tục thuần chất, người ham học và thích làm phước. Có trên 100 ngôi Già Lam, bị đổ nát rất nhiều, ít tu sĩ, phần lớn họ tu theo Chánh Lượng Bộ. Có 100 đền thờ và có rất nhiều ngoại đạo ở đây. Khi Như Lai còn tại thế, có Vua Bát La Thê Na Thị Đa (Ba Tư Nặc) trị vì nơi cố cung, có một nơi còn lại dấu tích điện đài cũ của vua. Cách đó về hướng đông không xa mấy, lại có một nền gạch cũ, trên nền gạch ấy có một Bảo Tháp. Nơi đây ngày xưa, nhà Vua đã vì đức Như Lai, mà xây dựng nơi thuyết pháp cho Ngài. Phía pháp đường không xa mấy, laị có một Bảo Tháp để ghi dấu lại nơi đây là tịnh xá Tỳ Kheo Ni của Di Mẫu đức Phật, Bát La Xà Bát Đề (Ba Xà Ba Đề). Tháp nầy chính nhà Vua đã xây dựng nên. Tiếp theo đó về phía đông. Có một Bảo Tháp là ngôi nhà cũ của ông Tu Đạt Đa (Thiện Thí -

Cấp Cô Độc). Bên cạnh nhà của ông Trưởng giả Thiện Thí có một Bảo Tháp lớn, là nơi mà ông Ma Lu Li Ma La (Angulimala- Vô Não) đã xả tà quy chánh. Vô Não là một người hung bạo ở thành Xá Vệ, đã làm hại rất nhiều sanh linh trong thành nầy, người mà đã giết người, lấy ngón tay xâu vào đeo lên cổ, muốn hại mẹ mình cho đủ số ngón tay. Đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn hiện ra để hóa độ. Từ xa thấy đức Thế Tôn, ông vui mừng nói rằng hôm nay chắc chắn là sẽ sanh thiên, điều mà Thầy của ta đã di chúc như vậy. Hại được Phật, giết được mẹ được sanh thiên, nên hướng về mẹ mà nói rằng, nay con thả mẹ, đi hại vị Sa Môn trước đã. Rồi đi ngược hướng Thế Tôn, đức Như Lai vẫn đi như thế không thối lui. Bỗng nhiên, kẻ sát nhân không di chuyển được, đức Thế Tôn liền bảo: - Sao lại vẫn giữ việc xấu, bỏ việc lành. Đó không phải là nguyên nhân của việc ác? Lúc bấy giờ chàng Vô Não hối hận những việc làm sai trái của mình. Sau đó liền quy y và xin gia nhập vào Giáo Pháp của Ngài, tinh cần tu học không giải đãi và chứng được quả vị A La Hán. Phía Nam của thành cách năm dặm sáu, có rừng cây Kỳ Đà, thuộc vườn của ông Cấp Cô Độc. Vua Ba Tư Nặc vì Phật, mà kiến tạo tinh xá. Nơi đây ngày xưa có chùa viện nhưng bây giờ đã hoang phế. Cửa phía - 111 -

đông trái phải đều có những thạch trụ cao hơn 47 thước. Trụ bên trái có những hình bánh xe rất đẹp. Trụ đá bên phải, khắc hình con bò ở bên trên. Cả hai đều do Vua A Dục dựng nên. Phòng ốc đã hư hại hết chỉ còn nền nhà, duy nhất một mái ngói của một phòng còn tồn tại trong đó có một tượng Phật, mà tượng nầy là tượng ngày xưa đức Như Lai đã lên cõi trời thứ ba mươi ba vì mẹ thuyết pháp và sau đó vua Ba Tư Nặc đã nghe Vua Xuất Ái, khắc tượng Phật nầy bằng trầm hương. Trưởng giả Cấp Cô Độc rất hoan hỷ tán thán mà giữ gìn lại tượng nầy. Người mà đã vì sự nghèo khổ của những người già đã có một đức hạnh tốt đẹp nên hiệu là Cấp Cô Độc. Ông đã nghe về công đức của đức Phật rất thâm hậu và tôn kính nên đã xây dựng tinh xá thỉnh Phật đến đây. Đức Thế Tôn ra lệnh cho ngài Xá Lợi Phất tùy theo nhu cầu mà tìm hiểu trước. Chỉ có khu vườn của Thái Tử Kỳ Đà là cao ráo đẹp đẽ, cho nên đến gặp Thái Tử mà hỏi mua. Thái Tử bảo đem vàng đến lót thì mua. Cấp Cô Độc nghe xong tâm hoan hỷ liền xuất kho, lấy vàng trong kho để mà lót lên đất. Có chỗ không lót được. Thái Tử nói: Phật thật là ruộng Phước, chúng ta nên cùng gieo giống lành. Sau đó xây tinh xá trên khoảng đất trống và đức Thế Tôn bảo ngài A Nan rằng: Vườn do ông Trưởng Giả mua, còn cây do Thái Tử Kỳ Đà cúng. Cả hai người cùng có tâm có sức là một công đức rất lớn. Cho nên từ nay về sau nên gọi nơi đây là rừng của Thái Tử Kỳ Đà và Vườn của ông Cấp Cô Độc. Phía đông bắc của vườn ông Cấp Cô Độc có một Bảo Tháp, nơi đây đức Như Lai đã rửa vết thương bịnh cho một Tỳ Kheo. Lúc Như Lai còn tại thế, có một vị Tỳ Kheo, bịnh đau nhức nhối khổ sở. Thế Tôn thấy như vậy mà hỏi rằng: - Ngươi vì sao khổ như thế, tại sao ngươi lại ở một mình? Đáp rằng: - Con tên là Sơ Lại, không chịu khám bịnh. Lại cũng chẳng có người nào đoái hoài đến con. Như Lai lúc bấy giờ thương cảm mà nói rằng: - Nầy con! Nay ta sẽ khám bệnh cho con. Đoạn lấy tay xoa vào người, bệnh liền tiêu. Rồi đem ra bên ngoài đặt nằm trên cỏ mà rửa vết thương, thay đổi y phục mới. Phật bảo vị Tỳ Kheo rằng: - Hãy nỗ lực tinh tấn lên. Khi nghe lời ai mẫn ấy, rất cảm động thân tâm nhẹ nhàng. - 112 -

Phía tây bắc của vườn Cấp Cô Độc có một Bảo Tháp nhỏ. Đây là nơi ghi lại chỗ ngài Mục Kiền Liên vận thần thông không thể nhấc nổi y áo của ngài Xá Lợi Phất. Ngày xưa khi Phật còn tại thế, tại đây có một cái hồ gọi là Vô Nhiệt Não cùng trời người đều tụ họp, duy chỉ có ngài Xá Lợi Phất chưa đến được. Phật ra lệnh ngài Mục Kiền Liên đến triệu ngài lại. Ngài Mục Kiền Liên vâng mệnh liền đi. Ngài Xá Lợi Phất đang giữ pháp y. Ngài Mục Kiên Liên nói: - Đức Thế Tôn hiện đang ở tại hồ Vô Nhiệt Não, bảo tôi gọi Ngài đến. Ngài Xá Lợi Phất đáp rằng: - Tôi không thể đi được. Ngài Mục Kiền Liên nói: - Nếu không đi nhanh được, Ngài có muốn tôi vận thần thông đưa ngài đến thạch thất đó không? Ngài Xá Lợi Phất bèn để y áo trên đất, nếu ngài nhấc nổi y áo nầy lên được thì nhấc nổi thân tôi. Ngài Mục Kiền Liên vận thần thông nhấc y áo lên nhưng không nổi,. Lúc bấy giờ đại địa chấn động. Nhân đó dùng thần túc đi đến chỗ Phật thấy ngài Xá Lợi Phất đã ngồi đấy rồi Mục Kiền Liền thán rằng: - Bây giờ mới biết là thần thông lực không bằng trí tuệ lực. Bên cạnh Bảo Tháp Nhấc Y chẳng xa bao nhiêu có một cái giếng, Như Lai lúc còn tại thế dùng nước giếng nầy, tại đây có một bảo tháp do vua A Dục dựng lên trong đó có thờ Xá Lợi của Như Lai. Đây cũng là nơi kinh hành thuyết pháp của đức Phật. Bên cạnh gốc cây lại có một Bảo Tháp, do ông Minh Kỳ Cảnh Vệ Linh Đan xây dựng để nghe âm nhạc của chư thiên, ngửi mùi hương của chư thần, mà cảnh nầy là nơi phước đức khó thể diễn tả hết. Phía sau Già Lam không xa, có một nơi mà ngoại đạo Phạm Chí, đã giết hại dâm nữ để phỉ báng Phật. Vì Như Lai là bậc thập lực vô úy và nhất thiết chủng trí, trời người đều quy nguỡng, thánh hiền đều tôn sùng, cho nên ngoại đạo bàn với nhau rằng. Chúng ta nên bày mưu phỉ báng, dụ một dâm nữ giả bộ vào nghe Pháp. Khi mọi người biết, chúng ta bí mật giết đi, chôn tử thi dưới gốc cây rồi báo cho Vua biết. Nhà Vua ra lệnh đến khám vườn Thái Tử Kỳ Đà để xem tử thi. Lúc bấy giờ ngoại đạo lớn tiếng nói rằng:

- Sa Môn Cù Đàm thường xưng là giữ giới thế mà giết người để bịt miệng. Có phải đã hành dâm rồi giết đi chăng. Thế là giới là gì, nhẫn là gì? Chư Thiên lúc bấy giờ ở trên không trung nói lớn tiếng rằng: - Nầy kẻ ngoại đạo hung ác, các ngươi phỉ báng như thế làm sao nghe cho lọt vào tai được. Phía đông của chùa nầy hơn 100 bước. Có một cái hố rất sâu. Đây là nơi mà Đề Bà Đạt Đa dùng độc dược muốn hại Phật. Thân nầy còn sống mà bị đọa vào địa ngục. Đề Bà Đạt Đa (Thiên Thọ) là con của Vua Hộc Phạn, Người đã tinh cần trải qua 12 năm, trì tụng 80 ngàn Pháp Tạng. Sau vì lợi dưỡng cầu học thần thông thân cận với bạn ác, rồi cùng đề nghị rằng. Ta nhỏ hơn Phật 30 tuổi. Đại chúng vây quanh đâu có khác gì Như Lai. Suy nghĩ xong liền làm việc phá tăng. Ngài Xá Lợi Phất, Ngài Mục Kiền Liên đã cầu thỉnh Phật chỉ bảo và nhờ vào oai lực của Phật, Thuyết pháp để hối quá. Tăng chúng lại hòa hợp, nhưng ác tâm của Đề Bà Đạt Đa thì không bỏ, đã dùng thuốc độc để vào trong móng tay. Muốn rằng nhân lúc lễ Phật làm cho Phật bị thương. Bèn đi đến với mưu mô nầy. Từ xa đi đến đây, đất nứt ra liền bị rơi xuống địa ngục trong lúc còn sống. Ở phía Nam lại có một hầm lớn nữa. Tỳ Kheo Cù Đa Lê đã phỉ báng Như Lai, cũng bị vào địa ngục trong lúc còn sống. Phía Nam hố Châu Cù Đà Di đi bộ 800 bước, có một cái hố sâu nữa. Đây là nơi mà Bà La Môn Nữ tên là Chiến Giá hủy báng đức Như Lai, bèn đọa vào địa ngục khi còn sống. Phật đã vì trời người thuyết các

pháp trọng yếu. Đệ tử của ngọai đạo xa thấy đức Thế Tôn được đại chúng cung kính liền tự nghĩ rằng: Nhất định hôm nay, làm cho Gotama bị nhục, thất bại trước danh dự và chỉ làm cho Thầy chúng ta, đăng đàn một mình mà thôi, bỏ một cái bát gỗ trong mình đến vườn Cấp Cô Độc ở trong đại chúng, rồi lên tiếng mà nói rằng: Người thuyết pháp kia đã cùng ta tư thông với nhau, trong bụng nầy đã có một đứa con thuộc dòng họ Thích. Những kẻ tà kiến chưa tin được thật hư, nhưng người có lòng tin kiên cố biết rằng đây là phỉ báng. Thiên Đế Thích muốn trừ nghi kia liền hiện làm con chuột trắng, cắn dây buộc bát gỗ. Bát gỗ rơi xuống thành tiếng làm chấn động đại chúng. Phàm những kẻ thấy nghe đều tăng thêm sự tin sâu và hỉ lạc. Trong chúng có - 114 -

một người đứng lên mang bát gỗ đến chỉ cho người nữ kia mà nói rằng: Ngươi là kẻ tà vạy. Tự nhiên lúc bấy giờ mặt đất nứt ra và toàn thân của cô ta bị rơi vào Vô gián địa ngục thọ các cực hình. Phàm ở nơi Ba Hố sâu nầy không có bờ đáy. Mùa Thu mùa hạ có sương phủ trên mặt hồ giống như dưới hố sâu kia nước không ngừng chảy. Phía đông của Già Lam hơn 67 bước đi bộ có một tinh xá cao hơn 60 thước ở giữa có một tượng Phật, ngồi mặt xây về hướng đông. Nơi đây chính là nơi Như Lai ngày xưa cùng các ngoại đạo luận nghị. Lại nữa ở phía đông kia cũng có một đền thờ cũng giống như tinh xá ngày ngày đều phát ra ánh sáng, bóng của đền thờ không phủ được tinh xá. Khi mặt trời lặn rồi cái bóng của tinh xá phủ lên trên đền thờ. Phía đông tịnh xá đó cách 3.4 dặm, có một Bảo Tháp. Đây là nơi tôn giả Xá Lợi Phất đã luận nghị cùng ngoại đạo. Đầu tiên ông Trưởng giả Cấp Cô Độc mua vườn của Thái Tử Kỳ Đà muốn vì đức Như Lai mà làm tinh xá, mà lúc ấy Tôn giả Xá Lợi Phất đã tùy theo Trưởng giả mà xem phương hướng và đo đạc. Ngoại đạo luật sư yêu cầu dùng thần lực. Ngài Xá Lợi Phất đã tùy theo việc nầy mà nhiếp hóa để hàng phục. Bên phía trước Tịnh Xá nầy có kiến lập một Bảo Tháp. Nơi đây Như Lai đã dời ngoại đạo đi mà nhận lời thỉnh cầu của bà Tỳ Xá Khư. Bên phía Nam của Bảo Tháp thọ thỉnh ấy là nơi Vua Tỳ Lô Thích Ca (Tỳ Lưu Ly) dẫn quân lính sát hại, đến đây thấy Phật bèn dẫn binh lui về. Sau khi Vua Tỳ Lô Thích Ca xưng vương đã hận việc nhục nhã lúc trước, nên đã đem binh khuấy động đại chúng. Ông Bộ Trứ Di Tất đã phụng mệnh mà đi, lúc đó các vị Tỳ kheo đã thấy bạch Phật. Đức Thế Tôn ngồi dưới gốc cây khô, vua Tỳ Lô Thích Ca xa thấy Thế Tôn liền xuống ngựa mà thi lễ. Xong rồi liền hỏi: - Tại sao, ngài không ngồi chỗ cây tốt mà ngồi dưới gốc cây khô không còn cành lá gì hết? Thế Tôn bảo rằng: -Tông tộc cũng như cành lá vậy, cành lá mà nguy thì gốc đâu còn nữa. Vua nói: - Thế Tôn vì tôn thân mà có thể hồi giá chăng? Nói xong thì cảm nhận được lời Thánh ấy cho nên đem quân về lại nước mình. - 115 -

Bên cạnh Bảo Tháp lui quân ấy là nơi những người đàn bà dòng họ Thích bị giết. Vua Tỳ Lô Thích Ca đã tru diệt dòng họ Thích, gồm năm trăm người nữ cho vào cung những người đàn bà họ Thích giận dữ oán hờn nhưng không trốn, mà mắng người con của nhà vua. Vua nghe phát giận, liền ra lệnh giết đi. Người chấp hành lệnh trên của Vua Đa Bảo rằng: hình phạt là cắt chân tay và vứt vào hầm hố. Lúc bấy giờ các người nữ dòng họ Thích chịu khổ cho nên mới gọi danh Phật. Đức Thế Tôn quán chiếu thấy cảnh khổ sở, ra lệnh các thầy Tỳ Kheo mang y đến mà thuyết pháp cho họ nghe. Vì sự ràng buộc trong ngũ dục mà lưu chuyển trong tam đồ, ân ái biệt ly sanh tử nhiều đời. Lúc ấy các người con gái nghe Phật chỉ bày rồi, liền xa trần cấu chứng được pháp nhãn thanh

tịnh, đồng thời khi mệnh chung được sanh về cõi chư thiên. Lúc ấy Thiên Đế Thích hóa làm Bà La Môn thâu nhận những thi hài ấy để hỏa táng và viết để lại cho người đời sau vậy. Chẳng xa bên cạnh tháp tru di dòng họ Thích, có một ao lớn. Đây là nơi Vua Tỳ Lô Thích Ca còn sống mà đã vào địa ngục. Sau khi đức Phật đã thấy những người nữ dòng họ Thích rồi về lại vườn Trưởng Giả Cấp Cô Độc nói với các vị Tỳ Kheo rằng: Nay Vua Tỳ Lô Thích Ca sau bảy ngày, sẽ bị hỏa thiêu nơi hầm lửa. Vua nghe Phật nói như vậy kinh hoàng và lo lắng vô cùng. Cho đến ngày thứ bảy mới được an lạc không nguy hiểm. Nhà Vua vui vẻ khôn xiết cho nên đã ra lệnh cho các cung nữ đến nơi hồ mà hát xướng ăn uống. Khi mà lửa bốc cháy thì đánh trống như thác đổ. Khi lửa quây quanh thân Vua, Vua đọa vào Vô Gián Địa ngục thọ khổ vô cùng. Cách Già Lam phía tây bắc 3.4 dặm đến rừng Đắc Nhãn, nơi đây có di tích ghi lại nơi kinh hành của Như Lai và là nơi tu thiền định của các Thánh đệ tử. Cả hai nơi dưới gốc cây nầy đều có kiến lập Bảo Tháp. Ngày xưa nơi nầy là nơi tập họp của năm tên ăn trộm, chúng đã hoành hành phá phách khắp nơi trong làng trong xóm. Vua Ba Tư Nặc bắt được ra lệnh móc mắt thả vào rừng sâu. Bọn trộm khổ sở quá cầu Phật. Lúc đó Phật đang ở tại Tịnh Xá Kỳ Viên nghe được âm thanh bi não ấy liền khởi từ tâm, làm cho gió mát êm dịu thổi thuốc từ núi Tuyết Sơn đến làm cho mắt họ được sáng lại như cũ. Sau đó họ gặp đức Thế Tôn ở đây mà phát tâm Bồ Đề hoan hỷ đảnh lễ, lãnh hội lời Phật rồi lui về trồng căn lành. Đại Thành phía tây bắc hơn 60 dặm lại có một thành cũ, nơi mà trong hiền kiếp nầy con người thọ đến 20 ngàn tuổi, và cũng là nơi mà đức Phật Ca Diếp Ba sanh ra, thành ở phía Nam cũng có một Bảo Tháp. Đây là nơi mà sau khi thành Chánh Giác đức Phật đã gặp Phụ Thân lần đầu. Thành phía bắc cũng có một Bảo Tháp, nơi đây thờ toàn thân Xá Lợi của Đức Phật Ca Diếp tất cả đều do Vua A Dục dựng nên. Từ phía - 116 -

đông nam nầy, đi hơn năm trăm dặm đến nước Kiếp Tỷ La Phạt Tốt Đổ (Ca Tỳ La Vệ). Nước Kiếp Tỷ La Phạt Tốt Đổ (Capilavastu- Ca Tỳ La Vệ). Nước Ca Tỳ La Vệ chu vi hơn bốn ngàn dặm. Cung thành đa số đều bị hoang phế. Vương thành cũng không biết lớn là bao nhiêu, chỉ còn thành nội chu vi là 14.5 dặm. Nơi đây chỉ còn sót lại gạch ngói giống như vườn không nhà trống lâu nay chẳng ai vào, chẳng có ai là thủ lãnh của thành. Đất đai nơi đây cũng tốt, cày cấy lúa, khí hậu không điều hòa, phong tục sáng sủa. Có hơn 1000 ngôi Già Lam, mà nơi cung thành chỉ có một ngôi mà thôi. Khoảng hơn 3000 Tăng Sĩ, tu theo Chánh Lượng Bộ thuộc Tiểu Thừa. Đền thờ có hai cái, ngọai đạo sống rất hỗn tạp. Tại cung nội, còn một nơi là điện đường của Vua Tịnh Phạn, trên đó có dựng một Tịnh Xá và bên trong có tượng của Vua. Gần đó không xa còn một di tích của bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Đạt Thuật). Trên đó cũng dựng một tinh xá và trong đó có tôn tượng của Phu Nhân. Tinh xá nầy là nơi mà Bồ Tát Thích Ca đã giáng thần vào thai mẹ. Nơi đó cũng có một tượng Bồ Tát giáng thần. Theo Thượng Tọa Bộ, Bồ Tát giáng thần vào thai mẹ nhằm đêm ba mươi của tháng Uẩn Đản La An Sa Trà, nhằm vào ngày 15 tháng 5. Trong khi đó các Bộ phái khác, cho rằng Bồ Tát giáng thai mẹ vào đêm 23 cùng tháng đó, nhằm vào ngày mồng 8 tháng 5. Phía bên đông bắc của tháp Bồ Tát giáng thần là nơi kỷ niệm Tiên A Tu Đà đoán tướng Thái Tử. Ngày Bồ Tát giáng sanh, là ngày vui mừng của Hoàng Gia. Vua Tịnh Phạn mời các vị đoán tướng vào để hỏi rằng: - Đứa bé nầy sanh như vậy là tốt hay xấu, nói cho ta biết rõ ràng? Đáp rằng: - Nương vào

dấu thánh mà khảo sát thấy có hiện tướng cát tường. Nếu ở đời thì làm chuyển Luân Thánh Vương, nếu xả tục thì thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Lúc bấy giờ tiên A Tu Đà từ xa đến, vào cửa muốn diện kiến, Vua liền hoan hỷ thân chinh ra đón rồi mời ngồi và nói: - Chẳng hay ý đại tiên như thế nào mà hôm nay chiếu cố như vậy? Tiên nhơn đáp rằng: Ta đang ở thiên cung an vui ngồi nghỉ, lại nghe thấy chư thiên quần tụ lại với nhau, tôi bèn hỏi việc gì vậy thì được đáp rằng: Đại Tiên nên biết ở Nam Thiệm Bộ Châu, trong dòng họ Thích của Vua Tịnh Phạn, vị Phu nhân thứ nhất vừa hạ sanh một Thái Tử sẽ chứng - 117 -

quả Chánh Giác và thành tựu Nhất thiết trí. Nghe vậy cho nên tôi mới lại đây chiêm ngưỡng và buồn rằng không thể gặp được Thánh Nhân nữa. Cửa phía Nam của thành có một Bảo Tháp, đây là nơi Thái Tử và các vương tử họ Thích thi đấu voi. Thái Tử có nhiều kỹ thuật hàng phục voi. Vua Tịnh Phạn mong rằng được thành tựu rồi trở về, cho phép cỡi voi ra cửa thành. Đề Bà Đạt Đa cũng là người không kém sức mạnh, từ ngoài đi vào hỏi ai là người cỡi, và ai là người muốn leo lên con voi nầy. Đáp rằng: - Thái Tử là người cỡi con voi nầy. Lúc ấy Đề Bà Đạt Đa giận dữ, giết con voi thi đấu của mình để nằm chận đường không cho di chuyển. Mọi người ùn lại. Ông Nan Đà đến sau hỏi rằng: - Ai làm chết con voi nầy? Đáp rằng: - Đề Bà Đạt Đa. Bèn đi đường khác. Lúc ấy Thái Tử đến và liền hỏi: - Ai đã giết con voi nầy? Đáp: - Đề Bà Đạt Đa đã hại trước cửa thành. Và Nan Đà đã dẫn lối khác để đi. Thái Tử cỡi voi vượt qua thành, con voi bị sa xuống hầm lớn, mà tương truyền đây là nơi voi bị sụp hầm. Phía tinh xá nầy có tượng của Thái Tử, cũng có một tinh xá khác, là nơi nghĩ của Hoàng Phi, trong đó có tượng của Gia Du Đà La và La Hầu La. Tại cung nầy cũng có một tinh xá, thờ những tượng lúc còn Thái Tử. Thành phía đông nam có một tinh xá có tượng Thái Tử phi bạch mã. Đây là nơi Thái Tử du thành. Ngoài cửa phía tây của thành có nhiều tinh xá, trong đó có tạo những tượng về lão bệnh tử và sa môn. Thái Tử sau khi đi thăm thấy được các tướng băng hoại, chán ngán cuộc đời và cảm nhận được điều nầy cho nên ra lệnh hồi xa giá. Thành phía nam đi hơn 50 dặm, có một cổ thành, nơi đây có một Bảo Tháp, đó là nơi mà trong hiền kiếp nầy con người thọ đến 60 ngàn tuổi, cũng là nơi mà Phật Ca La Ca Phù đã sanh ra. Cách thành phía nam không xa cũng có một Bảo Tháp, nơi đây ghi lại sau khi thành Chánh Giác đức Phật đã gặp Phụ Vương. Thành Phía đông nam cũng có một - 118 -

Bảo Tháp, nơi đó có thờ di thân của đức Như Lai, trước đây cho xây bằng trụ đá cao 30 thước bên trên có khắc đầu Sư Tử và bên cạnh ghi lại sự tịch diệt do vua Asoka xây dựng. Phía đông bắc của thành Ca La Ca Phù đã đi hơn 30 dặm đến một thành cũ. Nơi đó cũng có một Bảo Tháp để ghi lại trong hiền kiếp nầy lúc mà con người thọ 40 ngàn tuổi và là nơi đản sanh của Phật Ca Nặc Ca Mâu Ni. Phía đông bắc chẳng xa mấy có một Bảo Tháp ghi lại nơi mà sau khi thành Chánh Giác, Phật đã độ cho Phụ Vương, tiếp theo đó ở phía bắc cũng có một Bảo Tháp, ở nơi đây cũng thờ di thân Xá Lợi của Như Lai, trước đây được xây dựng bằng trụ đá cao hơn 20 thước, trên có khắc hình Sư Tử. Bên cạnh đó có ghi lại cảnh tịch diệt do vua Asoka dựng nên. Phía đông bắc của thành hơn 40 dặm, lại có một Bảo Tháp, nơi mà Thái Tử ngồi dưới tàng cây để xem người ta cày cấy. Lúc đó ngài đã nhập định chứng được pháp ly dục. Vua Tịnh Phạn thấy Thái Tử ngồi dưới tàng cây nhập định, thấy ánh sáng mặt trời quay chiếu xuống cây nhưng ảnh

không di động, tâm trí của Vua linh cảm đây là điều lành nên vua rất trân trọng. Phía tây bắc của thành lớn, lại có trăm ngàn Bảo Tháp khác là nơi mà dòng họ Thích bị tru di, cũng là nơi mà vua Tỳ Lô Thích Ca sát hại dòng họ Thích. Số người tính đến 9.990 vạn người, tất cả đều bị giết hại, xương chất thành núi, máu chảy thành hồ. Chư thiên động lòng nên đã thu cốt hỏa táng. Phía tây nam của nơi dòng họ Thích bị mưu hại, có bốn Bảo Tháp nhỏ là nơi quân của dòng họ Thích kháng cự lại. Lúc đầu, Vua Ba Tư Nặc muốn cầu hôn với dòng họ Thích. Dòng họ Thích cho rằng vua thuộc dòng thấp hèn, cho nên mới gã một gia nhân cho Vua. Sau đó Vua Ba Tư Nặc lập làm chánh hậu. Bà nầy sinh ra một người con trai. Đó là vua Tỳ Lô Thích Ca. Tỳ Lô Thích Ca muốn biết dòng họ của mình cho nên họ bị thọ nghiệp. Đến phía nam của thành thì thấy một giảng đường mới trong đó có chỗ nghỉ ngơi xa giá. Dòng họ Thích nghe như thế bèn lui mà nói rằng: - Đây là nhà của người tỳ nữ ở, do dòng họ Thích lập, Biết thế, Vua Tỳ Lô Thích Ca muốn rửa nhục trước nên đem binh đến đây để đánh với bốn người lực luỡng của dòng họ Thích, liền kháng cự mạnh, nhưng bị thất bại cho nên binh lính vào thành, những người hoàng tộc vì thừa mệnh vua trước mà làm cho đất nước trường tồn và - 119 -

vì là con cháu của Pháp Vương nên ra đi trước sự hung bạo và an nhẫn trước sự giết hại, vì đó là sự ô nhục của tông môn, nên xa rời thân tộc và bốn người đó đi vào phía bắc của núi tuyết. Một vị làm vua nước Ô Trượng Na, một vị làm vua nước Phạm Diễn Na, một vị làm vua nước Tu Ma Đản La, một vị làm vua nước Thương Di, để cho hoàng đồ cơ nghiệp không tuyệt tự. Phía nam của thành ba dặm tư, nơi rừng Câu Luật Thụ có một Bảo Tháp do vua A Dục xây, đây là nơi mà sau khi đức Thích Ca thành Chánh Giác rồi, về lại nước gặp phụ vương thuyết pháp. Vua Tịnh Phạn biết rằng Như Lai đã hàng phục được ma quân và du hành hóa độ nhưng trong lòng rất khao khát được đảnh lễ, liền ra lệnh thỉnh Như Lai và nói rằng: - Ngày xưa hứa sau khi thành Phật trở về nơi sanh quán, lời nói nầy vẫn còn ở trong lòng ta. Vua sai sứ đến nơi Phật tuyên nhắc lại ý của Phụ Vương. Như Lai thưa rằng: - Sau bảy ngày sẽ trở về lại quê quán. Sứ thần về lại tâu lên Vua. Vua ra lệnh cho thần dân phải quét dọn đường sá cùng trưng bày hương hoa và cùng quần thần đi 40 dặm hơn, với xa giá để nghinh tiếp. Lúc ấy đức Như Lai cùng đại chúng câu hội. Có tám vị thần Kim Cang hộ vệ và tứ thiên vương dẫn đầu. Đế Thích và các vua trời Dục giới. Phạm Vương cùng các Vua trời Sắc giới đứng bên phải. Các vị Tỳ kheo tăng xếp hàng đi phía sau. Chỉ có đức Phật ở giữa chúng hội như là mặt trăng giữa các vì sao. Uy thần động đến tam giới. Ánh sáng quang minh gấp bảy lần mặt trời, đi bộ trên hư không, để về lại nơi sanh quán của mình. Vua cùng triều thần các quan lễ kính rồi lui. Về lại nơi mình ở. Tại đây cũng có một Già Lam của Câu Lô Đà Tăng. Phía bên nầy không xa cũng có một Bảo Tháp. Đây là nơi mà Như Lai đã ngồi dưới gốc cây đại thọ mặt hướng về hướng đông, thọ nhận Cà Sa bằng tơ vàng của Di Mẫu. Kế đến là Bảo Tháp để ghi lại nơi Như Lai đã độ cho tám vương tử và năm trăm người dòng họ Thích. Cửa phía đông của thành và phía bên tay trái có một Bảo Tháp. Nơi đây ngày xưa tất cả các nghi lễ đã được luyện tập học hỏi. Bên ngoài cửa có một đền thờ Tự Tại Thiên, trong đền thờ có tượng Thiên Vương uy nghi đĩnh đạc, mà nơi đây Thái Tử đã ở lại đền nầy. Vua Tịnh Phạn đã cho người đến nước Thử Phạt Ni

nghinh đón Thái Tử về. Sau đó đến đền khác, Vua nói đền nầy rất linh. Các đứa bé dòng họ Thích đều đem đến đây cầu nguyện gia hộ, có hiệu quả, cho nên đem Thái Tử đến đây để cầu nguyện. Lúc bấy giờ truyền mẫu hậu vào đền, tượng đá liền đứng dậy để nghinh đón Thái Tử. Thái Tử đi rồi, tượng mới ngồi xuống. - 120 -

Cửa phía nam của thành ở phía bên trái của đường đi có một Bảo Tháp, đây là nơi mà Thái Tử và những vương tử họ Thích thi bắn cung, thi đấu với nhau. Từ phía đông nam hơn ba mươi dặm, có một Bảo Tháp nhỏ, đây là nơi mà có dòng suối chảy trong như mặt kính. Nơi đây Thái Tử cùng những vương tử dòng họ Thích đã thi bắn cung tên và biểu diễn các nghệ thuật khác. Tiếp theo có một cái ao nước rất trong, tương truyền rằng đây là dòng suối của cung tên. Phàm người nào có bệnh uống nước nầy vào thì khỏi. Người ở xa đôi lúc mang cả bồn về tùy theo sự bịnh khổ mà những linh thần hộ vệ để tật bệnh được tiêu trừ. Phía đông bắc của suối cung tên, cách hơn 89 dặm, đến rừng Thử Phạt Ni. Nơi đây là ao tắm của dòng họ Thích, nước trong như gương, hoa thơm đầy dẫy. Từ đây qua phía bắc 24 dặm rưỡi có một cây Vô ưu bây giờ đã khô héo hết rồi. Đây là nơi linh thiêng đản sanh của Bồ Tát. Bồ Tát sanh ra vào lúc nửa đêm vào ngày mồng tám tháng Phệ Xá Khư (Vesakha) tức nhằm ngày mồng tám tháng ba, mà theo Thượng Tọa Bộ cho rằng nhằm giữa đêm ngày 15 tháng Phệ Xá Khư, tức ngày 15 tháng 3. Tiếp đến ở phía đông có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên. Nơi đây có hai con rồng phun nước tắm Thái Tử. Sau khi Bồ Tát sanh liền tự đi không cần nâng đỡ ngài đi bốn hướng, mỗi hướng bảy bước, và tự nói rằng: "THIÊN THƯợng THIÊN Hạ DUY NGÃ ĐộC TÔN. ĐÂY Là LẦN SANH CUỐI CÙNG CỦA TA" Tự nhiên dưới chân mọc lên những đóa hoa lớn, rồi hai con rồng bỗng nhiên xuất hiện từ hư không cùng phun nước xuống, một vòi nước lạnh, một vòi nước ấm để tắm cho Thái Tử. Bên Bảo Tháp tắm rửa cho Thái Tử về hướng đông có hai dòng suối trong veo. Bên cạnh đó có hai Bảo Tháp là nơi mà hai con rồng từ dưới đất trồi lên. Bồ Tát sanh rồi mà những người hoàng tộc chưa kịp mang nước đến để tắm thì trước mặt hoàng hậu đã phát sinh ra hai dòng suối, một ấm một lạnh để tắm rửa. Phía Nam của Bảo Tháp là nơi mà Thiên Đế Thích đã đón tiếp Bồ Tát khi Bồ Tát mới đản sanh. Thiên Đế Thích đã dùng áo mềm mại của trời quỳ xuống dâng cho Bồ Tát. Tiếp theo đó có bốn Bảo Tháp, đây là nơi Tứ Thiên Vương bồng ẵm Bồ Tát. Bồ Tát từ hông phải mà sanh ra. Tứ Đại Thiên Vương mặc áo màu vàng, ẵm Bồ Tát để trên bàn vàng, rồi đến trước hoàng hậu thưa rằng phu nhân đã sanh một quý tử phước đức, xin hoan hỷ chúc mừng. Chư thiên còn hỷ lạc huống gì người trần thế. Cách Bảo Tháp của Tứ Thiên Vương bồng Thái Tử không xa mấy, có một thạch trụ lớn, trên đầu có chạm hình con ngựa do Vua A Dục kiến tạo nên. Sau nầy bị con ác long nổi sấm sét làm cho trụ đá bị gãy ngang ở giữa và rơi xuống đất. Bên cạnh đó có một con sông nhỏ chảy về hướng - 121 -

đông nam. Phong tục địa phương gọi nơi đây là sông Dầu, là nơi mà hoàng hậu Ma Gia sanh xong, chư Thiên hóa ra ao nầy để tắm gội cho sạch sẽ. Muốn làm cho phu nhân lấy nước nầy trừ khử những gió bụi và sau đó biến thành nước chảy qua dòng sông nầy. Từ phía đông đi tiếp qua khu rừng rậm, đến nước Lam Ma. Nước Lam Ma bây giờ đã hoang phế không còn dấu vết gì, thành ấp đã đổ nát xiêu vẹo, người dân thưa thớt. Thành xưa ở phía đông nam có một Bảo Tháp lợp ngói cao gần 100 mét. Ngày xưa sau

khi đức Như Lai nhập diệt, Vua của nước nầy đến phân chia Xá Lợi mang về nước của mình rồi ra sức tôn tạo kiến thiết nên. Đây là nơi rất linh thiêng, có ánh sáng phát ra từ Tháp. Bên cạnh Bảo Tháp có một ao nước trong. Mỗi lần con rồng ra đi nó biến thành con rắn. Phía bên phải cũng có một Bảo Tháp. Có các con voi dùng vòi để rải hoa. Để cho các thế lực khác không thể xen vào, Vua Asoka đã kiến tạo nên Bảo Tháp ấy. Bảy nước đã xây dựng xong rồi bắt đầu đến nước nầy muốn làm Bảo Tháp khác, nhưng con rồng ở hồ nầy giận dữ khi thấy được và muốn cướp đoạt nên biến thành một Bà La Môn cúi đầu trước con voi mà nói: Đại Vương có tấm thịnh tình hoằng dương Phật Pháp là một ruộng phước rất lớn, xin thỉnh đại vương giáng lâm nơi tệ xá của tôi. Vua hỏi: - Nhà của ngươi cách đây xa gần? Bà La Môn đáp: - Tôi là vua rồng của hồ nầy, thấy đại vương muốn xây dựng nơi phước đức nên đến thỉnh mời. Vua thọ nhận sự thỉnh mời mà đi vào Long cung, ngồi chờ một hồi lâu rồng tiến đến nói: - Tuy tôi thọ ác nghiệp nên làm thân rồng nầy. Nay muốn cúng dường xá lợi để được tiêu tội, nên mời vua đến đây để mà đảnh lễ. Vua A Dục nghe thấy xong liền vui vẻ mà nói: - Mọi sự cúng dường không phải chỉ của người trong nhân gian. Rồng đáp: - Nếu vậy thì nguyện không bao giờ phá hoại. Vua A Dục tự nghĩ chính mình làm không cần người khác, lui về mà chẳng khai phát và sau khi đi khỏi ao rồi, chỗ nầy vẫn còn nguyên như cũ. Bên cạnh Bảo Tháp chẳng bao xa, có một Già Lam, tăng chúng an hòa thanh tịnh trang nghiêm mà hầu như chỉ có Sa Di là đảm nhận việc chúng. Khách tăng từ xa đến lễ bái gặp những vị nầy, chắc chắn được ở - 122 -

lại ba ngày và tứ sự cúng dường. Nghe người xưa thuật lại rằng: Ngày xưa ở đây có một vị Tỳ Kheo đã gọi mời bạn của mình đến. Khi từ xa đến lễ Tháp thấy những con voi bao bọc chung quanh và tới lui nơi đó, hoặc chúng lấy ngà xới cỏ, lấy vòi phun nước, chúng mang những hoa lạ đến cúng dường. Lúc thấy chúng như vậy, cho nên mới bi thán cảm động và có một vị Tỳ kheo liền xả giới cụ túc nguyện ở lại đó để cúng dường, rồi cùng chúng nói rằng: Ta tuy có nhiều phước nhưng lạm ở trong tăng. Năm tháng qua mau mà hành nghiệp chẳng có gì. Trong tháp nầy có thờ Xá Lợi. Do đức độ của Phật mà dung thông đến loài voi, cho nên ta mang thân đến nơi nầy để cùng chịu cực khổ với các ngươi. Nói xong liền được thêm một cái răng nên rất sung sướng. Loài voi bảo rằng: - Thật là đáng quý hóa thay. Chúng tôi không có tâm xấu để làm việc nầy, mà do sự tự ái không thể thắng được nghiệp. Cũng như đã xa bầy mà làm nên lời nguyện. Riêng ở một mình cho đến cuối đời để lập chí. Đây giống như cỏ tranh để làm nhà, dẫn nước mưa thành hồ. Hái hoa trải ra, quét dọn sạch sẽ. Cả thời gian như thế mà tâm không giải đãi. Các Vua nước khác nghe việc như trên, bèn bỏ của báu ra để kiến tạo Già Lam, để mà khuyến khích nhiệm vụ của một vị Tăng. Từ đó đến nay không lãng xao công việc cho nên gọi là Sa Di Tổng Tri Tăng Sự. Phía đông của chùa Sa Di là một rừng lớn, đi hơn một trăm dặm thì đến một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên. Đây là nơi Thái Tử du thành cởi bỏ hoàng bào, chuỗi anh lạc giao lại cho phụ thân. Thái Tử đi ra khỏi thành từ lúc nửa đêm cho đến sáng thì đến đây. Nhờ túc duyên đời trước mà nay được thân người nên nói rằng: - Ta cởi Long Bào xa lìa sự ràng buộc là nơi sang trọng cuối cùng của vương tử dòng họ Thích, rồi đưa lên trên không trung những bảo vật nầy nói: Ngươi nên mang những thứ quý giá nầy về cho phụ vương ta. Đừng trông

chờ ta nữa vì ta đã xa lìa rồi. Ta muốn đọan bỏ sự vô thường và cắt trừ các lậu hoặc. Xa Nặc đáp: - Kẻ hạ thần nầy phải trở về xa giá không sao? Thái Tử liền uỷ dụ những lời lẽ thân tình rồi bảo lui. Phía đông của Bảo Tháp hồi giá có một cây Trâm (Jimbu), cành lá đã khô nhưng vẫn còn chắc. Bên cạnh đó lại có một Bảo Tháp nhỏ, nơi mà Thái Tử cởi áo quý làm bằng da nai rồi tự mình cắt tóc. Tuy chỉ cởi chuỗi anh lạc mà còn chiếc áo trên người, y phục bình thường làm sao có thể cải đổi dễ dàng được. Lúc đó trời Tịnh - 123 -

Cư hoá thành chuột núp trong hai cánh áo da nai. Thái Tử đưa y lên mà nói rằng: - Muốn trao đổi, thì nguyện phải đầy đủ. Con chượt thưa rằng: -Tốt Đoạn Thái Tử cởi y phục giao cho con chuột. Được y con chuột thăng lên trời, mang áo nầy lui về hư không. Nơi cởi áo của Thái Tử chẳng xa mấy có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng lên. Đây là nơi Thái Tử cắt tóc. Thái Tử tự lấy dao nơi Xa Nặc để cắt tóc. Thiên Đế Thích đưa về Thiên cung để cúng dường. Lúc bấy giờ Vua trời Tịnh Cư hóa làm một người có tóc cầm con dao đi bộ đến. Thái Tử hỏi: - Có thể cắt tóc sao? Ngươi có thể cạo sạch cho ta. Sau đó kẻ hóa thành người đó phụng mệnh cạo tóc. Sau khi đi rời thành xuất gia mà thời gian nầy không rõ, có nơi nói lúc Bồ Tát 19 tuổi, có nơi nói 29 tuổi đó là nhằm giữa đêm ngày mồng 8 tháng Vệ Sa Khư, ra khỏi thành xuất gia tìm đạo nhằm ngày mồng tám tháng ba. Hoặc có nơi nói giữa đêm ngày 15 tháng Vệ Sá Khư, tức nhằm ngày 15 tháng 3. Phía đông nam của Bảo Tháp, nơi Thái Tử cắt tóc là một ngôi rừng đi hơn 189 dặm, đến rừng Ni Câu Lô Đa, nơi đó có một Bảo Tháp cao hơn 30 thước. Ngày xưa, sau khi Như Lai tịch diệt, Xá Lợi được phân chia mà các Bà La Môn thì không có được. Sau lễ Trà Tỳ nên đến lấy phần than còn lại để mang về nước mình xây tháp để cúng dường. Tại nơi nầy có nhiều điều linh thiêng, ai có tật bịnh đến cầu nguyện thì khỏi. Nơi phía Tháp trơ có một Già Lam cũ, đó cũng là nơi di tích của bốn vị Phật quá khứ tọa thiền cùng kinh hành. Hai bên trái phải của Già Lam cổ có cả hàng trăm Bảo Tháp khác. Trong đó có một cái lớn do Vua A Dục xây, đã được tôn sùng nhưng đã bị hư hoại, cao hơn 100 thước. Từ phía đông bắc đi về phía rừng lớn qua một con đường rất khó khăn và đầy nguy hiểm có sơn dương, voi, sư tử. Chúng đã làm hại không biết bao nhiêu người lữ hành nơi đây. Ra khỏi rừng nầy thì đến nước Câu Thi Na Kệ La. Nước Câu Thi Na Kệ La thành ấp đã bị hư nhưng cũng có nhiều chỗ còn tốt, chu vi thành bằng gạch hơn 10 dặm. - 124 -

Người ở rất thưa thớt. Trong thành nội phía đông bắc có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên. Đây là nhà cũ của ông Thuần Đà, trong nhà có một cái giếng, mà ông đã lấy nước cúng cho Phật, thời gian tuy qua lâu nhưng nước giếng vẫn còn trong suốt. Phía tây bắc của thành hơn 3.4 dặm băng qua sông A Tỳ Ba Phạt Đễ. Không xa bờ sông phía tây thì đến rừng Sa La. Loại cây nầy có vỏ xanh trắng, lá có nhiều ánh sáng. Có bốn cây thật cao. Đây là nơi Như Lai đã tịch diệt. Trong tịnh xá làm bằng gạch, có tạc tượng Như Lai nhập Niết Bàn, đầu nằm xây về hướng bắc. Bên cạnh đó có một Bảo Tháp do Vua A Dục xây, mà nền móng đã nghiêng, cao hơn 200 mét. Phía trước có dựng một trụ đá ghi lại sự tịch diệt của Như Lai. Tuy có chữ ghi nhưng không thấy ngày tháng. Tương truyền rằng: Phật sống 80 tuổi đến ngày 15 tháng Vê Sa Khư thì nhập Niết Bàn. Bây giờ nhằm ngày 15 tháng 3. Theo Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Phật nhập Niết Bàn

vào lúc nửa đêm ngày mồng tám tháng Ca Sắc Đệ Ca, bây giờ nhằm ngày mồng tám tháng chín. Việc Phật nhập Niết Bàn có nhiều bộ phái có ý kiến khác nhau, hoặc nói hơn 1200 năm, hoặc nói hơn 1300 năm, hoặc nói hơn 1500 năm, hoặc nói hơn 900 đến 1000 năm, (tính từ thời Ngài Đường Tam Tạng) Cách Tịnh Xá chẳng xa, có một Bảo Tháp, đó là nơi ngày xưa Như Lai tu Bồ Tát hạnh cứu con chim trĩ chúa thoát chết. Vì là rừng cây cho nên có nhiều thú và chim muông làm tổ. Gió từ bốn phương thổi mạnh, con chim bị thương đau đớn phát tiếng ai oán mỗi lần nó bay lên. Lúc ấy Thiên Đế Thích thấy và nói rằng: - Nhà ngươi sao lại ngu thế mang một đôi cánh nặng nhọc như thế. Khi lửa cháy rừng há ngươi chẳng biết bị hại đến tánh mạng sao? Con chim trĩ đáp rằng: - Ai nói vậy? Đáp rằng: - Ta là Thiên Đế Thích đây Con chim trĩ nói: - Hôm nay Thiên Đế Thích có đại phước lực, không muốn chẳng gặp. Cứu tai trừ nạn, nếu có thể ra tay. Bằng không thì chẳng có công đức gì hết. Bây giờ, lửa cháy đã nhiều rồi không thể dùng lời nói nữa, hãy làm cho tất cả bay đi, lòai khác thì cho lặn xuống nước. Rồi thì Đế Thích mang nước tưới vào rừng, lửa tắt hết khói các mạng sống hoàn mệnh. Cho nên, đây có tên là Bảo Tháp Cứu Hỏa. - 125 -

Cách Bảo Tháp Cứu Hỏa không xa, đó là nơi Như Lai tu Bồ Tát hạnh cứu sanh mạng của con nai. Ngày xưa đây cũng là một khu rừng lớn. Khi lửa bắt đầu cháy, muôn thú chạy tứ tán. Chạy phía trước gặp một nơi rất nguy hiểm, thối lui sau thì gặp ngọn lửa lớn. Chắc phải trầm mình để thí thân mạng nầy. Trong lúc con nai lo chạy thoát thân nhìn tới nhìn lui, không muốn bị chết thiêu, bỗng nhiên có một con thỏ phía sau chạy tới, trông thấy nó rất là khổ sở. Nước đã đến cổ và đến lưng nên phải chết. Chư Thiên thâu cốt về xây tháp. Không xa về phía tây của Bảo Tháp con nai nầy là nơi ông Tu Bạt Đà Na nhập diệt. Ông ta vốn là người theo Phạm Chí sống đến 120 tuổi, là người đặc biệt đa trí, nghe Phật nhập diệt, đến rừng Ta La Song Thọ yêu cầu ngài A Nan thưa rằng: - Tuy biết đức Phật sắp Nhập diệt, nhưng tôi còn nhiều điều nghi ngờ, nguyện muốn được thỉnh vấn. A Nan bảo: - Phật sắp vào Niết Bàn không nên quấy rầy. Đáp rằng: - Tôi nghe Phật ở đời khó gặp, chánh pháp khó nghe. Tôi có lòng nghi lớn sợ rằng không thể hỏi ở đâu được. Tu Đạt bèn được vào trước gặp Phật và hỏi Phật rằng: - Ai cũng tự xưng làm Thầy riêng biệt, Mỗi vị có mỗi pháp khác nhau để giảng dạy cho người đời, Cồ Đàm có thể biết hết không? Như Lai đáp: - Ta đã chứng đắc và hiểu biết sâu xa mà vì đó diễn thuyết. Ngài Tu Đạt nghe xong tín tâm thanh tịnh, cầu vào trong pháp nầy để được thọ Cụ Túc giới. Như Lai bảo rằng: Ngươi há có thể làm được sao? Ông là kẻ ngoại đạo tu học theo Phạm Chí, từ lúc lên bốn? Sau khi quán sát những việc làm và tư cách, oai nghi tịch tĩnh, ngôn ngữ thành thật, liền cho vào trong Giáo đoàn của Ngài để tu phạm hạnh. Tại đó ông thực hành không có gì khó cả. Tu Đạt đáp rằng: - Thế Tôn thương tưởng tế độ vô tư. Từ bốn tuổi đã học ba nghiệp cho nên thuận lợi. Phật bảo rằng: - 126 -

- Ta đã nói hết rồi, ngươi tự mà hành trì. Liền cho phép Tu Đạt xuất gia và thọ giới Cụ Túc. Ông ta tinh cần tu tập phát tâm dõng mãnh. Ở trong pháp chẳng nghi mà tự chứng được đạo quả. Đêm chưa tàn, ông đã chứng được quả A La Hán, các lậu đã hết, các phạm hạnh đã lập và không muốn thấy cảnh Phật nhập Niết Bàn cho nên liền từ trong chúng nhập vào lửa tam muội hiện biến thần thông để tịch diệt trước. Đây là đệ tử cuối

cùng của đức Như Lai. Cho đến trước khi nhập diệt Như Lai còn độ cho ông Tu Đạt, hậu thân của con thỏ què kiếp trước. Bên cạnh tháp tịch diệt của Thiện Hiền là nơi của các thần Chấp Kim Cang. Đức Đại Bi Thế Tôn tùy căn cơ mà làm lợi lạc. Việc hóa độ đã xong nên vui vào cảnh Niết Bàn, nơi hai cây Ta La Song Thọ, nằm đầu xoay về hướng bắc. Thần Chấp Kim Cang Mật Tích Lực Sĩ thấy Phật diệt độ sầu thảm than rằng: - Như Lai đã bỏ con mà vào Niết bàn rồi, không có chỗ nương tựa, không có chỗ bảo hộ, như gặp phải tên độc và gặp phải lửa dữ. Thần Kim Cang buồn thả chày trên mặt đất, rồi bi ai luyến tiếc và tự nói rằng: Biển sanh tử lớn lao, ai là người có thể tạo thuyền được. Đêm dài vô minh tăm tối ai là bậc làm đuốc soi đường. Phía bên Bảo Tháp nơi Thần Kim Cang bỏ chày là nơi mà thiết lễ cúng dường sau khi Như Lai diệt độ bảy ngày. Khi Như Lai sắp diệt độ ánh sáng chiếu bừng lên, trời người đều thấy biết, chưa hết sầu bi thì đã nghe la rằng: Đấng Đại Giác Thế Tôn sắp vào Niết Bàn, chúng sanh phước đã hết, Thế gian không có nơi nương tựa. Đức Như Lai nằm với dáng sư tử nghiêng bên phải bảo với đại chúng rằng: - Hãy đừng thấy Như Lai nhập diệt, vì pháp thân thường trụ lìa các sự biến đổi. Hãy đừng giải đãi nữa mà sớm cầu giải thoát. Các vị Tỳ kheo nghe rồi lòng rất bi cảm. Lúc bấy giờ ngài A Na Luật bảo cùng các Tỳ Kheo rằng: - Hãy đừng sầu bi nữa, để cho chư thiên quở trách. Lúc bấy giờ dân chúng làng Mạt La đến cúng dường rồi muốn giở kim quan của đức Phật nơi ngài nhập Niết Bàn thì ngài A Na Luật bảo rằng: Hãy dừng lại, chư thiên muốn lưu lại bảy ngày để cúng dường. Chư Thiên mang hoa hương kỹ nhạc từ trên không trung tán tụng - 127 -

Thánh Đức, ai ai cũng đều thành tâm để lo việc cúng dường. Bên cạnh chỗ để kim quan ấy có một Bảo Tháp, là nơi Ma Gia phu nhân khóc thương Phật. Sau khi đến viếng thăm kim quan. Lúc đức Như Lai tịch diệt. Lúc bấy giờ Ngài A Na Luật cáo bạch với Ma Gia phu nhân rằng: - Đấng Đại Thánh Pháp Vương đã tịch diệt rồi. Ma Gia nghe xong bi lụy buồn khổ, cùng với Thiên Chúng xuống nơi Ta La Song Thọ. Thấy Đại Y, Bình Bát và Tích Trượng, vỗ kim quan sầu thảm bi ai than rằng: - Phước của trời người đã hết. Thế gian không còn mắt nữa. Từ đây không còn ai làm chủ. Lúc ấy nhờ vào Thánh lực của Như Lai, nắp kim quan tự mở ra, phóng đại quang minh, đức Phật ngồi dậy chắp tay an ủi hỏi han từ mẫu từ xa giáng xuống. Các pháp hành đều như thế xin đừng sầu bi. Ngài A Nan đứng kế cận đó cũng bi ai mà thỉnh Phật rằng: - Như người đời sau hỏi con, con biết đối đáp làm sao! Đáp rằng: - Khi Phật nhập Niết Bàn mà từ mẫu Ma Gia từ thiên cung giáng xuống rừng Sa La. Như Lai vì chúng sanh bất hiếu mà từ kim quan trổi dậy chắp tay để nói pháp. Phía bắc của thành qua con sông ba trăm bước đi bộ có một Bảo Tháp. Đó là nơi làm lễ trà tỳ của đức Như Lai. Nơi đất hỏa táng nầy cho đến bây giờ vẫn còn màu vàng và màu đen. Có người chí thành thỉnh cầu cũng được Xá Lợi. Khi đức Như Lai tịch diệt, trời người bi cảm, đã bọc bảy lớp báu chung quanh quan tài với cả ngàn sợi dây, đem hương hoa và tràng phan bảo cái trang hoàng trang nghiêm đẹp đẽ trước sau hai bên đường. Phía bắc qua một con sông toàn là mùi hương dầu gồm nhiều loại hương khác nhau từ gỗ thơm để hỏa thiêu. Gồm hai lớp quấn không thiêu được, một lớp sát trong thân, một lớp bao ở bên ngoài, để vì chúng sanh mà phân tán Xá Lợi. Duy chỉ có tóc và móng tay là không tổn hại. Bên cạnh chỗ trà tỳ có một Bảo Tháp, đây là nơi mà Như Lai đã hiện hai chân ra cho ngài Đại Ca Diếp thấy. Vì dưới kim quan đức

Như Lai, chất toàn là gỗ thơm. Khi hỏa thiêu, không cháy làm cho mọi người kinh ngạc. Ngài A Na Luật bảo rằng hãy chờ Ngài Ca Diếp đã. Lúc ấy Ngài Đại Ca Diếp cùng năm trăm đệ tử từ rừng xa về đến thành Câu Thi và hỏi ngài A Nan rằng:

- 128 -

- Có thể xem thân thể Thế Tôn chăng? Ngài A Nan đáp: - Đã quấn hàng ngàn lớp vải chung quanh rồi, đồng thời đã chuẩn bị gỗ thơm để thiêu. Ngay lúc ấy, Phật từ trong kim quan thò hai chân ra và hình bánh xe trong lòng bàn chân đã biến sắc. Đoạn hỏi A Nan: - Làm sao có việc nầy được? Đáp rằng: - Phật đã vào Niết Bàn lần thứ nhất. Trời người bi lụy. Nước mắt của họ đã thấm vào chân cho nên mới biến sắc như vậy. Ngài Ca Diếp đã đảnh lễ đi nhiễu và tán thán ca ngợi. Lúc bấy giờ gỗ thơm mới bắt đầu phựt lửa cháy lớn. Đây là ba lần ra khỏi quan tài của Như Lai sau khi tịch diệt. Lần thứ nhất ra để hỏi A Nan cách trị lộ (giữ đường). Lần thứ hai, ngồi dậy thuyết pháp cho mẫu hậu. Lần thứ ba hiện đôi chân cho Ngài Ca Diếp thấy. Phía nơi hiện chân ra của đức Phật có một Bảo Tháp do Vua A Dục xây dựng. Đây là nơi phân chia tám phần Xá Lợi cho tám ông Vua. Phía trước có dựng trụ đá có khắc ghi lại việc nầy. Sau khi thị tịch, Phật vào sâu trong Niết Bàn. Chư Vương trong tám nước đem bốn loại binh đến và có những vị Trực Tánh Bà La Môn đến thành Câu Thi yêu cầu những đại lực sĩ rằng: Bậc Thầy của trời và người đã tịch diệt ở nước nầy cho nên lặn lội đến đây để chia Xá Lợi Lực sĩ đáp: - Như Lai giáng sanh ở đây là bậc Tôn Quý, thị tịch ở đây. Việc thị tịch ấy thế gian đã biết rõ. Ngài là bậc cha lành của chúng sanh, đương nhiên Xá Lợi của Như Lai được cúng dường, mà những kẻ bên ngoài không được gì cả. Lúc bấy giờ các Đại Vương mới tìm đến, rồi chẳng hài lòng nên nói rằng: - Việc thỉnh Xá Lợi chẳng phải là dùng binh lính từ xa đến uy hiếp và ông Trực Tánh Bà La Môn nói cao giọng rằng: - Kính lạy đức Đại Bi Thế Tôn, Ngài tu phước và làm lành qua nhiều đời nhiều kiếp. Ở đây ai cũng nghe đầy đủ rồi, mà nay còn muốn tranh giành xá lợi của Ngài là điều rất phi lý.

- 129 -

Bấy giờ Xá Lợi chia ra làm tám phần, mỗi vị đều được cúng dường, khỏi phải cần binh lính. Các lực sĩ y theo lời nầy, liền chia ra làm tám phần và Đế Thích nói với chư Vương rằng: - Trời cũng sẽ có một phần xin đừng dùng lực mà mang đi. Long Vương A Na Bà Đáp Đa, Long Vương Văn Lân, Long Vương Y Na Bát Đản Đa... cùng bàn với nhau tại sao mình không có. Nếu mà dùng lực để cạnh tranh, chắc là không địch nổi. Ông Trực Tánh Bà La Môn nói rằng: - Đừng có tranh nữa. Ai cũng có phần hết. Sau đó chia ra làm ba phần, phần thứ nhất cho chư Thiên, phần thứ hai cho Long Vương, phần thứ ba cho Người lưu giữ, chia đều cho tám Vua. Lúc ấy Trời, Rồng, Người, Vua chẳng ai buồn gì cả. Phía Tây Nam của Bảo Tháp phân chia Xá Lợi, đi hơn hai trăm dặm, thì đến làng của một vị Bà La Môn. Ông nầy là người giàu có sung túc, thật học không xen tạp, nghiên cứu Ngũ Minh, tôn kính Tam Bảo. Ông ta đến ở đây và kiến lập nơi chốn để cúng dường chư Tăng. Ông cung cấp đầy đủ những vật dụng cần thiết khi mà chúng Tăng ngang qua nhà. Ông vui vẻ cung thỉnh lưu lại và phát tâm cúng dường. Hoặc ở lại một đêm cho đến bảy ngày. Trong khi đó Vua Thường Ca hủy diệt Phật pháp, chúng Tăng dần dần chẳng còn ai. Ông Bà La Môn luôn luôn hoài niệm. Có hôm đang đi kinh

hành, thấy một vị Sa Môn tóc bạc mi dài tay cầm tích trượng đang đi. Vị Bà La Môn chạy đến trước mặt và hỏi: - Ngài từ đâu đến? Sau đó thỉnh vào tăng phòng để làm lễ cúng dường cháo nấu bằng sữa. Vị Sa Môn đang ăn, bị sút một cái răng. Ngài để bình bát xuống và trầm ngâm suy nghĩ. Vị Bà La Môn quỳ xuống hỏi rằng: - Đại Đức liễu tri. Nhân duyên gì mà suy tư như thế, có phải vì đêm qua không an ổn hay vì cháo không ngon? Vị Sa Môn từ tốn đáp rằng: - Ta thương cho chúng sanh phước mỏng, muốn nói mà chưa đúng lúc. Ăn xong sẽ nói. Sau khi Sa Môn ăn xong xếp y. Ông Bà La Môn thưa: - Ngài đã hứa khả, sao Ngài chưa nói? Sa Môn đáp: - 130 -

- Ta không quên đâu. Nhưng mà nói không dễ dàng. Cho đến khi nào sự viêc thành nghi, ta mới nói. Ta tán thán không phải coi nhẹ bát cháo của ngươi đâu, và từ trăm năm nay chưa được mùi vị như thế. Ta đã có mặt từ khi Như Lai còn tại thế. Trong Tinh Xá Trúc Lâm, thành Vương Xá, ta rửa chén bát, hoặc lấy nước tắm. Khi phước báo của trời người đã hết giống như sữa sẽ thành nước trong. Bà La Môn hỏi: - Đích thân Đại Đức có gặp Phật không? - Đương nhiên, Người không nghe La Hầu La, đệ tử của Phật. Chính ta đó. Vì hộ trì Chánh Pháp của Phật mà chưa vào Niết Bàn. Nói xong, liền biến mất không còn thấy nữa. Vị Bà La Môn bèn quét dọn căn phòng sạch sẽ, xông hương và tạo tượng và cung kính như lúc đã gặp. Lại nữa từ rừng sâu kia đi hơn 500 dặm, đến nước Bà La Nê Tu (Ba La Nại)

- 131 -

Quyển thứ bảy (5 nước)

1. Nước Ba La Nại 2. Nước Chiến Chủ 3. Nước Phệ Xá Phân (Tỳ Xá Ly - Vesali) 4. Nước Phất Tiên Thị 5. Nước Ni Ba La Nước Ba La Nại chu vi bốn ngàn dặm. Đô Thành phía tây giáp với sông Hằng, chiều dài 18.9 dặm, chiều ngang 5.6 dặm. Cư dân sống chen chúc trong thành. Nhà nào cũng có nhiều phòng và buôn bán hàng hóa. Tánh người ôn hòa. Phong tục thuần nhã. Ưa học hỏi. Phần nhiều tin theo ngoại đạo, ít tôn kính Phật Pháp. Khí hậu thuần hòa. Cày cấy được mùa. Cây trái nhiều và cũng có nhiều loại rau cải khác nhau. Có hơn 30 ngôi Già Lam, và hơn 3000 Tăng Sĩ. Họ học theo phái Tiểu Thừa thuộc Chánh Lượng Bộ. Có hơn 100 ngôi đền thờ và hơn vạn ngoại đạo. Các phái Ngoại Đạo đa phần đều thờ Đấng Tự Tại Thiên, hoặc không để tóc, hoặc bới tóc, mình trần không mặc quần áo, lấy than đen thoa lên mình. Họ tinh tấn tu khổ hạnh để cầu thoát sanh tử. Ở giữa đại thành có hai mươi đền thờ và các đền thờ đó đều làm bằng đá có chữ khắc lên đó. Có rừng bên cạnh cho nên che được bóng mát. Có tượng Quán Tự Tại Thiên bằng đá gần 100 thước uy nghi đẹp đẽ đường đường phước tướng. Phía đông bắc của thành lớn xứ Ba La Nại có một con sông và nơi phía tây con sông nầy có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên cao hơn trăm thước, phía trước có dựng một trụ đá mà tường của nó phản chiếu lên ánh sáng rất đẹp đẽ. Nơi đây ảnh đức Như Lai thường hiện lên. Phía đông bắc của sông Ba La Nại đi hơn mười dặm, đến chùa Lộc Dã. Trong khu vực chia ra làm tám phần liên hệ với nhau, nhà cửa lầu các tráng lệ quy mô. Tăng sĩ sống hơn 1500 người, tu theo Chánh Lượng Bộ thuộc Tiểu Thừa. Trong thành lớn có

một Tinh Xá cao hơn 200 thước. Phía bên trên tạo hình một trái xoài được thếp màu vàng. Đá nhiều tầng chồng chất tạo thành. Đá chất lên bốn bên như thế cả hàng trăm miếng, mỗi miếng đều có chạm tượng Phật màu vàng. Ở trong Tịnh Xá đó, có một tượng Phật bằng đá gần bằng thân của đức Như Lai, tạc theo tư thế chuyển Pháp Luân. Phía Tây Nam Tịnh Xá có một Bảo Tháp bằng thạch do Vua A Dục dựng nên, đã hư hoại, chiều cao hơn 100 thước. Phía trước đó có dựng một trụ đá cao hơn 70 thước. Đây là thạch ngọc cho nên có ánh sáng phản chiếu rất đẹp. Người nào có tâm đến cầu phước, ảnh của mình sẽ chiếu lên các tượng và thấy rõ tướng Thiện Ác. Đây là nơi Như - 133 -

Lai thuyết pháp lần đầu tiên sau khi thành đạo. Cách đây không xa có một Bảo Tháp của A Nhã Kiều Trần Như gặp Bồ Tát lúc bỏ tu khổ hạnh, không cần người giúp đỡ, đến nơi đây tự mình luyện tập. Bên cạnh Bảo Tháp nầy, cũng có năm trăm vị Phật Độc Giác nhập Niết Bàn. Lại có ba Bảo Tháp là nơi di tích của ba vị Phật trong quá khứ kinh hành tọa thiền. Phía Bảo Tháp của ba vị Phật kinh hành là nơi Bồ Tát Di Lặc được thọ ký sẽ thành Phật. Ngày xưa khi đức Như Lai còn ở tại núi Linh Thứu, thành Vương Xá, đã bảo các Tỳ Kheo rằng: - Vào đời vị lai, ở cõi Thiệm Bộ Châu và ở nơi đây, con người thọ được tám vạn tuổi. Có con của Bà La Môn tên là Từ Thị thân cao tốt sắc vàng, ánh sáng quang minh chiếu rọi sẽ bỏ gia đình đi tu và thành Chánh Giác. Vì chúng sanh thuyết pháp trong tam hội. Những người được tế độ là những người đã trồng căn lành phước đức nơi ta. Đó là những người có tâm thâm tín Tam Bảo. Kẻ tại gia người xuất gia, kẻ giữ giới, người phạm giới tất cả đều được hóa độ để chứng quả giải thoát. Trong ba hội thuyết pháp như thế sẽ độ được những người mà có duyên với ta bây giờ. Sau đó tất cả đều kết nhân duyên trở thành thiện hữu. Khi Bồ Tát Từ Thị nghe Phật nói như thế, từ tòa ngồi đứng dậy bạch Phật rằng: - Con nguyện sẽ làm vị Từ Thị Thế Tôn kia. Như Lai bảo rằng: - Theo lời nói nầy sẽ chứng được quả vị như ta đã nói bên trên, ngươi sẽ giáo hóa họ. Phía tây Bảo Tháp nơi đức Từ Thị được thọ ký là nơi mà đức Thích Ca Bồ Tát thọ ký trong hiền kiếp nầy khi loài người thọ hai vạn tuổi, có đức Phật Ca Diếp xuất hiện nơi đời chuyển bánh xe Pháp khai hóa hàm thức. Nhận lời thọ ký là Bồ Tát Hộ Minh. Bồ Tát nầy trong tương lai khi chúng sanh ở đời thọ mạng 100 tuổi, ngài sẽ thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni. Ở phía Nam, nơi đức Thích Ca Bồ Tát thọ ký không xa là dấu tích ghi lại nơi kinh hành của bốn vị Phật trong quá khứ. Chiều dài hơn 50 bộ, chiều cao có thể bảy thước. Trên tảng đá xanh, có khắc hình tượng đức Như Lai đi kinh hành. tượng nầy rất uy nghiêm đẹp đẽ. Thịt tóc giống như thật, linh nghiệm huyền bí vi diệu. Trong thành nầy, có rất nhiều thánh tích, có hơn 100 Tịnh Xá và Bảo Tháp, chỉ lược thuật chứ không nói rõ hết. Phía tây của Già Lam lớn rộng kia có một hồ nước trong, chu vi hơn hai trăm bộ. Đây là nơi Như Lai - 134 -

thường hay tắm gội. Tiếp theo phía tây có một hồ lớn, chu vi hơn 180 bộ, đây là nơi Như Lai thường rửa bát. Kế đến, phía bắc có một hồ chu vi hơn 150 bộ, nơi mà Như Lai thường hay giặt y. Cả ba hồ nầy đều có dấu vết của rồng. Nước sâu, vị ngọt, trong suốt, sạch sẽ thường không tăng giảm. Ai có tâm khinh ngạo đối với những hồ này sẽ bị con Rồng Kim Tỳ La Phú Đa làm hại. Ai tín tâm cung kính sẽ được những điềm lành. Nơi giặt y của Như Lai còn lại dấu tích Cà Sa và dấu ấn ấy đã khắc nên thành hình và các

tín đồ hay đến đây để cúng dường. Ngoại Đạo hung dữ đạp lên đá nầy, vua Rồng trong hồ kia bèn nổi lên mưa gió. Phía bên hồ chẳng xa có một bảo tháp. Đây là nơi Như Lai tu khổ hạnh làm thân con voi sáu ngà. Có một người thợ săn muốn được ngà voi, cho nên mượn áo Cà Sa mặc vào. Con voi vì cung kính chiếc áo Ca Sa mà bị chặt mất ngà. Cách chỗ mất ngà không xa có một Bảo Tháp. Đây là nơi Như Lai tu khổ hạnh. Vì thương đời mà thị hiện làm thân con chim cùng với con khỉ và con voi trắng thi nhau hỏi rằng: - Ai là người đến trước dưới cây Ni Câu Luật? Những việc như thế còn lại di tích rất nhiều, tùy theo dài ngắn lớn nhỏ mà hóa hiện xa gần. Người ta chỉ biết đại khái như vậy. Người tu cũng như người đời đều nương tựa vào đó để biết. Ở phía nầy chẳng xa bao nhiêu, nằm vào trong rừng sâu lại có một Bảo Tháp. Đây là nơi Như Lai ngày xưa cùng với Đề Bà Đạt Đa gặp nhau trong câu chuyện giết con nai Chúa. Chuyện kể rằng ngày xưa ở tại nơi đây trong rừng già nầy có hai nhóm nai. Mỗi bên có hơn năm trăm con. Lúc bấy giờ ông vua của nước nầy đi săn bắn gặp được Con nai Chúa là Bồ Tát. Con nai Chúa ấy yêu cầu Vua rằng: - Đại Vương đi săn tìm theo dấu vết, mà tôi biết rằng số mạng của chúng tôi cũng đã hết. Nhưng thịt của chúng tôi cũng chỉ được trong ngày thôi, qua ngày sẽ hôi thúi không dùng được, cho nên xin Đại Vương mỗi ngày chỉ giết một con.Vua có thể giết để dùng. Còn tôi xin cho qua ngày khác. Vua vui vẻ nhận lời, xa giá trở về và hai đàn nai từ từ hiến xác. Trong nhóm nai của Đề Bà có một con nai đang có chửa, lần tới đến phiên nó xả mạng, nó thưa với Vua rằng: - Thân tôi chết không sao, nhưng số của con tôi thì chưa. Con nai đầu đàn giận dữ nói:

- 135 -

- Kẻ nào dám không tuân mệnh? Con nai cái than rằng: - Vua của ta bất nhân không cho chết ngày khác. Lại bảo Vua Nai Bồ Tát chết thế. Nai chúa nói rằng: - Thảm thay lòng thương của mẹ đối với con. Ân đức chưa thành hình đối với con mình. Nên nay ta thay ngươi đến trước cửa nhà Vua, và truyền ra với những người đi trên đường rằng: - Vua nai kia hôm nay sẽ vào thành. Mọi người không nên chạy xem. Nhà Vua nghe điều ấy rồi không tin. Nha môn thưa lại Vua mới tin và hỏi rằng: - Tại sao con nai Chúa đến? Con nai đáp rằng: - Có một con nai cái có mang đến ngày hiến mạng, tâm rất lo lắng vì chưa sinh con, cho nên tôi thay thế. Vua nghe xong rồi liền than: - Ta thân người nhưng là Nai, ngươi là Nai nhưng tâm người. Từ đó nhà Vua ra lệnh thả hết bầy Nai và không đi săn nữa, tức thì trong rừng nầy những con Nai được yên ổn. Nhân đây khu rừng được gọi là rừng Thí Nai, và Nai ở đây càng ngày càng nhiều hơn. Cách Già Lam về phía tây nam hai ba dặm, có một Bảo Tháp cao hơn 300 mét, dấu vết còn để lại rất to lớn và trân kỳ. Bên trên không có nhiều tầng mà làm để an trí những bình bát và phía bên sau trụ đá cũng không có chạm hình bánh xe. Phía bên nầy có một Bảo Tháp nhỏ là nơi mà năm anh em A Nhã Kiều Trần Như bị Phật chế ngự, phải đứng dậy nghinh tiếp Phật. Sau khi Thái Tử Tất Đạt vượt thành, trải qua núi sông mưa nắng quên thân mình để cầu Pháp. Vua Tịnh Phạn đã ra lệnh cho ba người trong gia tộc và hai người cậu: - Con ta đã bỏ tất cả để tu học, vào núi một mình ở trong rừng sâu, nếu ai gặp con ta, nên bảo ngừng đi. Bên nội có chú, có bác, bên ngoại có Vua nhưng thiếu quan cho nên hãy xem động tĩnh cho biết mà ngưng lại. - 136 -

Cả năm người tuân mệnh và muốn đi tìm kiếm. Họ ra đi với mục đích khuyên Thái Tử. Mỗi người tự nghĩ rằng: - Phàm kẻ tu học khổ để chứng hay là vui để chứng? Người thứ hai đáp rằng: - Đạo là một sự an lạc Người thứ ba đáp rằng: - Đạo là sự cần khổ Hai ba lần tranh luận với nhau chưa xong, trời đã sáng. Lý tư duy của Thái Tử đã hết cho nên mới phục những người tu khổ hạnh bằng cách tiết chế ăn một ngày một hột mè chỉ để duy trì thân thể mà thôi, Hai người kia nghe thế mà bảo rằng: - Thái Tử sở dĩ làm như vậy là không đúng pháp. Phàm người tu Đạo thì vui để chứng chứ. Mà nay chỉ có khổ hạnh, thì phải đi thôi. Xả bỏ điều đó xa lìa nơi đây để tư duy mới chứng quả được. Thái Tử tu khổ hạnh nơi đây sáu năm mà chưa chứng được Đạo quả, cho nên biết rằng việc tu khổ hạnh là không đúng và sau đó dùng cháo sữa, rồi chứng quả. Ba người khác khi nghe như thế mới than rằng: - Đã sắp thành công rồi sao lại bỏ đi! Sáu năm tu khổ hạnh ấy chỉ một ngày mà hao tổn công đức. Sau đó, họ tìm đến hai người kia để xin ý kiến. Họ cho rằng: - Trước đây thấy Thái Tử có đầy đủ tất cả ý nghĩa khi ra khỏi cung Vua, ở nơi hoang dã. Bỏ y phục trân quý bằng da nai, tinh cần quyết chí chỉ một lòng khổ tâm cầu được Diệu Pháp thậm thâm đến Vô thượng quả. Còn bây giờ nhận bát cháo của nàng Mục Nữ, nghĩa là đã thua ý chí trong đạo rồi. Ta biết như vậy nhưng chẳng có cách gì khác để khuyên can được. Hai người kia đáp rằng: - Sao anh chỉ thấy lúc hoàng hôn. Người nầy là kẻ kiệt quệ, ở đây chứ đâu phải thâm cung mà được an ổn cung phụng. Không có tâm yên tịnh, làm sao ở nơi sơn lâm được, chỉ có thể làm Chuyển Luân Vương thôi. Hãy để cho anh ta đi đi, đừng có luyến tiếc làm gì. Nói ra thêm xót xa nữa. Bồ Tát tắm dưới sông Ni Liên ngồi dưới gốc cây Bồ Đề thành Đẳng Chánh Giác, hiệu là Thiên Nhơn Sư, thanh tịnh trầm mặc. Trong sát na - 137 -

đó tìm đến ngài Uất Đầu Lam Phất, đang ở cõi Phi Tưởng định với chư Thiên, nghe tiếng báo rằng Uất Đầu Lam Phất đã mệnh chung bảy ngày rồi. Như Lai tự than: - Không biết làm sao gặp được! Chưa nghe Diệu Pháp mà đã biến hóa, từ đó ngài quán sát trong thế giới, thấy Ông A Lam Già Lam chứng được Vô Sở Hữu Xứ Định, nhưng chư Thiên báo ông ấy cũng đã mạng chung năm ngày rồi. Như Lai lại than tiếp: - Thương cho người bạc phước. Như Lai lại quán sát xem ai có thể thọ giáo, chỉ có năm người ở trong rừng nai có thể thọ giáo trước được. Cho nên đức Như Lai lúc bấy giờ liền rời khỏi cây Bồ Đề đến rừng Nai. Dáng vẻ uy nghi tịch tịnh thần quang rực rỡ, sắc thái như ngọc, thân hiện màu vàng an nhiên đến trước nơi năm người. Khi năm người nầy mới thấy đức Như Lai đồng nói rằng: - Đừng nên đón ông ta. Thời gian năm tháng trôi qua chắc chẳng chứng Thánh quả gì, cho nên mới thối tâm và tìm lại chúng ta đây. Hãy mặc nhiên đừng đứng lên kính lễ. Như Lai càng tiến gần thì uy thần càng lay động, năm người nầy quên đi sự chế ngự, mà bái nghinh, hỏi han đức Như Lai. Đợi cho xong, đức Như Lai mới từ tốn khai thị Diệu Lý. Hai bên ngồi yên xong rồi, mới biết ngài đã chứng quả. Phía đông của rừng Thí Nai đi khoảng hai ba dặm đến một Bảo Tháp. Bên cạnh đó có một cái hồ chu vi tám mươi bộ, gọi là hồ cứu mệnh, cũng còn có nghĩa là Liệt sĩ mà người xưa cho biết rằng: - Cách đây hàng trăm năm trước có một vị ẩn sĩ. Nơi phía ao ghi lại dấu tích của việc nối kết cái bình với kỹ thuật cao cường nghiên cứu về thần lý siêu việt có thể sử dụng đá sỏi làm người thật, hoặc là hình gia súc rất dễ dàng, nhưng chưa có thể đi mây về gió được, bằng ra công tìm cầu phép Tiên xưa nay. Nơi

đây cũng cho biết rằng: Phàm là thần tiên, phải có thuật trường sanh, muốn cầu học phép phía trước, phải kiến trúc đàn tràng, chu vi một trượng chiêu mộ các liệt sĩ dũng mãnh cầm dao dài, đứng nơi đàn tràng, đứng yên lặng không được nói. Ông tiên ngồi ở giữa đàn, tay cầm một con dao dài, miệng đọc thần chú để cầu nguyện. Chú ý tập trung vào một điểm, đoạn cầm dao lên biến thành kiếm thật. Có lúc ở trên hư không biến thành các vị - 138 -

tiên cầm kiếm chỉ huy, tất cả các việc mong muốn được toại nguyện, không suy yếu, không già, không bịnh, không chết. Người nầy được tiên phong là kẻ Oanh Liệt (liệt sĩ). Mọi việc mong muốn đều sẽ được như tâm nguyện. Sau nầy ở trong thành có gặp một người, buồn rầu đi trên đường gặp ẩn sĩ kia tâm rất vui mừng liền hỏi thăm an ủi. - Sao mà lại bi thương như vậy? Đáp rằng: - Tôi nghèo khổ tự làm tự nuôi thân. Có ông chủ thấy và biết được điều nầy cho nên mới tin dùng, đến khi mãn 5 năm thì mới có trọng thưởng. Vì sự ẩn nhẫn lao khổ nầy khó quên được. Trong 5 năm đó, chỉ có một lần làm sai bị đánh đòn, không được gì cả. Vì lý do nầy cho nên tâm rất là buồn, không biết ai mà than khóc. Ẩn sĩ bảo cùng đi đến nơi am tranh, dùng sức chú nguyện để biến đồ thành bánh, ra lệnh tắm rửa và cho mặc đồ mới. Lại cho năm trăm quan tiền vàng mà nói rằng: - Cho đến trong tương lai, cầu được hạnh phúc không ngoài việc nầy. Từ đó về sau, số tăng lên nhiều gấp bội. Thầm cảm ơn ân đức của người có tâm, rồi kẻ oanh liệt luôn cầu hiệu quả để báo tin cho biết. Ẩn sĩ bảo: - Ta yêu cầu ông trải qua năm tháng sẽ được hạnh ngộ, nhận được dung mạo thì biết chẳng còn điều nguyện gì nữa. Chỉ một đêm thôi không còn nghe nữa. Kẻ kia đáp: - Sự chết thường không rõ, há có thể chạy trốn được sao. Vậy thiết đàn tràng cầu thỉnh chư Thiên, y vào phương pháp mà hành sự, ngồi cả ngày yên lặng và sau đó sai bảo. Ẩn sĩ tụng thần chú, kẻ sĩ cầm đao bỗng nhiên phát ra tiếng. Lúc bấy giờ trên không trung lửa hạ xuống thiêu đám mây. Lúc bấy giờ ẩn sĩ dẫn người này vào trong hồ tị nạn rồi hỏi rằng: - Này con, con nghe có gì kinh không? Kẻ sĩ đáp: - Sau khi thọ mệnh đến giữa đêm bị hôn trầm rồi có mộng ác khác thường liền trổi dậy. Thấy ông chủ ngày trước mang thân đến an ủi và - 139 -

cảm tạ. - Cảm tạ ân sâu khó có thể dùng lời để báo đáp. Người kia giận dữ, liền bị sát hại. Thọ thân trung ấm. Rồi tử thi kia thán trách: - Do nguyện đời đời mà chưa báo được đức dày, liền thác sanh vào nhà của một người Bà La Môn ở miền nam Ấn Độ, cho đến việc thọ thai và xuất thai khổ sở khôn lường. Nhớ đến ân đức không thể nói nên lời. Không biết nghiệp gì mà thọ thân để sanh con như thế. Mỗi sự hoài niệm về ân trước đều nhẫn nại mà không có lời nào. Những người trong gia tộc gặp thấy rất kinh dị. Trải qua sáu mươi lăm năm như thế vợ tôi mới hỏi: Anh nói được chưa? Nếu mà không nói được, hãy giết con anh đi. Lúc đó tôi nghĩ rằng cách biệt thế gian, tự thấy già suy, chỉ có đứa bé nầy mà thôi. Vì thế dừng lại, Vợ tôi không cho sát hại rồi bèn la lên tiếng như thế đó. Ẩn sĩ đáp: Ta đã qua rồi. Đây là ma lực. Kẻ sĩ cảm ơn mà buồn việc không thành cho nên phẩn nộ mà chết, khỏi bị nạn chết cháy, nói rằng cảm ơn sự cứu mệnh mà chết cho nên ở đây còn gọi là hồ liệt sĩ. Phía tây hồ liệt sĩ có một Bảo Tháp thờ ba con thú. Lúc Như Lai tu hạnh Bồ Tát. Đây là nơi thiêu thân. Ở kiếp sơ, lúc bấy giờ trong rừng nầy có một con cáo, con thỏ và con khỉ. Tuy khác loại nhưng rất hòa đồng. Lúc bấy giờ Thiên Đế Thích mới thử lòng người tu Bồ Tát hạnh, xuống trần hoá hiện

một người già và nói với ba con thú đó rằng: - Hai trong ba chúng bay đã được yên ổn không còn lo sợ gì nữa! Đáp rằng: - Ở đây cỏ cây tươi tốt, chúng con tuy khác loài nhưng cùng vui và rất an lạc. Lão nhân nói rằng: - Nghe nói hai trong ba chúng bay có tình nồng hậu và ý chí thân mật, đã quên lão già nầy cho nên ta từ xa đến đây để tìm. Bây giờ đói quá, không có gì để ăn hết. Đáp rằng:

- 140 -

- Xin ngài đợi một chút, chúng con sẽ đích thân đi tìm. Nói rồi chúng tỏa ra khác hướng vào rừng để tìm. Con Cáo bơi xuống nước bắt một con cá. Con khỉ vào rừng cây để hái hoa quả. Sau đó cả hai cùng trở lại dâng cho ông lão. Chỉ có con thỏ không trở lại, mà đi chơi đâu đó, nên ông lão mới hỏi rằng: - Ta xem thấy chúng bay chưa hòa hợp lắm! Con Khỉ, con Cáo cùng chí hướng, có thể giống nhau. Duy chỉ có con Thỏ là không trở lại, chẳng dâng đồ ăn gì hết. Việc nầy phải biết đích xác như vậy. Con Thỏ vừa nghe sự quở trách, nói với con Cáo và con Khỉ rằng: - Tập trung đông cốt để cho tiều phu làm thịt. Nghe như vậy, con khỉ và con cáo tranh nhau chạy trốn trong cỏ mệt đừ. Thấy lửa cháy dữ con thỏ bảo rằng: - Thưa Ngài, thân con không đáng là bao, cho nên khó thoát được. Hãy nhận thân con làm một bữa ăn. Nói xong, nhảy vào lửa thiêu thân. Lúc bấy giờ lão nhân hiện trở lại hình Thiên Đế Thích, mới thâu hết tất cả những cốt xương bị chết và than với con Cáo và con Khỉ rằng: - Một con đã đến, ta cảm cái tâm nầy, chẳng những không mất mà còn lại di tích nầy, nên gửi lên mặt trăng mà truyền lại cho đời sau. Cho nên, cho đến bây giờ trên mặt trăng vẫn còn con Thỏ. Người đời sau kiến trúc nơi nầy thành Bảo Tháp. Từ đây xuôi theo sông Hằng đi về hướng đông cách 300 dặm đến nước Chiến Chủ. Nước Chiến Chủ chu vi hơn hai ngàn dặm. Đô thành giáp với sông Hằng, chu vi hơn mười dặm. Cư dân giàu có ở san sát bên nhau. Đất đai màu mỡ dùng để cày cấy trồng trọt. Khí hậu ôn hòa. Gió mưa phong tục thuần chất. Tánh tình con người thô bạo. Tà chánh đều tin. Có hơn 10 ngôi Già Lam, có gần 1000 Tăng Sĩ tu theo giáo lý Tiểu Thừa. Có 20 ngôi đền. Cuộc sống của Ngoại Đạo hỗn tạp. Phía tây bắc của Đại Thành, trong vườn chùa có một Đại Tháp. Do Vua A Dục xây. Theo người Ấn Độ xưa nói rằng nơi nầy có Xá Lợi của Như Lai độ một đấu. Ngày xưa đức Như Lai ở nơi đây trong bảy ngày vì trời người và mọi loài mà thuyết pháp. Bên cạnh đó cũng có một nơi di tích của ba vị Phật trong quá khứ ngồi Thiền và kinh hành. Gần đó lại có tôn tượng của đức Từ Thị Bồ Tát. Tượng tuy nhỏ nhưng rất uy nghi và có thần sắc. Những chuyện linh ứng biến hóa đều khởi đi từ chốn nầy. - 141 -

Phía đông Đại Thành đi hơn hai trăm dặm, đến Chùa A Tỳ Đa Yết Sách Noa, chu vi rất rộng và điêu khắc rất công phu. Hoa lá trên mặt hồ và lầu các hai bên giao nhau đã tạo nên cảnh rất sinh động. Tăng đồ rất trang nghiêm, mọi người kính nể. Nghe người xưa thuật lại rằng: - Ngày xưa, từ núi Tuyết Sơn phía bắc thuộc nước Đỗ Hóa La có ba vị Sa Môn vui học. Hai trong ba người cùng một ý, lễ bái tụng niệm và an nhàn. Mỗi người như vậy tự nói rằng: - Diệu Lý thâm sâu khó có thể dùng ngôn từ để đàm luận và nghiên cứu. Nhưng Thánh Tích thì đã sờ sờ ra đó có thể tìm hiểu được. Nghi hỏi chưa đến đâu mà sao xem Thánh Tích được. Rồi sau đó hai trong ba người đấu trượng với nhau rồi ra đi. Khi đến Ấn Độ, họ ở trong những ngôi chùa. Có lúc nơi xa xôi, không tìm

chỗ ở được, cho nên phải ở bên ngoài, gió mưa vào bên trong thấm mệt. Miệng bụng nhan sắc hình dung khô kiệt đói rét. Lúc bấy giờ Vua của nước nầy xuất du gần đó thấy họ là những khách tăng cho nên kinh ngạc mà nói rằng: - Những vị khất sĩ từ đâu đến vậy? Mà sao hình thù quái dị quá? Các vị Sa Môn đáp: - Chúng tôi thuộc nước Đỗ Hóa La, theo lời di giáo cao cả ngày xưa, nên cùng đi lễ Thánh Tích. Bởi vì bạc phước cho nên chưa có toại nguyện. Các vị Sa Môn Ấn Độ chưa quan tâm việc du hành nầy cho nên muốn trở về bổn quốc mà đi tham lễ chưa xong, còn ở lại thì khổ tâm biết mấy. Vua nghe xong, lòng thêm thương xót, cho nên ra lệnh kiến tạo Già Lam và ra chiếu chỉ rằng: - Ta tuy là kẻ được thế nhân tôn trọng, là bậc cao quý, nhưng so ra Tam Bảo còn cao cả hơn. Cho nên dầu là Vua cũng phải quy y Phật. Ai đắp y hoại sắc ta phải chiếu cố. Nay kiến lập đạo tràng nầy để làm nơi lui tới của người hành hương. Từ đây trở về sau, khi các vị tăng đến phải ở trong Già Lam không được ở trong nhà. Vì thế mới có tên già lam như vậy. Ở phía đông nam của Già Lam A Tỳ Đa Yết Sắc Noa, đi hơn 100 dặm qua sông Hằng, đến làng Ma Ha Bà La gặp một vị Bà La Môn chẳng tôn trọng Phật Pháp. Lúc bấy giờ thấy các vị Sa Môn mới hỏi về chuyện tu học biết được trí thức của họ rất cao và sâu cho nên kính lễ. Phía bắc sông Hằng, có một đền thờ Na La Diên. Lầu các nhiều tầng, trang hoàng xinh đẹp. Các tượng chư Thiên đều làm bằng đá. Người đời nói rằng rất linh ứng khó có thể nói hết. Phía đông của đền thờ Na La Diên, đi hơn 30 dặm có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên. Một nữa - 142 -

trụ đá đã bị ngã xuống đất cao hơn hai trượng. Phía bên trên có tạo hình đầu Sư Tử và khắc ghi những sự tích chiến đấu với Quỷ. Ngày xưa ở nơi nầy có một khu rừng bị Quỷ chiếm, có uy lực lớn chờ bắt người ăn thịt uống máu, sát hại rất nhiều sinh linh, vô cùng khốn khổ. Đức Như Lai, thương chúng sanh không muốn thấy sự chết nầy, nên dùng thần thông biến hóa để dụ các loài Quỷ nầy dẫn chúng quy y và thọ giới không sát sanh. Các loài quỷ vâng theo lời dạy quay quanh hòn đá và thỉnh Phật ngồi, nguyện nghe Chánh Pháp và hết sức giữ gìn. Từ đó về sau không còn ai sợ nữa. Cả hai bên đến ngồi bên phiến đá, có đến số ngàn mà đá kia không thể lay chuyển. Nơi đây có rừng cây và ao nước bao bọc tả hữu cho nên người đến đây tâm rất lắng đọng. Gần nơi hàng phục quỷ có một số chùa, tuy đa phần bị hư hoại nhưng vẫn còn tu sĩ. Tất cả tu theo giáo lý Đại Thừa. Từ phía đông nam đi hơn một trăm dặm nữa, đến một Bảo Tháp. Bảo Tháp đã nghiêng và cao hơn mấy chục mét. Chuyện xưa kể lại rằng: Sau khi Như Lai diệt độ. Khi tám ông vua của tám nước phân chia Xá Lợi của Phật. Phần Xá Lợi mà ông Bà La Môn nhận không còn mà gửi hết cho các Vua. Ông ta mang bát không trở về, sau đó được Xá Lợi dính vào bát nên tạo thành tháp nầy. Sau đó để bình bát vào bên trong nên có tên như vậy. Sau nầy vua A Dục cho mở tháp và lấy Xá Lợi trong bát ra để kiến tạo một Bảo Tháp khác. Khi mặt trời lên, phóng quang minh. Từ phía đông bắc tháp đi qua sông Hằng hơn 145 dặm đến nước Phệ Xá Phong (Tỳ Xá Ly). Nước Tỳ Xá Ly, chu vi hơn năm ngàn dặm, đất đai màu mở, hoa quả xanh tươi. Đặc biệt là xoài và mía, nơi đây có nhiều nông sản quý. Khí hậu phong tục tập quán thuần chất. Dân thích làm phước ưa học tập, tà chánh đều tin lẫn lộn. Có hơn 100 ngôi già lam đa phần bị hư hoại chỉ còn lại 35 ngôi. Tăng tín đồ rất ít. Đền thờ hơn 10 ngôi. Ngoại đạo sống hỗn tạp. Những người tu lõa thể rất nhiều. Thành Tỳ Xá Ly cũng đã bị loang lỗ hư hại. Dấu tích

ngày xưa còn lại nơi đây chu vi khoảng 67 dặm. Cung thành chu vi bốn dặm ruỡi, ít có người ở. Cung thành phía tây bắc năm dặm sáu đến một ngôi Già Lam, tăng sĩ nơi đây cũng ít. Họ học theo phái Tiểu thừa Chánh Lượng Bộ. Bên cạnh đó có một Bảo Tháp. Ngày xưa đức Như Lai đã nói kinh Tỳ Ma La Cật (Duy Ma Cật) tại đây. Đây là nơi mà Trưởng Giả đã hiến Bảo Cái quý. Ở tại phía đông nầy có một Bảo Tháp, ở đó ngài Xá Lợi Phất đã chứng được quả Vô Học (A La Hán). Phía đông nam nơi ngài Xá Lợi Phất chứng quả có một Bảo Tháp do Vua Tỳ Xá Ly kiến lập. Sau Phật Nhập Niết Bàn, Tiên Vương của nước nầy cũng được Xá Lợi khi phân chia cho nên xây dựng Bảo Tháp nầy. Có truyền thuyết rằng ở trong nầy Xá lợi Như Lai một hộc, khoảng mười đấu. Vua A Dục mở ra lấy chín đấu, chỉ còn lưu lại một đấu.

- 143 -

Sau đó có vị Quốc Vương muốn khai mở tiếp để tìm thì đất ở đây chấn động nên chẳng dám khai mở. Từ phía tây bắc có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên, bên cạnh có một trụ đá, cao 56 thước ta. Bên trên thì có tượng đầu Sư Tử. Phía nam trụ đá có một cái hồ. Nơi đây những con khỉ đã hầu cận Phật. Tương truyền rằng đức Như Lai đã ở nơi đó. Cách hồ phía tây không xa mấy lại có Bảo Tháp, có những con khỉ chờ đức Như Lai đặt bát chúng đem mật đến. Cách hồ về phía nam không xa mấy nơi đây những con khỉ dâng cúng mật cho Phật. Phía tây bắc của hồ, có xây dựng hình tượng những con khỉ. Cách 3 dặm về phía đông bắc ngôi Già Lam có một Bảo Tháp, là nơi nhà cũ của ông Duy Ma Cật. Có nhiều điềm linh dị. Từ đây chẳng bao xa, có một thần xá còn một bờ gạch. Tương truyền rằng Trưởng giả Duy Ma Cật thị hiện tật bệnh mà thuyết pháp. Đi cách đây không xa mấy có một Bảo Tháp là nơi nhà chứa những đồ quý. Từ đây đi không xa mấy, có một Bảo Tháp, đó là vuờn xoài nơi ni chúng ở. Nơi mà Di mẫu của Phật cùng với các vị Tỳ Kheo Ni chứng nhập Niết Bàn ở nơi nầy. Cách ngôi Già Lam về phía bắc ba dặm tư có một Bảo Tháp là nơi Như Lai chuẩn bị đi về nước Câu Thi Na. Khi đức Phật nhập Niết Bàn, người cùng phi nhơn đi theo Thế Tôn đến đây thì dừng lại. Kế tiếp phía tây bắc không xa có một Bảo Tháp, đây là nơi đức Phật nhìn thành Tỳ Xá Ly cuối cùng. Cách không xa về phía nam có một tinh xá, phía trước có xây dựng một tinh xá. Đây là nơi vuờn xoài một nữ thí chủ cúng cho Phật. Phía bên vuờn xoài, có một Bảo Tháp, đây là nơi Như Lai bảo rằng Như Lai sẽ vào Niết Bàn. Ngày xưa tại nơi đây Phật bảo ngài A Nan rằng: - Kẻ chứng được tứ thần túc có thể ở lại đời một kiếp. Như Lai bây giờ nên thọ bao nhiêu tuổi? Hỏi đến ba lần nhưng A Nan chẳng đáp lại, vì Thiên ma đã mê hoặc, cho nên Ngài A Nan từ tòa đứng dậy đi vào trong rừng trầm ngâm. Lúc bấy giờ ma lại thỉnh Phật rằng: - Như Lai ở đời giáo hóa xong rồi. Số người được tế độ nhiều như trần sa. Tịch diệt là niềm vui, bây giờ đã đến lúc rồi. Thế Tôn chống tay xuống đất đứng lên nói với ma rằng: - Đất ở bên ngoài nhiều hơn hay đất trong móng tay nhiều hơn? Đáp rằng: - Đất ở dưới đất nhiều - 144 -

Phật bảo: - Những gì ta đã độ giống như đất trong móng tay nầy. Những gì ta chưa độ như đất dưới mặt đất nầy. Sau ba tháng nữa ta sẽ vào Niết Bàn. Ma nghe rất hoan hỷ rồi lui. Ngài A Nan ở trong rừng cảm thấy khó chịu và nằm mơ đến bạch Phật rằng: - Con ở trong rừng nằm thấy một cây đại thọ cành lá sum sê bóng mát che phủ nhưng

bỗng nhiên gió thổi mạnh làm tiêu tán hết không còn gì cả, nên nghĩ rằng không lẽ Thế Tôn muốn nhập diệt sao! Tâm con hoài nghi, cho nên đến đây để thưa thỉnh. Phật bảo: - A Nan, ta nói với ngươi trước rồi, ngươi thì bị ma lực không chịu thưa thỉnh ngay lúc đó cho nên ma vương đã khuyên ta sớm nhập Niết Bàn. Ta vừa hứa xong. Điềm mộng đó là vậy. Không xa cách nơi thông báo thời kỳ nhập Niết bàn, có một Bảo Tháp là nơi mà một ngàn người con gặp mẹ. Tích xưa kể lại có một vị tiên nhơn ẩn cư trong hang động. Thời tiết giữa mùa xuân khí trời tốt tươi, có một con nai sắp sanh con, đi uống nước. Thấy dáng nai đi qua, tiên nhơn bắt giữ để nuôi. Một hôm bảo nai đi tìm lửa, bỗng dưng tiên thấy dưới chân nai có một đóa hoa sen khi nai đến gần vị tiên. Thấy vậy lấy làm kỳ lạ, bèn ra lệnh đi quanh thảo lư tự nhiên được lửa. Nai mẹ vâng lời như vậy, khi được lửa xong thì lui. Lúc bấy giờ Phạm vương dạo chơi tìm bông hoa, sự thấy việc lạ lùng kinh dị nên đem cả hai cùng về. Có người tiên đoán rằng nai sẽ sanh một ngàn đứa con. Nghe như vậy và ngày tháng đầy đủ thì sinh ra một hoa sen, mà hoa sen đó có ngàn cánh, mỗi cánh như vậy có một đứa bé ngồi. Nai cái ấy không biết, nên đem ném xuống sông Hằng. Có một con chim tha hoa ấy đến bên vườn vua hạ xuống. Mây vàng và Bảo Cái che chở. Hoa sen nở ra một ngàn đứa bé. Nhà Vua lấy sữa để nuôi lớn lên, chúng rất mạnh khỏe. Lúc bấy giờ thành một ngàn chàng trai mang binh hùng mạnh đi chinh phạt bốn phương. Tại nước nầy, Phạm vương nghe được rất lo toan. Binh lực không địch được, không thể xuất quân. Lúc bấy giờ con nai mẹ biết con mình cho nên nói với vua rằng: - Nếu mà đánh thì trên dưới sẽ không hòa. Dù là giặc hay trung, khôn hay dại sẽ thất bại trước sức mạnh không thể địch nổi. Vua chưa tin điều đó nên lo lắng vô cùng. - 145 -

Con nai cái lên thành chờ, một ngàn người con và binh lính đến vây thành, con nai cái bảo: - Đừng có phản nghịch. Ta là mẹ các ngươi, các ngươi là con ta. Một ngàn người con nói: - Sao nói bậy vậy? Con nai cái lấy tay chỉ vào hai vú, liền chảy ra một ngàn giọt. Nhờ thiên tánh chiêu cảm nên sữa vào thẳng trong miệng của họ. Vì vậy họ giải giáp trở lại với dòng Thích, sau đó hai nước giao hảo với nhau và bá tánh được an lạc. Không xa, cách nơi một ngàn đứa con quy thuận có một Bảo Tháp ghi lại dấu tích nơi đây ngày xưa đức Như Lai đã đi kinh hành, và Ngài lấy tay để chỉ đại chúng rằng: - Ngày xưa ta ở đây quy thuận trở về thân tộc một ngàn đứa con đó, tức là một ngàn vị Phật trong hiền kiếp nầy. Đó là sự tường thuật có trong kinh Bổn Sanh, và ở phía đông nơi nầy lại có một Bảo Tháp được dựng lên. Nơi đó ánh sáng chói lọi, ai kỳ nguyện sẽ được toại ý, mà Như Lai nói trong kinh Phổ Môn Đà La Ni. Nhà cửa giảng đường đều còn dấu vết nơi đây. Không xa mấy, cách giảng đường có một Bảo Tháp. Ở giữa đó có nửa thân Xá Lợi của Ngài A Nan. Từ đây chẳng xa mấy lại có hàng trăm Bảo Tháp khác. Muốn biết rõ số bao nhiêu cũng không thể biết được. Đây là nơi nhập diệt của một ngàn vị Độc Giác Phật. Chu vi trong ngoài của thành Tỳ Xá Ly rất rộng. Thánh tích có rất nhiều nhưng mà khó có thể biết hết được. Có nơi hình thức vẫn còn nhưng đã hư hoại, thời gian năm tháng gió mưa làm thay đổi. Bên rừng lại còn một hồ nước mà nay thì nước đã khô. Những dấu tích của cây quý vẫn còn nơi đây. Phía Tây bắc của đại thành, đi hơn 56 dặm, đến một Bảo Tháp lớn. Nơi đây ghi lại chỗ ông Phiêu Chiêm Bà Tử từ biệt đức Thích Ca. Như Lai từ thành Tỳ Xá Ly hướng về nước Câu Thi Na. Vị Phiêu

Chiêm Bà Tử nghe Phật sẽ nhập diệt rất buồn rầu khổ sở đến để đưa đi. Đức Thế Tôn thấy ông buồn như thế thì không có lời nào để khuyên được tức thời dùng thần lực để hóa ra một con sông lớn. Bờ sông đó rất sâu, sóng mạnh, nước chảy xiết, ông Phiêu Chiêm Bà sầu bi dừng lại và đức Như Lai để bình bát lại làm kỷ niệm. Ít hơn 200 dặm về phía Tây bắc thành Tỳ Xá Ly, lại có một cổ thành hoang phế từ lâu không có người cư trú, trong đó có một Bảo Tháp, đây - 146 -

là nơi Phật ngày xưa đã vì chư vị Bồ Tát, Trời, người đại chúng diễn thuyết kinh Bổn Sanh khi tu hạnh Bồ Tát. Từng ở nơi thành này làm Chuyển Luân Thánh Vương hiệu là Ma Ha Đề Bà (Đại Thiên). Vua có đầy đủ thất bảo và bốn phương trời đất. Khi hiểu lý vô thường làm cho thân thể thay đổi, nhớ lời nguyện ước cao xa, bỗng quên hẳn địa vị lớn của mình, bỏ nước xuất gia, mặc y hoại sắc để tu học. Phía đông nam thành, đi hơn 14.5 dặm đến một Bảo Tháp lớn. Đây là nơi mà bảy trăm vị Hiền Thánh kết tập sau Phật nhập Niết Bàn 110 năm. Có các vị Tỳ kheo của thành Tỳ Xá Ly xa rời Pháp Phật, thực hành sai giới luật. Lúc bấy giờ Trưởng Lão Da Giá ở nước Kiều Tất La. Trưởng Lão Tam Bồ Da ở nước Châu Thố La, Trưởng Lão Phấn Ba Đa ở nước Hàng Nhược; Trưởng Lão A Nha ở nước Tỳ Xá Ly; Trưởng Lão Phú Phiệt Tô Di La ở tại nước Bà La Lị Phất, Các Trưởng Lão Đại A La Hán tâm được tự tại trì giữ Tam Tạng chứng được tam minh, được đại danh xưng là những bậc tri thức, tất cả đều là đệ tử của Tôn Giả A Nan. Lúc bấy giờ ngài Da Xá bảo các vị Hiền Thánh rằng: - Tất cả đều tập họp ở thành Tỳ Xá Ly, chỉ thiếu một người nữa là đủ 700 vị. Khi ấy ngài Phú Phiệt Tô Di La dùng thiên nhãn để thấy các bậc Đại Hiền Thánh vân tập hội nghị, rồi vận thần túc đi đến Pháp Hội. Khi ấy ngài Tam Bồ Da ở trong đại chúng sửa y bày vai phải ra và quỳ xuống bạch rằng: - Mọi người đừng có rầu rĩ mà hãy nhớ lại rằng ngày xưa khi đấng Đại Thánh Pháp Vương quyền biến thị tịch. Thời gian dầu trôi qua nhưng lời dạy của Ngài còn đó. Các thầy Tỳ Kheo giải đãi tại thành Tỳ Xá Ly hủy báng giới luật đưa ra mười sự việc sai với mười luật đã dạy. Bây giờ các vị Hiền giả ấy đã rõ ràng biết phạm mà nhờ ngài A Nan chỉ giáo sám hối, nhớ lại ân Phật mà trùng tuyên Thánh Chỉ. Lúc đó các bậc Thánh mới khỏi lo lắng, liền triệu tập các vị Tỳ Kheo y theo Tỳ Nại Da (Luật tạng) quở trách và ngăn cấm. Để trừ sự hủy báng Pháp và tuyên dương Thánh Giáo. Phía nam của nơi 700 Hiền Thánh kiết tập đi hơn 89 dặm, đến chùa Thất Phệ Đa Bổ La. Chùa Viện đổ nát. Nhà cửa hư hoại. Tuy nhiên, tăng chúng thanh tịnh và tu theo Đại Thừa. Bên cạnh đó là nơi ghi lại di tích của bốn vị Phật trong quá khứ đi kinh hành và ngồi thiền. Tháp nầy do Vua A Dục xây dựng. Tại nơi đây ngày xưa Như Lai về phương nam đi đến nước Ma Kiệt Đà, về phía bắc ngoái nhìn thành Tỳ Xá Ly, giữa đường ngài dừng lại di tích nầy. Ở phía đông nam chùa Thất Phệ Đa Bổ La hơn 30 dặm, đến sông - 147 -

Hằng, nam bắc của bờ sông nầy mỗi nơi có một Bảo Tháp. Đó là nơi Tôn Giả A Nan đã phân thân cho hai nước. Ngài A Nan là anh em chú bác với Như Lai, đa văn hiểu rộng biết nhiều kiến thức dồi dào. Sau khi Phật nhập diệt, kế đến ngài Ca Diếp giữ gìn Chánh Pháp lãnh đạo mọi người. Khi đi trong rừng của nước Ma Kiệt Đà, thấy một Sa Di phúng tụng kinh Phật. Chương cú sai, văn tự lẫn lộn, Ngài A Nan nghe xong liền cảm hoài lo lắng mới hỏi và chỉ bày. Sa Di cười và bảo rằng: - Sư Ông già rồi, Sư Ông lầm. Thầy của con cao minh còn sáng suốt lắm. Chính Ngài chỉ giáo nhưng Sa Di không sửa

đổi. Ngài A Nan bèn thôi và than rằng: - Ta tuy tuổi đã cao nhưng vì các chúng sanh muốn ở lại đời lâu hơn để giữ gìn Chánh Pháp, mà thấy chúng sanh nghiệp nặng khó dùng lời để chỉ giáo, nên dẫu có ở lại lâu hơn cũng chẳng lợi ích gì, thôi sớm diệt độ. Rồi Ngài đi đến nước Ma Kiệt Đà, từ thành Tỳ Xá Ly, Ngài đi qua sông Hằng bằng thuyền. Khi đó Vua nước Ma Kiệt Đà nghe ngài A Nan đến nhớ lại Đức xưa liền đem xa giá đến để nghinh thỉnh. Số lượng có hơn 100 ngàn quân lính tập trung ở bờ sông phía nam. Vua Tỳ Xá Ly nghe ngài A Nan đi rồi, tâm sầu muộn, liền sai quân lính hơn 100 ngàn người nghinh tiễn tập trung ở bờ sông phía bắc. Hai bên quân trận đối nhau dàn cờ, Ngài A Nan sợ chiến đấu, binh lính sát hại lẫn nhau cho nên từ trong thuyền, Ngài bay lên hư không thị hiện thần biến, tức nhập tịch diệt. Ngài dùng lửa tam muội thiêu thân và xá lợi bay trong không trung. Một phần rơi về phía nam, một phần rơi về bờ sông phía bắc. Mỗi bên hai vua được một phần, liền ra lệnh cho quân lính lui về xứ của mình, rồi cho xây dựng Bảo Tháp để tu hành cúng dường. Từ phía đông bắc nầy đi hơn năm trăm dặm, đến nước Phất Phiêu Trì. Nước Phiêu Trì chu vi hơn 4000 dặm, từ đông qua tây dài, từ nam ra bắc hẹp. Đất đai màu mỡ, hoa trái xinh tươi. Khí hậu ấm áp. Nhơn tình còn thô tháo, đa phần tôn kính ngoại đạo, thiếu tín tâm đối với Phật Pháp. Có hơn 10 ngôi Già Lam, và hơn 1000 Tăng sĩ, tu theo cả hai bộ phái Đại thừa và Tiểu thừa. Có 10 ngôi đền thờ. Ngoại đạo sống chen chúc với nhau. Đại Đô Thành tên là Chiêm Mậu Na Noa, đa phần bị hư hoại. Trong cung thành xưa có hơn 3000 nóc nhà, chia ra từng thôn ấp. Phía đông bắc của sông lớn có một Già Lam, tu sĩ ít nhưng học nghiệp rất thanh cao. Từ đây đi về hướng tây, nương theo bờ sông có một Bảo Tháp cao hơn ba trượng. Dọc theo phía Nam là nơi mà đức Đại Bi Thế Tôn độ cho người câu cá. - 148 -

Lúc Phật còn tại thế, có năm trăm ngư phủ đan lưới bắt cá và các loài thủy tộc. Ở tại sông nầy họ bắt được một con cá lớn 18 đầu, mỗi đầu có hai mắt, những ngư phủ muốn sát hại nó. Lúc đó đức Như Lai đang ở nước Tỳ Xá Ly dùng Thiên Nhãn để quán chiếu và dùng lòng đại bi mà nhân cơ hội nầy đến đây để hóa đạo làm cho mọi người được hiểu biết và báo cho chư vị tu theo Đại thừa biết rằng trong nước Phất Phiệt Trì có một con cá lớn. Ta muốn hóa đạo làm cho những ngư dân kia được tỏ ngộ, Ngài dùng thần túc thông đưa đại chúng đến bờ sông nầy, ngồi kiết già và bảo những ngư phủ rằng: - Đừng giết con cá đó, ta sẽ dùng thần lực để mở cửa phương tiện cho các ngươi biết về túc mệnh của con cá nầy. Cá ơi! Có thể nói lời của con người mà hóa giải nhân tình. Lúc bấy giờ đức Như Lai mới hỏi rằng: - Thân trước của con đã tạo nghiệp gì mà phải thọ thân nầy trong ác thú vậy? Con cá đáp rằng: - Con nhờ chút phước lực sanh vào gia đình Bà La Môn giàu có. Người ấy chính là thân con. Con ỷ vào dòng dõi cho nên khuynh loát nhân luân, ỷ vào của cải mà khinh khi kinh Pháp, đem tâm khinh mạn chư Phật, dùng lời cực ác để nhục mạ chúng tăng, ví chúng tăng như các loài lạc đà, voi, ngựa. Do ác nghiệp nầy mà thọ thân cá, nhưng nhờ một chút thiện duyên con sanh gặp thời Phật còn tại thế, còn thấy được sự giáo hóa của Phật, còn được nghe lời dạy của ngài, do đó mà xin sám hối tội nghiệp đời trước đã làm. Như Lai tùy theo căn cơ nhiếp hóa, từ đó khai đạo. Nhờ nghe Pháp, con cá liền thác. Với phước lực đó sanh lên Thiên cung và tự biết thân nầy do duyên gì mà sanh ra. Liền biết túc mệnh của mình

và niệm báo ân của Phật đã cùng với chư Thiên nguyện dứt những việc ác. Lễ Phật xong, đi nhiễu bên tay phải rồi đem hương hoa cùng với vật quý cõi trời dùng để cúng dường. Nhân cơ hội nầy, đức Phật thuyết Diệu Pháp cho ngư dân, họ nghe xong liền tỏ ngộ, chân thành lễ sám, đốt lưới và thuyền, quy y thọ Pháp. Nghe Phật chỉ dạy, họ phát tâm mặc áo hoại sắc xa rời trần cấu, tu hành chứng được quả Thánh. Phía đông bắc, nơi độ cho những ngư dân đi hơn 100 dặm đến cổ thành phía tây. Tại đây có một Bảo Tháp do Vua A Dục xây cao hơn 100 mét. Đây là nơi ngày xưa đức Phật thuyết pháp sáu tháng để độ cho trời - 149 -

người. Từ phía bắc đi hơn 145 bước, có một Bảo Tháp nhỏ. Chính nơi đây ngày xưa đức Như Lai vì các vị Tỳ Kheo mà chế giới. Tiếp đến phía tây chẳng xa bao nhiêu lại có Bảo Tháp thờ tóc và móng tay của Như Lai. Như Lai ngày xưa ở nơi đây, những người trong ấp đem hương hoa đèn quả đến cúng dường không diệt. Từ phía tây bắc nầy đi hơn 1450 dặm, vào động của núi thuộc nước Ni Ba La. Nước Ni Ba La chu vi hơn 4000 dặm, nằm trong núi Tuyết. Đô thành chu vi hơn 20 dặm. Núi sông giao nhau, nên lúa thóc và hoa quả rất nhiều. Nơi đây sản xuất đồng đỏ, trâu đuôi dài, và chim chóc. Tiền dùng trao đổi bằng đồng đỏ. Khí hậu lạnh có gió nhiều và phong tục bí hiểm. Tánh người cang cường. Niềm tin hời hợt. Không học tập mà cũng chẳng có nghề nghiệp gì, hình tướng khó coi, tà chánh đều tin. Chùa Viện và đền thờ liên tục gần nhau, hơn 2000 tăng sĩ tu theo cả Đại Thừa lẫn Tiểu thừa. Số người theo ngoại đạo bao nhiêu thì không biết. Vua thuộc dòng Sát Đế Lợi, dòng dõi Phiêu Chiêm Ba. Chí học thanh cao thuần tín Phật Pháp. Gần đây có Vua tên là Ô Luân Phạp Ma là bậc thạc học thông minh, tự soạn ra Thanh Minh Luận. Vua là người trọng học vấn, cung kính đạo đức và những gì mới lạ. Đô thành phía đông nam có một cái hồ rất nhỏ. Người ta dùng nước nầy để dập lửa cháy. Từ đây lại đi về nước Tỳ Xá Ly, phía nam đi qua sông Hằng, đến nước Ma Kiệt Đà.

- 150 -

Quyển thứ tám (1 nước)

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 51, thuộc Sử Truyện bộ thứ 3, từ trang 867 đến trang 948, gồm 12 quyển, do Ngài Huyền Trang đời nhà Đường dịch Ngài Biện Cơ soạn lại. Sa Môn Thích Như Điển,Phương Trượng Chùa Viên Giác , Đức Quốc dịch từ tiếng Hán sang tiếng Việt quyển nầy bắt đầu từ ngày 22 tháng 11 năm 2003 tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợitrong mùa nhập thất với sự trợ dịch của Tỳ Kheo Thích Đồng Văn,Tỳ Kheo Thích Hạnh Giới. Thứ tự kinh văn số 2087.

Nước Ma Kiệt Đà. (Phần một.) Nước Ma Kiệt Đà chu vi năm ngàn dặm. Trong thành nhỏ có nhiều người ở. Đất đai màu mỡ dễ dàng trồng trọt, có nhiều loại lúa hạt rất to, mùi thơm đặc biệt và màu sắc lóng lánh. Tục lệ hay dùng lúa gạo để cúng dường. Đất trồng trọt nằm dưới thấp. Cư dân ở miền cao. Sau mùa hạ và trước mùa thu, dân chúng bơi thuyền trên sông. Phong tục thuần chất. Khí hậu ôn hòa. Rất ưa học hỏi và tôn kính Phật Pháp. Có hơn 50 ngôi Già Lam, và 10.000 tăng sĩ. Có nhiều phái tu tập theo Đại thừa giáo, có 10 ngôi đền thờ. Ngoại đạo sống hỗn tạp. Phía nam sông Hằng có một

thành cổ, chu vi hơn 70 dặm, đã hoang phế chỉ còn lại dấu tích ngày xưa. Chuyện xưa kể lại rằng nơi đây có người tuổi thọ không lường được. Thành nầy có tên là Câu Tô Ma Bổ La (Hương Hoa Cung Thành) Vương cung có nhiều hoa nên gọi như vậy. Đa phần người ta sống thọ đến 1000 tuổi. Cho nên có tên gọi là Ba Tháp Phóng Tử Thành (Ba Liên Phất). Đầu tiên có người Bà La Môn học rộng tài cao, có hơn 1000 người học trò đến học. Những người học trò đó từ xa đến tham học. Có một thư sinh bồi hồi thất vọng. Người đồng liêu hỏi: - Sao mà buồn thế? - Có nhiều việc ràng buộc và ám ảnh. Thời gian năm tháng chất chồng mà không thành công học nghiệp, nhớ lại việc nầy mà lo buồn vậy thôi. Người bạn đồng học vui miệng nói rằng: - Anh nên đi tìm vợ đi. Kế đó giả lập ba người bên nhà trai và hai người bên nhà gái cùng ngồi nói chuyện với nhau dưới gốc cây, thì người con gái trong cây nghe - 152 -

được. Lúc ấy cây đang ra trái tốt đẹp bày ra đám cưới mong muốn được kết duyên. Cha cô gái nhận được cành hoa của người thư sinh và nói rằng: - Thật là tốt thay không có lời nào nói hết được Tâm hồn của thư sinh rất là vui vẻ. Mặt trời lặn xuống trở về lưu luyến không cùng. Người bạn đồng học nói rằng: - Trước chỉ nói vui vậy mà bây giờ thành tốt thật. Trong rừng lúc ấy, những con thú dữ đang tàn sát với nhau mà thư sinh kia thì hay tới lui gốc cây nầy. Khi màn đêm buông xuống ánh sáng khác trong rừng nổi lên, tiệc cưới bày ra la liệt. Trong chốc lát thấy lão ông đến an ủi, dẫn theo một người thiếu nữ. Tân lang từ trong bước ra với y phục đẹp đẽ và âm nhạc tấu lên. Ông già chỉ thiếu nữ và bảo: - Đây là phòng của vợ chồng con. Thế rồi họ ca hát yến tiệc trong bảy ngày. Người bạn học nghĩ rằng bạn mình bị thú dữ hại nên mới đi tìm. Liền thấy ngồi một mình dưới tàng cây mà đối đáp với người khách ở bên trên, người bạn bảo cùng đi về mà hắn chẳng chịu theo. Sau đó tự vào trong thành để gặp người thân, nói lại đầu đuôi câu chuyện. Nghe xong người ta kinh ngạc, những người bạn cùng đi vào trong rừng và thấy cây hoa là một con người đi qua đi lại được. Lão ông là người tiếp ruớc nói chuyện, bày bánh tấu âm nhạc cho khách nghe. Khi các người bạn trở lại thành thì báo tin cho xa gần biết rằng cuối năm thì sanh được một đứa con trai. Đồng thời người vợ nói: - Em bây giờ phải trở về nhưng chưa muốn xa lìa, mà thích ở lại cho qua mùa lạnh. Người vợ nghe đầy đủ và thưa với Lão ông, đoạn thư sinh nói: - Niềm vui của con người há phải có quê hương. Nay ta sẽ làm phòng ốc không khác điều mong ước của con và cho người làm việc nầy thành công không tới một ngày. Thành Hương Hoa cũ dời sang ấp nầy vì người con cũ của vị thần xây nên thành nầy. Từ đó về sau, thành nầy có tên là Ba Tháp Phấn Tử. Phía bắc của cố cung có một trụ đá cao hơn mười thước là nơi mà Vua A Dục cho làm một cái địa ngục. Sau khi đức Thích Ca Nhập Niết Bàn một trăm năm, Vua A Thâu Giá (A Dục Vương) là cháu của Vua Tần Tỳ Ba La (Tần Bà Sa La). Từ thành Vương Xá đã dời đô về Ba Thát Phấn, - 153 -

kiến trúc phía bên ngoài vòng thành cổ. Năm tháng trôi qua chẳng còn dấu tích; bây giờ chỉ lưu lại nền móng mà thôi. Ở đây Già Lam, Đền Thờ cùng Bảo Tháp dấu tích còn lại hơn cả trăm. Nhưng loại tốt chỉ còn hai ba cái. Phía bắc của cố cung, giáp với sông Hằng, bên trong thành nhỏ có độ ngàn nóc nhà. Sau khi Vua A Dục tức vị liền cho xây dựng nên một địa ngục để tác hại sanh linh. Chu vi rất rộng rãi có nhiều chỗ ở, có hầm lửa, có nước dâng, có đao kiếm cùng các cực hình và các chỗ thọ khổ bắt những kẻ

hung ác làm ngục chủ. Đa phần là những người phạm tội trong nước, chẳng kể tội nặng, tội nhẹ đều bị bôi than, sau đó đem nhốt vào ngục, sau đó mới giết. Mọi người chết rồi bịt được miệng hết. Lúc bấy giờ có một vị Sa Môn mới nhập chúng, khi đi khất thực thì gặp cửa ngục nầy. Thấy kẻ hung nhân bị sát hại. Sa Môn hoảng kinh mong được sám hối, đoạn thấy người khác bị trói cho vào ngục, chặt hết chân tay và phá hủy hình hài, thân thể gập xuống. Sa Môn thấy vậy tăng thêm phần bi ai, liền quán về vô thường chứng quả Vô Học. Ngục tốt nói: - Có thể chết được! Sa Môn liền chứng Thánh quả, lòng thương sanh tử, tuy vào nước đồng sôi, nhưng ở hồ nước thanh tịnh, có hoa sen lớn rồi ngồi trên đó. Lúc ấy ngục chủ mới kinh hãi liền thưa lên với Vua. Vua liền thân chinh đến quan sát và tán thán sự linh nghiệm đó. Ngục chủ nói: - Đại Vương cũng sẽ chết. Vương hỏi: - Thế nào? Đáp rằng: - Nhà Vua không bị mệnh lệnh mà thọ ngục hình. Phàm đến ngục kia, tất cả đều bị sát hại. Dẫu là Vua, cũng không thể khỏi chết. Vua nói: - Luật Pháp định chế như vậy rồi, không thể sửa đổi được. Ta trước chưa chết, há rằng ngươi khỏi sao? ngươi liệu có sống lâu để đáp được lời của ta chăng? Liền ra lệnh cho ngục tốt xô vào hầm lửa. Ngục chủ chết, Nhà Vua thoát khỏi. Ngày nay, tường đã đổ, hào đã lấp không còn hành hình nữa. - 154 -

Phía nam của địa ngục không xa, có một Bảo Tháp bị xiêu vẹo, chỉ còn lại trục chính. Trục đá chính nầy trang sức như những lan can, tức là một trong tám mươi bốn ngàn Bảo Tháp do Vua A Dục cho nhân công kiến tạo nơi cung điện nầy. Trong đó có một đấu Xá Lợi của Như Lai rất linh hiển và thường phóng quang rực rỡ. Sau khi Vua A Dục bỏ địa ngục kia, gặp gỡ thân cận với sự hộ trì của các bậc A La Hán. Dùng phương tiện thiện xảo tùy cơ nghi mà hóa đạo. Nhà Vua thưa với A La Hán rằng: - Hạnh phúc thay! Nhờ những phước báo của đời trước mà ngồi vào ngôi vị được mọi người tôn kính, nhưng có chướng lụy nên không được gặp Phật giáo hóa. Bây giờ chỉ có di thân Xá Lợi của Đức Như Lai cho nên muốn xây dựng những Bảo Tháp. Vị A La Hán nói: - Đại Vương đã có phước đức lớn, giúp cho bá tánh và có tâm rộng rãi để hộ trì Tam Bảo. Tâm nguyện nầy đến lúc phát rộng ra, cũng như hiến đất đai tạo công đức như đức Như Lai huyền ký. Vua A Dục nghe xong tâm rất hoan hỷ, triệu tập các thần mà ra lệnh rằng: - Giáo Pháp của đức Phật làm lợi lạc tất cả các loài hàm linh nên phải vui mừng. Ta nay có túc duyên đời trước làm được bậc tôn quý trong loài người, nên phải cúng dường sửa sang di thân của đức Như Lai. Nay ra lệnh cho chư Thần hãy cùng ta hợp ý xây dựng tháp miếu để thờ Xá Lợi Phật tại cõi Diêm Phù nầy. Phát tâm là việc của ta còn công đức ấy có thành tựu hay không là việc của các ngươi, vì phước ấy có lợi lạc hay không ,không phải chỉ riêng một mình ta mà được. Khi tuyên bố việc đã xong, sau đó tiếp tục công việc. Chư Thần lãnh thọ Thánh chỉ rồi bắt đầu hưng công. Sau đó lại đến thỉnh cầu Vua A Dục để liên hệ với tám nước xây dựng các Bảo Tháp, rồi cho các vị Thần đem Xá Lợi vào thờ. Sau đó Vua nói với vị A La Hán rằng: - Ta muốn tất cả các nơi đều cùng lưu Xá Lợi. Tâm tuy là vậy nhưng sự việc khó thành. Vị A La Hán đáp: - Vua ra lệnh cho các thần đến kỳ hạn mà chưa ổn thì mới ra tay. Đến lúc đó mới đưa Xá Lợi vào. Vua y lời ra lệnh cho chư Thần như thế, phải làm trong một ngày. Sau đó Vua A Dục quan sát phong cảnh ngay giữa giờ Ngọ. A La Hán liền vận thần thông lấy tay che mặt trời và những nơi xây dựng đều được hoàn tất. Cùng lúc đó mọi việc xong xuôi,

bên cạnh Bảo Tháp nầy không - 155 -

xa có một Tịnh Xá, trong đó có một viên đá lớn còn lại dấu chân của Như Lai, chiều dài tám tấc, chiều ngang sáu tấc. Cả hai bên đều có hình luân xa và cả mười ngón chân đều có hoa văn. Có lúc có hình con cá chiếu ra ánh sáng. Ngày xưa khi đức Như Lai thâu thần tịch diệt, nhìn về nước Câu Thi Na ở phương bắc và hướng về nước Ma Kiệt Đà ở phương nam. Ngài đứng trên tảng đá nầy nói với ngài A Nan rằng: Đây là nơi cuối cùng ta lưu dấu bàn chân lại rồi sẽ nhập Niết Bàn. Còn nước Ma Kiệt Đà. Trong một trăm năm sau có Vua A Dục là vị mệnh thế quân vương sẽ đến đây đóng đô, hộ trì Tam Bảo, ra lệnh cho hàng trăm vị Thần và sau khi Vua A Dục tức vị sẽ thiên đô đến đây. Chung quanh di tích tảng đá nầy và sau đó xây dựng cung thành để thân cận cúng dường. Sau đó Vua các nước muốn đem tảng đá nầy đi, nhưng mọi người không ai có thể di chuyển nổi. Gần đây có Vua Thiết Thường Ca phá hoại Phật Pháp, muốn làm cho di tích tảng đá tiêu diệt, bèn đục bỏ đi những bài văn khắc lên đó, rồi cho người khiên vức xuống sông Hằng, nhưng sau đó tự nhiên trở về chỗ cũ. Bên cạnh Bảo Tháp có di tích của bốn vị Phật trong quá khứ đi kinh hành và ngồi thiền. Phía bên Tịnh Xá Phật tích không xa, có một trụ đá lớn, cao hơn ba mươi thước có ghi lại đại lược như sau: - Lòng tin của Vua A Dục rất kiên cố, ba lần phát nguyện cúng dường Phật Pháp Tăng ở cõi Thiệm Bộ Châu nầy, và đã ba lần các đồ trân bảo tự động bay đến. Lời nói như thế vẫn còn tồn tại. Phía bắc của cố cung có một phòng bằng đá lớn. Bên ngoài, đồi núi cao. Bên trong rộng rãi. Đây là nơi em của Vua A Dục xuất gia và bảo các thần xây dựng lên nơi nầy. Người nầy cùng mẹ với Vua A Dục tên là Ma Ê Nhân Đà La sanh từ dòng dõi quý tộc, được phong làm Vua, dân chúng xứ Xà Đa Tòng Bộ rất phẩn nộ, cho nên các lão thần trong nước thưa với Vua rằng: - Kiêu đệ tác oai tác quái quá lắm rồi. Phàm để kỷ cương được tốt đẹp phải lấy Luật nước để trị. Khi dân chúng hòa bình thì Vua chúa mới yên ổn. Đây là nguyên tắc tự ngàn xưa được dạy dỗ đến ngày nay. Mong cho tục lệ của nước còn tồn tại thì phải giữ lấy quốc pháp. Vua A Dục vì em mình khóc, nói rằng: - Ta thừa tự công việc nầy mà làm việc cho sanh linh. Làm sao đồng bào há có thể quên được cái lòng chiếu cố của ta. Không có khuông phò phép nước đừng nên đạp đổ pháp luật. Trên ta xấu hổ với tiên linh, dưới - 156 -

thì mọi người bức bách. Ma Ê Nhân Đa La cúi đầu tạ tội và nói rằng: - Chẳng tự mình cẩn trọng làm cho trái hiến, dám lụy vào hiến, xin cho tái sanh trong vòng bảy ngày. Hãy cho vào trong phòng tối giữ gìn cẩn thận. Đem đồ ăn để bên trên để cung cấp. Kẻ giữ phòng nói rằng: - Đã qua một ngày rồi còn sáu ngày nữa, đến ngày thứ sáu rất lấy làm lo lắng. Thân tâm thay đổi chuẩn bị chứng quả. Bay lên hư không dùng thần lực tìm ra khỏi trần tục. Xa rời phòng ở. Vua Asoka đích thân đến nói rằng: - Ngày xưa quốc lục của nước Câu rất nghiêm khắc. Há tự ý đi khỏi nơi đây để chứng Thánh Quả, xong rồi chẳng có hệ lụy nào trở lại nước sao? Người em đáp: - Xưa nay bị lưới ái ràng buộc tâm nầy vào âm thanh, sắc đẹp. Bây giờ ra khỏi chỗ nguy hiểm có ý đi khỏi sơn cốc nầy. Nguyện bỏ nhân gian vào trong hang động. Vua nói: - Muốn tâm được thanh tịnh hà tất phải ở chỗ núi non! Ta vì ý chí của ngươi sẽ làm cây đại thọ. Rồi ra lịnh chư thần rằng: - Ngày hôm sau ta chuẩn bị những đồ trân quý, ngươi cũng nên đến đó cùng ta. Mỗi người mang theo một tảng đá lớn để tự làm chỗ ngồi cho mình. Các quan quân

vâng mệnh đến vào nơi hội họp xong, vua bảo các quan rằng: - Hãy xếp những viên đá ngồi thành một cái phòng trống. Trong vòng một ngày các quan làm xong. Vua A Dục thân chinh đến bảo em ở phòng ấy. Phía bắc cố cung, có địa ngục, có một cái nồi đá, do Vua A Dục ra lệnh các vị thần tạo nên đồ đựng thức ăn cho Tăng. Phía tây nam của cố cung, có một núi đá nhỏ. Trong núi, có hơn mười động đá, Vua A Dục đã vì các vị A La Hán mà ra lệnh các quan tạo - 157 -

ra. Bên cạnh đó có một đài cao, cũng được dựng bằng đá. Phía dưới mặt hồ yên lặng trong suốt, mà người của nước láng giềng đến đây nói rằng đây là nước Thánh, nếu mà uống được nước nầy tội sẽ được tiêu diệt. Phía tây nam của núi có năm Bảo Tháp, chỉ còn nền móng xiêu vẹo, không biết cao bao nhiêu. Từ xa nhìn đến, thấy cao như núi và lớn cả hàng trăm bước. Người đời sau đã cho kiến thiết tu bổ lại trên đó những Bảo Tháp. Theo truyền ký của Ấn Độ nói rằng: - Ngày xưa khi Vua A Dục xây dựng xong 84.000 Tháp rồi, có dư năm đấu Xá Lợi cho nên đặc biệt đã tôn trí vào trong năm Bảo Tháp nầy để chế ngự nơi đây. Rất linh hiển kỳ dị. Có khi ngũ phần pháp thân của Như Lai biểu hiện ở nơi đây. Người nhẹ lòng tin thì bàn tán rằng: - Ngày xưa, Vua Nan Đà xây dựng Tháp ở nơi đây để chứa những trân bảo. Sau đó, vua chẳng có tín tâm sâu dày khi nghe lời dị nghị trước, bèn khởi tâm tham cùng với quân sư đến đây để khai quật lên, đất liền chấn động núi nghiêng mây che khuất mặt trời. Trong Bảo Tháp ấy có tiếng vang lên: - Đồ sĩ tốt voi ngựa! Nghe vậy, hoảng sợ bỏ chạy và nói rằng: - Sự dị nghị tuy nhiều nhưng mà chưa có điều gì xác nhận được. Bây giờ trông thấy điều nầy mới tin là sự thật. Phía đông nam của cổ thành có một ngôi chùa trong hang đá tên là Thát A Lam Ma, do vua A Dục kiến tạo nên. Đây là lúc Vua A Dục mới phát tín tâm đối với Phật Pháp, biết tôn trọng nên kiến thiết chùa để trồng thiện căn. Triệu tập cả ngàn vị Tăng hai chúng Thánh và Phàm và mang đồ tứ sự cúng dường chu cấp tất cả. Thời gian qua đi nơi nầy hoang phế chỉ còn lại dấu tích. Bên chùa có một Bảo Tháp lớn, tên là A Ma Lạt Già. Đó cũng là tên thuốc của trái cây Ấn Độ nầy. Khi Vua A Dục bị bịnh biết rằng không còn sống bao lâu nữa, muốn xả bỏ những đồ trân quý, muốn trồng ruộng phước, quyền thần chấp chính khuyên răn mọi người chớ có ham muốn. Từ đó về sau, khi người ta ăn thì còn giữ lại trái A Ma Lặt. Cuộc vui nửa chừng như trái cây vừa bị bỏng lửa. Liền hỏi các thần rằng: - Ai là chủ cõi Thiệm Bộ Châu nầy? Chư quan đáp rằng: - Chỉ có Đại Vương thôi.

- 158 -

Vua đáp: - Chưa hẳn thế. Ta nay không còn là chủ nữa. Ta chỉ có nửa trái cây nầy là còn nguyên đúng không? Giàu có trong thế gian nầy rất nguy hiểm cũng giống như là đèn trước gió. Tước vị càng lớn, danh càng cao, khi lâm chung cũng thiếu thốn thôi, thấy bị oai quyền đè bẹp. Thiên hạ cũng chẳng bằng nửa trái cây nầy, rồi ra lệnh cho các quan và nói rằng: - Đem nửa trái cây nầy vào trong vườn Gà cúng thí cho chúng Tăng. Hãy nói như thế nầy: - Ngày xưa có một ông chủ ở Thiệm Bộ Châu, bây giờ là Vua của nửa trái A Ma Lặt. Cúi đầu trước đại chúng tăng nguyện thọ cho bữa thí tối hậu nầy. Phàm ai có những gì sở hữu đều bị hoại diệt. Duy chỉ có nửa trái cây nầy còn tồn tại. Hãy thương những kẻ nghèo khó. Hãy trồng những phước đức lâu dài. Lúc bấy giờ trong

chúng có một bậc Thượng Tọa nói như thế này: - Đại Vương A Dục kiếp trước làm phước rất nhiều, bây giờ thân đã tật bịnh, gian thần nhiếp chánh, chứa của phi pháp mà cúng chỉ có nửa trái cây. Tuy nhiên họ thay vua đến cúng thí cho chúng Tăng. Liền bảo ông Tri sự đổ nước vào nấu canh cho chúng rồi thâu hạt lại, bắt đầu xây Bảo Tháp. Với ân đức đó Vua được khỏe mạnh trở lại. Phía bên tây bắc của Bảo Tháp A Ma Lặt Già có một chùa cổ, trong đó có một Bảo Tháp, thường nghe tiếng chuông. Nội chúng trong Già Lam, hơn 100 vị đều là những người đặc biệt học cao biết rộng đã bịt miệng được những kẻ ngoại đạo. Sau đó chúng tăng bị suy yếu. Nhưng mà những kẻ sau nầy chưa có ai kế tục giống như người đi trước được. Ngoại đạo lấy chuyện nầy để răn dạy. Các Ngoại đạo huấn luyện thành nghề nghiệp rồi phát thẻ triệu tập hàng ngày tăng lữ đến tại tăng phòng lớn tiếng bảo rằng: - Phàm đánh kiền chùy để triệu tập người học lại, thì kẻ ngu kia xin dừng đi đừng đánh nữa. Rồi thưa với vua để xem ai thắng bại. Vì ngoại đạo là những kẻ cao tài thật học còn tăng đồ nói về những vấn đề luận nghị rất thô thiển và cạn cợt, cho nên ngoại đạo bảo rằng họ đã thắng và từ nay về sau, chư Tăng ở chùa không được đánh kiền chùy để vân tập chúng nữa. Nhà Vua theo lời ước lệ như đã thảo luận đó. Tăng đồ nhận sự sỉ nhục rồi thối lui, suốt trong 12 năm trường không đánh một tiếng chuông nào cả. - 159 -

Lúc bấy giờ ở miền nam Ấn Độ có Bồ Tát Na Già U Sách Thụ Na (Long Mãnh) Từ thuở ấu thời đã nổi tiếng nhưng cắt bỏ ái ân để xuất gia tu học, nghiên cứu Diệu Lý và chứng được sơ địa. Có người đệ tử tên là Đề Bà, trí huệ minh mẫn, việc gì cũng biết bạch với sư phụ rằng: - Những vị ở tại thành Ba Thác Phấn đã chịu thua ngoại đạo không đánh kiền chùy. Ngày tháng như thế phải đến 12 năm. Bây giờ muốn phá tà thắp ánh đèn Chánh Pháp như núi cao cho mọi người thấy. Bồ Tát Long Mãnh đáp rằng: - Ngoại đạo ở thành Ba Thác Phấn là những kẻ bác học. Ngươi không thể đi một mình mà ta cùng đi với. Đề Bà thưa: Muốn phá cái đám cỏ mục kia, hà tất phải động đến núi. Con xin sự chỉ giáo và sám hối để đến điểm mặt bọn dị học kia. Thầy đã vững về giáo nghĩa của ngoại đạo rồi. Con sẽ tùy theo văn mạch bẻ gãy và giành ưu thế về sau nầy. Long Mãnh rõ nghĩa bên ngoài, còn Đề Bà phá cái lý bên trong. Bảy ngày sau thì Long Mãnh thua và tự thán rằng, thật là sai lầm khi dùng lời nói dễ để phá tà nghĩa kia. Còn có thể làm điều đó và chắc chắn được. Lúc bấy giờ Bồ Tát Đề Bà ở trên đài cao tiếng nói rằng: - Hỡi những người ngoại đạo của thành Ba Thác Phấn hãy nghe đây, nên triệu tập lại rồi thưa với Vua rằng: - Đã nghe ngài ra lệnh cho các Sa Môn không được đánh kiền chùy. Nguyện thừa mệnh lệnh ấy cho nên chư tăng lân cận chưa có thể vào thành, sợ rằng làm thế tức khinh xuất lời phán trước. Vua nghe điều nầy rồi, và y như trước cho nên khi Đề Bà đến thì không được vô thành. Khi nghe lệnh đó bèn mặc y khác bằng cỏ, thay vì mặc tăng già lê và giả làm người bịnh mới vào bên trong. Lúc đến thành, ngài bỏ đồ cỏ, mặc y vào như cũ. Đến tại Già Lam nầy, muốn dừng lại nghỉ ngơi, người ta biết mình, không có chỗ ở, nên ở trên lầu chuông. Buổi sáng tinh sương đánh chuông lớn lên, chúng tăng xem ra thấy là một du khách Tỳ Kheo, chư Tăng trong Già Lam truyền nhau hưởng ứng. Vua nghe hỏi việc nầy chưa biết thế nào cho nên đến chùa gặp hỏi Đề Bà, Đề Bà đáp rằng: - Phàm đánh kiền chùy là để tập trung chúng tăng, nếu như không dùng thì để làm gì? - 160 -

Người hầu Vua đáp rằng: - Trước đây Tăng chúng luận nghị bị thua cho nên không được đánh kiền chùy trong vòng 12 năm. Đề Bà nói: - Có việc ấy sao? Ta hôm nay đến đây muốn nghe Pháp Cổ. Sứ của Vua nói rằng: - Vị Sa Môn lạ thường kia, có muốn xấu hổ ở trước chân lý không? Vua triệu tập các học nhân mà ra quyết định rằng: - Nếu mà luận thua không chỉ mất tông môn mà còn phải tự sát để tạ lỗi. Nhân đây mà ngoại đạo dương cờ trống lên và đàm đạo những điều khác nữa. Bồ Tát Đề Bà liền thăng tòa đàm luận. Nghe điều hỏi trước, giảng ý nghĩa sau để bẻ gãy, chưa từng bị bại. Quốc Vương và đại thần chưa có hoan hỷ lắm, nhưng phải kiến tạo nên linh địa nầy để nhớ đến cái đức ấy. Phía bắc của Tháp đánh kiền chùy có một nền cũ, nơi ở của Bà La Môn Ngụy Biện. Tương truyền rằng phía bắc thành nầy có một Bà La Môn, sống một mình chẳng giao thiệp với thế nhân, là nơi nương tựa cầu phước của những con quỷ khác. Chúng thường đến hưởng ứng những khi nghị luận cao đàm. Chẳng ai có thể hơn được. Ngay cả những bậc học thức tài năng không ai địch nổi. Người dân mặc nhiên cung kính như một vị Thánh. Lúc bấy giờ có vị Bồ Tát tên là A Thấp Phược Lư Sa (Asavaghosa Mã Minh) biết khắp vạn vật, và thông suốt tam thừa. Một ngày nọ có người đến nói rằng: - Ông Bà La Môn nầy tuy không có thầy, nhưng sự học xưa nay ông chua cúi đầu trước ai cả, tuy là ở chỗ vắng vẻ nhưng tên tuổi của ông cao chất ngất. Các loài quỷ thần nương tựa nơi ông. Theo ngài, người đó là người như thế nào? Khi lời ngụy biện của ông phát ra không ai có thể đối lại. Nghe lời ông nói không ai có thể tường thuật lại được. - Để ta đến đó xem thử ông ta thi thố như thế nào! Nói xong liền đi đến thảo lư mà nói rằng: - Khâm ngưỡng đức lớn mà ngày tháng trôi qua, hạnh phúc thay với ý chí độc cư đó mà một Bà La Môn an nhiên ở ẩn, chưa vén màn đối diện cùng ai.

- 161 -

Ngài Mã Minh tâm trí cao vời rất là tự phụ nói lời ấy xong, liền thối lui mà bảo với mọi người rằng: - Ta biết kẻ đó rồi! Thôi! Ông ấy rõ ràng rồi. Ngài tâu lên Vua rằng: Mong Vua hứa khả cho một cuộc tranh luận với vị cư sĩ kia. Nghe như vậy, Vua sợ hãi nói rằng: - Thầy là ai? Nếu thầy chưa chứng tam minh và đủ lục thông, làm sao có thể luận được với ông ta? Vua ra lệnh đem xa giá thân chinh đến nơi biện luận. Lúc bấy giờ ngài Mã Minh luận Tam Tạng rõ từng lời. Tường thuật lại ý nghĩa lớn của Ngũ Minh, nói lên Diệu Lý ngang dọc cao thấp gần xa rõ ràng, bảo ông Bà La Môn thuật lại. Bồ Tát Mã Minh nói: - Thua rồi, Ông đọc lại đi. Lúc đó Bà La Môn ngậm miệng. Bồ Tát Mã Minh quát lên: - Sao mà khó giải thích vậy? Sự việc rõ ràng như thế mà không lãnh thọ được. Bộ có bệnh gì mà che đậy kinh dị vậy? Bà La Môn kinh hoàng đáp rằng: - Hãy dừng, hãy dừng. Mã Minh thối lui mà còn nói rằng: - Ông kia hôm nay nghe cái hư danh nầy mất rồi, chẳng còn tiếng tăm gì nữa phải thế không? Vua đáp rằng: - Chẳng phải là kẻ có đức lớn, ai là người có thể biết được tà đạo. Biết được người có triết thuyết tuyệt vời như vậy, trước sau chưa có ai hơn được. Đất nước mà có những vị lịch lãm như vậy quả thật đáng quý thay. Phía tây nam của thành có hơn 200 ngôi Già Lam, bên cạnh đó có Bảo Tháp, phát ra ánh sáng quang minh linh diệu. Mọi người ở xa gần, không ai không đến cầu nguyện. Nơi đây cũng là nơi di tích về việc kinh hành tọa thiền của bốn vị Phật trong quá khứ. Phía tây nam của ngôi Già lam cũ đi hơn trăm dặm, đến Già Lam Thi La Thích Ca Già. Trong vườn chùa có bốn chùa khác, mỗi chùa có - 162 -

ba tầng. Trên những tầng cao cửa thường mở, do cháu của Vua Tần Bà Sa La kiến tạo. Nơi đây đã tập hợp những bậc cao tăng thạc đức. Ở nơi thành khác, có rất nhiều người có học và thông minh đến từ nơi xa khác. Những người cùng chí hướng cùng sánh vai dừng lại nơi đây. Có hơn một ngàn Tăng Sĩ tu theo Đại Thừa. Ở ngay cửa giữa có xây ngôi tháp, bên trên có hình bánh xe Pháp Luân bằng đồng, phía dưới được điêu khắc rất đẹp. Trên trần và đòn dông đều chạm trỗ. Tất cả đều làm bằng đồng hoặc bằng vàng bao bọc những cây cột đều trang nghiêm. Giữa tháp thờ tượng Phật đứng cao ba thước. Phía bên trái có tượng Bồ Tát Đa La. Phía bên phải có thờ tượng Quán Tự Tại Bồ Tát. Cả ba tượng nầy tạc bằng đá quý rất uy linh mầu nhiệm, xa gần đều biết. Trong mỗi tháp như vậy có thờ một đấu Xá Lợi, ánh sáng linh diệu chiếu tỏa khắp gian phòng. Phía tây nam của Già Lam Thi La Ca Già, hơn 90 dặm, thì đến một ngọn núi cao. Đây là nơi u tịch linh thiêng. Có nhiều rắn độc và hang rồng quy tụ. Mãnh thú, chim lạ cũng đều ở trong rừng nầy. Ở trên đỉnh núi có một tảng đá lớn, trên đó có xây dựng Bảo Tháp cao hơn 10 thước là nơi Phật nhập định. Ngày xưa đức Như Lai đã giáng thần xuống nơi nầy. Ngài ngồi nơi tảng đá nhập vào Diệt Tận Định. Khi xả định, chư Thiên và chư Thần đem thiên nhạc và hoa đến cúng dường đức Như Lai. Lúc Như Lai xuất định chư Thiên rất cảm mộ và dùng vàng bạc xây Bảo Tháp nầy. Khi chư Thánh rời khỏi thì Bảo Vật biến thành hòn đá. Từ xưa đến nay chưa có ai đến đây. Người ta ngước nhìn lên núi cao, thấy có nhiều loại ánh sáng khác biệt, cũng như rắn lớn và mãnh thú quay quanh tảng đá nầy. Chư Thiên, chư Tiên và chư Thần cũng thường đến lễ bái. Phía đông của núi, có một Bảo Tháp, nơi đây ngày xưa đức Như Lai đã dừng lại để trông về nước Ma Kiệt Đà. Phía tây bắc của núi đi hơn 30 dặm. Lại có một Già Lam được kiến tạo trên đảnh núi.Có hơn 50 vị Tăng sĩ tu theo Đại Thừa giáo. Đây là nơi mà Bồ Tát Cù Na Mạc Đệ (Đức Huệ) hàng phục ngoại đạo. Đầu tiên ở trong núi nầy có một người ngoại đạo tên là Ma Đát Bà, tổ của Học Pháp Ngoại đạo Tăng Khư (Samkhya). Ông ta học thông cả nội và ngoại điển, được xem là một bậc tài đức đương thời, tiếng tăm chẳng ai bằng. Quân vương quý trọng giống như là quốc bảo, thần dân kính ngưỡng như một bậc gia sư, các nước láng giềng xa gần đều cung kính đức độ của ngài. Do đó ngài trở thành người thông thái. Trong ấp đó xây thành hai làng. Lúc bấy giờ ở Nam Ấn Độ có Bồ Tát Đức Huệ, từ nhỏ là người mẫn tiệp, sớm thông lãm tinh tường, học thông Tam Tạng, lý giải thâm sâu Tứ Đế. Khi nghe Ma Đạp Bà Luận thật thâm huyền và muốn - 163 -

đến tham cứu. Liền cho người mang thư đến rằng: Kính vấn an ngài Ma Đạp Bà được an lạc. Ngài quên đi sự lao nhọc mà tinh cần tu tập học thuật người xưa. Ba năm như thế nghe được tiếng tăm của ngài. Cả năm thứ hai và năm thứ ba, mỗi năm đều có người báo cho biết như vậy. Trong thư lại viết thêm rằng: - Năm nầy học nghiệp tối cao là như thế nào, tôi có thể đến được không xin cho biết? Ông Ma Đạt Bà cảm thấy lo lắng, bèn bảo các môn nhân trong thành ấp rằng. Từ nay về sau không được cho Sa Môn của đạo khác ở. Hãy theo tuyên cáo nầy đừng có vi phạm. Lúc bấy giờ ngài Đức Huệ Bồ Tát chống tích trượng đến. Người trong ấp theo lời dạy, không cho ở, và những người Bà La Môn nói rằng: - Người cạo tóc và ăn mặc cái gì mà khác người thế! Nói xong đi nơi khác, đừng ở lại nơi nầy. Bồ Tát Đức Huệ muốn cùng với Bồ Tát ở lại nơi ấp

ấy, bởi thế cho nên lấy tâm từ bi để từ tạ và nói: Vì cuộc đời mà ta tu hành tịnh hạnh, vì ý nghĩa cao cả mà ta tu tịnh hạnh. Tịnh hạnh không phải là việc thấy biết được. Khi Bà La Môn nghe như vậy mới đuổi ra khỏi làng. Ngài đi vào trong rừng sâu, mà nơi đó có mãnh thú rất hung bạo. Lại có một người tịnh tín sợ mãnh thú hại ngài, đưa cây đèn cho ngài và thưa với Bồ Tát rằng: - Nam Ấn Độ có Bồ Tát Đức Huệ, nghe nói muốn đến đây để luận nghị, cho nên người chủ của làng nầy sợ hãi mà nghiêm cấm không cho phép Sa Môn ấy dừng ở đây. Lại cũng sợ thú dữ, cho nên đi đến thảo lư kia để được an ổn. Đức Huệ nói: - Thật là khổ công cho ngươi quá. Ta là Đức Huệ đây Khi Thiện Tín nghe rồi, thân tâm cung kính thưa với Đức Huệ rằng: - Như vậy, ngài nên đi xa chỗ đây đi. Sau đó ngài rời khỏi rừng và dừng lại nơi một đồng trống. Người Tịnh Tín cầm đuốc đi theo hầu hai bên, rồi thưa với Đức Huệ rằng: - Có thể đi được rồi đấy. Sợ người nghe tiếng nói đến làm hại được. Đức Huệ cảm tạ không bao giờ quên đức đó, đi đến Vương cung nói - 164 -

với người gác cổng rằng: - Có một Bà La Môn từ xa đến, kính mong nhà vua hứa khả cho nghị luận cùng Ma Đạt Bà Vua nghe xong kinh ngạc, tự hỏi người nầy là ai thế, dám to gan vậy. Liền ra lệnh cho người đến chỗ Ma Đặt Bà và tuyên thánh chỉ: - Có một vị Sa Môn của đạo khác muốn đến đây để đàm luận. Ta ra thông báo cho gần xa biết ở nơi luận trường. Hãy đến nơi đó và nên tuân chỉ. Ma Đặt Bà nghe lệnh của Sứ Vua liền nói: Há chẳng phải là luận sư Đức Huệ đến từ Nam Ấn sao? - Đúng Ma Đáp Bà nghe xong chẳng vui, nhưng sự việc khó từ chối, nên phải đến nơi luận trường. Quốc Vương, Bá quan, sĩ thứ trăm họ, đều tập trung muốn nghe sự đàm luận cao siêu nầy. Đức Huệ đầu tiên, tuyên lập ý nghĩa của tông mình và trình bày tất cả diệu nghĩa. Ma Đạt Bà từ chối vì tuổi cao, huệ kém, nhờ ông Quy Tinh Tư phương Thù đến để vấn nạn. Nói xong rồi bỏ đi. Hôm sau lại lên tòa để đàm luận cũng chẳng có điều gì khác, cho đến ngày thứ sáu thổ huyết mà chết. Với việc ra đi nầy, người vợ nói rằng: - Ngài là bậc cao tài, thật không có gì xấu hổ. Ma Đáp Bà chết nhưng không phát tang, cứ để như thế mà đến luận nghị tiếp. Trong chúng có người nghi ngờ, mới nói: - Ma Đáp Bà tự phụ tài cao rất hổ thẹn đối với Đức Huệ, cho nên người vợ đến phân bua tốt xấu. Đức Huệ Bồ Tát nói với y rằng: - Ngươi nên tự chế phục mình, ta tự chế ta rồi. Vợ của Ma Đáp Bà biết khó khăn nên thối lui, đoạn Vua hỏi: - Với lời lẽ bí mật nào mà làm cho yên lặng như thế? Đức Huệ thưa: -Tiếc rằng khi Ma Đạp Bà chết rồi, vợ hắn đến muốn luận nghị. Vua hỏi: - Làm sao biết được nói cho ta rõ với. Đức Huệ thưa: - 165 -

Vợ ông ta đến với sắc diện tang thương. Nghe lời nói đầy ai oán mà tôi biết vậy! Ma Đạp Bà đã chết, có thể cô ấy nên tự chế để lo cho chồng. Lúc bấy giờ Vua cho người đi xem hư thật, thì đúng như vậy. Vua bèn cảm tạ rằng: - Phật pháp huyền diệu linh thiêng vô kể. Đạo Vô Vi làm cho tất cả hàm linh được nhuận hoá. Nương vào quốc pháp mà tuyên dương cái đức nầy vậy. Đức Huệ thưa: - Chớ có ngu muội vì đạo mà tồn tại. Việc nghị luận sẽ mang đến sự hấp dẫn. Trước tiên là để chế ngự sự ngã mạn của ngoại đạo rồi nhiếp hóa là việc làm hợp thời. Mong rằng Đại Vương hãy cho tất cả con cháu ngàn đời ở trong thành của Ma Đạp Bà, sung vào người phụ việc cho chùa, được như thế cho đến đời sau lưu lại điều tốt đẹp vô cùng. Những người tịnh tín khuông phò kia, nhờ vào phước đức mà có ăn, giống như chư tăng vậy, nên siêng năng tinh tấn để có được cái

đức dày. Từ đó kiến tạo Già Lam nầy trở thành một thánh tích. Sau khi Ma Đạp Bà nghị luận thưa, có khoảng mười Tịnh Hạnh nhơn bỏ sang nước lân cận, thông báo cho các ngoại đạo về việc sỉ nhục nầy chiêu mộ anh tài, vào trong núi tuyết nhớ lại việc tranh luận trước. Vua bây giờ trân kính Đức Huệ cho nên cùng nhau đến thưa rằng: - Bây giờ các ngoại đạo không tự lượng sức mình nên đã liên kết lại cùng luận nghị. Mong rằng Đại Sư có thể luận nghị với ngoại đạo chăng? Đức Huệ tiếp: - Cùng nghị luận, những người ngoại đạo học nhân, họ đã an ủi với nhau, còn ta chắc rằng hôm nay sẽ là ngày tất thắng. Lúc bấy giờ ngoại đạo dương cao nghĩa lý và Bồ Tát Đức Huệ nói: - Ngoại đạo các ngươi khó mà đào thoát đi xa được. Như điều lệ trước Vua đặt ra, các ngươi là bọn giặc. Ta như thế nầy mà cùng các ngươi luận nghị sao! Đức Huệ ngồi yên để nghe những luận nghị bàn tán nhỏ to, chờ cho họ đứng lên rồi và nghe có nhiều tiếng nói lớn, Đức Huệ vẫn ngồi đó và nói rằng: - Cái giường đây, các anh có thể luận được không? Ngoại đạo ngơ ngác không hiểu khi nghe mệnh lệnh nầy, bèn dựng đứng chỗ ngồi lên nhưng không được. Mọi người hô to đồng làm nhưng - 166 -

cả ba lần đều thất bại. Chỗ ngồi kia càng nặng thêm. Từ sự hàng phục nầy mà nơi đây đã dựng làm ngôi Già Lam Từ phía tây nam của Già Lam Đức Huệ đi đến Cô Sơn. Lại có một Già Lam, Ngài Thi La Phạt Đa La (Silabhadra) luận sư đã thắng trong một cuộc tranh luận tại nơi đây và xây dựng thành một ngôi tháp và an trí Xá Lợi Phật. Luận sư là người Vương tộc nước Tam Ma Đản Tháp, thuộc dòng dõi Bà Là Môn. Lúc nhỏ ham học và có phong cách, hay đi khắp Ấn Độ để tìm cầu Minh Triết. Đến nước nầy thuộc chùa Na Lan Đà, gặp ngài Hộ Pháp Bồ Tát. Nghe Pháp tín ngộ rồi mong muốn mặc áo hoại sắc, để nghiên cứu tầm cầu cho thấu đáo, hay hỏi về con đường giải thoát, cho đến rõ lý mới thôi. Tiếng tăm lúc bấy giờ lan xa ra nhiều nơi. Lúc bấy giờ ở nam Ấn có một ngoại đạo rất giỏi nghe tiếng tăm của ngài Hộ Pháp liền khởi lên ngã mạn khinh thường, chẳng ngại núi sông cách trở, đến đánh trống để tranh luận, nói rằng: - Tôi là người Nam Ấn, là một đại luận sư trong nước đó. Tôi tuy chưa hài lòng và muốn rõ ràng ý nghĩa, rồi Vua nói: - Có như vậy sao thật sự mốn phải biết ý nghĩa thật sự sao? Rồi ra lệnh Sứ Thần thỉnh ngài Hộ Pháp rằng: - Có một ngoại đạo từ Nam Ấn xa xôi đi hơn ngàn dặm đến cầu tranh luận. Muốn Ngài đến đạo tràng để cùng tranh luận. Khi ngài Hộ Pháp nghe xong liền mang y áo đến cùng môn nhân là ngài Giới Hiền cùng đi theo. Kẻ đến trước bảo rằng: - Đi đâu mà vội vàng vậy? Ngài Hộ Pháp đáp: - Kể từ khi mặt trời trí huệ lặn xuống, ánh sáng được truyền qua những ngọn đèn tịch chiếu. Những ngoại đạo hợp lại với nhau như kiến, với những học Thuyết khác tỏa ra như ong đi hút mật. Hôm nay, ta cùng với họ tranh luận. Ngài Giới Hiền thưa: - Bạch Ngài, con có nghe luận của ngoại đạo rõ ràng rồi. Ngài Hộ Pháp biết vậy rất vui mừng. Lúc bấy giờ ngài Giới Hiền tuổi khoảng 30. Ở trong chúng thường bị chê là nhỏ, sợ khó mà đảm nhận một mình được. Ngài Hộ Pháp biết được tâm của chúng nên tâm rất bất bình, liền giải thích rằng:

- 167 -

- Là bậc cao minh đâu có cần tuổi tác. Nay ta quán thấy có thể chắc chắn phá được kẻ kia. Đến ngày tập trung để nghị luận, xa gần đều náo nức, ngoại đạo thì tự nghi rằng

mình sẽ thấu triệt hết lẽ u huyền. Nhưng trong khi đó Giới Hiền nương chân lý chân thật, biết được cực sâu của lẽ u huyền. Do đó ngoại đạo cuối cùng đã xấu hổ mà thối lui. Nhà Vua muốn báo đức nầy nên phong ấp nhưng luận sư từ chối nói: - Kẻ đắp y hoại sắc luôn luôn tri túc, sống thanh bần thủ đạo, cần thành ấp làm gì? Nhà Vua đáp: - Ngày xưa đấng Pháp Vương dong thuyền đó đây, không riêng biệt cho ai, và cho người đời sau nào hết. Nay, vì hoằng dương Chánh Pháp xin ngài hứa khả nạp thọ. Thế rồi luận sư chẳng từ chối được cho nên thọ nhận ấp nầy tạo thành Già Lam cùng các quy cũ. Sau đó ngài cúng dường lại và ra đi. Phía tây nam chùa của ngài Giới Hiền đi hơn 45 dặm qua sông Ni Liên Thiền, đến thành Dà Gia (Gaya) nơi nầy rất hiểm yếu cho nên ít người ở, chỉ có độ hơn 1000 người Bà La Môn. Có đại tiên nhơn nối dõi ở đây. Vua cùng đại thần đều tôn kính. Ở phía bắc cách 30 dặm có một hồ nước trong, mà người Ấn Độ tương truyền rằng là hồ nước Thánh, nếu uống vào tội cấu sẽ tiêu trừ. Phía tây nam của thành hơn 5.6 dặm đến núi Gaya. Nơi đó có động đá rất nguy hiểm. Người Ấn Độ gọi là núi linh thiêng. Từ xưa đến nay, Vua chúa cũng đều nhận như thế. Người ở xa đến đây tắm gội thì nhuần được ân đức của đời trước chưa nói gì đến việc thành công. Trên đỉnh núi có một bảo tháp cao hơn trăm thước do Vua A Dục dựng nên. Nhiều khi phát ra ánh sáng rất linh thiêng, chuyện xưa kể rằng: - Đức Như Lai khi diễn thuyết kinh nơi đây có mây lành bao phủ. Phía đông nam núi Gaya có một Bảo Tháp. Đây là làng của Ngài Ca Diếp Ba sanh ra. Phía Nam lại có hai Bảo Tháp. Đây là nơi hỏa thiêu ngài Dà Gia Ca Diếp Ba, và Na Đề Ca Diếp Ba. Từ phía đông nơi hỏa thiêu của ngài Dà Gia Ca Diếp Ba, qua con sông lớn đến Bát La Hấp Bồ Đề Sơn (Chánh Giác Sơn). Nơi đây Như Lai tu sáu năm khổ hạnh mà chưa thành Chánh Giác, và sau khi xả khổ hạnh rồi liền thọ bát cháo sữa. Tự đi về hướng đông bắc để đến núi nầy và mong được chứng thành Chánh Giác. Từ phía đồi đông bắc lên đến đảnh, đất tự nhiên rúng động nghiêng ngữa. Sơn thần kinh hoảng mới thưa với Bồ Tát rằng: - 168 -

- Núi nầy không phải là nơi thành Chánh Giác, chẳng phải là phước địa, nên dừng việc nhập kim cang định nơi đây. Đất hết rung chuyển và núi trở lại bình thường. Bồ Tát đi xuống phía tây nam đến lưng chừng núi, ngoảnh mặt thấy một hang đá lớn, ngài liền ngồi kiết già phu tọa. Đất đai liền chấn động một lần nữa núi lại nghiêng thêm. Lúc bấy giờ Tịnh Cư Thiên từ không trung xướng lên rằng: - Đây không phải là nơi đức Như Lai thành Chánh Giác. Từ phía tây nam đi hơn 14.5 dặm ruỡi cách nơi Khổ hạnh chẳng xa, có một cây Tất Bát La dưới đó có Kim Cang Tòa, mà chư Phật trong ba đời từ quá khứ đến vị lai đều thành Chánh Giác ở đây, và nguyện sẽ được thành tựu. Khi Bồ Tát đứng dậy ở trong không trung con rồng lên tiếng. Đây là nơi thù thắng có thể thành Chánh Quả ngưỡng mong đấng từ bi đừng bỏ qua. Bồ Tát liền biết rằng: - Không thể chối bỏ nơi đây, vì vậy cho nên Rồng biết ý rồi lưu ảnh lại mà đi. chư Thiên dẫn đường đi trước đến cây Bồ Đề. Về sau Vua A Dục hưng thịnh lên nơi chứng Bồ Đề trên dưới vẫn còn dấu tích. Tất cả chung quanh cây ấy đều được xây dựng những Bảo Tháp mà qua đó vô số đặc thù linh ứng khó tả, như mưa hoa từ trên trời rơi xuống và hào quang chiếu sáng u nhàn. Mỗi năm nhân mùa an cư, nhiều nơi tăng tục đến đây tu phước cúng dường, lòng tin bất hoại. - Phía trước núi Chánh Giác hướng tây nam đi hơn 14 dặm ruỡi, đến gốc cây Bồ Đề. Chung quanh nơi đây được bao bọc bởi gạch đá kiên cố, phía

đông tây dài phía nam bắc hẹp. Chu vi hơn 500 bộ. Cây nầy soi bóng xuống hồ nước có hoa sen, nhiều cây cỏ hoa lá xanh tươi màu biếc. Cổng chánh phía đông đối diện với sông Ni Liên Thiền, cổng phía nam nối tiếp với hồ lớn đầy hoa. Phía tây thì nguy hiểm. Phía bắc thông qua đại Già Lam. Trong vườn đất đai rất rộng. Bên cạnh Thánh tích hoặc có Bảo Tháp hoặc làm tịnh xá do các Vua và đại thần ở các nước tại Thiệm Bộ Châu thừa sự Di Giáo của đức Phật mà kiến tạo để kỷ niệm. Ngay dưới gốc cây Bồ Đề là Kim Cang Tòa mà ngày xưa lúc hiền kiếp, đất nơi đây từ phía dưới tự nhiên nổi lên như vậy. Trong tam thiên đại thiên thế giới, phía dưới cùng là bánh xe vàng, phía trên cùng là phủ bằng đất để trở thành Kim Cang, chu vi hơn 100 bước. Trong hiền kiếp có một ngàn vị Phật đã ngồi nơi đây mà nhập Kim Cang định cho nên gọi là Kim Cang Tòa, để chứng thánh quả. Lại có tên là đạo tràng. Khi đại địa chấn động, không bao giờ lay chuyển. Cho nên Như Lai thành Chánh Giác. Đất bốn phía nầy có giao động nhưng sau khi đến rồi trở nên an tịnh - 169 -

không giao động nữa. Đến thời Mạt Pháp cuối cùng, Chánh Pháp không còn gì nữa, nơi nầy sẽ bị đất cát phủ lên không thấy được nữa. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, Vua chúa các nước cùng đến nghe Phật Pháp tại Kim Cang Tòa rất nhiều. Có hai tượng toàn thân của đức Quán Tự Tại Bồ Tát ngồi ở phía Tây Bắc, mặt xây về hướng đông. Nghe các bậc kỳ cựu nói rằng: -Tượng Bồ Tát nầy mà chìm hết thì Phật Pháp sẽ diệt tận, và bây giờ đã thấy tượng Bồ Tát ở đó đã chìm đến ngực rồi. Trên Kim Cang tòa là gốc cây Bồ Đề, tức là cây Tất Bát La. Khi Phật còn tại thế cao hơn trăm thước, trải qua nhiều lần bị đốn chặt chỉ còn 45 thước. Phật ngồi dưới cây nầy thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác cho nên gọi đây là cây Bồ Đề. Gốc cây màu vàng, cành màu trắng, lá màu xanh. Mùa đông cũng như mùa hạ, màu sắc ấy không thay đổi. Mỗi năm đến ngày Như Lai nhập Niết Bàn, tất cả lá đều rụng hết, rồi được mọc trở lại. Ngày đó là ngày mà Vua các nước cũng như Tăng Tục số đến hàng vạn người, chả mời thỉnh mà ai cũng về. Dùng nước hoa, nước hương, sữa để gội rửa rồi phụng tấu âm nhạc cùng cúng dường hương hoa đèn nến luôn ngày không dứt. Sau khi đức Như Lai tịch diệt và lúc Vua Asoka mới lên ngôi đầu tiên theo tà đạo hủy báng Phật tích, khởi binh và thân chinh đến triệt hạ và chặt bỏ gốc cành lá thành từng khúc, rồi đem qua phía tây cách đó 10 bước chất đống lên, rồi ra lệnh Bà La Môn đốt lửa tế trời. Nhưng khói bay chưa hết bỗng nhiên sanh ra hai gốc khác, kỳ lạ trong ánh lửa mạnh đó lá vẫn còn xanh. Nhân việc nầy gọi là than của cây Bồ Đề. Vua A Dục thấy điều linh dị như thế liền hối quá, mang hương hoa và sữa để tưới vào gốc, liền sau đó tự nhiên gốc cây trở lại như cũ. Vua thấy điều linh dị như vậy càng thêm vui mừng, đích thân tu phước cúng dường và khi ra về rất vui vẻ. Vương phi là người tin theo ngoại đạo mật cho người đến lúc đêm tối chặt cây Bồ Đề một lần nữa. Nơi mà Vua A Dục thường hay kính lễ. Thấy như vậy, Vua vô cùng sầu não nên đến thành tâm kỳ nguyện hương hoa sữa nước tưới tẫm, qua một ngày cây mọc lại như cũ. Vua thâm kính lạ thường rồi cho lấy đá xây chung quanh cao hơn 10 thước mà bây giờ vẫn còn nhìn thấy đó. Gần đó có một ông Vương Giả Thường Già tin theo ngoại đạo, phỉ báng Phật Pháp và phá hoại Già Lam, chặt cây Bồ Đề, đào thành suối cho nước chảy đến tận gốc rễ, rồi lấy lửa đốt, lấy nước mía đổ xuống muốn cho tiêu tiệt vết tích đi. Mấy tháng sau, làm vua nước Ma Kiệt Đà tức là Bổ Sách Noa Phạt Ma. Cháu của Vua A

Dục nghe vậy than rằng: - 170 -

- Ánh sáng trí huệ mất rồi, chỉ còn có gốc cây dấu tích nơi Phật, mà nay cũng mất, làm sao người đời sau có thể thấy được. Liền cúi sát đất khóc thương thảm thiết, lấy sữa của ngàn con bò, đem đến tưới lên, chỉ trong một đêm thôi cây mọc trở lại cao hơn một trượng. Sợ sau nầy bị chặt phá nữa, cho nên cho xây đá chung quanh cao hai thước bốn tấc. Bây giờ cây Bồ Đề được yên ổn bao bọc bởi bức tường đá bên ngoài hơn một trượng. Phía đông cây Bồ Đề, có tinh xá cao 167 thước. Nền tảng rộng hơn 20 bộ, là loại đá xanh tẫm màu than. Bên trên tinh xá có tượng bằng vàng, bốn bức tường đều có tạo những hình lạ. Hoặc hình hoa sen, hình chư Thiên. Trên đó có những trái xoài bằng đồng. Phía đông giáp với những nhà cao xây cất cả ba tầng. Đòn dông của những nhà nầy nằm san sát bên nhau được điêu khắc chạm trỗ bằng vàng bạc ngọc ngà bao chung quanh. Bên trong phòng ốc cũng có ba tầng. Phía ngòai cửa tả hữu mỗi nơi đều có phòng riêng. Phía bên tả thờ tượng đức Quán Tự Tại Bồ Tát. Phía bên hữu thờ tượng đức Từ Thị Bồ Tát làm bằng bạc trắng cao hơn 10 trượng. Nơi tinh xá cũ nầy, Vua A Dục đã kiến tạo một tịnh xá nhỏ và sau đó có Bà La Môn xây rộng thêm. Đầu tiên, vị Bà La Môn nầy không tin Phật Pháp mà tin theo Đại Tự Tại Thiên hay nghe theo những thiên thần trong núi Tuyết và cùng người em đến đây cầu nguyện. Chư Thiên nói: - Phàm các nguyện cầu được phước quả. Điều được chẳng phải của anh, cũng chẳng phải tôi làm được điều đó. Bà La Môn hỏi rằng: - Tu phước gì có thể toại tâm toại ý? Vị trời đáp: - Muốn trồng giống lành, cầu phước điền tốt, nơi gốc cây Bồ Đề có thể thành Phật quả. Sau khi nghe xong liền trở lại cây Bồ Đề kiến lập đại tinh xá và tạo nên hồ nước lớn để cúng dường mong rằng ước nguyện sẽ thành tựu. Bà La Môn ấy theo lời dạy của chư Thiên nên phát đại tín tâm hồi đầu, người anh xây dựng tinh xá, người em đào ao cho có nước, và rộng tu cúng dường cần cầu tâm nguyện để mai sau được hưởng quả làm Vua, Đại Thần. thường được nhân duyên vào trong nơi nầy. Sau khi tinh xá hoàn thành liền chiêu mộ công nhân muốn làm tượng của Như Lai lúc thành Phật. Qua năm tháng chẳng có người nào có thể đáp ứng. Lâu - 171 -

sau, có Bà La Môn đến và bảo họ rằng: Chính ta đây có thể họa vẽ hình tượng Diệu tướng của Như Lai. Hai người bảo: - Nay muốn tạo tượng thì nhan sắc phải như thế nào? Đáp rằng: - Màu của khói hương. Nên để trong tinh xá một ngọn đèn thôi. Tôi sẽ vào đây, đóng cửa lại, sáu tháng sau mới mở ra. Lúc bấy giờ tăng chúng cứ như thế mà làm. Còn bốn ngày nữa đủ sáu tháng, tăng chúng liền mở xem thử, thấy trong tinh xá tượng Phật ngồi nghiễm nhiên kiết già phu tọa chân phải để lên trên, tay trái để lên trên tay mặt, mặt xây về hướng đông, hình dáng tự tại, ngồi cao bốn thước hai tấc, ngang hai thước năm tấc. Bệ thờ cao một thước năm tấc. Hai bên hông tám thước tám tấc. Hai vai sáu thước hai tấc, tướng hảo cụ túc, hình dáng từ bi thật đẹp. Tuy phía trên ngực bên phải chưa làm xong, mà đã thấy người vào cho nên thần biến mất. Chúng tăng buồn khổ than trách và bảo cho mọi người biết. Lại có một vị Sa Môn tâm tánh thuần hậu, nằm mộng thấy một Bà La Môn đến bảo rằng: - Ta chính là Từ Thị Bồ Tát, sợ công nhân không thể đo lường được dung nhan của bậc Thánh, cho nên chính ta đã đến để vẽ và làm tượng Phật, tay bên phải giống như đức Như Lai hàng phục ma binh khí ma chúng quây chung quanh, có một vị hiện ra giúp Phật hàng ma. Như Lai bảo

rằng: - Ngươi đừng sợ hãi. Ta dùng nhẫn lực mà hàng phục cho xong. Ma Vương đáp: - Ai là người có thể chứng được? Như Lai liền chỉ tay xuống đất mà nói rằng: - Sẽ chứng ở đây. Lúc bấy giờ vị địa thần thứ hai từ dưới đất liền chứng. Cho nên tượng bây giờ tay thả xuống như ngày xưa. Chúng tăng biết sự linh nghiệm đó nên hết buồn tiếc. Liền sơn lên phía bên trên chỗ chưa xong những đồ quý báu và trang trí những anh lạc quý giá trân bảo. Sau khi Vua Thiết Thường Ca chặt cây Bồ Đề rồi, liền muốn phá hoại tượng Phật nầy, nhưng khi thấy từ dung, tâm chẳng an, nên hồi giá trở về và ra lệnh đại thần rằng:

- 172 -

- Đập tượng Phật đi chỉ để lại tượng Đại Tự Tại Thiên. Quan quân y lời và than rằng: - Phá hủy Phật thì đời kiếp sẽ chẳng an, mà sai trái Vương mệnh thì mạng sống không còn mà gia tộc cũng bị diệt. Tiến lui đều khổ không biết làm sao! Đem lòng tín tâm mà tự sát. Bỗng nhiên trước tượng gạch ngói đổ xuống, thấy ánh đèn phía trước bay về cõi Tự Tại Thiên. Vua nghe như vậy lòng rất lo sợ sai người đến xem thử, thấy tượng vẫn không hề gì. Các thần sau khi phá trở lại, đập bức tượng nầy. Lúc ấy trải qua nhiều ngày ánh đèn vẫn không tắt. Tượng vẫn còn tự tại. Thần sắc vô cùng. Ở bên trong căn phòng ngọn đèn vẫn cháy liên tục. Muốn thấy từ nhan nhưng chưa rõ được. Vào một buổi sáng mang một tấm kính lớn để chiếu lại thì thấy linh dị vô cùng. Phàm kẻ nào thấy được tự tăng lòng cảm thương. Như Lai đã thành Chánh Giác theo lịch Ấn Độ vào nửa đêm ngày mồng tám tháng Phệ Xá Khư, nhằm ngày mồng tám tháng ba bây giờ. Trong khi đó theo Thượng Tọa Bộ nói rằng Như Lai thành Chánh Đẳng Chánh Giác vào nửa đêm ngày 15 tháng Phệ Xá Khư tức là ngày 15 tháng 3. Lúc ấy Như Lai 30 tuổi, hoặc có nơi nói Như Lai 35 tuổi. Phía bắc nơi cây Bồ Đề là nơi kinh hành của đức Phật. Sau khi Như Lai thành Chánh Giác, Ngài không rời khỏi tòa ngồi, có bảy ngày nhập định. Sau đó đứng lên và đi về phía bắc của cây Bồ Đề, rồi bảy ngày sau nữa đi qua lại hướng đông và hướng tây. Đi hơn mười bước có bông hoa quý hiện lên dưới chân ngài. Người đời sau nhân đây mà khắc thành dấu tích, cao hơn ba thước. Tương truyền rằng Thánh tích nầy là nơi tu hành đoản kỳ của con người, đầu tiên thành tâm phát lời nguyện sau đó sẽ được độ, tùy theo sự tu học dài ngắn và sự thành tâm sẽ được tăng giảm. Đường đi phía bắc nơi kinh hành có một tảng đá lớn, trên đó có một tịnh xá, trong đó có tượng Phật mắt ngước lên. Ngày xưa, đức Như Lai ở nơi nầy bảy ngày để hướng về cây Bồ Đề mắt đăm chiêu không nháy vì để cảm ơn cây Bồ Đề cho nên ở đây gọi là nơi chiêm vọng. Phía tây cây Bồ đề không xa, trong đại tinh xá có một tượng bằng ngọc sáng, trang sức rất là tân kỳ. Ngồi xây mặt về hướng đông. Phía trước có một tảng đá xanh có chạm nhiều chữ lạ. Đây là nơi đức Như Lai sau khi thành Chánh Giác, Phạm vương tạo nhà Thất Bảo, Đế Thích xây chỗ ngồi Thất Bảo và Phật đã ở nơi đó bảy ngày để tư duy. Ngài phóng quang minh chiếu xuống cây Bồ Đề. Các vị Thánh ra đi, lưu lại dấu tích trên đá. Phía nam cây Bồ Đề chẳng xa mấy lại có một Bảo Tháp cao hơn 100 thước, do Vua A Dục dựng nên. Sau khi tắm dưới sông Ni Liên, Bồ Tát đi đến cây Bồ Đề, phải tự mình suy nghĩ lấy gì để làm chỗ ngồi và tự nghĩ - 173 -

ra phải lấy cỏ Cát Tường. (Kusa). Thiên Đế Thích hóa thân làm người cắt cỏ mang đi trên đường. Bồ Tát hỏi: - Ta có thể dùng cỏ ngươi đang mang đó chăng? Người biến hóa đó nghe như vậy phát tâm cung kính dâng cỏ cho Bồ Tát. Nhận xong, Bồ Tát đi đến phía trước. Phía đông bắc chỗ nhận cỏ không xa mấy có một Bảo Tháp. Đây là nơi Bồ Tát sẽ chứng Phật quả. Những con công xanh và con nai quây quần quanh đây. Ấn Độ là nơi có nhiều linh ứng, cho nên trời Tịnh Cư tùy thuận thế gian nầy để hóa hiện ra những loài bay nhảy linh hiển như thế. Con đường phía đông nơi cây Bồ Đề hai bên đều có Bảo Tháp. Đây là nơi Ma Vương quấy nhiễu Bồ Tát. Khi Bồ Tát sắp chứng Phật quả, Ma Vương khuyên nên trở thành Luân Vương. Đề nghị ấy được nêu lên nhưng không được thực hành, mà còn làm ngược lại. Ma Vương biến thành người nữ để dụ dỗ Bồ Tát. Oai thần của Bồ Tát linh động biến hiện để trừng trị sắc đẹp kia. Khi dụ dỗ không được liền bỏ mà đi. Phía tây bắc cây Bồ Đề có một Tịnh Xá, trong Tịnh Xá ấy có thờ tượng Phật Ca Diếp. Tượng nầy thường hay phóng hào quang và người xưa nói rằng nếu có ai chí thành đảnh lễ và đi nhiễu bảy tuần, thì tại nơi đây sẽ được túc mạng trí. Phía tây bắc của Tinh Xá Ca Diếp có hai phòng bằng gạch nung. Mỗi nơi đều có tượng địa thần. Ngày xưa, nơi đây đức Như Lai sắp thành Chánh Giác, một vị báo Ma Vương đến, một vị cảm niệm ân đức của Phật thành đạo mà vẽ đồ hình. Phía tây cây Bồ Đề chẳng xa mấy có một Bảo Tháp, đây là nơi có cây Nghệ (Uất Kim Hương). Tháp cao hơn 40 thước, do những thương nhân của người nước Tào Cự Thác lập nên. Tích xưa kể lại rằng: Có một đại thương chủ người nước Tào Cự Thác, có việc muốn tìm đến Thiên Thần để cầu phước lợi, khinh miệt Phật Pháp chẳng tin Nhân Quả. Sau đó, việc buôn bán với những người bạn không được gì hết. Lúc ấy, thuyền gặp gió lớn, trôi dạt trên biển Nam Hải. Gió trôi đánh bạt cả ba năm như thế, đồ ăn thức uống không còn một thứ gì. Những người cùng thuyền sớm tối không biết làm sao. Họ hiệp lực ra sức chí thành hướng về chư Thiên, khổ công khó nhọc nhưng chưa được việc gì, họ thấy được một đỉnh núi cao và hai ngày sau thấy được ánh sáng huyền diệu. Lúc bấy giờ thương nhân mới an ủi với nhau rằng: - Chúng ta có phước cho nên mới thấy được núi nầy. Nếu ở lại đó - 174 -

được thì chắc là an lạc. Thương chủ nói: - Chắc không phải núi đâu mà là con cá Ma Kiệt đó. Không thấy đỉnh cao chót vót sao? Hai ngày sau lại thấy ánh sáng chiếu rọi tiếp. Đang bàn cãi và nói chuyện chưa xong gió lại thổi. Thương chủ vì các thương nhân mà bạch rằng: - Con nghe đức Quán Tự Tại Bồ Tát thường cứu giúp chúng sanh gặp nguy hiểm. Bạch như thế xong, mỗi người thành tâm niệm danh hiệu ngài và chí thành. Hai ngày sau đỉnh núi kia biến mất. Họ thấy một Sa Môn uy nghi tịch tinh tay cầm tích trượng từ hư không mà đến giúp họ đến nước nầy. Do vậy tín tâm của họ kiên cố luôn luôn cầu phước chẳng thôi, rồi họ kiến thiết Bảo Tháp tu phước cúng dường và lấy màu Uất Kim Hương sơn chung quanh Tháp, rồi phát tín tâm cùng lòng tu học, mọi người đều đến lễ Thánh tích cùng quan sát cây Bồ Đề. Ai chưa phát được lời quy thuận, thì chờ đến ngày sám hối mà quy y. Những người thương nhân đồng đi đến và nói rằng: - Núi sông là nơi lo lắng mà quê hương cố quốc lại xa vời, cho nên kiến lập Bảo Tháp nơi đây, nhưng khi tôi ở tại đây ai là người quét dọn chăm sóc. Nói xong liền đi nhiễu, đến nơi nầy thì gặp Bảo Tháp, sợ hãi với lý do nầy cho nên đến đây chiêm

ngưỡng đảnh lễ và nơi quê hương cũng sẽ kiến tạo Bảo Tháp. Cho nên ngày nay ở Ấn Độ gọi là Tháp Uất Kim Hương. Phía đông nam cây Bồ Đề nhằm nơi cây Ni Câu Luật, lại có một Bảo Tháp bên cạnh có Tịnh xá, bên trong có tạo một tượng Phật ngồi. Đây là nơi Như Lai ngày xưa mới chứng Phật Quả. Đại Phạm Thiên Vương khiến thỉnh ngài chuyển Diệu Pháp Luân. Chung quanh bốn bên cây Bồ Đề đều có những Bảo Tháp lớn. Tại nơi đây ngày xưa đức Như Lai nhận cỏ kiết tường rồi đi đến nơi cây Bồ Đề trải qua bốn lần đại địa chấn động mới đến Kim Cang Tòa, sau đó mới an tịnh. Bên trong thánh tích đẹp đẽ là Cây Bồ Đề biến đổi khổ tai ách nạn. Phía bên ngoài cây Bồ Đề hướng tây nam có một Bảo Tháp là nơi nhà cũ của hai nàng mục nữ dâng bát cháo sữa (Cháo Nhũ Mi). Ở phía Bảo Tháp nầy, một cô nấu cháo đoạn dâng cháo cho đức Như Lai và ngài thọ nhận. Bên ngoài cửa phía Nam cây Bồ Đề có một hồ lớn, chu vi 700 bộ. Nơi đây rất nhiều cá và rồng. Hai anh em Bà La Môn theo y lệnh của Đại Tự - 175 -

Tại Thiên mà làm hồ nầy. Tiếp đó ở phía nam có một cái hồ nữa. Ngày xưa khi Như Lai mới thành Chánh Giác, ngài muốn tắm gội, Thiên Đế Thích hóa ra hồ ấy cho Phật. Phía Tây có một tảng đá lớn. Nơi đây đức Phật giặt y và muốn cho mau khô. Thiên Đế Thích từ trong núi Tuyết mang nắng đến. Phía bên Bảo Tháp, Như Lai nhận lại y nầy. Tiếp đến, trong rừng phía Nam có một Bảo Tháp, nơi đây Như Lai thọ nhận y áo của một Bà Lão nghèo. Đế Thích hóa ra một cái ao ở phía rừng, đó là cái hồ của Mục Chi Lân Đà Long Vương. Nước của hồ nầy xanh biếc vị trong ngọt. Phía tây của hồ nầy có một tinh xá nhỏ, bên trong có tạo một tượng Phật. Ngày xưa khi Như Lai mới thành Chánh Giác ở nơi đây nhập thiền định suốt bảy ngày. Lúc ấy Long Vương hầu hạ đức Như Lai rồi dùng thân mình quấn Phật bảy vòng, hóa thành nhiều đầu để làm cái lọng che Phật. Bên bờ hồ phía đông có một căn phòng và phía đông hồ Mục Chi Lân Đà Long Vương, ở giữa rừng có một tinh xá và trong tinh xá ấy có một tượng Phật. Đây là nơi kinh hành của Phật, chiều dài 70 bộ. Nam Bắc mỗi bên đều có cây Tất Bát La. Xưa nay những người bị tật bịnh hay dùng hương và dầu đến cúng dường nơi tượng nầy đa phần được khỏi bệnh. Đó là nơi Bồ Tát tu khổ hạnh. Như Lai hàng phục ngoại đạo, nhận lời thỉnh cầu của Ma Vương, tu khổ hạnh sáu năm, mỗi ngày ăn một hạt gạo và hạt lúa mạch, hình dung tiều tụy da bọc lấy xương. Ngài đi qua lại cây nầy và sau đó đứng lên. Nơi cây Tất Bát La mà Bồ Tát tu khổ hạnh có một Bảo Tháp. Đây là nơi mà năm anh em A Nhã Kiều Trần Như ở. Nơi đầu tiên Thái Tử rời khỏi hoàng cung, bàng hoàng trước núi sông cây cỏ. Lúc bấy giờ Vua Tịnh Phạn cho năm người đi tìm, biết rằng Thái Tử đang tu khổ hạnh với anh em Kiều Trần Như rất tinh cần. Phía nơi ở của anh em Kiều Trần Như đi về hướng đông nam có một tháp . Đây là nơi Bồ Tát vào sông Ni Liên tắm gội. Phía bên sông chẳng xa là nơi Bồ Tát thọ nhận bát cháo Nhũ Mi và phía hai tháp nầy có một trưởng giả hiến lúa mật. Đức Phật ngồi kiết già phu tọa dưới gốc cây điềm nhiên an tịnh, nhận được sự giải thoát an lạc, qua bảy ngày sau ngài từ định mà dậy. Lúc ấy có hai thương chủ đi từ rừng ngoài vào và bị thần rừng bảo các thương chủ rằng: - Thái tử dòng họ Thích đang ở tại nơi đây, sơ chứng Phật quả tâm thường nhập định đến 49 ngày rồi mà chưa thấy ăn. Tùy theo đó mà cúng dường tạo phước đức. Lúc ấy hai vị thương chủ mỗi người đều mang lúa mạch lên phụng cúng và Thế Tôn nạp thọ. Phía Trưởng giả hiến lúa mật lại có một Bảo Tháp, nơi mà Tứ Thiên Vương phụng cúng Bình

Bát, để thương chủ cúng lúa mật. Khi đó đức Thế Tôn đang nghĩ lấy đồ gì để đựng thì bốn vị Tứ Thiên Vương từ - 176 -

bốn nơi lại, mỗi vị đều mang bát vàng đến phụng cúng. Thế Tôn mặc nhiên không nạp thọ, vì người xuất gia không dùng bát quý nầy, đoạn Tứ Thiên Vương bỏ bình bát vàng dâng bình bát bạc, rồi pha lê, lưu ly, mã não, xa cừ, trân châu v..v... nhưng đức Thế Tôn không nhận tất cả những loại nầy. Tứ Thiên Vương phải lấy lại và cúng dường bát đá. Bát màu xanh lóng lánh rất nặng mang đến để hiến cúng. Lúc ấy đức Thế Tôn nhận tất cả bát nầy, rồi chọn một bát bên ngoài có chạm trỗ chung quanh. Phía bên Tứ Thiên Vương cúng bát có một Bảo Tháp, nơi mà Như Lai Thuyết Pháp cho mẹ. Sau khi thành Chánh Giác, được tôn xưng là Thiên Nhơn Sư. Mẫu Hậu Ma Gia nghe tin từ thiên cung xuống nơi nầy. Đức Thế Tôn theo căn cơ giáo hóa làm lợi lạc an vui. Nơi đây có một cái hồ, bên bờ hồ có một Bảo Tháp là nơi mà ngày xưa Như Lai thấy và có nhân duyên gặp gỡ các chư thần biến hoá. Ở phía bên nơi hiện thần biến hóa lại có một Bảo Tháp là nơi mà đức Như Lai độ cho ba anh em Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp cùng với hơn 1000 người đệ tử. Như Lai vì con đường thiện mỹ mà tùy cơ nghi ứng phó để hàng phục. Thế rồi, Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp cùng năm trăm người phát tâm hành trì theo lời Phật dạy. Ngài Ca Diếp nói : - Ta cùng với các ngươi hãy bỏ đường mê, đến đây theo Phật. Đức Như Lai bảo: - Hãy cởi tất cả y áo bằng da nai đốt đi. Lúc ấy các vị Phạm Chí cung thừa Thánh Giáo, cởi y phục bỏ xuống sông Ni Liên, nhận chìm xuống nước. Ngài Ca Diếp thấy y trôi lềnh bềnh để xem huynh đệ động tĩnh, thì thấy một số đã đổi y hoại sắc. Dà Gia Ca Diếp và hai trăm đệ tử nghe sư huynh mình đã bỏ pháp lại cũng đến nơi Phật cũng phát nguyện tu Phạm Hạnh. Nơi độ cho huynh đệ Ca Diếp, phía bắc lại có một Bảo Tháp, nơi đây là nơi mà Như Lai đã hàng phục con rồng lửa của Ca Diếp. Như Lai hóa thành người để chế phục con rồng lửa của Phạm Chí. Nửa đêm con rồng phun khói. Phật bèn nhập định liền nổi ánh sáng lên và động ấy tự nhiên phát ra ánh sáng dữ dội. Lúc ấy các vị Phạm Chí sợ Phật bị thiêu, không ai không chạy khỏi trong bi lụy thương tiếc. Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp vừa chạy vừa nói: - Nay thấy việc lửa cháy chưa xong đó là việc Sa Môn hàng phục rồng lửa. Như Lai bắt nhốt con rồng lửa trong bình bát, ngày hôm sau mang đến cho các ngoại đạo môn nhân xem.

- 177 -

Bên cạnh Bảo Tháp là nơi mà năm trăm vị Độc Giác cùng vào Niết Bàn một lượt. Phía nam của hồ rồng Mục Chi Lân Đà có một Bảo Tháp, đó là nơi mà ngài Ca Diếp cứu đức Như Lai bị ngập nước. Lúc bấy giờ huynh đệ ngài Ca Diếp vận dụng thần thông làm cho xa gần đều ngưỡng mộ mọi người đều quy y. Thế Tôn trên đường đi hóa đạo để nhiếp hóa mọi loài. Lúc ấy mây che và mưa lớn, nhưng chung quanh chỗ Phật ở không có một chút nước nào. Lúc ấy ngài Ca Diếp thấy mây mưa vần vũ như thế liền nói với môn nhân rằng: - Chỗ ở của Sa môn chắc chắn sẽ không thể không chìm xuống nước, phải dùng thuyền đến cứu. Lúc ấy đức Thế Tôn đi trên mặt nước như đi trên đất, đạp trên sóng rẻ nước ra. Khi nước rẻ ra cát liền hiện lên. Ca Diếp thấy như vậy cho nên tâm phục mà thối lui. Cửa ngoài bên phía đông nơi gốc cây Bồ Đề cách hai ba dặm có một cái phòng của con rồng mù. Con rồng nầy bị tai ương, vì túc nghiệp quả báo nhiều đời

nên sanh ra đã bị mù. Trước khi đức Như Lai từ núi Chánh Giác muốn đi thẳng đến cây Bồ Đề, giữa đường gặp một hang rồng. Con mắt rồng tự nhiên sáng lên, lại thấy Bồ Tát sẽ thành Phật dưới cây đó nên thưa với Bồ Tát rằng: - Nhân thấy không còn bao lâu nữa, ngài sẽ thành Phật, mắt của con đã mù từ lâu rồi mà có Phật ra đời cho nên mắt của con sáng lại. Trong hiền kiếp nầy khi ba vị Phật quá khứ qua đời thì lúc đó mắt con được sáng cho đến bây giờ mắt con mới mở được cho nên con biết rằng ngài sẽ thành Phật. Phía bên cửa đông của cây Bồ Đề lại có một Bảo Tháp, Đây là nơi mà Ma Vương khủng bố Bồ Tát. Đầu tiên Ma Vương biết Bồ Tát sắp thành Chánh Giác liền dụ dỗ dấy loạn làm cho mọi người lo lắng không yên tập trung các chúng quỷ thần lại để chỉnh trang binh ma, sửa soạn binh lính để mang đến uy hiếp Bồ Tát làm gió mưa sấm sét nổi lên, rồi lửa gió khói cát đá hỗn tạp với nhau. Rồi chuẩn bị những cung tên để bắn. Lúc ấy Bồ Tát đang nhập định đại từ cho nên những binh khí gậy gộc biến thành liên hoa, Ma quân khiếp đãm bèn tan rã thối lui. Nơi nầy chẳng xa lại có hai Bảo Tháp nữa do Đế Thích Phạm Vương kiến tạo nên. Bên ngoài cổng phía bắc của cây Bồ Đề có ngôi chùa tên là MahaBodhi. Đầu tiên do Vua nước Tăng Già La kiến tạo. Trong vườn có sáu chùa viện đều có ba tầng, chu vi rất rộng rãi và cao ba bốn thước. Những nhân công tài nghệ dùng những nét đan thanh để trang sức cho đến tượng - 178 -

Phật cũng bằng vàng, bằng bạc và tất cả những đồ trang sức bằng trân bảo treo lên trên các Bảo Tháp rất đẹp. Ở giữa có thờ Xá lợi của đức Như Lai. Những cốt xá lợi nầy lớn như lóng tay, ánh sáng trắng trong chiếu từ trong ra ngoài và nhục Xá Lợi của Phật như châu bảo quý, ánh sắc hồng hồng. Mỗi năm, đức Như Lai biến đại thần thông vào những ngày của tháng trăng tròn (15 tháng giêng), để thị hiện phóng quang hoặc mưa hoa. Tăng đồ ít hơn 1000 người, học tập theo giáo lý Đại Thừa nhưng hành trì theo Thượng Tọa bộ. Giới luật oai nghi trang nghiêm thanh thoát. Ngày xưa, Vua nước Nam Hải Tăng Già La thâm tín Phật Pháp phát tâm tự nhiên trong gia tộc có người em xuất gia muốn đến Thánh tích của Phật. Từ xa xôi đến Ấn Độ ngụ ở chùa nầy, nhưng bị khinh chê liền trở về bổn quốc. Vua thân chinh đi đón. Sa Môn buồn thảm giống như chẳng nói được lời nào. Vua hỏi: - Hiền đệ sao có vẻ buồn vậy? Sa môn trả lời: - Nương tựa vào uy của quốc gia mà ra đi học đạo. Qua nước khác lạ, gặp bao chuyện nắng mưa gió lạnh lại còn bị nhục mạ, thấy rất là nguy cơ, cho nên âu lo xấu hổ. Ai có thể hoan hỷ được. Vua hỏi: - Như thế nghĩa là sao? Đáp rằng: - Đó là ý chơn thành của Đại Vương về việc phước điền nơi mà các ông vua Ấn Độ xây dựng chùa chiền làm cho các Thánh Tích đó được rạng rỡ mà nhờ ân của tiên vương để lại cho đời sau. Hỏi rằng: - Việc đẹp như thế nghe qua thì đâu có gì? Mang đồ quý sang hiến cho Ấn Độ, Vua nhận lễ cống rồi vẫn còn nhớ đến ngày xưa cho nên sai sứ thần đến bảo: - Nay ta muốn đến để báo đáp. Sứ thần thưa: - Vua Tăng Già La cúi đầu trước Vua Ấn Độ. Ngài có uy đức chấn động xa gần, mà đất nước của tôi có vị Sa Môn nhờ gió đưa đến để chiêm lễ liền đến nước ngài để chiêm bái Thánh tích, chỉ ở chùa mà không thấy những nhà trọ, cho nên rất khổ tâm xấu hổ mà quay về. Cho nên từ xa đến đây mong muốn được kiến tạo Già Lam tại Ấn Độ. Sau khi sứ giả - 179 -

đến đây rồi, liền có cơ sở. Sau đó hai nước giao lưu vui vẻ mọi việc tốt đẹp. Vua nói: - Như Lai hoằng hóa những phong vị vẫn còn đây. Thánh tích là nơi đó, nếu sứ giả muốn

báo ân báo đức cùng với quần thần đến chiêm bái, đồng thời tập họp để hỏi ý kiến các vị Sa Môn kiến lập. Sa Môn đáp: - Nơi gốc cây Bồ Đề, trước sau chư Phật đều từ ở nơi nầy mà thành Chánh Giác. Khảo sát những điều xưa nay thì không có đâu bằng, mang của quý của nước chúng tôi đem đến đây để kiến tạo Già Lam, vì chư tăng nước nầy mà tu phúc cúng dường. Tạo một bảng đồng để lại như sau: - Phàm việc chu cấp là phải vô tư theo lời dạy của chư Phật, để cho những người hữu duyên tu học trí tuệ, nhằm làm sáng tỏ lời dạy của bậc Thánh. Nay tôi là em của Vua muốn xây dựng Già Lam nơi Thánh Tích. Phước ấy là do tổ tiên. Huệ ấy là do dân chúng. Không phải chỉ có tăng ở nước chúng tôi được tự tại mà tăng của nước nào khác cũng đồng là tăng vậy. Họ là những người truyền thừa đời đời miên viễn về sau. Cho nên tại Già Lam nầy có nhiều chư tăng từ nước Chấp Sư Tử (Tích Lan). Phía nam cây Bồ Đề hơn 10 dặm, gần bên Thánh Tích khó mà có chỗ đầy đủ vì mỗi năm sau khi các vị Tỳ kheo giải chế an cư, bốn phương chư Tăng và Phật tử về đây cả trăm ngàn vạn người. Trong bảy ngày bảy đêm luôn luôn có hương hoa trống nhạc tuần du trong rừng để lễ bái cúng dường. Tăng Tín Đồ của Ấn Độ cũng y theo lời Phật dạy. Tất cả đều nhập hạ an cư, trước ngày mồng một tháng Thất La Phạt Nõa, nhằm ngày 16 tháng 5 và xả an cư vào ngày 15 tháng 8. Lịch tháng của Ấn Độ căn cứ theo các vì sao mà thành. Xưa nay giữa các bộ phái đều có sự sai khác nhau. Có thể tốt với địa phương nhưng khi di chuyển đến nơi khác chưa chắc đúng và sự phân chia thời gian năm tháng có sai biệt. Do vậy có nơi an cư vào ngày 16 tháng 4 và giải hạ vào ngày 15 tháng 7.

- 180 -

Quyển thứ chín (1 nước)

Nước Ma Kiệt Đà (Phần hai) Phía đông cây Bồ Đề qua sông Ni Liên vào trong rừng lớn có một Bảo Tháp. Phía bắc Bảo Tháp có một cái hồ, nơi đây một con voi con chờ con voi mẹ. Ngày xưa, khi đức Như Lai còn tu khổ hạnh, hai con voi từ núi phía bắc đến ở hồ nầy. Trong khi con voi mẹ thì mù tìm nước để uống, vì hiếu dưỡng cho nên con voi con đã đến đây gặp một người bị lạc trong rừng, ông ta đang lo sợ khóc lóc khổ sở. Thấy và nghe như vậy, con voi con thương cảm dẫn đường đưa ông ta trở về lại chỗ cũ. Người nầy sau khi về thưa với Vua rằng: - Hạ thần có gặp một con voi con trong rừng là một con voi quý có thể bắt được Nghe như vậy, vua cùng binh lính vào rừng để săn voi. Người nầy đi trước dẫn đường chỉ voi cho Vua. Tức thời nó quỳ hai chân xuống, nhà vua tuy kinh ngạc điều kỳ lạ, nhưng cho bắt voi con đem về. Khi voi về đó, không chịu ăn cỏ, không chịu uống nước. Người nài thấy vậy thưa Vua, Vua liền đến hỏi. Con voi con trả lời: - Mẹ tôi bị mù già yếu đói khát, mà tôi nay trong sự nguy nàn nầy nào có thể ăn ngon được. Vua cảm động liền cho thả đi. Phía bên bảo tháp nầy có dựng một trụ đá. Đây là nơi ngày xưa Phật Ca Diếp đã ngồi và ở phía nầy có di tích của bốn vị Phật trong quá khứ đi kinh hành cùng ngồi thiền. Phía đông nơi bốn vị Phật ngồi thiền qua chưa hết khỏi sông, đến rừng lớn nơi đó có một trụ đá. Đây là nơi mà ngoại đạo nhập định và phát ra lời thề ác. Ngày xưa, ông Uất Đầu Lam Phất ý chí như mây khói, thân trụ đám cỏ và ẩn dật trong rừng nầy, chứng được ngũ thông đệ nhứt định, làm cho Vua nước

Ma Kiệt Đà rất tôn kính và cũng thỉnh vào cung dùng ngọ mỗi ngày. Ông Uất Đầu Lam Phất đến đi qua lại trong hư không cho nên Vua nước Ma Kiệt Đà rất là ngưỡng vọng và tiếp đón đến hoàng cung. Khi vua ra đi ủy thác lại cho ông được phép ra vào trong cung không cần mệnh lệnh. Có một thiếu nữ hiền lành, lãnh nhiệm vụ vua giao để đón tiếp. Vua nước Ma Kiệt Đà triệu đến và nói rằng: - Nay ta phải đi xa nên uỷ thác cho ngươi, ngươi đừng quên lo cho tròn công việc, khi ông Tiên Uất Đầu Lam tới phải tôn kính giống như khi đến dùng cơm mà ta cung phụng vậy. Liền ra lệnh xong lại đi tuần du. Thiếu nữ thừa Thánh chỉ mà làm theo như thế. - 182 -

Khi đại tiên đến thì mời ngồi. Uất Đầu Lam Phất đụng vào thân người nữ, tâm dục ô nhiễm khởi lên, bị mất thần thông. Ăn cơm xong rồi, nói lời từ tạ nhưng không bay lên hư không được. Trong tâm rất xấu hổ quỳ xuống nói với người nữ rằng: - Ta đã tu đạo vào thiền định và được thần thông, qua lại trong hư không không có gì chướng ngại. Mọi người đã nghe thấy lâu nay rồi. Dĩ nhiên trước đây tôi đạt được những điều như thế là muốn làm lợi lạc cho muôn loài há muốn giữ riêng việc lợi cho mình quên đi những kẻ khác. Tôi sẽ đi bộ ra cửa để mọi người thấy mà được phước. Sau khi vương nữ nghe xong liền bảo cho mọi người xa gần biết. Lúc ấy sai người quét dọn đường sá có cả trăm ngàn vạn người ra bái vọng nghinh tiếp. Ông Uất Đầu Lam Phất đi bộ từ vương cung đến nơi rừng ông ta ngồi nhập định, tâm rơi vào ngoại cảnh. Trong rừng quạ chim kêu vang trời. Dưới hồ gần bên, cá rùa lên tiếng. Tâm ông tán loạn mất thần thông dẹp thiền định, sanh tâm sân hận và phát lời thề ác. - Ta sẽ làm con chồn dữ, nhưng thân có cánh như chim, bắt hết các loài khác. Thân to ba ngàn dặm. Hai cánh mỗi bên rộng một ngàn năm trăm dặm. Khi vào rừng thì bắt hết tất cả các loài trong rừng. Lặn vào nước bắt hết các loài ở dưới nước. Thề xong tâm sân hận giảm xuống mà chuyên cần cầu để trở lại định cũ, chẳng bao lâu sau mệnh chung sanh lên cõi trời thứ nhất thọ tám vạn kiếp và đức Như Lai cho biết rằng khi thọ mạng ở thiên giới hết, quả báo đời xưa với lời thề cũ, làm cho thân xấu và lưu chuyển vào trong ác đạo, chưa biết bao giờ ra khỏi. Phía đông sông Mạt Ha vào trong rừng lớn đi hơn 100 dặm đến động núi Thất Phát Đa (Kê Túc Sơn) cũng còn gọi là núi Lầu Lô Phát Đa. Núi cao nhọn nguy hiểm và có những động sâu. Triền núi có cỏ cây cùng hang đá. Trên đảnh sầm uất cây cỏ và đá. Bên trên có ba đỉnh liền nhau tiếp giáp với trời cao, thỉnh thoảng mây phủ. Sau nầy tôn giả Đại Ca Diếp ở trong nầy mà tịch diệt chả nói lời nào cho nên gọi là Tôn Túc. Ngài Ma Ha Ca Diếp là đệ tử của đức Phật chứng được lục thần thông và tám giải thoát. Lúc ấy biết Như Lai hóa duyên đã mãn, sắp vào Niết Bàn, Ngài bảo với ngài Ca Diếp rằng: - Ta đã nhiều kiếp siêng tu khổ hạnh vì các chúng sanh mà cầu Vô Thượng Pháp. Sở nguyện ngày xưa ấy bây giờ đã hoàn mãn, bây giờ muốn vào đại Niết Bàn và các Chánh Pháp Tạng phó chúc cho ngươi giữ gìn truyền rộng đừng cho suy giảm. Di mẫu thì hiến Cà Sa bằng chỉ vàng chờ ngày đức Di Lặc thành Phật đến mà trao lại. Cùng với những pháp tu hành của ta đã dạy. Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà - 183 -

Di, tất cả đã được tế độ làm cho lìa khỏi sự lưu chuyển. Ngài Ca Diếp y giáo thừa nhận Chánh Pháp, sau khi kiết tập xong đến năm thứ 20, ngài thấy cuộc đời vô thường cho nên đã nhập diệt, bèn đến Kê túc sơn, bóng núi che lên trên. Hang đá có đường đi đến

phía đỉnh của núi Tây Nam. Trên đỉnh, rất nguy hiểm trải qua nhiều khúc khuỷu có thể làm hại người được. Khi vào trong núi rồi, lúc trở ra đường đi khúc chiết khó thông. Đến phía đỉnh núi bên đông bắc thì ra khỏi. Khi vào trong ba đỉnh núi thì thấy Ca Sa của Phật ở đó. Vì nguyện lực nầy mà ba đỉnh kia cao vút, cho nên bây giờ ba đỉnh núi ấy rất linh thiêng. Trong tương lai khi đức Từ Thị ra đời sau ba hội thuyết pháp có không biết bao nhiêu là chúng sanh kiêu mạn muốn lên núi nầy, đến thăm Ngài Ca Diếp. Đức Di Lặc khảy móng tay đỉnh núi tự mở và những chúng sanh thấy được ngài Ca Diếp liền tăng thêm kiêu mạn. Lúc đó ngài Đại Ca Diếp trao y và từ tạ lễ bái rồi thân bay lên hư không thị hiện các thần biến tự hóa lửa tam muội đốt thân và nhập diệt. Thời những chúng sanh ấy khi chiêm ngưỡng tâm kiêu mạn mất đi. Nhân đây chiêu mộ tất cả được chứng quả. Cho nên bây giờ trên đỉnh núi có xây một Bảo Tháp. Những đêm thanh vắng từ xa người ta thấy được ánh sáng từ Bảo Tháp phát ra, nhưng khi lên núi rồi không còn thấy nữa. Phía đông bắc núi Kê Túc đi hơn 100 dặm, đến núi Phật Đà Phạt Na. Đỉnh núi rất cao và nguy hiểm. Trên đó có một phòng bằng đá có ghi lại dấu chân của Phật. Bên cạnh đó có một tảng đá. Đế Thích, Phạm Vương, Ma Ngưu Đầu dùng hương thom của gỗ chiên đàn cúng dường Như Lai. Ở trên tảng đá nầy còn phảng phất mùi hương. Năm trăm A La Hán đã hiển linh nơi đây. Người có duyên được gặp hoặc được thấy. Có lúc là hình Sa Di đi vào trong làng để khất thực. Đây là di tích rất linh thiêng khó có thể tường thuật hết. Phía giữa núi Phật Đà Phạt Na đi qua hướng đông hơn 30 dặm đi đến nơi Tiết Sắc, thì biết được là Rừng Trúc (Trúc Lâm), vườn nầy cũng đã biến thể từ hang núi mà thành. Đầu tiên các vị Bà La Môn nghe Đức Phật Thích Ca thân dài 6 trượng cho nên thường hoài nghi chưa tin tưởng, bèn lấy sáu cây trúc để đo thân Phật, nhưng khi đó mới biết còn hơn 6 trượng nữa. Lúc đó chiều cao cứ cao dần không cùng tận, họ bỏ trúc mà đi, rồi bốn phía trồng trúc, chính giữa có một Đại Tháp do Vua A Dục dựng nên. Ngày xưa đức Như Lai ở đây bảy ngày đã vì chư Thiên và loài người hiện đại thần thông thuyết các Diệu Pháp. Ở giữa rừng Trúc gần đó có một người thuộc dòng dõi Sát Đế Lợi tên là Ưu Ba Tát Già Phiệt Gia Tê Na (Thắng Quân). Có ý muốn dọ thăm tình huống của Sơn Lâm. Từ thuở nhỏ đã ở riêng biệt nên tâm thật trong sáng, nghiên cứu Nội ngoại điển vô cùng thâm u và hiểu rõ - 184 -

những luận cứ cao siêu trong sáng mô phạm. Các vị Sa Môn, Bà La Môn, Ngoại Đạo, Quốc Vương, Đại Thần, Bậc Trưởng Giả, những người giàu có thường biết đến sự thông suốt đó lấy làm phục và luôn luôn thỉnh cầu để được lợi ích. Những người đến thọ học hơn sáu phần mười trong thiên hạ. Đến năm gần 70 tuổi, sức yếu chẳng đọc được nên đã phế bỏ tất cả duy chỉ học tập kinh Phật mà thôi. Sách tấn thân tâm, ngày đêm chẳng nghĩ. Pháp của Dị Giáo giống như mùi bùn. Sau đó dựng nên một Bảo Tháp nhỏ cao 5.6 thước và những bản kinh văn được để vào bên trong, gọi là Tháp Xá Lợi. Những năm sau nầy, người ta xây dựng nên Đại Bảo Tháp. Mọi người đều đến đây để tu phước cúng dường. Đây là sự nghiệp của Vua Thắng Quân. Ở phía trước cửa dùng để nói Diệu Pháp dụ những người học trò đến để làm tháp, làm hình thức để tôn sùng Phước Đức. Ban đêm lại đi kinh hành lễ bái đọc tụng ngồi thiền tư duy ăn uống chẳng cần ngày đêm không mỏi mệt. Đến năm 100 tuổi ý chí vẫn chưa suy. Ròng rã ba mươi năm trường làm bảy ức Bảo Tháp thờ Pháp Xá Lợi. Đủ một ức thì xây một Bảo Tháp lớn rồi để Pháp

Xá Lợi vào trong đó để cúng dường. Thỉnh chư tăng đến làm Pháp Hội xưng dương tán thán. Lúc ấy ánh sáng chiếu rọi khác thường. Từ đó về sau, thường hay phóng đại quang minh. Phía tây nam của rừng trúc, đi hơn 10 dặm ở phía núi cao có hai suối nước nóng. Nước rất là nóng. Tại đây ngày xưa đức Như Lai đã biến nước nầy chảy ra rồi tắm ở đó, cho đến bây giờ vẫn còn. Nước trong vắt chảy liên tục không hết. Người người xa gần đều đến đây để tắm gội. Trầm mình ở dưới bao lâu chẳng sao cả. Bên cạnh đó có một Bảo Tháp là nơi mà Như Lai thường đi kinh hành. Bên phía đông nam của rừng trúc cách 6.7 dặm đến một đỉnh núi lớn. Phía bên phải có một Bảo Tháp. Đây là nơi ngày xưa đức Như Lai đã vì trời người đến đây thuyết pháp mỗi ba tháng hai lần. Lúc ấy vua Tần Bà Sa La cũng muốn đến nghe Pháp, nên đã băng núi xẻ đá mà đến. Nơi nầy rộng hơn 20 bộ chiều dài 3.4 dặm. Phía bắc của núi cao hơn 3.4 dặm là núi Cô Sơn. Nơi đây ngày xưa, có một vị tiên nhơn học rộng ẩn cư và tại nơi nầy dấu tích phòng ốc vẫn còn tồn tại. Những người học trò vẫn còn lui tới nơi đó. Phía đông bắc của núi Cô Sơn hơn 4.5 dặm, có một núi Cô Sơn nhỏ, tường phòng bằng đá rộng rãi có thể ngồi hơn cả ngàn người. Nơi đây ngày xưa đức Như Lai thuyết pháp ba tháng. Trên phòng bằng đá có tảng đá lớn là nơi mà Đế Thích, Phạm Vương, Ma Ngưu Đầu lấy gỗ chiên đàn cúng dường trang sức thân Phật và trên đá vẫn còn phảng phất mùi hương. Phía tây nam của phòng bằng đá có một ngọn núi tròn. Ấn Độ ngày xưa gọi là cung của A Tố Lạc (A Tu La). Người có những việc cần đến - 185 -

đây để luyện chú thuật và lo cho vận mệnh đó thì tăng lữ có hơn 14 người. Đã nguyện cùng chí hướng vào trong núi tròn nầy. Đi hơn ba bốn chục dặm thì bỗng nhiên trời sáng. Lại thấy thành ấp nhà cửa tất cả đều bằng vàng bạc lưu ly. Những người nầy đến rồi lại có những thiếu nữ chờ ở phía cửa ra vào hoan hỷ nghinh tiếp để đón mừng người đến, rồi đưa dần vào bên trong. Cửa bên ngoài có hai cô tỳ nữ, mỗi tỳ nữ đều cầm một cái mâm bằng vàng, trên mâm ấy toàn những hương hoa để nghinh đón, vì những người ấy nói rằng: - Xin hãy vào Hồ để tắm bằng hương hoa sau đó mới được vào trong. Nơi đó rất là đẹp có một người có chú thuật tiến đến nhanh trong khi mười ba người kia tắm gội. Khi vào trong hồ rồi thì quên hết tất cả. Họ ngồi như là mạ cấy xuống ruộng. Đi khỏi nơi nầy đến phía bắc, có sông rộng hơn ba bốn dặm. Phía bên phòng bằng đá lại có con đường cầu treo rộng hơn mười bộ dài bốn năm dặm. Ngày xưa Vua Tần Bà Sa La muốn đến thăm Phật tạm lấy đá bắt ngang qua suối, hoặc lấy những hòn đá trên núi làm thành những bậc thang để đi đến nơi Phật. Từ đây đi lên núi cao, hướng đông hơn 60 dặm đến Kỳ Xà Quật thuộc thành La Bổ Sa, (thành Vương Xá) nằm giữa nước Ma Kiệt Đà. Đây cũng là cố đô của quân vương đời trước. Đa phần các bậc quân vương dùng hương thơm của cỏ Kiết tường cho nên trong thành có rất nhiều cỏ. Chung quanh bốn phía núi là làng mạc. Phía tây thông với đèo hẹp. Phía bắc có cửa vào núi. Phía đông tây dài và phía nam bắc hẹp chu vi độ 150 dặm. Nội thành còn dấu tích hơn 30 dặm. Cây Yết Ni Già thường có nhiều ở đây. Hoa và màu sắc của hoa là vàng kim, đến giữa mùa xuân nở cả một rừng hoa màu vàng. Ngoài cửa cung thành phía bắc, lại có một Bảo Tháp nơi mà Đề Bà Đạt Đa cùng với A Xà Thế làm bạn, rồi thả voi say muốn hại Phật. Như Lai lấy tay chỉ, biến thành năm con Sư Tử, con voi say quỳ xuống phục mạng. Phía đông bắc nơi voi say có một Bảo Tháp là nơi mà ngài

Xá Lợi Phất nghe Tỳ Kheo A Thấp Ba Tỳ (Mã Thắng Assajit) thuyết pháp liền chứng quả. Đầu tiên khi ngài Xá Lợi Phất còn tại gia được tôn xưng là tài cao phong nhã, có nhiều học trò đến thọ giáo. Khi ấy ngài vào thành Vương Xá gặp ngài Mã Thắng Tỳ Kheo đang đi khất thực. Ngài Xá Lợi Phất đưa mắt nhìn ngài Mã Thắng bảo với môn nhân rằng: - Ông nào kia sao trông đặc biệt quá. Nếu không phải là bậc chứng quả làm sao có được phong cách tịch tĩnh như vậy. Khi nói như vậy thì đi tới một chút rồi dừng lại xem rồi tiến tới. Lúc - 186 -

ấy Ngài Mã Thắng Tỳ Kheo đã chứng quả A La Hán rồi. Tâm được tự tại dung mạo đoan nghiêm, đường đường oai nghi. Ngài Xá Lợi Phất thưa: - Trưởng Lão là bậc quá an lạc. Thầy của ngài là ai? Ngài chứng pháp gì mà có được sự an vui như vậy. Ngài Mã Thắng đáp rằng: - Nhà ngươi không biết sao. Thái Tử con Vua Tịnh Phạn đã từ bỏ ngôi vị chuyển Luân Thánh Vương, có lòng từ bi thương cảm đến sáu đường, tu khổ hạnh sáu năm, chứng thành Chánh Giác, đầy đủ tất cả trí tuệ. Ngài là thầy của ta. Pháp thì chẳng có mà cũng chẳng phải không, thật là khó thực hành như quay tơ vậy. Chỉ có Phật với Phật mới có thể tường lãm. Những kẻ ngu muội làm sao hiểu rõ nghĩa lý. Vì vậy cho nên được xưng tụng tán dương là Giáo Pháp của chư Phật. Khi ngài Xá Lợi Phất nghe như vậy liền chứng quả. Nơi chứng quả về phía bắc không xa mấy có một cái hầm rất sâu. Bên cạnh đó có xây dựng một Bảo Tháp. Đây là phòng của Lợi Cúc Đa (Thắng Mật) đào hầm lửa và tạo thức ăn độc để hại Phật. Thắng Mật là người tôn sùng Ngoại Đạo, nhiễm nặng tà kiến của các Phạm Chí nên nói rằng: Sa Môn Cồ Đàm người được cả nước tôn kính, liền ra lệnh cho học trò đừng có tin tưởng nữa, bèn mời ông ta đến nhà để dùng cơm, rồi cho Nha Môn đào một cái hầm trong đó chất toàn là lửa, dùng cây mục bắt ngang qua. Tất cả những thức ăn trộn toàn là độc dược vào. Khi mà hầm lửa nổi lên. Nếu qua khỏi hầm lửa sẽ bị đồ độc. Đoạn Thắng Mật cho lệnh thiết soạn toàn là thức ăn độc. Trong thành mọi người đều biết Thắng Mật khởi tâm ác độc muốn hại Thế Tôn. Mọi người đã mong rằng Phật đừng đến đó; nhưng Thế Tôn bảo rằng: - Chẳng có gì để lo lắng cả. Thân thể của Như Lai không có vật nào có thể hại được. Cho nên ngài đã nhận lời thỉnh mà đến. Khi chân vừa đến cửa ngõ thì hầm lửa kia biến thành ao nước trong ngần và hoa sen toả ra mùi thơm ngát. Thắng Mật thấy như vậy liền lo lắng không nguôi, và cho môn đồ biết rằng: - Không gặp lửa chắc chắn sẽ gặp độc. Thế Tôn ăn xong rồi, liền thuyết Diệu Pháp. Thắng Mật nghe xong cảm tạ rồi xin phép quy y. Phía bên hầm lửa của Thắng Mật, từ núi đông bắc đi quanh có một Bảo Tháp. Đây là Pháp Đường của Bác Sĩ Phược Già (Kỳ Bà) nghe Phật - 187 -

thuyết pháp, kiến tạo nên, chung quanh rất là rộng rãi và trồng nhiều hoa quả. Bây giờ dấu tích vẫn còn nơi đó. Ngày xưa Như Lai nhiều lần dừng lại nơi đây và bên cạnh đó lại có nhà của ông Kỳ Bà. Nơi đó ngày xưa vẫn còn một cái giếng. Từ cung thành đi về phía đông bắc hơn 14 dặm rưỡi đến núi Kiết Phiêu Đa La Cự Thác (Kỳ Xà Quật) có đỉnh núi Thứu, nằm ở phía bắc, có hình dáng rất đặc thù giống như mỏ con chim Thứu. Nơi đỉnh cao đó thoáng mát, khí hậu dễ chịu. Trong 50 năm hoằng pháp trong cuộc đời, gần như hầu hết Đức Như Lai ở tại đây. Vua Tần Bà Sa La muốn nghe Pháp đã cùng với mọi người, phát tâm từ chân núi đi lên đến đỉnh núi, dọc đường những hang động đã biến đá ấy làm thang cấp rộng hơn 10 bộ, dài hơn 5.6 dặm. Giữa đường có hai Bảo Tháp nhỏ.

Một nơi là nơi xuống Xa Giá để Vua từ đây bắt đầu đi bộ lên. Một nơi khác là đuổi hết đoàn tùy tùng chỉ một mình đi lên. Đỉnh núi phía đông tây dài, nam bắc hẹp. Tiếp giáp phía đông tây có một tinh xá bằng gạch, rất cao thoáng và phòng nào cũng có lan can hướng ra phía đông. Đức Như Lai phần nhiều thuyết pháp ở nơi đây. Nên ngày nay có dựng một tượng Phật thuyết pháp tại đó, cao bằng thân của Như Lai. Tịnh xá phía đông có một tảng đá dài là nơi đức Như Lai kinh hành qua lại. Bên cạnh đó lại có một tảng đá lớn. Cao một trượng tư. Chu vi hơn 30 bộ là nơi Đề Bà Đạt Đa xô đá hại Phật. Dưới phía nam nầy có một Bảo Tháp. Tại nơi đây ngày xưa đức Như Lai đã giảng kinh Pháp Hoa. Tinh xá phía nam có một phòng bằng đá. Nơi đó Như Lai ngày xưa đã nhập định. Phía tây bắc của phòng bằng đá lại có một phòng đá khác. Phía trước có một tảng đá lớn, là nơi A Nan bị Ma dọa. Tôn Giả nhập định nơi nầy và Ma Vương hóa thành con chim Thứu nhằm tháng không có trăng ở trên tảng đá lớn, kêu tiếng con chim Thứu mà nhác Tôn Giả. Tôn Giả lúc bấy giờ rất là kinh hãi không yên. Như Lai xem thấy an ủi và đưa tay qua khỏi tường đá chạm vào đầu A Nan. Rồi lấy lòng từ bi mà nói rằng: - Đó là do ma biến hóa đấy đừng sợ hãi gì cả. Ngài A Nan nghe lời an ủi như thế thân tâm an lạc cho nên trên miếng đá có dấu tích của chim ấy và có một lỗ thông qua.Thời gian trải qua lâu rồi nhưng bây giờ vẫn còn tồn tại. Phía bên Tịnh xá có rất nhiều phòng bằng đá mà ngài Xá Lợi Phất và các bậc A La Hán đã ở nơi nầy nhập định. Trước phòng đá của ngài Xá Lợi Phất có một cái giếng lớn. Bây giờ nước đã khô nhưng giếng vẫn còn. Phía đông bắc của Tịnh Xá có một tảng đá ướt. Trên đó có một tảng đá nữa. Đó là nơi phơi áo Cà Sa của Như Lai và hình ảnh của chiếc y ấy vẫn còn tồn tại in lên đó. Bên cạnh tảng đá có dấu tích bàn chân của Phật và những đường chỉ bánh xe dưới bàn chân vẫn còn ghi đậm nơi đây.

- 188 -

Phía bắc đỉnh núi có một Bảo Tháp. Đây là nơi đức Như Lai vọng hướng về thành Ma Kiệt Đà, nơi đây đức Phật đã thuyết pháp bảy ngày. Phía cửa bắc của thành có núi Tỳ Bổ La. Nghe qua truyền thuyết thì biết rằng: - Phía tây nam của núi nầy, ngày xưa có năm trăm suối nước nóng mà bây giờ chỉ còn lại hơn 10 cái do khí hậu lúc nóng lúc lạnh, không có nóng lắm. Những suối nước nóng phát xuất từ phía nam núi Tuyết của hồ Vô Nhiệt Não, chảy đến nơi nầy. Nước rất xanh và vị rất ngọt giống như trên nguồn vậy. Chảy qua hơn 500 nhánh của những tầng địa ngục tiểu nhiệt. Lửa đó đốt làm cho nước nóng. Nước từ trong miệng đá chảy ra tạo thành những hình Sư Tử hoặc là đầu rồng, hoặc tạo thành những máng nước dài. Phía dưới biến thành đá và thành ao. Người ở những nơi khác đến đây để tắm. Những kẻ bị bịnh tắm xong liền khỏi. Hai bên tả hữu của suối nước nóng đều có Bảo Tháp và Tinh Xá. Nơi đây cũng còn dấu tích của bốn vị Phật trong quá khứ đi kinh hành và ngồi thiền. Nơi đây là nơi mà sơn thủy giao nhau. Cho nên người ở đây phát sinh trí tuệ, đất đai tạo nên sự an ổn để che chở mọi người. Phía tây của suối nước nóng, có một phòng đá gọi là Bi Bát La. Nơi mà Thế Tôn ngày xưa đã ở lại trong nầy và nằm sâu trong động là nơi ở của các vị A La Hán. Đa phần những vị Tỳ kheo thiền định ở đây bị những hình ảnh kinh dị của rắn hoặc Sư Tử hiện ra làm cho tâm họ sợ hãi phát cuồng khi thấy như vậy. Cho nên đây cũng là nơi các thánh hiện ra làm gió thổi để giúp họ xua tan những tai nạn kia. Những Tỳ Kheo

giới hạnh tinh nghiêm muốn tâm được thanh tịnh liền dùng phòng nầy để tu tập thiền định. Nhưng cũng có người bảo đừng nên đến đó. Vì nơi đó có những tai nạn kinh dị làm cho không ít kẻ bị hại, khó có thể tu định mà còn có thể mang họa vào thân. Hãy lo trước vẫn hơn là hối hận về sau. Vị Tỳ kheo ấy đáp rằng: - Chẳng sao cả tôi chỉ có chí nguyện cầu Phật quả sẽ hàng phục được thiên ma. Nếu mà hại được, lấy gì bảo chứng. Rồi liền chống gậy đi đến phòng đó. Sau đó lập đàn tràng trì Chú. Một tuần sau có một người đàn bà xuất hiện bảo Tỳ Kheo rằng: - Tôn Giả mặc áo hoại sắc giữ giới làm chỗ nương tựa của mọi loài, tu định huệ hướng dẫn sinh linh trở vào đường thiện mà bây giờ ở nơi đây lại sợ hãi ta như vậy. Lời dạy của Như Lai há là như vậy sao? Tỳ Kheo đáp:

- 189 -

- Tôi là người giữ tịnh giới tôn trọng Thánh Giáo muốn vào trong núi sâu để xa lìa những tạp nhiễm. Thấy đây là nơi an tịnh có thể ở được. Đáp rằng: - Tôn Giả trì Chú nghe phát ra lửa từ ngoài bay vào, thiêu phòng tôi ở, làm cho tôi khổ sở mong rằng lấy lòng từ bi đừng tụng chú nữa. Tỳ Kheo đáp rằng tụng chú là để hộ thân chứ đâu có muốn hại ai. Đến đây chỉ muốn ngồi thiền để chứng Thánh Quả và cứu khổ hàm linh. Thấy điều kinh dị không muốn thân mạng bị hại. Có làm gì hại cô đâu mà nói như vậy. Đáp rằng: - Tội chướng quá dày, trí huệ thô thiển, cho nên từ nay về sau chỉ giữ phận ở đây và mong rằng tôn giả đừng tụng thần chú nữa. Kể từ đó vị Tỳ kheo kia, khi Thiền định được an tịnh không bị hại nữa. Trên núi Tỳ Bổ La, có một Bảo Tháp, ngày xưa đức Như Lai đã thuyết pháp nơi đây. Còn bây giờ thì ngoại đạo lõa thể đang ở nơi nầy. Họ tu tập khổ hạnh ngày đêm siêng năng, từ sáng đến tối tinh chuyên quán sát. Cửa phía bắc của thành nầy đi về phía đông hơn hai ba dặm gặp một phòng đá lớn là nơi mà ngày xưa Đề Bà Đạt Đa đã nhập định. Phía đông của phòng đá nầy không xa mấy, có một tảng đá trên đó còn lưu lại vết máu. Bên cạnh Bảo Tháp đó là nơi thiền định của vị Tỳ kheo, vị nầy tự hại mình để chứng Thánh Quả. Chuyện ngày xưa có kể lại rằng: Có vị Tỳ kheo chuyên cần thân tâm tu tập thiền định, ngày tháng trôi qua nhưng chẳng chứng Thánh quả, có ý thối lui liền than rằng: - Nếu quả vị A La Hán mà không chứng được thì để cho thân dơ nhớp nầy còn tồn tại có hữu ích gì, lấy đá tự đập vào đầu. Lúc ấy liền chứng A La Hán. Bay lên hư không thị hiện thần biến, hóa lửa để thiêu thân vào nơi tịch diệt. Đây là câu chuyện ly kỳ vẫn còn ghi lại. Phía đông nơi Tỳ kheo chứng quả, có một tảng đá. Trên tảng đá có một Bảo Tháp. Đây là nơi tập định của Tỳ Kheo muốn chứng Thánh Quả. Câu chuyện được kể rằng ngày xưa khi Phật còn tại thế, có một vị Tỳ Kheo, ngồi thiền lâu năm trong núi rừng và muốn chứng quả thiền định. Rất siêng năng cần mẫn lâu năm, nhưng chưa chứng được đạo quả. Ngày đêm luôn luôn nhớ nghĩ chẳng quên thiền định. Đức Phật biết rằng người nầy căn cơ đã đến cho nên ngài đã từ vườn Trúc Lâm đến - 190 -

dưới chân núi nầy khảy móng tay để triệu hồi vị Tỳ Kheo ấy. Vị Tỳ Kheo liền thấy Thánh Chúng thân ý hoan hỷ cúi xuống đảnh lễ.Thân tâm tự nhiên thanh tịnh kính vâng lời Phật đến tại nơi đây liền chứng Thánh Quả. Đức Thế Tôn bảo rằng: - Hãy biết đã đến lúc rồi. Vị ấy liền bay lên hư không thị hiện thần biến. Dùng hình ảnh ấy để tạo

nên tín tâm, cho nên được ghi lại như vậy. Cửa phía bắc của thành đi hơn một dặm, đến vườn trúc Ca Lan Đà, bây giờ vẫn còn tịnh xá, phòng ốc được xây bằng gạch và đá lan can hướng về hướng đông. Ngày xưa đức Như Lai còn tại thế đa phần ngài ở nơi nầy thuyết pháp để giáo hóa chúng sanh. Bây giờ còn một tượng giống như thân hình của Như Lai. Sơ khởi ở tại thành nầy, có một vị Trưởng Giả tên là Ca Lan Đà (Caranda) Lúc ấy là một bậc hào phú của rừng Trúc đã cúng cho ngọai đạo, nhưng khi nghe Như Lai thuyết pháp liền phát tín tâm, đòi lại vườn Trúc xưa nơi họ cư ngụ bảo rằng: - Bây giờ đấng Thiên Nhơn Sư không có chỗ ở. Cho nên quỷ thần cảm động sự thành tâm liền bảo với ngoại đạo rằng: - Trưởng Giả Ca Lan Đà sẽ xây dựng tịnh xá nơi vườn Trúc nầy, các ngươi nên đi xa đi để khỏi bị nguy hiểm. Lúc ấy ngoại đạo phẫn nộ sân si rồi đi. Trưởng giả kiến lập tinh xá nơi nầy. Sự việc xong xuôi đích thân đến thỉnh Phật. Đức Như Lai lúc bấy giờ đã nhận sự cúng dường nầy. Phía đông của rừng Trúc Ca Lan Đa có một Bảo Tháp, nơi đây vua A Xà Thế làm con đường đi ra. Sau khi đức Như Lai nhập Niết Bàn, các vua chúa cùng phân chia Xá Lợi. A Xà Thế cũng được và mang về đây rồi xây Tháp cung kính để cúng dường. Nơi đây cũng là nơi Vua A Dục phát sinh tín tâm cho mở Xá Lợi ra kiến tạo Bảo Tháp khác để thờ. Nơi đây cũng thường phóng ra ánh sáng vi diệu. Bảo Tháp của Vua A Xà Thế có thờ nửa thân Xá Lợi của Tôn Giả A Nan. Ngày xưa khi Tôn Giả sắp tịch diệt đi đến nước Ma Kiệt Đà hướng đến thành Tỳ Xá Ly. Cả hai nước đều muốn dùng binh để giao tranh với nhau. Tôn giả đã ai mẫn và thương cảm nên đã phân thân. Vua nước Ma Kiệt Đà đem Xá Lợi về để cúng dường. Tức ở nơi đây kiến tạo nên Bảo Tháp để tu Phước. Bên cạnh đó là nơi kinh hành của đức Như Lai. Tiếp - 191 -

theo chẳng bao xa lại có một Bảo Tháp. Đây chính là nơi ở của Ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên. Phía tây nam của vườn trúc đi hơn năm sáu dặm đến núi phía nam. Ở trong vườn trúc có một phòng bằng đá rất lớn. Đây là nơi Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp cùng với 999 vị A La Hán sau khi đức Như Lai nhập Niết Bàn kiết tập Tam Tạng. Trước đó còn di tích cũ. Vua A Xà Thế đã vì sự kiết tập Pháp Tạng, mà dựng nên nơi nầy cho các vị Đại A La Hán. Đầu tiên ngài Đại Ca Diếp tĩnh tọa nơi sơn lâm, rồi phóng đại quang minh lại thấy đất đai chấn động và nghĩ rằng điềm lành gì mà có sự dị biến nầy. Đoạn dùng thiên nhãn để quán sát, thấy Thế Tôn đang ở giữa hai cây Sa La sắp nhập Bát Niết Bàn, có ý gọi Ngài đến rừng thành Câu Thi Na. Đi dọc đường gặp Phạm Chí tay cầm hoa trời và hỏi Ngài Phạm Chí: - Ngài từ đâu đến? Có biết thầy của ta bây giờ ở đâu không? Phạm Chí đáp rằng: - Tôi mới từ thành Câu Thi Na đến, thấy Thầy của ngài đã nhập Niết Bàn. Trời người đại chúng đang vây quanh cúng dường. Tôi đã được hoa nầy từ nơi đó. Ngài Ca Diếp nghe xong nói với môn đồ rằng: - Ánh sáng trí tuệ đã chìm. Thế giới nầy không còn mặt trời nữa. Kẻ dẫn đường cho chúng sanh đã bị đảo lộn. Trong khi đó, giải đãi Tỳ Kheo vui mừng nói rằng: - Như Lai tịch diệt rồi tôi rất là an lạc. Nếu có phạm điều gì đâu có ai mà quở trách. Ngài Ca Diếp nghe xong liền bi cảm thương tâm. Suy nghĩ rằng phải tập họp để tuyên dương Pháp tạng giáo hóa những người phạm lỗi. Thế rồi đến nơi Sa La đảnh lễ dưới chân Phật. Biết rằng Đấng Pháp Vương ra đi thì không có ai hướng dẫn trời người, cả các bậc Đại A La Hán cũng đều muốn diệt độ. Lúc ấy Ngài Đại Ca Diếp liền suy nghĩ rằng nên thuận theo lời Phật dạy để triệu tập

gìn giữ Pháp Tạng, cho nên đã lên trên núi Tô Mê Lô, đánh đại kiền chùy xướng lên như thế này: - Nay tại thành Vương Xá sẽ có Pháp Sự các bậc đã chứng quả nên vân tập. Khi nghe tiếng kiền chùy của Ngài Ca Diếp báo hiệu rung động đến 3000 đại thiên thế giới. Những bậc đã chứng được thần thông nghe xong liền vân tập. Lúc bấy giờ Ngài Ca Diếp bảo với đại chúng rằng: - Như Lai đã tịch diệt thế giới chẳng còn gì. Nay ta tập trung những - 192 -

Pháp Tạng nhằm để báo ân Phật. Nay tập họp Pháp Tạng là nhiệm vụ đến không phải để tranh tụng. Há chẳng phải là dịp hội họp để chẳng thành gì cả thì không nên. Chỉ những bậc đầy đủ tam minh lục thông nghe điều ấy rồi chẳng dùng đến biện tài vô ngại như lời Thượng Nhơn đã truyền đạt mà đến để kiết tập. Trừ những bậc đã chứng đắc ra thì ở lại còn kẻ khác trở về. Tại đây có 999 người, còn sót lại ngài A Nan là bậc hữu học, ngài Đại Ca Diếp mời vào và bảo rằng: - Ngươi là người chưa dứt lậu tận mà ở trong hàng thánh chúng, theo làm thị giả Như Lai trong nhiều năm, mà trong Pháp Hội nầy chưa đạt được quả vị sự kiết tập nầy khó thành. Đấng Pháp Vương đã tịch diệt rồi mất đi chỗ nương tựa cho nên ngài Ca Diếp bảo tiếp: - Hãy đừng có lo rầu khổ não. Ngươi là người thân cận gần gũi làm thị giả Phật, thành bậc đa văn. Tuy nhiên việc ái cảm chưa dứt trừ và những kiết sử chưa đoạn hết. A Nan liền đứng dậy ra đi đến một nơi yên tịnh muốn chứng quả Vô Học, hết lòng cần cầu mà chẳng chứng càng bị giải đãi nên muốn thối lui. Thế rồi, chưa gục đầu đã chứng A La Hán, đoạn đi đến nơi kiết tập, cúi đầu trước cửa để gọi. Ngài Ca Diếp hỏi rằng: - Ngươi đã hết lậu hoặc chưa? Nếu đã hết rồi thì vận thần thông mà vào. Ngài A Nan thừa mệnh ngang qua lỗ cửa mà vào. Sau đó đảnh lễ chư tăng rồi đến chỗ ngồi. Lúc đó đúng vào ngày 15 của mùa an cư kiết hạ. Ngài Ca Diếp cao tiếng nói rằng: -Hãy lắng nghe đây! A Nan đã nghe nhớ giữ được lời dạy của Như Lai về Kinh Tạng. Ưu Ba Ly trì giữ Luật Tạng, bậc thông suốt, hiểu biết về Luật Tạng nên trùng đọc kiết tập Tỳ Nại Da. Ta là Ca Diếp sẽ kết tập A Tỳ Đạt Ma tạng. Sau ba tháng mùa mưa nầy, việc kiết tập Tam Tạng đã xong. Thế rồi ngài Ca Diếp từ trong chúng lên ngồi ở ngôi vị Thượng Tọa. Nhân đây mà gọi là Thượng Tọa Bộ. Phía tây bắc nơi ngài Đại Ca Diếp kiết tập lại có một Bảo Tháp ngài A Nan bị Tăng khiển trách không được dự phần kiết tập đến để ngồi thiền và chứng quả A La Hán và sau khi chứng quả rồi mới đến tham dự. Phía tây nơi chứng quả A La Hán đi hơn 20 dặm, lại có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên. Đây là nơi mà Đại chúng bộ đã kiết tập. Những bậc có - 193 -

học vô học số hơn trăm ngàn người không tham dự việc kiết tập của ngài Đại Ca Diếp đến nơi này bàn với nhau rằng: - Khi Như Lai còn tại thế, chúng ta cùng học một Thầy. Khi đấng Pháp Vương tịch diệt rồi, chúng ta khó gặp nên muốn báo ân Phật thì phải gìn giữ Pháp Tạng. Cho nên phàm thánh hiền ngu đều được vân tập để kiết tập gồm Tu Đa La tạng (Kinh Tạng), Tỳ Nại Da tạng (Luật Tạng) và A Tỳ Đạt Ma tạng (Luận tạng) rồi Tạp Tập Tạng và Cấm chú tạng gồm tất cả năm tạng mà kiết tập thành. Lần nầy có cả Phàm Thánh đồng câu hội cho nên gọi là Đại Chúng Bộ. Phía bắc của Trúc Lâm Tịnh Xá đi hơn 200 bước đến Hồ Ca Lan Đà, nơi đây ngày xưa đức Như Lai đã thuyết pháp nhiều lần. Nước trong veo đầy đủ tám công đức. Sau khi Phật nhập Niết Bàn nước không còn nữa. Phía tây bắc hồ Ca Lan Đà đi hai ba dặm có một Bảo Tháp do vua A Dục

dựng nên cao hơn 60 thước. Bên cạnh đó có trụ đá khắc ghi việc lập Bảo Tháp nầy. Bảo Tháp cao hơn 50 thước trên đó có làm hình con voi. Phía đông bắc thạch trụ chẳng bao xa, đến thành Yết La Xà Kiết Lỵ Tu (Vương Xá). Bên ngoài khó có thể đột nhập vào, bên trong thành đã hư hoại chỉ còn lại dấu tích mà thôi, chu vi hơn 20 dặm, chỉ có một cửa. Đây là kinh đô đầu tiên của Vua Tần Bà Sa La. Phía trên cung thành có nhiều nhà cửa đã gặp hỏa hoạn làm hại. Thân tộc của Vua Tần bốn bên đều bị nguy nàn, phòng lửa không kỹ cho nên bị hư hoại hết sản nghiệp, chúng dân oán hận vì ở nơi nầy không yên. Vua bảo: - Ta chẳng có đức cho nên làm cho dân chúng không yên. Vậy phải tu phước gì để được? Quần thần tâu rằng: - Đại Vương là bậc có đủ tài uy đức nhuận hóa quần sanh, chỉ vì tệ dân bất cẩn mới sanh việc hỏa tai. Nên chế ra luật nghiêm khắc để trừ hậu hoạn. Nếu mà lửa còn bốc cháy nữa, thì phải đày người bị tội vào nơi rừng sâu và sẽ chết trong đó để chẳng ai biết đến được và những kẻ a tòng cũng phải bị vào đó mà chết theo. Họ sẽ xấu hổ mà ở yên và phải tự cẩn trọng lo lắng cho mình. Vua bảo: - Đúng là lấy độc trị độc. Lúc ấy hướng về Vương cung thấy lửa tắt mới bảo với các thần rằng: - Ta sẽ ra đi rồi ra lệnh cho Thái Tử nhiếp chính và gìn giữ kỷ cương của đất nước.

- 194 -

Lúc ấy Vua Tỳ Xá Ly nghe vua Tần Bà Sa La vào nơi rừng lạnh đoạn chỉnh trang binh lính muốn đánh úp. Những người hầu cận nghe tin nầy liền xây thành ấp. Thành xây cho tiên vương nên gọi là Vương Xá Thành. Các quan chức và thứ dân hoặc ở lại, hoặc chuyển nhà cửa đến thành mới của Vua A Xà Thế kiến trúc. Sau khi Vua lên ngôi dời đô đến đây. Mãi cho đến thời Vua A Dục mới dời đô về thành Ba Thác Ly, còn Vương Xá thành dành cho người Bà La Môn. Cho nên trong thành nầy bây giờ không có phàm dân mà toàn là người Bà La Môn chưa tới 1000 gia đình. Phía tây nam cung thành có hai Già Lam nhỏ, chư tăng các nước đến ở lại đây. Đây là nơi đức Phật ngày xưa thuyết pháp hằng ngày, tiếp đó phía tây bắc có một Bảo Tháp. Đó là nơi sinh trưởng của Trưởng giả Châu Đệ Sắc Già, Thụ Đề Già. Bên ngoài cửa phía nam của thành, phía bên trái của đường đi có một Bảo Tháp. Đây là nơi Như Lai thuyết pháp để độ cho La Hầu La. Từ phía bắc nầy đi hơn 30 dặm, đến Na Lan Đà Tăng Già Lam. (Thí Vô Yểm). Nghe các bậc kỳ lão nói lại rằng: Ở phía nam của Già Lam nầy, có một cái ao nằm giữa vườn xoài. Trong đó có con rồng có tên là Na Lan Đà, bên cạnh đó có xây một ngôi chùa, lấy tên của rồng mà đặt tên chùa. Khi đức Như Lai còn tu Bồ Tát hạnh làm một đại quốc vương đã thành lập thủ đô ở đây. Vì thương chúng sanh mà cho họ niềm vui. Với cái đức tốt đẹp đó người ta gọi là Thí Vô Yểm, (cho mà không ngại). Do lý do nầy mà tên chùa được gọi như vậy. Nguyên đây là một vườn Xoài có năm trăm người thương nhân, dùng mười ức tiền vàng để mua cúng Phật. Phật ở xứ nầy thuyết pháp ba tháng. Các thương nhân đều chứng Thánh quả. Phật nhập Niết Bàn chẳng bao lâu, tiên vương của nước nầy là Lạc Ca La A Dật Đa (Đế Nhựt) kính trọng Phật thừa tôn sùng Tam Bảo, nên cúng đất nầy để xây Già Lam. Việc nầy làm cho con rồng bị thương, lủng thân. Lúc ấy ngoại đạo Ni Kiền Tử thấy vậy nói rằng: - Đây là một thắng địa muốn kiến lập Già Lam tất nhiên là hưng thạnh. Vì năm nước Ấn Độ mà làm tiêu biểu cho ngàn năm hưng thạnh và những kẻ đến sau dễ thành đạt. Nhưng sẽ có nhiều máu huyết làm tổn

thương thân con rồng. Kẻ học ở đó dễ đạt được học nghiệp nhưng sau nầy bị mửa máu. Sau đó Vua Phật Đà Cúc Đa, (Giác Hộ) kế tục truyền thống ấy để tôn thừa Phật Nghiệp. Tiếp theo nơi nầy ở phía Nam kiến tạo một Già Lam. Sau đó Vua Đản Tha Yết Đà Cúc Đa (Như Lai) tu bổ lại. Tiếp đến phía đông lại kiến lập một Già Lam sau khi Vua Bà La A Dật Đa (Ấu Nhựt) tức vị. Kế tiếp đó ở phía đông bắc lại kiến lập một Già Lam. Sau khi làm xong liền tổ chức Pháp Hội và tổ chức lễ nghi cũng - 195 -

thỉnh các bậc hiền thánh, đến tham dự lễ có chư tăng của năm xứ Ấn Độ. Họ đến từ ngàn dặm xa xôi. Chư tăng đã ngồi hết xuống, có hai vị mới đến sau được đưa lên tầng thứ ba, hỏi rằng: - Nay Vua thiết lễ trước để thỉnh các vị Phàm Thánh. Đại Đức từ phương nào sao đến muộn vậy? Đáp rằng: - Ta đến nước nầy. Hòa thượng của tôi bị bịnh, chờ ngài ăn xong mới đi. Nhận được thiếp thỉnh của Vua nên đến đây. Người hỏi đó kinh ngạc tâu lên Vua. Khi Vua biết đó là vị Thánh, đích thân đến vấn an rồi từ từ lên lầu nhưng mà chưa biết đi đâu. Được biết rằng vị đó là một vị có thâm tín Tam Bảo, bỏ nước xuất gia. Khi mới xuất gia thì phải ngồi sau cùng trong tăng, cho nên tâm thường không vui bảo rằng: Ngày xưa mình làm Vua là đấng tối cao ở trên đời. Bây giờ xuất gia mà ngồi sau cùng trong chúng. Sau đó, bạch lên chư tăng thuật lại sự tình và chúng Tăng được hòa hợp. Rồi ra lệnh cho những người chưa thọ giới ngồi theo thứ đệ tuổi tác của mình. Cho nên đây là ngôi Già Lam riêng có chế độ nầy. Sau khi con của Vua Phạt Xà La (Kim Cang) tức vị, với tín tâm kiên cố Vua cho xây dựng phía tây nầy một ngôi Già Lam khác. Sau nầy các Vua khác kiến tạo một Đại Già Lam nữa ở phía bắc. Vườn chùa rất rộng rãi nhưng chỉ một cửa ra vào. Những vua kế tiếp luôn luôn trùng tu kiến tạo cùng với những sự sửa chửa để trở thành trang nghiêm. Vua nói: - Ngôi Già Lam nầy bây giờ an trí tượng Phật và mỗi ngày thỉnh trong chúng ra 40 vị tăng đến đây để dùng trai. Đó là ân đức của thí chủ. Có hơn 1000 vị tăng ở đây đều là những người thật tu, thật học, đạo đức cao vời, đương thời đâu đâu cũng nghe tiếng, số ấy hơn 100 người. Họ là những người giới hạnh thanh bạch, luật nghi trang nghiêm. Những gì mà tăng đã chế thì họ đều vâng giữ tốt đẹp. Khắp xứ Ấn Độ bây giờ ai ai cũng đều kính ngưỡng, cầu thỉnh họ đến để đàm luận huyền nghĩa suốt ngày không đủ. Đêm đến tọa thiền tỉnh thức để tiến tu. Những người không đàm luận về lẽ u huyền của Tam Tạng tự mình thấy xấu hổ cho nên tìm đến những người khác mà vấn đạo hoặc đến cúi đầu vâng mệnh để hỏi những điều nghi. Những ai mạo danh để đi khỏi hoặc được trọng vọng ở nơi khác, muốn vào đàm luận nghĩa lý hỏi han, thì bị hỏi khó cho nên đa phần đều thối lui. Chỉ những kẻ học sâu biết thông kim cổ thì mới được vào. Đây là nơi mà các vị du tăng sau nầy đến đó có thể luận bàn rõ ràng. Trong mười người đã có hết bảy, tám người cao bay xa chạy, hai - 196 -

ba người còn lại toàn là những bác học bác vật ở trong chúng tiếp tục cật vấn. Những ai chưa bị bẽ gãy cũng bị tà đi rồi mới nêu danh. Phàm là kẻ cao tài bác vật, hiểu biết sâu xa thì có nhiều tài. Làm sáng tỏ cái đức của triết nhân biện hộ quang huy tiếp tục cho điều mô phạm, cho đến việc gìn giữ Phật pháp như gìn giữ mặt trăng làm chấn động nơi nơi để giữ lại lời giáo huấn. Đạo đức sáng ngời ấy chảy thông suốt cho đến bây giờ là nhờ vào ánh sáng lý luận minh bạch. Kẻ được thắng thì được vinh danh cao, trí tuệ như mặt trăng như gió thổi sáng suốt vô cùng. Ngài Giới Hiền ở đâu là có cái đức cao

vời như thế. Đó là bậc Thượng Nhơn trong chúng đầy đủ đức độ đã làm hưng long, cho cái học ở trước cũng như kinh điển ngày xưa. Ngài đã thuật lại cũng như trước tác cả hơn mười bộ luận mà cho đến ngày nay vẫn còn lưu thông và được trân quý như lúc đương thời. Bốn phía Già Lam đều có thắng tích hơn 100 nơi. Đây chỉ lược nói hai ba cái mà thôi. Phía tây của Già Lam không xa có một tinh xá. Tại nơi đây ngày xưa đức Như Lai đã dừng lại ba tháng, vì trời người mà diễn nói Diệu Pháp. Phía nam hơn 100 bộ có một Bảo Tháp nhỏ là nơi các Tỳ Kheo ở xa đến gặp Phật. Tương truyền rằng: Ngày xưa có những Tỳ Kheo đến từ phương xa. Tại đây họ gặp đức Như Lai và Thánh Chúng liền phát tâm ngũ thể đầu địa. Sau đó phát nguyện cầu được địa vị của chuyển Luân Vương. Như Lai nghe xong liền bảo Đại Chúng rằng: - Ông Tỳ Kheo kia thật là đáng thương, phước đức thâm sâu tín tâm kiên cố, như cầu quả vị Phật, không bao lâu sẽ chứng mà nay phát nguyện làm chuyển Luân Vương, trong đời vị lai chắc chắn sẽ thọ báo nầy. Thân thể khi gieo xuống đất thì thành vòng vàng, ở giữa đó có rất nhiều vi trần và mỗi mỗi vi trần như vậy là một Báo Thân của Luân Vương. Cứ thế với niềm vui như vậy sẽ làm xa lìa Thánh Quả. Phía nam nầy có một bức tượng Bồ Tát Quán Tự Tại đứng, với hình dáng tay bưng lư hương đi nhiễu bên phải của Phật. Phía nam của tượng Bồ Tát Quan Tự Tại có một Bảo Tháp, nơi đây thờ tóc và móng tay của Như Lai sau ba tháng mới cắt, vì Ngài đi nhiều và bịnh yếu. Ở phía tây có một cái hồ lớn, nơi đó có một Bảo Tháp, nơi đây ngoại đạo đã cầm con chim sẻ và hỏi đức Phật rằng con chim nầy sống hay chết. Tiếp theo phía đông nam, đi hơn 50 bước, có một cây đặc biệt cao tám chín thước. Thân cây có hai cành. Tại nơi đây ngày xưa đức Như Lai đã ngồi đây để xỉa răng. Nhơn đây trồng cây ấy xuống ngày tháng trôi qua, nhưng chẳng tăng giảm. Tiếp đến phía đông, có một Tinh Xá lớn cao hơn 200 thước. Nơi đây ngày xưa đức Như Lai đã ở lại bốn tháng và thuyết Diệu Pháp. Tiếp theo - 197 -

phía bắc hơn 100 bước, có một Tinh Xá trong đó có thờ tượng đức Quán Tự Tại Bồ Tát, những thiện nam tín nữ thường đến đây để cúng dường. Có nhiều người thấy biết khác nhau hoặc ngài đứng nơi cửa, hoặc đi ra phía trước. Chư tăng và Phật tử các nước đến đây cúng dường rất nhiều. Phía bắc của Tinh Xá Quán Tự Tại Bồ Tát, có một Tịnh Xá lớn cao hơn 300 thước do Vua Bà La A Dật đã kiến thiết, rất trang nghiêm tốt đẹp và bên trong có một tượng Phật giống như tượng ở Chùa nơi có gốc cây Bồ Đề. Phía đông bắc có một Bảo Tháp, tại đây đức Như Lai ngày xưa đã ở lại bảy ngày để diễn thuyết Diệu Pháp. Phía tây bắc là nơi tọa thiền của bốn vị Phật trong quá khứ. Phía nam lại có một Tinh Xá bằng đá, do Vua Giới Nhật kiến lập. Tuy chưa xong nhưng to lớn hơn mười trượng và sau nầy tiếp tục xây dựng. Tiếp theo phía đông hơn 200 bước, ở bên ngoài có một tượng Phật đứng bằng đồng cao đến 80 thước. Chùa Viện cao năm sáu tầng, do vua Mãn Tào dựng lên ngày xưa. Phía bắc tượng đồng của Vua Mãn Tào đi hai ba dặm gặp một tịnh xá bằng gạch, trong đó có nhiều tượng Bồ Tát. Nhiều tượng rất cao và linh ứng vô cùng. Mỗi năm vào ngày mồng một, Phật tử đến chiêm lễ và cúng dường rất nhiều. Các vua và đại thần của các nước lân bang thường hay mang hương hoa, tràng phan, bảo cái, vàng bạc, đá quý, tơ lụa, trúc v.v... dâng lên. Kiến lập Pháp Hội suốt bảy ngày bảy đêm như thế. Cửa phía nam có một cái giếng lớn. Ngày xưa nơi đây đức Thế Tôn đã gặp một đại thương nhân bị sốt nóng hành hạ, đức Phật lấy tay chỉ xuống đất nơi có

nước. Thương chủ cho xe đến để đào đất lên. Nước tự nhiên phun lên thành vòi. Ông ta uống rồi nghe Phật thuyết pháp liền chứng ngộ quả Thánh. Phía tây nam của Già Lam đi tám chín dặm, đến ấp Câu Lý Ca. Giữa đó có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên. Đây là quê hương của Tôn Giả Mục Kiền Liên. Bên cạnh đó có một Bảo Tháp là nơi mà Tôn Giả đã nhập Vô Dư Niết Bàn. Ở trong nầy vẫn còn thờ di thân xá lợi của Tôn Giả. Tôn Giả là dòng dõi của Đại Bà La Môn cùng với Xá Lợi Phất thuở thiếu thời là bạn thân. Xá Lợi Phất là bậc tài trí thông minh hiếm có. Còn Tôn Giả tinh thông tài trí không ai bằng được. Nguyện là trước sau cùng nhau đồng sống chết và cả hai đều chối bỏ cuộc sống thế tục mà muốn xuất gia, liền bỏ Thầy mình là Sách Xà Da Phiệt. Sau đó ngài Xá Lợi Phất gặp ngài Mã Thắng là bậc A La Hán, sau khi nghe Pháp chứng thánh quả, bèn trở lại tìm Tôn Giả để tường thuật lại. Khi Tôn Giả nghe xong liền ngộ và chứng sơ quả. Liền cùng với 250 đồ đệ đến nơi đức Phật. Đức Phật thấy liền bảo đại chúng rằng: - 198 -

- Người mà đến kia trong đệ tử của ta sẽ là người có thần túc đệ nhất. Đoạn Phật mời vào trong Pháp Hội. Thế Tôn nói tiếp: - Thiện Lai Tỳ Kheo! khéo tu phạm hạnh xa lìa trần cấu. Sau khi nghe lời ấy xong, tóc trên đầu rụng xuống, biến hóa khỏi hình người tục. Giới phẩm thanh tịnh uy nghi điều phục, qua khỏi bảy ngày chứng quả A La Hán được lục thần thông. Ở phía đông nơi quê hương của ngài Mục Kiền Liên đi ba bốn dặm có một Bảo Tháp. Đây là nơi Vua Tần Bà Sa La nghinh đón đức Phật. Sau khi Như Lai vừa chứng Phật quả được biết rằng Người ở nước Ma Kiệt Đà có tâm khát ngưỡng, nên đã nhận lời thỉnh cầu của Vua Tần Bà Sa La. Vào một buổi sáng tinh sương, ngài đắp y mang bình bát cùng với một ngàn vị Tỳ kheo hai bên tả hữu quây quanh cùng với những vị Phạm Chí kỳ cựu, tóc xoắn ốc cùng một đoàn chư Tăng mặc áo hoại sắc theo sau vào thành Vương Xá. Lúc bấy giờ Đế Thích Thiên Vương biến thành Ma Na Bà. Đầu cũng bới tóc, tay trái cầm vòng vàng tay phải cầm tích trượng quý. Chân đi trên không cách mặt đất khoảng bốn lóng tay làm kẻ dẫn đường cho Phật và Đại chúng. Lúc bấy giờ Vua Tần Bà Sa La của nước Ma Kiệt Đà cùng với Bà La Môn Trưởng Giả Cư Sĩ ở trong nước số người lên đến trăm ngàn vạn, trước sau ra khỏi Vương Xá Thành để cung nghinh Thánh Chúng. Phía đông nam nơi Vua Tần Bà Sa La nghinh Phật đi hơn 20 dặm liền đến nơi Ca La Tỵ Noa Ca. Nơi đó có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên. Đây là nơi cố hương của Tôn Giả Xá Lợi Phất. Có một cái giếng bây giờ vẫn còn tồn tại. Bên cạnh đó có một Bảo Tháp là nơi Tôn Giả tịch diệt, trong nầy có toàn thân Xá Lợi của Tôn Giả. Tôn Giả xuất thân từ giòng Bà La Môn. Thân phụ của Ngài tài cao học rộng, thông đạt những lẽ huyền vi. Chưa có một điển tịch nào mà chưa nghiên tầm đến. Thân mẫu ngài nằm mộng và kể lại cho thân phụ ngài rằng: - Đêm qua, tôi mộng thấy một người lạ thân hình to lớn trên tay cầm chày kim cang phá vỡ các hòn núi lớn, đập bể ngọn núi xuống. Thân phụ bảo: - Giấc mộng thật là lành. Bà chắc chắn sẽ sanh một đứa con trai, là người học hết việc thế gian và trên tất cả các luận sư, phá hết tất cả các tông phái, chỉ trừ có một người mà phải làm đệ tử. Sau khi có thai, mẹ của Ngài bỗng nhiên rất thông mẫn, luận bàn với những bậc cao kiến, không ai có thể khuất phục nổi. Tôn giả năm lên - 199 -

tám tuổi thanh danh rạng rỡ bốn phương, tánh tình thuần hậu, giàu lòng từ bi, xả bỏ những xưa cũ, thành tựu trí huệ. Đã cùng với Mục Kiền Liên, người bạn thân tthưở thiếu thời chán ngán trần tục, chưa có chỗ nương tựa. Đã cùng với Mục Kiền Liên đến nơi Ngọai Đạo Sách Xà Gia để tu tập và cùng nói với nhau rằng: - Lý chưa đạt được cứu cánh, thì chưa thoát khỏi khổ đau, mỗi chúng ta nên tìm con đường sáng, ai được cam lồ thì san sẽ cùng hưởng một lúc. Lúc bấy giờ có ngài Đại A La Hán Mã Thắng cầm bình đi vào thành khất thực. Ngài Xá Lợi Phất thấy uy nghi tịch tịnh liền hỏi rằng: - Thầy của ngài là ai? Đáp rằng: - Thái Tử dòng họ Thích, đã thấy cuộc đời vô thường nên xuất gia thành Đẳng Chánh Giác. Ngài là Thầy của ta. Ngài Xá Lợi Phất hỏi: - Có thể nói cho tôi nghe Pháp đó được không? Đáp rằng: - Tôi mới thọ Pháp chưa đạt hết cái nghĩa thâm hậu. Ngài Xá Lợi Phất bảo: - Nguyện được nghe những điều như thế Ngài Mã Thắng tùy nghi theo đó mà diễn thuyết. Nghe xong Ngài Xá Lợi Phất liền chứng sơ quả. Sau đó, liền cùng với 250 người đến gặp Phật. Đức Thế Tôn trông thấy bảo đại chúng rằng: - Trong đệ tử của ta, đây là người có trí tuệ bậc nhất. Khi đến rồi ngài liền đảnh lễ và nguyện theo học Pháp. Đức Thế Tôn liền bảo: - Thiện Lai Tỷ Kheo! Nghe xong rồi, liền đầy đủ giới phẩm. Sau đó nửa tháng nghe Phật thuyết pháp cho Phạm Chí có móng tay dài. Nghe sự đàm luận xong, thì giác ngộ chứng đắc A La Hán. Sau khi A Nan nghe Phật cho biết sắp đến thời kỳ tịch diệt liền hồi tưởng những lời nói đó buồn khổ thê thảm. Ngài Xá Lợi Phật càng tăng thêm sự luyến nhớ và ngưỡng vọng. Không thể nhẫn tâm để thấy Phật - 200 -

vào Niết Bàn, liền xin phép Đức Thế Tôn được nhập diệt trước. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo: Đã đến lúc nên thông báo và cảm tạ với mẫu thân. Hãy đi về nơi sanh quán và thị giả Sa Di sẽ thông báo trong thành ấp biết cùng Vua A Xà Thế và quốc dân, chỉ trong chốc lác mọi người đều vân tập. Ngài Xá Lợi Phất vì mọi người mà nói rộng. Tất cả nghe xong rồi lui. Rồi giữa đêm sau trong Chánh Định tâm sáng suốt vào Diệt tận định rồi từ Định nầy mà vào tịch diệt. Phía đông nam của làng Ca Na Tỳ Noa Ca đi bốn năm dặm có một Bảo Tháp là nơi Tôn Giả Xá Lợi Phất cùng với môn nhân nhập Niết Bàn. Lại cũng có Thuyết cho rằng: Đây là nơi mà Phật Ca Diếp khi còn tại thế đã cùng với ba ức Đại A La Hán nhập Vô Dư Niết Bàn ở đây. Phía đông của Bảo Tháp nơi ngài Xá Lợi Phất cùng môn nhân nhập diệt, đi hơn 30 dặm, đến núi Đà La Thế La Tốt Ha (Đế Thích Động) Núi nầy có nhiều hang đá rừng cây u tịch, núi tự nhiên có hai đỉnh đột khởi cao lên. Giữa đỉnh phía tây và đỉnh phía nam có một hòn đá lớn. Tuy rất rộng mà chẳng cao. Đây là nơi mà Như Lai ngày xưa thường hay dừng lại. Thường thường Thiên Đế Thích đã hỏi 42 điều nghi ở nơi tảng đá nầy để thỉnh vấn và Phật đã thuyết pháp cho Đế Thích ở đây. Nơi đây vẫn còn tượng ghi lại câu chuyện ngày xưa. Người vào bên trong lễ bái không thể không ngạc nhiên trước vẻ đẹp. Phía bên trên núi là di tích của bốn vị Phật trong quá khứ đi kinh hành và ngồi Thiền. Trên đỉnh phía đông có một Già Lam. Người xưa bảo rằng: - Tăng chúng thường hay thấy ban đêm nơi đây chia ra làm bốn ngọn núi và trước phòng đá có thờ tượng Phật mỗi bên đều có ánh đèn chiếu sáng rực rỡ. Ngọn núi phía đông của núi Nhơn Đà La Thế La Tốt Ha có một Già Lam và phía trước đó có một Bảo Tháp, gọi tên là Đan Ba. Ngày xưa đã ở nơi Già Lam nầy để tu tập theo Tiểu Thừa thuộc về Tiểu Thừa Tiệm Giáo. Cho nên khai mở việc dùng Tam Tịnh

Nhục, để Già Lam nầy khỏi rơi vào chỗ phạm giới. Nhưng về sau việc dùng Tam Tịnh Nhục không còn tiếp tục nữa. Có một Tỳ Kheo đi kinh hành ngang qua, thấy có bầy chim nhạn bay ngang nghe nói rằng: - Hôm nay trong phần ăn của chúng tăng không đủ. Sau khi ngài Ma Ha Tát Đỏa thông báo như vậy rồi. Lời nói chưa dứt liền nghe tiếng vỗ cánh đập mạnh tự sát trước chư - 201 -

tăng. Vị Tỳ Kheo thấy thế liền bạch chúng Tăng. Nghe thấy như vậy rất động lòng cho nên xin thưa: - Như Lai thuyết pháp tùy theo căn cơ chúng sanh, nhưng chúng sanh ngu muội chỉ giữ tiệm giáo, còn Giáo Lý Đại Thừa thì chính đáng hơn, cho nên bỏ việc nầy đi để cải đổi theo Thánh Chỉ, con nhạn nầy là một giới răn cho chúng ta thấy rồi đó. Đó là một cái đức rất dày, không làm sao tả hết được. Nơi đây có một Bảo Tháp để khuyên răn và làm kỷ niệm nơi con chim nhạn đã chết. Phía đông bắc của núi Nhân Đà La Thế Ha Tốt Ha đi hơn 156 dặm đến chùa Ca Bố Đức Ca. Nơi đây tăng đồ hơn hai trăm người. Họ theo học Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Phía đông của chùa lại có một Bảo Tháp do Vua A Dục xây dựng nên. Ngày xưa, Phật đã ở nơi nầy vì Đại chúng có một đêm thuyết pháp, có một người thợ săn vào rừng đặt lưới bắt những loài có cánh. Một ngày nọ chẳng bắt được con nào cả cho nên nói rằng: - Tôi là người bạc phước chẳng làm nên sự tình gì Cho nên đến nơi Phật mà nói lớn rằng: - Hôm nay, Đức Như Lai nói Pháp ở tại đây, làm cho con không bắt được con chim nào cả, vợ con của con sẽ giận dữ vì đói khát và sẽ bỏ con ra đi. Như Lai bảo: - Nhà người hãy mang lửa lại đây sẽ có ăn. Đức Như Lai hóa thành con chim Đại Bàng lao vào trong lửa rồi chết. Người thợ săn mang về vợ chồng gia đình cùng ăn. Sau đó đến nơi đức Phật, Như Lai vì phương tiện đã nhiếp hóa. Kẻ bắt chim nghe Pháp xong liền hối quá tự sửa mới lại đời mình, liền bỏ tục xuất gia tu học chứng Thánh qủa. Vì vậy có tên là Chùa Đại Bàng. Chùa Ca Bố Đức Ca về phía nam hơn hai ba dặm đến núi Cô Sơn, núi nầy có nhiều cây cỏ tốt tươi. Có nhiều hoa đẹp lẫn trong rừng cây xanh mướt một màu. Bên trên có nhiều Tịnh Xá và Miếu Thờ điêu khắc rất là công phu. Chính giữa tịnh xá có tượng đức Quán Tự Tại Bồ Tát. Thân mình cao lớn đẹp đẽ giống như một vị thần tay cầm hoa sen. Trên đảnh đầu có tượng Phật. Thường có nhiều người nhịn ăn để tâm cầu thấy được Bồ Tát. Sau bảy ngày, mười bốn ngày cho đến một tháng thì có sự linh cảm. Thấy được đức Quán Tự Tại Bồ Tát diệu tướng trang nghiêm uy quang rực rỡ từ trong tượng nầy bước ra an ủi mọi người. Ngày xưa Vua Tăng Già La từ biển Nam, một ngày đẹp trời soi kiếng chỉ thấy mặt mà - 202 -

không thấy được thân, nghe biết rằng ở nước Ma Kiệt Đà thuộc Thiệm Bộ Châu, nơi rừng Đa La trong đó có một núi nhỏ, trên cao có tượng Bồ Tát nầy. Do đó nhà Vua, một lòng mong cầu được đến và quả thật như vậy, khi đến đây đã gặp. Nhân đây mà kiến thiết tịnh xá để tu phước cúng dường. Từ đó về sau, các Vua chúa thường theo phong tục nầy đến đây để lập tinh xá, chùa, viện rồi đem hương hoa kỷ nhạc cúng dường không dứt. Phía đông nam của núi Cô Sơn, nơi có tượng của Đức Quán Tự Tại Bồ Tát đi hơn 40 dặm đến một Già Lam tăng đồ hơn 50 người. Họ học theo Tiểu Thừa. Phía trước chùa có một Bảo Tháp lớn rất là linh dị. Đây là nơi mà Phật ngày xưa, đã vì Phạm Thiên Vương thuyết pháp trong vòng bảy ngày. Nơi đây cũng là di tích của ba vị Phật trong quá khứ ngồi thiền và kinh hành. Phía đông bắc của Già Lam đi hơn 70 dặm, gặp sông

Hằng. Phía nam của sông Hằng có một làng rất lớn. Nhân dân giàu có và có rất nhiều đền thờ cùng những hình tượng điêu khắc. Phía đông nam chẳng bao xa lại có một Bảo Tháp mà Phật ngày xưa đã ở lại nơi đây để thuyết pháp. Từ đây đi đến phía đông vào trong rừng núi đi bộ hơn 100 dặm, đến làng Lạc Bát Nị La. Phía trước chùa có một Bảo Tháp lớn do Vua A Dục xây dựng. Nơi đây ngày xưa đức Phật đã ở lại ba tháng để thuyết pháp. Từ đây đến phía bắc hơn hai ba dặm có một ao lớn chu vi hơn 30 dặm, trong hồ nầy có hoa sen bốn màu nở quanh năm suốt tháng. Từ đây đi về phía đông vào trong rừng cây, đi bộ hơn 200 dặm nữa, đến nước Y Lan Nõa Bát Phạt Dã.

- 203 -

Quyển thứ mười (17 nước)

1. Nước Y Lan Nõa Bát Phạt Dà 2. Nước Chiêm Ba 3. Nước Yết Chư Xương Kỳ La 4. Nước Bôn Na Phạt Đản Na 5. Nước Ca Ma Lầu Ba 6. Nước Tam Ma Đản Thát 7. Nước Trầm Ma Phiêu Đệ 8. Nước Yết La Noa Tô Phạt Sắc Na 9. Nước Điểu Trà 10. Nước Cung Ngự Đà 11. Nước Yết Lăng Già 12. Nước Kiều Tát La 13. Nước Án Đạt La 14. Nước Đà Na Yết Lân Ca 15. Nước Châu Lợi Da 16. Nước Đạt La Tỳ Trà 17. Nước Chư La Cự Thác Nước Y Lan Nõa Bát Phạt Dà chu vi hơn 3000 dặm, kinh đô phía bắc giáp sông Hằng, chu vi hơn 20 dặm. Nơi đây trồng lúa hoa quả rất tốt tươi, khí hậu điều hòa phong tục thuần chất. Có hơn 10 ngôi Già Lam và hơn 4000 tăng tín đồ, đa phần tu theo Tiểu thừa phái Chánh Lượng Bộ. Có hơn 20 đền thờ, ngoại đạo sống hỗn hợp với nhau. Có ông Vua bên cạnh lật đổ Vua nước nầy mang kinh đô nước nầy cúng thí cho chúng Tăng. Tại thành nầy có xây dựng hai ngôi Già Lam, mỗi nơi gần 1000 người. Họ tu học theo Tiểu thừa Giáo thuộc Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Phía bên thành lớn tiếp giáp với sông Hằng là núi Y Lan Nõa, sương khói luôn luôn che phủ ngày đêm. Xưa nay các vị tiên thánh, tiếp tục hiển thánh nơi đây. Bây giờ có đền thờ ở phía nầy. Tại đây đức Như Lai cũng thường hay trú ngụ, đã vì trời người mà diễn thuyết Diệu Pháp. Thành lớn phía Nam có một Bảo Tháp, Như Lai đã ở đây ba tháng để thuyết pháp. Bên cạnh là nơi ghi lại dấu tích của ba vị Phật trong quá - 205 -

khứ đi kinh hành và ngồi thiền. Phía tây nơi ba vị Phật kinh hành chẳng xa mấy, có một Bảo Tháp. Đây là nơi sanh trưởng của hai trăm ức Tỳ Kheo Lâu Đà Tần. Ngày xưa nơi thành nầy có một vị Trưởng Giả giàu có cự phú, nhưng chưa có người thừa kế. Cho nên đem hai trăm ức tiền vàng làm phước cầu con. Vì thế đứa con có tên là Cậu bé nghe hai trăm ngàn ức tiền vàng, liền đến chỗ chưa từng đặt chân đến. Với một bàn chân dài có cái lông chân hơn một thước, phát ra ánh sáng vi diệu màu hoàng kim. Cậu bé rất là xinh tươi đẹp đẽ, nhà ở tận trên núi Tuyết Sơn, được bảo đến ở bên nhà, để chế tạo thuốc nhưng không ai học được. Người giàu có như thế, đức Thế Tôn biết rằng sẽ có một thiện căn phát triển cho nên mới bảo ngài Mục Kiền Liên đến để hóa độ. Ngài đến trước cửa nhà ông Trưởng giả chưa thông báo cho Trưởng giả và gia đình biết. Sáng đó ông đang hướng về hướng đông để lễ bái, lúc đó Tôn Giả dùng thần thông lực từ mặt trời mà hạ xuống phía trước. Trưởng giả nghi rằng đó là ông thần mặt trời do

vậy cúng thí hương hoa đồ ăn rồi về. Đồ ăn và hương hoa nầy xông đến thành Vương Xá. Lúc ấy Vua Tần Bà Sa La nghe mùi hương khác lạ nên mới ra lệnh tìm xem, bèn đến Tinh Xá Trúc Lâm để gặp Ngài Mục Kiền Liên và Ngài lại mới từ nhà của Trưởng Giả trở về, do vậy biết con ông Trưởng Giả có một điều rất kỳ dị cho nên mới triệu vào. Trưởng Giả thừa mệnh Vua và vui vẻ chèo thuyền đánh trống vượt sóng gió lớn rất nguy hiểm, rồi lên xe cỡi voi đến. Người xem đông đảo chen lấn đạp lên nhau, như thế từ nhà ông cho đến Vương Xá Thành, họ dẫm lên đè bẹp cây cỏ. Thuyền rồng phía trước hướng dẫn đến Vương Xá thành, trước đảnh lễ đức Thế Tôn, đoạn Thế Tôn bảo rằng: - Vua Tần Bà Sa La ra lệnh mời ông đến muốn xem lông chân của ông. Vua muốn xem cho nên ông ngồi kiết già và đưa chân về phía Vua. Theo quốc pháp thì chết, nên Trưởng giả xin sám hối trước rồi vào bên trong. Vua muốn thấy cái lông chân bèn bảo ngồi kiết già. Vua rất vui vẻ khi thấy được điều đặt biệt trân quý nầy rồi cho trở về nơi Phật. Lúc ấy Như Lai đã nói về pháp sám hối. Nghe xong tỉnh ngộ liền xin xuất gia. Ông rất siêng năng tu tập muốn cầu chứng thánh quả, đi kinh hành không ngừng nghỉ nên chân ra máu. Đức Thế Tôn kêu lại bảo rằng: - Nầy gã thiện nam! Lúc còn tại gia ngươi biết đàn phải không? Đáp rằng: - Dạ biết. - 206 -

- Nếu biết rồi thì lấy đó làm thí dụ. Nếu dây căng quá thì chẳng hợp âm. Nếu dây dùn quá nghe chẳng hòa nhã, cho nên chẳng nhanh mà cũng chẳng chậm thì nghe mới được. Phàm kẻ tu hành cũng giống như vậy. Khi quá siêng năng thân sinh tật bịnh và tâm sinh giải đãi. Còn quá chậm chạp thì ý chí hao mòn. Ông ta nghe Phật chỉ giáo rồi liền phụng hành không bao lâu được chứng quả. Biên giới phía tây của nước là sông Hằng và phía nam đến núi Cô Sơn, nơi có nhiều núi non hiểm trở. Ngày xưa đức Phật đã an cư ở đây ba tháng, hàng phục Dạ Xoa Bạt Câu La. Phía đông nam của núi ở dưới chân núi có một tảng đá lớn nơi đó có dấu chân Phật còn lưu lại trên đá hơn cả thước. Chiều dài năm tấc hai và chiều ngang là hai tấc mốt. Trên đây có kiến tạo một Bảo Tháp. Tiếp đến phía nam gần tảng đá đó dấu tích nơi Phật để bình bát lún sâu hơn một tấc và có tám cái hoa sen mọc lên. Không xa về phía nam cách chỗ Phật ngồi là dấu tích vết chân của Dạ Xoa Bạt Câu La, chiều dài năm sáu tấc, chiều rộng bảy tám tấc, ấn sâu xuống đá hai tấc. Phía sau dấu chân của Dạ Xoa, có một tượng Phật ngồi bằng đá rất lớn cao đến sáu bảy thước. Tiếp đến phía tây không xa mấy là nơi của Phật đi kinh hành. Ở trên đảnh núi nầy có chỗ của Dạ Xoa ở. Tiếp theo phía bắc có dấu chân của Phật dài hơn tám tấc và ngang hơn sáu tấc, ấn sâu xuống nửa tấc. Trên dấu tích nầy lại có một Bảo Tháp. Nơi đây ngày xưa đức Như Lai hàng phục Dạ Xoa làm cho chúng chẳng giết người để ăn thịt, cung kính lãnh thọ giới của Phật sau đó rồi sanh Thiên. Phía tây có đến sáu bảy suối nước nóng. Nước ở đây rất nóng, biên giới phía nam giáp với rừng già. Trong đó có nhiều voi thân hình vĩ đại. Từ đây thuận theo sông Hằng về phía nam cách phía đông ba trăm dặm là nước Chiêm Ba. Nước Chiêm Ba, chu vi hơn 4000 dặm. Đô Thành nằm ở phía bắc giáp với sông Hằng, chu vi hơn 40 dặm. Ruộng sâu nên cấy được nhiều lúa tốt. Khí hậu ôn hòa phong tục thuần chất. Có hơn 10 ngôi Già Lam, hầu hết bị hư. Tăng đồ hơn 200 người, họ tu theo Tiểu Thừa. Có hơn 20 đền thờ. Ngoại đạo sống lộn xộn. Tường của Đô Thành xây bằng gạch cao hơn một trượng. Bước được qua nơi nầy cũng rất nguy hiểm. Ngày xưa ở kiếp sơ, con người cùng muôn vật

sống nơi hoang dã lấy hang núi làm nhà chưa có phòng ốc. Có một Thiên Nữ xuống trần dạo chơi. Đến sông Hằng tắm rửa uống nước, sau đó thọ thai, sinh ra bốn người con, chia đi hùng cứ mỗi phương ở Thiệm Bộ Châu, kiến thiết thủ đô thành ấp phân chia ranh giới và mỗi người cai trị một nước. Thành - 207 -

Thiệm Bộ Châu là thành đầu tiên. Phía đông của thành có hơn 150 dặm là sông Hằng Hà. Phía nam nước chảy xiết, trên đó có một đền thờ linh ứng. Người ta lấy đá làm phòng, lấy nước dẫn vào hồ. Hoa rừng có nhiều loại quý báu. Đỉnh núi nầy có nhiều đá cheo leo. Kẻ hiền nhơn và người có trí đều cư ngụ nơi đó. Khi xem nơi này thì quên trở về cố quốc. Biên giới phía nam của nước nầy là rừng hoang, trong đó có nhiều voi, mãnh thú số có hơn ngàn. Từ đây đi về phía đông hơn bốn trăm dặm đến nước Yết Châu Ôn Đệ La. Nước Yết Châu Ôn Đệ La chu vi hơn 2000 dặm, đất đai nước non ẩm thấp cho nên trồng lúa rất tốt. Khí hậu ôn hòa, phong tục tốt đẹp. Thường kính trọng những bậc học cao và quý trọng nghề nghiệp. Có sáu bảy ngôi Già Lam, và hơn 300 Tăng Sĩ. Có hơn 10 ngôi đền thờ, ngoại đạo tạp cư. Từ hàng trăm năm nay, Vương tộc đã tuyệt tự cho nên phụ thuộc nước bên cạnh. Vì vậy nơi thành có nhiều thôn xóm lập ra lộn xộn. Ngày xưa Vua Giới Nhựt đi về phía đông Ấn Độ liền cho xây dựng cung nầy và đặt chỗ cai trị. Đến ngày nay chỉ còn lại dấu tích vì lửa đã hỏa thiêu hết rồi. Biên giới phía nam của nước ấy có nhiều voi rừng. Biên giới phía bắc giáp với sông Hằng. Không xa mấy, có một đài rất cao được xây bằng đá gạch. Đài nầy được chạm trỗ rất tinh vi. Chung quanh đài bốn mặt đều có chạm hình các vị Thánh. Hình Phật và hình chư Thiên được khắc riêng. Từ đây đi qua phía đông gặp sông Hằng. Đi hơn 600 dặm nữa, gặp nước Bôn Na Phạt Đản Na. Nước Bôn Na Phạt Đản Na chu vi hơn 4000 dặm. Đô thành chu vi hơn 30 dặm. Cư dân sống rất đông đúc. Có ao hồ có nhà cửa, có hoa lá rừng cây. Người người qua lại rất vui vẻ, đất đai nằm dưới thấp nên cày cấy rất thuận lợi. Có nhiều trái cây rất trân quý. Quả nầy lớn như trái bí đỏ và chuyển màu vàng đỏ sau khi chín. Cắt ra trong ruột có nhiều hạt nhỏ. Lớn như trứng chim hạc, khi đập ra trong đó có nước vàng đỏ. Mùi vị rất ngọt ngào. Hoặc tại nơi cành cây có nhiều trái kết lại với nhau, hoặc tại nơi gốc cây trái cũng như thế. Khí hậu điều hòa, phong tục tốt đẹp ưa chượng sự học hỏi. Có hơn 20 ngôi Già Lam và hơn 3000 Tăng Sĩ. Họ tu tập theo cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Đền thờ của ngoại đạo có hơn 100 ngôi. Họ sống tạp nhạp tu theo đạo lõa thể. Phía tây của thành hơn 20 dặm có một chùa tên là Bạt Thỉ. Vườn Chùa rất rộng có xây đài cao. Tăng đồ hơn 700 người, tu học theo Giáo Pháp Đại Thừa. Biên giới phía đông Ấn Độ đa phần những bậc thạc học danh tăng đều sinh ra ở nơi nầy. Cách đây không xa, có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên. Ngày xưa đức Như Lai đã ở lại nơi đây ba tháng vì chư - 208 -

Thiên và loài người mà thuyết pháp. Đến giờ ngọ thường phát ra ánh sáng. Phía nầy còn có di tích của bốn vị Phật ngồi thiền và đi kinh hành. Nơi đây chẳng xa lại có một tinh xá trong đó có dựng tượng Bồ Tát Quán Tự Tại rất linh thiêng và thường hay ứng hiện, xa gần mọi người đều đến đây để cầu khẩn. Từ đây sang phía đông đi hơn 900 dặm, qua sông đến nước Ca Ma Lầu Ba ở phía đông xứ Ấn Độ Nước Ca Ma Lầu Ba, chu vi hơn vạn dặm. Đô Thành hơn 30 dặm, đất đai màu mỡ trồng trọt, thu hoạch tốt. Có nhiều trái cây quý. Trên rừng có nhiều danh mộc. Ngoài ra, sông ngòi và ao hồ giao

nhau bên cạnh thành ấp. Khí hậu ôn hòa, phong tục thuần chất. Người ở đây tướng tốt nhưng da ngăm đen. Ngôn ngữ không khác mấy với người miền trung Ấn Độ. Tánh tình rộng rãi phóng khoáng. Ý chí cao cả ưa học tập. Người ở đây thờ thần là chính, không tin tưởng Phật Pháp. Cho nên từ thời đức Phật cho đến bây giờ, vẫn chưa thành lập được Già Lam nào để mời chư Tăng về. Tuy có một số ít tín đồ; nhưng chưa làm được gì cả. Có cả hàng trăm đền thờ và hàng vạn người theo ngoại đạo. Vua bây giờ thuộc dòng dõi của Bổn Na La Diên Thiên, giai cấp Bà La Môn tên là Bà Tắc Kệ La Phạt Ma, hiệu là Câu Ma La, chiếm cứ lãnh thổ gần Vua Dịch Diệp. Nối tiếp cho đến bây giờ là đời Vua thứ 1000. Quốc Vương ham học. Cho nên dân chúng cũng noi theo. Những người học cao biết rộng đến đây rất đông. Tuy họ không thuần tín Phật Pháp, nhưng rất cung kính bậc Sa Môn, học cao, biết rộng. Đầu tiên họ nghe có vị Sa Môn đến nước nầy từ chùa Na Lan Đà của nước Ma Kiệt Đà, vị nầy là người từ xa đến học, nhưng Phật Pháp rất thâm hậu, khuyên răn mọi người đến ba lần. Nếu kẻ nào chưa đến thì ngài Thi La Phạt Đa La (Giới Hiền) luận sư nói rằng: - Muốn báo ân Phật phải nên hoằng truyền Chánh Pháp. Con hãy đi đi, đừng nản lòng gì cả. Vua Câu Ma La tin theo ngoại đạo. Nhưng nay thỉnh Sa Môn đến là điều rất quý hóa. Nay nhân cơ hội nầy có thể biến đổi để được phước lợi về sau. Con ngày xưa với tâm từ quảng đại đã khởi lên tâm niệm và phát thệ hoằng thâm. Nguyện đi một mình đến các nơi khác. Bỏ thân để cầu Pháp, nhằm phổ tế hàm linh. Há điều đó từ nơi quê hương đã quên rồi sao? Chớ nệ hà vinh nhục hãy tuyên dương Thánh Giáo và khai đạo quần mê. Trước vì sự hoằng pháp mà hãy quên đi danh phận của mình. Đây là điều không được giải đãi mà nên tiến hành để hội kiến gặp gỡ. Vua Câu Na La nói: - Tuy là kẻ bất tài nhưng thường hay ái mộ những bậc học rộng tài cao, đã nghe danh từ lâu và muốn cung thỉnh. - 209 -

Trả lời rằng: - Kẻ nầy tài trí thô thiển thấp kém, không biết rằng có lưu được cái gì lại chăng? Vua Câu Ma La đáp: - Lành thay, lành thay! Vì ham học Phật pháp mà làm cho ngài phải khổ thân. Vượt qua những khó khăn nguy hiểm, từ xa đến nước nầy, để theo những phong tục mà học hỏi. Bây giờ ở Ấn Độ nầy, các nước đều ca tụng ngài là bậc Đại Tỳ Kheo đã đến đây mang lại niềm vui cho bao người, cũng giống như quê hương của Đại Đức vậy. Đáp rằng: - Thật là một lời ca ngợi quá tốt đẹp. Đó là nhờ cái đức của quân vương. Vua Câu Ma La nói: - Bạch Đại Đức, đừng lo lắng. Người nước nầy ái mộ phong tục phía đông từ lâu. Không vì sơn xuyên cách trở, đường sá xa xôi, mà đã đến đây được là điều rất quý. Đáp rằng: - Với tôi, Vua là một bậc Thánh có cái đức rất cao cả, xa gần đều gội nhuần, đã làm cho mọi người cung kính trọng vọng. Vua Câu Ma La đáp: - Nhờ được che chở, lòng nầy muốn được triều cống cho Vua Giới Nhựt ở nước Yết Chư Ôn Đệ La sẽ làm đại Pháp Thí để trồng cây Phước Đức. Các vị Sa Môn, Bà La Môn có học của năm nước Ấn Độ, chưa được triệu tập, nay lại thỉnh mời mong ngài cùng đi, đến nơi đó. Nước nầy ở phía đông dãy núi gần đây và không có đô thành lớn. Phía Tây Nam, tiếp giáp với biên giới, cho nên người ở đây như mọi rợ. Muốn biết vấn đề rõ ràng của nơi ấy thì cứ hai tháng đi về phía biên giới tây nam một lần. Tuy nhiên núi sông hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt. Rắn độc, cây độc sẽ làm hại đến người và phía đông nam của nước ấy lại có nhiều bầy voi dữ. Cho nên trong xứ, có nhiều chiến trận sử dụng bằng voi. Từ đây đi về phía Nam hơn 1230 dặm, đến nước Tam Ma Đản Thát. Nước Tam

Ma Đản Thát chu vi hơn 3000 dặm, nằm gần bờ biển, đất đai ẩm thấp. Đô thành rộng hơn 20 dặm. Cày cấy trồng trọt hoa quả tốt tươi. Khí hậu ôn hòa, phong tục thuần nhã, người tánh tình cương trực, da ngăm màu nắng. Siêng năng học tập, tà chánh đều tin. Có 30 ngôi - 210 -

Già Lam. Có hơn 2000 tăng đồ. Họ đều tu tập theo phái Thượng Tọa Bộ. Có 100 ngôi đền thờ. Ngoại đạo sống hỗn tạp. Nơi đây họ tu theo phái Ni Kiền Tử (Lõa Thể). Cách thành không xa mấy, có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên. Ngày xưa đức Như Lai đã vì chư Thiên và loài người thuyết pháp ở nơi đây bảy ngày. Bên cạnh đó là dấu tích của bốn vị Phật trong quá khứ đi kinh hành và ngồi thiền. Cách nơi nầy không xa có một Già Lam, trong đó có một tượng Phật ngọc xanh, chiều cao tám thước, tướng hảo trang nghiêm viên mãn, vô cùng linh diệu. Từ đây đi đến phía đông bắc gặp bờ biển. Cách núi phía bên kia là nước Thất Lợi Sai Đản La. Tiếp đến phía tây nam của biển lớn là nước Ca Ma Lãng Ca. Tiếp đến phía đông là nước Tri La Bát Đệ. Tiếp đến phía đông có nước Y Thưởng Na Bổ La. Tiếp theo phía đông có nước Ma Ha Chiêm Ba, là nước Lâm Ấp. Đến phía Tây Nam là nước Chiêm Ma Na Châu. Phàm sáu nước nầy núi sông cách trở cho nên không nhập cảnh được. Tuy nhiên những phong tục tập quán của các nước nầy đều được nghe biết. Từ nước Tam Ma Đản Thác đi qua phía tây hơn 900 dặm, đến nước Trầm Ma Phiêu Đệ. Nước Trầm Ma Phiêu Đệ chu vi 1450 dặm. Đô Thành hơn 10 dặm. Nằm gần bờ biển nên đất đai ẩm thấp, cày cấy được mùa, hoa quả tốt tươi, khí hậu nóng nực, phong tục hùng tráng. Tánh người háo động, tà chánh đều tin. Có hơn 10 ngôi Già Lam, hơn 1000 Tăng Sĩ, có hơn 50 ngôi đền thờ. Ngoại đạo sống hỗn tạp. Nước nầy có bờ biển và sông ngòi giao nhau, cho nên có nhiều vật quý báu tụ tập nơi đây. Phải nói rằng người của nước nầy rất giàu có. Phía trong thành có một Bảo Tháp do Vua A Dục xây dựng. Bên cạnh đó là nơi dấu tích của bốn vị Phật trong quá khứ đi kinh hành và ngồi thiền. Từ đây đi đến hướng tây bắc hơn 700 dặm, đến nước Yết La Noa Tô Phạt Sắc Na. Nước Yết La Noa Tô Phạt Sắc Noa có chu vi hơn 4450 dặm, có đô thành với chu vi hơn 20 dặm. Dân chúng nơi đây rất giàu có sung túc. Ruộng nương nằm dưới thấp nên rất được mùa. Hoa trái cây cỏ tốt tươi. Khí hậu điều hòa, phong tục thuần hậu. Học vấn và nghề nghiệp cao. Tin theo cả tà lẫn chánh. Có hơn 10 ngôi Già Lam và hơn 2000 Tăng Sĩ, tu theo phái Tiểu Thừa Chánh Lượng Bộ, có 50 đền thờ, theo ngoại đạo tạp cư. Đặc biệt có ba ngôi chùa không ăn sữa đặc, vì tôn sùng lời dạy của Tôn Giả Đề Bà Đạt Đa. Phía bên Đại Thành có một chùa tên là Lạt Đà Vị Tri, có vườn rất rộng, cũng như có các cốc nhỏ chung quanh. Trong nước có những bậc tài cao, thông minh, mẫn tiệp, hoặc tập trung ở đây là những vị giới đức trang nghiêm mô phạm. Đầu tiên ở nước nầy, dân chúng chưa tin tưởng Phật Pháp. Khi ấy ở phía nam Ấn Độ có một người ngoại đạo, bụng - 211 -

mang lá đồng, đầu đội đèn sáng, tay chống tích trượng từ xa đi vào thành, liền đánh chuông trống muốn cầu luận nghị. Có người hỏi rằng: - Đầu và bụng mang cái gì lạ lùng như vậy? Đáp rằng: - Ta có nhiều khả năng về học thuật, nhưng sợ cái bụng nó bể và buồn cho những kẻ ngu ám nên mới mang đèn đến để chiếu sáng. Nhiều ngày sau người kỳ dị đó đi trên đường mà chẳng có ai hỏi đến. Vua bảo rằng: - Trong nước của mình không có bậc minh triết nào sao? Đối với vị khách kia khó mà thù đáp, nhưng vì

thể diện quốc gia, phải làm sao cầu thỉnh cho được người hiền đức. Lại có kẻ thưa: - Trong rừng sâu, cũng có một kẻ khác đời, khác người, tự xưng là Nhật Sa Môn. Có sở học rất cao cường và đã ở lâu nơi sơn lâm tịch tinh. Vì thể diện quốc gia cũng như đức độ của Vua, chẳng lẽ không thể mời được người nầy sao? Vua nghe như vậy đích thân đi đến thỉnh mời. Sa Môn đáp rằng: - Tôi là người phía nam xứ Ấn Độ, đến đây ở lại học nghiệp rất nông cạn, sợ chẳng giống như điều nghe. Có thể đến được chẳng dám chối từ, nhưng xin thưa nếu luận nghị không thua phải kiến lập Già Lam để triệu tập tăng đồ đến chấn hưng Phật pháp. Vua đáp: - Xin cung kính ghi nhận và không quên công đức đó. Sau đó Sa Môn nhận lời thỉnh cầu đến đạo tràng để luận nghị. Lúc ấy ngoại đạo đọc tụng hơn ba vạn lời. Ý nghĩa sâu xa văn chương bác học bao hàm danh tướng thấy nghe trùng trùng như lỗ lưới. Sa Môn nghe qua một lần thì đã hiểu rõ từng câu từng chữ chẳng sai lầm, dùng lời để biện bạch cả trăm lần và giải thích cũng như để hỏi lại Ngoại Đạo. Ngoại Đạo ý hết lý đuối, câm miệng chẳng thể trả lời. đã thua xấu hổ rồi lui. Vua thâm kỉnh cái đức ấy cho nên cho kiến tạo Già Lam nầy và từ đó về sau dùng nơi nầy để hoằng pháp. Cách Già Lam chẳng bao xa, có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên. Tại đây ngày xưa đức Như Lai đã khai đạo thuyết pháp bảy ngày. Bên cạnh đó có một tinh xá là nơi ghi lại dấu vết của bốn vị Phật trong quá khứ đã kinh hành và ngồi thiền. Lại có Bảo Tháp là nơi Như Lai đã - 212 -

ngồi thuyết pháp do Vua A Dục dựng nên. Từ đây đi qua phía tây nam, hơn 700 dặm, đến nước Ô Trà. Nước Ô Trà có chu vi hơn 7000 dặm, có đô thành chu vi 20 dặm. Đất đai màu mỡ, lúa thóc được mùa. Hoa trái thật là sum sê và nhiều hoa thơm cỏ lạ, khó mà tường thuật hết. Khí hậu ôn hòa, phong tục thuần hậu. Người dung mạo đẹp đẽ. Ngôn từ dịu dàng, khác với miền trung Ấn Độ. Thích học hỏi nhưng chẳng thâm tín Phật Pháp, có hơn 100 ngôi Già Lam và hơn 10 ngàn Tăng Sĩ, tất cả đều tu theo Đại Thừa. Có hơn 50 đền thờ, ngoại đạo sống tạp nhạp. Có hơn 10 Bảo Tháp, đều là những nơi đức Như Lai thuyết pháp và do Vua A Dục dựng nên. Phía tây nam biên giới là núi cao, lại có một Già Lam nơi đó cũng có một Bảo Tháp bằng đá rất linh dị, đến trưa hào quang chiếu sáng rực rỡ. Cho nên có nhiều tịnh tín xa gần đến đây để lễ bái, hoặc mang hương hoa tràng phan bảo cái để tu phước cúng dường. Số nhiều vô kể và những Bảo Cái được dựng ở bên ngoài rất đẹp đẽ. Từ phía tây bắc của Già Lam lại có một Bảo Tháp cũng giống như phía trước. Đây là hai Bảo Tháp mà do chư Thần kiến tạo nên. Cho nên rất linh dị. Phía đông nam biên giới của nước, giáp bờ biển lớn có thành Chiếc Lợi Đản La với chu vi hơn 20 dặm. Tại xứ nầy có nhiều lữ khách đến từ vùng biển. Họ qua lại các nơi khác và dừng ở đây. Thành quách rất kiên cố vì có nhiều của quý. Bên ngoài thành có hơn 50 ngôi Già Lam.Trong chùa có trang trí những tượng rất trang nghiêm. Phía nam đến nước Tăng Già La hơn hai vạn dặm. Những đêm thanh tịnh đáo mắt nhìn về nước kia thấy Bảo Tháp răng của Phật, trên đó có phóng ra hào quang, giống như đèn chiếu sáng huyền bí nhiệm mầu. Từ đây đi về phía tây nam vào trong rừng sâu đi hơn 1200 dặm, đến nước Cung Ngự Đà. Nước Cung Ngự Đà có chu vi hơn 1000 dặm, Đô Thành hơn 20 dặm, nằm cạnh bờ biển lại có núi cao. đất đai ẩm thấp, lúa thóc được mùa. Khí hậu ấm áp. Phong tục náo động. Hình tướng kỳ dị, nước da đen bóng. Tuy có lễ nghĩa nhưng ưa dối trá. Chữ viết giống như miền trung Ấn Độ, lời nói và

phong tục có nhiều khác biệt. Tôn sùng ngoại đạo chẳng tin Phật Pháp. Có hơn 100 ngôi đền thờ và hơn vạn người ngoại đạo. Trong nước có 10 thành nhỏ. Biển và núi giao nhau cho nên thành rất kiên cố, binh lính mạnh mẽ oai hùng nằm ở biên giới, chẳng ai địch nổi. Đất nước nầy giáp biển cho nên có nhiều vật quý. Dùng ốc sò trân châu là phương tiện trao đổi khi mua bán. Nơi đây có nhiều voi xanh, chạy rất nhanh. Từ đây qua phía tây nam vào nơi hoang dã đến rừng sâu, có cây cối rậm rạp, đi hơn 1450 dặm, đến nước Yết Lăng Già nằm ở miền nam Ấn Độ. Nước Yết Lăng Già có chu vi hơn 5000 dặm, đô thành hơn 20 dặm. Lúa thóc hoa quả được mùa. Rừng rậm cây cối hoang vu, có cả hàng - 213 -

trăm loại động vật khác nhau. Có nhiều voi xanh sanh sản ở đây được xuất khẩu qua các nước bên cạnh. Khí hậu nóng bức, phong tục thô bạo. Tánh tình con người hung tợn, nhưng ý chí còn tin nơi điều nghĩa. Ngôn ngữ nhẹ nhàng khi phát âm điều tiết. Tiếng nói phong tục khác với miền trung Ấn Độ, ít tin tưởng chánh pháp, lại hay tin theo ngoại đạo. Có hơn 10 ngôi Già Lam và hơn 500 tăng đồ, họ theo cả hai truyền thống Đại Thừa và Thượng Tọa Bộ. Có hơn 100 ngôi đền thờ, Ngoại đạo sống hỗn tạp, đa phần là Ni Kiền Tử. Nước Yết Lăng Già, tại đây ngày xưa có lúc tập tục của nhân gian rất thịnh hành. Người xứ nầy xúc phạm đến vị Tiên Nhơn, đạt đến Ngũ Thông và vị ấy mất hết thần thông cho nên dùng chú thuật tàn hại người cả nước. Do đó người ở đây còn lại rất ít. Ngày tháng trôi qua càng ngày càng giảm. Vì phạm lỗi đó cho nên người càng ngày càng ít. Thành phía Nam chẳng xa có một Bảo Tháp cao hơn 100 thước, do Vua A Dục dựng lên. Bên cạnh đó có di tích của bốn vị Phật trong quá khứ ngồi Thiền và kinh hành. Biên giới phía bắc đến đỉnh núi cao lại có một Bảo Tháp bằng đá cao hơn 100 thước. Vào một kiếp sơ nọ khi con người thọ nhiều tuổi, có một vị Độc Giác Phật nhập Niết Bàn nơi đây. Từ đây đi về phía tây bắc chỉ toàn là núi và rừng rậm. Đi hơn 1800 dặm, đến nước Kiều Tát La, nằm ở miền trung Ấn Độ. Nước Kiều Tát La có chu vi hơn 6000 dặm. Có núi non rừng rậm bao bọc chung quanh. Đô thành có chu vi hơn 40 dặm, đất đai trồng trọt thuận lợi tốt tươi. Làng mạc nhà cửa san sát, người người giàu có. Hình dáng người kỳ dị, nước da ngâm đen, phong tục hùng tráng. Tánh tình thô bạo. Tin theo tà và chánh. Nghề nghiệp tinh xảo. Vua thuộc dòng Sát Đế Lợi. Tôn kính Phật Pháp nhơn từ đức độ. Có hơn 100 ngôi Già Lam và hơn một vạn Tăng Sĩ, tu theo Giáo lý Đại Thừa. Có 70 đền thờ. Ngoại Đạo sống hỗn tạp. Cách thành về phía nam chẳng xa, có một ngôi chùa cũ, bên cạnh đó có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên. Nơi đây ngày xưa đức Như Lai đã từng đến và ở, hiện đại thần thông nhiếp phục ngoại đạo. Nơi nầy, cũng là nơi dừng chân của Bồ Tát Long Mãnh. Lúc bấy giờ có vị vua tên là Bà Đà Bà Ha (Dẫn Chánh) rất trân quý và cung kính ngài Long Mãnh. Bốn bên đều có hộ vệ. Lúc bấy giờ có Bồ Tát Đề Bà từ nước Chấp Sư Tử đến muốn cầu Luận nghĩa nói với các môn nhân rằng: - Hân hạnh xin được yết kiến. Thời môn nhân đến bạch Ngài Long Mãnh biết danh tánh. Ngài Long Mãnh đổ nước đầy bình bát và ra lệnh cho đệ tử rằng: - Ông mang nước nầy đưa cho Đề Bà.

- 214 -

Đề Bà chờ nước đứng yên rồi bỏ cây kim vào. Đệ tử mang bát trở lại với vẻ hoài nghi. Long Mãnh hỏi: - Ông ấy nói gì? Đáp rằng: - Yên lặng, không nói gì hết, rồi bỏ cây kim vào bát. Long Mãnh nói: - Thật là kẻ tài trí! Kẻ đó biết việc như thần. Phải là bậc Á Thánh. Đạo đức cao vời. Hãy mời vào. Hỏi rằng: - Nghĩa là sao? Không lời nói vi diệu biện tài nào hơn. Đáp rằng: - Phàm là nước thì tùy theo đồ đựng mà có hình dáng tròn hay vuông, theo đó mà hiện sạch hay dơ, không có gì có thể ngăn cản và đong lường hết được. Đem sự to lớn đó mà so sánh với sự học của ta thật là tài trí. Việc bỏ cây kim vào trong nước, phải nói rằng một điều hy hữu. Đây là kẻ rất phi thường hãy cho vào. Long Mãnh thấy phong thái tư cách an nhiên đẹp đẽ, lời nói ôn tồn sanh ra cảm phục. Đề Bà có đầy đủ phong cách như thế mà từ xa còn đến đây muốn học hỏi. Dáng dấp oai thần đi đến rất oai nghiêm, rồi lên tòa ngồi và đàm luận suốt ngày không hết. Câu nghĩa chương cú thanh tao. Cho nên Long Mãnh nói: - Kẻ hậu học nhìn đời vi diệu. Sự biện bác sáng sủa hơn trước. Tôi nay gặp người tuấn kiệt và thành thật nói rằng đây là điều hy hữu và ngọn đèn Chánh Pháp không thể tắt. Giáo Pháp ấy có thể hoằng dương cho người đời sau thật là hân hạnh. Có thể đến cái ghế trước mặt để đàm luận huyền nghĩa. Đề Bà nghe nói như vậy, tâm liền tự phụ đến trước phát lời biện luận nghĩa lý. Đề Bà dùng từ thật mạnh hướng về đối chất nghĩa lý. Nhưng thấy uy nghi dung mạo rồi quên đi lời và ngậm miệng. Đoạn từ chỗ ngồi bước xuống rồi xin theo học. Long Mãnh nói: - Hãy ngồi xuống lại đi. Bây giờ ngươi là học trò, ta sẽ dạy cho Chân Diệu Lý Pháp Vương. Lúc ấy Đề Bà ngũ thể đầu địa một lòng nghe lời và thưa: - Từ nay về sau con xin vâng mệnh. Long Mãnh Bồ Tát sống nhàn - 215 -

nhã nhờ thuốc dưỡng sinh, thọ mạng hơn 100 tuổi mà dung mạo không suy. Cũng giúp nhà Vua thuốc men như thế để thọ hơn 100 tuổi. Nhà vua có một Vương tử, hỏi mẹ rằng: - Con bao giờ được làm Vua? Mẹ đáp: - Ta thấy chưa có cơ hội nào cả. Ta nghe vua sống đến hàng trăm tuổi cho nên con cháu già hết, và cũng sống lâu. Lại được Long Mãnh cho thêm phước lực bằng thuốc trường sanh. Nếu Bồ Tát tịch diệt, nhà vua mất ngôi. - Long Mãnh Bồ Tát là bậc trí huệ cao vời, từ bi thâm hậu, ban cho tất cả quần sanh một đời sống như thế. Nên con có thể đến đó, xin cái đầu của Ngài. Nếu được thì kết quả sẽ như ý. Vương tử theo lời dạy của mẹ, đến Già Lam và xin người gác cổng được vào bên trong. Lúc ấy ngài Long Mãnh Bồ Tát đang tụng kinh và nhiễu Phật, liền thấy Vương Tử nên hỏi rằng: - Vì lý do gì mà đến tăng phòng vào ban đêm vậy? Có gì nguy hại tật bịnh mà đến phải không? Đáp rằng: Từ mẫu của con dạy con rằng kẻ sĩ xả thân, sự xả thân ấy cũng mang lại lợi lạc cho quần sanh. Qua lời dạy đó con chưa có thể bỏ được báo thân nầy để cầu được điều như ý muốn. Mẹ con bảo không sao, Chư Thiện Thệ Như Lai của ba đời trong mười phương xưa nay để được chứng quả phải cần cầu Phật Đạo, tu tập Giới Nhẫn. Hoặc hiến thân cho thú, hoặc cắt thịt cho chim. Vua Nguyệt Quang đã thí đầu cho Bà La Môn. Vua Từ Lực đã hiến máu cho Dạ Xoa. Những việc như thế khó mà nói hết, trước cầu cho mình giác ngộ chứ không phải cho người khác. Nay, Bồ Tát Long Mãnh có ý chí cao vời cho nên con cũng cầu xin được cái đầu của ngài để có việc. Nếu ngài xả thì có thể vào cuối năm nầy. Như ngài xả liền thì tội con rất nhiều, việc đó sẽ hại đến cái đức. Nguyện cho sự tu tập của Bồ Tát sẽ thành Phật quả, đem lòng từ đến cho chúng sanh và trí tuệ ấy thì vô cùng. Xin xem nhẹ sinh mạng và xem

thân nầy trôi nổi như một loại giặc, Ngài có thể vì bổn nguyện mà cho con được toại nguyện không? Long Mãnh Bồ Tát đáp: - Lời nói hay thật, Ta vốn cầu Thánh quả, và học Phật nên thường xả bỏ. Thân nầy như âm hưởng như bọt nước lưu chuyển trong tứ sanh, qua - 216 -

lại trong lục thú, chứa chấp nhiều lời nguyện, chẳng muốn một việc gì mà nay Vương Tử chỉ có một chứ không khác. Nếu Vương Tử vẫn một lòng mong muốn ta sẽ tuân mệnh. Nhưng khi thân ta mạng chung rồi thì Phụ Vương của Vương Tử cũng mất. Nhưng rồi ai là người bảo hộ ngươi. Long Mãnh bồi hồi đáp sự yêu cầu rồi tuyệt mệnh. Bèn lấy lá khô tự vận, sau đó lấy kiếm để cắt đầu. Vương Tử thấy thế rất kinh ngạc rồi lui. Người gác cổng thưa: - Việc ấy xong chưa? Vua nghe bi cảm và kết quả là ngài đã ra đi. Phía tây nam của nước đi hơn 300 dặm, đến núi Phạt La Mạt La Kỳ Lý. Nơi đây có đỉnh cao rất nguy hiểm. Có nhiều hang động bao bọc toàn là đá. Vua Chánh Vương đã vì Long Mãnh Bồ Tát mà xây dựng Già Lam trong núi ấy. Đi khỏi núi khoảng 10 dặm có đường trống. Từ núi nhìn xuống có rất nhiều đá. Nơi đó có nhiều hành lang đi bộ, giống như những ngôi nhà xây nhiều tầng. Có nơi cao đến năm tầng và có nhiều Viện khác nhau. Trong mỗi tinh xá như thế đều có những tượng bằng vàng, lớn bằng thân Phật điêu khắc kỳ công, tướng hảo trang nghiêm và tất cả những trang sức đều bằng vàng quý. Gần nơi đỉnh núi cao ấy, có một thác nước từ trên chảy xuống, bên ngoài các hang động có phát ra ánh sáng. Nơi đây Vua Chánh Vương có kiến thiết Già Lam. Nhân lực hao mòn, công khố trống rỗng. Việc ấy chưa xong phân nửa, mà tâm hay âu lo cho nên Long Mãnh thưa rằng: - Đại Vương vì sao có sự ưu sầu như thế? Vua đáp: - Ta đã dùng tất cả tấm lòng để làm việc phước đức lâu dài đợi Ngài Từ Thị, công việc chưa xong mà tiền tài hết sạch. Mỗi lần nghĩ đến buồn lo, ngồi đây để chờ. Ngài Long Mãnh thưa: - Xin đừng lo âu. Phàm là phước đức thắng diên thì không có cái cuối cùng. Cứ phát nguyện lớn đừng lo chẳng xong. Ngày hôm đó, Vua về lại cũng rất là an lạc. Sau đó Vua xuất du để thăm sông núi liền đến nơi bình nghị nầy mà kiến thiết Bảo Tháp. Vua đã thọ nhận sự hối quá và tiếp tục phụng trì Chánh Pháp. Long Mãnh Bồ Tát có thần dược vi diệu đã rải lên trên đá lớn, liền biến thành vàng. Vua đến thấy vàng, tâm rất sung sướng. Khi hồi giá đến nơi Long Mãnh thưa rằng:

- 217 -

- Hôm nay, du ngoạn đã có sự cảm ứng của thần linh, nơi đất đai núi rừng kia, đã thấy được vàng bạc tụ lại. Long Mãnh nói: - Chẳng phải quỷ thần cảm động đâu. Đó là do lòng chí thành mà cảm ứng nên vàng bạc vậy. Sau khi nói như vậy liền cho lấy về để xây dựng chùa Tháp. Sau khi xây dựng xong, chùa năm tầng, mỗi tầng như thế đều có bốn tượng Phật lớn bằng vàng. Những vàng còn dư đem cho vào kho, rồi triệu tập một ngàn vị tăng đến để lễ tụng và Long Mãnh Bồ Tát vì Giáo Pháp của đức Thích Ca mà tuyên dương và vì các vị Bồ Tát khác diễn thuật và bàn luận, soạn ra biệt tạng ở nơi nầy. Nơi tầng lầu một chỉ để tượng Phật và các kinh luận. Tầng năm phía dưới cùng để cho tịnh nhân ở và những đồ vật riêng tư. Ở giữa ba tầng thì làm phòng ốc. Nghe người xưa bảo lại rằng: - Khi Vua Chánh Vương xây dựng xong, kể cả công nhân ăn uống và chư Tăng dùng hết chín ức tiền vàng. Cho nên sau nầy tăng tín đồ phẫn nộ tranh đấu

và phê phán Vua. Lúc ấy các tịnh nhơn liền nói rằng: - Tăng đồ tranh tụng nói lời hủy báng nhau. Kẻ ác sẽ nhân đây mà hủy hoại Già Lam. Cho nên những lầu nầy không cho tăng đồ ở. Từ đây về sau chư Tăng không được qua lại, tới lui nơi cửa của nước nầy. Lúc bấy giờ, liền cho những y sư giỏi vào bên trong để trị bệnh, nhiều cửa ra vào chẳng biết làm sao kiểm soát. Từ đây vào trong rừng sâu phía Nam đi hơn 900 dặm, đến nước An Đạt La ở phía Nam Ấn Độ. Nước An Lạc Na có chu vi hơn 3000 dặm. Đô thành hơn 20 dặm. Tên thành là Bình Kỳ La, đất đai tốt tươi. Cày cấy trồng trọt được mùa. Khí hậu ôn hòa, phong tục phức tạp. Ngôn ngữ nhẹ nhàng khác với miền trung Ấn Độ. Chữ nghĩa quy tắc giống nhau. Có hơn 20 ngôi Già Lam và hơn 3000 Tăng Sĩ. Đền thờ có hơn 30 ngôi. Ngoại đạo sống tạp nhạp. Cách thành Bình Kỳ La chẳng bao xa có một ngôi Già Lam lớn. Ngôi chùa nầy có nhiều tầng lầu vô cùng đẹp đẽ. Tượng Phật và các tượng Bồ Tát hình tướng trang nghiêm chạm trổ rất công phu. Phía trước Già Lam có một ngôi Bảo Tháp cao hơn 100 thước. Đây là do vị Chiết La A La Hán kiến tạo. Sau chùa A La Hán, về hướng tây nam chẳng bao xa lại có một Bảo Tháp, do Vua A Dục dựng nên. Nơi đây ngày xưa đức Như Lai đã thuyết pháp, hiện đại thần thông độ vô lượng chúng. - 218 -

Rồi cũng từ phía tây nam của chùa A La Hán đi hơn 20 dặm, đến núi Cô Sơn. Trên đảnh núi có một Bảo Tháp bằng đá, nơi đây Ngài Trần Na Bồ Tát tạo nên Nhân Minh Luận (Dinnagà-Đồng Thụ). Bồ Tát Trần Na là người sau Phật Nhập Diệt mặc Pháp Y, chí nguyện rộng lớn, huệ lực thăm thẳm, thương đời chẳng nơi nương tựa, nên muốn hoằng dương Thánh Giáo, mà tạo ra Nhân Minh Luận. Lời sâu lý rộng. Nếu bậc học giả không cố gắng thì khó thành sự nghiệp, bèn vào thâm sơn tham thiền nhập định quán sát nội tâm, xem xét lợi hại mới tạo nên văn nghĩa. Lúc bấy giờ trong động đá gây nên tiếng vang, khói mây biến thái, cho nên sơn thần đến gặp Bồ Tát thân cao trăm thước và xướng lên lời rằng: - Ngày xưa, đức Phật Thế Tôn vì quyền biến hướng dẫn hàm linh và vì tâm từ bi mà Thuyết Nhơn Minh Luận, diệu lý bao quát ngôn từ sâu sắc. Như Lai tịch diệt nghĩa ấy đã bị chôn vùi. Bây giờ có ngài Trần Na Bồ Tát, phước trí cao vời, sâu hiểu Thánh Giáo về Nhân Minh Luận cho nên trùng tuyên lại. Lúc đó Bồ Tát phóng đại quang minh chiếu đến những nơi u ám và Vua của nước nầy sanh tín tâm sâu xa và tôn kính Tam Bảo. Thấy tướng quang minh nầy, nghi rằng đã vào Kim Cang Định, nhân đây mà thỉnh Bồ Tát chứng quả Vô Sanh. Bồ Tát Trần Na đáp: - Ta đã nhập định và quán sát. Nếu muốn dịch nghĩa chú thích kinh nầy sâu sắc, thì tâm phải hiểu rộng biết nhiều chẳng nguyện chứng quả Vô Sanh. Vua đáp: - Quả Vô Sanh là nơi Thánh chúng ngưỡng mộ, xa lìa tam giới, chứng được tam minh là điều rất cao cả. Nguyện nên chứng lấy. Bồ Tát Trần Na lúc ấy rất hoan hỷ lời thỉnh cầu của Vua nên liền chứng quả Vô Học. Bồ Tát Văn Thù (Diệu Cát Tường) thương tiếc, muốn cảnh giới khảy móng tay liền ngộ và nói rằng: - Tiếc thay! Làm sao mà bỏ cái tâm rộng lớn chỉ vì ý chí hẹp hòi. Từ việc nhớ nghĩ cho riêng mình kể cả luôn cái chí nguyện. Nếu muốn có lợi lạc, hãy nói rộng cái Thuyết Du Già Sư Địa Luận của Bồ Tát Từ Thị hướng dẫn cho kẻ hậu học được lợi ích biết là bao. Bồ Tát Trần Na kỉnh thọ ý chỉ phụng trì sám hối. Rồi từ đây nổi trôi nghiên cứu rộng thêm Nhân Minh Luận. Nếu những học giả sợ giải bày luận có tính chất từ chương thì hãy đưa nghĩa lớn của tông phong mà bày ra lời nói vi diệu làm

nên Nhân Minh Luận để hướng dẫn cho kẻ hậu học về sau. - 219 -

Từ nay về sau nên tuyên dương Du Già. Từ đó có rất nhiều môn nhân và những kẻ hiểu biết trong đời. Từ đây đi vào giữa rừng qua hướng nam hơn ngàn dặm, đến nước Đà Na Yết Lân Ca (Nước An Đạt La), thuộc miền nam xứ Ấn Độ. Nước Đà Na Yết Lân Ca có chu vi hơn 6000 dặm. Đô thành có chu vi hơn 60 dặm, đất đai màu mỡ, lúa thóc được mùa. Có nhiều làng ấp hoang dã ít người sanh sống. Khí hậu ôn hòa, người da màu đen sậm. Tánh tình hung bạo, ham học nghề nghiệp. Có nhiều ngôi Già Lam bị hoang vu, còn lại chừng hai chục ngôi. Tăng đồ hơn 1000 người. Đa phần học theo Đại Chúng Bộ. Đền thờ có hơn 100 ngôi, ngoại đạo sống tạp nhạp. Phía đông của thành là núi, nơi đó có một Tăng Già Lam tên là Phất Bà Thế La (Đông Sơn). Phía tây của thành cũng là núi. Nơi đó có ngôi chùa A Phạt La Thế La (Thế Sơn). Xứ nầy đầu tiên, Vua vì Phật Pháp mà kiến tạo nên Già Lam. Có sông chảy qua phía trước chùa, những hành lang đi bộ dọc theo núi. Có những vị thần linh xuất hiện và các bậc Thánh Hiền tới lui. Kể từ khi Phật Nhập Diệt sau 1000 năm, mỗi năm như vậy có khoảng 1000 chư Tăng cùng đến đây an cư. Khi giải chế mọi người chứng A La Hán, dùng thần lực bay lên hư không mà đi. Một ngàn năm sau, phàm thánh đồng cư. Nhưng kể từ 100 năm nay không có Tăng Lữ vãng lai. Cũng có những Sơn Thần dị hình, hoặc làm hình con chó, hoặc làm hình khỉ vượn, để dọa nạt người đi qua nơi chỗ hoang vắng, chẳng có tăng nào cả. Cách về phía nam của thành không xa, có một ngọn núi cao. Nơi đó là nơi mà Luận Sư Bà Tỳ Phệ Dà (Thanh Biện) ở trong động A Tu La để chờ gặp Bồ Tát Di Lặc thành Phật. Luận sư có đức sâu dày khó tả. Bên ngoài mặc áo ngoại đạo, nhưng bên trong hoằng dương tư tưởng học thuật của Long Mãnh. Khi nghe Ngài Hộ Pháp Bồ Tát ở nước Ma Kiệt Đà muốn hoằng dương giáo lý của đức Phật có cả ngàn người theo và muốn luận nghị cho nên chống tích trượng mà đến thành Ba Thác Ly. Biết rằng Bồ Tát Hộ Pháp đang ở dưới cây Bồ Đề cho nên luận sư đã nói với môn nhân rằng: - Quý vị hãy đến cây Bồ Đề để gặp Bồ Tát Hộ Pháp vì tôi mà thưa rằng: “Bồ Tát đã tuyên dương Giáo Pháp hướng dẫn nhiều người bỏ tà quy chánh, ngưỡng đức cao dày từ lâu mà nguyện chưa xong, nay muốn đến yết kiến và lễ bái dưới gốc cây Bồ Đề, thệ nguyện nếu không gặp được, thì sẽ gặp khi chứng được quả trời người” . Bồ Tát Hộ Pháp bảo với người sứ rằng: - Cuộc đời con người giống như huyễn, thân mệnh lại nổi trôi, khát - 220 -

khao ngày tháng chưa đến để được đàm luận, mà người tin tưởng chưa gặp được. Luận sư nghe vậy liền trở về quê hương, ngồi thiền chờ đợi và nghĩ rằng nếu không phải ngài Từ Thị thành Phật, ai có thể giải được cái nghi của mình, cho nên đã ở trước tượng Quán Tự Tại Bồ Tát, thành tâm tụng chú Đà La Ni. Không ăn chỉ uống nước trong vòng ba năm. Đức Quán Tự Tại Bồ Tát liền hiện ra sắc thân vi diệu vì luận sư mà bảo rằng ý mong muốn gì vậy? Đáp rằng: - Nguyện lưu giữ thân nầy để chờ được gặp đức Từ Thị. Bồ Tát Quán Tự Tại bảo: - Đời sống con người ở thế gian nầy rất nguy hiểm, nổi trôi phù phiếm. Cho nên muốn như ước nguyện thì nên sanh về cõi trời Đẩu Suất để lễ bái và chờ đợi gặp đức Di Lặc. Luận sư đáp rằng: - Ý chí không thể đạt được và tâm nầy không có hai. Bồ Tát đáp: - Nếu quả như vậy thì nên đến nước Đà Na Yết Lân; nơi thành phía nam có một ngọn núi cao, nơi đó có thần Chấp Kim Cang và hãy thành tâm tụng chú Kim Cang Đà La Ni, ông sẽ được toại nguyện. Luận sư đến đó để tụng và ba năm sau thì

thần nhân mách bảo rằng: - Nhà ngươi mong muốn gì mà siêng năng như vậy? Luận sư đáp: - Nguyện lưu giữ thân nầy lại để chờ gặp đức Từ Thị. Bồ Tát Quán Tự Tại đã chỉ điểm đến đây để thỉnh cầu và nguyện của tôi có thành được thì ở tại nơi nầy. Mong thần mật hiểu cho. Rồi chỉ trong ngày ấy trong ngọn núi nầy có một cung của A Tu La. Theo sự thỉnh cầu tường đá kia lại mở ra. Khi mở ra, đi vào bên trong chờ gặp và luận sư nói: - Chỗ ở tối tăm không thấy, làm sao biết được Phật? Chấp Kim Cang đáp rằng:

- 221 -

- Khi Bồ Tát Từ Thị xuất thế tôi sẽ báo cho ông. Luận sư y lời rồi chuyên tâm trì tụng. Cả ba năm như thế chẳng có suy nghĩ gì khác. Trì chú xong rồi, có người gõ cửa động, động liền mở ra. Lúc ấy có trăm ngàn vạn người thấy rồi quên trở về. Luận sư khóa cửa lại mà bảo với họ rằng: - Ta có lời nguyện ở lâu để chờ gặp đức Di Lặc. Thánh chúng đã khuyên như thế thì đại nguyện mới thành cho nên bảo rằng vào nơi nầy thì sẽ gặp Phật. Họ nghe như vậy rất kinh ngạc mới đóng cửa lại, trở thành một hang rắn độc. Họ sợ hại đến thân mệnh. Ba lần nói như vậy tuy chỉ có được sáu người vào. Luận sư lại cảm tạ và những người ấy đi vào. Khi vào rồi tường đá trở lại như cũ và mọi người mới hối hận giận mình đã nói ra lời nói ấy. Từ đây đi qua phía tây nam hơn 1000 dặm, đến nước Châu Lợi Da nằm ở phía nam xứ Ấn Độ. Nước Châu Lợi Da, chu vi hơn 2450 dặm. Đô thành chu vi hơn 10 dặm, đất đai trống trải trở nên hoang phế. Cư dân sống rải rác, cho nên đạo tặc hoành hành. Khí hậu ôn hòa, phong tục gian ác. Tánh người cuồng bạo. Sùng tín ngoại đạo. Nhiều ngôi Già Lam bị hủy hoại nhưng cũng còn tu sĩ. Có hơn 10 ngôi đền đa phần theo đạo lõa thể. Cách về phía đông nam của thành không xa mấy, có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên. Như Lai ngày xưa đã từng ở nơi nầy, hiện đại thần thông thuyết Vi Diệu Pháp để hàng phục ngoại đạo và độ cho trời người. Phía tây thành chẳng bao xa, lại có một ngôi Già Lam cũ. Đây là nơi luận nghị của Đề Bà Bồ Tát và A La Hán. Đầu tiên Bồ Tát Đề Bà nghe nơi Già Lam nầy có vị A La Hán Ôn Đản La chứng được thần thông và đầy đủ tám giải thoát, liền từ xa đến để tìm hiểu xem xét về phong cách mô phạm ra sao, cho nên đã đến đó, đảnh lễ A La Hán. A La Hán là bậc thiểu dục tri túc chỉ có một cái giường. Khi Bồ Tát Đề Bà đến không có chỗ ngồi, nên gom lá cây lại làm tòa để mời ngồi. A La Hán nhập định nửa đêm thì xuất. Bồ Tát Đề Bà thỉnh cầu giải quyết chỗ nghi của mình. A La Hán tùy theo chỗ khó mà giải thích. Bồ Tát Đề Bà nghe và hỏi đến lần thứ bảy thì im lặng không trả lời. Rồi vận thần thông lực bay lên cõi Đẩu Suất để hỏi ngài Di Lặc. Ngài Từ Thị vì đó mà giải thích, nhân đây bảo rằng: - Ông Đề Bà ấy, nhiều kiếp đã tu hành và trong hiền kiếp nầy sẽ được quả vị Phật, nên biết như vậy. - 222 -

Đoạn thi lễ rồi như trong khoảng khảy móng tay thì trở lại chỗ ngồi cũ, dùng diệu nghĩa tuyên dương và bẻ gãy những điều nghi. Bồ Tát Đề Bà thưa: - Điều nầy đức Bồ Tát Từ Thị đã dùng Thánh trí mà giải thích, há có phải là ngài có thể tường tận? A La Hán đáp: - Đúng vậy! Đó là sự chỉ bày của Như Lai. Từ chỗ ngồi tán thán thâm kính lễ bái. Từ đây đến phía Nam vào trong rừng sâu đi hơn 1560 dặm, đến nước Đạt La Tỳ Trà. Nước Đạt La Tỳ Trà có chu vi hơn 6000 dặm. Đô thành tên là Khang Chí Bổ La có chu vi hơn 30 dặm, đất đai màu mỡ lúa thóc giàu có. Lại có nhiều hoa quả và sản xuất

vật quý. Khí hậu ôn hòa, phong tục thô bạo. Người tin sâu nghĩa lý, biết nhiều học rộng. Nhưng ngôn ngữ, chữ viết thì sai khác miền trung Ấn Độ một ít. Có 100 ngôi Già Lam, tăng đồ hơn vạn người, học theo Thượng Tọa Bộ. Có 80 ngôi đền thờ đa phần theo đạo lõa thể. Như Lai khi còn tại thế đã đến đây nhiều lần, thuyết pháp độ người, cho nên Vua A Dục đã đến Thánh Tích nầy mà cho xây dựng nên các Bảo Tháp. Thành Kham Chí Bổ La là nơi mà Bồ Tát Đạt Ma Ba La (Hộ Pháp) sanh trưởng. Bồ Tát là con đầu của vị Đại Thần của nước nầy. Lúc nhỏ thiên tư đặc biệt, lớn lên thấy xa biết rộng. Hồi ấy, rất lâu nhưng Vương Thần chưa sinh. Hằng đem lo lắng suy nghĩ, đối trước tượng Phật thiết tha kỳ nguyện một cách chí thành cho nên cảm ứng đến thần linh, từ xa mà đến. Sau khi sanh ra lớn lên một hôm đi hơn 100 dặm, đến ngôi chùa trên núi. Đến giữa giảng đường có vị tăng mở cửa. Thấy thiếu niên nầy, vị tăng nghi là kẻ trộm bèn cật vấn, Bồ Tát liền đưa tay ra hiệu ý bảo người xuất gia không nên kinh dị và ý ngài đã toại nguyện. Nhà Vua đã biết sự mong muốn của ngài và biết Bồ Tát có ý xuất trần cho nên Vua lại càng thâm kính hơn nữa. Bồ Tát đã tự mặc áo hoại sắc tinh cần học tập, tìm đến nơi vị A La Hán để biết phong cách mô phạm như trên đã thuật. Cách về phía nam thành không xa có một Đại Già Lam mà trong nước khắp nơi đều giống vậy. Lại có một Bảo Tháp cao hơn 100 thước do Vua A Dục dựng nên. Đức Như Lai ngày xưa ở nơi đây thuyết pháp để hàng phục ngoại đạo và rộng độ trời người. Gần đó cũng có một di tích - 223 -

là nơi của bốn vị Phật quá khứ, ngồi thiền và kinh hành. Từ đây đến phía nam đi hơn 3000 dặm đến nước Chu La Cự Thác. Nước Chu La Cự Thác có chu vi hơn 5000 dặm, đô thành có chu vi hơn 40 dặm, đất đai khô cằn không trồng trọt được mấy; nhưng những hải sản trân quý đều tập họp nơi nước nầy. Khí hậu ấm áp, người da ngăm đen. Tánh tình cương nghị, tà chánh đều tin, ít thích nghề nghiệp, ưa làm điều thiện. Đa phần Chùa Viện nơi đây đều bị hoang phế, chỉ còn lại một số ít chư Tăng. Có hơn 100 ngôi đền thờ, tin theo ngoại đạo, đa phần theo đạo lõa thể. Thành phía đông chẳng xa, có một Già Lam cũ, vườn Chùa trở nên hoang phế. Do em của Vua A Dục kiến thiết nên. Phía đông nầy lại có một Bảo Tháp, chỉ còn nền móng. Bảo Tháp nầy do Vua A Dục xây. Nơi đây ngày xưa đức Như Lai đã thuyết pháp hiện đại thần thông độ vô lượng chúng. Vì hình ảnh của Thánh tích nầy, Vua đã xây dựng nên, thời gian năm tháng trôi qua, người ta đến cầu nguyện và xem ở đây như là chỗ ở của thần linh. Phía nam của nước nầy là bờ biển lại có núi Châu Sắc Gia. Đỉnh cao và hẹp lại có những động đá ăn sâu vào trong. Trong núi, có cây Bạch Đàn, cây Chu Đàn và nhiều loại cây khác, khó có thể phân biệt hết, duy chỉ có mùa hạ lên núi chiêm ngưỡng thấy nơi đây có nhiều rắn lớn. Được biết rằng vì chất của gỗ mục ẩm ướt cho nên rắn thích ở, cũng có nhiều người thấy thế liền lấy tên bắn. Mùa đông như ẩn nấp vào trong thân cây. Tại đây cũng có cây Yết Bố La Hương (Cây Long Não), cây tùng, cây bách và có nhiều cây khác. Những cây ở dưới ẩm thấp không có mùi hương. Khi cây khô người ta chặt đi, trong đó có mùi hương và từ trong lõi cây có những đường vân màu sắc giống như nước và như tuyết. Đây chính là mùi hương của Long Não. - Núi Chư Sắc Gia về phía đông có núi Bố Đản Lạt Ca. Núi nầy rất nguy hiểm, có nhiều hang động. Trên đảnh núi có Hồ, nước trong như mặt gương, chảy thành sông, chảy quanh núi đến hai mươi vòng rồi đi vào biển Nam Hải.

Bên cạnh cái hồ đó, có động đá rất đẹp là nơi mà Bồ Tát Quan Tự Tại qua lại dạo chơi. Nếu ai có lời nguyện muốn gặp Bồ Tát chẳng quản thân mệnh, lội nước trèo non, quên đi nguy hiểm thì có thể đạt được lời nguyện ấy. Dưới chân núi có người ở, đến đây kỳ nguyện thỉnh cầu để được thấy, hoặc tạo nên hình Tự Tại Thiên, hoặc bôi than lên mình như ngoại đạo, để an ủi dụ dỗ những người có lời nguyện. Từ núi nầy đi qua phía đông bắc thì đến bờ biển. Từ bờ biển phía nam, có đường đi qua nước Tăng Già La. Người xưa nói rằng từ đây đi vào biển phía đông nam đi hơn 3000 dặm đến nước Tăng Già La (Nước Chấp Sư Tử) không thuộc nước Ấn Độ.

- 224 -

Quyển thứ mười một (23 nước)

1. Nước Tăng Già La (Tích Lan)
2. Nước Trà Kiến Na Bổ La
3. Nước Ma Ha Sắc Tha
4. Nước Bạt Lục Yết Bà
5. Nước Ma Lạp Ba
6. Nước A Thác Lý
7. Nước Khế Thác
8. Nước Phạt Lạp Tùy
9. Nước A Nan Đà Bổ La
10. Nước Tô Sắc Tha
11. Nước Cù Chiết La
12. Nước Ô Phiệt Diễn Na
13. Nước Trinh Trữ Đà
14. Nước Ma Ê Thấp Phạt La Bổ Đa
15. Nước Tín Độ
16. Nước Mậu La Tam Bộ Lô
17. Nước Bát Phạt Đa
18. Nước A Điểm Ba Sí La
19. Nước Lan Yết La
20. Nước Ba Sắc Tư (Ba Tư)
21. Nước Tý Đa Thế La
22. Nước A Dữ Trà
23. Nước Phạt Sắc Noa

Nước Tăng Già La (Tích Lan) có chu vi 7000 dặm. Đô Thành có chu vi 40 dặm. Đất đai màu mỡ khí hậu ôn hòa. Cày cấy trồng trọt hoa quả tốt tươi. Cửa nhà to lớn, gia sản giàu có. Người nước da ngăm đen, tánh tình hung bạo, ham học hỏi, ưa phước đức, thích làm thiện. Nước nầy là một hòn đảo nhỏ có nhiều trân bảo đồ quý giá, là nơi dừng chân của chư Thần, nằm phía nam của xứ Ấn Độ, có một Quốc Vương, nguyên là

- 226 -

một nữ tỳ bị tống đi giữa đường gặp Sư Tử kẻ thị vệ bỏ chạy. Vì không chạy được, nên người nữ ấy phải ở lại cam chịu số phận. Không ngờ chúa Sư Tử đến giúp người nữ mang về hang động trên núi cao. Những con nai mang rau quả đến. Thời gian sau có thai sinh ra một trai một gái, hình mạo giống con người nhưng bản tánh còn súc sanh. Con trai dùng thương giáo đâm chết mãnh thú. Thời gian sau biết được, người mẹ than rằng không biết nói sao. Cha là dã thú mẹ là người, không cùng chủng loại làm sao trở nên chồng vợ được. Bà mẹ thuật lại chuyện xưa mà bảo với đứa con rằng: - Người Vật xa xôi chẳng có thệ nguyền. Rồi người mẹ nói tiếp: - Ngày ấy ta cố chạy nhưng không chạy nổi. Con là đứa con sau khi Sư Tử cha bắt mẹ vào núi mà mẹ không thể thoát khỏi để mà đi, cho nên phải chịu cảnh mẹ con ở nơi đó. Người mẹ tiếp: - Những chuyện sâu kín như thế rất ân hận nhưng chẳng biết nói nguồn gốc như thế nào. Bởi vì khi mọi người biết được chúng ta sẽ bị khinh bỉ. Rồi đến nước của cha mình. Nước nầy không có gia tộc, tông môn đã diệt hết. Gặp người thôn trưởng, được bảo rằng: - Quý vị là người nước nào? Đáp: - Tôi là người lưu lạc đến xứ nầy, mẹ con muốn trở lại cố hương. Được mọi người thương chu cấp. Vua Sư Tử lại chẳng thấy nữa. Do chỗ quấn quýt nam nữ mà vô minh sanh khởi, bây giờ ra khỏi hang đá đến tại thôn nầy. Hét lên chấn động tàn độc con người. Người trong làng trục xuất ra và giết chết. Rồi đánh trống, thổi tù và, gương nỏ, cầm xà mâu chạy từng đoàn, nhưng thú không bị hại. Vua nước đó sợ không thích hợp với lòng người cho nên muốn đuổi kẻ mọi rợ ấy đi. Vua thân chinh suất binh lính kéo vào rừng, khóa cửa hang động lại. Sư Tử rống lên làm chấn động núi rừng. Người Vật đều bỏ chạy. Đã bắt không được con thú nào, mà còn tổn thất nữa. Nếu bắt được con Sư Tử nầy thì trừ được hậu hoạn cho đất nước, sẽ đền đáp trọng thưởng cho những ai tìm được. Đứa nhỏ nghe Vua ra lệnh như thế liền thưa với mẹ rằng:

- Đã đến lúc vô cùng đói khổ rồi, làm sao có thể ứng phó được. Hoặc có thể phủ dụ được? Bà mẹ nói: - Nói vậy không được. Sư Tử tuy là loài súc sanh nhưng là cha của con, làm sao con có thể làm điều nghịch hại như vậy. Người con nói: - Người và súc vật là hai loại khác nhau, lễ nghi đã có sự sai khác thì sao phải giữ lòng như thế. Cậu bé mang dao nhỏ ra nhận lời triệu tập. Lúc ấy có ngàn vạn loài cõi mây bay đến chỗ Sư Tử ở trong rừng. Người chưa đến gần, đứa con đến trước mặt cha nó quỳ xuống, làm ra vẻ thân ái để cho Sư Tử không nỗi sân hận. Rồi lấy dao đâm xuyên qua bụng Sư Tử. Vì lòng thương yêu cậu bé, Sư Tử không có chút sân hận nào hết. Bụng vở ra rồi chết. Vua nói rằng: - Người ở đâu mà kỳ tài thế! Vì phước lợi mà dụ được Sư Tử, hơn cả sức mạnh kia. Từ đó về sau chẳng còn lo lắng nữa. Cậu bé thuật lại sự tình của mình cho Vua nghe. Vua nói: - Đồ phản nghịch! Cha mầy mà còn bị mầy hại huống gì là những người không phải thân thuộc. Loài súc sanh khó dạy. Tánh tình hung bạo dễ náo động. Dù tạo được công lớn trừ hại cho dân nhưng giết cha là đồ nghịch tặc. Cho đồ trọng thưởng rồi bảo lui. Vua phóng thích vào tận nơi xa xôi để đề phòng sự mưu nghịch. Vua sắm sửa hai chiếc thuyền lớn có nhiều lương thực cho người mẹ ở lại, chu cấp thưởng công. Người con gái đi một chiếc thuyền khác bị sóng gió thổi đi xa biệt tích. Thuyền người con trai ra biển rồi trôi dạt vào bờ, gặp đảo nhiều ngọc ngà châu báu. Sau đó có một người thương nhân tìm trân bảo nên đến bờ biển nầy. Bèn giết người thương chủ để lại

người con gái. Như thế sinh ra con cái rất nhiều sau đó lên làm Vua và có triều thần trên dưới cho xây lại thành quách biên cương mà tổ tiên của họ là giống Sư Tử. Nhân đây, lấy tên đó đặt quốc hiệu, còn thuyền của người con gái bị trôi đến nước Ba Sắc Tu Tây, bị quỷ thần hiếp sanh ra một bầy con gái.Ở phía tây nước nầy là nước chỉ có toàn đàn bà. Cho nên người nước Sư Tử hình dáng đen đúa, có vầng trán và gò má rộng. Tánh tình mạnh bạo, an nhẫn, độc ngầm. Vì họ thuộc dòng dõi mãnh thú cho nên người ở đây rất mạnh khoẻ. Lại một thuyết khác, trong Phật Pháp có nêu ra như sau:

- 228 -

Ngày xưa nơi nầy là một nơi có nhiều của quý. Nơi đó có năm trăm La Sát Nữ cư ngụ. Trên thành có hai cây phan cao báo hiệu việc tốt xấu. Khi có việc tốt cây phan dao động bày phía chữ tốt, ngược lại khi xấu bày chữ xấu. Có một người thương nhân đến đảo quý nầy, La sát nữ biến thành mỹ nữ, mang hương hoa và tấu âm nhạc nghinh đón và dụ cho đi vào trong thành bằng sắt nầy hoan lạc trong ngục bằng sắt kia. Dần dần lấy làm thức ăn. Lúc đó ở Thiệm Bộ Châu có một thương chủ tên là Tăng Già, cũng còn gọi là Tăng Già La. Cha đã già cho nên thay cha làm việc cùng với năm trăm thương nhân đi vào trong biển tìm vật quý. Sóng gió làm thuyền trôi dạt vào đảo nầy. Lúc ấy cây phướn của La Sát Nữ hiện lên chữ Tốt. La Sát Nữ dùng hương hoa tấu âm nhạc để nghinh tiếp dụ dỗ họ vào thành sắt. Thương chủ đã cùng với La Sát Nữ Vương vui chơi thỏa thích. Còn những thương nhân khác vui đưa với những La Sát Nữ khác. Thời gian trôi qua sanh được một người con, kết quả của mối tình thâm giao nầy. Rồi muốn giam những người lái buôn vào trong ngục sắt. Lúc ấy ông Tăng Già La ngủ thấy ác mộng biết là không phải việc tốt, liền muốn trở về đất liền, nhưng gặp phải ngục sắt và nghe tiếng khóc bi thương, leo lên cây cao hỏi rằng: - Ai thốt ra lời bi thương oán hờn như thế? Đáp rằng: - Ông không biết à. Những người nữ trong thành nầy đều là La Sát cả. Ngày xưa họ dụ tôi vào trong thành nầy hoan lạc vui chơi. Anh cũng sẽ đến nơi ngục tối đó và cũng sẽ bị chúng ăn thịt như tôi đã bị. Bây giờ ở trong đó đã có nhiều người rồi, không bao lâu nữa các anh sẽ chịu họa nầy. Tăng Già La đáp: - Có kế gì thoát ra không? Tôi nghe rằng ở bờ biển có một con ngựa trời. Nếu đến đó cầu thỉnh, sẽ được cứu giúp. Nghe như vậy, Tăng Già La liền cáo từ người thương nhân ấy, chạy ra bờ biển nhất tâm cầu cứu. Lúc bấy giờ Thiên Mã (Ngựa Trời) đến bảo với ông ấy rằng: -Các anh mỗi người bám vào cái lông của tôi, nhớ đừng nhìn xuống. Tôi sẽ mang các anh bay qua biển thoát nạn. Khi nào đến Thiệm Bộ Châu, sẽ báo cho biết đã đến cố hương. Các thương nhân y theo lời dặn, hết sức bám chặt vào lông ngựa. Thiên Mã bay lên mây qua biển đến bờ. Các La Sát Nữ biết mọi người ấy đã đào thoát liền nói rằng: - 229 -

- Kỳ lạ thay họ đi hết rồi. Họ đã mang đứa bé bay lên hư không mà đi rồi. Biết rằng những người thương nhân kia đáp xuống bờ biển; cho nên ra lệnh bay theo để tìm, đang bay gặp các vị thương nhân trên hư không, La Sát Nữ khóc lóc nước mắt đầm đìa. Những người thương nhân không cho khóc nữa. La Sát Nữ nói rằng: - Tôi thật cảm động khi gặp người tốt đã cùng tôi ân ái vui vầy lâu rồi mà bây giờ lại bỏ đi, bỏ vợ bơ vơ lo lắng. Ai có thể nhẫn tâm như thế! Hãy vì hạnh phúc mà lưu lại nơi thành. Những người thương nhân nhứt quyết không muốn quay lại. Các La Sát Nữ cố gắng nài nỉ

nhưng không thành, bèn dùng yêu mị để chiêu dụ. Các vị thương nhân yêu đắm thật khó nhẫn chịu. Tâm muốn bỏ đi, nhưng thân muốn trở lại. Lúc ấy các La Sát Nữ liền bái tạ rồi mang những thương nhân về trở lại. Còn Tăng Già La trí huệ sâu thẳm, tâm lực kiên cố cho nên không mõi mệt, được vượt qua biển lớn, khỏi bị hiểm nguy. Lúc ấy, La Sát Nữ Vương trở về thành sắt một mình. Các La Sát Nữ khác nói: - Cô chẳng có mưu lược nên mới bị mất. Phải dùng những chước thuật đừng để mất cơ hội nầy. La Sát Nữ Vương mang đứa con bay đến trước Tăng Già La dùng những lời cực kỳ ủy mị phỉnh mời trở lại. Tăng Già La miệng tụng thần chú tay cầm kiếm bén đoạn hô lên: - Ngươi là La Sát. Ta là Người. Người và Quỷ hai loài khác nhau không thể sống chung được. Nếu mà làm khổ nữa ta sẽ giết ngươi ngay. La Sát Nữ biết dùng tình cảm để dụ dỗ không được, cho nên bay lên hư không đến tận nhà của Tăng Già La lừa gạt cha của Tăng Già rằng: - Con là Nữ Vương của một nước. Tăng Già La đã sống với con theo nghĩa vợ chồng và đã sanh hạ một đứa con. Chúng con mang đồ vật quý về lại cố hương nhưng thuyền qua biển gặp gió lớn chỉ còn lại mẹ con của con và Tăng Già La may mắn thoát được. Dầu núi sông cách trở, hạnh ngộ khó được nhưng một lời một ý nầy khi gặp được cũng đã toại nguyện rồi. Tăng Già La chửi mắng La Sát Nữ thậm tệ không chút vị nể. La Sát nói: - Đường về lại quê hương thì xa xôi, mang tấm thân cô độc tới lui - 230 -

không nơi nương tựa, chẳng biết trần tình cùng ai. Tăng Già nói: - Nếu thật như vậy thì hãy vào phòng. Ở chưa được bao lâu thì Tăng Già La về, Người cha nói rằng: - Sao con coi trọng tiền tài mà xem nhẹ tình nghĩa vợ chồng thế? Tăng Già La đáp: - Đây là con quỷ La Sát Nữ. Nó đã đến đây trước thưa cùng cha mẹ, thân tộc không biết việc gì mà xua đuổi. Lúc ấy La Sát đến tố cáo với Vua. Vua muốn xử tội Tăng Già La Tăng Già La nói: - La Sát Nữ vốn đa tình mỵ cảm, Vua làm sao tin được với cái tình huống nói lời tốt đẹp kia, rồi nói với Tăng Già La rằng: - Vậy đem người con gái nầy để vào hậu cung. Tăng Già La thưa: - Sợ rằng sẽ có tai họa. Bởi vì La Sát chỉ ăn máu thịt. Vua không nhận lời nói của Tăng Già La, mà sung La Sát vào hậu cung. Đêm sau phân thân bay về lại chỗ cũ triệu tập hơn 500 quỷ La Sát Nữ cùng đến Vương cung dùng chú thuật độc hại để tàn hại trong cung, để ăn thịt và uống máu người và vật. Sau đó mang những tử thi nầy về lại chỗ của mình. Ngày hôm sau quần thần triều đình tụ tập trước Ngọ Môn, nhưng cửa không mở. Ngay cả bên trong không có một tiếng người. Cho nên đập cửa xông vào. Mọi người tiến vào nơi cung đình, chẳng có người nào cả, chỉ còn hài cốt. Các quan xem xét trước sau thấy mất mác bi thảm khóc lên và biết đây là nguyên nhân của hoạn sự. Điều mà Tăng Già La đã nói trước, nhưng Vua không tin cho nên tự rước họa vào thân. Những vị lão Thần trong nước nầy cùng các quan lại, đồng hiểu rằng đức sáng và tài cao mà ngưỡng vọng Tăng Già La là bậc nhiều phước trí cho nên mới bảo với nhau rằng: -Phàm là Vua sao lại cẩu thả vậy! Phải nghĩ đến phước trí sau mới thể hiện minh triết. Nếu chẳng có phước trí, thì không có đức để bảo vệ ngôi Vua. Nếu không có minh triết không thể thông hiểu chơn lý cũng như thời cơ. Tăng Già La là bậc hiểu biết như vậy. Nhờ giấc mộng mà đã cảm ứng được Thiên Mã. Sự trình bày chân thật đó đúng là một bậc mưu trí có thừa, cho nên mang đến nơi đây một - 231 -

sự thành công mới, nên chúng dân xin tôn lên ngôi vị làm Vua. Tăng Già La không từ chối, hoan hỷ chấp nhận lời cung thỉnh của quần thần và các quan, sau đó lên ngôi

Vua. Với gương trước mà liền tiêu biểu cho kẻ hiền lương cho nên ra lệnh rằng: - Ta trước đây là thương nhân đến nước La Sát. Sự sống chết khó lường và việc tốt xấu khó phân. Nay được cứu ra khỏi nạn dữ nên hãy chỉnh đốn binh giáp để cứu nguy và giúp kẻ hoạn nạn làm phước cho quốc gia và lấy những của quý nầy làm lợi cho quốc gia, cho nên cử binh đi qua đảo kia. Lúc đó trên thành sắt lá cờ hiện lên chữ Hung, các La Sát Nữ thấy vậy bàng hoàng lo sợ liền ủy mị ra nghinh dụ dỗ. Vương đã biết điều dối trá ấy, nên ra lệnh các binh sĩ miệng tụng thần chú, thân hiện uy vũ. Các La Sát Nữ trấn giữ không được nên thối lui và bại trận. Khi chạy khỏi rồi, đảo nầy trở nên an ổn. Nước chảy thành màu hồng là do phá thành sắt, đập bể ngục sắt để cứu những thương nhân nhặt được nhiều của quý. Vua chiêu mộ lê dân đến ở đảo nầy, kiến lập thành ấp tạo nên quốc gia. Lấy tên của Vua làm tên của quốc gia, mà trong Bổn Sanh truyện của đức Thích Ca có ghi. Nước Tăng Già La có nguồn gốc xuất phát từ sự dâm loạn, nhưng sau khi Phật nhập diệt 100 năm, thì có em (con) của Vua A Dục Ma Hê Nhơn Đa La (Mahindha) xả ly ái dục, chí cầu Thánh Quả, chứng được lục thông và đầy đủ tám giải thoát. Ngài dùng thần túc bay qua hư không, để đến nước nầy, hoằng truyền Chánh Pháp lưu giữ lời dạy của đức Phật. Từ đó về sau phong tục thuần tín. Có hơn 100 ngôi Già Lam, và hơn hai vạn Tăng Sĩ tu theo Đại Thừa và Thượng Tọa bộ. Sau khi Phật Giáo truyền vào hơn 200 năm, ở đây chia ra làm hai bộ phái rõ ràng. Một là Ma Ha Tỳ Ha La Trụ Bộ, bài bác Đại Thừa tu tập Tiểu thừa. Phái khác, theo A Phạt Già Đệ Lý Trụ Bộ. Họ học cả hai thừa và hoằng truyền Tam Tạng. Tăng đồ giới hạnh thanh tịnh, định huệ sáng trong là những bậc mô phạm tuyệt vời, nơi Vương cung là một tinh xá thờ răng Phật, cao hơn 100 thước, lại trang sức bằng trân châu và những đồ trân quý. Bên trên tịnh xá có xây một cây trụ cao. Trên đó có để một cái bát báu gọi là Đàm Ma La Ca. Từ cái bát báu nầy phát ra ánh sáng rất vi diệu. Ngày đêm xa gần đều thấy sáng như ngôi sao. Nhà Vua cứ ba ngày lại đến nơi thờ răng Phật, để dâng nước, dâng hương cúng dường. Hoặc đốt nến, hoặc dùng những đồ trân bảo để tu phước cúng dường. Phía bên tịnh xá răng Phật có một tịnh xá nhỏ, nơi đây cũng được trang sức gồm nhiều kim loại quý, trong đó có một tượng Phật bằng vàng, mà tiên vương đã tự thân hiến cúng. Trên nhục kế của tượng được trang sức bằng đồ quý. Nhưng sau đó, có kẻ muốn lấy trộm, nhưng nhờ nhiều lớp cửa bao bọc mà trấn giữ được. Ăn trộm đào hầm thông dưới tinh xá để đi vào bằng hang, muốn trộm tượng quý, nhưng không được. Bọn trộm rút lui và

than rằng: -Như Lai ngày xưa tu hành khổ hạnh, khởi lòng đại bi phát hoằng thệ nguyện. Trên từ thân mệnh dưới đến quốc thành, vì lòng thương bốn loài mà chu cấp tất cả, mà bây giờ thì tượng quý như thế. Lời nói rất là hay nhưng bây giờ không phải là việc làm ngày xưa nữa, nên cúi đầu trước tượng quý và nếu lấy được sẽ đem đi bán. Có người thấy vậy mới nói rằng: - Đồ quý như thế là của tiên vương đã để trên đầu tượng Phật bằng vàng, mà nay từ đâu có mà bán? Sau đó, họ đến thưa với Vua và Vua hỏi xuất xứ từ đâu, kẻ trộm đáp rằng: - Phật tự cho con, con đâu có lấy. Vua biết là không thành thật cho nên ra lệnh kiểm tra trên đầu tượng Phật. Vua thấy linh thiêng tín tâm thuần chất cho nên không bắt tội người nầy mà lại chuộc gấp đôi đồ quý đó rồi cho an trí lên trên tượng trở lại, và tượng ấy gục đầu xuống cho đến ngày hôm nay. Bên cạnh

nhà Vua cũng kiến thiết một nhà ăn lớn, mỗi ngày có cả một vạn tám ngàn tăng ăn uống. Lúc ăn thì chư tăng mang bình bát đến để dùng. Ăn xong rồi thì trở về chỗ ở của mình. Từ khi Phật giáo được truyền sang, họ đều kiến thiết nơi thừa tự và sự cúng dường như thế. Con cháu nối tiếp truyền thống ấy cho đến ngày nay. Cả mười mấy năm, nước nầy chính sự bị rối loạn và chưa biết rõ ràng hưng phế ra sao (thời ngài Huyền Trang). Hải sản của nước nầy thâu thập được nhiều sản vật trân quý. Hoàng tộc của Vua đem cúng thần hoặc là bán đi. Cho nên đô nhân si tử đến đây rất nhiều, để mua bán để cầu phước báo. Nhiều loại như thế không giống nhau. Tùy theo từng loại vật quý mà được đóng thuế lên đó. Phía đông nam của nước có núi Lăng Già, có nhiều hang động u tịch thần bí nên chư thần hay tới lui. Tại nơi đây ngày xưa đức Phật nói kinh Lăng Già. Phía nam của nước nầy có bờ biển dài cả ngàn dặm, thuộc về châu Na La Khể La. Người ở Châu nầy nhỏ thó, cao khoảng ba thước ta, không dùng lúa gạo mà chỉ ăn dừa thôi. Phía tây của châu Na Lê Khể La, cũng có bờ biển dài hơn 1000 dặm. Dọc theo đảo nầy phía đông có tượng Phật bằng đá cao hơn 100 thước, mặt ngồi xây về hướng đông, để trái cầu Nguyệt Ái trên nhục kế, mỗi khi ánh trăng chiếu thì nước từ trái cầu chảy ra thấm vào đá, chảy ra suối. Lúc ấy có một thương nhân gặp gió to bão lớn thuyền tấp vào đảo - 233 -

nầy. Ở đây không có gì để uống, vì quá khát nước, người ấy gặp đúng hôm rằm, nên trên đỉnh đầu của tượng nước chảy ra tràn trề, người ấy chí thành nên có sự linh ứng ấy, cho nên có thể ở lại đây thêm nhiều ngày. Mỗi tháng sau đó, nước không chảy nữa. Lúc ấy thương nhân nghĩ rằng: - Chắc chắn nhờ sự gia hộ mà mình đã gặp được nước chảy ra. Nghe đến trái cầu Nguyệt Ái dưới ánh trăng chiếu, nước liền tuôn ra, chứ không phải trên đỉnh đầu có đồ vật quý sao? Liền leo lên để xem thì nhục kế trên tượng, thấy có một trái cầu tròn bằng đá và kể lại như vậy. Phía tây của đất nước, một bờ biển dài hơn 1000 dặm, đến Châu Đại Bảo. Nơi đây chẳng có người ở mà nơi của chư Thần, đem thanh vắng thấy ánh sáng phát ra từ núi và nước. Có nhiều thương nhân tới lui ở đây cảm nhận được những điều khó nói. Họ đến từ nước Đạt La Tỳ Trà, từ phía bắc xâm nhập vào rừng rậm rồi băng qua những thành ấp. cũng có những kẻ hung bạo kết bè với nhau để sát hại người lữ hành. Đi xa hơn 2000 dặm đến nước Trà Kiến Na Bổ La. Nước Trà Kiến Na Bổ La chu vi hơn 5000 dặm, Đô Thành có chu vi hơn 30 dặm. Đất đai màu mỡ cày cấy được mùa. Khí hậu nóng, phong tục mạnh bạo. Hình dáng đen đúa. Tánh tình dũng mãnh. Ưa học nghề nghiệp. Có hơn 100 ngôi Già Lam, và hơn vạn Tăng Sĩ, tu theo Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Có hơn 100 ngôi đền thờ. Ngoại Đạo sống tạp nhạp. Gần Vương cung, có một ngôi chùa lớn. Tăng đồ hơn 300 vị là những người có thật đức trong Già Lam này, có một Đại Tinh Xá cao hơn 100 thước. Bên trong có thờ một cái mũ báu của thái tử cao gần hai thước trang hoàng bằng đồ báu. Đến giờ Ngọ, người ta đem hương hoa cúng dường thì nơi thờ tự ấy phóng ra ánh sáng. Bên thành của Đại Già Lam có một tịnh xá cao hơn 50 thước. Trong đó có chạm tượng đức Từ Thị Bồ Tát bằng gỗ Bạch Đàn cao hơn 10 thước; đến giờ Ngọ phóng ra hào quang. Được biết rằng tượng nầy do hai trăm ức A La Hán tạo nên. Thành phía bắc chẳng xa có một rừng cây Đa La chu vi hơn 30 dặm. Lá của nó dài và rộng có màu sắc tươi nhuận. Thư từ của các nước đều dùng lá cây nầy. Trong rừng có một Bảo Tháp, đây là di tích của bốn vị

Phật trong quá khứ đã đi kinh hành ngồi thiền. Ở đây được nghe rằng có cả hàng hai trăm ức Bảo Tháp như thế để thờ di thân xá lợi của những vị A La Hán. Thành phía đông chẳng xa có một Bảo Tháp. Nơi đây hư hoại hơn 3 thước cao. Nghe người xưa nói lại rằng trong có thờ Xá Lợi của Đức Phật, - 234 -

đến giờ Ngọ phát ra ánh sáng diệu kỳ. Tại đây ngày xưa đức Như Lai đã thuyết pháp, hiện thần thông lực để hóa độ chúng sanh. Phía tây nam của thành không xa có một Bảo Tháp cao hơn 100 thước do Vua A Dục kiến tạo. Được nghe rằng nơi đây đã có hai trăm ức vị A La Hán đã hiện thần thông để hóa độ chúng sanh. Bên cạnh đó có một Già Lam, bây giờ chỉ còn nền móng. Chùa nầy do các A La Hán kiến tạo nên. Từ đây đi về hướng Tây Bắc, vào trong rừng sâu, có rất nhiều mãnh thú nguy hiểm, mạnh bạo hung tàn. Đi hơn 2450 dặm nữa đến nước Ma Ha Sách Trạch. Nước Ma Ha Sách Trạch có chu vi hơn 6000 dặm. Đô Thành ở phía tây giáp với sông lớn có chu vi hơn 30 dặm. Đất đai màu mỡ cày cấy trồng trọt tốt tươi. Khí hậu ôn hòa, phong tục thuần chất. Hình thù to lớn, tánh tình buông lung. Có ân thì đền, có oán thì trả. Người bị lăng nhục có thể chết cũng báo thù. Lúc cùng quẫn dù bị chặt đầu chặt chân cũng báo thù. Cả hai bên đều kiên cường nhưng sau đó thì lắng dịu. Lâm trận mà thối lui, nếu không bị giết cũng bị giáng chức. Lính mà thất trận sẽ bị hình phạt cho mặc đồ đàn bà xấu hổ mà chết. Nhà nước nuôi những kẻ lực sĩ và dũng sĩ hơn cả trăm người, mỗi mỗi vì sự quyết chiến mà cho uống rượu say, mang hàng vạn mũi tên nhọn đâm tới. Gặp người phản quốc, hình phạt chẳng kém. Khi ra đi đánh trống đánh chuông làm tiền đạo, lại phục rượu cho hàng trăm con voi say để chiến đấu và chúng dày xéo lên người khác không tha. Vua nước nầy mang người và voi đến nước bên cạnh. Vua thuộc dòng dõi Sát Đế Lợi, tên gọi là Bổ La Khể Xá, mưu kế sâu xa, nhân từ rộng rãi. Thiên hạ đã vì chữ trung mà hy sinh hết mình. Lúc ấy Vua Giới Nhựt đông chinh, tây phạt từ xa đến đây duy chỉ có người nước nầy là không thần phục, kêu gọi năm nước Ấn Độ, và chiêu mộ các nước lân bang, thân chinh thảo phạt, tức sẽ thắng. Đúng ra binh lính ở đây như vậy và tục lệ ở đây cũng như thế. Người ở đây thích học tập nhưng tin theo cả tà lẫn chánh. Có hơn 100 ngôi Già Lam và hơn 5000 Tăng Sĩ tu theo Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Có hơn 100 ngôi đền thờ, có nhiều ngoại đạo sinh sống ở đó. Trong và ngoài thành lớn có 5 Bảo Tháp thờ bốn vị Phật quá khứ đi kinh hành và ngồi thiền do Vua A Dục dựng nên. Trừ những Bảo tháp bằng gạch và đá, đa phần đều bị hư hoại không dùng được. Phía Nam thành không xa, có một Già Lam cũ. Trong đó có một tượng Bồ Tát Quán Tự Tại bằng đá rất linh thiêng khi nguyện cầu có nhiều kết quả. Biên giới phía đông nam của nước có dãy núi lớn làm cương lĩnh trọng yếu. Tại đây có nhiều Chùa Viện trong hang cốc, cũng có nhiều - 235 -

chùa xây trên núi, có nhiều tầng và lưng chùa là vách núi. Do ngài A La Hán A Chiết La xây dựng, vị A La Hán nầy là người miền tây Ấn Độ, mẹ của ngài sau khi mạng chung, Ngài muốn quán sát xem sanh về xứ nào thì thấy sanh vào nước nầy và thọ thân người nữ. Vị A La Hán ấy lại đi đến nơi đây, muốn hóa độ phải tùy cơ nhiếp thọ vào làng khất thực, rồi đến nhà của mẹ ngài sanh ra. Người mẹ mang đồ ăn cúng thí, rồi sữa trong mình tự nhiên chảy ra, bà cảm nhận vị tu sĩ nầy là kẻ thân thuộc nhưng chưa có rõ. Vị A La Hán thuyết pháp Nhân Duyên, bà nghe mà chứng thánh quả. Vị A La Hán ấy nhớ

ơn sanh thành dưỡng dục và mong được đền đáp được nghiệp duyên đó là sự trả hiếu tạo đức một cách sâu dày nên xây dựng Già Lam nầy. Trong Già Lam đó có một tịnh xá lớn, cao hơn 100 thước, trong đó có một tượng Phật bằng đá, cao hơn 70 thước. Bên trên tượng đá có Bảo Cái bảy lớp, dệt thêu đẹp đẽ. Bảo cái ấy cao cả ba thước. Nghe người xưa nói rằng đây là do nguyện lực của A La Hán mà có được, hoặc cũng có nơi nói đây là nhờ vào thần thông lực, hoặc cũng có nơi nói do công lao của nghề làm thuốc..... mà những khảo sát thực tế chưa có rõ ràng. Bốn bên tịnh xá tường đá được điêu khắc chạm trỗ, những hình ảnh của đức Như Lai ngày xưa khi tu hạnh Bồ Tát và những nguyên nhân trước. Sau khi chứng Thánh Quả vào nơi nhập diệt rồi có nhiều linh ứng. Những điều nhỏ nhặt không có di tích cũng đều cho khắc vào. Bên ngoài cửa của Già Lam mỗi bên đều có một con voi đá. Nghe người xưa nói lại rằng: Con voi nầy có lúc nó rống lên tiếng lớn đất đai chấn động và ngày xưa đây cũng là chùa mà Bồ Tát Trần Na dừng chân. Từ đây đi về phía tây hơn 1000 dặm, qua sông Nại Chư đã đến nước Phạt Lục Yết Chiêm Ba. Nước Phạt Lục Yết Chiêm Ba có chu vi 2450 dặm. Đô Thành có chu vi hơn 20 dặm. Đất đai khô cằn, cây cỏ mọc hoang. Biển nóng nên nghề nghiệp hướng về biển cả. Khí hậu rất nóng. Gió mùa thổi đột ngột, phong tục đơn sơ. Tánh người ngụy trá. Chẳng biết học tập nghề nghiệp. Tà chánh đều tin. Có được 10 ngôi Già Lam, và hơn 300 Tăng Sĩ tu tập theo Đại Thừa và Thượng Tọa bộ. Có 10 đền thờ, ngoại đạo sống chen chúc với nhau. Từ đây qua phía tây bắc đi hơn 2000 dặm, đến nước Ma Lạp Bà. Nước Ma Lạp Bà có chu vi hơn 6000 dặm. Đô thành có chu vi hơn 30 dặm, giáp với sông Mạc Ê ở phía đông nam. Đất đai màu mỡ, Cày cấy trồng trọt tốt tươi. Cây cỏ hoa trái sum sê. Đặc biệt họ dùng nhiều lúa mạch và bánh trái cũng bằng lúa mì. Tâm tánh thuần hậu, thật là thông minh. Ngôn ngữ hoành tráng. Nghề nghiệp ưu tú thâm sâu. Nơi biên giới của 5 nước Ấn Độ có 2 nước ham học hỏi. Ở phía tây nam có - 236 -

nước Ma Lạp Ba, ở phía đông bắc có nước Ma Yết Đà. Tại hai nước nầy có những bậc thạc đức cao minh, mẫn tiệp thông thái, nhưng mà những nước nầy cũng đều tin tà chánh không phân biệt. Có hơn 100 ngôi Già Lam, và có hơn hai vạn Tăng Sĩ, tu theo Tiểu thừa Chánh Lượng Bộ. Có hơn 100 ngôi đền ngoại đạo, họ sống tạp cư rất ư lộn xộn, đa phần tu theo đạo lõa thể. Theo sử của nước cho biết rằng: Sáu mươi năm trước đây, Vua Thi La A Dật Đa (Giới Nhựt) có trí huệ cao minh, tài cao học rộng, biết trước, yêu mến bốn loài, kính sùng Tam Bảo. Vốn sanh ra từ một vị thần, từ khi chưa mọc răng, mặt chưa hề sân hận và tay không hại một vật. Khi cho voi ngựa uống nước, sợ tánh của nước bị tổn. Lòng nhân từ như vậy đó, cho nên ở ngôi Vua đến 50 năm. Loài dã thú cũng như người ở trong nước nầy lê dân chẳng sát hại. Trong cung Điện có kiến lập tinh xá, trang trí rất tinh xảo, thật là trang nghiêm. Bên trong có tạc bảy tượng Thế Tôn. Mỗi nơi đều thiết lễ cúng trai đàn Thủy Lục, triệu tập bốn phương tăng đồ tu phước bố thí, tứ sự cúng dường, hoặc ba y bình bát, hoặc thất bảo trân kỳ. Trên đời thật hiếm có khó thấy. Phía tây bắc thành lớn đi hơn 20 dặm, đến làng của Bà La Môn. Bên cạnh đó có một cái hố cạn. Mùa thu mùa hạ thì đọng lại, rồi ngấm sâu từng ngày. Tuy có nước chảy vô nhưng chưa bao giờ đầy. Bên cạnh đó lại xây dựng một Bảo Tháp nhỏ và nghe người xưa kể lại, đây là nơi ngày xưa Đại Ngã Mạn Bà La Môn bị đọa vào địa

ngục. Ở ấp nầy, có một vị Bà La Môn khi sanh ra biết rộng hiểu nhiều thâm cứu hết thảy nội và ngoại điển đến chỗ thâm huyền. Ngày tháng văn tự cái gì cũng thông suốt. Phong cách mô phạm thanh cao, ai nghe cũng đều kính nể. Cho đến Vua cũng trân quý cung kính và quốc dân đều tôn trọng. Học trò có hơn 1000 người đều là những bậc nổi danh. Một hôm nói rằng: - Ta vốn vì đời mà xuất thế, thuật lại các việc Thánh để hướng dẫn cho người Phàm. Trước là những kẻ hiền nhân, sau là những nhà triết học, chẳng có ai có thể so sánh với ta. Sánh với Đại Tự Tại Thiên, Bà Sổ Thiên, Na La Diên Thiên, cùng với Phật. Người nào cũng có những kỹ thuật để dạy đạo, nhưng mà chưa thể cạnh tranh, được tôn kính triệt để. Ta nay đức độ đã đầy đủ, đã có tên trên danh đàn một thời với họ, chẳng khác gì những sự vinh hiển. Bèn dùng gỗ chiên đàn màu đỏ, khắc tượng Đại Tự Tại Thiên, Bà Sổ Thiên, Na La Diên Thiên, Phật Thế Tôn v.v...đoạn làm tòa ngồi có bốn chân. Khi nào có ai đến, ông ta tự phụ leo lên ngồi, với tâm đầy ngã mạn như thế. Lúc ấy ở phía tây Ấn Độ có một vị Tỳ Kheo, tên là Bạt Đà La Sổ Chi (Hiền Ái). Hiểu rất rõ ràng về Nhân Minh và nghiên cứu thâm sâu các Luận khác. Đạo phong thuần hậu, hương giới lan xa, thiểu dục tri túc, chẳng mong muốn một việc gì. Nghe như thế than rằng :

- Tiếc thay! trên đời chẳng ai có! Ông ta dại quá, làm việc thất đức. Từ xa, chống tích trượng mang đãy đến nước nầy với tâm tha thiết tâu lên Vua. Vua thấy cách ăn mặc xềnh xoàng nên không có cảm tình, nhưng nghe ý chí cao cả mạnh hơn hình thức lễ nghi, vì thế bèn sửa soạn nơi đàm luận và mời Bà La Môn đến. Bà La Môn nghe cười bảo: - Ông ấy là ai? Ý muốn gì mà đến đây? Thuộc trường phái nào mà đến luận bàn? Liền kêu cả trăm ngàn người đến đứng trước sau chờ nghe. Ngài Hiền Ái vận y đơn sơ, trải cỏ làm tòa ngồi, trong khi Bà La Môn ngồi nguyên như trước phỉ báng Chánh Pháp, nêu cao ý tà. Thầy Tỳ Kheo biện luận thanh cao, lưu loát trước sau, cho nên Bà La Môn cảm tạ khuất phục. Vua mới bảo rằng: - Đã lâu ông là kẻ hư danh, lạm dụng lòng của mọi người, theo luật lệ xưa ghi lại, kẻ nào luận thua thì phải chết, bị bánh xe sắt nghiền thây ngay chỗ ngồi. Bà La Môn cùng quẫn bức bách vâng mệnh cầu cứu. Ngài Hiền Ái xót thương xin Vua rằng: - Tâu Đại Vương, xin ngài lấy lòng nhân từ cho kẻ xa đến, để đời đời được nghe tiếng tốt truyền tụng. Hãy ban bố lượng từ bi giáo hóa, đừng làm cái việc kia nữa. Nếu Vua không thi hành thì Bần tăng sẽ bỏ đi. Vua ra lệnh cỡi lừa đi khắp nơi trong thành để loan báo. Bà La Môn xấu hổ nhục nhã sinh phẫn hận thổ huyết. Vị Tỳ Kheo kia nghe xong liền đến an ủi mà nói rằng: - Nhà ngươi học hết nội ngoại điển, nghe hiểu mọi điều mà sự vinh nhục chỉ là sự tới lui thường tình. Phàm cái danh ấy đâu có phải là thật. Bà La Môn lại còn phẫn nộ vô cùng, mắng vị Tỳ Kheo thê thảm và phỉ báng Đại Thừa, khinh chê các bậc tiên Thánh. Lời nói chưa xong, đất liền nứt ra, thân sống nầy rơi xuống sâu. Di tích vẫn còn đây. Từ đây qua phía tây nam ra đến biển gặp phía tây bắc đi hơn 2450 dặm lại đến nước A Thác Lý. Nước A Thác Lý có chu vi hơn 6000 dặm. Đô Thành hơn 20 dặm, Cư dân đông đúc, của quý tích tụ, cày cấy tuy được mùa, nhưng hưng bại lại khó biết. Đất đai nhiều cát, hoa quả rất ít, sản xuất hồ tiêu và lá tiêu non. Sản xuất gỗ trầm hương và những cây lê. Khí hậu nhiệt đới, có - 238 -

nhiều gió mùa. Người tánh tình thô thiển, trọng tài chê đức. Ngôn ngữ, văn tự, nghi lễ các việc giống như nước Ma Lạp Ba. Đa phần không tin phước đức. Những tín đồ đều tin theo Thiên Thần, có hơn 10 ngôi đền thờ. Ngoại đạo sống lẫn lộn. Từ nước Ma Lạp Ba đi về phía tây bắc hơn 3 ngày, đến nước Khiết Thác. Nước Khiết Thác có chu vi hơn 300 dặm. Đô Thành có chu vi hơn 200 dặm. Dân cư sống đông đúc, nhà cửa giàu có, không người cai trị nên trực thuộc nước Ma Lạp Ba. Vì phong tục tập quán, thổ sản cũng giống với nước nầy. Có hơn 10 ngôi Già Lam, và hơn 10 ngàn Tăng Sĩ, tu theo cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Có hơn 10 ngôi đền thờ, đa phần là ngoại đạo. Từ đây đi về hướng bắc hơn 1000 dặm, đến nước Phạt Lạp Tỳ. Nước Phạt Lạp Tỳ có chu vi hơn 6000 dặm. Đô Thành có chu vi hơn 30 dặm. Đất đai thổ sản khí hậu điều hòa, phong tục tánh tình giống như người nước Ma Lạp Ba. Cư dân ở trong những nhà cửa sang trọng giàu có. Có người giàu có trở thành tỷ phú, số đó hơn 100 người. Xa gần đồ quý đều đem đến nước nầy. Có hơn 100 ngôi Già Lam, và hơn 6000 Tăng Sĩ tu theo Tiểu Thừa Chánh Lượng Bộ. Có 100 ngôi đền thờ. Ngoại đạo sống tạp cư. Khi đức Như Lai còn tại thế đã nhiều lần đi đến nước nầy, cho nên Vua A Dục đã cho kiến thiết những Bảo Tháp và trồng cây nơi Phật dừng chân. Đây cũng còn là di tích của ba vị Phật trong quá khứ đã kinh hành ngồi thiền và thuyết pháp. Vua bây giờ thuộc dòng Sát Đế Lợi là cháu của Vua nước Ma Lạt Ba, là con của Vua Thi La A Dật Đa thuộc nước Yết Nhược Cúc Phiệt bây giờ, hiệu là Đỗ Ngư Ba Phạt Thác. Tánh tình thô tháo, trí mưu đều thiển cận. Tuy nhiên thuần tín nơi Tam Bảo. Mỗi năm đều thiết lễ Đại Hội bảy ngày, dùng món ngon vật lạ để cúng dường chư Tăng cùng với ba y và thuốc men các thứ, gồm đủ bảy loại quý báu, rồi thêm bố thí làm phước để đức lại cho đời. Tôn trọng đạo lý học thuật, xa gần cao tăng đều được kính lễ. Đi ra khỏi thành chẳng xa, có một đại Già Lam, do vị A La Hán A Chiết La kiến lập. Nơi đây cũng là nơi dừng chân của ngài Bồ Tát Đức Huệ, Kiên Huệ. Tại đây ngài đã chế Luận và truyền đi một cách rộng rãi. Từ phía tây bắc, đi hơn 700 dặm đến núi A Nan Đà Bổ La nằm phía tây Ấn Độ. Nước A Nan Đà Bổ La có chu vi hơn 2000 dặm. Đô thành chu vi hơn 20 dặm. Dân cư đông đúc, nhà cửa giàu có, vì không có người đứng đầu nên lệ thuộc nước Ma Lạp Ba. Đất đai, khí hậu, văn tự, pháp luật đều giống như nhau. Có hơn 10 ngôi Già Lam, gần 1000 tu sĩ tu tập theo Tiểu thừa Chánh Lượng Bộ. Có 10 ngôi đền thờ. Ngoại đạo sống tạp nhạp. Từ nước Phạt Lạp Tỳ đi qua phía tây hơn 500 dặm, đến nước Tô Sắc Đà nằm phía tây của biên giới Ấn Độ. Nước Tô Sắc Đà chu vi hơn 4000 dặm. Đô Thành chu vi hơn 30 dặm. - 239 -

Phía tây giáp với sông Mạc Ê. Cư dân sống đông đúc, nhà cửa tài sản phong phú, lệ thuộc nước Phạt Lạp Tỳ. Đất đai khô cằn, hoa quả rất ít. Mùa đông có gió thổi mạnh, phong tục thô sơ. Tánh tình nhẹ dạ. Chẳng ham học tập nghề nghiệp. Dân chúng tà chánh đều tin. Có hơn 50 ngôi Già Lam và hơn 3000 Tăng Sĩ tu theo Đại Thừa và Thượng Tọa Bộ. Có hơn 100 ngôi đền thờ. Ngoại đạo sống chen chúc với nhau. Đất nước nầy có bờ biển nằm về phía tây. Ai sống gần biển rất thuận lợi, để mua bán trao đổi. Đi khỏi thành không xa mấy, có núi Hữu Thiện Đà. Trên đỉnh có một ngôi Già Lam, phòng ốc hành lang đã hư hoại, cây cối suối chảy giao nhau. Đây cũng là nơi thánh hiền lui tới dừng chân, cũng như các tiên thánh qua lại tập hợp. Từ nước Phạt Lạp Tỳ đi về phía bắc hơn 1800 dặm, đến nước Cù Chiết La nằm phía tây biên giới Ấn Độ. Nước Cù Chiết

La có chu vi hơn 5000 dặm. Đô Thành hiệu là Tỳ La Ma La có chu vi hơn 30 dặm. Đất đai phong tục giống như nước Tô Sắc Đà. Cư dân sống phồn thịnh, nhà cửa giàu sang, vì có nhiều ngoại đạo nên ít tin Phật Pháp. Chỉ có một ngôi Già Lam, và hơn 100 Tăng Sĩ tu theo Tiểu Thừa Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Có 10 ngôi đền thờ. Ngoại đạo sống hỗn tạp. Vua thuộc dòng Sát Đế Lợi. Khi tuổi còn nhỏ trí dũng lại cao mưu, thâm tín Phật Pháp, nhưng đến khi cao tuổi luôn thay đổi khác thường. Từ đây qua phía đông nam đi hơn 2800 dặm đến nước Ô Phiệt Diễn Na thuộc miền nam Ấn Độ. Nước Ô Phiệt Diễn Na có chu vi hơn 6000 dặm. Đô thành có chu vi hơn 30 dặm. Đất đai phong tục giống như nước Tô Sắc Đà. Cư dân phồn thịnh, nhà cửa giàu có. Có hơn 10 ngôi Già Lam, đa phần đã hư hoại, chỉ còn lại năm ba ngôi và có hơn 300 Tăng Sĩ tu theo cả Đại Thừa và Tiểu Thừa. Có hơn 10 ngôi đền thờ. Ngoại đạo hầu hết sống tạp nhạp. Vua thuộc giai cấp Bà La Môn, thông suốt kinh điển ngoại đạo, không tin Phật Pháp. Đi khỏi thành chẳng bao xa, có một Bảo Tháp là nơi mà Vua A Dục làm nên một cái địa ngục. Từ đây đi về hướng đông bắc hơn 1000 dặm, đến nước Trịnh Chỉ Đà. Nước Trịnh Chỉ Đà có chu vi hơn 4000 dặm. Đô Thành có chu vi 15 hay 16 dặm. Đất thấp nên cày cấy lúa thóc được mùa. Cũng có trồng được lúa mạch và hoa quả. Khí hậu điều hòa, tánh tình người ở đây thuần lương. Đa phần tin theo ngoại đạo, ít kính tín Phật Pháp. Có 10 ngôi Già Lam, rất ít chư tăng. Có khoảng 10 ngôi đền thờ, mà ngoại đạo lên đến số ngàn. Vua thuộc dòng dõi Bà La Môn, bài bác Tam Bảo, nhưng tôn trọng đức cho nên các bậc học rộng hiểu nhiều đều vân tập nơi đây. Từ đây đi về hướng bắc hơn 900 dặm, đến nước Ma Ê Thấp Phạt La Bổ La, nằm ở miền trung Ấn Độ. - 240 -

Nước Ma Ê Thấp Phạt La Bổ La có chu vi hơn 3000 dặm. Đô Thành chu vi hơn 30 dặm. Đất đai, phong tục giống như núi Ô Phạt Diễn Na, tôn kính ngoại đạo chẳng tin Phật Pháp. Đền Thờ có 10 ngôi, đa phần tu theo đạo lõa thể. Nhà Vua thuộc dòng dõi Bà La Môn, cũng chẳng tin sâu Phật Pháp. Từ đây đi trở lại thì đến nước Cù Chiết La. Lại hướng về phương bắc đi qua những nơi hoang dã nguy hiểm hơn 1900 dặm, qua sông Tín Độ (Sông Sin Đu), đến nước Tín Độ ở phía tây Ấn Độ. Nước Tín Độ chu vi hơn 7000 dặm. Đô Thành hiệu là Tỳ Thiêm Bà Bổ La (Vichavapura) có chu vi hơn 30 dặm. Cày cấy lúa thóc được mùa. Đây là nơi sản xuất vàng bạc, ngọc ngà, đá quý. Lại có thêm trâu, dê, lạc đà, lừa và những loại gia súc khác. Tuy chỉ có một ngọn núi sản xuất muối đỏ, có màu sắc giống như đá đỏ, trắng, đen v.v...như người ở nơi khác đến đây lấy để làm thuốc. Con người tánh tình cương nghị, chất trực, hay đấu tranh, ưa phỉ báng, học hành, không đến đâu, nhưng lại thâm tín Phật Pháp. Có 100 ngôi Già Lam, hơn vạn tăng đồ, tất cả đều học theo Tiểu Thừa phái Chánh Lượng Bộ. Lại thêm tánh tình biếng nhác, tệ hại, nhưng cũng có người siêng năng. Họ thường thích ở riêng một mình nơi núi rừng yên tĩnh. Có người trước kia là ăn trộm nhưng lại chứng thánh quả. Có hơn 30 ngôi đền. Ngoại đạo sống tạp cư. Vua thuộc dòng Thủ Đà La (Sùdra - Giai cấp nông dân), tánh tình thuần hậu, tôn kính Phật Pháp. Ngày xưa đức Như Lai có lần đi đến xứ nầy, nên với tâm nguyện xây dựng Thánh tích, Vua A Dục kiến tạo hơn 10 Bảo Tháp ở đây. Ngài A La Hán Ô Ba Cúc Đa cũng đã từng đi đến đây, thuyết pháp khai đạo. Ngày nay vẫn còn di tích lối kiến tạo Già Lam, hoặc kiến tạo Bảo Tháp còn nhiều việc khác nữa nhưng đại lược là như vậy. Bên sông Tín Độ, đi hơn 1000 dặm, có hơn 100 ngàn

nhà ở nơi bờ sông. Người dân tánh tình cương nghị, nhưng việc chánh là sát sanh nhưng không giết bò trâu. Nam nữ sống lẫn lộn nhau không biết xấu hổ. Tóc cắt ngắn, y phục xùng xình, mặc giống như tu sĩ nhưng làm việc thế tục. Chấp Tiểu thừa, phỉ báng Đại Thừa. Tương truyền rằng: - Xưa kia tại đất nầy, cư dân rất đau khổ trong sự bạo tàn nầy. Có một vị A La Hán thương cảm sự điên đảo ấy, muốn hóa độ họ nên từ hư không mà đến. Hiện đại thần thông tạo nên những việc hy hữu, làm cho họ tin theo, rồi từ từ nghe lời dạy. Những kẻ ấy vui vẻ cung kính, nguyện y theo lời dạy mà sám hối. Vị A La Hán ấy biết họ tâm đã quy thuận, liền cho họ thọ tam quy, rồi việc hung bạo sát hại sanh mạng tất nhiên đoạn diệt. Cạo tóc mặc áo hoại sắc để thừa hành Phật sự. Thời gian trôi qua tuy càng thâm nhập, nhưng thói đời càng xa càng dễ thay đổi. Dù có giữ việc thiện nhưng không còn hoàn hảo. Tuy mặc pháp y nhưng thường hay phạm giới. Con cái đời nầy qua đời kia theo thói quen mà thành - 241 -

tục lệ. Từ phía đông, đi hơn 900 dặm qua sông Tín Độ đến bờ sông phía đông gặp nước Mậu La Tam Bộ Lô, thuộc biên giới phía tây Ấn Độ. Nước Mậu La Tam Bộ Lô có chu vi hơn 4000 dặm. Đô Thành chu vi hơn 30 dặm. Cư dân phồn thịnh, nhà cửa giàu có. Họ lệ thuộc nước Trách Già. Đất đai màu mỡ. Khí hậu ôn hòa, phong tục chất trực ham học và ưa cái Đức, tin nhiều về Thiên Thần và ít tin tưởng Phật Pháp. Có hơn 10 ngôi Già Lam, đa phần đã bị hoang phế và có rất ít Tăng Sĩ, có học nhưng không chịu thực hành. Có 8 ngôi đền thờ. Ngoại đạo sống tạp cư. Có một đền thờ rất trang nghiêm tráng lệ. Một ngày nọ tượng thiên thần phát ra ánh sáng màu vàng rực rỡ, linh dị u hiển thần thông kỳ diệu. Đàn bà tấu nhạc suốt đêm đến sáng. Rồi hương hoa cúng dường chẳng dứt. Chính các Vua của nước Ấn Độ giàu có nên đã bỏ của thí ấy dùng những của trân bảo để kiến lập nhà Từ Thiện để chu cấp thuốc men, đồ ăn uống cho những người bệnh nghèo. Những người của nước khác đến đây nguyện cầu số thường trên ngàn người. Chung quanh bốn bên đền thờ đều có ao hồ hoa trái, tạo nên chỗ thưởng ngoạn tuyệt mỹ. Từ phía đông nầy đi qua phía bắc hơn 700 dặm đến nước Bát Phạt Đa thuộc miền bắc Ấn Độ. Nước Bát Phạt Đa có chu vi hơn 5000 dặm. Đô Thành có chu vi hơn 20 dặm. Cư dân phồn thịnh, thuộc nước Trách Già, có nhiều lúa mì và lúa mạch. Khí hậu điều hòa, phong tục chất trực. Người dân tánh tình nóng nảy, hay nói những lời thô bỉ. Nghề nghiệp chuyên tinh, tin cả tà lẫn chánh. Có mười ngôi Già Lam, và hơn 1000 Tăng Sĩ tu theo cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Có bốn Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên. Có 20 ngôi đền và ngoại đạo sống lộn xộn. Phía bên thành có một ngôi Già Lam rất lớn có hơn 100 Tăng Sĩ, tu học theo Đại Thừa Giáo. Ở đây ngày xưa, ngài Sân Na Phất Đản La (Tối Thắng Tử) soạn Du Già Sư Địa thích luận ở đây. Ngài Hiền Ái luận sư và Ngài Đức Quang luận sư cũng xuất gia nơi đây. Chùa nầy đã bị hỏa thiêu cho nên bây giờ rất hoang tàn. Từ nước Tín Độ phía tây nam đi hơn 1560 dặm, đến nước A Điểm Bà Sí La nằm phía tây biên giới Ấn Độ. Nước A Điểm Bà Sí La có chu vi hơn 5000 dặm. Đô Thành hiệu là Yết Tế Thấp Phạt La có chu vi hơn 30 dặm nằm ở biên giới phía tây gần sông Tín Độ và bên cạnh bờ biển. Nhà cửa giàu có và có nhiều của quý. Gần đây không có người kế tục cho nên trực thuộc nước Tín Độ, đất đai ẩm thấp lồi lõm, cỏ lúa mọc đầy. Lúa thóc tuy có, nhưng đa phần lúa mạch là đặc sản. Khí hậu lạnh. Gió rét cắt da. Nơi đây có nhiều bò, dê, lạc đà, lừa. Tánh tình con người nóng nảy, chẳng thích học tập. Ngôn

ngữ sổ sàng khác với miền trung Ấn Độ. Tập tục thuần hậu kính sùng Tam Bảo. Có 80 ngôi Già Lam, và hơn 5000 Tăng Sĩ đa phần học theo Tiểu Thừa - 242 -

Chánh Lượng Bộ. Có mười ngôi đền thờ. Họ theo đạo lõa thể. Trong thành có một đền thờ Đại Tự Tại Thiên. Đền thờ và tượng được điêu khắc rất đẹp và linh thiêng. Những người ngoại đạo dời nhà cửa vào ở bên trong. Ngày xưa đức Như Lai cũng đến đó để độ người, chỉ dẫn cho những kẻ phàm tục được lợi lạc. Cho nên Vua A Dục xây dựng những Thánh Tích đến 6 Bảo Tháp tất cả. Từ đây đi về phía tây hơn 2000 dặm đến nước Lang Yết La, ở phía tây biên giới Ấn Độ. Nước Lang Yết La từ phía đông sang phía tây và từ phía bắc xuống phía nam hơn 1000 dặm. Đô Thành hơn 30 dặm. Đô Thành tên là Tốt Thố Lê Thấp Phạt La. Đất đai màu mỡ. Lúa thóc được mùa. Khí hậu phong tục giống như nước A Điểm Bà Sí La. Cư dân giàu có, chứa nhiều của quý. Nước nằm gần biển lớn. Đi về phía tây gặp nước toàn phụ nữ. Vì không có người lãnh đạo, cho nên có nhiều kẻ tự phát không vâng lệnh ai cả. Bây giờ thuộc nước Ba Sắc Tư. Chữ viết giống như Ấn Độ nhưng tiếng nói thì khác. Tin theo cả tà lẫn chánh. Có hơn 100 ngôi Già Lam và hơn 6000 Tăng Sĩ tu theo cả Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa. Có hơn 100 đền thờ. Ngoại đạo đa phần tu theo phái lõa thể. Trong thành có đền thờ Tự Tại Thiên rất trang nghiêm tráng lệ. Đây là nơi tập họp của những người tu lõa thể. Từ phía tây bắc đến nước Ba Sắc Tư (không phải bên trong nước Ấn Độ - Nước Ba Tư). Nước Ba Tư có chu vi hơn vạn dặm. Đô Thành hiệu là Tô Sách Tát Quân Na có chu vi hơn 40 dặm. Đất đai sông núi có nhiều. Khí hậu lại thay đổi thuộc miền nhiệt đới nên phải dẫn nước vào ruộng. Người người giàu có. Nơi đây sản xuất vàng, kim loại quý, đá quý, những loại thủy tinh trân kỳ. Ở đây có dệt vải và làm những loại lông thú. Giỏi cỡi ngựa và lạc đà, trao đổi bằng tiền kẽm, bằng bạc. Tánh người thô bạo. Tục lệ chẳng có lễ nghi. Văn tự ngôn ngữ khác với các nước. Chẳng có nghề nghiệp nhưng có nhiều sản phẩm công nghệ. Sản phẩm đều do người ở nước bên cạnh mang qua là chính yếu. Hôn nhân lộn xộn. Thây chết vứt bừa bãi. Hình dáng người to lớn, đầu hói trán rộng. Mặc y phục bằng da và bằng bông. thuế nhà bốn đồng tiền kẽm. Có rất nhiều đền thờ, thuộc học trò của phái Ngoại đạo Đề Na Phạt. Chỉ có hai ba ngôi Già Lam và hơn 100 Tăng Sĩ. Họ học tập theo Tiểu Thừa, thuộc Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Bình bát của đức Phật Thích Ca nằm trong vương cung. Biên giới phía đông có thành Hạt Chu. Bên trong thành không rộng, nhưng mà thành ngoài chu vi hơn 60 dặm. Người ở đây sinh sống giàu có. Phía tây bắc giáp với nước Phất Lẫm, vì ở gần cho nên phong tục cũng giống như nước Ba Tư. Hình mạo và ngôn ngữ cũng khác, có nhiều tài nguyên thiên nhiên giàu có phong phú. Phía tây nam của nước Phất Lẫm là biển và đảo. Phía tây là nước Nữ Quốc, tất cả dân chúng đều là đàn bà chẳng có đàn ông. Những đồ trân bảo được bán vào nước - 243 -

Phất Lẫm cho nên kho Vua của Phất Lẫm được đem phân phát cho mọi người. Phong tục của nước nầy, nếu sinh ra con trai, không được chọn. Từ nước A Điểm Bà Sí La đi qua phía bắc hơn 700 dặm, đến nước Kiên Đa Thế La nằm ở biên giới phía tây của Ấn Độ. Nước Kiên Đa Thế La chu vi hơn 3000 dặm. Đô thành chu vi hơn 30 dặm. Nhân dân giàu có nhưng không người lãnh đạo, nên phải lệ thuộc nước Tín Độ. Đất đai có nhiều cát. Gió lạnh thổi mạnh. Đa phần trồng được lúa mạch nhưng ít hoa quả, phong tục bạo ác. Ngôn ngữ khác với miền trung Ấn Độ, họ chẳng muốn học nghề nghiệp, nhưng biết

tin tưởng. Có hơn 50 ngôi Già Lam và hơn 3000 Tăng Sĩ tu theo Tiểu Thừa Chánh Lượng Bộ. Có hơn 20 đền thờ đa phần theo đạo lõa thể. Về phía bắc cách thành 15 hay 16 dặm là một khu rừng lớn, trong đó có một Bảo Tháp cao hơn 100 thước do Vua A Dục dựng nên. Trong đó có thờ Xá Lợi và thường phóng ra ánh sáng rực rỡ. Đây là nơi mà ngày xưa đức Như Lai đã làm một vị tiên nhơn bị Vua nước ấy sát hại. Từ phía đông đi không xa có một ngôi Già Lam đã cũ, do ngài Đại A La Hán Đại Ca Na Đa Diên Na kiến lập ngày xưa. Bây giờ bên cạnh đó còn di tích của bốn vị Phật trong quá khứ ngồi thiền và đi kinh hành. Cho nên Bảo Tháp được xây dựng để làm chỗ tiêu biểu. Từ đây đi về hướng đông bắc hơn 300 dặm, đến nước A Quân Trà nằm phía tây biên giới Ấn Độ. Nước A Quân Trà chu vi hơn 2450 dặm. Đô Thành chu vi hơn 20 dặm. Không người lãnh đạo cho nên lệ thuộc nước Tín Độ. Đất đai trồng được lúa mì và lúa mạch rất tốt. Hoa quả ít, cây cối thưa. Khí hậu gió lạnh. Tánh tình con người hung bạo, ngôn ngữ phong phú, chẳng thích học nghề. Tuy nhiên đối với Tam Bảo giữ tâm thuần tín. Có hơn 20 ngôi Già Lam, và hơn 2000 Tăng Sĩ. Đa phần tu theo Tiểu Thừa Chánh Lượng Bộ. Có 5 ngôi đền thờ, tu theo phái ngoại đạo lõa thể. Phía đông bắc của thành chẳng xa có một rừng trúc lớn, trong đó có dấu tích của một ngôi chùa. Nơi ấy ngày xưa Như Lai nghe các vị Tỳ Kheo về việc mặc y và mang tất. Bên cạnh đó có Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên, bây giờ đã nghiêng đổ, cao hơn 100 thước. Gần đó cũng có một Tịnh Xá, có tượng Phật đứng bằng đá xanh. Cứ mỗi ngày đến giờ Ngọ thì phóng ra ánh sáng. Đi về phía nam hơn 800 bước vào trong rừng có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng nên. Nơi đây đức Như Lai đã dừng lại nhiều ngày. Đêm về lạnh lẽo cho nên Ngài đã đắp ba y cùng một lúc cho nên sáng ngày hôm sau, khai mở cho các Tỳ Kheo được mặc nhiều lớp y. Ở giữa rừng, có nơi Phật đi kinh hành, có những Bảo Tháp chiếu lên ánh sáng. Cũng là nơi tọa thiền của bốn vị Phật trong quá khứ. Trong Bảo Tháp nầy có tóc và móng tay của Như Lai, mỗi ngày đến giờ Ngọ, ánh sáng - 244 -

phóng ra rất đẹp. Đi về phía đông bắc hơn 900 dặm đến nước Phạt Sắc Noa thuộc miền tây Ấn Độ. Nước Phạt Sắc Noa chu vi hơn 4000 dặm. Đô Thành chu vi hơn 20 dặm. Người người giàu có, nhưng lệ thuộc nước Ca Tất Thí. Đất đai có nhiều núi rừng, nên lúa gạo tương đối ít. Khí hậu tương đối lạnh, phong tục thô bạo. Tánh tình nóng nảy. Ý chí thậm tệ. Ngôn ngữ ít giống với miền trung Ấn Độ, tin theo cả tà lẫn chánh. Không thích học hỏi nghề nghiệp. Có hơn 10 ngôi Già Lam, đa phần đều hoang tàn. Có hơn 300 Tăng Sĩ tu theo giáo lý Đại Thừa. Có hơn 5 ngôi đền thờ, hầu hết ngoại đạo ở đây tu theo đạo lõa thể. Không xa thành về phía nam có một ngôi Già Lam cũ, ngày xưa Như Lai thường thuyết pháp ở đây, đã chỉ dạy sự lợi lạc của niềm vui và khai mở cho mọi người hiểu được sự sống của mọi loài. Bên cạnh đó là nơi di tích của bốn vị Phật trong quá khứ đi kinh hành và ngồi thiền. Tương truyền rằng xứ nầy, phía tây tiếp giáp với nước Khể Lượng Na, người ở đó cách trở núi sông không có người cầm đầu, có nhiều dê ngựa và nhiều ngựa quý. Hình dáng con người cao lớn. Các nước khác mang nhiều loại bảo vật quý giá đến nước nầy trao đổi. Từ đây đi về phía tây bắc vào trong núi sâu rồi băng qua sông rộng, qua một thành ấp nhỏ rồi đi hơn 2000 dặm nữa mới ra khỏi biên giới nước Ấn Độ, đến nước Tào Cự Thác.

Ghi chú: Đoạn sau đây gồm có 516 chữ Hán giải thích rõ ràng về nước Tăng Già La (Tích Lan) Nước Tăng Già La (Tích Lan) ngày xưa gọi là nước Sư Tử, cũng gọi là nước Vô Ưu nằm phía nam xứ Ấn Độ, đất đai có nhiều của quý, cũng có tên là Bảo Chữ (Bãi Cát Quý). Ngày xưa, đức Phật Thích Ca Mâu Ni hóa thân với tên là Tăng Già La. Ngài là bậc đạo đức, quốc dân suy tôn làm Vua, cho nên nước nầy lấy quốc hiệu là Tăng Già La, dùng đại thần thông lực phá thành bằng thiếc, diệt trừ La Sát Nữ, vì thương xót cứu giúp sự nguy nàn. Sau đó xây dựng kinh đô, kiến thiết làng ấp đã giáo hóa mọi người. Ngài hoằng dương Chánh Pháp và sau khi viên tịch để lại răng xá lợi. Đất tại đây cứng như kim cương trải qua bao nhiêu kiếp vẫn không bị hoại, ánh sáng chiếu rọi giống như ngôi sao trên hư không, như mặt trăng sáng tỏa, như mặt trời tỏ rõ ban ngày. Nếu có cúng kiến thì kết quả như thần. Trong nước có nhiều chỗ hoang sơ, nguy hiểm tai nạn khác nhau, nếu tinh cần cầu nguyện sẽ được linh ứng rõ ràng. Bây giờ là núi Dương Lan, ngày xưa thuộc nước Tăng Già La. Tại vương cung có răng Phật thờ trong tịnh xá, trang trí - 245 -

nhiều đồ quý giá phát ra ánh sáng. Đời đời tương thừa kính lễ không dứt. Quốc Vương bấy giờ tên là A Lạt Khổ Nại Nhi trấn thủ tại đây. Hay tôn sùng ngoại đạo chẳng tôn kính Phật Pháp, tàn bạo hung hăng, chẳng giúp đỡ quốc dân, ngạo mạn với răng Phật. Ghi chú: Đại Minh Vinh Lạc năm thứ ba, Hoàng Đế sai Thái Giám Trịnh Hòa mang hương hoa đến đây để cúng dường. Trịnh Hòa muốn gặp Quốc Vương A Liệt Khổ Nại Nhi để khuyên Quốc Vương nên sùng kính Phật Pháp xa lìa ngoại đạo. Vua giận dữ liền muốn gia hình sát hại. Trịnh Hòa biết được mưu nầy nên thoát khỏi. Sau đó, Trịnh Hòa sang các nước lân bang để báo tin và bái yết Vua nước Dương Lan Sơn, Vua cũng kiêu mạn chẳng cung kính lại có ý đồ hại sứ giả. Dùng năm vạn binh và dùng gỗ để lấp đường, chia quân lính ra để cướp thuyền. Mưu chờ thời cơ. Trịnh Hòa biết được nên lui thuyền lại. Đường trở lại rất hiểm nguy. Cho người ra khỏi thuyền, ông ta cùng ba ngàn binh lính ban đêm xâm nhập vào Vương Thành cố thủ. Những lính cướp thuyền cùng với những lính nội công bốn mặt xáp lại, hợp lực bao vây nhiều vòng, công phá chiến đấu trong sáu ngày. Trịnh Hòa bắt được Vua, bắt buộc phải mở cửa và dẹp gỗ chắn đường ngăn chận lối đi. Cả hơn hai mươi dặm như thế thì mới đến thuyền. Rồi thỉnh răng Phật xuống thuyền, linh dị phi thường. Hào quang chiếu diệu như trước đã nói, làm chấn động kinh ngạc những người xa gần. Rồi trải qua biển cả hơn 10 vạn dặm. Gió mưa trôi dạt nhưng chẳng sợ lại như bình địa. Rồng dữ, cá ác chia nhau xuất hiện phía trước, rồi lặng lẽ ra đi chẳng làm hại. Mọi người trong thuyền vẫn yên ổn vui tươi. Đến ngày mồng 9 tháng 7 năm Vinh Lạc thứ 9 triều nhà Minh, về đến kinh sư. Hoàng Đế ra lệnh trong hoàng thành dùng gỗ Bạch Đàn thật trang nghiêm để làm Kim Cương Bảo Tọa lưu giữ răng Phật, rồi dùng nghi thức tế lễ cúng dường, lợi ích cho loài hữu tình, cầu phước cho thứ dân làm lợi lạc vô lượng công đức.

- 246 -

Quyển thứ mười hai (22 nước)

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 51, thuộc Sử Truyện bộ thứ 3, từ trang 867 đến trang 948, gồm 12 quyển, do Ngài Huyền Trang đời nhà Đường dịch Ngài Biện Cơ soạn lại. Sa Môn Thích Như Điển Phương Trượng Chùa Viên Giác, Đức Quốc dịch từ tiếng Hán sang tiếng Việt quyển nầy dịch từ ngày 6 tháng 12 năm 2003 tại Tu Viện Đa Bảo,Úc Đại Lợi trong mùa nhập thất với sự trợ dịch của Tỳ Kheo Thích Đồng Văn Tỳ Kheo Thích Hạnh Giới. Thứ tự kinh văn số 2087.

1. Nước Tào Cự Thác
2. Nước Phất Phiêu Trì Tác Quân Na
3. Nước An Đản La Phượt
4. Nước Hoạt Tất Đa
5. Nước Hoạt
6. Nước Tào Kiện
7. Nước A Lợi Ni
8. Nước Yết La Hồ
9. Nước Ngật Phiêu Sắc Ma
10. Nước Bát Lợi Yết
11. Nước Tu Ma Đản La
12. Nước Bát Dịch Sán Na
13. Nước Dâm Bạ Kiến
14. Nước Khuật Lãn Noa
15. Nước Đạt Ma Tất Thiết Đế
16. Nước Thi Khí Ni

- 248 -

17. Nước Thương Di 18. Nước Yết Bàn Đà 19. Nước Ô Sát 20. Nước Khư Sa 21. Nước Sở Câu Na 22. Nước Cù Tát Đản Na Nước Tào Cự Thác chu vi hơn 7000 dặm. Đô Thành hiệu là Hạt Tất Na, chu vi hơn 30 dặm. Lại có thành Hạt Tác La, chu vi cũng 30 dặm, rất kiên cố hiểm trở, sơn xuyên cách trở, lúa thóc từng thời vụ, có nhiều lúa mạch, cây cỏ, ít hoa quả nhiều. Nơi đây có sản xuất Uất Kim Hương (Nghệ) và có những loại cỏ quý. Cỏ quý phát sanh tại sông La Ma của Ấn Độ, giữa thành Hạt Tác La có một suối nước phun lên, mà người trong xứ lấy đó để tưới tẩm đất đai. Khí hậu lạnh, sương tuyết nhiều, tánh người nhẹ dạ thường hay ngụy trá, ham học nghề nghiệp, có nhiều kỹ thuật. Nghe nhưng không rõ ràng. Vì được truyền tụng lời nói nhiều vạn lời, văn tự, ngôn ngữ khác với các nước khác, hay nói những chuyện hư cấu rồi trở thành sự thật. Tuy là thờ cả hàng trăm vị thần, nhưng cũng tôn sùng Tam Bảo. Có hơn 100 ngôi Già Lam, và tăng đồ hơn vạn người, đều học tập theo Đại Thừa Giáo. Vua bây giờ thuần tín, nhờ truyền thống đời đời để lại. Có nhiều phước đức và ưa học hỏi. Vua A Dục kiến tạo hơn 10 ngôi Bảo Tháp ở nơi đây và hơn 10 đền thờ ngoại đạo, họ sống rất lộn xộn. Nói chung có rất nhiều ngoại đạo và hầu như rất thịnh hành ở đây. Họ tin theo Câu Na Thiên. Vị Thiên Thần ngày xưa từ nước Ca Tất Thí thuộc núi A Lộ như đến sinh sống ở nước nầy thuộc về miền nam của nước Câu La Tứ La, làm mưa làm gió. Vì sự hung ác cho nên những người tin tưởng mất đi lời nguyện, kẻ khinh chê bị đưa về trở lại, cho nên xa gần

những kẻ tín ngưỡng trên dưới cùng với các nước lân bang thứ dân mỗi năm đều tham gia những kỳ đại hội. Hoặc cúng vàng bạc trân bảo, hoặc cúng bò ngựa gia súc, đem cống hiến đầy đủ như cầu: vàng, bạc, dê, ngựa bày la liệt trong hang động. Chẳng phải cho mình mà cúng thí tu phước, cốt yếu của ngoại đạo là giữ tâm khổ hạnh, thiên thần chỉ thọ giữ chú thuật. Ngoại đạo trị liệu được nhiều chứng bịnh nan y. Từ đây đi về phía bắc hơn 500 dặm đến nước Phất Phiêu Trì Tát Quân Na. Nước Phất Phiêu Trì Tát Quân Na từ phía đông qua tây hơn 2000 dặm, từ phía nam ra bắc hơn 1000 dặm. Đô Thành hiệu là Hộ Tất Na có chu vi hơn 20 dặm, đất đai phong tục giống như nước Tào Cự Thác nhưng ngôn ngữ thì khác biệt. Khí hậu lạnh, tánh tình người cuồng bạo. - 249 -

Vua thuộc dòng Đột Quyết, thâm tín Tam Bảo, ưa học tập và tôn trọng đạo đức. Từ đông bắc xứ nầy vào núi băng sông đến bên thành của nước Ca Tất Thí. Có hơn 10 ấp nhỏ, dẫn đến Đại Tuyết Sơn, núi lớn Bà La Tê Na. Đỉnh núi rất cao, nguy hiểm, có nhiều hang động nơi đó. Hoặc đi vào trong hang, hoặc leo lên trên núi. Mùa hè tuyết tan thành nước. Đi cả ba ngày mới đến trên đỉnh. Mùa đông gió lạnh mang theo nhiều tuyết vào cốc. Kẻ lữ hành trải qua không biết bao nhiêu cực nhọc của chân tay, xòe cánh bay lượn cũng không thể qua khỏi. Chân bước đi bộ lại giống như bay, nhìn xuống dưới các núi khác rất đẹp. Đây là đỉnh cao đặc biệt của Thiệm Bộ Châu. Trên đảnh chẳng có cây, chỉ có nhiều đá, thỉnh thoảng lại có rừng nhưng cây còn nhỏ. Lại đi hai ba ngày mới xuống được núi, mới đến nước An Đản La Phược. Nước An Đản La Phược là đất cũ của nước Đổ Hóa La chu vi hơn 3000 dặm. Đô Thành chu vi hơn 14 hay 15 dặm. Vì không có người lãnh đạo nên thuộc nước Đột Quyết. Núi và sông liền nhau cho nên đất đai rất hẹp. Khí hậu lạnh lẽo, gió tuyết vào đông. Giàu có lúa thóc và khan hiếm hoa quả. Tánh người hung bạo, chẳng có phong tục kỹ cương, chẳng biết tội phước. Chẳng muốn học tập chỉ tu thần bí. Ít tin tưởng Phật Pháp. Có ba ngôi Già Lam và chỉ có 10 vị Tăng Sĩ. Tất cả đều học theo Đại chúng Bộ, có một Bảo Tháp do Vua A Dục dựng. Từ đây đi về phía tây bắc vào trong động qua khỏi núi đến một thành nhỏ. Đi hơn 400 dặm đến nước Hoạt Tất Đa. Nước Hoạt Tất Đa ngày xưa thuộc nước Đỗ Hóa La có chu vi ít hơn 1000 dặm. Đô Thành có chu vi hơn 10 dặm. Không có người lãnh đạo nên thuộc nước Đột Quyết. Núi nhiều, sông hẹp, gió lạnh. Ngũ cốc phong phú. Hoa quả rất nhiều. Tánh tình hung bạo. Tục lệ chẳng có phép tắc gì. Có hơn 3 ngôi Già Lam nhưng rất ít tăng sĩ. Từ đây đi về phía tây bắc qua núi, qua hang động đến thành ấp, khoảng 300 dặm đến nước Hoạt. Nước Hoạt, ngày xưa thuộc nước Đỗ Hóa La, có chu vi hơn 2000 dặm. Đô Thành có chu vi hơn 20 dặm. Không có người lãnh đạo cho nên thuộc nước Đột Quyết. Đất đai bằng phẳng. Lúa thóc được mùa. Cây cỏ xanh tươi. Hoa trái sum sê. Khí hậu ôn hòa. Phong tục thuần chất, tánh tình con người thô bạo. Y phục bằng da thú. Đa phần có tín tâm đối với Tam Bảo, ít tin thần linh. Có 10 ngôi Già Lam và hơn 100 Tăng Sĩ tu tập cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Vua thuộc dòng Đột Quyết. Qua cổng sắt phía nam có những nước nhỏ. Thỉnh thoảng có những con chim lạ bay đến lưu trú tại đây. Từ đây đi về phía đông, lên một ngọn đồi trống nằm giữa Thiệm Bộ Châu. Phía nam giáp với núi tuyết. Phía bắc giáp với nhiệt hải có hàng ngàn con suối. Phía tây giáp nước Hoạt, phía đông giáp nước Ô Sát. Từ đông sang tây, từ nam ra bắc mỗi chiều 1000 dặm. - 250 -

Núi cao hàng trăm dặm. Động đá cheo leo nguy hiểm băng tuyết đóng đầy. Mỗi khi gió lạnh về thật là khủng khiếp. Cho nên ở đây gọi là Đồi Trống, cũng còn một tên khác là núi cao trống gió. Từ phía đông đi hơn 100 dặm đến nước Tào Kiến. Nước Tào Kiến ngày xưa cũng thuộc nước Đổ Hóa La có chu vi hơn 400 dặm. Đô Thành có chu vi khoảng 15 hay 16 dặm. Đất đai phong tục cũng giống như nước Hoạt. Không có người lãnh đạo cho nên thuộc nước Đột Quyết. Phía bắc đến nước A Lợi Ni. Nước A Lợi Ni ngày xưa thuộc nước Đỗ Hóa La, nằm hai bên bờ sông Phượt Sô chu vi hơn 300 dặm. Đô Thành chu vi hơn 14 hay 15 dặm. Đất đai phong tục cũng giống như nước Hoạt. Phía đông giáp nước Yết La Hồ. Nước Yết La Hồ, ngày xưa thuộc nước Đỗ Hóa La, bắc giáp sông Phượt Sô có chu vi hơn 200 dặm. Đô Thành chu vi 14 hay15 dặm. Đất đai, phong tục cũng giống như nước Hoạt. Từ nước Tào Kiên đi về phía đông gặp đỉnh núi qua những hang động rồi sông ngòi lại đến thành ấp. Đi hơn 300 dặm nữa đến nước Ngật Phiêu Sắc Ma. Nước Ngật Phiêu Sắc Ma ngày xưa thuộc nước Đỗ Hóa La, từ đông sang tây hơn 10 dặm và từ nam ra bắc hơn 300 dặm. Đô Thành chu vi khoảng 15 hay 16 dặm. Đất đai phong tục giống như xứ Tào Kiến, chỉ riêng nhân tình của nước nầy thô bạo, ngu xuẩn ác độc khác với các nước kia. Đi lên phía bắc đến nước Bát Lợi Yết. Nước Bát Lợi Yết, ngày xưa thuộc nước Đỗ Hóa La, từ đông sang tây hơn 100 dặm và từ nam ra bắc hơn 300 dặm. Đô Thành có chu vi hơn 20 dặm. Đất đai, phong tục giống như nước Ngật Phiêu Sắc Ma. Từ nước Ngật Phiêu Sắc Ma đi đến phía đông vào núi vượt sông, đi hơn 300 dặm nữa, đến nước Tu Ma Đản La Nước Tu Ma Đản La, trước đây thuộc nước Đỗ Hóa La, có chu vi hơn 3000 dặm, núi sông liền nhau, đất đai cằn cỗi ít lúa mùa, nhiều lúa mạch, rau cải có hàng trăm thứ, khí hậu lạnh. Tánh tình người thô bạo, chẳng biết tội phước, hình mạo xấu xí ngay cả đứng đi. Y phục bằng da, giống như nước Đột Quyết. Đàn bà trùm khăn trên đầu cao ba tấc. Giữa đầu rẽ tóc ra làm hai tượng trưng cho cha mẹ. Phía trên tượng trung cho cha, phía dưới tượng trưng cho mẹ. Tùy theo sự chết trước hay sau của cha mẹ mà lấy đi một miếng. Nếu cha mẹ còn thì để nguyên vẹn. Nhà Vua nước nầy thuộc dòng họ Thích. Núi phía tây thấy giống như là một người đang nằm. Bên kia là biên giới của nước Đột Quyết, vì ảnh hưởng rất nhiều phong tục nơi đây, nên biên giới bị xâm phạm dễ dàng. Có một thành riêng biệt gọi là thành Lưu Ly, trong đó có mười thành kiên cố và - 251 -

mỗi thành có kẻ đứng đầu riêng. Thành dày như thế nhưng có kẻ hở có thể qua lại được. Phía tây tiếp với nước Ngật Phiêu Sắc. Phía đông của nước Tu Ma Đản La có nhiều hang động. Đi hơn 200 dặm đến nước Bát Thích Sán Na. Nước Bát Thích Sán Na trước đây thuộc nước Đỗ Hóa La, có chu vi hơn 2000 dặm. Đô Thành nằm trên núi, có chu vi 6 hay 7 dặm. Nhiều núi sông cho nên có nhiều cát đá. Đất trồng được lúa mạch. Có nhiều nho, hồ tiêu, đào, lê, quả nại v.v....Khí hậu lạnh lẽo. Tánh người cương nghị, chẳng có lễ nghĩa, không biết học nghề. Hình thù xấu xí. Đa phần mặc đồ bằng lông. Có 3 hay 4 ngôi Già Lam và ít tu sĩ. Tánh tình thuần chất kính tín Tam Bảo. Đi về phía đông nam của lãnh thổ vào động đá và đi hơn 200 dặm nữa là nước Nhâm Bạ Kiến. Nước Nhâm Bạ Kiến trước đây thuộc nước Đỗ Hóa La, có chu vi hơn 1000 dặm. Đô Thành chu vi hơn 10 dặm. Sông núi nhiều nên ruộng đất hẹp. Đất đai thổ sản khí hậu ở đây đơn giản và thuần thục. Tánh tình của người khác với nước Ba Tích Sán Na rất nhiều. Lời

nói cũng có phần khác hẳn. Tánh tình thô bạo, không rõ thiện ác. Đi về phía đông nam là núi cao, vượt qua những đoạn đường đèo nguy hiểm, đi hơn 300 dặm đến nước Quật Nãn Noa. Nước Quật Nãn Noa, trước đây thuộc nước Đỗ Hóa La, có chu vi hơn 2000 dặm. Đất đai sông núi khí hậu giống như nước Nhâm Bá Kiến, chẳng có lễ nghi pháp luật, tánh người thô bạo. Chẳng muốn làm phước, ít tin tưởng Phật Pháp, dáng hình xấu xí mặc nhiều đồ bằng da. Có nhiều mỏ ở trong núi, sản xuất vàng bạc và nhiều đá quý. Chùa Viện chẳng có Tăng Già. Vua xứ đó thuần hậu, kính sùng Tam Bảo. Từ phía đông bắc leo qua núi vào hang động, đường đi nguy hiểm, đến nước Đạt Ma Tất Thiết Đế. Nước Đạt Ma Tất Thiết Đế nằm hai bên dãy núi, trước đây thuộc nước Đỗ Hóa La. Từ đông sang tây hơn 1560 dặm, từ nam ra bắc hơn 4 hay 5 dặm. Đất hẹp cho nên khó mở mang thêm một dặm nào. Gần sông Phạt Sô, đất đai khúc khủyu lồi lõm chỗ cao chỗ thấp có nhiều cát đá, mùa đông gió lạnh. Chỉ trồng được lúa mạch, đậu và một ít cây trái hoa quả. Nơi đây có sản xuất nhiều ngựa tốt. Ngựa tuy nhỏ con nhưng rất khỏe và dai. Phong tục không hoàn hảo. Tánh tình con người thô bạo. Hình dạng xấu xí. Mặc áo da, khác với các nước khác. Có hơn 10 ngôi Già Lam và rất ít Tăng Sĩ. Đô Thành tên là Hôn Đà Đa. Bên trong có Già Lam, do tiên vương xây dựng trong động đá. Cách đây hơn 100 năm về trước, tại đây Phật Giáo bị tà thần uy hiếp. Ngày xưa nhà vua thương người con bị tật, đi tìm những y thuật để cứu chữa mà bịnh chỉ thêm chứ không giảm. Nhà Vua đích thân đến đền thờ để thỉnh cầu cứu mạng. Lúc bấy - 252 -

giờ bị giáo sĩ giả làm thần mà lên tiếng rằng bệnh nầy sẽ khỏi không có gì lo. Vua nghe như vậy, rồi cho xa giá trở về, dọc đường gặp vị Sa Môn đáng kính, thấy vận y phục kỳ lạ, vua sợ hãi mà hỏi từ đâu đến vậy. Vị Sa Môn là bậc chứng Thánh quả muốn hoằng truyền Phật Pháp nên có hình dáng đặc biệt và nói với Vua rằng: - Tôi là đệ tử của đức Như Lai, là một vị Tỳ kheo. Vua nghe xong lo lắng liền hỏi lại: - Ta có một đứa con bị bệnh chưa biết sống chết như thế nào? Sa Môn nói: -Ngài nên đối trước thần linh để cầu nguyện và bày tỏ tâm thương con vô bờ. Vua nói: -Thiên thần có thể làm cho đừng chết được không? Sa Môn đáp: - Dĩ nhiên là phải có ngày cuối cùng. Người mà dối đời nói lời cho người tin thì không nên. Về đến cung Vua, đứa con đã chết. Vua không cho phát tang, đến hỏi thần một lần nữa. Tại sao nói rằng không chết nhưng không cứu được và Vua phát giận vị thần chủ cả một thời gian rồi nói: - Ông là người xấu ác, ở đây nói vọng ngữ, dùng uy quyền để tạo phước. Nay con ta đã chết thì nói sao về việc dối trá nầy. Đối với việc sai trái đó thì không thể bỏ qua được. Vì thế cho nên Vua ra lệnh phá ngôi đền để phạt ông thần. Sau đó giết ông chủ và đập tượng thần liện xuống sông Phược Sô về lại cung Vua. Đoạn gặp vị Sa Môn liền cung kính và vui vẻ, cúi đầu lễ tạ và nói: - Bởi vì vô minh dắt dẫn cho nên niệm tà lôi kéo vây bủa xấu xa lâu nay, ở nơi đây, nên mong rằng Sa Môn hãy đến để ở nơi nầy. Sa Môn nhận lời thỉnh cầu vào trong cung. Sau khi chôn đứa con của Vua xong Sa Môn nói: - Cuộc sống của người do sanh tử lưu chuyển, nếu con của ngài bệnh mà vẫn còn sống, thần cũng chỉ nói dối về bịnh tật đó. Tưởng là chỉ nói vậy thôi nhưng mà kết quả thật không như thế. Vậy thì làm sao có thể tin được. Chỉ có lòng ai mẫn mới hướng dẫn đi khỏi đường lầm mê. Sau đó Vua thỉnh Sa Môn đo đất rồi tạo dựng Già Lam, từ đó về sau - 253 -

Phật giáo được hưng thịnh. Cho nên, trong Già Lam có một tinh xá để thờ vị A La Hán đó. Trong tinh xá, có một tượng Phật bằng đá lớn. Trên tượng có một cái lọng tròn bằng vàng che bên trên đều dùng những đồ quý báu để trang sức. Khi người ta đi nhiễu, cái vòng tròn xoay theo và khi người ta dừng thì nó sẽ dừng lại. Nghe người xưa nói rằng do nguyện lực, Thánh nhơn hộ trì hoặc do những kỷ thuật bí mật tạo thành. Xem các tường đá nơi nầy rất là kiên cố. Khảo sát bình luận, vẫn chưa biết hết. Từ nước nầy đi qua núi lớn đến nước Thi Khí Ni. Nước Thi Khí Ni có chu vi hơn 2000 dặm. Đô thành chu vi khoảng năm sáu dặm. Núi sông trùng điệp, đá cát rất nhiều. Có nhiều lúa mạch nhưng ít lúa mùa, cây cối nhiều hoa quả ít. Khí hậu lạnh, phong tục thô bạo, họ có thể giết người hoặc trộm cướp mà chẳng biết lễ nghi thiện ác gì cả. Mê tín chẳng biết làm phước, hiện đời gặp nhiều tai ách. Hình dạng người xấu xí hay mặc đồ da. Chữ nghĩa như nước Đỗ Hóa La. Lời nói có khác. Qua khỏi nước Đạt Ma Tất Thiết Đế là núi cao nằm ở phía nam, và sau đó đến nước Thương Di. Nước Thương Di có chu vi hơn 2560 dặm. Núi sông liên tục nhau. Ngũ cốc trồng khó nhưng lúa mạch dễ trồng, có nhiều chim hoàng hạc mái. Do đất đá đổ xuống mà thành rẫy. Nhiều trận cháy rừng dữ dội và sau đó người ta qua lại được bình an. Nếu thiếu cầu nguyện thì gió mưa sấm sét bộc phát. Thời tiết lạnh lẽo, phong tục vội vã, tánh người thuần chất chẳng có lễ nghi. Trí mưu hẹp hòi, kỷ năng thô thiển. Chữ viết giống như nước Đỗ Hóa La, ngôn ngữ khác biệt. Áo quần bằng da. Dòng dõi thuộc họ Thích. Tôn trọng Phật pháp. Tuy thế quốc dân cũng chưa thuần tín. Có hai ngôi Già Lam, ít tu sĩ. Từ biên giới phía đông bắc đi vào núi qua những hang động nguy hiểm hơn 700 dặm đến sông Ba Mê La. Từ đông sang tây hơn 1000 dặm, từ nam ra bắc hơn 500 dặm. Đất hẹp, có nơi không quá 10 dặm. Hai bên tuyết đóng cho nên rất lạnh, ngay cả mùa xuân mùa hạ tuyết vẫn bay cả ngày lẫn đêm. Đất đai khô cằn chỉ còn sỏi đá. Khó trồng cây, chỉ có cỏ mọc nhiều những nơi hoang vu như thế chẳng có người nào dừng chân. Trong sông Ba Mê La, có một cái hồ rồng lớn, từ đông sang tây 300 dặm, từ nam ra bắc 50 dặm. Giáp liền với núi cao, nằm giữa Thiệm Bộ Châu và đất này nằm chỗ cao nhất, nước rất là trong như gương và rất sâu, màu sắc xanh đen, vị rất ngọt. Có nhiều loại cá giao, cá chép, rùa v.v...bơi lội trên mặt nước, có ba ba, nhạn, hà mã, ngỗng. Những trứng chim rất lớn, con thú lấy cỏ che khuất lại, hoặc lấy cát - 254 -

phủ lên trên. Phía tây có một dòng nước chảy vào hồ, rồi chảy đến phía đông của nước Phạt La Đế Quốc chảy vào sông Phược Sô tạo ra bốn nhánh khác, cho nên nước ở đây là nước của bốn con sông hợp lại. Phía đông của hồ có một nhánh chảy xuống phía đông bắc đến nước Khư Sa và cùng với những sông khác, hợp thành nhánh chảy về phía đông. Dòng nước bên tả hợp với dòng nước bên hữu. Qua khỏi phía nam của sông Ba Mê La là núi. Nơi ấy có nước Bát Lộ La, nước nầy có nhiều vàng bạc, màu vàng hực như lửa. Từ phía đông nam của sông nầy, đi đến núi đường đi rất hiểm trở chả có bộ hành qua lại chỉ toàn là tuyết. Đi hơn 500 dặm, đến nước Yết Bàn Đà. Nước Yết Bàn Đà có chu vi hơn 2000 dặm. Đô Thành toàn là đá núi lớn, lưng dựa vào núi, dọc theo là sông có chu vi hơn 20 dặm. Núi và sông nối liền nhau cho nên bình nguyên rất hẹp. Lúa mùa ít, lúa mạch nhiều. Cây cối trong rừng nhiều, hoa quả ít. Người ta sống trên đồi cho nên thành ấp bỏ không. Lễ nghi chẳng có gì, đặc biệt người ta ít ưa nghề nghiệp. Tánh tình

thô bạo, mạnh mẽ kiêu hùng. Người dung mạo xấu xí. Y phục toàn bằng lông. Văn tự chữ nghĩa giống như nước Khứ Sa. Tuy nhiên, biết tin tưởng cung kính Phật Pháp. Có mười ngôi Già Lam và hơn 500 tăng đồ, tu theo Tiểu thừa Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Vua biết tôn kính ngôi Tam Bảo. Những kẻ nhàn nhã thường không thích những kẻ siêng học. Từ khi lập quốc cho đến nay, đã trải qua nhiều năm tháng, vua mới tự xưng vương. Từ đây đến nước Na Đề Ba Cù Đản La, có núi cao sông dài tương đối hoang vắng. Ngày xưa Vua của nước Ba Lợi Sách Tu (Thiên Chủng) lấy vợ người Hán, vinh quy đến đây thời gặp loạn binh đông tây tuyệt lộ, liền giấu vương nữ trên đỉnh núi nầy, rất nguy hiểm khó mà lên xuống được, cho lính canh phòng ngày đêm. Trải qua ba tháng như thế thì yên. Muốn trở về thì người đàn bà đó có thai. Sứ thần bàng hoàng chạy báo. Vua ra lệnh đem người đàn bà hoang loạn đó bỏ vào rừng, sớm tối chẳng quan tâm. Nhưng vì vua cảm cái đức và cái đẹp cho nên lòng giận nguôi ngoa nghĩ rằng nếu trả người đàn bà có thai nầy về nước, chắc là rất lo không biết chết ở đâu, nếu về đến nước cũng bị chém đầu hoặc bị tru lục. Khi biết được sự thật. Sứ thần nói: - Đừng có oán trách, sẽ gặp thần linh. Mỗi ngày vào lúc giữa trưa có một người đàn ông từ mặt trời lên xe ngựa đến đây. Sứ thần nói: - Nếu là kẻ ấy thì tội như tuyết. Trở về tất sẽ bị tru di, cho nên ở lại là hơn. Việc tới lui thật là khó phân. - 255 -

Lại nói: - Việc nầy chẳng rõ ai làm sao giết được, chờ tội nầy rõ ràng mới biết trắng đen. Rồi sau đó cho xây dựng trên đỉnh núi đá một cung điện có chu vi 300 bộ. Cung thành nầy người nữ đó làm chủ. Sau khi kiến thiết xong, sinh ra được một đứa con trai, dung mạo đẹp đẽ. Bà mẹ nhiếp chánh, người con xưng tôn hiệu rồi bay vào trong hư không, cưỡi mây đưa gió uy đức xa gần đều biết. Các nước bên cạnh đến thần phục. Vua của nước đó khi mạng chung, thi hài được lưu lại trong núi đá, cách thành về phía đông nam 120 dặm. Thi hài ấy cho đến nay chưa hư hoại. Nhìn dáng người giống như đang ngủ. Mặc Y phục và có hương hoa được bài trí để cho tử tôn đời đời về sau, thờ đây là tiên tổ của họ. Mẹ là người nhà Hán, cha là thần mặt trời, cho nên tự xưng là dòng dõi Hán Mặt Trời Vương tộc có hình dáng giống như người Trung Hoa, đầu đội mũ, thân mặc áo và sau nầy trở thành nước mạnh. Khi Vua A Dục còn ở đời cho xây trong cung một Bảo Tháp. Vua nầy sau dời đô về phía bắc và cố cung làm chùa cho Tôn Giả Đồng Thọ luận sư, có lầu gác cao rộng, có Phật tượng uy nghiêm. Tôn Giả là người của nước Đản Xoa ý La, lúc nhỏ đã hiểu biết và sớm ly trần xuất gia, và sách vở còn ghi lại cho biết, mỗi ngày Tôn Giả tụng ba vạn hai ngàn lời kinh, và đọc ba vạn hai ngàn chữ trong trang sách. Cho nên đương thời là một bậc học rộng nổi tiếng, hiển lập chánh pháp, bài xích ngọai đạo tà kiến. Lời giảng cao cả, khó ai có thể đáp lại được, mà ngay cả năm nước Ấn Độ thấy cũng không ai bằng. Ngài đã chế ra cả mười bộ Luận. Lời nói và việc làm đi đôi với nhau, tức là những lời dạy của Phật. Thời ấy, có ngài Mã Minh ở phương đông; Có ngài Đề Bà ở phía nam; Có ngài Long Mãnh ở phía tây và ngài Đồng Thọ ở phương bắc. Quý Ngài được xem là bốn mặt trời chiếu thế gian. Vua nước đó nghe uy đức của Tôn Giả liền cử binh đến chinh phạt nước Đản Xoa Thủy La uy hiếp thỉnh tôn giả về, rồi xây dựng ngôi Già Lam nầy để mà cúng dường và đảnh lễ. Phía đông nam của thành đi hơn 300 dặm, có một tảng đá rất lớn và có hai phòng bằng đá, mỗi một phòng như vậy là nơi nhập diệt tận định của A La Hán. Các ngài vẫn còn ngồi nguyên

không giao động. Hình hài, xương cốt vẫn không hư mục, mặc dầu đã trải qua bảy trăm năm. Tóc tai vẫn còn ra dài cho nên mỗi năm chư tăng đều cắt tóc và thay y. Phía tây bắc của động đá kia vào nơi núi cao nguy hiểm, đi hơn 200 dặm, đến đỉnh núi Trà Quyền Xá La. Phía đông của núi bốn bề cung là núi. Đi hơn 100 dặm nữa, đến một địa phương, dù mùa đông hay mùa - 256 -

hạ tuyết và gió vẫn lạnh. Ở đây chỉ có cây Long Não, còn lúa thóc rất ít. Những cây lớn không nhiều, chỉ toàn là những cây nhỏ. Tuy có lúc cũng nóng nhưng bầu trời vẫn đầy gió tuyết. Chỉ có những người lái buôn và tăng lữ đi trong sương tuyết, rất là khó khăn và nguy hiểm. Nghe người xưa nói: Xưa kia có một khách buôn trên vạn dặm xa, dùng lạc đà để chở hàng ngàn loại hàng hóa. Gặp bão tuyết, người và vật chẳng còn. Lúc ấy, tại nước Yết Bàn Đà, có một vị Đại A La Hán nhìn thấy thương xót cho sự nguy hiểm nầy, nên muốn vận thần thông để cứu giúp họ. Khi A La Hán đến thì thương nhân đã chết. Ngài nhặt những đồ hàng hóa trân quý đó lập nên một nơi bảo vệ tài sản. Ngài mua đất của nước bên cạnh, làm nơi nuôi dưỡng những nhà ở quanh thành và có cơ sở để cho người tới lui, cho nên ngày nay những người thương nhân và tu sĩ đi ngang qua đây được chu cấp. Từ phía đông đi xuống núi gặp một ngọn đồi, leo lên đồi cũng rất nguy hiểm vì phải vượt qua những động đá, suối khe hiểm trở gió tuyết lại nhiều. Đi hơn 800 dặm ra khỏi núi đến nước Ô Sát Nước Ô Sát có chu vi hơn 1000 dặm. Đô Thành chu vi hơn 10 dặm. Phía nam giáp với sông Tòng Đà, đất đai màu mỡ, lúa thóc được mùa. Trong rừng có nhiều cây cao. Hoa quả phồn thịnh. Ở đây có sản xuất nhiều loại ngọc quý, như ngọc trắng, ngọc lam, ngọc xanh. Khí hậu điều hòa, mưa gió thuận lợi, phong tục, lễ nghi, tánh tình con người thô bạo, nhiều dối trá, không biết xấu hổ.Văn tự ngữ ngôn ít giống nước Khư Sa. Dung mạo xấu xí. Y phục toàn đồ da. Nhưng lại sùng tín, tôn kính Phật Pháp. Có hơn 10 ngôi Già Lam và hơn 1000 Tăng Sĩ tu theo phái Tiểu Thừa, thuộc Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Cả hàng trăm năm nay, dòng Vua đã tuyệt tự, không có kẻ nắm quyền cho nên lệ thuộc nước Yết Bàn Đà. Cách thành phía tây hơn 200 dặm có một núi lớn. Khí hậu miền núi rất lạnh, vì đá và tuyết. Khi băng tan tuyết rã, nguy hiểm vô cùng. Trên đảnh nầy có một Bảo Tháp, tự nhiên mà có. Nghe người xưa nói lại rằng: Cả hàng trăm năm về trước, khi động đá băng hoại, trong đó có một vị Tỳ Kheo đang ngồi thiền, thân hình vĩ đại và đã khô kiệt. Tóc tai dài xuống đến vai và mặt. Có một người thợ săn thấy và tâu với Vua. Vua đích thân đến quan sát và mọi người không mời mà đến, dùng hương hoa rải lên đó mà cúng dường. Vua bảo người nầy là người như thế nào mà vĩ đại thế. Có một vị Tỳ Kheo đáp rằng: Tóc tai đã dài nhưng mà mặc áo cà sa, lại nhập Diệt Tận Định tức là A La Hán. Kẻ nhập Diệt Tận Định cho đến kỳ hạn, hoặc nghe tiếng - 257 -

kiền chùy, hoặc chờ ánh sáng mặt trời chiếu, tự nhiên từ Định trở dậy. Nếu không có sự cảnh báo ấy thì an nhiên bất động. Nhờ trú trong Định lực nên thân không bị hoại diệt. Thời gian không ăn đến khi xuất định, dùng một ít cháo sữa thân thể khỏe lại, rồi sau đó đánh trống, để đánh thức ngài xuất định. Vua bảo: - Thế sao? Vua cho đánh kiền chùy, âm thanh ấy làm chấn động vị A La Hán tỉnh lại hồi lâu và Vua hỏi: - Ngài là ai, mà hình dáng khác thường vậy? Y phục của ông lại là Ca Sa? Đáp rằng: - Tôi là Tỳ Kheo và Thầy của tôi là ngài Ca Diếp Như Lai đang ở tại đây và nhập Đại Niết Bàn đã lâu. Mỗi

khi nhớ lại tôi buồn vô cùng. Lại nói thêm rằng: - Thích Ca Như Lai xuất thế rồi chưa? Đáp rằng: - Đã xuất thế và cũng nhập diệt rồi. Nghe xong liền cúi đầu và bay lên hư không hiện thần thông biến hóa rồi dùng lửa tam muội thiêu thân, di cốt rơi xuống đất. Vua nhặt cốt để xây tháp. Đi về phía bắc hướng núi Tích Quảng Giả hơn 500 dặm đến nước Khư Sa. Nước Khư Sa có chu vi hơn 5000 dặm, toàn là cát và đất đai rất ít nhưng ngũ cốc tốt tươi, hoa trái đa dạng. Xứ nầy chuyên sản xuất lông cừu và bông vải. Khí hậu ở đây điều hòa, nhưng đôi khi nhiều gió mưa. Tánh tình con người cuồng bạo, thường dối trá. Lễ nghi thô thiển. Nghề nghiệp hời hợt. Tục lệ khi sinh con, viết lên bảng để báo tin. Dung mạo khá xấu xí, Hình dáng rất xanh nhạt. Ở đây, dùng văn tự Ấn Độ. Sách vở sửa đổi nhiều. Ngôn ngữ tiếng nói đều khác với các nước. Ở đây họ tin tưởng theo Phật Pháp. Khuyến khích làm việc thiện, có hơn 100 ngôi Già Lam, và hơn vạn tăng đồ. Họ học tập theo Tiểu thừa thuộc Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ. Không cần tìm hiểu nguồn gốc sâu xa. Đa phần đều đọc thuộc những bản kinh, tụng thuộc làu Tam Tạng. Có nhiều người thuộc Tỳ Bà Sa. Từ phía đông nam, đi hơn 500 dặm đến sông Tế Độ Đa. Qua - 258 -

khỏi sông lớn gặp núi đến nước Nghiên Cẩu Da. Nước Nghiên Cẩu Da chu vi hơn 1000 dặm. Đô thành chu vi hơn 10 dặm. Nơi đây rất nguy hiểm nhưng nhà cửa xây dựng kiên cố, có rất nhiều người ở. Núi non trùng trùng điệp điệp. Đất đầy sỏi đá, giáp với hai con sông. Cho nên ở đây người ta trồng nhiều nho, lê và quả tần... Rau cải xanh tốt. Có gió lạnh. Người ở đây tánh tình thô bạo. Tập tục dối trá, hay làm những việc trộm cướp. Văn tự giống như nước Cù Tác Đản Na. Ngôn ngữ lại khác. Xem nhẹ lễ nghi. Nghề nghiệp thiển cận. Có tín tâm Tam Bảo ham làm việc phước lợi. Có 10 ngôi Già Lam, đa phần bị hư hoại và hơn 100 Tăng Sĩ, tu học theo phái Đại Thừa. Biên giới phía nam của đất nước nầy, có một núi lớn. Đỉnh cao chót vót. Núi non quanh co bao bọc. Mùa đông không còn cây cỏ. Mùa xuân tươi tốt. Khe suối có nhiều nước chảy. Có nhiều động đá và có nhiều cây cối. Những vị tu sĩ Ấn Độ chứng quả thường dùng thần túc thông dạo chơi và thường dừng chân xứ nầy. Ở đây có nhiều vị A La Hán tịch diệt cho nên còn nhiều Bảo Tháp lưu lại. Cho đến bây giờ vẫn còn ba vị A La Hán tọa thiền trong động đá đang nhập Diệt Tận Định. Hình hài tóc tai ra dài. Các vị Sa Môn đến đây cắt tóc cho họ. Ở nước nầy kinh điển Đại Thừa có rất nhiều và Phật Pháp truyền đến chẳng bao lâu thì hưng thạnh. Có người đọc tụng cả mười vạn bộ. Hiện có 10 người. Từ đó về sau kinh điển được lưu truyền rộng rãi ra. Đi về phía đông vào núi và qua khỏi hang động, đi hơn 800 dặm nữa đến nước Cù Tác Đản Na. Nước Cù Tác Đản Na (Nước Vu Điền Custanna) chu vi hơn 4000 dặm, hơn quá nữa là cát đá, đất đai thì hẹp, cày cấy trồng trọt được hoa quả nhiều, sản xuất nhiều lông trừu và có nhiều bông vải. Lại cũng có sản xuất bạch ngọc và lam ngọc. Khí hậu điều hòa, gió nhiều. Người dân ở đây biết trọng lễ nghĩa, tánh tình thuần hậu, ham học điển chương, nghề nghiệp kỹ thuật tốt. Dân chúng giàu có cho nên an vui với nghề nghiệp. Trong nước thường thích nghe âm nhạc và nhiều người thích múa hát. Ít người mặc áo bằng lông hoặc da. Đa phần mặc vải sợi màu trắng. Hình mạo lễ nghi phong tục có kỹ cương. Văn tự hiến chương đều tôn sùng Ấn Độ, có sửa đổi lại một ít, vì địa lý cách trở. Tiếng nói khác với các nước khác, sùng kính Phật Pháp. Có hơn 100 ngôi Già Lam, và hơn 5000 tu sĩ đa phần tu theo

Đại Thừa Phật giáo. Nhà Vua rất tôn kính Tam Bảo. Tự ví mình như một vị Tỳ Sa Môn Thiên. Ngày xưa ở nước nầy, chẳng có người, Tỳ Sa Môn Thiên xuống đây. Thái Tử con Vua A Dục ở tại nước Đản Xoa Thủy La bị Vua giận ra lệnh móc mắt và đày xuống làm thường dân lên ở trong những hang động hoang phế trên núi tuyết đến ở phía bắc. Vua chuyển người và vật ở đó về phía tây. Rồi suy cử người quý phái khác lên làm Vương. Trong khi - 259 -

đó, con của Vua lưu chuyển đến đây và tụ họp mọi người lại cũng xưng vương. Thời gian tuy lâu nhưng phong tục chẳng thuần. Những người thợ săn gặp nơi hoang phế liền hỏi tông tích rồi bèn tranh nhau chức trưởng. Hai bên tranh qua lại rồi muốn đánh nhau. Có bên nói: - Nguyên nhân gì mà người thợ săn quyết chiến cho khổ binh lính. Nên rút binh về. Nghe vậy liền kéo binh lui về. Những người trở về lại nước liền luyện tập binh mã đốc suất sĩ tốt đem binh đến, cờ trống gióng lên ngày đêm để hợp chiến. Người chủ phía tây bất lợi chạy đến phía bắc bị chém đầu, chủ phía đông thừa thắng phủ dụ kẻ mất nước dời đô về giữa nước thành lập nhà cửa làng xóm. Sợ việc không có đất đai, khủng hoảng khó thành công, cho nên báo tin cho xa gần biết ai biết về địa lý thì hãy đến xem. Lúc bấy giờ có một ngoại đạo lõa thể, tự phụ khoa trương biết rành phong thủy cho nên tiến đến nói: - Tôi biết về địa lý, dưới này có nước ngầm đang chảy chung quanh đây cho nên bịnh tật khó có thể qua được. nhưng căn cứ vào nước ngầm mà xây dựng cơ đồ. Sau đó sẽ được hưng thịnh, cứ thế mà tiếp tục trị nước. Vua bây giờ vẫn ở thành ấy. Thành khó vào cho nên việc công phá khó thành công. Từ xưa đến nay chưa ai có thể thắng. Vua dời đô đến đây để lập ấp xây dựng đất nước và an dân. Tích công bồi đức mà thành nhưng sợ tuyệt tự không còn kẻ nối dõi cho nên đến nơi Thiên Thần Tỳ Sa Môn để kỳ nguyện thỉnh cầu. Tượng thần ở bên trên ban cho một đứa bé anh tài bồng về nước mình. Dân chúng hoan ca, nhưng cậu bé không biết uống sữa. Vua sợ không thọ liền sắc chỉ cho người giữ đền chăm sóc dưỡng dục. Trước mặt của thần từ dưới đất vụt lên một giòng nước như dòng sữa. Đứa bé đó uống cạn, càng ngày, càng lớn trí dũng đa mưu thắp sáng lên phong tục rồi dựng đền thờ trở thành tiên tổ. Từ đó về sau đời đời kế thừa mà Vua chúa nước nầy chưa bao giờ thất bại với nước bên cạnh, nên cho đến bây giờ miếu thần có nhiều đồ trân quý được người ta đem đến cúng. Vì thế nước ấy lấy tên là sữa từ đất để làm quốc hiệu. Cách Vương thành về phía nam hơn 10 dặm có một Đại Già Lam, tiên vương của xứ nầy vì vị A La Hán Tỳ Lô Kỳ Na đã kiến lập nên. Tích xưa kể rằng:

- 260 -

Nước nầy khi Phật Pháp chưa có, có vị A La Hán từ nước Ca Thấp Di La đến rừng ở đây tọa thiền định. Có kẻ thấy người mặc y phục lạ bèn tâu Vua. Vua đích thân đến xem dung mạo, hỏi ngài là ai mà ở trong rừng vắng vẻ như vậy. Vị A La Hán đáp: - Tôi là đệ tử của Phật thích ở nơi vắng vẻ để thiền định. Vua nghe như vậy muốn trồng cây phước và hoằng truyền Phật Pháp cho nên kiến tạo Già Lam và mời tăng chúng đến. Vua hỏi: - Như Lai là vị có đức gì, có thần gì, mà ông chuyên cần khổ hạnh phụng thờ như thế? Đáp rằng: - Như Lai là bậc thương xót bốn loài, muốn đưa họ ra khỏi tam giới hoặc rõ ràng, hoặc thí dụ để chỉ cho chúng sanh sự sanh và sự diệt. Ai tôn kính Pháp

nầy sẽ xa lìa sanh tử. Kẻ nào mê mờ sẽ bị sa đọa nơi lưới ái. Vua bảo: - Thực là một lý Thuyết có ý nghĩa cao siêu của bậc đại thánh. Nếu là bậc Đại Thánh vì ta nên hiện hình để ta được chiêm ngưỡng, ta sẽ kiến lập chùa Viện phát tâm quy y hoằng dương Chánh Pháp. A La Hán nói: - Vua xây dựng Già Lam thành công, sẽ được cảm ứng. Sau đó Vua cho xây Già Lam rồi triệu tập người xa gần đến làm Pháp Hội ăn mừng. Khi tiếng kiền chùy chưa dứt lúc triệu tập, Vua hỏi vị A La Hán rằng: - Ngôi Già Lam đã xây xong, Phật ở đâu? A La Hán đáp: - Đang đến. Ở gần bên ngài chớ không có xa. Vua nên lễ thỉnh. Đoạn từ trên hư không thấy tượng Phật hạ xuống nơi chỗ đánh kiền chùy. Nhờ thế Vua phát tín tâm với Tam Bảo và nguyện hoằng dương Phật Pháp. Phía tây nam của Vương thành hơn 20 dặm, có một núi tên là Cù Thất Lăng Già. Trên đỉnh, núi chẻ ra làm đôi, kiến tạo Già Lam trên đó, bên trong có tượng Phật chiếu sáng. Nơi đây ngày xưa Như Lai cũng đã từng đến, đã vì trời người mà lược nói những pháp quan trọng. Và theo huyền ký đất nước được lập quốc, sùng kính Giáo Pháp tôn trọng Đại - 261 -

Thừa. Trên đảnh núi ấy, có một động đá lớn. Trong đó, một vị A La Hán đang nhập Diệt Tận Định để chờ đức Di Lặc ra đời. Cả hàng trăm năm nay, sự cúng dường liên tục không dừng. Gần đây núi bị lỡ và cửa động vẫn bị khóa. Quốc Vương sai binh lính muốn dẹp dọn đá vỡ. Lúc đó ong đen trên đỉnh bay xuống chích độc vào người, cho đến bây giờ cửa động ấy vẫn không mở được. Cách Vương thành về phía tây nam hơn 10 dặm, có một thành tên là Địa Già Ba Phượt Na. Bên trong có một tượng Phật. Tượng ấy từ nước Nhục Chi mang đến. Ngày xưa ở đây có Vua, nhưng bị bắt đem qua ở bên nước Nhục Chi gửi tượng Phật này về tạ lễ mong rằng được trở về lại nước. Vì muốn về nước cho nên tâm luôn luôn cung kính Phật. Sau một đêm cầu nguyện tượng kia tự đến nước nầy. Người ở đây, lấy nhà sửa đổi thành Già Lam. Cách phía tây Vương thành đi hơn 200 dặm đến thành Lạc Già Di, trong đó một tượng Phật ngồi cao hơn 7 thước, tướng hảo trang nghiêm, uy nghi tịch tịnh. Trên đầu có bảo cái, ánh sáng chiếu ra. Nghe người xưa bảo lại rằng chỗ nầy thuộc nước Ca Thấp Di La, thỉnh đến nơi nầy, có một vị A La Hán. Vị ấy có một đệ tử Sa Di lâm bệnh rồi mất. Muốn tìm đồ ăn, vị A La Hán dùng thiên nhãn để thấy, ở nước Cù Tát La có hương vị nầy nên vận thần thông lực đến để tìm. Sa Di ăn được xong nguyện sanh về nước nầy. Do quả đó mà được làm Vua rồi tức vị uy hiếp xa gần, rồi vào trong núi Tuyết chinh phạt nước Ca Thấp Di La. Vua nước Ca Thấp Di La chỉnh trang binh mã muốn ngự đến biên thùy. Lúc ấy vị A La Hán thưa rằng: - Chớ nên dùng binh, tôi có thể làm cho họ rút lui. A La Hán tìm gặp Vua Câu Tác Đản Na thuyết pháp. Lúc đầu Vua chưa tin, vẫn giữ ý dụng binh. A La Hán bèn giữ Vua nầy chỉ cho Vua thấy thân trước là Sa Di. Khi nhà Vua thấy được y áo của Sa Di liền chứng được túc mạng trí, bèn cảm tạ Vua Ca Thấp Di La hai bên giao hảo rồi rút binh, tiếp đón tượng của ông Sa Di và cúng dường theo lễ nghi của Vua. Tượng ấy cho đến nay vẫn còn ở đây không ai di chuyển được. Hoặc kiến tạo Già Lam, hoặc mời Tăng Lữ đến ở. Lấy bảo cái bên trên tượng ra, mà bảo cái đó Vua trước cúng thí. Phía tây Vương thành cách hơn 156 dặm. Ngay giữa đường đi có một gò cát nổi, chuột làm ổ ở đó. Tương truyền rằng trong gò cát nầy chuột lớn như con nhím. Lông nó màu vàng bạc. Sống thành nhóm, mỗi lần ra khỏi hang chúng chạy nối đuôi theo con đầu đàn. Ngày xưa ở tại đây bọn hung nô có cả trên mười vạn người tấn công vương thành. Đến

đóng quân tại nơi gò chuột nầy. Vua Cù Tát Đản Na đem vạn binh tới nhưng sợ địch không nổi. Biết rằng trong mộ kia có chuột chưa phải là thần, nhưng chuyện đến gấp không thể cầu cứu được. Vì sợ và chưa biết kế gì nên ông thiết lễ cầu thỉnh rằng chuột có linh thiêng gia nhập vào quân lực. Trong đêm đó Vua mộng thấy con chuột lớn nói rằng sẽ hổ trợ cho binh lính đến ngày hôm sau hợp chiến tất nhiên thắng lợi. Vua Cù Tát Đản Na biết rằng có sự linh hiển cho nên chỉnh trang binh mã ra lệnh cho tướng sĩ. Trời chưa sáng đã ra đi. Từ xa hung nô nghe thấy tiếng nhưng chưa chuẩn bị. Rồi lên xa giá, cưỡi ngựa mang cung tên v.v....Không ngờ chuột bò ra cắn đứt dây đai khi giáp trận, binh lính bên nầy thừa thắng tấn công. Binh lính hung nô sợ hãi, vì biết có thần linh giúp đỡ bên kia nên tan rã. Vua Cù Tát Đản Na cảm ơn chuột nên dựng đền nầy để cúng tế. Trải qua đời đời đều tôn kính đặc biệt khác thường. Cho nên trên từ quân vương dưới đến lê thứ, hoặc sửa sang đền thờ, hoặc đến đây cầu phước. Khi đi đến hang đó thường xuống xa mã, tỏ lòng tôn kính. Thường hay cúng tế cầu phước bằng y phục và cung tên hoặc hương hoa đồ ăn v.v.....Lâu ngày thành một tục lệ. Nếu không cúng tế sẽ có tai biến. Cách phía tây của thành hơn 5 hay 6 dặm, có một ngôi Già Lam tên là Ba Ma Nhược, trong đó có một Bảo Tháp cao hơn 100 thước, thật là linh diệu, thường phát ra ánh sáng. Tương truyền rằng có một vị A La Hán từ xa đến dừng chân ở trong rừng nầy dùng đại thần lực phóng đại hào quang. Lúc ấy vào ban đêm vua ở trong cung điện nhìn vào rừng thấy ánh sáng chiếu diệu, cho nên mới hỏi và được báo lại rằng: - Có một Sa Môn từ xa đến, ngồi yên trong rừng sâu hiện đại thần thông. Vua bèn ra lệnh xa giá đích thân đến quan sát, thấy được người hiền, tâm thầm cung kính. Khâm thừa lời thỉnh, A La Hán cỡi gió đến cung Vua. Sa Môn nói: - Muôn vật đều có ý chí và có sự tồn tại. Rừng sâu, đầm lạnh cũng có tình thức. Nhà cao, lầu đẹp cũng chẳng phải là điều ta nghe. Vua thấy thế càng thêm kính ngưỡng hơn nữa, cho nên Vua kiến tạo Già Lam và xây Bảo Tháp. Sa Môn thọ sự thỉnh cầu và ở yên trong đó. Rồi Vua nhận được cả hàng trăm viên xá lợi rất vui mừng liền tự nghĩ rằng: Xá Lợi ứng hiện như thế có điềm gì, liền cho an trí vào nơi bảo tháp, há chẳng phải là một Thánh tích sao? Tìm đến Già Lam bạch cùng Sa Môn và vị A La Hán bảo rằng. Vua đừng có lo. Bây giờ an trí vào rồi sẽ có vàng bạc đồng thiếc ở trong động đá đấy nữa, mà càng ngày càng - 263 -

nhiều. Vua ra lệnh cho thợ phải hoàn tất trong vòng một ngày rồi chở những bảo vật ấy đem vào cúng dường trong Già Lam. Lúc ấy, cung Vua quan dẫn hàng vạn thứ dân đến chiêm ngưỡng và cung nghinh xá lợi. Vị A La Hán nâng Bảo Tháp đặt vào giữa và nói với Vua: - Có thể giữ ở đây rồi sẽ để yên trong hộp nơi đất. Sau đó để vào tháp chẳng có mất mác. Xem xong liền than rằng thật là hiếm có rồi tâm thâm tín Phật càng tăng và lòng kính trọng Giáo Pháp càng kiên cố. Vua nói với quần thần: - Ta thường nghe Phật lực khó biết, thần thông khó được, hoặc phân thân trăm ngàn ức lần, hoặc ứng hiện nơi trời người, ở thế giới nầy cầm giữ chúng sanh, làm cho không động tịnh rồi diễn nói pháp tánh với âm thanh bình thường, chúng sanh tùy từng loại một mà giác ngộ. Đây là loại thần lực chẳng phải binh lính mà trí tuệ không phải dùng lời. Sự linh thiêng đó đã làm ổn định lời dạy dỗ truyền đạt. Thức ăn nước uống theo gió mà đến. Thấy sự linh diệu nầy càng tin tưởng vào phước đức hơn. Rồi ai nấy cũng tôn kính sâu xa. Phật Pháp

cao sâu đã làm sáng ra điều đó. Phía đông nam vương thành đi năm sáu dặm, có ngôi Già Lam tên là Ma Xà. Già Lam do Hoàng hậu của nước nầy lập nên. Ngày xưa nước ấy chưa biết dệt vải nuôi tằm. Cho nên ra lệnh cho sứ đi tìm nơi nước phía đông. Lúc ấy, Vua nước phía đông nghiêm cấm không cho xuất cảng tơ tằm ra ngoài, cho nên Vua Cù Tát Đản Na mới cầu hôn với nước phía đông để mong được giống như chí nguyện. Sự thỉnh cầu của Vua được như ý. Sau đó Vua Cù Tác Đản Na ra lệnh đi đón dâu và nói: - Cô sẽ là quận chúa từ phía đông thuộc nước của cha nơi đây, chưa có loại tơ sợi dâu tằm, cho nên cố gắng mang đến để may y phục. Công nương nghe lời liền mật tìm được loại ấy, rồi cho con tằm bỏ vào trong lá dâu để mang đi và canh phòng cẩn mật. Mọi người bị lục soát, nhưng trên mũ của vương nữ không bị kiểm tra. Dâu tằm được mang vào nước Cưu Tác Ma Đản Na. Quận chúa ở tạm chùa Ma Tạ. Rồi từ đó dùng nghi lễ nghinh vào cung nội. Mùa xuân cây dâu được trồng xuống đất. Khi con tằm đến tháng, lá dâu nuôi duỡng. Đây là thức ăn chính của tằm. Từ đó về sau cây dâu càng ngày càng nhiều. Vương phi đã cho khắc lên bia đá không được giết hại tằm, vì tằm ấy sẽ nở ra con. Nếu ai vi phạm, sẽ bị thần linh phạt vạ. Vì con tằm ấy mà kiến tạo nên Già Lam và dùng rất nhiều cây dâu khô. Đây là cây căn bản cho tằm. Ra lệnh nước đó không được giết hại tằm, rồi thâu lấy những loại tơ sang năm sẽ có tằm trở lại. - 264 -

Về phía đông nam của thành đi hơn 100 dặm có một sông lớn chảy qua hướng tây bắc. Người dân ở đó lợi dụng để đưa nước vào ruộng và cứ tiếp tục chảy mãi như thế. Nhà Vua thầm kinh dị liền xa giá đến hỏi vị A La Hán rằng: - Nước của sông lớn mà người dân lấy đi như vậy có làm giảm nguồn nước và ở có yên không, chánh sự có bình thường không, cái đức có hợp chăng. Chẳng biết việc gì xảy ra nữa? A La Hán đáp: - Đại Vương trị nước đã thuần hóa nhân dân. Nước sông lưu chảy vì Long Vương đã từ xa do sự cầu khẩn mà làm lợi ích. Do vậy, Vua hồi giá dựng đền thờ Long Vương. Có một người con gái bị chết chìm, đến nói rằng: - Con bị chết sớm, Vua không có người nối dõi cho nên nước sông kia còn chảy thì làm cho nông dân thất lợi. Vua nên tuyển một người trong quốc nội gã cho con thì nước sẽ chảy trở lại như xưa. Vua đáp - Ta đồng ý ước muốn của ngươi. Con rồng vui vẻ với vị Đại Thần. Vua liền hồi giá họp quần thần lại và bảo. - Đại thần của các nước đã trấn giữ. Sự ăn uống của con người là do nông vụ cung cấp. Nước mà không có sự trấn giữ thì sẽ nguy nan. Người mà không ăn sẽ chết. Sự nguy hiểm của chết chóc đến có thể làm gì được. Đại thần rời khỏi ghế quỳ xuống mà tâu rằng: - Đã lâu rồi lãnh trọng trách nầy thường muốn báo đền ơn nước mà chưa gặp lúc. Nay phần dự tuyển nầy đã đến, thật là đúng lúc. Há trong bá tánh chỉ có một mình thần, mà thần là cánh tay phải của đất nước. Đất nước đối với người là chánh. Nguyện đại vương nên xét lại, vì hạnh phúc của người dân mà tu phước kiến tạo Già Lam Vua đã theo sự mong cầu mà làm trong vòng một ngày. Vị thần kia được thỉnh vào Long cung và đã cùng quốc dân đánh trống thổi nhạc ăn uống. Rồi vị thần đó mặc áo cỡi ngựa trắng từ tạ Vua, cảm tạ Quốc Dân, cùng ngựa lặn vào trong nước. Vào trong nước mà không bị chết đuối, rồi chạy dọc theo dòng nước. Nước đã mở ra rộng dần, rộng dần mãi, còn con Bạch Mã thì nổi lên mang lên một trống chiên đàn cùng một - 265 -

phong thư. Trong thư đại ý viết rằng: - Đại Vương rất là tử tế tuyển chọn thần không sai. Nguyện vì lợi ích của quốc dân mà làm thần. Cái trống lớn nầy nên treo phía đông nam của thành. Nếu có kẻ cướp đến, đánh trống lên sẽ bị chấn động, nước sông sẽ chảy. Cho đến bây giờ người ta vẫn còn lợi dụng, nước chảy nhưng thời gian năm tháng cái trống của rồng không còn nữa và sự linh nghiệm của ngày xưa, bây giờ chỉ còn một cái ao hoang phế nằm bên cạnh Già Lam chẳng có Tăng đồ. Cách Vương thành về phía đông hơn 300 dặm, có một đầm lớn hoang sơ. Trong đó có mười khoảng đất trống không có cây cỏ. Đất ở đây màu đen màu đỏ. Nghe các bậc kỳ lão kể rằng: Đây là nơi bại quân. Ngày xưa hàng trăm vạn binh lính từ phía đông kéo qua xâm lăng. Lúc ấy Vua Cù Tát Đản Na cũng chỉnh trang binh mã, số hơn vạn người chống lại quân bên đông. Khi đến đây, hai bên quân lính xáp trận đánh nhau. Binh phía tây thất lợi nên binh phía đông thừa thắng tàn sát và Vua cũng bị giết cho nên thù nầy sĩ tốt chưa phục hận được và máu huyết ấy nhuộm đất nầy trở thành màu như vậy. Cách chiến địa về phía đông hơn 30 dặm đến thành Câu Ma. Nơi đây có khắc một tượng Phật đứng bằng cây Bạch Đàn cao hơn 2 thước, rất linh ứng, thường chiếu ra ánh sáng. Phàm có kẻ tật bịnh đến cầu nguyện. Họ dùng vàng lá dán lên tượng và dùng tâm chí thành cầu nguyện bịnh kia được thuyên giảm. Nghe người xưa nói lại rằng: - Tượng Phật ấy ngày xưa khi còn tại thế do Vua Ô Đà Diễn Na của nước Kiều Thường Di làm nên. Sau khi Phật Nhập Diệt rồi. Tượng ấy tự bay lên hư không đến nước nầy và ở thành Yết Lao Lạt Già nằm phía bắc. Lúc đầu, khi tượng vừa đến thành thì nhân dân an lạc giàu có. Sự thâm tín tà kiến bây giờ không còn trân quý nữa. Họ truyền nhau rằng từ đó thần không được quý trọng. Sau đó có một vị A La Hán đến lễ bái tượng và người dân rất kinh ngạc lạ lùng trước dung mạo và y phục cho nên mới đến tâu Vua và Vua hạ lệnh lấy đất cát để phủ lên người nầy. Thời A La Hán bị đất cát phủ lên thân, không ăn uống gì được. Lúc bấy giờ có một người chẳng nhẫn được vì ngày trước thường cung kính tôn trọng lễ bái tượng nầy, lại thấy vị A La Hán không ăn uống được cho nên vị A La Hán đến bảo người này rằng sau bảy ngày thường có mưa, cát và đất sẽ chôn lấp đầy cái thành nầy, không trừ một loại nào. Ngươi nên biết mà hãy đi sớm đi. Nếu mà bị bột phủ lên tôi thì tai ương không thể lường được. Nói xong rồi đi không ai thấy nữa. Người ấy vào thành báo cho mọi người biết. Có người nghe chưa tin mà còn cười. Đến ngày - 266 -

thứ hai gió lớn thổi đến, mưa nặng hạt, nước dâng lên đường. Người mà bị chửi bới đó bây giờ họ mới biết tâm của người nầy và họ đã mở đường sống bằng cách đục một cái hang ra khỏi thành. Đến đêm ngày thứ bảy, mưa cát và đất đầy trong thành. Mọi người ra khỏi thành bằng đường hầm. Đi về phía đông đến nước này dừng lại ở thành Câu Ma. Người lạ lùng đó đến viếng tượng nầy cúng dường mà không thể di chuyển cái tượng được. Nghe người xưa kể lại rằng: - Khi Giáo Pháp của đức Như Lai diệt tận rồi, tượng nầy sẽ vào Long cung và bây giờ tượng còn ở tại nước thành Yết Lao Lạt Già. Đa phần các vị quân vương của các nước khác đều muốn đào lên để lấy Bảo Vật nầy; nhưng liền bị gió mạnh thổi đến một cách tàn bạo, khói lửa sấm sét nổi lên bốn bề, không thấy đường sá. Sông Côn Ma ở phía đông cát tràn vào đầy. Đi hơn 200 dặm, đến thành Ni Hoạch. Chu vi thành nầy khoảng ba bốn dặm. Tại giữa hồ, nước rất nóng, khó

có thể lội được. Cỏ cây hoang tàn chẳng mọc được, chỉ có một con đường thông qua thành có thể đi được mà khách vãng lai chưa biết lý do thành nầy. Nguyên do là Vua Cù Tát Đản Na đã vì biên giới phía đông mà phòng ngừa cho nên từ đây qua đông phải vào trong một bãi cát lớn. Bãi cát đó tụ tán tùy theo gió thổi. Người đi khó để lại dấu vết, nhiều lúc quên đường. Bốn phía mênh mông chẳng biết nơi đâu. Có nhiều khách vãng lai đã để lại hài cốt nơi nầy. Hiếm nước, cỏ nhiều, gió nóng. Khi gió thổi người và vật bị hôn mê, nhân đây thành bịnh. Lúc ấy nghe tiếng ca hát hoặc nghe tiếng khóc lóc bi thương. Khi nghe thấy như vậy thì bỗng nhiên chẳng còn thấy đâu nữa mà mạng mình cũng bị diệt vong theo. Đây là do quỷ mị hôn ám che lấp vậy. Đi hơn 400 dặm đến nước Đổ La. Nước nầy thành không nhà trống tất cả đều hoang phế. Từ đây đi về phía đông hơn 600 dặm, đến nước Kỳ Ma Đà Na. Nước Kỳ Ma Đà Na thuộc xứ Ổn Mạt, thành quách xiêu vẹo. Chẳng thấy một bóng người. Từ đây đi về phía đông bắc hơn 1000 dặm, đến nước Nạp Phạt Ba tức là thuộc đất Lầu Lang. Nơi đây sông núi hiện hữu nhưng khó tường. Nước nầy phong tục cương nhu. Đất nước gió lửa động tĩnh khó lường. Sự thế khó lường chẳng biết nói sao cho đủ. Sự ra đi đã được tùy nguyện nên sự trở về chỉ lược nói như thế thôi. Ai nghe biết được việc nầy mà cảm hóa, thì cũng biết rằng ngày tháng đã trôi qua và tương lai sẽ thấm nhuần ơn huệ. Gió bụi trên đường dài cùng với lòng khát ngưỡng cái đức ở trong thiên hạ mà giữ lấy bên trong. Cái đức đó đồng với thiên hạ trong vũ trụ nầy. Há một kẻ đơn thương độc mã ra đi làm sứ giả thông qua vạn dặm. Chẳng đúng sao? Ghi lại nơi đây rằng thật là vui thay. Pháp Vương đã ứng thế vận - 267 -

chuyển đã giáo hóa sinh linh. Dùng thần thông để biến hoá nơi hư không cho đến hình thức con người nơi sa giới. Tất cả đều khởi lên sự cảm tạ nơi kiếp trần ai. Hình hài tuy mai một nhưng sự ứng hóa thì chẳng sanh. Thâm tạ nơi hiển thị tịch diệt nhưng thật ra không diệt. Há thật nơi dòng họ Thích Ca mà giáng thế, nơi Sa La diệt độ, phải nên biết rằng đó chỉ là ứng vật giao linh. Cảm đến nhân duyên mà tồn tại, làm cho mọi loài được lợi lạc. Nơi dòng họ Thích Ca là bậc trung tôn kính ngưỡng. Đối với bên ngoài đã từ bỏ ngôi vị Kim Luân mà ngự phục trong Pháp giới, bỏ sự giàu sang mà nhiếp hóa hàm sanh trong mười phương. Biết tất cả vạn vật tuy rằng khó ra khỏi mà ai nghe được ba lần chuyển Pháp Luân trong đại thiên. Âm thanh chấn động đến mọi loài, tám vạn pháp môn riêng biệt, mười hai bộ kinh làm tông yếu. Đây là văn giáo làm tươi nhuận quần sanh. Phước đức giống như rừng, gió mưa như trống giục. Chở nơi này đến nơi thọ mạng, mà Thánh Hiền do nghiệp dĩ mà thành. Trời người cũng nằm trong nghĩa ấy. Sau nầy quên đi sự động tịch giữ vững nơi rừng sâu, biết trước sau thế gian đều là huyễn cảnh, nhưng không thể chờ đợi, chẳng có gì mà không toại nguyện. Tôn giả Ca Diếp đã chọn ứng chân, muốn báo ân Phật liền vân tập Pháp bảo, gồm lại trước sau ba tạng thiết yếu. Vì sự chấp trước của bộ phái mà giáo pháp có khác nhau trong sự tồn tại. Từ khi giáng sanh cho đến khi thác hóa, nơi Thánh tích cả ngàn sự biến dạng linh hiển vạn năng. Điều linh hiển ấy khôn cùng. Dạy cái lẽ vô vi mà mới thêm vào cho đẹp kinh văn. Rồi biên chép rõ ràng lưu truyền sau đó trở thành lời nói. Tuy khác nghĩa nhưng hổ tương nhau đầu đuôi đều là những lời chân chánh. Vì sự thật mà sao lục lại, vì đại chúng mà luận nói nghĩa văn. Huống gì Chánh Pháp lại thâm sâu mà lý giải lại

nông cạn. Sự nghiên cứu về áo nghĩa cũng như văn chương có nhiều sự liên hệ, cho nên trước phải tu cái đức, kế tiếp mới học cái việc dịch kinh để cho người sau làm mô phạm vì thế mà giản lược lời văn, mà ý nghĩa lớn vẫn không bị che lấp. Lời nói ấy chưa được nghe, thì giáo pháp lần lần lưu chuyển. Qua nhiều năm tháng bắt đầu từ nhà Hán đến bây giờ. Vua ra lệnh truyền dịch để đời đời được lưu danh sáng ngời nơi hậu thế. Cái lẽ huyền diệu của Đạo chưa được hả dạ mà cái chân tông ấy như là mùi ngon. Chẳng phải bậc Thánh dạy để làm hành trạng mà do Vua được phong hóa có nên. Ta đã được sinh ra trong triều đại nhà Đường làm cái việc nổi trôi nơi Hải ngọai. Khảo sát những hành tung của Thánh Nhơn vì tiên vương mà tìm nên điển cũ. Nhằm thời tượng pháp khuất đi lời dạy mà đạo chẳng phải là cái không không. Sự truyền thừa là do cái đức sáng làm cho ba thừa áo nghĩa che khuất cả nghìn năm, mười lực hiển linh xa xôi ngoài vạn dặm. Thần thông chẳng có nhưng lời dạy của Thánh ly kỳ - 268 -

cho nên chờ nhân duyên thuận tiện mới dùng lời nói để làm tin. Phàm Huyền Trang Pháp Sư nầy việc chú giải rõ ràng lưu chuyển như sấm như nước cuồn cuộn chảy như sông kia, đó đều do cái đức bên trên mà làm tỏ rõ vậy. Thân ngũ uẩn điều hòa thuận lợi là do hợp với cái đức của lòng người. Sống trong sạch ra đi đơn độc là do cây phước lấy làm nhơn. Thân mệnh nầy ngẫu nhiên trôi nổi ở trong kiếp phù trần ở yên học tập. Thờ thầy trước với lời giáo huấn, ngưỡng vọng cái triết lý sâu xa, vì cái đức mà phụ tất cả để ra đi học hỏi. Đi đến nơi xa xôi để học tập rồi lưu lạc nơi xứ người. Trải qua không biết bao nhiêu nơi chốn. Bỏ lại sau lưng ba sông mà vào nước Tần, đi bộ ba phen vào nơi đất Thục, rồi đến nước Ngô, học hỏi tìm cầu nhận được bao nhiêu lời khuyến khích của những bậc mẫn thế anh hiền. Thông cảm cho ý chí cầu pháp mà vì những dư luận xôn xao. Khảo sát lòng người tìm kẻ chuyên môn giúp sức. Sự ghen ghét của người ngoại đạo, do tấm chân tình trải rộng bàn sâu mà ý chí còn tồn tại để khảo tra tinh tế. Thuộc bốn biển, lại có nơi cắt đứt gặp tám bề chẳng phải không Nghiêu. Vào ngày mồng một giữa mùa thu năm Trinh Quán thứ ba, đã y áo ra đi, chống gậy mà thẳng tiến. Nhờ ơn đức của Vua mà hỏi đường ra đi chỉ một mình cô độc. Khỏi cửa thiết, gặp cửa đá hiểm nguy, vào rừng sâu vượt núi tuyết gian nan muôn phần. Nhiều lần khó khăn mới đến được Ấn Độ. Thấy phong tục tập quán của nước đặc thù như thay đổi vào lãnh vực khác. Tự thân lo học Phạn ngữ tìm cầu triết nhân. Những điều nghi đã được rõ nhờ chữ nghĩa phơi bày. Yếu chỉ học vấn rộng rãi tài cao cũng nhờ hồng ân gia hộ mà thâm sâu diệu lý. Đó là cái đạo của con người vậy. Nghe cái điều chưa từng nghe, được những gì chưa từng được. Vì đạo tràng mà làm lợi ích cho mọi người, đã trở thành Long Tượng trong Pháp Môn tu học. Biết được cái đạo phong như thế nên chiêu mộ trước tác. Với đức hạnh cao minh cùng cái học sâu dày xa xôi nơi vạn dặm, mà người Ấn Độ ngưỡng vọng cái đức nầy. Mắt thấy tai nghe và nhìn xem Pháp tướng là học trò của tiểu thừa ngài Mộc Xoa Đề Bà (Thoát Thiên) là học trò của Đại Thừa hiệu là Ma Ha Già Na Đề Bà (Đại Thừa Thiên) đều là những bậc đức cao hạnh cả truyền lại. Cung kính những bậc Thầy nầy mà tạo thêm danh tiếng. Cho đến việc ý nghĩa của ba thừa ba lần thỉnh của lời xưa. Nghiên tầm sâu xa cặn kẽ nguồn chơn lưu chuyển. Biết rõ cái Diệu Lý vô cùng như cành lá, rồi hoát nhiên trí huệ khai thông. Lý nào rồi cũng thuận, việc nghi ngờ nào rồi cũng rành rẽ phơi bày. Nghĩa là rõ cái nghĩa và thông cái ý như chuyên chở

được gió mát trăng trong mà học cái điều cao rộng để cái đức làm hưng thạnh cho đời. Như thế đó mà trải qua sông núi, bồi hồi nơi làng ấp. Ra khỏi thành nầy vào nơi Lộc Uyển rồi đi đến rừng kia gặp động Kê Túc. Trở lại nước Bào Ca Di, lưu nước mắt nơi thành Câu Thi cũng như nơi ngài giáng thế. Rồi băng sông vượt suối tìm đến dấu tích cũ chốn Linh Sơn. Đối trước cảnh cũ như mang mang. Thấy di tích - 269 -

ngày xưa còn đọng lại. Ngưỡng mặt lên chỉ còn trách than dài. Chẳng biết gì hơn là nỗi niềm bi thống. Hận mình quá xa di vãng và bây giờ chỉ có cách làm rõ đức của Thích Ca. Vẽ lại sự thật của Ấn Độ từng phong thái được ghi ra nhiều Thuyết khác mà năm tháng đã trải qua. Sự lạnh lẽo của đêm đông, sự nhớ mong niềm vui cố quốc nhưng không quên tìm ra dấu tích, và thỉnh được: - Nhục xá lợi của Như Lai được 150 viên. - Một bức tượng Phật vàng cao độ 6 tấc. - Lại có thêm ảnh tượng nơi nước Ma Kiệt Đà của thần rồng trước khi thành Chánh Giác. - Lại một tượng bằng vàng khác chiếu sáng hào quang cao hơn 3 tấc 3. - Tại nước Bà La Ni Tư, nơi vườn Lộc Uyển với thân thế sơ chuyển Pháp Luân. - Rồi một tượng Phật bằng Bạch Đàn với tư thế hào quang chiếu rọi cao 5 tấc tại nước Kiều Thường Di do Vua Xuất Ái cảm thâm ân Như Lai mà cho điêu khắc trên gỗ Bạch Đàn. - Lại một tượng gỗ Bạch Đàn khác cao 2.9 tấc với dáng ngồi phóng quang thuộc nước Kiếp Tỷ Tha, khi Như Lai từ Thiên Cung bước xuống. - Một tượng Phật bằng bạc với dáng ngồi phóng quang cao 4 tấc từ nước Ma Kiệt Đà ở Linh Thứu Sơn thuyết pháp. - Lại một tượng Phật bằng vàng ngồi phóng hào quang cao 3.5 tấc tại nước Na Yết La Yết, với hình dáng hàng phục Độc Long. - Lại một tượng Phật bằng trầm ngồi phóng hào quang cao hơn 3 tấc tại nước Tỳ Xá Ly khi đi tuần hành. - Đại Thừa Kinh gồm có 224 bộ - Đại Thừa Luận gồm có 190 bộ - Thượng Tọa Bộ Kinh, Luật, Luận 14 bộ - Đại Chúng Bộ Kinh, Luật, Luận 15 bộ - Tam Di Đề Bộ Kinh, Luật, Luận 15 bộ - Sa Di Tắc Bộ Kinh, Luật, Luận 22 bộ

- 270 -

- Ca Diếp Tỳ Da Bộ Kinh, Luật, Luận 17 bộ - Pháp Mật Bộ Kinh, Luật, Luận 42 bộ - Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ Kinh, Luật, Luận 67 bộ - Nhơn Luận 36 bộ - Thanh Luận 13 bộ - Những bộ khác khoảng 520 quyển. Tổng cộng là 657 bộ để hoằng truyền Thánh Giáo vượt qua những chặng đường khó khăn hiểm trở mới chuyên chở được trở về. Ra khỏi nước Xá Vệ rồi lần dò đến thành Già Da, Bồ Đề Đạo Tràng. Xuyên qua núi non hiểm trở; vượt qua sa mạc gay go. Vào tháng giêng mùa xuân năm Trinh Quán thứ 19 (645) về đến kinh thành. Về đến Lạc Dương, liền được triệu thỉnh phiên dịch kinh văn. Triệu tập những người có học để hoàn thành sự nghiệp. Mưa Pháp lại bao trùm, ánh sáng mặt trời lại rạng tỏa. Vì mạng mạch lưu thông giáo hóa nơi non Linh Thứu và cũng vì huyền nghĩa nơi Long cung mà diễn dịch cùng với hình tượng mang về. Pháp sư là bậc thâm diệu vô cùng Phạn Ngữ cho nên đã giải nghĩa kinh văn một cách sâu sắc. Biết rành mạch văn như thế nào rồi, chuyển âm ấy ra như tiếng thật. Cung thừa Thánh chỉ, tuy văn mạch không hay, phương ngôn chẳng thông. Phạn ngữ không rành hết, nhưng vì nhiệm vụ phải chu toàn, để thu thập phần chánh yếu của kinh điển, cho nên phải tham khảo vì sợ sai sự thật, mà có điều phạm với người xưa. Nhọc tới hình hài liên hệ đến sắc tướng, rồi nghiễm nhiên như thế mà tiến hành Tây du. Phàm Ấn Độ

là một quốc gia mà nơi các bậc Thánh đã giáng sanh, là nơi những bậc Hiền minh trụ thế. Sách vở được gọi là Thiên Thơ, tiếng được gọi là Thiên Ngữ. Văn chương sâu kín, âm vận khó lường, hoặc một chữ có nhiều nghĩa, hoặc một nghĩa có nhiều chữ, nghe thật khó hiểu phải điều hòa âm tiết. Tiếng Phạn thật thâm sâu, dịch phải là người thật giỏi mới diễn tả hết thật nghĩa mà cái nghĩa đó gồm cả cái đức nữa. Với ngòi bút dịch thuật như thế phải điều hòa cung điệu như dây đàn thật không phải dễ. Đúng hay không đúng không phải là điều luận nghị, mà cái chính là truyền đạt được cái thâm sâu của kinh điển, là nhiệm vụ rõ ràng. Cẩu thả sẽ không giống bản gốc đó là cái Thiện của người dịch. Văn chương không phải màu mè, mà cái chất lượng là điều quan trọng không thể quên được. Khi biện bạch mà không có chất lượng không thể thắng được, bắt đầu bằng những điều như thế mà phiên dịch. Lý Lão nói rằng: - 271 -

- Kẻ dùng lời hoa mỹ là kẻ khó tin, mà tin được kẻ đó phải là người không hoa mỹ. Hàn Tử nói; - Cái lý mà đúng nằm ở nơi lời nói thẳng. Kẻ nói lời trang sức để làm rõ cái lý, thì biết rằng chưa thuận với sư phạm. Cái thâm thúy của sự vật ý nghĩa vốn giống nhau. Huống đây là giáo pháp cao siêu phải làm sao cho tồn tại cái niềm hỷ lạc. Sai bản gốc, khác lời văn là một sự tai hại lớn. Mà sự sơ suất đó do lời văn xưa mà đấng Pháp Vương đã hình thành. Sào Tố Kiểm nói: - Diệu vợi thay! lời nói thẳng mà ngày xưa đức Khổng Tử còn tại thế đã nghe nói văn và người là một không thể riêng biệt mà có, cho đến sách Xuân Thu ngòi bút liền bút và lời liền lời như học trò tắm vào mùa hạ. Văn học của cửa Khổng thường chẳng phải chỉ một từ, còn Pháp sư dịch Kinh lại cũng ví như thế. Nếu chẳng phải vậy thì làm sao có thể hiểu nghĩa được câu văn và trách nhiệm ấy thuộc về người cầm bút. Huống hồ đây là vì Đời và vì Người, mà ghi khắc lại để cho đời sau. Có thể tăng thêm sự tổn hại Thánh Chỉ, nếu dịch sai ý Kinh Văn. Biện Cơ nối dõi nhớ ít, trong những điều cao cả mà năm năm đã dùng ý chí để học hành. Bỏ áo mão từ quan làm đệ tử của Pháp Sư Đạo Nhạc thuộc Tác Bà Đà Bộ chùa Đại Tổng Trì. Tuy gặp đá tốt nhưng cây khô khó khắc, để cho lời Pháp lưu truyền, mỡ thoa không thấm, nhân công ăn tốn mà ngày tháng cứ qua. Ngồi nhìn tường qua năm tháng cứ thế mà trôi. Đến kỳ lễ Hội phụ lòng kẻ có công đã rộng tay bảo bọc. Chừng ấy mệnh lệnh mà tài trí lại thường, chỉ nương vào ý chí mà làm. Học chưa thông bác cổ, Văn cũng không diễm lệ nhu mì. Mài dũa làm đẹp. Sức lực mỏi mòn chỉ cung thừa chí nguyện mà ghi lại, để viết thành Văn. Thượng Thọ dâng bút tạo lễ hoàn thành. Trí thiển có thể lệch lạc, nhiều điều thất thoát, hoặc tươi sáng thường chẳng sai lầm. Ngày xưa Tư Mã là sứ giả của Trương Lương là bậc tài đức đã viết tựa công thơ cho Thái Sứ nhưng cha con kế nghiệp, hoặc có tên mà không có chữ, hoặc có tên huyện mà không có tên quận. Cho nên nói rằng một người mà tinh thông suy nghĩ thì câu văn già dặn, vì không rõ vậy. Huống gì kẻ trí ngu mà có thể lãm tường được tất cả. Lại phong thổ tập tục khác nhau, ghi lại những cương giới vật sản. Tánh trí cũng khác biệt. Thời tiết lạnh nóng khó lường. Cho nên viết lại có ưu có nhược, chỉ lấy cái gốc thật và tánh để gọi xưng tên nước. Về phong hóa của nước Ấn Độ, xấu tốt phân chia và trong sách nầy chỉ khái lược mà thôi như ở phần vào đề đã nói. Nghĩa là làm người khách thì vấn đề lễ nghi càng phải cẩn trọng hơn. Những kẻ chứng đắc hoặc những người mặc y hoại sắc cũng chưa ghi rõ ràng. - 272 -

Chỉ nhờ vào thần thông của Phật mà tiếp nhận sự linh thiêng kỳ diệu chưa tường. Cho nên nói rằng thần thông ấy là một đạo thẩm sâu mà con người không thể dùng lý để giải được. Sự linh thiêng u hiển là cái sự để ra khỏi bầu trời. Đây là lãnh vực nơi Phật giáng thế,mà bậc Thánh ngày xưa đã truyền lại cái đẹp đẽ ấy. Lược tuyển những điều linh dị để góp nhặt ghi vào đây. Đường đi diệu vợi, nơi chốn trở về và cuộc hành trình ấy đã viết nên thành sách, chẳng phải ghi hết nơi tập sách nầy. Cho nên ở Ấn Độ không có biên giới để ngăn chặn sách vở của nước, khác trong từng khu vực. Vì vậy sách vở đã theo người trở lại đây. Kẻ viết lời ấy đã đích thân nghe và ghi lại được mà giải rõ trong sách nầy, hoặc tạo thành câu văn, để thấy chỗ tốt hoặc là chỗ yếu mà thuật lại như trên, vì nhiệm vụ đã sao lại như thật. Sau đó kính dâng lên Hoàng Đế vào tháng 7 mùa thư năm Trinh Quán thứ 20 (năm 646 ND). Dừng bút, dứt lời tạo thành một bức tranh chữ nghĩa và mong Thánh Hoàng chiếu giám để cho tỏ mặt Thiên Nhan, mà bày hết cái chỗ vô cùng, với lòng thành thật được triều đình cảm hóa, hoài mong gửi đến thành thật tấu bày. Tiên Vương linh thiêng chiếu giám trong cảnh hoang sơ chẳng phụ công phụ vương mà biết được ngàn dặm, nghe và thấy được công đức kia, từ núi Linh Thứu ở nơi xa xôi; Vườn Lộc Uyển xứ ấy ngàn dặm xa vời như hiện ra trước mắt. Tưởng như đích thân mình đi đến đó mà trong kim cổ chưa từng nghe biết. Những điều chưa nghe, chưa biết đó đã ghi lại ở trước rồi. Đây là do cái đức thọ mệnh đặc thù của quân vương mà có được. Thuần phong mỹ tục ở cánh cửa phương xa, thật khó mà hiểu hết. Là điều ở bên ngoài mà do địa phương núi sông cách trở. Ban bố sách nầy ra khắp nơi, vì sự hiểu biết của người khác mà biên tập thành.

- 273 -

Dịch tổng cộng 12 quyển xong vào ngày 10 tháng 12 năm 2003 tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi Nhằm ngày Vía Đức Phật A Di Đà 17 tháng 11 năm Quý Mùi, PL 2547

Công đức Phiên dịch lớn vô cùng
Phước báu vô biên hồi hướng chung
Nguyện cầu chúng sanh trong pháp giới
Tất cả sanh về cõi Tây phương

Nguyện đem công đức nầy
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật Đạo

- 274 -

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.